NGUYỄN BÁ TĨNH

TUỆ TĨNH
TOÀN TẬP

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

TUỆ TĨNH

NAM DƯỢC THẦN HIỆU

PHÒNG HUẤN LUYỆN VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG Y DỊCH

LÊ TRẦN ĐỨC HIỆU CHỈNH VÀ KHẢO CỨU

(Tái bản lần thứ năm có bổ sung, sửa chữa)

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

活法法中皆活法

南藥神效

奇方方內有奇方

Miếu Nghè thờ Tuệ Tĩnh
ở chùa Giám xã Cẩm Sơn

LỜI NÓI ĐẦU

Trong thư tịch y học cổ truyền dân tộc Việt Nam, bộ sách *Nam dược thần hiệu* do Hòa thượng Bản Lai bổ sung và in lại năm 1761 theo bản khắc cũ của Vương Thiên Trí với nguồn tư liệu gốc của Tuệ Tĩnh, được coi là xưa nhất.

Để thừa kế y học cổ truyền và kết hợp với y học hiện đại theo chủ trương của Đảng và Nhà nước ta, bản dịch bộ sách này đã được xuất bản năm 1960 và tái bản năm 1972, trong thời gian kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhằm phục vụ kịp thời việc tham khảo, nghiên cứu. Nhưng vì thiếu sự khảo chứng văn bản, một số bạn đọc thắc mắc về các nguyên bản không có tên tác giả là Tuệ Tĩnh và hoài nghi về thời điểm xuất hiện bản gốc của tác phẩm do nội dung có nhiều phương thuốc đời sau thêm vào mỗi lần khắc lại bản in. Để làm sáng tỏ vấn đề này, Lương y Lê Trần Đức chuyên gia lịch sử y học dân tộc ở Viện Y học cổ truyền Việt Nam đã khảo chứng văn bản: đối chiếu nội dung của 12 bản chữ Hán hiện còn, đối chiếu các phương thuốc, vị thuốc ở *Nam dược thần hiệu* với *Nam dược quốc ngữ phú*, *Trực giải chỉ nam dược tính phú* cùng *Dược tính phú* ở Thập tam phương gia giảm, thấy có sự phù hợp và liên quan với nhau, nên xác nhận là *Nam dược thần hiệu* có nguồn tư liệu gốc của Tuệ Tĩnh về thế kỷ XIV. Các bài Tư liệu về nhân vật lịch sử của Tuệ Tĩnh: Khảo chứng văn bản, so sánh từ ngữ chữ nôm, đối chiếu *Nam dược thần hiệu, Nam dược quốc ngữ phú* với các bản thảo Trung dược các đời, của các tác giả Mai Hồng, Phó Đức Thảo, Lê Trần Đức, Nguyễn Văn Bách, Nguyễn Thiện Quyến, đăng ở Tạp chí Nghiên cứu lịch sử số 1 (272) ngày 1-11-1994 trang 62-74, đã chứng tỏ các tác phẩm của Tuệ Tĩnh nói chung và nguồn gốc của *Nam dược thần hiệu* nói riêng đều thuộc về cuối đời Trần. (Xem bản dịch Thiền tông khóa hư lục của Đào Duy Anh, Lịch sử Việt Nam tập I và Từ Điển bách khoa ngành dược).

Nay in lại lần thứ tư bộ *Nam dược thần hiệu*, ngoài việc sửa chữa, bổ sung những thiếu sót, chúng tôi có kèm theo hình vẽ một số cây thuốc phát hiện thêm qua nội dung của tác phẩm và phụ lục thêm một số tư liệu lịch sử để phục vụ việc nghiên cứu về sinh thời của tác giả.

Rất mong các bạn đọc phát huy tác dụng của việc thừa kế tác phẩm này được phong phú thêm và vui lòng chỉ chính cho chúng tôi những tồn tại, chúng tôi chân thành cảm ơn các bạn.

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC
và người hiệu chính khảo cứu

TIỂU SỬ CỦA TUỆ TĨNH

Tuệ Tĩnh chính tên là Nguyễn Bá Tĩnh, đi tu lấy pháp hiệu là Tuệ Tĩnh (cũng gọi là Huệ Tĩnh). Ông xuất thân từ một gia đình bần nông, cha là Nguyễn Công Vỹ, mẹ là Hoàng Thị Ngọc [1] ở Nghĩa Lư, huyện Dạ Cẩm, Hồng Châu (nay là thôn Nghĩa Phú, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng.

Theo truyền thuyết ở địa phương, ông sinh trưởng dưới triều Trần Dụ Tông (thế kỷ XIV), lúc lên 6 tuổi, cha mẹ đều mất. Ông được nhà sư chùa Hải Triều ở Yên Trang gần đấy đưa về nuôi cho ăn học (chùa Hải Triều sau gọi là chùa Nghiêm Quang tức chùa Giám ở xã Cẩm Sơn, vì bị đất lở, đã dời đến xã Tân Sơn cùng huyện Cẩm Bình). Đến 10 tuổi, Bá Tĩnh lại được sư cụ chùa Giao Thủy ở Sơn Nam (Nam Định) đưa về cho ở học với nhà sư chùa Dũng Nhuệ trong huyện. Ở đấy, ông được gọi là Tiểu Huệ, nên có biệt danh là Huệ Tĩnh. Ông được học văn và học thuốc để giúp việc chữa bệnh ở chùa.

Đến 22 tuổi, ông đi thi hương trúng bảng, nhưng vẫn ở chùa đi tu lấy pháp hiệu là Tuệ Tĩnh. Ông tiếp tục việc chữa bệnh giúp dân ở chùa này và phát triển thêm một số cơ sở chữa bệnh ở các chùa lân cận, như chùa Hộ Xá (Nghĩa Xá). Năm 30 tuổi, ông trở về trụ trì chùa Yên Trang. Ông đã tu bổ lại chùa này với một số chùa khác (24 ngôi) ở hạt Sơn Nam và quê hương, huấn luyện y học cho các tăng ni để mở rộng việc chữa bệnh làm phúc.

Năm 45 tuổi, ông thi đình, đậu Hoàng giáp. Năm 55 tuổi ông bị bắt đi sứ sang Trung Quốc. Ông được nhà Minh giữ lại làm việc ở Viện Thái y, rồi mất ở bên ấy, không rõ năm nào. [2]

Sự nghiệp trước tác: về phật học, ông đã giải nghĩa bằng chữ nôm[3] sách Thiền tông khóa hư lục của vua Trần Thái Tông soạn.

Về y học, ông đã soạn các sách *Dược tính chỉ nam* và *Thập tam phương gia giảm* (theo Hải Dương phong vật chí), nhưng phần nguyên tác của Tuệ Tĩnh không còn tròn vẹn do binh hỏa, cụ thể các thư tịch của ta đã bị quân nhà Minh phá hủy hồi đầu thế kỷ XV khi chúng sang xâm chiếm nước ta. Những tác phẩm còn lại đến nay đều do người đời sau biên tập lại với tài liệu thu thập trong nhân dân. Hiện có:

1. Bộ *Nam dược thần hiệu*, do Hòa thượng Bản Lai ở chùa Hồng Phúc ở Trung Đô (phố Hòe Nhai, dốc Hàng Than, Hà Nội ngày nay) biên tập, bổ sung và in lại năm 1761, gồm Bản thảo dược tính 499 vị, (bằng thơ) và 10 khoa chữa bệnh, với 3932 phương thuốc nam ứng trị 184 loại bệnh, kèm theo môn thuốc chữa gia súc.

2. *Nam dược chính bản*, do triều Lê Dụ Tông đổi tên là *Hồng Nghĩa giác tư y thư* và in lại năm 1717, quyển thượng gồm: Nam dược quốc ngữ phú (danh từ được học 590 vị thuốc nam). Trực giải chỉ nam dược tính phú (220 vị thuốc nam) và một thiên Y luận về lý luận cơ bản, âm dương ngũ hành, tạng phủ, kinh mạch (thiên này xuất hiện ở bản in lại năm 1723 : AB. 288).

3. *Thập tam phương gia giảm*, phụ *Bổ âm đơn* và *Dược tính phú* (242 vị) bằng chữ Hán, gồm 13 cổ phương đông y và phương Bổ âm đơn do tác giả sáng chế cùng phương pháp

1. Theo thần phả đền Yên Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
2. Quốc sử di biên của Sứ quán triều Nguyễn nói Tuệ Tĩnh mất ở Giang Nam Trung Quốc.
3. Theo Đào Duy Anh nói ở lời đầu sách dịch Thiền tông khóa hư lục, thì văn vần chữ nôm xưa nhất là mấy bài phú đời Trần. Về văn xuôi thì sách giải nghĩa Thiền tông khóa hư lục của Tuệ Tĩnh cuối thời Trần là xưa nhất.

gia, giảm dùng chữa các loại bệnh ngoại cảm, ôn dịch và nội thương tạp bệnh (Thư viện Hán Nôm VHc 3626).

4. *Thập tam phương gia giảm* và *Bổ âm đơn* đã được đời sau diễn dịch ra ca nôm, và in ở Hồng Nghĩa giác tư y thư quyển hạ năm 1723 (AB 306).

5. Một bài *Nhân thân phú* (tương truyền, của Tuệ Tĩnh), khái quát về lý luận cơ bản: người tương ứng với thiên nhiên, cơ năng sinh lý, tạng phủ khí huyết và đường hướng dưỡng sinh chú trọng giữ gìn tinh khí thần để nâng cao tuổi thọ.

Tuệ Tĩnh đã xây dựng nền móng của y học nước nhà với truyền thống chữa bệnh bằng thuốc nam, theo phương châm "*Thuốc nam Việt chữa người Nam Việt*". Ông đã gây phong trào trồng thuốc ở gia đình, vườn đền chùa và thu trữ thuốc theo thời vụ để có sẵn thuốc chữa bệnh kịp thời. Truyền thống của Tuệ Tĩnh đã được đời sau thừa kế và phát huy rạng rỡ trong việc bảo vệ sức khỏe nhân dân và phát triển y học dân tộc:

- Hoàng Đôn Hòa, Lương dược hầu dưới triều Lê Thế Tông, quê ở Đa Sĩ (xã Kiến Hưng, tỉnh Hà tây) đã chữa bệnh rộng rãi và cứu cho nhân dân qua khỏi vụ dịch năm 1533 với thuốc nam trồng kiếm tại địa phương, và chữa cho quân đội triều Lê khỏi dịch sốt rét và thổ tả ở Thái Nguyên năm 1574 với thuốc Tam hoàng hoàn gồm Hoàng nàn, Hoàng lực do Tuệ Tĩnh đã phát hiện ở Nam dược thần hiệu và Hùng hoàng đã được dùng chống khí độc lam chướng ở Thập tam phương gia giảm. Đường lối dưỡng sinh của Tuệ Tĩnh nói ở Bổ âm đơn về phòng bệnh hư lao, đã được Hoàng Đôn Hòa cụ thể bằng thuyết "Thanh tâm tiết dục" với phép "Tịnh công hô hấp" ở sách *Hoạt nhân toát yếu*.

- Hải Thượng Lãn Ông (thế kỷ XVIII) đã thừa kế 496 bài thơ dược tính của Nam dược thần hiệu chép vào sách *Lĩnh nam bản thảo*, với nhiều phương thuốc nam của Tuệ Tĩnh chép vào các tập *Hành giản trân nhu* và *Bách gia trân tàng*. Dường hướng dưỡng sinh của Tuệ Tĩnh về giữ gìn tinh khí thần để sống lâu cũng được Lãn Ông phụ họa thêm ở thiên Khởi cư của tập "*Vệ sinh yếu quyết*".

- Đặc biệt truyền thống thuốc nam của Tuệ Tĩnh đã để lại tập quán trong nhân dân: trồng một số cây ở vườn đền chùa vừa làm cảnh vừa làm thuốc, và ở gia đình, mọi người ít nhiều đều biết dùng một số cây gia vị, rau quả hay các vị thuốc thường có quanh mình, cùng các phép xông hơ, chườm nóng, xoa bóp... để chữa một số bệnh ban đầu, khi mới xảy ra, rất tiện lợi.

Truyền thống y học của Tuệ Tĩnh đã phục vụ đắc lực sức khỏe nhân dân từ bao đời nay, sự nghiệp trước tác của ông đã giữ một vị trí trọng đại nhất trong lịch sử y học Việt Nam. Vì vậy, nhân dân ta đã lập đền thờ ông: Đền Thánh thuốc nam ở quê hương thôn Nghĩa Phú, xã Cẩm Vũ, đền Bia ở thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, miếu Nghè ở chùa Giám, xã Tân Sơn, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng. Ngoài ra, ông còn được thờ là Thành hoàng ở xã Yên Lư, huyện Thủy Nguyên, ngoại thành Hải Phòng (có sắc phong là *Thượng thượng đẳng phúc thần* năm 1572, theo thần phả do Nguyễn Bính, Đông các đại học sĩ ở Viện Cơ mật triều Lê soạn).

Ngày nay, các di tích nói trên đã được Bộ Văn hóa xếp hạng là di tích lịch sử để tưởng nhớ công đức của vị Đại danh y Tuệ Tĩnh đối với sự nghiệp bảo vệ sức khỏe của dân tộc ta

Lương y thầy thuốc ưu tú

LÊ TRẦN ĐỨC

NAM DƯỢC THẦN HIỆU

LỜI TỰA

Xưa vua Phục Hy (1) ngẩng lên xem trời, cúi xuống xét đất, lượm lặt cái gần, tìm kiếm cái xa, phỏng theo hình dáng vạn vật mà vạch ra tám quẻ (2); vua Thần Nông (1) chế ra roi Trinh tiên dùng đánh vào cây cỏ để nếm thử, có ngày gặp 72 thứ cỏ độc mà vẫn không ngại gian khổ. Đến vua Hiện Viên (1) làm ra sách *Tố vấn, Linh khu*, sai triều thần là Kỳ Bá, Lôi Công, Qủy Du Khu cùng nhau thảo luận những điều khó, thầm cứu kinh mạch, xét tìm huyệt vị mà định ra phép châm cứu. Trải qua các đời Hán, Tấn, Đường, Tống, các nhà danh y như Cát Hồng, Đào Hoằng Cảnh, Tôn Tư Mạo đều có đóng góp bổ sung. Nhờ vậy, đạo y được sâu chừng nào thì phép trường sinh được gần chừng ấy.

Tôi từng đọc 10 quyển sách của Quỳ Công tập thành đã lâu, nhưng gặp lúc loạn lạc, bản khắc cháy mất, mọi người muốn tìm mà không có gốc. Vậy tôi đã hiệu đính bản khắc gia truyền của Vương Thiên Trí, hàm Chiêm sự viện ở xã Liễu Chàng, quyên tiền khắc lại bản in lưu truyền làm của qúy trong nhà và bán ra xa gần. Tuy tiền bỏ ra có hạn, nhưng cứu giúp vô cùng. Mong rằng sách này được truyền bá ở trong nước để mọi người thấu rõ tấm lòng của tiền nhân, và giúp ích cho nhân quần xã hội, thì cái đức sáng lưu truyền trăm đời gội nhuần ơn giáo hóa. Như vậy đã lợi cho mình lại lợi cho người, việc nghĩa ấy sẽ sáng chói mãi mãi vô cùng.

Ngày Phúc sinh, tháng 8 mùa thu
Năm Tân Tỵ, niên hiệu Cảnh Hưng Nhà Lê. Khắc bản in
Đề tựa tại chùa Hồng Phúc, phường Hòe Nhai Trung Độ
HÒA THƯỢNG BẢN LAI

---

(1) *Ba đời vua thượng cổ của Trung Quốc*: Phục Hy, Thần Nông, Hiện Viên Hoàng đế ở vào trước thế kỷ 27 trước công nguyên.

(2) *8 quẻ kinh dịch*: Càn, Khâm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài.

PHÀM LỆ

1. Sách này lấy Nội kinh làm cương chỉ về cách xét bệnh và tìm nguyên nhân bệnh, lấy bản thảo cương mục là chính tông để khảo dược tính và kê cứu các vị thuốc chữa bệnh. Lại tìm trích các phương kinh nghiệm của các y gia trong nước hễ có sản sinh được thứ gì đều góp nhặt hết. Và còn tìm các phương gia truyền xa gần, bí truyền xưa nay, hễ nghe tin ai có thì chẳng quản công lao hay tốn kém, lặn lội tìm đến tận nơi lấy cho kỳ được, đem về dùng thử, tháng ngày tích lũy không ngờ đã được tới 500 phương; có cái kỳ diệu chuyển họa làm phúc, cứu tử hoàn sinh, không nỡ cất dấu, đem in thành sách ngõ hầu làm trọn đạo lành.

2. Tên các vị thuốc trong sách này theo các tiên hiền gọi còn có nhiều chỗ lẫn lộn tên này ra tên kia, nhập nhằng sai suyễn. Nay khảo cứu theo sách Tập giải về chứng loại, tên gọi và khí vị khác nhau, hình thái và dược tính cũng trái nhau. Nếu nói rằng đã đủ và đúng thì sợ chưa được, nhưng quen dùng đã lâu, trị bệnh đã nhiều, nên không dám sửa chữa, miễn đủ mách bảo cho người là được, nên hãy tạm để vậy cứ chép đủ các khoa, các loại, xem như sương mùa thu và tuyết mùa đông chẳng khác xa nhau cho lắm.

3. Trong sách có chép "kinh trị" và "truyền trị": Kinh trị góp nhặt các phương đã kinh nghiệm, truyền tri là thu thập các phương do các nhà truyền miệng. Dù trong đó có một đôi vị thuốc bắc cũng như mái chèo của thuyền, tay lái của xe, các vị ấy cũng là những giống thường có, nên không bỏ được.

4. Tiếp sau mỗi môn có để trống mấy trang là muốn đợi các bậc quân tử sau này, hoặc ai có phương gì lạ, thuốc hay, thì bổ sung vào, để việc cứu chữa bệnh tật được rộng rãi hơn.

5. Sách này là phương thuốc giản tiện, lý luận thông thường, ý muốn các nhà nho trong hương thôn, các sư sãi ở chùa chiền, chỉ xem qua một lời là đủ rõ được bệnh, chỉ cho một thứ thuốc mà giảm được thể bệnh, mới hay là trông hẹp mà ý rộng, giản tiện và cô đọng. Còn như các bậc tài giỏi, các vị danh sư thuốc Bắc thì cũng không phải nhọc mắt xem đến.

(Khắc theo bản của Vương Thiên Tri,
Chiêm sự viện tại gia ở xã Liễu Chàng).

NAM DƯỢC THẦN HIỆU

Mười khoa chữa bệnh

QUYỂN ĐẦU

TÊN GỌI, VỊ KHÍ VÀ CHỦ TRỊ CỦA CÁC VỊ THUỐC NAM

70. Qua lâu nhân: Nhân hạt Dưa trời (7), vị đắng, tính hàn, hòa hoãn trơn chảy, nhuận phế bổ lao, trị các chứng xuất huyết, đờm hỏa, đau họng. Bỏ vỏ dùng nhân, bọc vài lớp giấy thấm đập ép cho hết dầu mà dùng.

71. Thiên hoa phấn/Qua lâu căn: Củ dưa trời (7), vị ngọt hơi đắng, khí hàn, tính lành, bổ hư thanh nhiệt, nhuận táo khỏi khát, chữa mụn nhọt, vàng da.

72 Cát căn: Rễ (củ) cây Sắn /dây/, vị ngọt, khí hàn tính lành, phát tán cho ra mồ hôi, giải cảm, mát da thịt, khỏi phiền nhiệt, thông quan (lợi đại tiện), giải độc.

73. Thiên môn đông: /Củ/ Tóc tiên leo, vị ngọt đắng, tính hàn, đại bổ, giáng hỏa, mát phổi, nhuận tam tiêu, trị ho lao phổi lép.

74. Bách bộ: Củ Bách bộ (Ba mươi), vị ngọt đắng, tính hơi ấm, không độc, mát phổi, chữa ho lâu, lao truyền nhiễm và bệnh cổ độc.

75. Hà thủ ô/trắng/: Rễ (củ) cây Sữa bò, vị ngọt đắng, chát, tính ấm, nhu nhuận, mạnh gân bổ tỳ, trừ nhọt độc. Uống lâu thì tăng tuổi thọ. Lấy dao nứa cạo bỏ vỏ thô, lấy chày đập nát, ngâm nước vo gạo 1 đêm, phơi khô mà dùng. Khi uống thì kiêng ăn các thứ tiết, cá không vảy, củ cải và tỏi.

76. Tỳ giải: Củ Kim cang, vị ngọt chát, tính bình, rất lành, mạnh gân cốt, chữa đau lưng, tê bại, các chứng đái đục và mụn lở, củ sắc trắng sức mạnh hơn, thái miếng tẩm rượu phơi khô, hoặc đốt qua, lột vỏ, sắc uống.

77. Thổ phục linh: Củ Khúc khắc, vị ngọt nhạt, không độc làm mạnh dạ dày, cứng gân, trị phong thấp và giang mai rất công hiệu.

78. Giải khôi: Củ Bồ nâu (củ nâu), vị ngọt chát, tính bình không độc, chữa các chứng tích tụ trong bụng, sát trùng và cầm ỉa chảy.

79. Mộc thông: Cây (dây) ruột gà, vị the tính bình, lưu lợi, thông tiểu tiện, khỏi ứ trệ, tiêu thấp thũng, thanh nhiệt, trị sưng họng, mụn lở.

III - LOẠI CỎ MỌC Ở NƯỚC

80. Xương bồ: Rễ Xương bồ, vị cay tính ấm, không độc, trừ thấp, an thần tỏ tai sáng mắt, chữa trúng ác, điên cuồng uống thì tỉnh. Thứ sinh ở trên đá, dài 1 tấc 9 đốt, dùng dao nứa cạo vỏ ngoài, đập dập sao hoặc tẩm nước vo gạo phơi khô mà dùng.

81. Bồ hoàng: Bông cây náng (Cỏ nến) vị ngọt tính ấm, không độc, phá khối điều kinh, cầm băng huyết, an thai, khỏi đau, thông tiểu tiện. Pha huyết thì dùng sống, cầm máu thì sao.

82. Giao hồ/cô/: Cây Niễng niễng, vị ngọt, không độc, tính lạnh, khai vị, mát dạ dày, mát ruột, giải phiền nhiệt, đau bụng, giải độc rượu.

83. Phù bình: Cây bèo ván, vị cay khí hàn, không độc, trừ phong, lợi tiểu tiện, chữa kinh cuồng, tê thấp, nhọt lở. Loại lưng tía lá tốt, ngày 15 tháng 7 lấy về bỏ rễ phơi khô, hoặc dùng tươi.

84. Thủy tần: Cây Rau bợ, vị ngọt, tính hàn, trơn chảy, không độc, hạ nhiệt, mát da thịt, lợi tiểu tiện, chữa tiêu khát (đái đường) và vết bỏng.

85. Thủy tảo: Ngọn rau rong (Rong nước), vị ngọt tính hàn, không độc, mát trong lòng, trừ nhiệt lỵ, tiêu khát, trị bệnh sởi và nổi mẩn đỏ ở trẻ em.

---

7. Nguyên bản A.3024 trang 20b in Ba trên lệ đọc là "trời" (Blời) là thể chữ nôm xưa nhất, trước dịch là "đại" nay đính chính.

I - LOẠI CỎ HOANG

1. Quán chúng: Rễ củ cây Ráng, khí hơi lạnh, ít độc, ít hoạt tràng, thanh nhiệt, trị các chứng xuất huyết, trừ tà, giết các loại trùng, tiêu các chứng tích báng. Cạo bỏ vỏ ngoài phơi khô mà dùng.

2. Hoàng tinh: Củ Hoàng tinh vị ngọt, lành, tính hoãn bình, bổ trung ích khí, thêm tân dịch tinh tuý; xưa các nhà tu tiên thường ăn được sống lâu. Gọt vỏ, đồ lên và phơi khô lại đồ, 9 lần để dùng.

3. Sài hồ/nam/ (1): Rễ cây lức (Nghệ An gọi là cây sơn năng mọc ở bờ biển nước mặn), vị ngọt, tính lành, không độc, chữa cảm sốt, sốt cơn, gan uất nhiệt, nóng trong xương và gân co rút.

4. Tiền hồ/nam: (1)Rễ cây chỉ thiên (Lưỡi chó), vị đắng, khí hơi lạnh, trị các chứng bệnh cảm sốt, bí đầy khó chịu, hay thực nhiệt, đau đầu, ho đờm, uống đều đỡ.

5. Long đờm/nam [1] Cỏ Thanh ngâm (Thăm ngăm), vị đắng chát, tính hàn, an tạng, sát trùng trừ độc, chữa gan nóng, đau mắt. Lấy dao tre cắt bỏ rễ con, phơi râm cho khô mà dùng.

6. Sơn tam nại: Củ Địa liền (Thiền liền) vị cay tính ấm, tuyên thông các khiếu, trừ khí độc của rừng núi (lam chướng) sốt rét cơn, làm ấm bụng, trị lạnh dạ thổ tả (hoắc loạn); tán xỉa sâu răng.

7. Cao lương khương: Củ Riềng ấm, vị cay khí nóng vừa, tính lành, chữa bệnh phong tê, báng hơi, tả lỵ lâu ngày do độc rượu, dạ dày lạnh, khí uất tích thì nên dùng.

8. Ích trí tử = Trái tré (Quả Ré) vị cay tính ấm, không độc, điều hoà tỳ vệ, an tâm dưỡng thận, lợi tam tiêu, bổ tuỷ thêm tinh khí. Khi dùng bỏ vỏ.

9. Tất bát: (2) Lá lốt, vị rất cay thấy tận xương, tính rất ấm, chữa đau lưng, trừ chướng khí, thổ tả hàn lỵ, khí rừng tích báng trong bụng, đau âm nang.

10. Khương hoàng: Nghệ vàng, vị cay đắng, khí hơi lạnh, tính mãnh liệt, phá tan hòn cục, tiêu ung nhọt, hạ khí, thông máu ứ khỏi đau tim.

11. Uất kim: Củ nghệ rừng, vị cay đắng, khí lạnh vừa, tính thuần hậu, khai uất kết, thông kinh nguyệt, chữa đau bụng, bôi nhọt ra da non. Thái miếng phơi khô mà dùng.

12. Nga truật: Ngải xanh (Nghệ đen), vị cay đắng, tính hơi ấm, phá hòn cục, tiêu thức ăn, chữa nôn nước chua, đau bụng, thông kinh nguyệt. Thái miếng tẩm giấm, sấy khô để dùng.

13. Hương phụ: Củ cỏ gấu, vị ngọt đắng, tính lạnh ít, không độc, khai uất, lợi tam tiêu, khoan khoái trong lòng, là vị thuốc quý của phụ nữ. Rang sém, giã với trấu cho tróc hết vỏ đen, thành mảnh vụn, rồi tuỳ chứng mà tẩm hoặc rượu, hoặc giấm, hoặc muối, hoặc đồng tiện, rồi sao lên mà dùng.

14. Mạt lị hoa: Hoa lài (nhài), vị cay khí thơm, tính nóng, không độc, mát da thịt, nhuận táo, làm đen tóc. Dùng ướp trà uống cho sảng khoái.

15. Mao hương: Cây Sả, dùng cả hoa lá, vị đắng tính ấm, chữa đau bụng, lạnh dạ dày, nôn ói, trừ tà, bạt hôi thối.

16. Bạch mao hương: (Hương bài trắng) vị ngọt, khí ấm, thơm dịu, khử mùi hôi, chữa đau bụng lạnh, nấu nước tắm cho trẻ bị lở ngứa.

---

1. Đổi tên chữ Hán nhưng được tính khí vị theo vị thuốc dùng thay.
2. Tất bát là Tiêu lốt *(Piper longum...)* cùng họ, cùng chi với Lá lốt, được dùng thay.

17. Hoắc hương: Cây Hoắc hương, vị đắng cay, tính hơi ấm, rất lành, giúp chính khí trừ từ khí, chữa nôn ói, thổ tả thần hiệu. Lấy cây lá phơi khô mà dùng.

18. Lan diệp: Lá Lan, vị cay, tính bình, không độc, có tác dụng sát trùng, trừ độc, tiêu ung nhọt, lợi tiểu tiện, sinh tân dịch, đẹp nhan sắc.

19. Trạch lan: Cây Mần tưới, vị đắng, tính hơi ấm, thông hoạt, phá hòn cục, tiêu ung nhọt, lợi tiểu tràng, trị máu xấu chống mặt và phụ nữ hư lao.

20. Hương nhu: Cỏ Hương nhu, vị cay tính hơi ấm, để lâu được, chữa thổ tả rút gân, và giải cảm nắng, trừ phiền nhiệt rất tốt. Tháng 8, 9 có hoa hái về phơi khô, cất dùng.

21. Bạc hà: Lá Bạc hà, vị cay tính ấm, thanh nhiệt hóa đờm, tiêu thức ăn, chữa các bệnh phong tà, đau đầu và sốt âm.

22. Tích tuyết thảo, Liên tiền thảo: Rau má, vị đắng, khí lạnh, tính lành, chữa mụn nhọt lở ngứa, phong đơn nóng rát, phụ nữ đau tim nóng ruột.

23. Ngải diệp: Lá Ngải cứu, vị đắng, tính hơi ấm, nhiều công dụng, làm mồi cứu chữa được nhiều bệnh.

24. Thanh cao: Cỏ Thanh hao, vị đắng, tính bình, lành, trị các chứng hư tổn, sốt, âm, mồ hôi trộm, sốt rét, đi lị, đau bụng, vết thương đâm chém (đắp).

25. Sung úy: Cây Ích mẫu, vị cay ngọt, tính ấm, bổ, an thần, sáng mắt, chữa đau tim, rong kinh băng huyết, là vị thuốc qúy về thai sản.

26. Nhân trần/Nam/: Cỏ Nhân trần (3) vị đắng hơi cay, tính hơi lạnh, bình, khử thấp, trừ phong, thanh nhiệt, trị chứng vàng da, đau đầu uống thì nhẹ mình.

27. Thanh tương tử: Hột Duối mang, vị đắng, hơi lạnh, tính rất lành, thanh nhiệt, bổ trung, yên 5 tạng, trị thanh manh tê thấp và lở.

28. Kê quan hoa: Hoa gà (Mào gà), vị ngọt, tính mát, khí thuần hòa, trị chứng tràng phong (loét ruột chảy máu) đi lị, trĩ rò và băng huyết.

29. Trứ ma căn: Rễ củ Gai/bánh/, vị ngọt, tính lạnh, ngừng động thai chảy máu, giải cảm thời khí sốt nóng, khát nước, trị đái không thông, đắp vết thương trùng cắn hay trúng tên độc.

30. Thương nhĩ: Cây Trái ké, vị ngọt, tính ấm, hơi độc, trừ phong khí lở ngứa, tê thấp tay chân co quắp, thanh can sáng mắt, bổ xương tủy. Khi uống vị thuốc này thì kiêng ăn thịt lợn.

31. Đắng tâm thảo: Cỏ bấc, vị ngọt hơi lạnh, tả phế, mát tim, thanh hỏa uất, khỏi đau họng, và lợi tiểu tiện, thông đái gắt, tiêu thủy thũng.

32. Hy thiêm: Lá Bà a, vị đắng hơi lạnh, ít độc, giải nhiệt, chữa lở ngứa, sốt rét lâu ngày, phong thấp, tê chân tay và phù thũng. Dùng tươi hoặc hái về phơi khô, tẩm nửa rượu nửa mật đồ lên và phơi 9 lần.

33. Lô căn: Rễ lau, vị ngọt tính lạnh, giải cảm thời khí phiền nhiệt, khát nước, trúng độc và ngừng nôn ọe nhiệt tả.

34. Mộc tặc: Cỏ tháp bút, vị ngọt tính bình, không độc, bổ gan, tiêu mộng mắt, ngừng băng huyết, khỏi hoạt tràng, chữa sưng hòn dái và lòi dom (đắp).

---

(3) *Nhân trần nam (Adenosma glutinosum)* được dùng thay cây *Nhân trần cao (Artemisia capillariô)* của Trung Quốc (Xem hình ở bảng sau). Nhưng cây nhân trần nam cũng như nhân trần bồ bồ (Adenosma capitatum) đều có 1% tinh dầu nóng gây khô háo, nếu dùng luôn thì rất có hại.

35. Ngưu tất/Nam/: Rễ Cỏ xước (1), vị chua đắng, tính bình, lành, mạnh gân cốt, chữa tê liệt, bổ tinh điều huyết, thông đái gắt, trị sốt rét lâu ngày. Kỵ sắt, bỏ gốc, tẩm rượu mà dùng.

36. Huyên thảo: Rau/hoa/Hiên, vị ngọt tính mát, lợi tiểu tiện, tiêu thức ăn, trừ thấp nhiệt, quên lo phiền, an thai, bảo dưỡng sống lâu.

37. Hoàng qùy tử: Hạt Vông (bông) vang, vị ngọt, khí lạnh, rất hoạt tràng, thông tia sữa, thông đái gắt, tiêu phù thũng, làm dễ đẻ và chữa nhọt lở.

38. Quyết minh tử: Hạt Muồng muồng (Muồng ngủ), vị mặn tính bình, không độc, ích thận thanh can, mát 5 tạng, chữa mụn nhọt, mắt lòa và đau đầu đặc hiệu.

39. Địa phu tử (1): Hạt Hau hau, vị đắng tính lạnh, lành, hòa hoãn, lợi tiểu tiện, bổ ích tinh thần, tỏ tai sáng mắt, chữa liệt dương, sa tinh hoàn và lở ngứa.

40. Đình lịch nam: (1) Hạt đay, vị cay tính lạnh không độc, tiêu tích đờm, xọp phù thũng, ngừng hen suyễn, thông kinh nguyệt. Lót giấy trong nồi sao mà dùng.

41. Xa tiền tử: Hạt mã đề, vị ngọt, khí lạnh, lợi tiểu tiện, ngừng ỉa tả, thông đái gắt, trừ tê thấp, ích tinh khí, làm dễ đẻ. Xát bỏ vỏ ngoài.

42. Mã tiền thảo: Cỏ Mã tiền (cỏ Roi ngựa), vị đắng, tính hơi lạnh, thông kinh bế, tan tích tụ, chữa nhọt lở vết đứt và lở trĩ.

43. Đại lam: Cây Chàm, vị đắng, ngọt, tính lạnh, thanh nhiệt, trị xuất huyết, giải độc, sát trùng, chữa bệnh cam trẻ em và sưng lở.

44. Lam điến: Chàm bột (4) vị ngọt cay, tính lạnh, tan trong nước, cầm máu, giải thuốc độc, khỏi hoảng hốt, sát trùng trị đơn lở.

45. Thanh đại: Bột chàm (4) chất trong, vị mặn, tính lạnh, không độc, giải chất độc, bình can hỏa, trị trẻ em kinh giật và cam nhiệt.

46. Thủy liễu: Rau răm, vị cay tính ấm, không độc, chữa đau bụng lạnh, vết thương rắn cắn (uống và đắp), chàm ghẻ (xát), cước khí sưng chân và mụn trĩ thì nấu nước xông và ngâm rửa.

47. Má liễu: Cây cỏ Nghể, vị đắng cay, tính ấm, không độc, chữa nuốt nhầm đỉa vào trong bụng (uống), nấu nước xông rửa lở chàm và các mụn lở ghẻ chóng khỏi.

48. Biển súc: (1) Rau Thài lài, vị ngọt tính bình, không độc, sát trùng, thanh nhiệt, chữa đái buốt, hoàng đản (vàng da), lở chàm.

49. Tất lê tử: Qủy kiến sầu (gai ma vương) vị đắng tính ấm, bình, chữa các chứng đau mắt, tích khối, phổi lép, đau họng, mụn nhọt, tiết tinh. Sao cháy hết gai mà dùng.

50. Tỳ ma tử: Hạt Thầu dầu, vị ngọt, tính bình, không độc, chữa các hứng tích hòn, miệng méo (đắp bên không méo), tai điếc (nút vào lỗ tai), mụn sưng (đắp), đẻ khó (rịt dưới bàn chân). Đập dập bỏ vỏ mà dùng. Uống hạt Thầu dầu thì kiêng ăn đậu rang, nếu phạm phải thì phát chướng mà chết.

51. Thường sơn: Là Thường sơn, vị đắng, hơi cay, có độc, tính hàn, gây nôn ra đờm, chữa sốt rét, tiêu thủy thũng. Róc bỏ gân lấy phiến lá, đồ với rượu phơi khô mà dùng.

52. Nam tinh: Củ Ráy chuột (Chóc chuột), vị đắng /cay/, tính ấm, có độc mãnh liệt (ngứa); chữa trúng phong sùi đờm, tiêu mụn nhọt, phá hòn cục, duỗi gân cốt. Thái miếng, giã Gừng nấu chín, phơi khô mà dùng.

---

(4) *Lam điến:* Chàm chế với vôi đá, lấy bột lắng xuống đáy chậu. *Thanh đại:* Chàm ngâm nước, vớt bọt phơi râm cho khô thành bột.

53. Quỷ cậu: Củ Nưa, vị cay (ngứa) tính ấm, không độc, công hiệu chữa lao trùng truyền nhiễm, sốt rét cơn và hạ thai chết trong bụng.

54. Xa can: Cây rẻ quạt, vị cay tính hàn, ít độc, chữa đau họng, đờm khí kết tụ, tiêu hòn cục, báng sốt rét, thông kinh bế.

55. Phương tiên hoa: Móng tay nước (Hoa bòng nước), rễ hạt đều vị ngọt tính ấm, làm thuốc chữa hóc xương và thúc đẻ thì nuốt hạt, thông kinh bế và chữa gãy xương thì nhai rễ.

56. Tường vi căn: rễ Tầm xuân, vị đắng chát, khí hơi lạnh, trừ thấp nhiệt, trị lỵ, sát trùng, chữa mụn lở và làm dãn gân.

57. Nguyệt quý hoa: Hoa hồng, vị ngọt tính ấm, không độc, hoạt huyết, tiêu mụn nhọt, lên da non, trị tràng nhạc, lở chảy nước kiến hiệu.

58. Mạch môn đông: Củ tóc tiên (Cỏ lan), vị ngọt khí bình, giải phiền nhiệt, nhuận phế thanh tâm, yên tạng phủ, bổ lao tổn, chữa ho và điên cuồng.

59. Cốt toái bổ: Cây tổ rồng, vị đắng tính ấm, không độc, bổ lao tổn, hàn gắn vết thương gãy xương, trị phong huyết đau nhức và sát trùng.

60. Toan tương thảo: Cỏ Chua me (5) Vị chua, tính hàn không độc, thông máu và tiểu tiện khỏi đái buốt đái giắt, giải khát, chữa mụn lở có giòi và trĩ rò (đặp).

61. Ngưỡng thiên bì: Rêu xanh mặt đất, vị đắng hơi lạnh, ít độc, chữa trúng nắng đau tim, trúng khí độc nôn ói, đau mắt và lở.

62. Ốc du: Rêu mọc nóc nhà, vị ngọt tính hàn, không độc, trị nhiệt tà, thông niệu đạo khỏi đái giắt, giải khát, chữa trẻ em cảm sốt và đau răng.

II - LOẠI DÂY LEO

63. Cẩm địa la: Củ gấm (Ngải máu) vị ngọt đắng, tính bình không độc, trừ trúng độc, khí độc của rừng núi (sơm lam chướng khí) và nhọt độc.

64. Thỏ ty tử: Hột Tơ hồng, vị cay khí bình, bổ trung ích khí, thêm tinh tuỷ, mạnh gân cốt, sáng mắt nhẹ mình, chữa đau lưng.

65. Ngũ vị tử/nam/: Hột Nắm cơm, vị ngọt cay lại chua mặn, khí ấm, tính bình, mát phổi, bổ thuỷ sinh tân dịch, chữa hư lao, ho lâu, háo khát.

66. Phúc bồn tử: Trái (quả) 96) Chúc xôi, vị ngọt tính bình, bổ dưỡng, ích khí, tư âm, hoà 5 tạng, trị hư lao uống lâu sẽ khỏi.

67. Sứ quân tử: Trái (quả) giun, vị ngọt tính ấm, không độc, trị 5 chứng cam của trẻ con, sát trùng trừ giun, mạnh tỳ, ngừng đi lị và đái đục.

68. Mộc miết tử: hạt trái Gấc, vị ngọt tính ấm, không độc thông bí tắc, làm tan ung nhọt, tiêu sưng, trị đau lưng, nhọt vú, lòi dom.

69. Khiên ngưu tử: Hột Bìm bìm, vị đắng cay, tính ấm, có độc, lợi tiểu tiện, thông đại tiện, tiêu báng hạch, xổ đờm, thông bí kết, sát trùng. Khi dùng sao vàng tán nhỏ, rây lấy lớp bột lần đầu, còn bỏ đi. Giống đen thuộc thuỷ công hiệu chóng, loại trắng thuộc kim công hiệu chậm, người khoẻ thì uống, người già yếu hay có thai thì không dùng.

---

(5) Ở đây cỏ chua me đất được gọi là Toan tương thảo như Bản thảo đồ kinh đời Tống (1061) khác với Lý Thời Trần (thế kỷ XVI) gọi là Thổ tương thảo (Bản thảo cương mục q.20). Còn tên Toan tương thảo là cây Lồng đèn. Đăng lung thảo (BTCM q 16).

(6) Nguyên bản chép trái nay ở thủ đô, miền Bắc thường gọi là "quả". Ở mục VI, VII đều dịch "quả".

70. Qua lâu nhân: Nhân hạt Dưa trời (7), vị đắng, tính hàn, hoà hoãn trơn chảy, nhuận phế bổ lao, trị các chứng xuất huyết, đờm hoả, đau họng. Bỏ vỏ dùng nhân, bọc vài lớp giấy thấm đập ép cho hết dầu mà dùng.

71. Thiên hoa phấn/Qua lâu căn: Củ dưa trời (7), vị ngọt hơi đắng, khí hàn, tính lành, bổ hư thanh nhiệt, nhuận táo khỏi khát, chữa mụn nhọt, vàng da.

72. Cát căn: Rễ (củ) cây Sắn/dây/, vị ngọt, khí hàn tính lành, phát tán cho ra mồ hôi, giải cảm, mát da thịt, khỏi phiền nhiệt, thông quan (lợi đại tiện), giải độc.

73. Thiên môn đông: /Củ/ Tóc tiên leo, vị ngọt đắng, tính hàn, đại bổ, giáng hoả, mát phổi, nhuận tam tiêu, trị ho lao phổi lép.

74. Bách bộ: Củ Bách bộ (Ba mươi), vị ngọt đắng, tính hơi ấm, không độc, mát phổi, chữa ho lâu, lao truyền nhiễm và bệnh cổ độc.

75. Hà thủ ô/trắng/: Rễ (củ) cây Sữa bò, vị ngọt đắng, chát, tính ấm, nhu nhuận, mạnh gân bổ tỳ, trừ nhọt độc. Uống lâu thì tăng tuổi thọ. Lấy dao nứa cạo bỏ vỏ thô, lấy chày đập nát, ngâm nước vo gạo 1 đêm, phơi khô mà dùng. Khi uống thì kiêng ăn các thức tiết, cá không vảy, củ cải và tỏi.

76. Tỳ giải: Củ Kim cang, vị ngọt chát, tính bình, rất lành, mạnh gân cốt, chữa đau lưng, tê bại, các chứng đái đục và mụn lở, củ sắc trắng sức mạnh hơn, thái miếng tẩm rượu phơi khô, hoặc đốt qua, lột vỏ, sắc uống.

77. Thổ phục linh: Củ Khúc khắc, vị ngọt chát, không độc làm mạnh dạ dày, cứng gân, trị phong thấp và giang mai rất công hiệu.

78. Giải khôi: Củ Bồ nâu (củ nâu), vị ngọt chát, tính bình không độc, chữa các chứng tích tụ trong bụng, sát trùng và cầm ỉa chảy.

79. Mộc thông: Cây (dây) ruột gà, vị the tính bình, lưu lợi, thông tiểu tiện, khỏi ứ trệ, tiêu thấp thũng, thanh nhiệt, trị sưng họng, mụn lở.

III - LOẠI CỎ MỌC Ở NƯỚC

80. Xương bồ: Rễ Xương bồ, vị cay tính ấm, không độc, trừ thấp, an thần tỏ tai sáng mắt, chữa trúng ác, điên cuồng uống thì tỉnh. Thứ sinh ở trên đá, dài 1 tấc 9 đốt, dùng dao nứa cạo vỏ ngoài, đập dập sao hoặc tẩm nước vo gạo phơi khô mà dùng.

81. Bồ hoàng: Bông cây náng (Cỏ nến) vị ngọt tính ấm, không độc, phá khối điều kinh, cầm băng huyết, an thai, khỏi đau, thông tiểu tiện. Pha huyết thì dùng sống, cầm máu thì sao.

82. Giao hồ /cô/: Cây Niễng niễng, vị ngọt, không độc, tính lạnh, khai vị, mát dạ dày, mát ruột, giải phiền nhiệt, đau bụng, giải độc rượu.

83. Phù bình: Cây bèo vắn, vị cay khí hàn, không độc, trừ phong, lợi tiểu, chữa kinh cuồng, tê thấp, nhọt lở. Loại lưng tía lá tốt, ngày 15 tháng 7 lấy về bỏ rễ phơi khô, hoặc dùng tươi.

84. Thủy tần: Cây Rau bợ, vị ngọt, tính hàn, trơn chảy, không độc, hạ nhiệt, mát da thịt, lợi tiểu tiện, chữa tiêu khát (đái đường) và vết bỏng.

85. Thủy tảo: Ngọn rau rong (Rong nước), vị ngọt tính hàn, không độc, mát trong lòng, trừ nhiệt lỵ, tiêu khát, trị bệnh sởi và nổi mẩn đỏ ở trẻ em.

---

(7) Nguyên bản A.3024 trang 20b in Ba trên lệ đọc là "trời" (Blời) là thể chữ nôm xưa nhất, trước dịch là "đại" nay đính chính.

IV - LOÀI MỄ CỐC

86. Cánh mễ: Gạo tẻ, mùi thơm ngon, tính mát bình, dưỡng vệ điều vinh, đại bổ cho cơ thể, nhờ đó làm nguồn sống. Một tên gọi là Cương mễ, trong trắng ngon thơm, gạo hiến cho nhà vua dùng gọi là Ngự mễ.

87. Đạo mễ: Gạo nếp, một tên gọi là Nhu mễ, một tên gọi là Dư mễ, vị ngọt, tính ấm, thơm mềm, dẻo, bổ, trung ích thận, trị đi tiểu ra chất nhờn (đái dưỡng trấp: cao lâm), trị các chứng ẩu thổ đau bụng, tỳ vị hư yếu.

88. Lang vĩ: Hột kê, vị ngọt, tính bình, không độc, ăn đỡ đói, chắc ruột mạnh dạ dày, dùng ăn chống đói khi mất mùa ít dùng làm thuốc.

89. Hồ ma tử (Hột vừng): Hột lòng trứng (mè), có tên là *chi ma*, vị ngọt, hàn, lành, trơn chảy, nhuận trường, giải độc, tiêu nhiệt kết, sát trùng, thúc đẻ, chữa mụn lở.

90. Ma du: Dầu mè, có tên là Hương du, vị ngọt, hàn, lành, trơn chảy, nhuận trường, giải độc, tiêu nhiệt kết, sát trùng, thúc đẻ, chữa mụn lở.

91. Ý dĩ: Hột Ý dĩ, vị hơi ngọt, tính hơi hàn, không độc, trừ phong, thấp, nhiệt, trị co quắp, uống lâu nhẹ mình tăng trí nhớ.

92. Hắc đậu: bột Đậu đen, vị ngọt, tính hòa không độc, trị được nhiều bệnh, trừ phong, thấp, nhiệt, giải độc, công hiệu kể không cùng.

93. Xích tiểu đậu: Hột Đậu đỏ, vị ngọt chua, tính bình không độc, kiêm cả công và bổ, trị chứng mụn lở, thủy thũng, đi tả, đau buốt, bế trướng, đái tháo và nôn mửa.

94. Lục đậu: Đậu xanh, vị ngọt, hơi tanh, tính hàn, không độc, bổ ích nguyên khí, thanh nhiệt giải độc, thanh tiểu tiện, chữa lở, làm sáng mắt.

95. Bạch đậu: Hột Đậu trắng, vị ngọt, tính mát không độc, khai thông, ấm bụng, mạnh chân thủy, trừ bệnh lao truyền nhiễm, giúp 12 kinh, hòa 5 tạng.

96. Bạch biển đậu: Đậu ván trắng, vị ngọt, tính mát không độc, hòa các tạng, trừ phong, giải cảm nắng, mạnh tỳ, trị thổ tả, nôn ói, tiêu độc.

97. Đao đậu: Đậu rựa, vị ngọt, tính bình, không độc, ích nguyên khí, ấm trong lòng, khoan khoái ruột, khi bị nấc cụt cho uống thì hạ ngay.

98. Đậu sị: Vị đắng, tính hàn, không độc, kiêm cả bổ và công, các chứng lục dâm đều chữa được cả, hơn 40 phương thuốc dùng đến nó.

Cách chế Đậu sị: Mùa hè tháng 5 - 6, chọn hột đậu đen to béo, tùy dùng nhiều ít, bỏ vào nước, hột nào nổi lên thì bỏ đi, ngâm một đêm, vớt ra cho ráo, đổ vào nồi hông đồ chín, rải ra trên chiếu, chờ lúc hơi âm ấm, liền lấy *Thanh hao* trải lên một lớp dày độ 3, 4 ngày xem lại thấy đã sinh vàng đều, đừng để lên mốc nhiều quá, đem ra phơi khô, sấy sạch mốc vàng, lấy nước tưới đều, vừa ướt tay làm chừng, rồi đổ vào vò, lấy lá dâu đậy lên dày độ 3 tấc, lấy bùn trát kín, phơi ra giữa nắng 7 ngày, bỏ lá dâu cũ đi, lại mang phơi một lúc rồi lấy gạo trắng trộn vào, lại lấy lá dâu khác ủ lên rồi trát bùn lại, làm như thế 7 lần cộng 49 ngày lại cho vào nồi hông đồ qua phơi khô, cất kín mà dùng.

99. Trần Thương mễ: Gạo thóc lâu năm, chua hơi mặn, tính ấm, không độc, ít khí mạnh tỳ, thông huyết mạch, trừ phiền, chữa đi lỵ và đau bụng.

100. Tửu khúc: Bánh men rượu, vị ngọt, tính ấm, không độc, khoan khoái trong lòng, khai vị, trừ đàm tích, khi nghịch, hòn cục trong bụng và chữa hoắc loạn (thổ tả).

101. Mễ thố: Giấm tinh (giấm thanh) cũng gọi là Khổ tửu. Vị đắng, chua, không độc, khí ấm, tính chạy khắp, làm mềm chất rắn, phá hòn cục, thu liễm vết thương, tiêu hạch khỏi đau, tan đinh nhọt sưng tấy.

102. Hảo tửu: Rượu tăm, (rượu đế) vị đắng, ngọt, cay, tính nhiệt có độc, khử tà, hạ khí, hành huyết, khai uất, trừ phong, dùng để tẩm chế các vị thuốc.

103. Tửu tào: Bã (Hèm) rượu, vị ngọt, cay, tính không độc, dẫn tiêu thức ăn, ấm trong lòng, trừ máu ứ, chữa bệnh lở, nẻ, bị đánh, bị ngã và bị trùng thú cắn.

104. Khang Tỳ: Cám, vị ngọt nhạt, tính hòa bình, hạ khí, thông ruột, phá tan hòn cục, trị chứng nghẹn, ọe.

V - LOÀI RAU

105. Cửu thái: Rau Hẹ, vị cay, chua, chát, tính ấm, lành, bổ dương, hạ khí, trị đau vùng tim, cầm máu, giữ tinh, trừ nhiệt lỵ.

106. Cửu tử: Hột Hẹ, vị cay, ngọt, tính không độc, hay ấm buồng hơi, trị các chứng mộng di tinh, bạch đái, đái ra máu, đau đầu gối, đau lưng.

107. Thông căn: Củ Hành, vị cay, khí ấm, tính bình, giải biểu, trị chứng thương hàn, phong nhiệt, đau đầu, tê thấp, an thai.

108. Giới khiêu (8) / **giới bạch/:** Cây rau kiệu, vị cay, đắng, tính ôn hòa, bổ trung, hành khí, nhẹ mình, lợi thủy, chắc ruột, trị bệnh đái gắt, đái đục.

109. Đại doán: Củ tỏi, vị cay hôi, tinh ấm, hơi độc, trừ tà, trừ độc, chữa mụn nhọt, tiêu thức ăn, thông quan trung tiện, phá hòn cục. Ăn nhiều thì tán khí hại người.

110. Giới thái: Rau cải, vị cay, tính ấm không độc, thông lợi khoan khoái trong hông ngực, thông khiếu, an thận, lợi đàm, trừ ho dốc.

111. Giới tử: Hột cải, vị cay, tính nhiệt không độc, khoan khoái, trị các chứng phong hàn, ho đàm suyễn, đau họng, tê dại, mụn nhọt.

112. Bạch giới tử: Hột cải bẹ trắng, vị cay, tính ấm, không độc, khoan lợi, tiêu đàm, thuận khí, trị lao truyền nhiễm, cước khí, đau phong.

113. La bặc căn: Củ cải lu bú, (cải củ) vị cay ngọt, lá hơi đắng, tính không độc, làm long đờm, tiêu thức ăn, tán phong tà, thông ứ, thông đái gắt (lâm lậu) trừ bệnh lỵ.

114. La bặc tử: Hột lu bú (Cải củ), vị cay ngọt, tính bình, không độc, trị các chứng phong đàm, suyễn đầy, đi lỵ, mụn lở và đại tiểu tiện không thông.

115. Sinh khương: Củ gừng /sống/, vị cay, tính ấm, không khí, tính thần, thông 9 khiếu, trừ tà khí, phục hồi chính khí rất là hay.

116. Can khương: Củ gừng già chế /khô/, vị cay, tính ấm, không độc, chữa được chứng hư nhiệt, phong hàn, đau bụng, các chứng thất huyết, bệnh trầm trọng làm tỉnh táo lại được.

Cách chế: Cuối mùa đông đào củ Gừng già đã có xơ đem ngâm nước chảy về phía đông 7 ngày, lấy ra xắt lát, đồ chín phơi khô mà dùng.

117. Hồ tuy: Mùi tui (rau mùi ta) ngò ri vị cay tính ấm, không độc, tiêu thức ăn, thông đại tiểu tiện, trị chứng phong tà và làm cho đậu hãm mọc được.

118. Hồ tuy tử: Hột mùi tui (Ngò ri), vị cay tính bình không độc, hay tống độc ra sát trùng trị lở, tiêu thức ăn cũ, trị chứng trưởng phong hạ huyết, bệnh trĩ mạch lươn và chứng sưng dái.

119. Khổ cần: Rau cần, vị ngọt thơm ngon, tính bình, không độc, dưỡng huyết, thông lợi đường ruột, thanh nhiệt độc, chỉ băng huyết, giải khát, ích tâm thần.

Nguyên bản A3024 in Giới Khiêu (Thảo đầu 3 chữ 芥 theo Danh y biệt lục đời Tề, những bản thảo cương mục q.26 thì viết Giới bạch.

120. Tiểu hồi hương: (1) Hột Thì là, vị cay tính ấm không độc, điều hòa món ăn, bổ thận, mạnh tỳ, trừ trướng, tiêu hòn báng, đau bụng và đau răng.

121. Úng thái: Rau Muống, vị ngọt tính hàn không độc, giải các chất độc, và sinh da thịt, làm dễ đẻ, tiêu thủy thũng.

122. Quân đạt thái (9): Quân đạt (củ cải đường), vị đắng ngọt, tính hàn, không độc, hoạt lợi, trị chứng nhiệt độc lưu hành, đau đầu, khai vị (ngon miệng), ra da và giải khát.

123. Hiện thái: Rau Dền trắng, vị ngọt tính lạnh không độc, làm dễ đẻ, sát trùng, lợi khiếu, trị lở môi, giải độc nọc ong nọc rắn và ngứa do sơn ăn (xát).

124. Má xỉ hiện: Rau Sam, vị chua tính hàn không độc, trị ghẻ lở, sát trùng, tiêu sưng, trị mờ mắt, hòn cục trong bụng và cam lỵ.

125. Khổ cự: Rau Diếp /đắng/, vị đắng tính hàn không độc, công dụng điều hòa tiếp bổ, khai vị thanh tâm, chữa các chứng ung độc sưng tấy.

126. Bạch cự: Rau vạt (rau Diếp trắng), vị đắng tính hàn không độc, thanh nhiệt, mạnh gân, bền xương, thanh thần, trung hòa giải độc rượu, thông huyết mạch.

127. Lạc qùy: Lá Tầm tơi (Dây mồng tơi), vị chua tính hàn không độc, hoạt thai dễ đẻ, hoạt trường, thông đại tiểu tiện, hột tán bột với phấn xoa trừ rôm xảy rất tốt.

128. Ngư tinh thái: Rau Dấp (Diếp cá) vị cay, tanh hôi, tính âm, hơi độc, trị chốc đầu, lở ghẻ, lòi trôn trẻ, đau răng, bệnh sốt rét.

129. Quyết thái: Rau Rút, vị ngọt tính hàn không độc, ăn nhiều thì không đói, hòa tạng phủ, thông lợi trường vị, tiêu thũng.

130. Dá vi: Rau Vi, vị ngọt tính hàn, không độc, ăn nhiều thì đói, hòa tạng phủ, thông lợi trường vị, tiêu thũng.

131. Vu tử: Củ Khoai/sọ/, vị cay tính bình không độc, khoan khoái trong ruột, tiến thực, trừ phiền nhiệt, giải khát, thông kinh, trị động thai.

132. Thổ noãn: Củ Từ, vị ngọt cay tính hàn, hơi độc, giải các thuốc độc, no lòng, trị ho nhiệt và khô cổ họng.

133. Sơn dược: (Thự dự): Củ Mài, vị ngọt tính bình không độc, bổ tim, nuôi thận, bổi bổ tỳ vị, ích khí, mạnh gân, lớn xương. Cạo bỏ vỏ vàng phơi khô mà dùng.

134. Linh dư tử: Dái khoai Mài (củ đeo), vị ngọt tính ấm không độc, đại bổ vinh vệ, tư dương hư tổn, dược lực mạnh hơn Sơn dược.

135. Cam thự: Củ tía (Khoai lang), vị ngọt ngon, tính bình, không độc, bổ ích lao thương, mạnh tỳ thận, công dụng như Sơn dược.

136. Trúc duẩn: Măng trúc (tre), vị ngọt hơi đắng, tính hàn không độc, bổ trung hoà vị, mát tim, giáng hoả, tiêu đàm.

137. Giả từ: Trái cà, vị ngọt tính hàn, hơi độc, hoạt lợi, chữa chứng lao truyền thi, bệnh ôn, thũng độc, hòn cục, làm thuốc thì dùng thứ cà sắc vàng tốt hơn. Tính hàn, ăn nhiều thì đau bụng và động khí, sinh cố tật, đàn bà hay ăn thì hại tử cung.

138. Khổ già (Thủy già): Trái cà vàng (cà quánh), vị đắng hơi ngọt, tính lạnh độc, chữa mụn nhọt, lở chốc, chướng khí, đau răng và chó dại cắn.

---

(9) Theo Gia hựu bản thảo (1057) củ cải đường gọi là Quân đạt thái. Nhưng Lý Thời Trần đã cải chính là Điềm thái theo Danh y biệt lục, bác bỏ tên Quân đạt khái. (Bản thảo cương mục, q.27).

139. Hồ lô tử: Trái Bầu, vị ngọt tính hàn không độc, trơn chảy, giải nhiệt, trị lở trừ trùng độc, thông đái vật, tiêu thũng. Phàm người mắc bệnh cước khí, lạnh khí và hư trướng mà ăn vào thì bệnh sẽ không lành, và ăn nhiều sẽ sinh thổ tả.

140. Khổ biểu: bầu đắng, vị đắng tính hàn, hơi độc, tiêu thũng, thông đái gắt lợi tiểu tiện, trị cam mũi chảy nước hôi thối, vàng da (hoàng đản) và mụn lở.

141. Tây qua: Trái dưa hấu, vị ngọt tính hàn, lành, chỉ khát tiêu phiền, trị trúng nắng, thông đái gắt, trị tê đau, ly ra máu.

142. Điềm qua: Trái Dưa đá (đính chính là dưa bở), vị ngọt tính hàn hơi độc, giải cảm nắng, giải khát trừ phiền, lợi tiểu tiện, tiêu khí ủng tắc ở tam tiêu.

143. Qua đế: Cuống dưa đá vị ngọt tính lạnh có độc, gây nôn ra đờm đọng, giải cổ độc, đầu phong, thuỷ thũng, hoàng đản. Dùng thứ cuống dưa xanh hoặc phơi héo.

144. Đông qua: Bí đao, vị ngọt tính hơi hàn không độc, giải khát, mát tim, trừ phiền nhiệt, tiêu mụn, tiêu sưng và thông tiểu tiện.

145. Việt qua: Trái dưa gang, vị ngọt tính hàn, không độc, lợi đường ruột, chỉ khát trừ phiền, trừ độc rượu, chữa nhiệt tả, lở âm nang, ăn sống nhiều thì động khí đau tim, kết khối, yếu gân, tổn tai mắt.

146. Hồ qua: Trái dưa bở (đính chính là Dưa chuột), vị ngọt tính hàn hơi độc, lợi tiểu mát da thịt, trị đau mắt đỏ, ngã chậy tổn thương, phỏng lửa và cổ trướng, ăn nhiều sinh nóng lạnh, sốt rét, tích ứ, hư nhiệt, ít khí, tổn huyết, phát lở, chân nóng trẻ con càng nên kiêng.

147. Tỳ qua: Xơ Mướp, vị ngọt tính ấm không độc, thanh nhiệt, trừ thấp, lợi tiểu, tiêu đờm, trị mụn nhọt làm cho đậu mọc, thông sữa. Lấy những quả đã già đã qua mùa sương, bỏ hột mà dùng.

148. Khổ qua: Mướp đắng, vị đắng tính hàn không độc trừ tạng nhiệt, sáng mắt, mát tim, bổ lao tổn; hột uống thì ích khí, mạnh dương.

149. Mộc nhĩ: Nấm tai mèo, nhẹ mình, ích khí, cường chí, trị chảy nước mắt, băng huyết, đi ly ra máu. Tốt nhất là nấm lấy ở 5 giống cây: Dâu, Dâu da, dướng, Liễu, Hoè, còn nữa thì lành hay độc tuỳ tính từng cây gỗ có nấm mọc.

150. Thổ khuẩn: Nấm đất, vị ngọt tính hàn, có độc, chuyên trị đinh sang, thũng độc và các chứng ban. Độc hay lành cũng tuỳ đất và cỏ nơi nấm mọc ra. Sinh trên đất gọi là Khuẩn sinh trên cây gọi là Tầm.

VI - LOÀI QUẢ

151. Mai tử: Trái (Quả) mơ, vị chua tính bình không độc, ăn sống hại răng, dùng làm thuốc thì chế ra hai thứ: Ô mai, và Bạch mai.

152. Ô mai chế: Mơ đen, vị chua chát, tính ấm bình, tác dụng giải phiền nóng, liễm phế khí, an âm, trừ tả ly, sốt rét, tiêu khát và đờm dãi.

Cách chế Ô mai: Dùng quả mơ chín vàng (ươm), ngâm với nước tro rơm nửa ngày, đồ qua, phơi ráo đem gác lên giàn bếp mà xông khói đến khô đen hãy dùng.

153. Bạch mai chế: Quả mơ muối, vị chua tính hàn không độc, tác dụng trừ nhiệt, chỉ huyết sinh tân dịch, lợi cuống họng, chữa trúng phong đờm huyết và kiết ly.

Cách chế Bạch mai: Qua mơ chín vàng (ươm), lấy nửa nước muối hoà với nhau mà ngâm, ngày phơi đêm lại ngâm, ngâm đến 10 ngày sẽ thành sắc trắng như sương, nên cũng gọi là "sương mai", phơi khô hãy dùng.

154. Lý tử: Quả mận, vị đắng chua, [illegible] hơi độc, tác dụng điều trung chữa cố tất, nóng âm ỉ trong xương. Hạt nó có tác dụng hành huyết nhuận thủy. Ăn nhiều thì sinh hư nhiệt, (quả nào bỏ vào nước mà nổi thì không nên ăn).

155. Đào tử: Quả đào, vị cay chua, ngọt tính nhiệt và độc, ăn ít thì bổ khí đẹp da, ăn nhiều thì phát nhiệt, đổ mồ hôi.

156. Đào nhân: Óc hạt đào, vị ngọt hơi đắng, tính bình không độc, công dụng hạ khí nhuận tràng, thông huyết ứ thành hòn, điều kinh, chữa các chứng tê thấp, lao nóng âm ỉ trong xương.

157. Đào mô: Quả đào héo trên cành, vị đắng tính hơi ấm và hơi độc, công dụng trừ các khí độc phá hòn cục, trừ trùng ác, có thai bị thương ra huyết, trừ nọc sốt rét. Lấy quả đào còn non, xanh mà tự khô héo còn dính trên cành là đúng.

158. Đào giao: Nhựa cây đào, vị đắng, tính bình và rất mạnh, công dụng hành huyết trừ tà, làm cho đậu hãm có thể mọc lại, thông đái gắt, giải nhiệt khát, trị hư lao.

159. Táo tử: Quả Táo, vị ngọt tính bình không độc, hòa vinh dưỡng vệ, bổ ích tinh thần, bảo dưỡng ngũ tạng tam tiêu.

160. Đường lê: Quả Dào trời, (7) vị chua ngọt, chát, tính không độc, chuyên trị nóng trong lòng, đi lỵ lâu ngày, đốt thành tro hòa nước uống.

161. Hồng thị: Quả Hồng, vị ngọt hơi chát, tính hàn, thông khí kinh mạch, làm mát dạ dày, nhuận trong miệng hòa trong ruột, thông được tai mũi. Hễ uống rượu không nên cùng ăn Hồng, làm người ta dễ say hoặc đau tim.

162. Thi sương: Quả hồng khô (mứt hồng), vị ngọt tính bình không độc, nhuận phổi, nhuận tim, hòa dạ dày, tiêu đờm, giáng hỏa, hòa huyết. Có tên gọi là Bạch thị, Thị bánh.

Cách chế: Dùng quả Hồng lớn chín rồi, gọt bỏ vỏ lấy tay nắn cho bẹp lại, ngày phơi nắng, đêm phơi sương, nên gọi là Thị sương.

163. Hãn thị: Quả Cây, vị ngọt chát tính hàn lành, nhuận tim mát phổi, chặt ruột, giải độc rượu.

164. Thiên quân tử: (10) Quả bàm, vị chát ngọt tính hòa bình, không độc, chỉ khát, an tim, trừ uất nhiệt, đẹp da mạnh sức, ăn nhiều cũng được.

165. Thạch lựu: Quả lựu, vị ngọt chua chát, tính ấm, hơi độc, nhuận họng ráo, trừ lao trùng truyền nhiễm. Rễ nó dùng sát trùng rất tốt, và trị chứng huyết lậu, ăn nhiều thì hại phổi tổn răng.

166. Quất thực: Quả quít, vị chua ngọt tính ấm, không độc, khoan tung, chỉ khát, mát phổi, khai uất, trừ đàm tán khí kết.

167. Trần bì: Vỏ Quít, vị đắng cay, tính khai thông, khoan trung, điều đờm dãi, mạnh tỳ vị, trừ uất nhiệt. Để được lâu năm càng tốt, cho nên gọi là Trần bì. Để cả xơ trắng thì tiêu cơm và bổ trung, bỏ xơ trắng gọi là Quất hồng bì, thì tiêu đờm phá trệ.

168. Thanh bì: Vỏ quít xanh, vị cay đắng, khí thơm tính hòa bình, khai uất, phá tan chất rắn, chế được thấp trị đau, hành khí vào tạng can. Khi dùng bỏ ruột, sao qua mà dùng.

169. Cam thực: Quả cam, vị chua ngọt tính hàn không độc, lợi trường mát dạ dày, trừ đơn độc, giải khát, sinh tân dịch, dễ đẻ.

170. Chanh thực: Quả Chanh, vị chua tính hàn không độc, thông kết, tiêu đờm, khỏi nôn, khát, trừ vị phong, dạ dày co thắt, trị mụn lở và bướu cổ.

---

(10) *Quả tràm*, Lý Thời Trân gọi là Hạp tử (BTM q.18).

171. Hưu thực: Quả bưởi, vị chua tính hàn không độc, làm cho thư thái, trị được chứng có thai nhác ăn, đau bụng, độc rượu, ăn không tiêu.

172. Cam phao: Vỏ Bưởi, vị đắng cay, tính không độc, thông lợi, trừ đàm, táo thấp, trị trường phong hạ huyết, tiêu thũng bớt đau, hòa huyết. Bỏ lớp trắng, lấy lớp vỏ vàng sao mà dùng.

173. Câu duyên: Quả Thanh yên, vị chua tính bình, không độc, trị khí nghịch, đau bụng và ho, tuyên thông khí kết trong bụng.

174. Kim quất: Quả Kim quít, vị chua ngọt, khi thơm êm dịu, tính không độc, khoan trung hạ khí, sinh tân dịch, giải trừ các mùi tanh hôi.

175. Lệ chi: Quả Vải, vị ngọt tính hàn, không độc, hòa khí, thông tinh thần, trị nặng đầu, đậu sởi.

176. Long nhãn: Quả nhãn, vị ngọt, khí ấm, tính bình không độc, trấn tĩnh an thần, làm tăng trí nhớ, trừ trùng lao, bổ ích tâm tỳ, thêm tuổi thọ.

177. Cảm lãm: Quả Trám (Cà na) vị chua ngọt, tính ấm, không độc, sinh tân dịch, nở dạ dày, ăn quả này giải được độc rượu, độc cá, ba ba. Phàm có bị hỏa đàm thì không nên ăn nó, ăn có thể làm ủng tắc ở trên ngực. Làm thuốc dùng trám trắng.

178. Ngũ liêm tử: Quả khế, có tên gọi Dương đào, vị chua chát, tính bình không độc, khử phong, thanh nhiệt, sinh tàn dịch, trị hoắc loạn (thổ tả), thương tích và giải uế.

179. Tân lang tử: Hạt Cau, vị cay, đắng, chát, tính ấm, không độc, hạ khí, lợi đại tiện, tiêu đờm nước ứ đọng, đầy bụng, sát trùng và trị lỵ.

180. Đại phúc bì: Vỏ quả cau, vị cay tính ấm không độc, tiêu đàm, giáng khí tiêu phù thũng, trị hoắc loạn, tích đờm và đầy bụng.

181. Da tử: Quả Dừa, vị ngọt, tính bình, không độc, ăn đỡ đói, khử phong, ích khí, tiêu phù thũng, hoắc loạn, tâm phiền, giải nhiệt độc.

182. Quang lang tử: Quả Báng (Búng báng), vị ngọt, tính bình không độc, làm bột ăn đỡ đói, bổ lao tổn trị lưng đau, chân yếu, uống sẽ nhẹ mình và khỏe mạnh.

183. Bà la mật: Quả Mít, vị ngọt, khí thơm, tính không độc, ích khí, trừ phiền khát, giải say rượu, ăn nhẹ mình, no bụng, đẹp mày mặt.

184. Vỏ hoa quả: Quả Vả, vị tính bình, không độc, mạnh dạ dày điều hòa trong ruột, thông lợi hầu họng, chữa trĩ, lòi dom kiết lỵ.

185. Thục tiêu: Hột đắng cay, một tên là Xuyên tiêu, vị cay, tính ấm, có độc, hạ khí, ấm trong bụng mạnh thận hỏa chữa chứng phong, đau mắt, phù thũng, lở ghẻ.

186. Hồ tiêu: Hột tiêu đen, vị cay, tính nhiệt, điều hòa thức ăn, hạ khí, ấm trong bụng, tiêu thức ăn, chữa hàn lỵ đau bụng đau lưng.

187. Tất trừng già: Hột Màng tang, vị cay, khí thơm, tính ấm, không độc tiêu thức ăn, trừ phong, chữa thổ tả, đau bụng, đờm lạnh, kết đọng ở bàng quang.

188. Minh trà: Trà ngon, vị ngọt, đắng tính hơi hàn, nhuận tạng, trừ nhiệt khu phong, sáng mắt, nhẹ đầu, hạ đờm, trị chướng lỵ tiêu thức ăn.

189. Bồ đào: Quả Nho, vị ngọt, tính bình, không độc, trị phong hàn đau tế, tiêu nước, nhẹ mình, mạnh chí hòa vinh vệ.

190. Cam giá: Cây mía, vị ngọt ngon, tính mát không độc, giáng hỏa tiêu phiền, ngừng mửa, lợi đờm, làm mát phổi, điều hòa tỳ vị.

191. Liên tử: Hột Sen, vị ngọt, tính mát không độc, bổ trung, ích khí, yên tâm vị, ngừng lỵ, thu liễm tinh khí, giải phiền nhiệt, ăn nhiều tăng tuổi thọ.

192. Liên ngẫu: Ngó sen, vị ngọt, tính mát, không độc, kiêm cả bổ và tả, thanh nhiệt, trừ phiền, giải say rượu, chỉ huyết, tan các chất bẩn đọng lại.

193. Liên ý: Tâm sen, vị đắng, tính hàn, không độc, trị phiền trong lòng, huyết khô sau khi sinh đẻ, ngừng thổ huyết, hoắc loạn, di tinh và phiền nhiệt.

194. Liên phòng: Gương sen, vị đắng chát, tính hơi ấm, không độc trị bụng trướng đau, ỉa chảy, băng huyết, xuất huyết.

195. Hà diệp: Lá sen, vị đắng tính bình, không độc, trị tâm phiền chữa các bệnh thai sản, chữa lở ghẻ, đậu mùa, chỉ huyết, cố tinh ích nguyên khí của dạ dày.

196. Lăng giác: Củ ấu, vị ngọt, tính bình, không độc, yên trong lòng, bổ 5 tạng, giải đơn độc, trúng thử, thương hàn, đều giải nhiệt cả. Có tên gọi là Lăng thực.

197. Khiếm thực: Củ Súng (11) vị ngọt chát, tính hoà bình không độc, bổ trung, mạnh thận, ích tinh, bổ tỳ, trị tê thấp, đau lưng, mỏi gối.

198. Ô vu: Củ Năn, vị ngọt, tính hàn, không độc, trơn nhuận chỉ huyết, nhuận tràng, trừ tê thấp, chữa hoàng đản, giải độc, ăn khoẻ người.

VII - LOÀI CÂY

199. Bá tử /nhân/: Hột Trắc bá, vị ngọt, tính lạnh, không độc, bổ tim, mạnh dạ dày, ích nguyên dương, thu ráo mồ hôi, trừ ghẻ lở. Khi dùng bỏ vỏ lấy nhân mà dùng.

200. Tùng chi: Nhựa cây thông, có tên gọi là Tùng giao, Tùng hương hay Lịch thanh, vị ngọt, tính ấm, không độc, ráo mủ rất hay, trị lở ghẻ, mụn nhọt, đau thấp, nhuận tim, ích phổi, trị điếc tai.

201. Sam mộc: Cây The mốc, vị cay, tính ấm, không độc, phát tán, trị chứng đau bụng, khí cuộn dồn lên, cước khí sưng lở ghẻ.

202. Quế bì: Vỏ quế, vị ngọt cay, tính rất nóng, hơi độc, ổn bổ các chứng thư hàn, làm bớt đau, trị phong sang ứ huyết và chứng tê. Khi dùng cạo bỏ vỏ thô. Thứ dày gọi là nhục quế; bỏ vỏ và lõi gọi là quế tâm.

203. Quế chi: Vỏ cành quế, có tên gọi là mẫu quế nhỏ và non gọi là Liễu quế, vị cay, tính ấm, không độc, hạ khí phát hãn, khai tâm, lợi phổi, trị đau phong đau sườn, và họng tắc.

204. Mộc tê: Hoa mộc tê, vị cay, tính ấm, không độc, trừ mùi hôi, hoá đờm, nhuận tân dịch, lá nó giải đậu mùa làm cho mọc thưa.

205. Trầm hương: Trầm hương thứ đen mà bỏ vào nước chìm gọi là trầm hương, thứ tía gọi là mật hương thứ có vằn trắng mà nhẹ gọi là Tốc hương, vị cay, khí rất thơm, tính ấm không độc, hạ khí thông quan, trị phong độc, trúng độc, trừ tà, ấm dạ dày, bổ nguyên dương.

206. Giáng chân hương: Giáng hương, vị cay, khí thơm, tính bình không độc, trị gãy xương, bị thương tích vì đâm chém, cầm máu và đỡ sau, sát trùng trừ hơi độc, trừ thấp và lam chướng.

207. Ô dược: Ô dược, vị cay tính ấm, không độc, tính hay đẩy ra, trị đau bụng, trướng ruột, mụn ghẻ, cước khí xung tâm và sốt rét.

208. Bạch giao hương: Nhựa cây Sau sau, vị ngọt, rất đắng tính không độc, trị vết thương đâm chém và máu còn ra nhiều hay còn trị được mụn lở và phù thũng.

---

(11) Củ sung (Numphaea stellata) được dùng thay hạt Khiếm thực (Euryale ferox) cùng họ Súng (Nymphacaceae) có công dụng gần giống nhau.

209. Tô hợp: Nhựa cây Tô hợp, vị ngọt, khí thơm, tính ấm không độc, trừ tà, trị ôn bệnh, trị sốt rét, giết 3 loại trùng, trị kinh giản, hôn mê và cấp kinh phong.

210. Hậu phác: Vỏ cây Vối, vị đắng, tính ấm không độc, yên đường ruột, trừ phong, sốt rét, đau bụng, thổ tả, đàm kinh phong và phá hòn cục. Bỏ vỏ ngoài xắt lát, trộn nước gừng sao khô dùng.

211. Càn tất: Sơn khô, vị cay tính ấm, không độc, trị phong hàn, bổ gân trừ đau, trị trùng, truyền thi, phá hòn cục, thông kinh, trị đau bụng.

212. Đồng diệp: Lá vông, vị đắng, tính hàn, không độc, sát trùng ghẻ trị thoát giang, lợi tiểu tiện tiêu thũng, làm cho tóc rụng lại mọc, nhuộm tóc đen.

213. Khổ luyện tử: Quả Sầu đâu, vị đắng, tính hàn, có độc, sát trùng, trị tiểu đương sán khí, nhiệt trong bàng quang, điên cuồng và lở ghẻ. Dùng làm thuốc lấy cây trăng thì tốt cây tía rất độc.

214. Hoè hoa: Hoa hoè, vị đắng, tính hoà bình, không độc, sát trùng, trị ghẻ, trị đau mắt, đại tiện ra máu (trừ phong hạ huyết), đau yết hầu.

215. Hoè tử: Quả hoè, vị đắng, tính hàn, không độc, trị mắt màng mộng, đầu phong, chóng mặt, chữa bệnh trĩc mạch lươn, lở hạ bộ, dạ dày ráo.

216. Tạo giác: Quả Bồ kết, vị cay, tính nhiệt, có hơi độc, trừ phong thông các khiếu, trừ tà ôn, phá hòn cục, tiêu đàm, khai thông họng đau tắc.

217. Tạo giác thích: Gai bồ kết, vị cay, tính ấm, không độc, hay khía thông trị phong, nhọt, làm cho nhau thai chóng thoát ra, phá vỡ lở ghẻ và mụn nhọt.

218. Vô hoạn tử: Quả bồ hòn, vị đắng, tính bình, hơi độc, chữa lao truyền thi sưng răng đau, đau họng, tẩy sạch vết bẩn ở đồ dùng.

219. Liễu chi: Cành liễu, vị đắng, tính hàn, không độc trị đau phong mụn lở tê thấp, co rút, hút mủ, thấm nước.

220. Tô mộc: Cây vang, vị mặn, tính bình, không độc, trừ huyết xấu sinh huyết tốt, trị đau bụng, thương phong, sưng lở.

221. Ô mộc: Cây mun, vị mặn cay, tính mát không độc, giải các thứ nhiệt độc, trị nôn ói, thổ tả (hoắc loạn), đại tiện ra máu. Dùng làm thuốc lấy cây toàn màu đen là tốt.

222. Tông bì: Bẹ móc, vị đắng chát, tính bình, không độc, trị các chứng lỵ, đại tiện ra máu, đổ máu mũi, băng huyết, vết thương đâm chém, ghẻ lở, có tên là Tung bì.

223. Ba dậu/nam/: Quả Mán đỉ (12), tính rất nhiệt có độc, hay thông trệ, trị chứng đàm tích trúng ác, máu cục trong bụng, thuỷ thũng, trúng phong, các chứng đau tê. Khi dùng bọc vải lần giấy, đập cho thấm hết dầu mà dùng.

224. Tang bì: Vỏ rễ cây dâu tằm ăn, vị ngọt tính hàn không độc, trị phổi, họng nóng, lợi tiểu tiện, tiêu đàm trừ ho suyễn, khoan khoái trong ruột, hạ khí trị đau đầu. Khi dùng đào lấy rễ dưới mặt đất kiêng đồ sắt, lấy dao tre cạo vỏ thô, tước lấy bỏ trắng, tẩm mật và nước mà nướng cho khô để dùng. Rễ trên mặt đất dọi nắng chớ dùng, độc chết người.

225. Tang thầm tử: Quả dâu tằm ăn, khí vị cũng giống rễ, tính chất mạnh dẫn thuỷ, an thần, hoà 5 tạng, ăn vào đỡ đói, chữa đau khớp xương.

226. Chử thực: Quả Dướng, vị ngọt, tính hàn, không độc, tiêu chướng bụng, bổ dưỡng, sáng mắt, trị chứng liệt dương, bền xương, cứng gân, mạnh lưng và mạnh đầu gối.

---

(12) *Ba đậu* nam, hay *Dầu mè* (Jatropha curcas) cũng có tác dụng như *(Ba đậu bắc (Croton* tiglium), đều có độc bảng A. Chế để giảm độc: ép kiệt dầu, sao vàng. Liều dùng 1 lần 0.05g không được quá hiệu).

227. Chỉ xác: Quả trấp /xanh/, vị đắng, tính bình, không độc, long đờm, hạ khí, tẩy sạch trong ngực, trong ruột, làm đỡ đau, phá hòn cục, trừ lỵ. Khi dùng bỏ ruột, thái mỏng sao.

228. Chỉ thực: Quả trấp non, vị đắng, tính hàn, không độc, khai thông đại tiện, phá chất rắn, tiêu tích, trừ đàm suyễn, trị đau sườn, phong sang, tống nước đọng. Quả nhỏ như mắt ngỗng để lâu là tốt, khi dùng bỏ ruột, thái mỏng sao.

229. Chi tử: Quả Dành mọc trên núi tốt hơn, mọc ở đồng bằng sức kém, vị đắng, tính hàn, không độc, tư âm, giáng hỏa, mát âm thận, trị nội thương, ngoại thương, huyết nhiệt.

230. Toan táo nhân: Nhân hột táo chua, vị chua, tính bình không độc, bổ tâm an thần, trừ nhiệt tà mất ngủ, tay chân tê nhức, trị chứng hư phiền, tiết tả lâu ngày và đổ mồ hôi. Khi dùng bỏ vỏ cứng lấy nhân, muốn ngủ thì sao đen, muốn không ngủ thì dùng sống.

231. Mạn kinh tử: Hột quan âm,. vị đắng, tính hơi hàn, không độc, lợi khiếu thông quan, trừ tê thấp, trị phong tà, đau đầu mỏi mắt.

232. Mọc cận: Cây Bông bụt, vị ngọt, tính bình không độc, thông hoạt, trị lở sưng đau, ỉa ra máu, bạch đái, mất ngủ và giải khát.

233. Phù dung diệp: Lá phù dung, vị cay, tính bình không độc, hoa lá tính chất giống nhau, mát phổi, điều kinh, trị huyết nhiệt, mụn nhọt lở sưng.

234. Mộc miên: Cây Gạo (Bông gạo), vị cay, tính bình, không độc, nhuận táo, trị lậu huyết, lở, đắp bó vết thương bị que gẫy, hoặc vỏ hoặc hột đều dùng tốt cả.

235. Tang ký sinh: Tầm gửi cây dâu, vị đắng, tính bình, không độc, mạnh gân, thêm huyết, trị các chứng co quắp tê đau, khi có thai, khi sinh đẻ dùng đều tốt, kiêng đồ mặn.

236. Đào ký sinh: Tầm gửi cây đào, vị đắng cay, tính không độc, trị lao trẻ con, đái vàng xương giơ, mặt xanh bủng, trị trùng thuốc độc, đau tim.

237. Liễu ký sinh: Tầm gửi cây liễu, vị đắng, tính bình, không độc, trị phong đàm, khí trệ, đỡ đau bụng, dùng vài cành sắc uống thì lành.

238. Đạm trúc diệp: Lá trúc nhỏ, vị cay ngọt, tính hàn, không độc, trừ đàm nhiệt, đau đầu, mất ngủ, hư phiền và bệnh qủi chú (bị ngất, chết giả). Loài trúc rất nhiều, làm thuốc thì dùng Đạm trúc, cây nhỏ mà mắt to, giữa từng đốt có rãnh dọc là đúng.

239. Trúc nhự: Tinh tre (phơi tre), vị ngọt nhạt, tính hơi hàn không độc, trị phổi khô héo, mửa ói, sốt nóng, không ngủ, động thai và sốt huyết. Không có trúc nhự thì dùng măng tre cũng được, cạo lấy vỏ trắng mà dùng.

240. Trúc lịch: Nước tre non, vị ngọt, tính hàn, không độc, công dụng rất chóng, thanh đàm, giáng hòa, trị phong cuồng, giải nhiệt, trừ phiền, trừ bệnh nhọc mệt sốt trở lại. Khi dùng chọn thứ xanh non, còn có phấn trắng, lấy dao cắt đoạn, lấy viên gạch đặt nghiêng trên lửa mà đốt cho nó chảy nước ghé bát xuống lấy, hoặc dùng thêm gừng giã lấy nước hòa vào một ít, thì nó đưa suốt vào kinh mạch. Không có trúc, dùng mầm non tre cũng được.

241. Trúc hoàng: Phấn trong cây nứa, vị ngọt, tính hàn, không độc, hòa tạng phủ, trừ phong, trấn tỉnh tâm thần, chữa trẻ con bị kinh giản, trúng đàm, không nói được, công hiệu rõ rệt. Có tên là thiên trúc hoàng, ở trong ruột nứa, hoặc trắng như phấn hoặc vàng như đất, người ta chẻ nứa ra thường thấy có.

VIII - LOÀI CÔN TRÙNG

242. Phong mật: Mật ong. Có tên là bách hoa cao, lại gọi là Bạch mật hay là Thạch mật. Vị ngọt tính bình, không độc, điều hòa nội tạng, nhẹ mình, mạnh trí, trừ kinh giản, bớt đau. sát trùng. giúp sức cho các thuốc.

243. Phong lạp: Sáp ong (Sáp vàng) có tên là bạch lạp hay Hoàng lạp tùy sắc màu gọi tên, tính hơi ấm, trị ly, liệt dương và mụn sưng rất hay.

245. Tử khoáng: Cánh kiến, vị ngọt mặn, tính bình hơi độc, thêm tinh, đỡ đau, ra da non, trị bạch đái, tích máu cục, lở ngứa.

246. Tang phiêu tiêu: Tổ Bọ ngựa ở cây dâu, vị ngọt, tính bình không độc, trị chứng đau bụng cục (sản khối), liệt dương, đau lưng, 5 chứng lâm lậu, mộng tinh, kinh ứ không thông.

247. Đường lang: Cái Bọ ngựa (13), khí vị cũng giống như tổ nó, trị trẻ con kinh phong, co giật. Rút dầm xóc trong thịt.

248. Bạch cương tàm: Tằm chết gió (Tằm vôi), vị mặn, tính bình, không độc, trừ độc, trị chứng cấm khẩu, họng đau, vì phong đờm, kết hạch, băng huyết, Bạch đái, mụn lở.

Ngâm nước vo gạo 1 đêm, rửa sát ngoài da, bỏ miệng và chân sao vàng.

249. Tàm kiển: Cái kèn xác (kén tằm), vị ngọt, tính ấm không độc, tinh hay thúc đẩy ra, trị đi tiểu ra máu, băng huyết, cam lở, mụn sưng không có miệng thì phá vỡ ra được. Dùng kén mà bướm tằm đã cắn ra.

250. Sào ty thang: Nước ươm tơ, vị mặn nồng tính không độc, trị chứng trong lòng nóng, tiêu khát, thường ngày uống nhiều thì khỏi nóng và đỡ khát.

251. Tàm sa: Phân tằm. Vị ngọt cay, tính không độc, chủ trị chứng phong thấp, tê đau, sởi mọc nổi mẩn trong da. đọng máu cục, chứng lậu huyết. Khi dùng lấy phân khô thứ tằm lớn, cho vào nước đãi sạch, phơi khô mà dùng.

252. Thanh linh: Cái (con) chuồn chuồn, hơi hàn, không độc, tráng dương, cố tinh, ấm thủy, tống ra mạnh.

253. Ban miêu: Cái sâu đậu (địt lửa). Vị cay, tính hàn, rất độc (14). Phá hòn cục, thông lâm lậu, đái gắt, hạ thai, trị chó dại cắn trúng khí độc, và nhọt lở bướu u. Bỏ cánh và chân, lấy gạo nếp trộn vào sao vàng, bỏ gạo đi mà dùng.

254. Tri thù: Con nhện, tính máy, hơi độc, trị bệnh ôn, sốt rét, nhọt lở, trúng phong trẻ con to bụng.

255. Bích tiền: Trứng nhện. Nhện to ở trên vách, cắp trứng dưới bụng đựng trong bao trắng, to bằng đồng tiền là đúng. Tính mát không độc, sắc trắng, chữa đổ máu mũi, vết thương đâm chém, cam trẻ con, ung thư đau họng.

256. Thủy diệt: Con đỉa. Khi dùng phơi khô, xắt rất nhỏ, sao vàng sậm mà dùng. Vị mặn, tính bình có độc, phá hòn cục, tiêu tích, trị kinh bế, mụn nhọt, phong lở, lợi tiểu tiện.

257. Cầu đăng: Con bọ chét chó, đầu vòi nhọn vắt, mình nó cứng chắc, nốt đậu bị đảo hãm uống vào thì giương lên được mà sống, trị chứng sốt rét kinh niên do đờm.

258. Tề tào: Con sùng đất, tính hơi ẩm, có độc, phá huyết, thông kinh, trị mụn ở nách, gẫy xương, mắt mờ, phong lở.

259. Thuyền thoái: Xác ve. Khi dùng lấy nước nóng rửa sạch, bỏ vòi, cánh, chân. Vị ngọt mặn, tính hơi hàn không độc, trị ác sang mắt mờ, đau đầu, chóng mặt, sởi đậu bị hãm, nốt đen và lở ngứa.

260. Khương lang: Bọ hung, vị mặn, tính mạnh, có độc, trị chứng kinh giản, điên cuồng, trừ tên độc, trị mụn nhọt, táo bón và đại tiện ra máu.

---

13. Các từ "Cái" đều dịch là con theo ngôn ngữ ngày nay.

14. Độc bảng A - Cấm uống.

261. Thiên ngưu: Con xén tóc, vị mặn, tính bình hơi độc, trừ sốt rét, trẻ con cấp kinh, đinh độc, bị tên bắn đều chữa được.

262. Lâu cò: Con dế dụi, có tên là thổ cẩu. Vị mặn, tính hàn, không độc, thông trệ chữa hóc xương, lâm lậu đái gắt, thủy thũng, và thúc đẻ.

263. Huỳnh hỏa: Con đom đóm, vị cay, tính ấm không độc, có ánh sáng, thông thần sát trùng, trị trẻ con lở, chứng qủi chú (bị ngất, chết giả), mắt thanh manh.

264. Y ngư: Cái rệp trong sách. Tính hơi ấm, không độc, trị chứng phong uốn ván ở trẻ con, lưng gáy cứng đờ, kinh giản, đái khó, và tích huyết thành cục. Loài trùng này thường ở trong tủ sách, rương áo, nhỏ như con tằm cỡn, đuôi có hai chỉa, sắc toàn phấn trắng, đụng phải nó thì dây phấn trắng.

265. Thiềm thừ: Con Cóc, khi dùng bỏ ruột đi, tính bình mát có độc, tiêu lở, ung thư, trị chó dại cắn, cam tích trẻ con, chữa lở càng hay.

266. Thiềm tô: Mủ cóc, vị ngọt cay tính ấm có độc (bảng A), trị nhọt lở, bổ dương, chữa đau lưng và thận lạnh. Lấy một vật gì xát trên chỗ nổi hai bên vai nó, thì ri ra một thứ nước trắng, lấy lá dâu mà hứng lấy, để chỗ râm, đợi khô cạo lấy cất vào thẻ tre, chớ cho phạm phải mắt sẽ sưng đỏ và mù.

267. Hà mô: Con nhái (chẫu chàng), vị cay, tính hàn hơi độc, trị tích máu cục, cuồng nhiệt, tiêu ung nhọt và sưng lở.

268. Điền oa: Con ếch có tên là Điền kê, Thanh kê hay Trường cổ, vị ngọt tính hàn không độc, có thể bổ ích, an thai lợi thủy, trị lao nhiệt hư phiền, bệnh lây từ người chết, trẻ con lở ngứa.

269. Khoa đầu: Con Nòng nọc, dùng Nòng nọc của ếch nhái làm thuốc thì tốt, vị mặn, tính hàn trơn hơi độc, trị nhiệt sang, sưng nóng đơn độc, nhuộm tóc râu xanh đen

270. Ngô công: Con Rết, vị cay, tính ấm có độc, giết sâu trùng chú trị phong ứ huyết và lở ghẻ. Khi dùng bỏ đầu đuôi chân, lấy lá bạc hà bọc nướng.

271. Khâu dẫn: Con Trùn, vị mặn, tính hàn không độc, trị được nhiều bệnh: thương hàn, ôn dịch độc nhiệt, bệnh trùng, cổ trướng, kinh giản, phong cuồng và sốt rét; dùng thứ cổ có khoang trắng và lớn là tốt.

272. Oa ngưu: Con Sên, vị mặn tính hàn độc, trơn mềm, trị trúng phong méo miệng, kinh giản co giật, rết cắn, thũng độc.

273. Phi liêm: Con Mòng đông, vị mặn, tính hàn có độc, trị khí nghịch tắc họng kinh bế, tích máu cục và tích tụ. Hình như con lằng (nhẵng) mà lớn, hay cắn trâu ngựa.

IX - LOÀI CÓ VẢY

274. Xuyên sơn giáp: Vảy tê tê (vảy con trút), vị mặn tính hàn hơi độc, trục máu ứ trừ tà lở, đậu hãm không mọc, trúng phong, sốt rét rừng và trẻ con hay khóc, sao vàng mà dùng.

275. Nhiễm xà đởm: Mật Trăn, vị ngọt đắng tính hàn hơi độc, chữa đau mắt, đau bụng, bệnh phong hủi (cùi), máu tích cục và đau họng rất hiệu.

276. Bạch hoa xà: Rắn Hổ mang, vị ngọt mặn có độc, tính chất cường mạnh, trị đau thấp, trúng phong co quắp, ác sang phong cùi. Khi dùng bỏ đầu đuôi đến 3 tấc, lột da, róc xương, lấy thịt tẩm rượu, mùa xuân, mùa hạ tẩm 1 ngày, mùa thu mùa đông tẩm 3 ngày, lấy da nướng khô mà dùng.

277. Hoàng hạm xà: Rắn mái gầm, một tên gọi là Kim xà, vị ngọt tính ấm hơi độc, sắc đen vàng, trị đau cánh tay, chó dại cắn, phong cùi và lở chảy nước. Khi dùng cũng làm như làm rắn Hổ mang.

278. Xà thoát: Xác rắn, vị ngọt mặn tính không độc, chữa chứng cấp kinh phong trẻ con, đau họng, làm cho đẻ dễ, sát trùng, trị lở ghẻ.

279. Thủy xà: Rắn nước, vị ngọt, tính mặn hàn không độc, chữa phiền khát, nhọt trong xương, kiết lỵ, tiêu đinh độc ở đầu ngón tay (chín mé, đầu trun).

280. Cáp giới: Tắc kè, vị mặn tính bình hơi độc, công dụng khai phế khí, chữa hen suyễn ho lao, lợi thủy thông kinh chữa què gãy, mắt nó có độc, đuôi thì lành, khi dùng bỏ mắt kì trên xương sống tẩm rượu nướng khô hãy dùng. Con nào đứt đuôi thì dược lực kém không nên dùng.

281. Thủ cung: Con Thạch sùng, có tên là Bích hổ, dài 3, 4 tấc có 4 chân, sắc trắng màu tro, thường ở trên vách, vị mặn, tính hàn, hơi độc, chữa đau các khớp xương trúng phong, cam lỵ trẻ con và tiêu hòn cục.

X - LOÀI CÁ

282. Lý ngư: Cá chép, vị ngọt, tính bình không độc, hạ khí trừ hoàng đản, trị ho đờm, máu cục trong bụng, an thai, tiêu thũng.

283. Dư ngư: Cá Vền, vị ngọt, tính ấm không độc, bổ trung ích khí, nhưng chớ nên ăn nhiều, vì hay sinh nóng lở ngứa.

284. Tôn ngư: Cá Chày, vị ngọt ngon, tính ấm không độc, ấm dạ dày, hòa trung, tiêu thức ăn cũ, chớ nên ăn nhiều vì động phong.

285. Hoàn ngư: Cá Trôi, vị ngọt, tính bình tốt, không độc, bổ dưỡng, ấm dạ dày, hòa trung ích khí, trị đau họng mắc xương.

286. Thanh ngư: Cá Trắm, vị ngọt, tính bình không độc, ích khí trị cước khí, mật nó có độc trị tắc họng và mắt mờ.

287. Thoan ngư: Cá Rồng, vị ngọt, tính bình không độc, bổ tạng mạnh tỳ, hòa trùng, điều hòa mạch máu, bổ gân mạnh xương.

288. Cảm ngư: Cá Măng, vị ngọt không độc, tính hung dữ, ăn nhiều trừ được chứng nôn ói, ấm tỳ làm cho ăn ngon miệng và khoan khoái trong ruột.

289. Thời ngư: Cá Chày, vị ngọt, tính bình không độc, trị chứng hư lao, bổ trung, mỡ nó chữa phỏng rất hay.

290. Phường ngư: Cá mè, vị ngọt tính ấm không độc, béo trơn mát phổi, giúp tỳ, điều hòa vệ khí bổ hư, công dụng như cá diếc.

291. Lễ ngư: Cá Lóc, vị ngọt, tính bình không độc, khử thấp trừ phong, tiêu thũng, thông quan, chữa trĩ lợi thai. Người có lở loét ngoài da không nên ăn, hay sinh vết sẹo.

292. Sa ngư: Cá Bống, vị ngọt, tính bình không độc, khoan trung, tiêu thức ăn, ấm tỳ vị, ăn nhiều rất tốt nên người ta ưa chuộng.

293. Diều ngư: Cá Dầu, vị ngọt, tính ấm không độc, rất là ấm tỳ, trị hàn tả, ăn nhiều quên cả lo buồn.

294. Khoái tàn ngư: Cá Ngân, vị ngọt, tính bình không độc, ăn rất ngon, mạnh dạ dày, khoan trung, ngon miệng, phơi khô để lâu, vị cứ như mới.

295. Thạch thủ ngư: Cá Mò Dóng, vị ngọt tính bình không độc, ăn rất ngon, ích khí mạnh tỳ, trị lỵ và đau bụng, đau ruột.

296. Lặc ngư: Cá Mòi, vị ngọt, tính bình không độc, khai vị ấm trong lòng, hòa 5 tạng, nấu canh ăn hay kho ăn cũng ngon.

297. Tề ngư: cá Lành canh, vị ngọt, tính ấm không độc, không tanh, chữa trĩ lở rất tốt, chớ nên ăn nhiều sinh đờm, sinh đinh nhọt.

298. Xương ngư: Cá Chim giang, vị ngọt, tính bình rất lành, thịt ăn mạnh tỳ thêm khí lực, trong trứng nó có độc, chớ nên ăn nhiều.

299. Lô ngư: Cá Vược, vị ngọt lạnh, hơi độc, có thể ăn được, công dụng lợi tiểu an thai, hòa 5 tạng, mạnh gân xương, chữa bệnh lao ngược. Gan nó có độc chớ nên ăn.

300. Tức ngư: Cá Diếc, vị ngọt tính ấm không độc, công dụng điều khí hòa trung rất bổ ích, chữa mụn trĩ, đại tiện ra máu, nôn ói và đau mắt đỏ.

301. Mạn lệ ngư: Cá Lạc, vị ngọt, tính bình không độc, công dụng trừ các thứ độc, chữa phong lở, tê thấp, đau lưng mỏi chân, sát trùng lao, trừ thuốc độc.

302. Hải mạn lệ ngư: Cá Dưa, vị ngọt, tính bình không độc, công dụng bổ hư lao, sát trùng giải độc, trừ phong thấp, công dụng giống như cá Lạc.

303. Hoàng thiện: Cá Lươn, vị ngọt, tính rất ấm không độc, bổ trung ích khí, chữa băng huyết, lậu huyết, khử thấp trừ phong ấm bụng. Hễ con nào bò ngóc đầu lên, hoặc dưới cổ họng có khoang trắng đó là loài rắn, chớ ăn mà chết người, nên cẩn thận.

304. Do ngư: Cá Trạch, vị ngọt, tính bình không độc, nhiều nhớt trơn, chữa tiêu khát, giết trĩ trùng, giải say rượu, cường dương, bổ khí.

305. Di ngư: Cá Leo, vị ngọt, tính ấm không độc, trị chứng miệng mắt méo xệch, nấm chứng trĩ, lòi dom (trôn trê) và thủy thũng.

306. Hoàng tảng ngư: Cá Bò, vị ngọt tính bình không độc, nhiều nhớt bọt. Khu phong, lợi tiểu, tiêu thũng, chữa chứng lao lâu ngày, lở loét dầm dề, đái gắt.

307. Hà dồn: Cá Nóc, vị ngọt, tính ấm gan có độc, bổ ích trừ trùng, chữa thấp thở, đau lưng, đau chân.

308. Hải dồn: Cá Nóc bể, vị mặn, rất tanh, tính không độc, công dụng trừ cổ độc (trùng thuốc độc) sốt rét rừng, trùng lao truyền, chữa đau ruột, bệnh trĩ nội, và ghẻ lở.

309. Tỵ mục ngư: Cá Lưỡi câu, mình dẹp, vị ngọt tính bình không độc, công dụng bổ hư, thêm khí lực, ăn nhiều động phong.

310. Sa ngư: Cá Nhám, vị ngọt tính bình không độc, bổ tạng điều trung cũng như cá diếc, làm nem làm gỏi ăn rất ngon. Con nào có đốm thì độc.

311. Ô tặc: Cá Mực, vị ngọt chua, tính bình không độc, bổ trung ích khí, điều kinh, phơi khô làm món ăn tốt.

312. Hải phiêu tiêu: Mai mực (mực nang), có tên là Ô tặc cốt, vị ngọt mặn, tính hơi ấm không độc, ráo mủ, cầm máu, chữa bạch đái, đau bụng, sát trùng, trị lị, lở.

313. Hải dao ngư: Cá Đuối, vị ngọt mặn, tính bình hơi độc, thịt nó chữa đau âm hộ, bạch trọc, đái gắt, răng nó chữa bệnh sốt rét.

314. Hà ngư: Hà là tôm, Mễ là tép. Tôm tép đều có vị ngọt, tính ấm hơi độc, chữa chứng đơn chạy, báng hòn, phòng đờm, nôn mửa, làm cho mụn đậu khỏi loét.

315. Hải hà: Tôm bể, vị ngọt, tính, bình hơi độc, trị trùng lao truyền nhiễm, lở ngứa chảy nước, trừ giun đũa, chữa cam răng (cam tẩu mã).

316. Thủy mẫu: Con Sứa, vị mặn tính ấm không độc, tiêu máu ứ, chữa đơn độc trẻ con, bị bỏng, đàn bà hư lao, bạch đới.

XI - LOÀI CÓ MAI

317. Quy bản: Ức cái rùa (yếm rùa), vị ngọt, tính bình không độc, thông kinh lạc, bổ tâm, ích thận thêm âm huyết, trị tê bại, trong bụng báng, máu cục, sốt rét và ho.

318. Đại mạo: Vảy đồi mồi, vị ngọt, tính hàn không độc, giải các trúng độc, yên tinh thần, trừ nọc đậu, chữa sốt rét và nóng âm.

319. Miết giáp: Mô (mai) ba ba, (Cua đính), vị mặn, tính bình không độc, bổ âm ích khí, trừ nóng âm ỉ, ho lao, điều kinh phá khối cục.

320. Ngao: Con Giải, vị ngọt, tính bình không độc, trừ huyết nhiệt, trị cổ độc khử phong, liền gắn xương chữa lở ghẻ tràng hạt (nhạc) và các chứng huyết xấu.

321. Điền giải: Cua đồng, vị mặn, tính hàn hơi độc, sinh phong liền gân nối xương, trị nhiệt tả, bạt độc, trừ lở ghẻ và máu kết cục. Cua đồng thì kiêng thứ 6 chân, 4 chân, 1 mắt đỏ, dưới bụng có lông, trong bụng có xương, đầu lưng có chấm sao, chân có khoang thì chớ ăn mà hại người, nên cẩn thận.

322. Hậu giáp: Mai con Sam, vị cay hơi mặn, tính bình hơi độc, sát trùng chữa trĩ, lở ngứa ngáy chảy nước, suyễn thở, khử tả, lậu huyết.

XII - LOÀI CÓ VỎ

323. Mẫu lệ nhục: Ruột con Hàu, vị ngọt tính ấm, không độc, điều trung lợi thủy, đẹp mày mặt, giải độc, trị đau bụng, nóng khát, hư lao.

324. Mẫu lệ: Vỏ hàu, vị mặn tính hơi hàn không độc, giữ tinh, liễm mồ hôi, trừ nhiệt tả, bạch đái, thấp lỵ và đau do tích báng.

325. Bạn phấn: Bột vỏ trai, vị mặn, tính hơi hàn không độc, tính khai thông, trị đờm đặc, bạch đái, nôn ói, thủy thũng, các chứng đau, mắt đau. Khi dùng bỏ vào lửa nướng đỏ để nguội tán nhỏ mà dùng.

326. Má dao: Con vẹm, vị cay, tính hàn không độc, lợi thủy, tiêu đàm, trị cục bướu đái ra sỏi, bạch đái và nóng ngoài da.

327. Nghiễn nhục: Ruột hến, vị ngọt mặn tính lạnh không độc, làm hoạt tràng, thông khí mát gan, giải độc, trị lở, thông tiểu tiện.

328. Nghiễn xác: Vỏ Hến, vị mặn, tính ấm không độc, trị ghẻ lở, cố tinh, trừ lỵ, chữa ợ chua, ngừng mửa, long đờm trừ ho thở.

329. Trân châu: Tục gọi là hạt Trai (ngọc trai), vị mặn tính hàn, không độc, giải nhiệt, trấn tâm an thần, trị đờm hỏa, đau mắt, điếc tai, đái ra máu.

330. Thạch quyết minh: Vỏ ốc 9 lỗ, tính bình không độc, chữa đái buốt, di tinh, nóng âm ỉ, đau mắt và mắt mờ.

331. Xa ngao: Con Nghiêu, vị ngọt mặn tính lạnh, không độc, giải phát, tiêu khối cứng, giải độc rượu, trị sưng lở, và ung nhọt ở sống lưng.

332. Xa cừ: Ốc xa cừ, vị ngọt mặn, tính lạnh, không độc, trấn tâm an thần, trừ độc sâu rắn, giải các thuốc độc, sát trùng cổ (huyết hấp trùng).

333. Bối tử: Con ốc Bẹn, vị mặn, tính bình lại mạnh không độc, mát da thịt, trục máu xấu, giết các trùng, trị mắt mộng, mụn lở và tên độc.

334. Điền loa: Ốc Bươu vị ngọt, tính hàn, không độc tiêu thũng, thông tiểu tiện, trừ thấp nhiệt, đau mắt, lỵ, không ăn uống được và tràng nhạc.

335. Loa sư: Ốc vặn, vị ngọt, tính hàn, không độc lắm, sáng mắt, trừ hoàng đản (vàng da), chữa trôn trê, trĩ mạch lươn, ngừng nôn ói, nhuận tràng.

XIII - LOÀI CHIM

336. Hùng kê nhục: Thịt Gà trống, vị ngọt tính ấm không độc, hay động phong dưỡng vệ, hòa vinh, bổ trung an thai, liền xương, trị bệnh thũng, tê dại.

337. Thư kê nhục: Thịt Gà mái, vi chua tính bình không độc, trị phong, hàn thấp, bổ 5 chứng hư hao, chữa bị thương gẫy xương, tích hòn cục, băng huyết và bạch đới.

338. Ô kê cốt: Xương gà ác (xương thịt đen lông trắng), vị ngọt, tính bình không độc, chữa hư nhược, phụ nữ băng huyết, bạch đới, đau bụng và trẻ con đi ly, không ăn được.

339. Kê quan huyết: Máu mào gà, vị mặn, tính hòa bình không độc, giải độc, chữa chết vì thắt cổ, gió độc, miệng mắt méo lệch và lở ngứa.

340. Kê can: Gan gà, vị ngọt đắng, tính hơi ấm không độc, bổ thận ích gan, mạnh dương, trị đau bụng, có thai ra máu và mắt mờ.

341. Kê linh: Lông gà, chữa chứng hạ huyết, mạnh phần âm, chữa đau ngoại thân, mắc xương, mụn nhọt, trẻ con khóc đêm, phụ nữ viêm bàng quang đái gắt.

342. Kê phẩn bạch: Chất trắng trong cứt gà có tên gọi là Kê thỉ, tính hơi hàn, không độc, trị được nhiều bệnh: trúng phong, sùi đờm, tay chân giá lạnh thương hàn, phong tê đái ra sỏi sạn, trong bụng tích cục. Lấy phân gà trống cạo lấy bên phần trắng, sao lên mà dùng.

343. Kê tử: Trứng gà, vị ngọt, tính bình không độc, bổ trung giải nhiệt, trừ các chứng ly trĩ, rôm sảy, an thai chữa tê bại.

344. Trĩ điểu: Chim trĩ, vị chua tính hàn không độc, hòa trung ích khí, nhẹ mình chữa bệnh trĩ, ngừng tả, ly.

345. Cầm kê: Gà Lôi, vị ngọt, tính ấm không độc, thịt nó ăn thêm trí tuệ. (Dược)

346. Giá kê: Chim Đa đa, vị ngọt, tính ấm không độc, lợi tạng bổ tâm, thêm trí lực, trừ các huyết độc, trị bệnh sốt rét và ôn dịch.

347. Thuần điểu: Chim Cút, vị ngọt tính bình không độc, bổ gân xương chịu đựng được rét nắng, trị phiền nhiệt, bệnh dạ dày và kiết ly.

348. Duật điểu: Chim Mỏ nhác, vị ngọt, tính ấm không độc, bổ trung, ích khí, trừ hư tổn ấm dạ dày, hòa tỳ ích mệnh môn.

349. Cáp điểu: Chim bồ câu, vị mặn, tính bình, hơi ấm không độc, giải các thuốc độc trị phong sang, xích bạch điến, ích khí hòa tinh, phân nó dùng càng tốt. Có tên gọi là Gia cưu hay là Phi nô, làm thuốc dùng thứ lông trắng thì tốt.

350. Tước điểu: Chim sẻ, vị ngọt, tính ấm không độc thêm tinh tủy, mạnh dương ích khí, khỏe lưng gối, ngừng bạch đái, băng huyết, khiến cho có con.

351. Bạch dinh hương: Cứt chim Sẻ, vị đắng, tính ấm hơi độc, trị đau mắt, mụn nhọt, đau vì tích máu cục trong bụng, đau họng và bạch đới.

352. Xảo phụ: Chim Chiền chiện có tên gọi là Tiêu liêu, vị ngọt tính ấm không độc, thịt nó ăn đẹp da và thông minh, tổ nó trị chứng ợ hơi.

353. Yến nhục: Thịt chim Yến, vị ngọt, tính bình có độc, có thể chữa được bệnh trĩ, giết trùng lở; ăn nhiều thì thần khí mỏi mệt.

354. Biên bức: Con Dơi, cũng gọi là Phụ dực hay Phi thử, vị ngọt, khí bình không độc, làm khoan khoái trong lòng, thông nước tiểu, tiêu phù thũng, sáng mắt, trị băng huyết, bạch đới, nhọt lở, hen suyễn, sốt rét.

355. Dạ minh sa: Phân Dơi, vị cay, tính lành không độc, trị mắt mờ, trứng cá ở mặt, tràng nhạc, hồi hộp kinh sợ, tích tụ, thai chết, thai ra ngang. Khi dùng lấy nước đãi sạch đất bụi, phơi khô hoặc sao lấy mà dùng.

356. Ban cưu: Chim Cu ngói, vị ngọt, tính bình không độc, trị lao tổn, bổ âm, bổ dương, trừ thuốc độc chữa đau mắt và ợ hơi. Có tên gọi là thuần cưu, mình thon nhỏ mà không có vằn, khí vị và công dụng cũng như nhau, nhưng thứ có vằn thì hơi độc.

357. Thanh giai: Chim Cu Kỳ, vị chua, ngon, béo, tính hàn, không độc, giúp khí, bổ hư, an 5 tạng, ráo mủ, hoạt huyết, chữa trĩ là lở.

358. Bố cốc: Chim Chèo Bẻo, vị ngọt, không độc, an thần, định trí, làm cho vui vẻ, ăn thịt nó nhiều thì ít ngủ.

359. Bá lao: Chim Tu hú, lông nó tính bình, có độc, trị trẻ con bị cam gầy yếu, đeo lông nó thì khỏi bệnh dần.

360. Cù dục: Chim Sáo Sậu, vị ngọt, tính hàn bình, không độc, thông khiếu, hạ khí, chữa ợ nghẽn, băng huyết, bệnh ho người già và bệnh trĩ.

361. Bách thiệt điểu: Chim Khiếu, vị ngọt, khí ấm không độc, tính liếng thoắng, chữa trẻ đã lớn tuổi mà chưa biết nói, lấy thịt nó nướng ăn thì sẽ biết nói.

362. Gián thước: Chim khách, vị ngọt, tính bình, không độc lại có tính tỉnh thông, hòa trung, ích khí, trị phong. Ai có tin tức gần tới thì mách ầm ĩ.

363. Hoàng anh: Chim Hoàng anh, có tên gọi là Hoàng tước, Hoàng điểu, Thương canh, vị ngọt, tính ấm, không độc hót hay, ăn nhiều làm cho người ta mất tính ghen ghét, giúp tỳ, bổ hư tổn, ích tinh, mạnh dương.

364. Trác mộc điểu: Chim Gõ kiến, vị chua, tính bình, không độc, tính rất mạnh, trị động kinh, cam răng, trùng lao và bệnh trĩ.

365. Ô nha: Chim ác (quạ), tính bình không độc, vị chua chát, trị được ho lao nóng âm ỉ, kinh giản, thổ huyết và các trùng.

366. Ô thước: Chim Ác là, vị ngọt, tính hòa không độc, trị được bệnh ôn nóng, khát phiền nhiệt, đàm kết, lợi tiểu tiện và thông được sỏi bàng quang.

367. Sơn thước: Chim Giải phướn, đuôi dài, vị ngọt, tính ấm, không độc, trừ độc các thứ quả, trị tâm phiền, nướng thịt ăn thì giải ngay.

368. Đỗ quyên: Con Quốc, có tên gọi Đỗ vũ hay Tử qui, vị ngọt, tính bình, không độc, chuyển trị bệnh lở, bệnh trĩ loét có trùng, lấy thịt nó đán vào chỗ đau rất hay.

369. Anh vũ: Chim Két (vẹt), tính bình không độc, nuôi quen thì biết nói, thịt nó ăn trừ được chứng hư lao.

370. Khổng tước: Con Công, vị mặn, tính mát, hơi độc, màu sắc rất đẹp, giải các độc, trị trùng, cổ trướng, uống thuốc mà ăn nó thì đi tả ra thuốc, mật nó rất độc, ăn thịt thì bỏ đi, lông nó chớ đụng phải mà mù mắt.

371. Ưng điểu: Chim Bù Cắt có tên gọi là Chi điểu, tính hùng, cánh mạnh, giết được các loài chim, ăn đầu nó thì chữa được váng đầu, ăn thịt nó thì trừ được tà, ăn mắt nó thì được sáng mắt, xương nó chữa gẫy xương.

372. Xi điểu: Diều hâu, vị mặn, tính bình, không độc, chữa chứng đau đầu, chóng mặt điên giản, đổ máu mũi và chứng đái buốt

373. Xy hưu: Cú vọ, tính u mê, hình rất xấu, trị chứng đau đầu, chóng mặt, sốt rét, cảm thời khí, ăn thịt nó thì bệnh lành.

374. Hưu lưu: Cái dạ dị (Cú mèo) tính năng cũng giống như chim cú, nhưng tai mắt ngang nhau, giống như con mèo, đêm thì bay ra ngày thì núp.

XIV - LOÀI CHIM NƯỚC

375. Quán điểu: Con Giang, Vạc, vị ngọt, tính lành, không độc, xương nó chữa bệnh lao trùng truyền nhiễm, trúng thuốc độc, mỏ nó trị đau họng, trứng nó trị ghẻ lở.

376.Đồi thu: Con Sếu, vị mặn, tính hàn, không độc, ăn nó ích khí, hòa trung, mạnh sức, giải các trúng độc.

377. Sạo bồ: Bồ nông (chằn bè), có tên gọi là Đào hà, vị mặn, tính ấm, không độc, mỡ nó chữa mụn sưng, đau phong, mỏ nó trừ ly và các trùng.

378. Bạch nga: Ngan trắng, vị ngọt, tính bình, không độc, mỡ nó chữa mụn sưng, tai điếc, thịt nó trừ thấp nhiệt, hòa các tạng. Ngan sắc xanh có độc, không dùng làm thuốc, ngan trắng dùng mới tốt.

379. Gia ác: Con vịt, vị ngọt, tính mát hơi độc, hay động phong huyết, bổ hư, ích tạng, trị kinh phong trẻ con, giải độc, trị lở sưng và ly kiệt. Có tên gọi là Lộ hay Gia phù. Con nào sắc vàng hay trắng mà già thì ăn rất bổ, sắc đẹp và non thì có độc. (?)

380. Trâm phù: Cái Mòng (vịt nước, le le), vị ngọt, tính mát không độc, ích khí, bổ trung, tiêu thức ăn tích lại, trị phong lở nhiệt, giết các loài trùng.

381. Quát hồng: Con Két, vị ngọt, tính bình, không độc, ích khí hòa trung, chữa tai điếc, nấu canh, nướng chả ăn rất béo và thơm.

382. Uyên ương: Chim Uyên ương, vị ngọt tính bình, hơi độc, chữa loét lở, ngủ thấy chiêm bao, hay làm cho vợ chồng hòa vui.

383. Giao tỉnh: Chim trích, vị ngọt, tính bình không độc, giải các độc tôm cá (lược)

384. Lộ trang: Con Cò, vị ngọt, tính bình, không độc, thịt bổ hư, mạnh da dày, đầu nó chữa lở miệng, vết thương.

385. Lư từ: Chim Cốc (Cồng cộc), vị chua, mặn, tính lạnh, hơi độc, lợi thủy, tiêu bụng trướng, mỏ nó chữa nghẹn và mắc xương.

386. Ngư cẩu: Chim bói cá (thằn chài), vị mặn, tính bình, không độc, sắc xanh đẹp, lặn bắt cá, ai bị mắc xương, đốt nó tán nhỏ, hòa với nước mà uống thì khỏi ngay.

XV - LOÀI GIA SÚC

387. Hà: Lợn (heo) đực: vị chua, tính lành không độc. Đồn là heo con hơi độc. Phê là heo nái, vị chua tính bình. Trư là heo lớn, thịt lành và thơm.

388. Trư nhục: Thịt Lợn (heo), tùy đực, cái, lớn nhỏ mà phân biệt tính chất chữa điên cuồng giải nhiệt, trị đơn độc, trừ phù thũng, và bổ thận.

389. Trư cao: Mỡ lợn (heo), vị ngọt, tính trơn chảy, hơi hàn, không độc, hoạt thuyết, khử phong, nhuận phổi, giải các thuốc độc, chữa ghẻ lở có trùng. Dùng mỡ heo vào ngày tháng chạp thì tốt hơn cả.

390. Trư não: Óc heo, vị ngọt, tính hàn có độc, ăn nhiều có tổn hại, trị đau đầu chóng mặt, lở chân, mụn nhọt đau nhức dán vào là tan.

391. Trư tủy: Tủy heo, vị ngọt, tính hàn không độc, hay thông suốt, rất bổ ích cho chứng hư lao, chữa ngã bị thương và chứng sưng loét.

392. Trư huyết: Tiết lợn (huyết heo), vị mặn, tính bình không độc, trừ chứng đầu choáng váng, chữa trúng phong chướng khí, phạm phòng, xốn xáo trong bụng, băng huyết, đơn độc và sởi.

393. Trư tâm: Tim heo, vị mặn ngọt, tính hàn không độc, ích khí bổ tâm, chữa kinh giản thương phong, trị bà đẻ khí lực hơi yếu.

394. Trư can: Gan heo, vị đắng tính hơi ấm không độc, bình can sáng mắt, chữa bệnh đới, lao lạnh, đi tả lâu ngày và trẻ con phát ban.

395. Trư tỳ: Lá lách heo, vị ngọt, tính bình, không độc, trị sốt rét, bệnh dịch lưu hành, tích cục trong bụng, trừ hư nhiệt, ích tỳ.

396. Trư phế: Phổi heo, vị nhạt, tính hàn, không độc, mát phổi, trị ho lao, giáng đờm hỏa, trừ hư nhiệt.

397. Trư thận: Bầu dục lợn (trái cật heo), vị mặn, tính lạnh không độc, bổ hư, bổ khí, lợi bàng quang, chữa đau lưng, đau gối, ù tai, băng lậu.

398. Trư di: Cái lõi trong cật heo, vị mặn, tính bình hơi độc, chữa bệnh phổi, hư lao suyễn ho, phổi yếu, máu đọng cục, và đi lỵ.

399. Trư vị: Dạ dày heo (bao tử heo), tính hơi ấm không độc, hay tư nhuận bổ trung, ích khí, chữa nóng âm ỉ, tích máu cục, cam vàng da và đi lỵ, đi tả.

400. Trư đại trường: Ruột già heo, vị ngọt nhạt, tính hơi hàn, trừ chứng táo nhiệt trong ruột, đi đại tiện luôn luôn, bổ hạ tiêu, trị hư lỵ ra huyết nhiều.

401. Trư bàng quang: Bong bóng heo, vị ngọt mặn, tính hàn, trong trông rỗng không độc, trị đái gắt, đái buốt, mộng tinh, chữa chứng đái sưng đau và ngọc hành lở.

402. Trư dởm: Mật heo, vị đắng, tính hàn không độc, mở được chỗ tắc, trị được chứng thương hàn nóng khát, bệnh lao nóng âm ỉ trong xương, làm thông quan, sáng mắt và trừ bệnh bại liệt.

403. Trư tiểu trường: Ruột non heo, vị đắng, tính hòa bình không độc, bổ tâm, thanh nhiệt, hòa tạng, công hiệu nhiều kể không hết.

404. Trư noãn: Hoàn dái heo, vị ngọt, tính ấm, không độc, trị bệnh rất hay, trừ phong cố tật, trùng lao truyền nhiễm, cổ độc, phạm phòng, đau ngọc hành và đau bụng dưới.

405. Cẩu nhục: Thịt chó, vị chua mặn, tính nóng không độc, tráng dương, ích thận, bổ lao thương, ấm bụng, cố tinh tủy.

406. Dương nhục: Thịt dê, vị đắng ngọt, tính rất nóng, ích cho tâm tỳ, bổ được hư lao hàn lạnh, trừ kinh giản, trị bị gió chống mặt, đau lưng, liệt dương.

407. Thủy ngưu nhục: Thịt trâu, vị ngọt, tính mát, không độc, ích dạ dày, hòa tỳ, bổ gân cốt, trị đau phong và thủy thũng.

408. Hoàng ngưu nhục: Thịt bò, vị ngọt, tính ấm, ích khí, ấm tỳ, trị chứng lưng và chân đau cứng lại, làm cho hết khát và hết chảy nước miếng.

409. Ngưu giác: Sừng trâu, vị đắng, tính hàn, không độc, trị đau đầu, nhiệt độc thương hàn, chứng đái ra cát sỏi, hay ra máu, phong đàm và cổ họng sưng đau.

410. Ngưu giác tai: Nỏ sừng trâu, vị đắng, tính ấm, không độc, trị bệnh rất tốt, chữa chứng băng huyết, bạch đới, đại tiện ra huyết, đi lỵ, máu cục và đau bụng.

411. Hoàng minh giao: Cao da trâu, vị ngọt, tính bình, không độc, trị nhọt lở, các bệnh huyết, đau phong hàm kết, ho lao.

412. Má nhục: Thịt ngựa, vị đắng, cay, tính nóng, có độc, lớn gân, mạnh xương, chữa chứng xương sống lưng yếu liệt, tê bại và nhiệt khí, lở đầu, rụng tóc.

XVI - LOÀI THÚ RỪNG

413. Hổ hình cốt: Xương ống chân hùm, vị cay, tính ấm, không độc, trừ các chứng đau phong, lao truyền, chó dại cắn, kinh phong lở loét. Khi dùng đập vỡ vỏ tủy đi, rồi tẩm mỡ sữa hoặc dấm, hoặc rượu, mà nướng tùy từng phương thuốc mà tẩm dùng.

414. Hổ nhục: Thịt hùm, vị mặn, tính bình, không độc, trị được âm tà tích khí và trừ bệnh sốt rét, nôn ọe.

415. Báo nhục: Thịt Heo, vị mặn, tính bình, không độc, béo bổ, ăn vào chịu được rét được nóng, mạnh xương nở gân, điều hòa 5 tạng.

416. Tượng nhục: Thịt Voi, vị ngọt, tính bình không độc, thông được tiện bế, chữa được chốc đầu, rụng tóc, ăn thịt nó nhiều, thì nặng mình.

417. Tượng nha: Ngà Voi, vị ngọt, tính hàn, không độc, trị chứng nóng âm ỉ trong xương, kinh giản, bụi bay vào mắt, hay mắc xương.

418. Tê giác: Sừng tê ngưu, vị mặn, đắng chua, tính hàn, không độc, giải các nhiệt độc, trị nhọt lở, cổ trướng, bệnh mất máu, phong cuồng, sốt rét và ôn dịch.

419. Lê ngưu giác: Sừng bò tót, tính hàn, không độc, giải nhiệt, mát tim, trị động kinh, trừ huyết nóng, hoảng hốt.

420. Dã trư nhục: Thịt Lợn lòi (heo rừng), vị ngọt, tính bình, không độc, bổ 5 tạng, nhuận da thừa, trừ chứng động kinh, chứng sốt rét, trị băng huyết, lỵ ra huyết và phong nhiệt.

421. Hào trư: Con nhím chồn, vị ngọt, tính hàn, hay nhiễm độc, thịt rất béo lợi được đại trường, tiêu cổ trướng, trị nhiệt phong.

422. Hùng dởm: Mật gấu, vị đắng, tính hàn, không độc, thấu khắp da thịt, mát tim, sáng mắt, giết trùng ghẻ, thoái nhiệt, trừ phong, chữa bệnh trĩ mạch lươn.

423. Linh dương giác: Sừng dê rừng trắng, vị mặn, tính hàn, không độc, trị cổ trướng, mụn, thấp, phong nhiệt, kinh giản, loạn huyết, liệt dương và chướng khí.

424. Sơn dương: Dê rừng, vị ngọt, tính nhiệt, lành, rất bổ dương, trị bệnh lao, lam chướng, bệnh lỵ, bạch đới và cứng gân cốt.

425. Lộc nhục: Thịt hươu, vị mặn, tính ấm, không độc, dưỡng vệ hòa vinh, bổ dưỡng khí huyết, mạnh xương tủy, chữa mọi chứng lao tổn, hay nói không xiết.

426. Lộc giác: Sừng (gạc hươu), vị mặn tính ấm, không độc, bổ dưỡng rất tốt, nhẹ mình, chữa đau, trừ mụn lở, bạch đới, di tính.

227. Lộc nhung: Sừng hươu non, vị ngọt tính ấm, không độc, bổ khí huyết, mạnh xương tủy, chữa mọi chứng lao tổn, hay không kể xiết.

428. Lộc huyết: Tiết hươu, vị mặn, tính ấm, không độc, bổ hư lao, tráng dương, chỉ huyết, trị đau lưng, héo phổi và đau ngứa.

429. Mê nhục: Thịt nai, vị ngọt, tính bình, không độc và rất tốt, bổ trung, ích khí, sinh huyết tốt, trị đau lưng, đau chân, hòa 5 tạng.

430. Mê giác: Sừng (gạc) nai, vị ngọt, tính nóng không độc, bổ dương, thêm huyết, thêm tinh tủy, chữa tê thấp, trừ phong và chứng đau về khí.

431. **Kỷ nhục:** Thịt Cheo, vị ngọt, tính bình không độc, và điều hòa, trừ được 5 bệnh trĩ và bệnh thấp, thịt nó tẩm gừng và dấm mà ăn thì bệnh tự khỏi.

432. **Chương nhục:** Thịt Hoẵng (Mễnh), vị ngọt, tính ấm không độc, bổ các tạng, trừ phong, thông sữa, tiêu sưng bướu, nấu ăn, khiến người ta nhẹ mình thích chí.

433. **Xạ hương:** Dái con xạ (cầy hương), vị cay, khí thơm, tính ấm, hóa được phong độc, trấn tâm, khai khiếu, giết tà trùng, chữa đau bụng khí hoặc huyết, bệnh đờm, bệnh ly, đều chữa được cả.

434. **Miêu nhục:** Thịt Mèo, vị ngọt chua, tính ấm, không độc, chữa được bệnh có độc, bệnh lao, bệnh đậu, và bệnh thử trĩ lâu năm cũng tiêu hết.

435. **Ly nhục:** Thịt Cáo, vị ngọt, tính bình, không độc, mà tư nhuận, bổ trung, ích khí, chữa chứng du phong, bệnh lao truyền thi, bệnh trĩ lở (mụn trĩ).

436. **Phong ly:** Cái Cu ly (Cù lần), tính nhát, thấy người thì rụt đầu lại, óc nó chữa được bệnh ôn dịch và bổ dưỡng cho người thêm thọ, nước đái nó trừ được bệnh cùi (hủi).

437. **Hổ nhục:** Thịt Cầy vôi, vị ngọt, tính ấm không độc mà rất tư bổ, bổ hư, dưỡng tạng, trừ phong độc, giải được cổ độc, trừ được tà, trị ngứa lở. Xét sách Bản thảo con hổ là ở hang, đầu nhọn, đuôi lớn mình tròn, chân ngắn, lông nó có ba sắc: đen, trắng và xám. Gọi Hổ là Ly, gọi Ly là Hổ đều sai.

438. **Lạc nhục:** Thịt Chồn, vị ngọt, tính bình không độc, bổ trung, ích khí, làm cho nở da thịt, trị cam mòn, cam trùng trẻ con.

439. **Chuyên nhục:** Thịt Cầy dông, vị chua, ngọt, tính bình, không độc, chữa chứng lao nhiệt ho khan, kiết lỵ, thủy thũng sắp nguy cũng công hiệu.

440. **Hoan nhục:** Thịt Cầy vện, vị ngọt chua, tính bình, không độc, bổ trung ích khí, làm cho nở da thịt, trị cam mòn, cam trùng trẻ con.

441. **Sài nhục:** Thịt Chó Sói, vị chua, tính nóng, có độc hại cho người, trừ đau lạnh, các chứng lở, 5 chứng cám và chứng lỵ.

442. **Thổ nhục:** Thịt Thỏ, vị cay, tính bình, không độc, điều trung ích khí, hòa tỳ vị, giải nhiệt, trị đau tê.

443. **Sơn thát:** Con Sóc, vị ngọt, tính ấm, không độc, thịt có tính kích dục, chữa liệt dương rất hay, xương nó chữa bị thương vì tên độc bắn.

444. **Thủy thát:** Con Rái cá, vị ngọt mặn, tính mát lành, chữa phong ôn, ôn nhiệt, bệnh lao nóng, âm ỉ, tiêu nước, nhuận trường thông huyết.

445. **Lão thử:** Chuột đực, vị ngọt, chát, tính hơi ấm, không độc, chữa vết thương gãy xương, ngã qùe, đâm chém bỏng lửa, trẻ con kinh giản. Phân nó hai đầu nhọn nên thường gọi là lượng đầu tiêm.

446. **Vị bì:** Da Dím lon, vị đắng, hơi cay, tính không độc, giết được trùng bệnh trĩ, chữa được chứng hạ huyết, đau lưng, đau ruột, đau bụng, khí dồn lên.

447. **Di hầu:** Con Khỉ, thịt nó vị chua, tính bình không độc, chữa chứng sốt rét lâu ngày, bệnh lam chướng, bệnh ôn dịch và các chứng phong lao.

448. **Viên nhục:** Thịt Vượn, thịt mỡ và huyết của nó có tính tiêu nhẹ những chứng trĩ lâu năm và lở ghẻ liên miên thì dùng thịt nó trong ăn ngoài bôi đắp thì khỏi hết.

XVII - CÁC THỨ NƯỚC

449. **Vũ thủy:** Nước mưa, vị ngọt, tính bình, không độc, rất trong sạch, ích khí, mát các tạng, dùng nước mưa sắc thuốc làm thang trừ được bệnh tật.

450. Lộ tủy: Hạt móc, vị ngọt tính bình, không độc mà trong suốt, các bệnh lở ghẻ, trùng lỵ, và hư hao dùng nó mà sắc thuốc thì công hiệu rất chóng. Mùa thu, sáng sớm hứng những hạt móc đọng trên lá cỏ cây mà dùng.

451. Dông lộ: Hạt sương sa, vị ngọt, tính hàn, không độc. Bệnh sốt rét, thương hàn, trúng độc rượu, mụn nách, tắc mũi, lấy nước sương hòa vào thuốc mà uống, khi lấy cũng như cách lấy nước móc.

452. Bán thiên hà thủy: Nước cọc rào, vị ngọt, tính hàn, không độc, sát trùng thuốc độc, khử tà, khỏi hoảng hốt, lại chữa bệnh dịch và lở ngứa.

453. Trường lưu thủy: Dòng nước chảy, vị ngọt tính bình không độc, ích thận, can tỳ, bổ lao tổn, làm cho truyền kinh dẫn thuốc đi khắp nơi. Dùng nước sôi và nước lạnh hòa lẫn nhau gọi là âm dương thủy.

454. Tỉnh hoa thủy: Nước giếng ban sớm, (lấy lúc giờ dần khi mặt trời chưa mọc chưa ai múc), vị ngọt, tính bình, không độc, giáng hỏa, tư âm, trấn tâm, ngừng băng huyết, sáng mắt, chữa lỵ.

455. Tân cấp thủy: Nước mới múc, tính thông hoạt, thông lợi tiểu tiện, hòa trung, thanh nhiệt, trừ nhọt sưng, giải độc, và khỏi tiêu khát (đái tháo).

456. Bích hải thủy: Nước mặn, vị mặn hơi ấm, hơi độc, tắm nước mặn, trừ được ngứa, lở, lác (hắc lào), uống nước ấy trừ được đồ ăn đình trệ lâu ngày và khỏi bụng đầy.

457. Địa tương thủy: Nước mới xáo. Vị ngọt tính hàn, không độc, chữa chứng nóng, trừ hắc loạn, giải trúng độc, thật là thái thuốc qúi. Đào đất sâu ba thước, đến lớp đất vàng làm chừng, lấy nước mới múc về đổ vào, khuấy cho đều, chờ cho lắng cặn, lọc lấy nước trong mà dùng.

XVIII - CÁC THỨ ĐẤT

458. Hoàng thổ: Đất sét, vị ngọt, tính bình không độc, giải được các thứ độc, chữa các chứng lỵ và đau ruột.

459. Đông bích thổ: Đất vách đằng đông, vị ngọt, tính ấm, không độc, ấm trong lòng, trừ hắc loạn, dịch sốt rét, kiết lỵ và lác lở chảy nước.

460. Thiên bộ phong: Đất bậc cửa, tính bình không độc, mát và thông (tiêu độ), và khó đẻ, dùng nó rất hay. Chữa nhọt sưng, hột xoài *NDQNP nói đất bùn khô giữa đường.*

461. Thổ phong sào: Tổ tò-vò, vị ngọt, tính bình, không độc, trị nhọt lở, thương hàn, bệnh thời khí, hoàng đản, hắc loạn và hư phiền.

462. Lang chuyền: Đất bọ hung đùn, tính hàn, không độc, trị nhọt lở, thương hàn, bệnh thời khí, hoàng đản, hoắc loạn và hư phiền.

463. Thử nhưỡng thổ: Đất chuột đùn, tính bình không độc mà mạnh, trị các chứng đau phong, gân co quắp, thũng độc.

464. Nghị phong thổ: Đất kiến đùn, vị ngọt, tính bình, không độc mà mạnh, chuyên trị thai chết nhau không ra, và tiêu được thũng độc và huyết xấu.

465. Bạch nghị nê: Đất tổ mối, tính bình, mát, không độc mà mạnh gấp bội, chuyên trừ nhọt độc, mụn lở, tiêu sưng, vỡ mủ.

466. Khâu dẫn nê: Đất trùn đùn, vị chua, tính hàn, không độc mà hùng mạnh, trừ mọi chứng lở sưng, thông quan, chữa lỵ huyết và nôn mửa.

467. Tỉnh dề nê: Đất lòng giếng (Bùn đáy giếng). Vị ngọt, tính lạnh không độc, chữa trẻ con nhiệt, độc ngứa, hoắc loạn và động thai.

468. Phục long can: Đất lòng bếp, vị cay, tính ấm không độc, cầm máu, tiêu ung nhọt, trị nôn ói, trúng phong, cảm nắng và điên cuồng.

469. Thổ chuyên: Đất Hòn gạch, vị cay, tính ấm, không độc, trị lỵ, hư hàn, chân đau tê thấp, đàn bà bạch đới, hôi bẩn.

470. Xanh mặc: Muội nồi (nhọ nồi, lọ nghẹ), có tên gọi là Bách thảo sương, vị ngọt, tính ấm không độc, chữa bệnh yết hầu, cổ độc, xuất huyết, hoắc loạn, điên cuồng, lưỡi sưng.

471. Ô long vĩ: Mồ hóng bếp, vị cay đắng, tính hơi hàn, không độc, cầm máu, an thai trị nôn ói, đau bụng, nghẽn ách, sưng lở. Dùng thứ trên nhà thông xuống mà trắng, chớ phạm vào chỗ khói lửa vì có độc.

XIX - LOÀI NGŨ KIM

472. Tinh kim: Vàng ròng, vị cay, tính bình, hơi độc, hòa huyết, trấn tâm, an 5 tạng, trị bệnh nóng hầm trong xương, và bệnh phong. Vàng sống có độc, vàng đã tôi luyện không độc.

473. Tinh ngân: Bạc chảy, vị cay tính bình, có độc, yên hồn, định phách, nhẹ mình, trị phong nhiệt, điên cuồng, rửa chữa mắt mờ.

474. Xích đồng tiết: vảy đồng đỏ, vị đắng, tính bình, hơi độc, trừ mặt màng mộng, đàn bà đau bụng, bị phong rút uốn ván và hôi nách. Khi dùng lấy đồng đỏ nung vào lửa cho hồng, tôi vào nước cho rời ra từng miếng, cứ nung và tôi như thế ít lâu mà lấy dùng.

475. Đồng thanh: Thôi (Rỉ) đồng xanh, vị chua, tanh, tính bình, hơi độc, cầm máu, trừ đàm, ứ huyết, chữa đau mắt, đinh nhọt. Có tên gọi Đồng lục, khi dùng lấy đồ đồng đánh cho sáng, bôi dấm vào cho đều, úp xuống đất 3, 4 ngày sinh rỉ xanh cạo lấy mà dùng.

476. Ô duyên: Chì, vị ngọt, tính hàn, không độc, yên dạ dày, trấn tâm, trừ chất độc trong các thuốc kim thạch, bền răng, sáng mắt, trị ghẻ lở.

477. Hoàng đơn: Đơn, vị hơi cay, tính hơi hàn, không độc, hòa vị, trấn kinh, trừ bệnh sốt rét lâu năm, sát trùng, cầm máu, chữa ghẻ lở.

478. Mật đà tăng: Khoáng (Cặn), lò bạc, vị mặn, cay, tính bình, hơi độc, hòa tạng, an tâm, ngừng nôn mửa, đi lị, sát trùng, chỉ huyết, chữa bệnh trĩ loét.

479. Huyền tích: Thuốc tráng gương, vị ngọt, tính hàn, không độc, mềm dẻo, trừ độc thạch, tín, trị giang mai và phong lở ghẻ ngứa.

480. Khổng phương huynh: Đồng tiền kẽm, vị cay, tính bình, có độc, trị 5 chứng lâm lậu, đau bụng, khó đẻ, đau mắt.

481. Thiếc: Sắt, vị ngọt, tính bình, cứng rắn, không độc, chữa thương tích, ngực tức đầy, tiêu thức ăn, mát trong lòng.

482. Thiết y: Tét sắt (Rỉ sắt) Trị đinh nhọt ghẻ lở, phong ngứa, di tinh, khó đẻ, rắn cắn, sâu cắn.

XX - LOÀI ĐÁ

483. Thạch nhũ: Đá thạch nhũ, vị ngọt, tính ấm, không độc, bổ tinh, yên ngũ tạng, trị ho, đái buốt, lợi khiếu, tráng dương, bổ lao tổn. Sinh ở trong hang núi đá nước đá chảy xuống gặp lạnh, đọng lại thành cục trong trắng như lụa.

484. Thạch khôi: Vôi, vị cay nóng, tính có độc, cầm máu, sát trùng, chữa trĩ, bạch đái, khó đẻ, và các chứng lở.

485. Phù thạch: Hòn đá nổi (đá bọt), vị mặn, tính bình không độc, giáng hỏa, trừ đàm, trị mắt mờ, đái gắt, nổi hạch, sưng dái.

486. Đai giả thạch: Hòn son, vị đắng, tính hàn không độc, yên hồn, trừ tà, trừ phong, trị bưng huyết, đau bụng, lở âm hộ.

487. Thạch yến: Yến đá, vị ngọt, tính lành không độc, trị đi tả, đái buốt, bạch trọc, bạch đới, mắt mờ, đẻ khó.

488. Thạch giải: Cua đá, vị mặn, tính hàn, không độc, giải thuốc độc, trị mắt mờ, thanh mạnh, ung nhọt, bệnh dịch và khó đẻ.

489. Tích lịch châm: Lưỡi tầm sét, tính bình, không độc, trị kinh phong, giết trùng lao, chữa bệnh đái ra cát sỏi và ỉa chảy.

XXI - LOÀI MUỐI KHOÁNG

490. Thực diêm: Muối ăn, vị ngọt, mặn, tính hàn không độc, chữa chứng khí nghịch, tích đờm, đau bụng, giết trùng độc, tiêu phù thũng, sưng lở.

491. Tiêu thạch: Diêm (Diêm tiêu), vị đắng, tính hàn, không độc, chữa bụng đầy trướng, họng tắc, bệnh tích tụ, đái buốt và đau bụng.

492. Bằng sa: Hàn the, vị cay, đắng, tính hơi ấm, không độc, chữa chứng tích cục, đờm đọng, họng đau, nhọt lở và mắt mờ.

493. Lưu hoàng: Sinh (Diêm vàng), vị mặn, mùi hôi tanh, tính ấm, có độc, trị lở loét có trùng, thận lạnh, liệt dương, bổ lao, tổn, chặn cơn kinh giật trẻ con.

XXII - THUỘC VỀ NGƯỜI

494. Loạn phát: Tóc rối. Khi dùng phải đốt ra, vị đắng, tính hơi ấm, không độc, thông quan, cầm máu, chặn cơn kinh trẻ con, chữa các chứng lỵ, lở và đậu mùa (Lược)

495. Trảo giáp: Móng tay, vị ngọt mặn, tính hàn không độc, công dụng khai thông, thúc đẻ, thông đái buốt, cầm máu, chữa chứng phạm phòng và chứng cảm gió. Đốt tồn tính cho uống vào là khỏi ngay.

496. Nhân nha: Răng người, vị ngọt hơi đắng, mặn tính có độc, công dụng chữa sốt rét, nốt đậu bị hãm, lao trùng, nhọt lở và cổ độc.

497. Nhân phẩn: Phân người, tính hơi hàn, không độc, thương hàn, sốt nóng phát cuồng mụn độc, nốt đậu bị hãm, bệnh lao nóng âm (đốt ra tro lắng nước mà dùng).

498. Đồng tiểu tiện: Nước đái trẻ. Tính hàn không độc, nhuận tim phổi, trừ lao, chặn ho, tiêu máu cục trong bụng, chỉ huyết, sát trùng, thanh nhiệt. Dùng nước đái con trai độ 6, 7 tuổi trở xuống mạnh khỏe là tốt, khi lấy bỏ 4 giọt đầu và 4 giọt cuối đừng dùng.

499. Nhũ trấp: Nước sữa người, vị ngọt, tính mát không độc, bổ khí huyết, chữa hư lao, đau mắt, phong cấm khẩu.

XXIII - NHỮNG VỊ THUỐC LỌM LẶT THÊM

(Bản thảo thập dị) gồm 87 vị (15)

1. Bách thiên liệu - Lá đơn tía (lá trên thì xanh, dưới thì tía)
2. Đăng lung thảo - Cây thù lù

15. Phần này do đời sau chép thêm, có một số vị gọi nhầm. Sách in năm 1961 chỉ có 63 vị, sau in lại một lần thêm 19 vị, và lần in năm 1908 lại thêm 5 vị thành 87 vị (bản A.3024). Đây dịch nguyên văn, chú thích của nguyên bản để trong (vòng đơn) đính chính để trong ngoặc vuông.

3. Hoạt lộc thảo	- Cây xương sông
4. Thanh táo	- Cây trường sinh
5. Kê tràng thái	- Rau giệu
6. Du lòng thái	- Rau dừa nước
7. Thu đào	- Cây ké ươm lá nó tày trong lòng bàn tay, có lông hoa đỏ như hoa đào
8. Đại liễu	- Cây Nghễ
9. Dã già	- Cà cỏ
10. Bạch đồng nữ	- Cây mấn trắng
11. Xích đồng nam	- Cây mấn đỏ
12. Mộc hộc	- Cây khô mộc (Lá như lá Thạch hộc, hoa đỏ, hay leo các cây)
13. Châm thảo	- Cỏ may
14. Tạo phàn	- Cây phèn đen
15. Sơn phục cân	- Ráy sắn sục (Thiên niên kiện)
16. Thanh tân thảo	- Cỏ màn trầu
17. Trần sa lực	- Cây vuốt hùm
18. Tục cốt đằng	- Dây đau xương
19. Xích chu đằng	- Dây canh châu
20. Khổ luyện đằng	- Dây tầm bớp (xoan leo)
21. Chấp miên đằng	- Dây bạc sau
22. Lão bồ đằng	- Dây bồ đài
23. Bạch phấn đằng	- Dây chìa vôi
24. Thanh long đằng	- Dây lông trống
25. Mỵ thảo	- Cải rừng
26. Cửu ngưu đằng	- Dây rau ráu
27. Đại bi đằng	- Dây lẳng rừng
28. Tích tịch căn	- Củ tầm sét
29. Thổ ty đằng	- Dây tơ hồng
30. Đại cung đằng	- Dây lõi tiên
31. Triệt lộ đằng	- Dây mơ
32. Bất xá	- Cây trái nhớt
33. Ngũ trảo long	- Dây vỏ dé hay leo lá tay bàn tay có lông, có 5 ngạc [Dây quai bị]
34. Kim anh đằng	- Cây hoa chiêng chiêng
35. Thương lục	- Cây niệt [Thương lục]
36. Mộc lân	- Cây vẩy ốc [Dây trâu cổ]
37. Trúc thảo	- Cỏ môi (hay mọc dưới nước)
38. Cầu khuẩn	- Cây lọ chó [Nấm chó]

39. Ô nha tử	- Trái tràm (hay trôi sông)
40. Đã khổ luyện	- Cây sầu đâu (rừng) cây nhỏ, mọc ở gần nước
41. Độc giả	- Cà độc dược
42. Dung thụ	- Cây đa
43. Huyết dụ	- Cây phất dũ
44. Phi tử	- Chua ngút
45. Cát bối	- Cây bưởi bung
46. Yêu đào tử	- Qủa doi
47. Thuyết căn	- Rễ kim luông
48. Trợ quân lương	- Qủa sim
49. Phù lão	- Cây lấu (hay nấu nước làm sứa)
50. Hoàng chỉ căn	- Rễ cây Vô đẻ
51. Tử niêm	- Cây sắn (hay giã vỏ nhúng chài lưới)
52. Bạch lực	- Rễ cây quít rừng
53. Dã vô hoa	- Cây ngái sung
54. Lậu lô	- Cây dứa [dùng thay]
55. Hoàng lực	- Rễ cây trắng
56. Thanh dương tử	- Cây gãng
57. Động lực	- Rễ cây bài nậu [Cây tầm song, cây cam trời]
58. Kim phượng diệp	- Cây lá mỏng [Cây kim phương]
59. Hoàng nàn	- Vỏ doãn
60. Hồ điệp căn	- Rễ cây bươm bướm
61. Nhuy nhân	- Hột cây cuốn
62. Bạch niêm	- Cây mua
63. Mộc ngưu	- Hoa ngâu
64. Thanh mộc hương	- Vỏ cây khổ lô [Dây khổ rách]
65. Hoàng oanh bì	- Vỏ cây duối
66. Bạch long bì	- Rễ chu biên
67. Ưu đàm	- Cây sung
68. Tân di thụ	- Cây đa lông
69. Miên hoa	- Bông vải
70. Ngũ gia bì	- Vỏ cây chân chim
71. Thủy dương liễu	- Cây gạo nước
72. Miên tử	- Hột bông vải
73. Mễ ẩm	- Nước cơm
74. Mễ trấp	- Nước vo gạo
75. Ban biển ngư	- Cá mén ở nước mặn (nhỏ bằng 3 hoa tay hình như cá mòi mình có đồi mồi)

76. Toàn yết	- Bò dán trong thuyền [Bọ cạp]
77. Xú trùng	- Bọ xít
78. Xú sất	- Con rệp ở giường sập
79. Xú thử	- Chuột chù (chuột xạ)
80. Bại cổ bi	- Da trống (thủng)
81. Kim bạc	- Lá vàng thiếp
82. Ngân bạc	- Lá bạc thiếp (giấy tiền vàng bạc).
83. Đông phong thái	- Rau ngót
84. Đại ô miết	- Ngạc ba (chăng ba)
85. Câu đằng	- Bòng bong [Dây mọc câu]
86. Nha nhiêu đằng	- Lá chiều (lá có lông nhân dùng đánh bóng đồ)
87. Cẩu xú đằng	- Mơ lông (thối địt)

HẾT QUYỂN ĐẦU

Bảng II

Cải trời

Chỉ thiên

Chu biên

Chua ngút

Nụ áo - Cúc áo

Cỏ lưỡi rắn

Cỏ sước nam
ngưu tất

Cỏ seo gà

Công cộng
Xuyên tâm liên

NAM DƯỢC THẦN HIỆU

Mười khoa chữa bệnh

QUYỂN I

CÁC BỆNH TRÚNG

I - TRÚNG PHONG

Trúng phong là đầu các bệnh, biến hóa lạ thường và phát bệnh khác biệt, triệu chứng như thình lình ngã ngất, hôn mê bất tỉnh, miệng mắt méo lệch, sùi bọt mồm bọt miếng, bán thân bất toại, nói lăng ú ớ, chân tay cứng đờ không co duỗi được, các chứng trạng như thế đều là trúng phong cả, khi gặp các chứng nguy nan này thì hãy kíp xem các phương sau đây mà chữa.

1. Kinh trị trúng phong, bất tỉnh nhân sự, sùi bọt miếng, cấm khẩu, tay chân không cử động, uống thang thuốc này thời không thành phế tật.

Trắc bá diệp (bỏ cành) 1 nắm, *Hành trắng cả rễ 1 nắm*, Giã nát, nấu với nước một thăng (1) rượu ngon, sôi vài dạo thì uống. Không biết uống rượu thì sắc với nước cũng được. (Một bản khác chép: "Như không uống rượu được 1 lần thì có thể chia làm 4, 5 lần mà uống (2).

2. Kinh trị trúng phong, cấm khẩu, không nói được, tâm phiền hoảng hốt, tay chân không cử động hoặc đau bụng, đầy hơi, hoặc có lúc ngất đi rồi lại tỉnh.

- *Đất lòng bếp* 5 thăng [1], tán nhỏ, quấy đều với 8 thăng nước, lắng lấy nước trong, cạy miệng người bệnh đổ dần dần vào, tỉnh thì thôi.

- *Đậu đen* lớn hạt, nấu bỏ bã lấy nước, cô thành cao mà ngậm, dùng lâu mới công hiệu.

- *Hoa Kinh giới* 2 đồng cân (đồng = đ/c[2]. Tán nhỏ uống với rượu là khỏi ngay. thực là thuốc trị phong hay độc nhất.

- *Hạt cải:* 1 cáp. Tán bột sắc với 2 chén dấm, sắc còn một nửa đem bôi dưới gốc hàm,

- *Hạt cải củ*, hạt bồ kết. Mỗi thứ 2 đồng, sắc với nước mà uống, mửa được thì khỏi.

3. Kinh trị trúng phong, miệng câm, sùi bọt miếng, tay chân không co duỗi được, bất tỉnh nhân sự:

Nước vòi măng tre (trúc lịch) 2 đồng, nước cốt gừng (khương trấp) 1 đồng. Hòa đều mà uống, khỏi ngay.

- Y phương trên, thêm vào một phần nước sắn dây tươi và một chén mật ong.

- *Nam linh* tán bột cho vào một ít long não, chế thuốc vào ngày mồng 5 tháng 5, khi dùng lấy ngón tay giữa chấm thuốc xát vào răng hai ba mươi lần, thì miệng tự nhiên mở.

- *Bồ kết* 10 quả, bỏ vỏ, bôi mỡ lợn nướng vàng, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng.

Người mạnh uống hai đồng, uống với rượu và nước sôi hòa lẫn, mửa ra phong đàm thì thôi uống.

- *Dây bồ dài, Thạch xương bồ, lá kê dầu ngựa, Rễ chu biên, Dây lăng rừng*. Các vị đều nhau làm 1 thang, thêm 3 lát gừng, sắc với nước, uống nóng.

- *Ba đậu* bọc nhiều lớp giấy bản, ép cho dầu thấm ra giấy rồi cuốn giấy lại như điếu thuốc, đốt cháy lên lại thổi tắt đi, hun khói vào lỗ mũi, tức thì thấy chảy được nước dãi hoặc mửa ra máu độc thì sống.

- *Bọ cạp (toàn yết)* 1 con, dùng lá bạc hà gói lại đốt cháy rồi tán cả hai thành bột, uống một lần với nước sôi, nếu chưa đỡ thì làm lại cho uống một lần nữa (đã có kinh nghiệm).

---

(1) Đơn vị cân lường đời xưa: - Cáp tương đương với 10g. Thăng = 10 cáp tương đương 100g. Đấu = 10 thăng tương đương 1kg. Thạch = 10 đấu bằng 10kg.

(2) Đồng cân (Đ/c) bằng 3,75g (trong việc kê đơn thuốc được tính 4g tròn). Lạng = 10 đồng cân, 1 cân tàu là 16 lạng bằng 600g.

- *Quất hồng* 5 lang, thái nhỏ, sắc với 3 bát nước sông, còn một bát cho uống lúc còn nóng rồi uống thêm nước nóng để gây nôn. Đây là nghiệm phương của các đạo gia.

- *Hạt cải củ, bồ kết* 2 vị bằng nhau, tán nhỏ liều uống 2 đ/c với nước nóng, mửa ra đờm độc thì thôi.

4. Kinh trị trúng phong, lưỡi cứng không nói được con người không động trong ngoài phiền nhiệt.

- *Gà mái đen 1 con,* làm thịt bỏ lông, ruột, rửa sạch đổ vào 5 thăng rượu để nấu cạn còn 1 nửa, lấy nước đó chia làm 3 lần uống, còn thịt gà thì lấy hành tăm, gừng và gạo nấu cháo mà ăn; ăn xong đắp mình kín cho ra mồ hôi là đỡ.

5. Kinh trị trúng phong, khí nghịch, tay chân lạnh ngắt, mửa toàn nước trong, vật vã kêu la.

Quế một lạng (1), *Nước lã* một thang rưỡi sắc còn một nửa, chờ nguội cho uống.

6. Kinh trị trúng phong, tê lạnh, cấm khẩu bất tỉnh nhân sự.

Chất trắng trong cứt gà 1 vốc. Sao vàng chế vào 3 chung rượu, quấy đều chờ lắng trong bỏ bã, lấy nước cho uống.

7. Kinh trị trúng phong, trúng khí, sộc đờm, bất tỉnh nhân sự hàm răng cắn chặt, đổ thuốc không vào.

Bán hạ tán nhỏ dùng một ít thổi vào lỗ mũi cho nhảy mũi thì khỏi.

8. Kinh trị trúng phong, miệng mắt méo lệch mửa ra đờm dãi, miệng nói ú ớ, chân tay xuôi rũ.

Cỏ hy thiêm. Ngày 5 tháng 5 hoặc mồng 6 tháng 6 âm lịch, hái lá, rửa sạch, rưới rượu, cho vào chõ mà đồ, một thời gian lấy ra, chờ nguội lại rưới rượu rồi đồ nữa, làm như vậy chín lần, rồi đem phơi khô, tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt Ngô đồng (3) mỗi lần uống 100 viên, và lúc đói bụng, với nước cơm rất hay.

9. Kinh trị trúng phong méo miệng, cùng trị chứng phong 30 năm:

Lá thông tươi 1 cân, giã nát ngâm với rượu 2 ngày đêm, hơ gần lửa 1 ngày đêm rồi đem ra dùng, lần đầu uống nửa thăng, dần dần tăng lên một thăng thấy đầu mặt ra mồ hôi là khỏi.

10. Kinh trị tất cả các chứng phong bán thân bất toại và miệng mắt méo lệch:

Kinh giới tươi 1 cân, *Bạc hà tươi* 1 cân. Cho vào cối đá giã nát, dùng vải lụa bọc vắt lấy nước cốt, bỏ bã cho vào nồi đất cô thành cao, chia làm 3 phần, hai phần đem phơi khô tán nhỏ, còn một phần làm cao, nhồi lại viên bằng hạt Ngô đồng.

Ngày uống 30 viên với nước chín, uống vào lúc sáng và tối lúc sắp đi ngủ.

Kiêng ăn đồ động phong (4).

- *Bồ kết* bỏ vỏ đen tán nhỏ, *Giấm* lâu năm (3 năm). Hòa lại sền sệt như bùn, méo miệng bên trái thì bôi bên phải, méo bên phải thì bôi bên trái, khô thời bôi nữa, bôi đến lúc hết méo thì thôi.

- *Hạt thầu dầu* 36 hạt, dùng giấy bản gói lại nhiều lớp, ép cho ra hết dầu. *Lươn vàng* 1 con, cắt đầu lấy máu nhào với thuốc trên, đem bôi ở khóe miệng góc hàm và lòng bàn tay, hễ lệch bên này thì bôi bên kia.

---

3. Hạt ngô đồng: cỡ bằng hạt đậu xanh, độ: 0,03g.

4. Đồ ăn động phong: thịt bò, thịt gà, thịt ngựa, cá chép, tôm, cua, cá biển, mắm tôm... và những chất cay nóng kích thích, nếu là bệnh ho mà ăn vào thì ho thêm nhiều; nếu là bệnh ngoài da mà ăn thì phản ứng ngứa dữ.

- Dùng *Bán hạ* sắc lấy nước đổ vào bình sành, thừa lúc đang nóng chườm lên lòng bàn tay. Lại dùng lá vông đem hơ nóng, đem áp vào chỗ méo, nguội thì hơ lại làm một lát thì khỏi.

- *Ba đậu* 7 hạt, bóc vỏ, nghiền nhỏ, bôi vào lòng bàn tay, hễ méo bên này thì bôi bên kia, lại lấy một bát nước nóng chườm lên chỗ bôi thuốc, chốc lát bệnh khỏi thời rửa đi.

- *Nam tinh,* tán bột hòa với nước cốt gừng mà bôi, cứ méo bên này thì bôi bên kia.

- *Vôi mới nung,* tán nhỏ sao, nhào với giấm như bùn mà thôi, méo bên này thì bôi bên kia.

- *Con hai đuôi* 4, 5 con, nghiền nát, đem xát hai bên lỗ tai, hễ méo bên này thì xát bên kia.

- Lấy hai phần *Mủ duối* (Hoàng oanh thụ) hòa với một phần máu lươn vàng, trộn đều, trát lên mảnh giấy mà dán, méo bên này, thì dán bên kia, hết méo thì thôi.

- *Quế tâm*, nấu với rượu, lấy giẻ chấm mà xát, méo bên này thì xát bên kia thường dùng rất hay.

- *Đậu đen xanh lòng* 3 phân sao chín cho bốc khói lên, chế 5 phần rượu vào, ngâm vài ngày gọi là rượu Đậu Lâm mỗi lần uống 1 thăng, đắp mền cho ra mồ hôi vừa vừa, hễ thấy da nhuận lại thì khỏi.

11. Truyền phương trị 36 chứng phong 16 chứng tê chân tay không co duỗi được, hoặc xương mềm liệt (cốt huy) đều hay cả.

Thạch xương bồ, ngâm với nước vo gạo, rửa sạch, ky đồ sắt, dùng chày gỗ giã nát ngâm với rượu mà uống, hoặc chế làm viên uống cũng hay.

12. Kinh trị chứng trúng phong, thình lình tay chân co rút không cựa được.

Đậu đen xanh lòng 3 thăng, cho vào chõ mà đồ, đó giấm vào hai thăng, đang khi nóng bưng đổ xuống đất rồi trải chiếu đậu lên cho bệnh nhân nằm; đắp mền áo nhiều lớp, chờ khi đậu nguội, thì lấy bớt mền dần dần, nhưng phải cho một người thò thay vào mền để xoa nắn, kéo chỗ bị co rút; rồi lại đổ đậu như thế làm nữa và cho uống thang Trúc lịch, làm như vậy ba ngày là khỏi.

13. Kinh trị trúng phong, mình mẩy cứng dờ, không thể co duỗi, da cấu không biết đau.

Vỏ cây hòe bỏ vỏ thô bên ngoài, lấy phần vàng trắng bên trong thái nhỏ, đổ vào một bát rượu và hai bát nước, sắc còn một nửa cho uống dần dần, hết thì làm thêm khỏi mới thôi.

- Lá đào, 1 bó. Đào sẵn một cái hố, chất củi đốt đỏ lên, rưới nước vào cho nguội, lót lá đào xuống cho bệnh nhân nằm, để gáy vào chỗ lên hơi, chờ ra mồ hôi thì thôi.

- *Vỏ cây quít* thái mỏng một thăng, rượu 2 thăng. Ngâm 1 đêm, mỗi lần uống 1 chén, uống đến khỏi bệnh thì thôi.

13b. Kinh trị chứng phong nhiệt chạy khắp thân thể tự như sâu bò, và tất cả các chứng phong khí:

Muối 1 đấu (1) nấu nước tắm 3, 4 lần sẽ khỏi.

14. Kinh trị tất cả các chứng phong, tê liệt tay chân, nhức cả đầu, hay nhức một phía, miệng mắt méo lệch và các bệnh phong khác:

- *Bèo ván tía* lấy ngày rằm tháng bảy, phơi khô, tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng viên đạn, mỗi lần uống 1 viên với nước đậu đen ngâm rượu.

- *Bạch hổ* tán vôi lâu năm gỡ bỏ đất bẩn, nghiền nhỏ, đổ nước vào lắng trong, chắt bỏ nước lấy vôi; mỗi lần dùng lấy 3 đồng cân sắc với 1 chén nước cạn còn 7 phân cho uống rất hay.

- *Lá cành cây liễu* nửa cân giã nát, kinh giới nửa cân cho vào nồi đất đổ vào nồi đất 5 bát nước, nấu còn hai bát, lọc bỏ bã rồi đổ vào 1 chén mật ong, 1 bát nước măng tre (trúc lịch) đổ chung vào 1 cái hũ, bịt kín miệng để vào nồi lọ (hay chảo) mà chưng cách thủy.

Mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 1 chén công hiệu (một bản khác chép thêm: "bệnh 1 năm uống 1 tháng, bệnh một tháng uống 5 ngày, rất công hiệu").

15. Trị chứng phong cong mình, uốn ván.

Nam tinh, bán hạ. Hai vị đều nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng, uống với nước măng tre và nước cốt gừng.

16. Kinh trị chứng phong, gân cốt không cử động được vì tê lạnh, các khớp xương đau, tay chân co quắp, hòn dái rất đau, nửa mình tê dệt, da tê dại.

- Lấy nhiều *đất chuột đùn* đem về phơi khô sao nóng, đổ vào vuông lụa, đùm lại đem chườm vào chỗ đau, nguội thì thay cái khác làm mãi sẽ khỏi, rất công hiệu.

- *Phân tằm* 2 đấu, đem đồ cho nóng, dùng lụa trắng gói làm hai đùm, đem chườm vào chỗ đau, nguội thì thay cái khác, vài ba lần thì kiến hiệu.

- *Kê đầu ngựa* dùng cành và lá, rửa sạch giã nát bỏ vào nồi đất, đổ nước nấu thành nước đặc, lọc bỏ bã cho sang qua nồi đất nhỏ lửa cô thành cao mỗi lần uống một một muỗng canh với rượu hay nước đậu.

Kiêng ăn thịt heo, gà.

17. Kinh phong lao trúng độc, đau buốt, hoặc phong nhập vào bụng dưới, đau lưng.

Đào nhân một vốc (bỏ vỏ và đầu nhọn), sao đen, giã nát như bùn, rượu 1 bát hòa đều mà uống, ra mồ hôi thì thôi, 3 ngày thì khỏi.

18. Kinh trị chứng phong, cùng trúng phong cấm khẩu.

- *Bạch cương tàm* 7 con, cắu bỏ đầu và chân, sao vàng, dùng miếng nhục quế ngâm rượu uống đến khỏi thì thôi.

- *Quế* 1 miếng, để vào dưới lưỡi, ngậm nuốt nước, rất hay.

- *Quế* 3 đồng, tán nhỏ sắc với 2 chén nước còn một nửa uống cho ra mồ hôi là được.

19. Truyền trị chứng kê trảo phong, miệng lập cập, tay run không cầm nắm gì được.

Ngũ gia bì 5 phần, *Ngưu tất* (rửa sạch sao) 4 phần, *Thạch hộc* 4 phần, *Nhục quế* (cạo bỏ vỏ), *Can khương* (sao) nửa phần. Nước 1 bát, trước dùng đồng tiền cổ đã ngâm sẵn trong dầu mè, mỗi lần dùng thì lấy một đồng tiền bỏ vào thuốc sắc chung, uống ấm bất kỳ lúc nào.

20. Trị trúng phong, phong tê, thấp tê, tê dại, tay chân tê liệt hoặc co quắp đau nhức, uống phương này, bệnh 1 năm uống 1 tháng, bệnh 1 tháng uống 5 ngày là cử động được, rất công hiệu.

Rễ cây kim anh, tùy bệnh nhân nặng hay nhẹ mà dùng nhiều hay ít, đem rửa sạch sao vàng, bỏ lớp vỏ đen, thái nhỏ, ngâm rượu ngon cho ra nước đặc, mỗi ngày thường uống, bất kể giờ giấc hay nhiều ít.

II - THƯƠNG HÀN

Thương hàn là một bệnh nặng có quan hệ đến sự sống chết của bệnh nhân nên lúc phát bệnh không thể không xét kỹ.

- Thái dương chứng thì phát sốt sợ lạnh, lưng gáy cứng đau.

- Dương minh chứng thì nóng, mắt đau mũi khô.

- Thiếu dương chứng thì đau ngực, đau sườn, ù tai, miệng đắng, nóng rét qua lại mà ọe mửa.

- Thái âm chứng thì đau, họng khô, chân tay ấm, hoặc đại tiện lỏng, không khát nước. Hoặc bụng đầy mà lúc đau lúc không.

- Quyết tâm chứng thì phiền muộn, bìu dái thụt.

- Thiếu âm chứng thì đòi mặc thêm áo, nằm co ớn lạnh hoặc lưỡi khô miệng ráo

- Bệnh chính dương minh thì sốt từng cơn, tự ra mồ hôi, nói nhảm, khát nước, không sợ lạnh mà sợ nóng, tung bỏ mền áo khọa tay múa chân, hoặc phát chứng hoàng ban, phát cuồng 5, 6 ngày không đi đồng được, bệnh trạng như vậy tùy từng kinh mà chữa, tùy từng chứng mà ứng biến mà câu lệ chấp nhất.

Có người hỏi: "Bệnh thương hàn do đâu mà ra" Trả lời rằng: "Mùa đông khí trời giá rét, nước đóng thành băng, nước đông thành ván, khí hậu khắc nghiệt ấy người nào thân thể yếu mà cảm phải sinh bệnh. Đó là chứng thương hàn".

Nếu không phát bệnh ngay, nhưng hàn tà xâm nhập bì phu, ẩn phục ở vinh vệ, đến mùa xuân ấm áp mà phát bệnh thì gọi là "ôn" đến mùa hè mới phát thì gọi là bệnh "nhiệt", cho nên thương hàn tuy chỉ là một bệnh, những biến thành nhiều chứng trạng. Sách Nội kinh bàn về bệnh này rất nhiều không kể hết được, nay chỉ lược chép các phương để tùy bệnh mà chữa.

1. Trị thương hàn và thời khí, mình nóng, ớn lạnh, đau đầu, nghẹt mũi. Lúc mới cảm nên phát tán bằng phương pháp này:

Hương tô ẩm:

Hương phụ mễ 3 đồng, *Tía tô* 2 đồng, *Trần bì* 1 đồng. *Cam thảo* 5 phân, *Gừng sống* 3 lát, *Hành tăm* 2 nhánh. Nước một bát, sắc sôi vài dạo cho uống còn nóng.

Cách gia giảm:

Đau đầu gia *Thạch cao* 1 đồng, đau ở huyệt thái dương gia *Kinh giới tuệ* 1 đồng, *Thạch cao* 1 đồng, thương phong thở dốc lồng ngực tức đầy gia *Chỉ xác* sao 1 đồng, *Tang bạch bì* 2 đồng.

Lạch bao tử không ăn uống được gia *Thanh bì* (bỏ xơ trắng) 1 đồng *Chỉ xác* (bỏ ruột) 1 đồng.

Cảm phong lên cơn sốt, rét run lập cập, gia quế chi 1 đồng.

Đổ mồ hôi cũng gia *Quế chi* 1 đồng.

Thương phong đau lưng không thể cúi ngửa gia *Đào nhân* (bỏ vỏ và hai đầu nhọn) 1 đồng, *Quan quế* (bỏ vỏ) 1 đồng.

Thương thực phát sốt mắt mờ, vàng da, gia *Nhân trần* 1 đồng, *Chi tử* (bỏ vỏ) 1 đồng

Đàn bà sắp có kinh bị cảm, nóng lạnh, gia *Tô mộc* 1 đồng, *Hồng hoa* 1 đồng sắc uống.

2. Kinh trị bệnh thương hàn mới phát, không cần biết âm dương gì cả.

Bồ kết to 1 quả. Đốt cháy tán nhỏ, hòa với nước cho uống, rất hay.

3. Kinh trị thương hàn, nhức đầu nóng dứ dội trong ngực buồn bực khó chịu, 4, 5 ngày chưa khỏi:

Ô mai 14 quả, muối 1 nhúm, nước 1 bát, sắc còn 1 nửa, uống ấm để gây nôn, sau khi nôn rồi tránh chỗ gió thì sẽ khỏi.

4. Kinh trị mấy thứ thương hàn mà thầy thuốc dỏm không thể phân biệt được và kiêm trị được các bệnh thời khí lúc mới phát nhức đầu và nóng ở trong.

Cát căn 4 lạng. *Đậu sị* 1 vốc. Nước hai thăng còn một nửa, uống nóng đắp mền áo cho ra mồ hôi, hoặc cho uống với nước gừng càng tốt.

5. Kinh trị chứng thương hàn mới phát.

Cho uống nước nóng, rồi móc cổ cho mửa thì đỡ.**6. Kinh trị thương hàn phát sốt 2, 3 ngày:**

Cát căn 1 lạng, *Đậu sị* 1 vốc, *Đồng tiện* 1 đấu. Sắc còn nửa đấu, chia cho uống, 3 lần. Nấu cháo giải cảm (5) cho ăn để ra mồ hôi là khỏi.

7. Truyền phương trị thương hàn và trị chứng 4 mùa phát sốt, nhức đầu, đau xương sống, ớn lạnh, đổ mồ hôi, ngực đầy hơi, nôn mửa...

Trần bì 10 phần, *Cát căn* 10 phần, *Hương nhu nhỏ* 7 phân, *Tía tô* 5 phần, *Thanh bì* 5 phần, *Gừng sống* 3 lát, *Hành tăm* 1 táp. Sắc với nước uống khi còn đang uống nóng cho đổ mồ hôi thì khỏi.

Nhân trần 10 phần, *Dây tăng rừng* 10 phần, *dây bồ đòi* 10 phần, *Cát căn* 10 phần, *Tang bạch bì* 3 phần. *Rễ tranh* 3 phần, *Gừng sống* 3 phần. Sắc với nước sinh uống thì khỏi.

8. Kinh trị mấy loại thương hàn lúc mới phát vài ngày, chưa phân biệt là gì, và trị thương hàn đầu đau muốn vỡ.

Hành trắng cả rễ 4 lạng, *Gừng sống* 1 lạng, sắc với nước cho uống nóng ra mồ hôi là khỏi.

9. Truyền phương trị thương hàn cùng 4 mùa nóng mình, nôn ọe, các chứng:

Gạo nếp (sao vàng) 1 vốc, *Gừng sống* (thái nhỏ) 1 củ. Nước 1 bát nấu thành cháo ăn nóng rất hay.

10. Kinh trị thương hàn về mùa đông mồ hôi không ra được, uống thuốc giải biểu mà mồ hôi vẫn không ra:

Lá tía tô nấu nước sôi đổ vào 1 cái chậu, lấy mền trùm hai đầu gối và bàn chân rồi xông và giâm, công hiệu không thể nói.

- Dùng gừng sống, giã nhừ, lấy vải bọc lại đem xát khắp mình cho ra mồ hôi.

- *Gừng* và *Hành*, mỗi thứ một nửa thăng, nấu với 1 hộc nước, đổ vào 1 chậu lớn, lấy 1 thanh gỗ, gác qua miệng chậu, nằm ngửa mà xông, trên thì đắp mền kín, chỉ chừa chỗ mũi để thở ra được mồ hôi là khỏi bệnh.

- Gừng và hành cả rễ, *Đậu sị* mỗi thứ đều nhau, giã nhỏ, nặn thành bánh đặt lên rốn, lấy lụa buộc chặt cho ra mồ hôi thì thôi.

- *Gừng sống* 1 củ, *Hạt đào* cả vỏ, giã nát 7 hạt. *Hành cả rễ* 7 nhánh. *Lá chè tươi* 1 nắm. Sắc cho uống khi còn nóng, đắp mền kín cho ra mồ hôi khỏi ngay.

- *Hạt cải* giã nhỏ đặt lên rốn, lấy đồ nóng chườm ngoài áo cho ra mồ hôi, cũng hay.

11. Kinh trị thương hàn đã uống thuốc phát tán và thuốc hạ mà nóng cũng không hết.

Dành dành 14 quả, *Can khương* 1 lạng. Nước ba bát, sắc còn 1 nửa, uống hai ba lần cho nôn thì thôi.

12. Truyền phương trị thương hàn nóng qúa phát cuồng.

- *Đất lòng bếp* 1 cục, giã nhỏ, hòa với nước uống 3, 4 lần là khỏi.

---

5. Cháo giải cảm lạnh: gạo 50g nấu chín nhừ hòa vào 2 quả trứng gà, xắt hành nhỏ 2 tép, hột tiêu 20 hột tán nhỏ, ăn lúc còn nóng, rồi đắp chăn 15 phút cho ra mồ hôi.

- *Lòng trắng trứng gà* 1 cái, *Mật ong* 1 chén, *Phác tiêu* 3 đồng, nước lạnh 1 chén hòa đều mà uống, hoặc chỉ dùng 1 quả trứng gà đập vỡ hút sống cũng khỏi.

- *Long đảm thảo* tán nhỏ cho vào một cái *Lòng trắng trứng gà*, hòa với mật và nước, mỗi lần uống 2 đồng cân rất hay.

- *Cứt trùn* hòa vào nước lạnh uống sẽ khỏi.

13. Kinh trị thương hàn nóng qúa phát cuồng chạy bậy 5 - 7 ngày chưa hết:

- *Cây chuối con* 1 khúc (vài gang). Chẻ ra bỏ ruột, nhét vào 15 con trùn rồi bó lại, nướng chín vắt lấy nước cho uống khỏi ngay.

- *Giun đất (trùn đất)* lớn vài chục con. *Đồng tiện* 1 bát. Nấu sôi mà uống, hoặc dùng sống giã nát, cho đồng tiện vào vắt lấy nước cốt mà uống.

14. Kinh trị thương hàn dương độc, nóng qúa, cuồng loạn, lưỡi co khô đau, thở ra lỗ mũi như bốc khói.

Vải xanh (ruột chàm) 1 thước. Ngâm nước lạnh xấp lại hai ba lần đem ấp trên ngực cho phổi được mát mẻ, nóng sẽ tự lui.

15. Một kinh phương trị thương hàn dương độc, uống thuốc thông hạ rồi mà hông ngực căng tức, đau nhói hoặc phát điên cuồng:

Trùn khoang cổ 4 con, Nước gừng 1 thìa, *Mật ong* 1 muỗng, *Nước bạc hà* 1 muỗng, *Phiến não nửa phân.*

Nghiền đều cho uống dần dần, uống hết giây lát thấy dễ chịu, xoa vùng tim cho ngủ, đổ mồ hôi là khỏi, nếu chưa khỏi làm lại mà cho uống.

16. Một phương kinh trị thương hàn phiền nóng, ngực đầy tức, buồn bực ảo não, không dủ hoặc lưỡi trắng, nếu ra mồ hôi hay hạ thì sợ khí sẽ hư, nên dùng phương này để chữa.

Dành dành bỏ vỏ 14 quả, *Đậu sị* 4 vốc. Nước 4 bát, trước nấu quả dành dành đến khi còn lại hai bát nước thì cho đậu sị vào, nấu còn một bát cho uống nóng, mửa ra thì khỏi, hoặc nôn ọe thì gia trần bì 2 đồng, gừng sống 1 đồng.

17. Kinh trị dương độc, kết tụ ở ngực, ấn vào thì rất đau, hoặc thông rồi lại kết tụ thở gấp, phát cuồng, hoảng, phiền loạn

Giun đất (Trun đất) 4 con. Rửa sạch, nghiền nát như cháo và cho vào nước gừng sống một ít, mật ong 1 muỗng, nước bạc hà giã sống vắt chút ít, hòa với nước mới múc mà uống. Giây lát ra mồ hôi thì khỏi, nếu chưa khỏi thì làm nữa cho uống.

18. Kinh trị thương hàn tức ngực, tim đau, bụng đau cứng:

Hạt bìm bìm, giã nhỏ, rây lấy bột lớp đầu 1 đồng cân, nấu nước đường cát trắng mà uống, đi đại tiện một chút ít là khỏi.

19. Kinh trị thương hàn thuộc về âm độc nguy cấp:

Đậu đen sao thơm, chế rượu vào, cho uống còn nóng nếu uống vào mà mửa ra thì lại cho uống lại, mồ hôi ra được thì thôi.

20. Kinh trị chứng thương hàn khỏi rồi mà đau hông ngực:

Chỉ thực sao với bột mì, mỗi lần uống 2 đồng cân, uống sau bữa ăn với nước cơm, rất hay.

21. Kinh trị thương hàn thuộc âm bệnh, vì hạ sớm qúa, thành chứng tích đầy đè tay vào bụng thì mềm mà không đau:

Tân lang (Hạt cau), chỉ thực. Hai vị đều nhau tán nhỏ, liều dùng 2 - 3 đồng cân sác rễ cỏ seo gà lấy nước mà uống, rất hay, hoặc uống với nước chín cũng được.

22. Kinh trị chứng lạnh ngực đầu không đâu, gáy không cứng, tức cứng trong ngực, khi xung lên cổ họng, thở không được.

Cuống dưa dá 2 đồng rưỡi sao vàng. Đậu đỏ 2,5 đồng, tán nhỏ; mỗi ngày uống 1 đồng cân, dùng *đậu sị* 1 vốc, nước 7 chung, nấu nhừ lọc bỏ lấy nước hòa với thuốc trên đây uống thêm dần dần, mửa được thời thôi, không nên uống nhiều.

23. Kinh trị thương hàn, ảo não, phiền loạn chưa uống thuốc phát hãn hoặc hạ mà không ngủ được là chứng thực phiền:

Cuống dưa dá tán nhỏ, như trên.

24. Kinh trị thương hàn thở dốc không thôi:

Tía tô 1 nắm, *Nước* 3 thăng, sắc còn 1 thăng, uống dần dần rất hay. **25. Truyền trị thương hàn khi nghịch, phát nấc ngày đêm không ngớt:**

Tất trứng gà, riềng ấm 2 vị đều nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân, nấu nước sôi mười dạo, chế vào chút ít dấm, uống ấm thì khỏi.

26. Kinh trị thương hàn, ợ nấc:

Chỉ xác sao qua 5 đồng. *Mộc hương* 1 đồng tán nhỏ. Mỗi lần uống 1 đồng cân, uống với nước sôi chưa khỏi lại uống nữa.

27. Kinh trị thương hàn, nấc, tay chân quyết lạnh:

Trần bì 3 đồng, *Sinh khương* thái mỏng 6 đồng. Sắc với nước, uống nóng thời khỏi.

- Theo như phương trên, gia 1 nắm tinh tre (Trúc nhự).

28. Truyền trị thương hàn thuộc âm chứng mãn giường sờ áo:

Lấy một *nắm bùn* chỗ ruộng sâu hòa với nước cho uống.

29. Truyền trị thương hàn, bốn mùa cảm mạo nhức đầu nôn mửa, ăn uống không vào:

Rễ lau, Tinh tre (Phoi tre), gừng sống mỗi thứ 1 lạng, gạo tẻ 3 vốc, sắc uống.

30. Truyền trị thương hàn, đau đầu, xương sống cứng dờ:

Hà thủ ô, Thạch xương bồ, Tang bạch bì đều kiêng sắt, *Thạch cao*. Các vị đều nhau xé tước nhỏ, sắc uống còn nóng. Phương khác gia thêm *Cát căn*.

31. Truyền trị thương hàn, miệng câm, mắt nhắm:

Lá xương sông, lá hẹ giã nhỏ với nhau, hòa nước bỏ bã cho uống.

32. Kinh trị thương hàn lưỡi thè dài ra, không rút lại được.

Ba đậu 1 hạt: gói vài lớp giấy, cán cho hết dầu, thành bột, đùm giấy lại nhét vào lỗ mũi, thời lưỡi tự nhiên rút vào.

33. Kinh trị thương hàn, đi dại tiện ra phân như thịt nát. Xích bạch đái bụng đau vi uất và trị các chứng nóng:

Đậu sị nửa vốc, *Rễ hẹ* một vốc, *Dành dành* 7 quả. Nước hai bát, trước sắc dành dành cho sôi 10 dạo rồi cho rễ hẹ vào, nấu sôi 5, 6 dạo nữa, lại cho đậu sị vào nấu cho cạn còn phần nửa, uống nóng.

34. Kinh trị thương hàn nội thương, phiền muộn, hoặc sau khi khỏi bệnh vì làm việc qúa nhọc mà trở lại (dịch phục).

Rễ cây lau rửa sạch giã nát, sắc lấy nước cho uống.

35. Truyền vị vì mới ăn xong, đi làm việc mệt, bệnh trở lại.

- *Vỏ trứng gà* (thứ đã nở con rồi) đốt cháy, tán nhỏ, uống với nước nóng, mỗi lần 1 đồng cân, ra mồ hôi thì khỏi.

- *Hạt vông vang*, 2 thăng, giã nát *Hạt kê*, 1 thăng, nấu cháo cho ăn, ra mồ hôi thì khỏi

36. Kinh trị thương hàn do nhiệt độc công vào chân tay sưng nhức như muỗi rá rời.

- *Nước dái dê*, 1 thăng, *Đậu sị* 1 vốc. Giã nát với 1 dúm muối mà đắp, khô thì thay cái khác, hoặc lấy phân dê nấu nước mà ngâm, ngâm đến lúc khỏi thì thôi.

- Thịt bò để sống, lấy 1 miếng áp vào chỗ sưng nhức, thì hết ngay.

- *Cứt ngựa* quấy với nước mà phết vào, cũng khỏi.

37. Kinh trị thương hàn, sinh vàng da.

- Tóc rối, đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần lấy 1 đồng tiền xúc, uống với nước đã nấu chín, mỗi ngày uống ba lần sẽ khỏi.

38. Kinh trị thương hàn phát ban đỏ.

- *Thanh đại* 2 đồng, nghiền nhỏ quấy với nước cho uống.

39. Kinh trị thương hàn phát ban.

- *Nước mật heo* 3 vốc, *Giấm thanh* 3 chén nhỏ, *Trứng gà* 1 quả. Trộn đều nấu sôi 3 dạo cho uống để ra mồ hôi, người yếu thì chia ra làm 2, 3 lần uống.

- *Thiên khai hoàn*. Bài thuốc rất hay của nước Nam ta, chữa phong, hàn, thử, thấp sơn lam chướng khí, trúng độc.

Trùn khoang cổ 100 con, *Cua đồng* 100 con, *Bọ hung* 15 con, *Kim tinh, ngân tinh* tán nhỏ, lọc qua nước mỗi thứ 1 lạng. *Thạch cao* nung đỏ, tán nhỏ lọc qua nước 1 lạng, *Thường sơn* (ngâm rượu 1 đêm dọc bỏ gân lá) 1 lạng. *Dây bồ đài* 1 lạng, *Dây lẳng rừng* 1 lạng, *Rêu đất* 5 đồng, *Xác ve sầu* (bỏ đầu chân) 5 đồng, *Xạ hương* 1 đồng.

Cách chế: Dùng 1 quả bí đao cạo bỏ vỏ xanh, moi bỏ hết ruột, dồn hết các vị *Trùn, Cua, rêu đất*, đồ chín phơi khô tán nhỏ với các vị kia luyện hồ làm bằng viên đạn, *Thanh đại* làm áo liều dùng 1 viên, bệnh nặng uống 2 viên, trẻ con uống nửa viên uống với nước chín.

Theo phương trên mà thêm *Bình lang, Thảo quả* mỗi thức 1 lạng, *Xuyên sơn giáp*, nước 5 đồng cân.

Tùy chứng mà dùng thang như sau:

- Trúng phong, miệng câm, rụt lưỡi, dùng 1 nắm kê đầu ngựa, nấu lấy nước pha với đồng tiện mà uống với thuốc.

- Trị sơn lam chướng khí phát sốt hôn mê dùng *Tinh tre* 1 nắm, *Gừng* 5 lát sắc lấy nước mà uống với thuốc.

- Trị bất phục thùy bổ (chổi nước), nóng lạnh sưng bụng, dùng *Gừng tươi* 7 lát, *Hành tăm* 3 tép sắc lấy nước uống với thuốc.

Trị sốt rét mà lạnh nhiều, dùng 5 lát *Gừng*, nấu nước hòa với 1 chén rượu mà uống.

- Sốt rét nóng nhiều, dùng rễ *Chỉ thiên* 1 nắm, nấu nước uống với thuốc.

- Bốn mùa nhức đầu, đau mình dùng 7 lá táo, 5 *tép hành* bóc trắng, nấu lấy nước mà uống với thuốc.

- Ăn không ngon dùng *Sa nhân* 10 quả, sắc lấy nước mà uống với thuốc.

- Nếu ỉa chảy thì lấy nước cơm uống thuốc.

- Nếu bị kiết lỵ đau quặn, mót rặn mà đại tiện không được, dùng *gừng tươi* 7 lát, sắc lấy nước mà uống với thuốc.

- Đau bụng đau da, dùng *muối* 1 vốc, sắc lấy nước cho uống với thuốc.

III - TRÚNG HÀN

Trúng hàn phần nhiều là do người hư yếu, lúc đi ngoài đường cảm phải khí lạnh, bất tỉnh nhân sự, cấm khẩu, tắc tiếng, chân tay cứng đờ, co quắp đau đớn.

1. Một cách chữa:

- *Đậu đen* sao cháy đang lúc nóng, chế rượu vào mà uống rồi trùm mền cho ra mồ hôi là khỏi.

- *Hành củ,* giã nát, sao nóng, lấy vải đùm lại, đem chườm lên rốn, nguội thì đổi cái khác; hay lắm.

- *Mắt thông* thái mỏng nắm, sao cháy, chế rượu vào mà uống, rất hay.

- *Lưu hoàng,* để trong nồi đất đun cho chảy ra, đổ ập vào bát nước giếng tán nhỏ, viên với nước cơm bằng hạt Ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với rượu công hiệu rất nhanh.

2. Kinh trị trúng hàn di tiêu tháo dạ:

Can khương sao, tán nhỏ, mỗi lần uống, 1, 2 đồng cân, trộn với nước nấu cháo mà uống thì khỏi.

3. Kinh trị mùa đông rét qua, khí hàn nhiễm vào tim vào bụng, phát đau dữ dội, lan ra và sườn, đau nhói muốn chết.

Ngải cứu khô 1 nắm lớn bằng trắng gà, *Lá ngải tươi, Quế* (bỏ vỏ thô) 3 đồng cân, *Giấm thanh nửa chén, Rượu* 1 chén, gừng sống 3 lát. Sắc chung còn một nửa mà uống, đắp mền cho ra mồ hôi, yên ngay.

IV - TRÚNG THỬ

Cảm nắng

Mùa hè thời tiết nóng nực, khí trời nung nấu, nên ở chỗ mát mẻ, không nên xông pha chỗ nóng nực. Nội kinh nói: Tam phục, tức là nói trong 3 tiết thiếu thử, đại thử và xử thử, trời nắng chang chang, lỗ chân lông người thưa hở, chân khí không liễm, người thích ứng với thời tiết thì không bệnh, không thích ứng thì sinh bệnh.

Lúc phát bệnh thời nhức đầu, mê man, mình nóng, mạch nhỏ, họng khô, miệng ráo, hoặc ỉa, hoặc mửa, hoặc tay chân co giật, mồ hôi ra không ngừng, hông ngực đầy tức đái không được, hoặc phiền loạn khát nước, dùng các phương sau mà chữa.

1. Kinh trị trúng thử, trước cảm vào tâm kinh, ngã nhào bất tỉnh nhân sự.

Không nên uống nước lạnh, không cho nằm dưới đất ướt, cho uống nước nóng, hoặc nước đái trẻ con rồi lấy vải xanh nhúng nước mà đắp vào rốn cho ấm, tỉnh lại rồi mới cho uống nước.

2. Kinh trị người đang đi đường cảm nắng bỗng ngã nhào xuống.

Dìu nạn nhân vào nơi mát, lấy đất nóng giữa đường đắp xung quanh rốn thành như cái chậu, kêu mọi người xúm đái vào, hồi lâu ấm được là tỉnh ngay.

3. Kinh trị các bệnh thương thử, do trong lúc mùa hè nằm chỗ ẩm ướt hoặc hóng gió mát, hoặc ăn đồ sống quá nhiều, chân khí và tà khí kích bác nhau sinh ra nôn mửa phát sốt, đau đầu, đau mình hoặc đau bụng, đau tim chuyển gân co giật hoặc tứ chi lạnh ngắt hoặc phiền muộn muốn chết.

Hương nhu 2 lạng, *Hậu phác* (sao gừng) 1 lạng, *Bạch biển đậu* (sao) 1 lạng. Tán nhỏ mỗi lần uống 5 đồng cân. Nước 2 chén, rượu nửa chén sắc còn 1 chén sắc còn 1 chén đem ngâm vào nước lạnh cho nguội, uống luôn 2 lần, hiệu nghiệm tức thì.

Nếu ọe mửa thì gia *Hoắc hương, Trần bì, Sinh khương.*

Nếu nóng quá khát nước phiền nhiệt thì gia *Mạch môn, Lá tre, Rễ tranh, Cỏ bấc.* Nếu đau bụng thì gia *Chỉ tử.* Đây là thang thuốc hồi sinh rất công hiệu.

4. Kinh trị trúng thử, nóng dữ:

Rêu xanh trên mặt đất 2,3 đồng cân, tán nhỏ, hòa với nước mới múc, cho uống thời khỏi.

5. Kinh trị trúng nắng độc ngất:

Mè đen 1 thăng, sao gần đen, chờ nguội tán nhỏ, uống với nước mới lấy, 3 đồng rất hay.

Tỏi to củ 1 vốc, *Đất nóng giữa đường* 1 vốc, giã nhừ, hòa với 1 chén nước mới múc cho uống.

Nếu cấm khẩu thì cạy răng mà đổ, lại lấy đất nóng giữa đường đắp xung quanh rốn cho đái vào làm cho khí ấm thấu tới bụng, giây lát tỉnh ngay.

6. Kinh trị thái dương trúng thử, mình nóng đầu lạnh đó là mùa hè nóng quá, uống nhiều nước lạnh, nước chạy vào da mà sinh ra:

Cuống dưa bỏ (sao vàng), *Đậu đỏ* mỗi thứ 2 đồng cân rưỡi, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân. Dùng *Đậu sị* 1 vốc, nước 1 chung, nấu nhừ lọc bỏ bã hòa thuốc vào uống ấm, dần dần uống thêm một ít, mửa được nhiều thì khỏi.

7. Kinh trị trúng thử, bất tỉnh, gần chết.

- *Bồ kết* (đốt tồn tính), *Cam thảo* (sao qua). Hai vị đều nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân, với nước sôi, hết ngay.

- *Nước mới xáo* 1 bát cho uống, khỏi ngay.

Phương 1 thêm: vị thuốc ấy sắc nóng lấy thìa đổ từ từ, nâng đầu lên cao một chút, cho thuốc vào bụng thì tỉnh.

- *Lá bạc hà tươi,* giã nhừ, vắt lấy nước cốt 1 bát, cho uống khỏi ngay.

Mùa nắng to, khi đi đường ngậm chút ít nước Bạc hà thì có thể phòng ngừa được bệnh cảm nắng.

- *Lá tía tô, Lá má đề.* Vò với nước cho đặc mà uống khỏi ngay.

- Rau râm rửa sạch, sắc uống thì khỏi.

- *Rêu đất,* quấy với nước mới múc mà uống rất hay.

- *Nước dừa,* cho uống sẽ tỉnh ngay.

- Lấy một miếng ngói, hơ nóng, đem chườm lên ngực, hễ nguội thì lại thay miếng khác để dẫn khí nóng tản ra ngoài.

8. Kinh trị thương thử, nổi cơn sốt, phiền khát, tiểu tiện không thông.

Bông mã đề, Mạch môn đông, Lá Tre, Cỏ bấc. Các thứ đều nhau, sắc với nước mà uống thì khỏi.

9. Kinh trị trúng thử đau đầu:

- *Hương nhu* 1 đồng cân, *Hậu phác* 7 phân, *Bạch biển đậu* 7 phân, *Rễ seo gà* 7 phân, (4 vị trên sao chung với nước gừng cho thơm), sắc uống.

- *Nhân sâm* 5 phân, *Hành trắng* 5 phân, nước 1 bát, sắc còn 6,7 phân hòa với một ít rượu đem ra ngâm nước lạnh chờ nguội lại cho uống, hay lắm.

10. Truyền trị trúng thử lâu ngày không khỏi, độc đá truyền vào phần "lý" phiền nhiệt bức rứt khô họng, khát nước.

Cát căn 2 đồng cân, *Mạch môn đông* 3 đồng cân, *Bạch mai nhục* 1 quả, *Nước gừng sống* 1 thìa, *Mật ong* 1 muỗng sắc cho uống hoặc tán nhỏ luyện mật làm viên bằng viên đạn, mùa hè đi đường xa, mỗi ngày ngậm 1 viên phòng cảm nắng.

V - TRÚNG THẤP

Trung thấp có nội nhân, ngoại nhân khác nhau:

- Vì ở chỗ ẩm thấp, hoặc dầm mưa gió, hoặc mặc áo ướt mồ hôi mà sinh ra bệnh, đó là do ngoại nhân.

- Vì uống rượu nhiều quá, ham ăn đồ sống lạnh, quả xanh mà sinh bệnh đó là do nội nhân..

Phát bệnh mà thấp vào bì phu thì tê cóng, vào khí huyết thì mỏi mệt, vào phế thì suyễn thở; vào tỳ thì sinh thấp đàm, thũng trướng, vào can thì đau hông đau sườn, các khớp xương không vận động; vào thận thì đau lưng và đau đít, mình đờ như tấm ván, chân nặng như đá; vào phủ thì tê dại không biết đau; vào tạng thì co duỗi khó khăn mà chi thể đều cứng đờ.

Cách trị phải xem xét chu đáo.

1. Kinh trị phong thấp cước khí:

Hạt tía tô, trần bì, riềng ấm, các vị đều nhau, tán nhỏ, luyện mật làm viên, bằng hạt Ngô đồng, mỗi lần uống 10 viên, uống lúc đói bụng với rượu.

2. Kinh trị phong hàn thấp tê, tay chân coi quắp, sưng chân không thể đạp xuống đất được:

Hạt tía tô 2 lạng, giã nát cùng nghiền với 2 thăng nước, lắng lấy nước nấu cháo với hai vốc gạo trắng, thêm *hành, tiêu, gừng* và *đậu sị,* mỗi thứ một tí mà ăn, rất hay.

3. Kinh trị phong thấp, tê dại và tất cả các chứng phong khác.

Qua kê đầu ngựa 3 lạng, sao tán nhỏ, cho vào 1 thăng rượu nước, sắc còn 7 phân, bỏ bã lấy nước cho uống dần dần, kiêng ăn thịt heo (lợn).

4. Kinh trị phong thấp, đau lưng, mỏi gối.

Lá cỏ xước (kị sắt) 1 cân giã nát, *đậu sị* 1 vốc nấu chung với nhau lọc bỏ bã nấu cháo với gạo tẻ 3 vốc, thêm ít muối, ăn lúc đói rất hay.

5. Kinh trị đau lưng do thấp.

Má đề (cả rễ) 7 cây, *Hành tăm* (cả củ và rễ) 7 gốc, *Táo* 7 quả, *Rượu ngon* 1 bầu. Nấu chung, để giành uống thường xuyên suốt đời không trở ngại.

6. Kinh trị bụng đầy hơi vì thấp, ống chân hơi sưng, tiểu tiện không thông, ho thở.

Hạt bìm bìm 1 lạng, *Vỏ vối* (sao nước gừng) 5 đ/c, tán bột, mỗi lần uống 2 đ/c với *nước gừng* nấu sôi.

7. Kinh trị đầu phong thấp tê, gân co gối nhức, trong bụng nóng, đại tiện bón.

Đậu đen ngâm nước, ủ cho mọc mộng dài 2,3 tấc rồi phơi khô, dùng 1 thăng, cho nửa lạng *Giấm* vào trộn đều, sao vàng tán nhỏ, mỗi lần uống 1 muỗng với rượu trước khi ăn, ngày uống 2,3 lần rất hay.

8. Kinh trị gân cốt co dau:

Xương ống chân dê, đập nát nhỏ, ngâm rượu thường uống rất hay.

9. Kinh trị phong thấp, đau nhức lúc ở chỗ này, lúc chạy chỗ khác:

Cao da trâu 1 lạng, *Nước cốt gừng* nửa chén, nhỏ lửa nấu thành cao, phết lên giấy mà dán, nguội thì lại thay, rất hay.

10. Kinh trị chứng vì ăn nhiều đồ sống lạnh, đêm nằm chỗ ẩm ướt, hay đứng trước gió mát, khí lạnh nhiễm vào trong, uất không tiết ra ngoài được, thành ra ngực, bụng trướng dau, nặng thì sinh thủy thũng, cổ trướng, tức đầy, hen suyễn phù thũng, dè tay vào thì lõm không nổi lên được, dó là thấp từ trong ra, cần dùng thuốc kiện tỳ vị, lợi tiểu, tiêu thũng trướng làm chủ:

- *Hạt tía tô, Hạt đình lịch, Củ cỏ cú, Hạt mã đề, Trần bì, Phục linh bì, Đại phúc bì, Sinh khương.*

Các vị trên mỗi thứ 1 đ/c, các vị *Tía tô, Cải củ, Đinh lịch, Cỏ cú, Mã đề* đều sao qua, sắc với 1 bát nước còn phân nửa, uống nóng lúc đói bụng, bệnh đỡ liền.

- *Hạt ý dĩ* 1 lạng, giã trắng nấu cháo với gạo tẻ, thường cho ăn, rất hay.

- *Nhân trần, Mộc thông*. Mỗi thứ 1 nắm, thái nhỏ, nấu với nước lúc đói bụng, rất hay.

- *Xích tiểu đậu* nấu chín cho ăn thật nhiều và lấy nước đó mà uống, cấm ăn uống các món khác, sau 1 ngày thì đi đái thông ngay và thấp thũng cũng tự nhiên hết.

VI - CHỨNG TÁO

Chứng táo là do huyết mạch khô ráo, trên thì tân dịch khô kiệt, da dẻ nhăn, râu tóc quăn cứng, dưới thì bụng đầy, tiểu tiện đỏ gắt, đại tiện táo bón, nặng lắm thì gân khô cứng đờ, đấy là bệnh táo là vì hay ăn nhiều đồ chiên xào nướng, tửu sắc quá độ, hoặc lúc bệnh uống nhiều loại thuốc công phạt hoặc cho phát hãn, cho hạ lợi thái quá, làm cho khô kiệt tân dịch, tính huyết hao tổn rồi sinh ra chứng này.

Phép chữa chủ yếu là bổ huyết, sinh tân, bổ phế, nhuận tràng.

1. Kinh trị huyết hư, phổi ráo, ngoài da khô nứt, đại tiện táo bón:

Thiên môn đông, dùng nhiều, ngâm với nước sôi cho nó nở ra, lặt bỏ lõi và vỏ cho vào nồi to nấu còn 1 nửa, dùng khăn vải đùm lại vắt lấy nước, rồi cho vào nồi nhỏ, nhỏ lửa cô thành cao, mỗi lần uống 2,3 đ/c, uống lúc đói với nước trà, dần dần sẽ đỡ.

2. Kinh trị phong nhiệt ở đại tràng, đại tiện táo bón, người nhiều tuổi nên uống phương này:

Bồ hết (nướng bỏ hạt), *Chỉ xác* (bỏ ruột). Hai vị đều nhau, sao tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt Ngô đồng, mỗi lần uống 70 viên, uống lúc đói với nước cơm hay cháo, rất hay.

3. Kinh trị khí kết, tức đầy, khí nghịch xông lên, đại tiện táo bón:

Chỉ xác (bỏ ruột sao). *Mộc hương* (sao), *Thanh bì* (bỏ ruột sao), *Trần bì* (sao), *Tang bạch bì* kỵ sắt (sao mật), *Hạt cải củ* (sao qua), *Hạt bìm bìm* (sao), *Hồi hương* (sao), *Nga truật* (nướng), *Tam tăng* (sao). Các vị đều nhau, tán nhỏ, giã vắt lấy nước chừng nửa bát, khuấy hồ với bột gạo, viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với nước sắc *Trần bì*.

4. Kinh trị người tráng kiện, bị khí huyết kết nhiệt, đại diện táo bón:

Hương phụ mễ (sao muối 2 lạng, *Chỉ xác* (bỏ ruột) sao, 5 đ/c, *Đào nhân* (bỏ vỏ và đầu nhọn) 5 đ/c, *Hồng hoa* (rửa rượu) 5 đ/c, Ô dược 5 đ/c, *Hạt tía tô* (sao) 5 đ/c, tán chung, mỗi lần uống 2 đồng, uống với nước sắc *Trần bì* khi bụng đói.

5. Kinh trị người già, người yếu ớt đại tiện táo bón.

Hành trắng (cả gọng lẫn rễ) 10 tép, sắc với nước mới múc, bỏ hành, cho 2 đ/c cao da trâu vào và 1 chén mật nấu chung cho chảy tan, uống nước nóng, cách bữa ăn.

- *Hạt tía tô* nửa vốc *hạt me* nửa vốc, nghiền chung cho nát, đổ 1 bát nước vào khuấy đều, lắng lấy nước cốt, cho gạo trắng nấu cháo mà ăn, rất hay.

6. Kinh trị đại tiện táo bón:

- *Hành trắng* (cả giọng rễ) 3 tép, *Gừng sống* 1 củ bằng ngón tay, *Đậu sị* 21 hạt, *Muối* 1 nhúm. Giã chung cho nát, làm thành bánh, hơ lửa nóng chườm trên rốn, nguội thì hơ lại mà chườm nữa.

- *Qủa bồ kết*, cho vào nồi rang, đốt lên khói, ngồi trên miệng nồi mà xông thì hết.

VII - CHỨNG HỎA

Về chứng hỏa, sách bàn có nhiều lẽ, vì ngũ tạng đều có phục hỏa, để yên thời im lặng, chạm đến thời động lên, nên có thuyết quân hỏa, tướng hỏa, long hỏa, tà hỏa... kỳ thực đều do khí nóng phát ra mà thôi. Sách chép rằng: "Thủy khô thì hỏa bốc", chính là ý nghĩa ấy, cho nên sinh bệnh đều là nhiệt chứng cả, nhưng có khác nhau về *hư* hỏa về *thực hỏa* và cách chữa là giáng hỏa, tả hỏa cũng không giống nhau. Nay nêu ra vài phương, tùy bệnh mà trị, ngõ hầu không phạm sai lầm. Vả lại thủy và hỏa đối lập nhau, tức là âm dương trong con người. Dương thời có thừa, nên thường bệnh về hỏa nhiều, cho nên gọi một thủy không thể thắng 5 hỏa, nhưng hỏa tính hay động, cần dùng phép tĩnh mà ức chế, phép giáng mà dẫn nó xuống, không nên vội dùng thuốc hàn lương làm khắc phạt nguyên khí.

1. Kinh trị chứng hư lao giả nhiệt:

Mạch môn đông, sắc uống thay nước trà rất tốt.

2. Kinh trị lao phổi, phong nhiệt sinh khái nước.

Thiên môn đông, bỏ vỏ và lõi, luộc chín mà ăn, hoặc phơi khô tán, luyện mật làm viên mà uống cũng hay, có thể ngâm nước để rửa mặt.

3. Kinh trị chứng lao nhiệt nóng âm ỉ trong xương:

- *Thanh cao* dùng cả cây, lá, hoa, hạt, sắc lấy nước thật đặc hòa với nước đái trẻ con mà uống thường, rất hay, hoặc cô thành cao mà dùng càng hay hơn.

- *Rễ cây bươm bướm*, thái nhỏ, sắc uống.

4. Truyền trị hỏa chứng nóng rất dữ:

Gỗ mun hoa, tê giác, Mạch môn đông, Hoàng cầm, Rễ gừng, Hồng hoa, Bí đao. Mỗi vị đều nhau, sắc nước uống lúc đói bụng.

5. Kinh trị đau vùng thượng vị do hỏa uất:

Dành dành (sao chảy) 7 hoặc 9 quả. Sắc với nước, hòa với nước *gừng* nửa chén mà uống thời khỏi.

6. Kinh trị lao nhiệt nóng âm ỉ trong xương:

Nước đái trẻ con (dưới 5, 6 tuổi) uống rất tốt.

7. Kinh trị tất cả các chứng nhiệt:

Hạt dành dành sao đen, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, uống với nước cơm.

VIII - BỆNH KÍNH - XÍ

(Co cứng)

Bệnh này giống như chứng kinh giản, mình mảy ngay đờ, đầu cổ cứng nhắc, lưng cong uốn ván, là do phong, hàn, thấp, 3 khí cảm nhập kinh thái dương, hại đến các gân lớn, nên gân co rút lại sinh ra. Phân ra hai loại: Nhu xí và Cương xí để chữa.

Nhu xí là cảm phong thấp, thời cổ mồ hôi mà không ớn lạnh. Cương xí là cảm hàn thời không có mồ hôi mà cũng không ớn lạnh.

Kinh trị "nhu xí" hoặc chứng "động kinh" đều kết quả:

Đại giả thạch (hòn son) nung thật đỏ, tôi vào dấm, lại nung lại tôi được 7 lần rồi đem ra tán nhỏ, mỗi lần uống nửa đ/c, dùng đồ bằng vàng hoặc bạc thật nấu với nước sôi 3 dạo, mà uống với thuốc ấy, hoặc lấy vàng thếp hoặc bạc thếp nghiền thật nhỏ trộn vào mà uống càng hay.

IX - CẢM MẠO

Cảm mạo là nhiễm phải khí hậu trái thường của thời tiết, ví như mùa xuân đáng lẽ ấm mà lại rét, mùa hè đáng lẽ là nóng mà lại lạnh, mùa thu đáng lẽ là mát là lại nóng, mùa đông đáng lẽ là rét mà lại ấm...

Người ta bị các khí hậu trái thường ấy xâm nhập vào cơ thể mà sinh bệnh, nặng lắm thì gọi là trúng, vừa vừa thì gọi là thương, nhẹ thì gọi là cảm mạo, cho nên phát bệnh khác nhau: có khi nhức đầu cứng cổ, đau mình đau xương sống, có khi lạnh lắm, nóng lắm, ghét nóng, ghét lạnh, có khi tiếng nói nặng, nghẹt mũi, ho hen, có đờm, cần chiếu từng phương mà chữa.

1. Truyền trị tứ thời cảm mạo, nóng nhiều, phong khí, chướng khí cùng trụng độc phạm phòng.

Hòa giải phương

- *Dây lằng rừng, Củ bồ dài, Thạch cao, Tía tô, Dành dành, Cát căn, Thương truật, Trần bì, Tinh tre.* Các vị đều nhau. Gừng sống 3 lát, *Hành trắng* 1 nhánh. Sắc với nước mà uống.

- *Rễ bươm bướm* 3 phần, *Dây bồ dài* 1 phần, *Củ cỏ cú* 1 rưỡi, *Mạn kinh tử* 3 phần. *Dây lằng rừng* 2 phần, *Tía tô* 4 phần, *Trần bì* 5 phần, *Gừng sống* 3 lát sắc nước uống.

Gia giảm:

- Khát nước gia Cát căn hoặc Thiên hoa phấn
- Ọe mửa gia *Hoắc hương, Sa nhân.*
- Sình bụng gia hậu phác, Chỉ xác.
- Đi lỏng gia. Xa tiền tử, ho gia Tang bạch bì nướng với mật, và *dây chìa vôi.*
- Kiết lỵ gia *Lá lốt.*

2. Kinh trị cảm mạo thương hàn phát sốt:

- *Gừng sống* (thái nhỏ) 1 củ, *Hạt dào* (đập nát cả vỏ) 7 hạt, *Hành trắng* (cả rễ) 7 tép, *Lá chè tươi (thái nhỏ)* 1 nắm. *Nước* 1 bát, sắc sôi vài dạo, uống lúc còn nóng, đắp mình cho ra mồ hôi.

- *Sài hồ, Cam thảo,* mỗi vị chút ít, thái nhỏ sắc uống, lúc nào uống cũng được, sẽ khỏi

3. Kinh trị thời khí nóng dữ, nhức đầu:

Cát căn tươi, giã vắt lấy nước cốt 1 bát, nếu không có cát căn tươi thì dùng cát căn khô, và đậu sị khô 1 vốc, sắc sôi vài dạo, bỏ bã lấy nước uống nóng, cho mồ hôi ra là khỏi, nếu chưa ra mồ hôi thì uống nữa, nếu tim nóng gia 10 quả dành dành.

4. Truyền trị 4 mùa nóng lạnh:

Trứng gà 1 quả, xoi 1 lỗ, nhét vào 3 đồng cân đường cát trắng, phơi sương 1 đêm, uống lúc đói.

5. Truyền trị 4 mùa nóng nực nhiều mà phát cuồng:

Xác rắn (đốt tồn tính) 1 đồng *Chuối con* 1 cây giã nát, vắt lấy nước cốt nửa chén, hòa với xác rắn mà uống thì khỏi.

6. Truyền trị 4 mùa nóng nhiều mà phát cuồng:

Mật gấu 1 phân, nghiền với nước lạnh uống khỏi ngay.

7. Kinh trị thời khí nóng dữ, tâm thần phiền táo:

Bột chàm 1 muỗng, hòa với 1 chén nước mới múc, uống bất kỳ lúc nào, thần hiệu.

8. Kinh trị bệnh thời khí phiền nhiệt, khát nước:

Ngó sen giã sống, lấy nước cốt 1 chén, hòa với nửa chén mật, uống nhấp nhấp dần, rất hay

9. Kinh trị bệnh thời khí phiền nhiệt 5, 6 ngày không bớt:

Trúc lịch 1 bát, chế vào 1 chén nhỏ nước cốt gừng, đun nóng lên uống, rồi đắp mình dày cho ra mồ hôi.

10. Kinh trị thương hàn và thời khí ôn dịch, đau đầu sốt cao, mạch nhẩy khỏe:

Ngải cứu khô đổ nước sắc cho uống lúc thuốc còn ấm cho ra mồ hôi.

11. Kinh trị cảm mạo phong tà:

Củ cỏ cú (giã sạch vỏ), *Tía tô,* đều 3 đ/c. *Vỏ quít cũ, Cam thảo* đều 2 đ/c, *Gừng sống* 3 miếng, sắc uống ngày 3 lần.

12. Kinh trị cảm mạo thương hàn do khí hậu thời tiết thay đổi:

Hương nhu tán nhỏ, uống 1, 2 đồng cân với rượu cho ra mồ hôi.

13. Kinh trị cảm hàn khí nghịch suyễn thở:

Lá tía tô, 3 phần, *vỏ quít cũ,* 4 phần, sắc rồi hòa thêm rượu mà uống (mỗi phần có thể dùng 1 đồng cân).

14. Kinh trị sau cảm bệnh thời khí còn dư độc, tay chân sưng đau:

Rượu tâm 1 đấu, trước đào một lỗ sâu 6 gang tay, đốt lửa trong lỗ cho nóng, đổ rượu vào, rồi để dậm bàn chân lên, lấy áo đắp lại để xông hơi thì khỏi, không khỏi thì làm nữa.

15. Kinh trị thời khí đau đầu:

Bồ kết đốt tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước, hòa thêm mật và nước gừng mỗi thứ một ít. Trước khi uống thuốc thì gội đầu với nước ấm, sau uống thuốc cho ra mồ hôi.

16. Truyền trị sau cảm sốt phát vàng da:

Dầu mè hòa với nước lạnh mỗi thứ nửa chén, *Lòng trắng trứng gà* 1 quả quấy đều, uống hết vài lần thì khỏi.

17. Truyền trị thương hàn, thời khí và sơn lam chương khí, nóng minh, đau đầu, đau lưng cứng gáy, bụng ngực đau tức, không có mồ hôi, dùng phương sau để chặn tà, giải độc rất hay, mùa đông thì chống ôn dịch, mùa hè thì giải nóng, mùa thu thì chữa sốt rét cơn, mùa đông thì tán hàn chống rét, thật là thần tế:

Rễ cây vuốt hùm, rễ cây chạng ba (ba chạc), Rễ cây cối xay, Hạt ích trí (không hạt, dùng cây hoặc lá), *Rễ cây bưởi bung* (bỏ vỏ), *Rễ cây sâu đâu rừng* (sâu dâu cứt chuột),

Dây chiều, Mộc thông, Cỏ tháp bút, Danh dành, Vỏ quít, Sài hồ, Lá rau má, Ô dược, Củ cỏ cú, Lá Câu đằng, (Mỗi vị trên đều nhau), *Vỏ bưởi, Cây vang, Hồng hoa, Uất kim, Mía* (mỗi vị nửa phần) *Tim bấc* 1 lọn, *Gừng sống* 3 lát. Sắc nước, uống ấm, trùm mình kín cho ra mồ hôi là khỏi.

Lúc ra mồ hôi nên tránh gió.

Như chưa ra mồ hôi thì thêm *Hành, Tía tô,* trướng bụng gia *Chỉ thực;* ợ ngược thì gia *Tô ngạnh, Hoắc hương.*

X - ÔN DỊCH

Ôn dịch là một chứng bệnh nhiều người ở một địa phương cùng mắc một lúc và có tính cách truyền nhiễm đều do chính khi con người suy kém (mất bình thường) cảm nhiễm từ đường hô hấp theo các lỗ khiếu mà vào. Sinh bệnh thì thời mặt sưng đỏ, tắc họng, lưỡi khô, họng ráo, lạnh nhiều nóng dữ, đờm nhiều. Các chứng trạng của bệnh dịch là đều thấy nóng dữ dội, chớ nên dùng thuốc nóng mà tăng thêm bệnh.

Phàm thày thuốc đến nhà người bệnh, không nên ngồi đối diện với chỗ xuất uế của bệnh nhân, như đàn ông thì uế khí ra ở miệng, đàn bà thì uế khí ra ở cửa mình.

- Kinh nghiệm chữa người mới phát bệnh thì nên nấu quần áo thật kỹ để phòng ngừa họa truyền nhiễm cho cả nhà.

- Khi vào thăm bệnh dùng dầu mè nhỏ mũi, khi khám xong trở ra lấy giấy ngoáy vào lỗ mũi cho nhảy mũi.

- Để tránh ôn dịch, ngày 24 tháng chạp, múc nước giếng ban mai lên, tùy nhân khẩu trong nhà nhiều hay ít mà ngâm Nhũ hương với nước ấy, đến canh năm ngày đầu xuân cả nhà mỗi người uống 1 cục nhỏ nhũ hương với nước ấy, cả năm sẽ không có bệnh.

- Dùng *Đậu đỏ* lấy vải mới, may túi đựng lại, ngâm vào giếng 2 ngày rồi lấy ra, cả nhà uống mỗi người 21 hạt, hoặc dùng *Đậu đen* lớn hạt mỗi lần uống 7 hạt cũng được.

- Nấu quần áo bệnh nhân để tránh truyền nhiễm, lại dùng lá thuốc cứu đem đốt ở 4 góc giường của bệnh nhân nằm, mỗi góc 1 nắm...(lược).

- Lấy lá non *Cây ké đầu ngựa* vào ngày 5 tháng 5 âm lịch, chính 12 giờ trưa, đem phơi dâm. Lúc có chứng dịch thì tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước sôi để nguội hoặc sắc lên uống, cả nhà đều uống, có thể phòng dịch.

- Ngày 6 tháng 6 âm lịch, hái rau sam phơi khô, đến ngày đầu năm nấu cháo, cho chút muối, chút dấm vào, cả nhà đều ăn, rất hay.

1. Kinh trị trong mùa dịch, lúc mới thấy nhức đầu, phát sốt:

- *Hành tăm* (cả rễ) 20 tép. Nấu cháo với gạo tẻ, chế dấm vào chút ít mà ăn khi còn nóng, ăn xong trùm mền cho ra mồ hôi thì khỏi.

- *Tỏi nhỏ củ* nửa cân. Giã vắt lấy nước cốt 1 cốc mà uống, bất quá vài lần thì hết bệnh.

2. Kinh trị ôn dịch thời khí, nhức đầu, nóng dữ, mới phát một ngày:

- *Đồng tiền cổ* 157 đồng, nước 1 bát, sắc còn 7 phân, uống cho mửa độc khí ra, chưa mửa thời làm lại mà uống nữa rất thần hiệu.

- *Ngải cứu khô* 1 nắm, nước 1 bát sắc còn phân nửa cho uống thì khỏi.

3. Kinh trị ôn dịch và bốn mùa cảm mạo:

Hương tô ẩm

Tía tô 4 phần, *Củ có cú* 4 phần, *Trần bì* 1 phần, *Cam thảo* 1 phần, *Gừng sống* 3 lát. Sắc uống nóng, mỗi ngày 3 lần thì khỏi.

4. Kinh trị bệnh dịch tễ:

Cánh đào hướng dông, thái nhỏ, sắc uống thì khỏi.

- *Lá thông* giã nát hòa với rượu mà uống, mỗi lần 1 chén, mỗi ngày 3 lần, có thể phòng dịch được 5 năm năm.

5. Kinh trị chứng dịch sốt rét (ôn ngược) không dứt:

Hoàng đơn (sao) 5 đồng, *Thanh cao* 2 lạng (ngâm nước đái trẻ con). Tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng.

6. Kinh trị ôn bệnh phát sốt, sưng quai bị, nhức nhối:

Đậu xanh 1 vốc, tán thật nhỏ trộn với dấm mà phết thật dày, khô thì lại thêm dấm vào, mỗi ngày làm 1 lần khỏi thì thôi.

7. Kinh trị bệnh ôn dịch tay chân như rời rã:

Móng chân giò heo nái 1 bộ (cạo bỏ lông và móng), *Hành tăm* 1 nắm nước 1 bát, sắc sôi cho vào chút nước muối, ngâm chỗ đau thì khỏi.

8. Kinh trị ôn dịch phát thũng:

Đậu đen to hạt (sao chín) 1 vốc. *Cam thảo* 1 đồng cân. Sắc với một bát nước, thỉnh thoảng uống đỡ liền.

9. Truyền trị bệnh ôn dịch, nóng rét qua lại, nhức đầu, đau mình, nghẹt thở, khản tiếng.

Giáng chân hương 2 đồng cân, *Cành đào* 2 đồng cân, *Thanh cao* 3 đồng cân, *Cát căn* 3 đồng cân, *Thanh bì* (bỏ ruột) 3 đồng cân, *Rễ tranh* 3 đồng cân, Chỉ xác (bỏ ruột) 3 đồng cân, *Gừng sống* 3 đồng cân, *Hành* 1 tép, Lá tre 7 cái. Sắc cho uống.

XI - LAM CHƯỚNG

Khí độc của rừng núi gọi là "lam", khí độc ở biển gọi là "chướng", người ta đi xa cảm phải các khí độc ấy vào mình, đã làm cho mỏi mệt lại bị nhiễm ác khí, chính khí hao mòn, tà khí tấn công, cho nên thành bệnh. Lúc sắp phát thì huyết chạy lên thượng tiêu; bệnh phát thì người mê man khốn đốn, có khi điên cuồng hoặc câm không nói được đó là do huyết xấu ứ đọng vào tim, đờm độc tích tụ ở tỳ mà ra.

1. Phương thuốc phòng ngừa chướng khí, nước độc.

Củ sắn dây tươi giã sống, vắt lấy nước cốt một chén. Mỗi sáng uống một lần sẽ ngừa được bệnh.

2. Phương thuốc phòng nước độc chói nước:

Phèn chua 2 lạng, *Phấn thảo* 2 khúc (mỗi khúc dài 3 tấc). Ngâm với nước mới múc, kh uống thì lấy hai vị đó mài ra, quấy đều 100 lần, đợi lắng xuống thì uống sẽ không bị bệnh hoặc tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng cân cũng được.

3. Phương thuốc phòng khí chướng độc.

Đào nhân 1 cân, *Ngô thù du* 4 lạng, *Thanh diêm* 4 lạng. Sao chung cho chín. Ngô thù du và Thanh diêm, chỉ dùng Đào nhân, mỗi lần uống 15 hoặc 20 hạt (bỏ vỏ và đầu nhọn) nhai nhỏ rồi nuốt, khi đi đường xa cũng nên dùng.

4. Trị uống phải nước khe độc, sinh ho, đau họng, mất tiếng:

Ngải cứu tươi. Sắc với nước mà uống thì yên, vị này trừ được tất cả các bệnh về khí độc.

5. Kinh trị sơn lam chướng khí:

Tỏi to củ 6, 7 tép, để sống một nửa, nướng chín một nửa rồi ăn chung, một lát sôi bụng hoặc mửa ra máu hoặc đi lỏng, là khỏi.

6. Kinh trị sơn lam chướng khí nóng dữ, không ngớt:

Tê giác, mài với nước mà uống.

Sừng dê rừng, tán nhỏ, hòa với nước uống mỗi lần một đồng cân.

7. Trị nhiễm khí độc rừng núi, mê man, sắp nguy:

Lá cỏ xước một nắm to. Nước một chén, sắc còn một nửa uống vào thì sống ngay. Người khỏe thì dùng cả cây rễ, nhánh lá, nấy nước uống thay trà cũng hay.

8. Trị nơi xa lạ nước không hợp khí hậu.

Cây the mốc, Đậu xanh. Hai vị bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân, sắc với một bát nước cạn còn 5 phân, bỏ bã mà uống.

9. Trị khí lam chướng sốt rét tích đờm (đàm ngược) dịch mùa:

- *Trùm khoang cổ 3,4 con.* Giã nát, lấy *Bạc hà* nấu nước hòa vào một chút mật mà uống.

- *Hành tăm (cả rễ)* 10 tép thái nhỏ, cho vào nửa chén giấm, nấu cháo với gạo tẻ, ăn lúc còn nóng, cho ra mồ hôi thì hết.

- Lá ngải cứu. Sắc với nước, uống lúc nóng cho ra mồ hôi, là khỏi.

10. Trị cảm khí độc của rừng núi phát ra sốt rét muốn chết.

Bọ hung (bỏ đầu, chân, cánh). Đem đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng cân với nước đái trẻ em.

11. Trị chói nước, tử thời cảm mạo, đau bụng, đi tả, rất hay:

Hoắc hương (mùa đông dùng nhiều). *Long đờm thảo, Cỏ seo gà* (mùa hè dùng nhiều). *Qủa sim sao, Lá vảy ốc sao, Trần bì sao, Vỏ duối, Hương phụ mễ, Thanh mộc hương* (sao), *Vỏ quả vải, Vỏ chân chim, Vỏ sung* (bỏ vỏ thô) *Hoàng cầm* một nửa, mỗi vị bằng nhau, sao qua tán nhỏ, nghiền đậu xanh và gạo lâu năm sao. Khuấy hồ làm viên, dùng *Thanh đại* làm áo, mỗi lần uống 2, 3 viên.

Tùy chứng mà dùng thang như sau:

- Đau bụng uống với nước muối một nhúm.

- Bốn mùa nóng lạnh, uống với lá dâu tằm ăn hoặc nước trà cũng được.

- Đau bụng đi ly, dùng 7 lát gừng sắc lấy nước uống. - Hoắc loạn thổ tả, lấy 10 lát gừng và một nhúm muối nấu lấy nước uống. - Tháo dạ, uống với nước cơm. - Lam chướng phát sốt, uống với nước gừng (3 lát gừng).

12. Kinh trị chói nước, cấm khẩu, vì ác khí làm cho ứ ở tâm khiến nên hôn mê, nói không được, chỉ ấm ớ mà thôi, dùng thuốc này để tán huyết.

Muội nồi (nhọ nghẹ) tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước cơm nếp.

13. Truyền trị sơn lam chướng khí cùng các chứng trúng độc:

Củ gấm (cẩm địa la). Gọt vỏ thô, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân, nghiền sống hòa với rượu cho uống, rất hay, hoặc ngâm rượu mà uống thường cũng tốt.

XII - SỐT RÉT

(Ngược tật)

Sốt rét là do trước cảm phải phong hàn thấp nhiễm vào lớp ngoài bì phu, ở đó lâu ngày không tiêu tan, truyền vào trường vị vận chuyển đến khí huyết, ban ngày chạy vào dương phận, ban đem chạy theo âm phận, hợp lại thì lên cơn, tan đi thì bệnh ngừng, theo khí phận thì phát sốt, theo huyết phận thì phát rét, hàn nhiệt giao tranh thì lên cơn, bệnh nhẹ thì mỗi ngày làm thử một lần nặng thì cách nhật, thuộc khí phận thì làm thử (lên cơn) lúc sáng, thuộc huyết phận thì làm cử lúc chiều.

Lúc mới lên cơn thì ngáp dài, ớn lạnh, run rẩy, nhức đầu, hoặc khát nước, hoặc lạnh rồi lại nóng, hoặc nóng rồi lại lạnh, hoặc chỉ nóng, chỉ lạnh, hoặc nóng ít lạnh nhiều, hoặc nóng nhiều lạnh ít lâu ngày không khỏi sẽ thành "Lao ngược", hoặc khí cơ không chuyển vận, nên trong bụng có hòn rồi thành báng.

Cho nên bệnh sốt rét trước do ngoại cảm sau thành nội thương. Do đó phải tùy phương mà chữa.

1. Kinh trị chứng làm ngược do tỳ hư, lạnh nhiều nóng ít, biếng ăn biêng uống:

Riềng ấm sao với dầu mè. *Can khương* sao cháy đen, các vị đều một lạng, tán nhỏ, mỗi lần uống 5 đồng cân, trộn với mật heo làm cao, lúc sắp lên cơn sốt cho uống với rượu nóng, hoặc trộn với mật heo làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 10 voên, uống với rượu càng tốt, phương này rất hay.

- *Gừng già* 3, 4 Giã vắt nước cốt để vào chén, phơi sương một đêm, ngày sau uống chặn cơn trước một giờ, hòa với nước đái trẻ con mà uống là khỏi.

- *Cỏ nụ áo* sắc uống chặn cơn trước 1 giờ.

- *Hắc khương* (gừng sao cháy đen), tán nhỏ uống một lần, 1 đồng cân với rượu.

2. Kinh trị sốt rét, phiền nhiệt, bốc nóng:

Trùn đất rửa sạch giã như. *Gừng sống* vài phân *Bạc hà* vài phân. Giã vắt lấy nước cốt; *Mật* một muỗng, *Nước mới múc* 1 bát. Tất cả hòa với nhau mà uống, giây lát ra mồ hôi thì khỏi, nếu chưa khỏi thì làm nữa mà uống.

- *Trùn* 1 con. Giã lộn với *cám gạo*, đem bó vào cổ tay, nam tả, nữ hữu, khỏi ngay.

3. Kinh trị sốt rét, chỉ nóng không lạnh (nhiệt ngược):

Xuyên sơn giáp 1 lạng. *Đại táo* 10 quả. Hai món đều đốt tồn tính, tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng cân với nước giếng lấy lúc sáng sớm uống đầu canh năm ngày lên cơn khỏi ngay

4. Trị sốt rét, vừa nóng vừa lạnh:

Thanh cao hái buổi sáng Đoan Ngọ (mồng 5 tháng 5), phơi râm, mỗi ngày dùng 4 phân *quế tâm* 1 phần, tán nhỏ sắc với rượu, uống chặn trước một ngày thì thôi.

- Giã thêm lá *bỉ dao* 1 phân.

- *Tỏi* 1 củ đốt cháy ra tro hòa với rượu mà uống, hết ngay.

- *Đào nhân* 100 hạt, bỏ vỏ và hai đầu nhọn, cho vào cối nghiền thành cao, không cho dính nước lại thêm *Hoàng đơn* 3 đồng cân, hòa vào làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần

uống 3 viên, ngày làm cử, hướng mặt về phía Bắc uống với rượu nóng, chế thuốc này vào ngày Đoan Ngọ (mồng 5 tháng 5 âm lịch).

- *Cứt chim yến* 2 đồng cân, *Rượu ngon* 1 chung. Cho vào bát đất hòa đều, ngày làm cử, buổi sáng bảo bệnh nhân bứng bát ngang mũi hít hơi thuốc vào 5, 3 lần thì khỏi. *Chú ý:* Đừng uống vì có độc.

- *Rau sam* giã nát đem cột vào cổ tay, nam tả nữ hữu để chận cơn, hay lắm...

5. Kinh dị sốt rét, thể hư, nhiều mồ hôi.

- *Hoàng đơn, Muôi nồi (nhọ nghe).* Hai vị đều nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân, lúc lên cơn sốt dùng nước cơm mà uống, bất quá vài ba lần là khỏi.

- *Hoàng đơn,* thủy phi rồi sao khô, 1 lạng. *Thương sơn* róc bỏ gân lá, thái nhỏ ngâm rượu phơi khô, 3 lạng, các vị tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với rượu ấm lúc chưa làm cử, rất hay.

6. Truyền trị sốt rét cơn:

Lá ngải cứu giã nát, vắt lấy nước cốt mà uống. Lúc không bệnh thì lấy lá hoặc vỏ cây nướng vàng nấu nước uống thay trà, rất hay.

7. Kinh trị sốt rét trong bụng có bảng:

Hạt gấc, Xuyên sơn giáp (sao). Hai vị đều nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân, uống với rượu vào lúc đói, rất hay.

8. Kinh trị sốt do phổi nóng, độc nhiễm vào trong ngực chuyển thanh, trước lạnh nhiều, sau sinh nóng, kinh hoảng không yên, hoặc do thận mà phát ra gai rét, đau lưng, đại tiện bón, mắt mờ, uốn mình, tay chân giá lạnh:

Thương sơn 2 lạng (bỏ gân lá, ngâm rượu), *Ô mai* 14 quả, *Lá tre* 1 nắm, *Đậu sị* 5 vốc, *Hành* 10 tép. Nước 5 bát, sắc còn 3, uống làm 3 lần/ngày, trước khi làm cử phải uống hết.

9. Kinh trị sốt rét do tỳ vị nhiều đờm:

Gừng sống 4 lạng. Giã nhỏ vắt lấy nước cốt 1 bát, phơi sương một đêm, đến canh năm, ngày lên cơn... (lược)... uống thì khỏi, chưa khỏi thì làm lại mà uống nữa.

10. Kinh trị sốt rét do tỳ hàn:

Can khương, Riềng ấm. Hai vị đều nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân sắc với một bát nước còn 7 phần mà uống, rất hay.

11. Kinh trị sốt rét vì ăn, vì tích tụ:

Bã đậu (bỏ vỏ, gói nhiều lớp giấy, cán cho hết dầu) 2 đồng cân, *Bồ kết* (bỏ vỏ, hạt) 6 quả. Đều tán nhỏ, khuấy hồ làm viên bằng hạt đậu, mỗi lần uống một viên với nước chín thì khỏi.

12. Kinh trị sốt rét rừng (chướng ngược) cùng các chứng sốt rét khác bất kỳ lâu hay mới mắc, và chứng sốt rét khát nước dữ:

Nước dái trẻ con 1 chén, *Mật ong* 2 chén. Khuấy đều, vớt bỏ bọt cho uống để gây nôn hết đờm xanh là được, như mửa không được thì suốt đời cũng không khỏi.

Như khát nước lắm thì dùng thuốc này sắc lên mà uống , rất hay.

13. Kinh trị sốt rét có nhiều chứng trạng khác thường (qủy ngược) lúc phát lúc không:

Xương dầu khỉ đốt thành tro, tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng cân, uống lúc đói, uống với rượu để chận cử, hay lắm...

14. Kinh trị lao ngược suy nhược:

Ô mai 14 quả, *Đậu sị* 2 vốc, *Canh dào* 1 nắm, *Cành liễu* 1 nắm, *Cam thảo* 3 tấc, *Gừng sống* 1 củ, *Nước dái trẻ con* 2 bát. Sắc còn nửa, uống lúc ấm, khỏi ngay.

15. Kinh trị sốt rét thành tích báng, phế lao:

Thường ăn *mía* ngọt rất hay.

16. Kinh trị lao nhược lâu ngày không hết:

- *Rễ cỏ xước* một nắm (kỵ sắt). Giã nát, sắc với 3 bát nước còn một nửa, chia làm 3 lần uống vào lúc sáng sớm, lúc gần làm cử, hay lúc đang làm cử thì khỏi.

- *Lá, rễ cỏ xước* 1 nắm. Cho 3 thăng rượu vào ngâm mà uống cho hơi say, cha khỏi thời làm lại mà uống. Uống ba lần là khỏi.

17. Truyền phương trị sốt rét, mỗi ngày lên cơn một lần hoặc cách nhật:

Thường sơn bỏ gân lá, ngâm rượu, *Hạt cau rừng, Dây lẳng rừng, Trần bì, Thanh bì.* Đều rửa qua nước nóng, thái nhỏ, sắc uống chận cơn, trước một giờ.

- Dùng phương trên, gia thêm vỏ cây *Vỏ dẻ* (Hoàng chỉ bì) cùng sắc, phpưi sương, ngày sau uống vào lúc sáng sớm.

18. Truyền phương chữa bệnh sốt rét lên cơn một ngày một hoặc cách nhật:

Rễ cà dùng thứ đã lâu năm) 1 phần, *Sài hồ* 2 phần, sắc uống vào lúc đói, không quá vài ba lần thì khỏi.

19. Kinh trị cơn sốt rét lâu ngày không khỏi:

- *Hoa đào* phơi khô tán nhỏ, uống mỗi lần một đồng cân với rượu rất hay.

- *Thanh bì* 1 lạng đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, uống vào trước khi lên cơn 1 lần và đang lên cơn 1 lần.

- *Cuống dưa đá* 2 cái ngâm vào nửa chén nước, uống một hồi cho mửa ra thì khỏi.

- *Thành cao, Quế chi,* rét nhiều thì bội *Quế,* nóng nhiều thì bộ *Thanh cao,* cứ mỗi tháng thì dùng năm đồng cân *Gừng sống* cả vỏ giã vắt lấy nước cùng đổ một bát nước vào sắc, uống lúc thuốc còn nóng rồi đắp mền cho kín cho ra mồ hôi, thì khỏi.

-*Dạ minh sa* (phân dơi) hòa với nước rửa sạch bụi, phơi khô, uống mỗi lần 1 đồng cân với nước chè nguội, khỏi ngay.

- *Cỏ roi ngựa* giã vắt nước cốt 5 chung chia uống làm 2 lần, hoặc cô thành cao, uống mỗi lần một muỗng với rượu.

- *Lá dấp cá* (dùng loại lá tía) 2 nắm, giã nhỏ, bọc lụa lại xát khắp mình vào lúc sắp lên cơn, rồi ngủ được và mồ hôi ra thì khỏi.

- *Qủa ké đầu ngựa* (hoặc rễ, cây) sấy khô, tán nhỏ, viên với hồ bằng hạt ngô đồng, uống mỗi lần 30 viên với rượu, ngày uống 2 lần, hoặc giã tươi vắt lấy nước cốt uống. Kiêng ăn thịt heo.

- *Tỏi* giã nhỏ, trộn với một chút *Hoàng đơn* làm viên bằng hột củ súng, mỗi lần uống 1 viên, rất hay.

20. Các truyền phương trị sốt rét cơn lâu ngày không khỏi:

Hạt cau 3 hạt, *Ô mai* 1 quả, *Mai ba ba* nướng 1 đồng cân, *Thường sơn* (bỏ gân lá, ngâm rượu, đồ phơi), nước một bát sắc còn 7 phần, và chế thêm một chén rượu uống.

Muội nồi (Nhọ nghẹ) 2 đồng cân, *Hương phụ* (giã sạch vỏ) 3 đồng cân, tán nhỏ luyện với mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên vào lúc đói với nước sắc *Ô mai* làm thang, cách một ngày một lần, uống không quá 3 lần thì khỏi.

Mai ba ba (cua đinh) nướng vàng tán nhỏ, uống mỗi lần một đồng cân với nước sắc *gừng* làm thang.

Xác rắn 1 cái, làm viên nhét vào lỗ mũi thì khỏi cơn.

21. Truyền trị các thể bệnh sốt rét cơn:

Phấn nứa (sao), *Hoàng đơn (thủy phi), Xạ hương* một túy, đều tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng cân với nước sắc lá *Bạc hà,* uống chận cơn trước khi lên cơn một lúc. Nếu nóng nhiều thì uống nước *Mía voi* ép ra, từng hiệu nghiệm.

XIII - UỐN VÁN

Bệnh uốn ván, nguyên nhân vì bị thương tích, da thịt phá vỡ bị các mụn nhọt, ghẻ lở chưa lành miệng, xáy bị phong tà bên ngoài xâm nhập kinh lạc, truyền vào trong mình làm sinh ra, hoặc do dùng quạt gió nhiễm vào cũng có thể sinh bệnh.

Bệnh phát ra thời nóng rét cũng nổi lên, miệng cứng, răng nghiến, uốn cong mình ra trước, sùi bọt mép bọt miếng, vào âm phận thì mặt tư ra mồ hôi, xem vết thương thì thấy nót trắng, miệng bằng dầy, là chính nó vậy.

Phép trị nên theo cách trị chứng phong không ngoài 3 phép hãn, hạ và hòa giải, đừng nên thay đổi phép chữa.

1. Kinh trị phát bệnh uốn ván do trúng phong, cảm thấp mà sinh bệnh, thể hiện người ngay dơ cứng thẳng, cấm khẩu, như bệnh động kinh:

- *Nam tinh, Phòng phong.* Hai vị đều nhau, tán nhỏ hòa với rượu nóng mà uống một đồng cân. Lại lấy thuốc ấy hòa với nước phết vào chỗ đau, thấy chảy nước ra là công hiệu, nếu đã chết mà tim còn nóng, thì lấy nước đái trẻ con còn nóng hòa với thuốc, cạy răng đổ vào 2 đồng cân, như bị đánh đập té ngã, bị đè ép dùng rượu và nước đái trẻ con đổ vào 3 lận liền thì sống lại, cũng có thể sắc uống, hay lắm.

- *Bắt một con rết* bỏ đầu, đuôi, chân có độc, *Hai con bọ cạp* bỏ đầu, chân. Hai món này sao chung nghiền nhỏ, dùng một đồng tiền xúc mà xát vào hàm răng hoặc thổi vào mũi tức thì thấy hiệu nghiệm.

- *Xác ve sầu* 5 đồng cân. Rửa sạch tán nhỏ, sắc với một chứn nước rượu ngon, sôi vài đạo cho uống khỏi liền, đã kinh nghiệm.

- *Đậu đen* một thăng sao hơi chín, tán nhỏ cho vào chõ nấu cho lên hơi thì lấy xuống, đổ vào 3 thăng rượu ngon mà ngâm. Uống ấm một thăng cho ra mồ hôi rồi dùng thuốc cao mà dán.

- *Chát trắng trong cứt gà* 1 vốc, *Đậu đen* 5 vốc. Cùng sao vàng, ngâm với rượu, đem nấu sơ qua cho đậu chìm xuống, tùy tửu lượng người bệnh mà cho uống, nửa giờ uông một lần, cho đến khi ra mồ hôi thì thôi, kỵ chỗ có gió, rất tốt.

- *Thịt heo mới giết,* thừa lúc còn nóng xắt mỏng đem dán chỗ đau thay đổi vài miếng thì vết sưng hết ngay.

2. Kinh trị sang độc phá lở trúng phong lưng uốn ván hoặc ra huyết:

Hà thủ ô, tán nhỏ đắp vào thì hết ngay, hay lắm.

- *Tỏi* (bỏ rễ) 1 cân, cơm ủ rượu (chưa cất) 4 cân. Nấu thật nhừ ăn hết cả bã, giây lát ra mồ hôi thì khỏi.

3. Kinh trị do vết thương đứt chém mà cảm nhiễm trúng phong co cứng sắp chết:

- *Sắn dây* sống 4 lạng, nước 3 thăng, sắc lấy 1 thăng, bỏ bã chia uống, nếu cắn răng thì cạy miệng đổ vào. Nếu không có sắn dây tươi, thì dùng *Bột sắn* uống mỗi lần một đồng cân với *Trúc lịch* (măng vòi tre hơ lửa vận lấy nước) uống nhiều thì công hiệu.

4. Kinh trị uốn ván do nhọt lở phá vỡ nhiễm phong:

- *Gỗ vang* 3 đồng cân sắc rồi chế rượu vào uống.

- *Trúc lịch* 2, 3 thăng, chế vào 2, 3 chén nước gừng sống lúc thuốc còn ấm. Nếu không có trúc lịch thì lấy cây tre đốt ra tro, uống cho kịp thời.

- *Xác ve* bỏ đầu, chân, cánh, rửa sạch sao qua, tán nhỏ, uống mỗi lần một đồng cân với rượu. Lại dùng xác ve tán nhỏ và giã *Củ hành* lấy nước trộn với *Xác ve* mà đắp vết thương, để cho độc tiết ra thì khỏi.

- Lúc mờ tối cắt lấy một miếng *Vỏ cây Hòe* áp vào vết thương, đốt Ngải cứu lên trên mà cứu không kể bao nhiêu mồi, chưa đau thì đốt cho đến khi đau, đã đau thì đốt cho đến khi bớt đau, mới thôi.

- Lấy một *củ Ráy* đốt thành than mà đắp vào vết thương.

5. Kinh trị uốn ván sưng đau vì bị dầm nước:

Mắt cá chép đốt tán nhỏ, đặt vào vết thương.

6. Truyền phương chữa uốn ván đau nhiều:

Bắt con sâu *Bù Xè* trong cây dâu, xẻ ra mà đắp vào miệng vết thương thì khỏi.

XIV - TRÚNG ĐỘC

Trúng độc là ăn nhầm đồ độc, tổn hại tạng phủ, hay là người bệnh chưa lành mà ăn đồ sống như hoa quả, thịt sống hay là trị bệnh cho uống thuốc quá liều lượng, có chất độc, hoặc có người nuôi gia truyền nuôi thuốc độc, mỗi tháng đầu độc một ngày, nhưng tháng giêng thì mồng một, tháng hai mồng hai... Phàm thuốc độc có 5 loại đầu độc vào thức ăn, thức ăn cùng thuốc độc đều vào dạ dày thì trục độc theo đường đại tiện, hoặc gây nôn ra, độc ra được là dễ chịu; nếu đầu độc theo rượu, độc chạy khắp kinh lạc thì khó cứu.

1. Kinh trị ngộ độc, đại tiện ra máu, máu như gan, hoặc mửa ra máu, hoặc đau họng như có vật gì cắt, tức ghẹt, hoặc bụng cứng, biến chứng rất nhiều, nếu không chữa ngay nó vào ngũ tạng.

Da trống thủng, dài 1 thước, rộng 5 tấc, *rễ Tâm xuân* lớn như ngón tay, dài 5 tấc, thái ra từng miếng, nước 1 bát, rượu ba bát sắc còn phần nửa cho uống, thuốc độc sẽ ra ngay.

- *Da trống thủng*, đốt tán nhỏ, hòa rượu uống 3 đồng cân giây lát kêu tên họ người đầu độc thì khỏi.

- *Quán chúng* 1 lạng, *Phấn thảo* 5 phân, *cỏ mần chầu* nửa nắm. Sắc với nước thường uống.

- *Lõi cây dâu* 1 đấu thái nhỏ. Cho vào nồi, đổ nước ngập mà ngâm, không đổ nước nhiều quá hay ít quá, ngâm độ 2, 3 giờ, sắc 7 phần lọc bỏ bã, rồi lại sắc nửa đun nhỏ lửa đến còn 5 phần, uống lúc đói bụng, uống được chừng 5 chén thì mửa ra hết thuốc độc.

- *Dầu mè* cho uống để gây nôn rất hay.

- *Rễ rau mùi (ngò ri). Giã lấy nước nửa bát, hòa với rượu cho uống, thuốc độc ra ngay*

- *Cút chim yến* sao vàng 1 vốc, *tỏi* 3 củ, lột bỏ vỏ giã nát viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 3 viên, uống lúc đầu canh năm với nước âm ấm, thuốc độc sẽ ra ngay theo đường đại tiện.

- *Gan heo* 1 cái, *Mật* 1 thăng. Nấu chung, xắt gan làm 20 miếng ăn lúc đói bụng, mỗi ngày 3 lần ăn hết là kiến hiệu.

- *Đất lòng bếp* 1 cục bằng trứng gà. Tán nhỏ, hòa với nước mà uống mửa được là kiến hiệu.

- *Trùn đất* 14 con, *Giấm* nửa bát. Ngâm chung, đợi trùn chết hết thì bỏ trùn lấy giấm mà uống, như bệnh đã nguy thì cạy miệng đổ vào, có thể cứu được.

2. Trị trúng phải thuốc có chất độc, đã chết rồi mà tim còn ấm, tức là phạm nhiệt độc:

- *Cắt tiết chim bồ câu*, đang lúc còn nóng, nhỏ ngay vào miệng bệnh nhân, nhỏ nhiều lần thì có thể cứu được.

- *Bột đậu xanh* khuấy với nước cho uống.

- *Cắt tiết vịt trắng* cho uống ngay lúc còn nóng, hoặc *tiết gà trống bạch* cũng được.

- *Rau sam* giã vắt lấy nước cốt, 1 thăng, ngày cho uống 4, 5 lần, lại lấy bã mà đắp lên bụng cũng hay.

3. Trị trúng độc đi ngoài ra máu:

- *Da nhím*, đốt tồn tính, hòa với nước cho uống 2 đồng cân thì lập tức mửa ra trùng độc.

- *Béo cái* phơi khô tán nhỏ, uống một đồng cân cũng khỏi.

4. Trị trúng độc khe nước, dường như có ai bắn mà không thấy hiện vật, người bị trúng ớn lạnh bắt đầu phát sốt, phiền não, đau xương, nếu không trị ngay thì sinh trùng ăn vào tạng phủ mà chết.

Gốc cành có xước (thứ cành lá đỏ tía) 1 nắm. Nước và rượu mỗi thứ một bát. Giã vắt lấy nước cốt, mỗi ngày uống 3 lần, sẽ kiến hiệu.

5. Trị trúng nước độc, bắt đầu đau đầu nhức mắt, ớn lạnh xương cứng dờ ban ngày nhẹ, ban đêm nặng tay chân giá lạnh, đến 3 ngày trùng ăn đến hạ bộ, 6 ngày thì vỡ mủ, ăn đến ngũ tạng thì nguy:

Ké đầu ngựa lấy cả cây, lá, cành. Giã vắt lấy nước cốt, uống 1, 2 bát, lại lấy bông tẩm nước thuốc xoa bóp hạ bộ, công hiệu.

6. Trị cổ trướng đau bụng:

- *Xơ mướp* 1 quả bỏ lớp vỏ, thái nhỏ, *ba đậu* 14 hạt. Sao chung chờ lúc ba đậu vàng thì chỉ lấy xơ mướp sao với *Trần mễ* cho chín, lại bỏ xơ mướp mà chỉ dùng trần mễ, tán nhỏ, viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 100 viên, uống với nước chín.

- *Lá chàm* giã vắt lấy nước cốt, xoa đầu mình và tứ chi cũng hay.

7. Kinh trị uống nhầm thuốc độc, phát cuồng táo, thổ tả, phiền muộn, gần chết.

Cát căn, sắc với nước uống thì hết.

- *Đất vách tường* hướng đông 1 thăng. Nước hai thăng, khuấy lẫn nhau, đợi lắng trong mà uống thì khỏi.

- *Sừng con tê ngưu* đốt cháy, tán nhỏ, dùng 1 đồng cân hòa với nước mà uống thì khỏi.

- *Gỗ mun hoa* vài miếng, sắc uống thì khỏi.

- *Bup chè, Phèn chua* mỗi thứ vài phân hòa với nước mà uống hết liền.

- *Củ môn nước*, nghiền với nước cho uống mửa ra chất độc thì khỏi.

- *Thạch xương bồ, Bạch phàn*. Mỗi thứ đều nhau tán nhỏ, hòa với nước mới múc mà uống, hay lắm.

8. Kinh trị ăn nhầm các thứ độc:

Gừng sống giã nhỏ vắt lấy nước cốt cho uống thì khỏi.

9. Kinh trị ăn nhầm các thịt độc lục súc:

- *Đậu ván trắng* đốt 1 thăng, nghiền nhỏ, hòa với nước uống, uống 3 đồng cân rất công hiệu.

- *Đất vách tường* đông tán nhỏ, hòa với nước mà uống, hết ngay.

- *Cứt heo* đốt cháy thành than tán nhỏ, dùng 1 đồng cân hòa với nước mà uống thì hết.

10. Kinh trị ăn nhầm các chất độc, cùng ăn nhầm thịt độc. Phàm thịt đậy kín để cách đêm, hoặc bị nhà đột nước mưa vào, ăn rồi bị độc mà phát trướng, mửa ra máu, đi ngoài cũng máu, ngày càng xanh xao.

Hạt mùi 3, 4 lạng. Nước 2 bát, sắc còn 1 bát chờ nguội, chia làm hai phần, ngày và đêm đều uống, êm ngay.

11. Kinh trị trúng độc thịt ngựa, thịt chó, cá, cua sinh ra căng tức dưới vùng tim, hoặc chướng bụng, khô miệng phát sốt nói sảng:

Rễ lau sắc với nước cho uống, tỉnh liền.

12. Kinh trị ăn nhầm gan ngựa độc:

Xương heo đốt thành than tán nhỏ, hòa với nước cho uống, hết liền.

13. Kinh trị trúng độc thịt bò, thịt ngựa.

Sữa người cho uống vào thì dã ngay.

14. Kinh trị ăn nhầm các loại cá độc, sinh bệnh cổ trướng, bụng trướng to:

- *Đậu đen* sắc với nước uống lúc còn ấm, uống xong khỏi bệnh.

- *Cỏ roi ngựa* 1 nắm. Sắc uống nước thì khỏi.

- *Bạc hà* sắc nước đặc mà uống, rất tốt.

- Vỏ quýt 1 nắm, nấu lấy nước uống khỏi ngay.

- *Bí đao* giã nhừ, vắt lấy nước cốt cho uống.

15. Kinh trị ăn cua trúng độc, ngây ngất, đầy bụng:

- *Hạt hoặc lá tía tô*, nấu lấy nước uống 2 thăng, hết liền.

- *Tỏi* 5, 3 củ sắc với nước uống, hết liền.

16. Kinh trị ăn nhầm mật con công gọi là trầm độc, mặt xanh, mửa máu, gần chết:

Củ nghệ giã nát vắt lấy nước uống thì khỏi.

17. Kinh trị ăn thịt vịt, trướng bụng, không tiêu:

Uống một bát nước *vo gạo nếp* thì tiêu ngay.

18. Kinh trị ăn nhầm các thứ chim có độc:

Đậu ván trắng nghiền sống, hòa với nước lạnh cho uống hết ngay.

19. Kinh trị chứng ăn nhiều rau quả làm cho lạnh dạ dày, trướng bụng, thở gấp, khó chịu.

Nhục quế. Tán nhỏ quết với cơm nguội viên bằng hạt đậu nhỏ, mỗi lần uống 50 hay 60 viên với nước nóng, chưa tiêu thì cho uống nữa, tiêu thì thôi, hoặc mài với nước nóng mà uống cũng tốt.

- *Nước dái trẻ con* cho uống nhiều rất hay.

- *Nước xáo đất* 1 chén, cho uống khỏi ngay.

20. Kinh trị ăn rau quả trúng độc, làm cho bụng dạ buồn bực:

Đậu đen tán nhỏ, ngậm rượu vắt lấy nước cốt nửa thăng, cho uống hết liền.

21. Kinh trị ăn trúng nấm độc, phát cuồng, gần chết:

- Lấy *chất trắng trong cứt gà* đốt cháy tán nhỏ, hòa nước uống thì hết ngay.

Vỏ rễ cây Vỏ dẻ (Hoa dẻ hoa cánh mỏng màu vàng có mùi thơm ngọt) 1 nắm sắc với nước mà uống.

- *Lá kim ngân* nhai nhỏ nuốy nước, như chưa khỏi thì dùng hoa khô mà sắc với nước uống cũng hay.

- *Nước dái trẻ con* uống nhiều. Hoặc nước mới xáo uống một bát cũng khỏi.

22. Kinh trị ăn nhầm độc mộc nhĩ, sinh ra phiền muộn:

Dây Bí đao giã vắt lấy nước cốt mà uống thì khỏi.

23. Kinh trị ăn nhầm độc Lá Ngón (dã cát) (6) say gần chết:

- *Trứng gà* 3 quả, đập vỡ, lấy lòng trắng cạy miệng đổ vào, giây lát mửa được là sống lại.

24. Kinh trị chứng nuốt nhầm con đỉa, bụng tích trướng đau đớn:

Nước ngâm chàm 1 chén, uống cho đi tả vài lần đỉa ra hết thì khỏi.

25. Kinh trị nuốt nhầm đỉa:

Bột chàm viên to bằng quả trứng gà hòa với nước mà uống thì đi tả, hết tích.

26. Kinh trị ăn phải nọc sâu, nọc rắn, thấy có độc trong bụng mà hạc không ra, nuốt không xuống, bụng trên nóng bứt rứt.

Tiết dê uống ngay lúc còn nóng thì yên liền.

27. Kinh trị ngộ độc rết cắn, lưỡi sưng, thè ra ngoài miệng và đau nhức:

- *Máu mống gà* tẩm vào lưỡi và nuốt khỏi, lưỡi thu vào ngay.

- *Tiết heo* hoặc *tiết dê*, cho uống lúc còn nóng mửa ra là khỏi.

28. Bàn về rượu - Phàm người uống rượu quá nhiều thời rượu thiêu đốt tỳ vị, tổn hại tinh thần và thân thể, vì rượu rất nóng và rất độc. Nhưng trong việc cúng tế qủy thần, thù tạc tân khách đã quen thành lệ, cho nên không thể thiếu được:

Phàn đi ra sương lạnh, hoặc vào nhà người bệnh thì tùy thích mà uống năm ba chén cho mạnh thần, tránh từ uế, nếu uống nhiều quá sinh bệnh không nên khinh thường.

---

6. Lá Ngón: Đoạn trường thảo Gelsemium élegant Benth-gaven champ, họ Mã tiền. Độc chết người, ăn 3 lá trở lên thì chết, cây này gần người thì khua động, quả nó nhỏ và đen thấy dễ sợ.

29. Kinh trị say rượu bất tỉnh.

- Ốc bươu, Đậu sị, Hành củ, ba vị nấu chung và ăn, hoặc nấu lấy nước mà uống thì khỏi.

- *Củ sắn dây tươi*. Giã vắt lấy nước cốt cho uống, nếu không có *ắt căn* tươi thì dùng bột sắn khuấy với nước cho uống, cũng tỉnh.

- *Đậu đen* một thăng, sắc với nước mà uống cho mửa thì khỏi.

- *Cúc hoa* hái vào ngày mồng 9 tháng 9, phơi khô tán nhỏ cho uống tỉnh ngay.

- *Hương phụ mễ* 1 lạng, *Sa nhân* 5 đồng cân, *cam thảo* 3 đồng cân. Tán nhỏ khuấy với nước sôi, cho vào một ít muối mà uống, hoặc sắc uống.

30. Kinh trị uống rượu rồi đi ngoài ra máu:

- *Hòe hoa* 1 lạng, (nửa sao, nửa để sống), *hạt dành dành* sao 2 đồng cân. Tán chung, mỗi lần uống 2 đồng cân hòa với nước mới múc, uống lúc đói bụng.

- *Cá diếc*. Nấu canh với lá hẹ, chế vào chút rượu, thường ăn, hay lắm.

31. Kinh trị say rượu, nôn ọe:

Đậu đỏ nấu lấy nước, thường uống sẽ khỏi.

32. Kinh trị say rượu, nhức đầu:

Tinh tre 1 lạng. Nấu với hai bát nước, khi cạn được một nửa thì đập cho vào 3 quả trứng gà, sắc sôi lên mà ăn hay lắm.

33. Kinh trị say rượu thành bệnh:

Đậu sị 1 vốc, *Hành* 5 tép, nước một bát. Sắc còn một nửa cho uống lúc còn ấm, đắp mền, mặc áo cho ra mồ hôi, hết ngay.

34. Kinh trị uống rượu sinh ho: *bạch cương tàm* 1 đồng cân bỏ đầu, chân sao khô tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân, uống với nước chè thì khỏi.

35. Kinh trị người hay uống rượu, môi miệng lở loét:

Ốc bươu hoặc *Con Nghêu* nấu lấy nước cho uống rất hay.

36. Thuốc cai rượu:

Kê đầu ngựa 7 quả đốt cháy, chế rượu vào mà uống, sẽ ngấy và không thèm uống nữa.

37. Kinh trị uống thuốc quá liều lượng và ngộ độc buồn bực, gần chết:

- *Lá chàm*. Giã vắt lấy nước cốt cho uống vài thăng thì khỏi, hay lắm.

- *Củ sắn dây tươi*, giã vắt lấy nước cốt cho uống hoặc *Cát căn* khô thì sắc lấy nước uống thì hết.

- Cho uống nước *vo gạo* thì yên ngay, hoặc cho uống 1 thăng nước mới múc cũng được.

38. Phương thuốc kinh nghiệm dùng để giải các chất độc của thuốc kinh thạch:

Cho 1 cân *chì* vào than lửa, đốt cho chảy lấy ra, tôi vào một cân rượu rồi lấy chì ra lại nấu nữa cho chảy, lại tôi vào rượu, làm như vậy 10 lần, khi rượu còn một nửa thì cho uống rất hay.

39. Kinh trị ngộ độc thạch tín gần chết:

- *Chì* 4 lạng, nước 1 bát, mài hết chì cho uống, sẽ dã ngay.

- Cho uống nhiều *giấm* vào, mửa ra thì dã ngay.

- *Rễ hoa hiên* (kim châm) giã vắt lấy nước cốt cho uống rất hay.

- *Bột đậu xanh, Hàn thủy thạch*. Các vị đều nhau, mỗi lần uống từ ba đến 5 đồng cân giã rễ *chàm* vắt lấy nước cốt cho uống khỏi liền.

- *Đậu ván trắng* giã nhỏ hòa với nước uống thì tỉnh.

- Cho uống một chén *dầu mè* thì dã ngay.

- *Bột nghệ* 3 đồng cân, *nước lạnh* 1 bát. Chế vào chút mật, hòa lại mà uống là yên.

- *Rơm lúa nếp*. Đốt cháy thành tro rảy nước vào cho ướt, hòa 3 đồng cân *Thanh đại* vào mà cho uống, đã kinh nghiệm.

40. Kinh trị ngộ độc Thạch tín cùng độc Ba đậu sinh ra đi tả không ngớt:

Đậu đen sắc thật đặc cho uống thì khỏi.

41. Kinh trị trúng độc Ba đậu sinh tả lỵ không ngừng:

- *vỏ Bí đao*, tán nhỏ cho uống. Hoặc uống *Bột đậu xanh* với nước thì khỏi.

42. Giải độc Thạch tín, Ô đầu:

Cho uống nhiều *nước mới múc* để mửa ra hoặc đi ngoài (ỉa) được là khỏi.

43. Kinh trị ngộ độc Ô đầu, Phụ tử, Thiên hoàng., Nấm dại:

Đậu đen sắc 2 vốc. Cho ăn uống hoặc sắc lấy nước cho uống khỏi ngay.

44. Kinh phương giải độc ô đầu và độc Xuyên ô:

Đất vách lâu năm, khấy với nước sôi, hoặc nước lạnh lặng trong cho uống.

45. Kinh trị người bệnh giang mai, uống nhiều chất Kinh phấn, độc ngấm vào gân cốt làm cho nhức nhối.

Rễ tầm xuân, cạo lấy lớp vỏ trắng rửa sạch 3 cân, nước và rượu đều phần nửa, độ 10 cân, nấu cho tàn cây nhang, mỗi ngày uống một lần vào lúc đói, hết bệnh thời thôi.

XV - PHẠM PHÒNG

Phạm phòng là do đàn ông, đàn bà mới bệnh chưa khỏi, khí huyết chưa khôi phục mà lại giao cấu với nhau lửa dục bừng lên mà sinh bệnh, đàn bà phạm phòng phải đàn ông gọi là dương lịch, đàn ông phạm phòng phải đàn bà là âm lịch.

Khi phát bệnh có bạo phát, có trầm phát bạo phát thì nặng đầu, cấm khẩu, tay chân co quắp, bụng dưới đầy, nóng, mình đau, bí đái, hôn mê, bất tỉnh, trầm phát thì hơi thở ngắn, sắc vàng, bụng trên trướng lên, ăn uống ít, không trị gấp thì hay chết người, nên chiếu theo phương mà trị.

1. Trị phạm phòng do bệnh thương hàn mới khỏi mà giao cấu sinh bệnh tay chân co quắp, bụng trướng nóng, đầu không ngẩng lên được, cần phải cho ra mồ hôi, nếu đến 4 ngày mới chữa là khó khỏi:

- *Lá chàm* 1 nắm, *phân chuột* 21 hạt. Sắc cho uống ra mồ hôi là khỏi.

- *Rễ hẹ* 1 nắm, *Phân chuột* 14 hạt, đem sao cháy, sắc hai bát nước, cạn đến một nửa, bỏ bã, lai sắc trào lên cho uống. Khi còn nóng, ra mồ hôi là khỏi, chưa khỏi thì uống nữa.

2. Trị thương hàn chưa thật khỏi mà vội giao cấu, sinh đau bụng, sưng hòn dái :

Hành trắng 3 củ. Giã nát hòa với một chén *giấm* cho uống, khỏi ngay.

3. Trị phạm phòng đau bụng dưới, teo hòn dái, ra mồ hôi lạnh, tay chân giá lạnh, nếu không trị thì nguy:

Hành trắng giã nát xào nóng đem chườm vào rốn, lại lấy 20 củ *hành tăm* nữa giã nát nấu với rượu cho uống, hết ngay.

4. Trị thương hàn phạm phòng đau bụng, giá lạnh:

- *Hạt cải*, nghiền nhỏ, hòa với nước mà đắp vào rốn.

- *Cải bẹ* 1 nắm, vò lấy nước, vắt lấy nước đặc cho uống là khỏi.

- *Can khương:* Giã thành bột cho uống 1 đồng cân với nước sôi, trùm mền cho ra mồ hôi hay lắm.

5. Trị bệnh nhiệt do ăn hay phạm phòng, mà tái phát cấm khẩu, sắp nguy: *dành dành* 30 quả, nước 3 tháng. Sắc còn một thăng cho uống, ra một ít mồ hôi là khỏi.

6. Trị thương hàn bị nhọc mệt đau tức hòn dái, sưng dùi vế:

Tinh tre 1 nắm, để cả vỏ xanh, sắc sôi 5 đạo bỏ bã, uống ấm thì khỏi.

7. Kinh trị mệt nhọc, mà bệnh trở lại, hòn dái sưng, hoặc lặn vào trong bụng mà đau đầu mặt, mình mẩy, tay chân nặng nề, nóng ran ở bụng dưới, co quắp gần chết:

Trùn đất 1 vốc, *nước* một bát. Sắc còn một phần ba, uống luôn một lần thời khỏi.

8. Kinh trị giao cấu phạm âm độc, đau bụng gần chết:

Tiết heo, nhân lúc còn nóng hòa với nước cho uống, hết liền.

9. Kinh trị thương hàn mới khỏi, lại phạm phòng gần chết:

- *Cứt ngựa,* đốt cháy tán nhỏ hòa với rượu cho uống một đồng cân thì khỏi.

- *Tóc rối* một nắm, *mỡ heo* 3 chung. Cho vào bình sạch, nấu một giây lát đến tóc cháy hết bỏ bã, chia làm hai lần uống thì khỏi.

Rễ phụ cây đa (Nhỏ gừa) 1 nắm, *Gừng* 3 lát. Sắc với nước mà uống cho tẩy ra chất độc thì khỏi.

- *Muối trắng* sao qua đem để trên rốn rồi lấy lá ngải cứu, cứu chín mồi cho đi lỏng là khỏi.

10. Truyền trị bệnh nặng mới khỏi mà sớm làm việc nặng nhọc hay ăn uống ngộ độc muốn chết.

Mai ba ba (yếm cua đính), đốt cháy tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng cân với nước sôi khỏi liền.

11. Truyền trị phạm phòng nặng gần chết:

Mề gà 1 cái, đốt tồn tính, tán nhỏ, uống với nước nóng yên ngay.

12. Truyền trị phạm phòng, mới bị là miệng câm, khó thở, ngặt mình muốn chết, hoặc phạm dá lâu, nhập lý, mặt mắt khô vàng, thở ngắn trên thực dưới hư, ăn uống không được, giống như hư lao, phương này thực là thuốc tiên.

- *Dành dành, củ sắn dây, Nam sâm,, Cát cánh.* Mỗi vị 1 đồng cân, *Cam thảo, Hẹ cả rễ.* Mỗi vị 5 phân. *Phân chuột* (chọn hai đầu) sao cháy 10 hạt, nước 1 bát. Sắc còn phần nửa, uống nóng, đắp mền cho ra mồ hôi.

Chỉ dùng *dành dành, Hẹ, Phân chuột,* 3 vị cũng công hiệu.

13. Truyền trị dàn ông lúc dàn bà kinh nguyệt chưa dứt dá vội giao cấu, ác khí truyền vào bụng, thân thể gân cốt dau như dùi dâm.

Lược gẫy. Nệm rách, Tóc rối, Lá dâu già. Mỗi vị đều nhau đốt tồn tính, tán nhỏ mỗi lần uống 3 đồng cân với nước nóng thì khỏi.

HẾT QUYỂN I

Bạc sau

Cúc

Chìa vôi

Dây đau xương

Cúc mắn

Hà thủ ô trắng

Lá lấu

Lồng đèn thủ lù cái

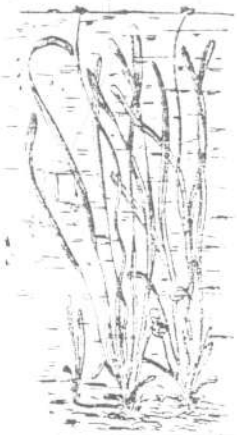

Rau dừa nước

NAM DƯỢC THẦN HIỆU

Mười khoa chữa bệnh

QUYỂN II

CÁC BỆNH VỀ KHÍ

I - ĐÀM ẨM

Về bệnh đàm. Nội kinh chia làm 6 loại khác nhau: thấp đàm nhiệt đàm, phong đàm, lão đàm, hàn đàm, tích đàm, nhưng sinh bệnh đều do tỷ vị mà ra, hoặc ăn uống đồ sống, lạnh, hoặc lúc ngồi, lúc nằm nhiễm gió độc hoặc lo lắng sầu não, hỏa thiêu đốt tân dịch mà sinh đàm, có khi đờm vào kinh lạc bị phù, có khi nhập vào tạng phủ gân xương, lan tràn khắp thân thể, không chỗ nào tránh khỏi. Phát bệnh mà phạm đến tỳ thì bỗng nhiên bổ ngã đó là chứng quyết đàm, hoặc đưa lên phế thì ho thở rộn lên; hoặc mê vào tâm thì giật mình hoảng hốt chạy vào can thì chóng mặt mất cảm giác, gân sườn sưng đầy, hoặc phạm đến thân thì khạc ra nhiều đờm, hoặc qua dạ dầy thì ỉa, mửa, nóng, rét, hoặc chạy đến ngực thì họng rất khó chịu, nhức gò xương mày hoặc vào trong ruột thì có tiếng lọc ọc, hoặc kết hạch ở cổ họng hoặc sưng ở mình mẩy tay chân mà biến hóa ra nhiều bệnh. Phép trị phải theo từ nguồn gốc:

1. Truyền trị phong đàm trong ngực bí kết không thông:

Tân lang (hạt cau) tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước đái trẻ con hoặc nước sôi rất hay.

2. Kinh trị nôn mửa ra đờm dái hoặc khí nghịch thở gấp:

Tân lang 1 hạt thái nhỏ, sao vàng. *Vỏ quýt* rửa nước sôi bỏ xơ trắng sao khô 3 đồng. Sắc với nước uống lúc còn ấm.

3. Kinh trị đờm khí trong ngực trướng đầy:

Sa nhân lấy củ cải giã nát vắt lấy nước cốt mà ngâm, sấy khô tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân sau bữa ăn với nước sôi.

4. Kinh trị đờm ẩm tích lâu phong khí căng lên khó chịu ở vùng thượng vị:

Hương phụ (nấu nước bồ kết mà ngâm). *Bán hạ* (nấu với nước gừng). Mỗi thứ một lạng, phơi khô. *Phèn chua*, nửa lạng. Các vị cùng tán nhỏ, lấy nước gừng khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 30 - 40 viên, nấu nước gừng tùy lúc mà uống rất hay.

5 Kinh trị phong nhiệt, đờm nghẹt cổ tức ngực, dùng thang này hóa đờm thanh nhiệt ở trên rất hay:

Bạc hà. tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hột khiếm thực, mỗi lần ngậm 1 viên, lâu lâu nuốt xuống.

6. Kinh trị người lớn tuổi, nhiều đờm khí trướng, vì người già thường hay động khí, khí lên thì đờm lên, khí hạ thì đờm hạ, khí lưu thì đờm lưu hành, khí ngưng trệ thì đờm ngưng trệ, nên cho uống phương này thì đờm đi cho thuận dùng Tam tử dưỡng thân thang:

Hạt tía tô, Hạt củ cải, Hạt cải bẹ. Mỗi vị 3 đồng cho vào trong nước, lựa lấy thứ chìm. đem sao qua, gia thêm 5 lát gừng sắc uống hoặc gia *Nhị trần thang* (7) càng hay.

Nhị trần thang (cục phương) Bán hạ 2, Trần bì, Bạch linh 1, Cam thảo 1/2 thêm gừng sắc uống. Chữa tất cả các chứng đàm.

7. Truyền trị phong đàm làm nhẹ đầu não, khai vị kiên tỳ, tiêu tích đàm, tích thực, tích rượu, trướng bụng, sưng sườn, đờm đặc, nôn mửa, uống vào hay lắm:

Nam tinh chế với nước *gừng* 2 lạng. *Củ giềng* 5 đồng, *Sa nhân* 5 đồng. *Củ gấu* 1 lạng. Các vị tán nhỏ, lấy nước gừng khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước gừng nấu chín không cứ lúc nào, mùa hè ruột lạnh càng nên uống.

8. Truyền trị phong đàm, điều hòa họng ngực, phá tích trệ, tan đau nhức, khỏi ho hen:

Bồ kết bỏ vỏ hột, bôi mỡ hoặc váng sữa mà nướng. *Phèn khô* (phèn phi) 2 vị đồng nhau, tán nhỏ khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 - 40 viên vào sau bữa ăn với nước gừng nấu chín.

9. Truyền trị tất cả các chứng phong đàm bế tắc, sùi bọt dãi nghẹt cổ họng, cùng trẻ em kinh phong đờm khò khè suyễn thở, và các chứng đau họng:

Bồ kết (bỏ vỏ hột sao) 1,5 lạng, *Hoàng đơn* (thủy phi) 1,5 lạng, *Phèn khô* 5 đồng, *Bạch cương tàm* (bỏ đầu chân, sao) 5 đồng, các vị tán nhỏ, nấu hồ bột nếp viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước gừng nấu sôi.

10. Kinh trị khí trệ ở trung quân, đờm dãi, phiền muộn, đầu mắt chóng vàng.

Nam tinh bỏ vỏ, *bán hạ*. Mỗi vị 2 lạng rưỡi và đều tẩy nước sôi 7 lần rồi tán nhỏ hòa với nước cốt gừng mà làm thành bánh, để vào sọt tre, đậy lá cây dướng ủ kín, đợi mọc meo vàng thì mang phơi khô, bột thuốc một lạng thì thêm bột hượng phụ 5 đồng cân nấu hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 40 - 50 viên với nước gừng vào sau bữa ăn, rất hay.

11. Kinh trị chứng thấp đàm đau vùng tim thở gấp:

Bán hạ tẩm dầu sao, tán nhỏ nấu hồ làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 30 viên với nước gừng nấu nóng.

12. Kinh trị đờm lạnh kết chặt, khạc không ra, khàn cổ, tiếng nói khản, bệnh lâu năm cũng hay.

Bán hạ (chế với gừng) 5 đồng. *Quế tâm* 1 đồng, *Ô dầu* (chế) nửa đồng. Đều tán nhỏ, giã nước gừng khuấy hồ làm viên bằng hột khiếm thực, mỗi lần dùng một viên, lúc đi ngủ ngậm rất là hay.

13. Truyền trị chứng do nhiệt tà bốc lên, đờm dãi bế tắc, bụng cồn cào, mửa ra đồ ăn, ợ hơi tích rượu, mọi chứng tích trệ, nóng lở sưng đau, hoặc bí đái bí ỉa, sắc mặt ốm vàng, đẻ ra quái thai, tích huyết thành cục và nuốt nhầm đồ đồng đồ sắt cùng chứng xích bạch lị đều trị được.

Hạt bìm bìm trắng 4 lạng (nửa sao nửa để sống) nghiền nhỏ ra, rây lấy bột lần đầu, *Chỉ xác* sao 5 đồng tán nhỏ, dùng rượu ngon khuấy hồ làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 100 viên vào lúc canh năm với nước trà nóng sẽ ỉa ra các đồ tích độc, rồi cho ăn cháo trắng thì các bệnh đều khỏi. Kiêng ăn cá tanh, đồ sống lạnh, đồ nóng, đàn bà có thai chớ uống.

14. Kinh trị tất cả các chứng đờm khi thở gấp.

Hạt cải củ, (sao thơm), *Hạt bồ kết* (đốt tồn tính). Hai vị đều nhau tán nhỏ dùng nước cốt gừng hòa với mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước sôi rất hay.

15. Truyền trị chứng đờm nghẹt tắc, ngực đầy tức khí nghịch lên gần chết:

Phèn khô bất cứ nhiều hay ít, tán nhỏ, *Gừng sống* 10 lát, nấu lấy nước hòa thuốc cho uống dễ chịu ngay.

16. Kinh trị thấp đờm vì hỏa bốc lên, ngăn chặn ở ngực ho khạc ra đờm đặc:

Trần bì nửa thăng, bỏ vào nồi đất, dùng muối 5 đồng ủ ngâm cho tan ra nước rồi sao khô, *cam thảo* 2 lạng bỏ vào tẩm mật nướng.

Đều tán nhỏ, luyện với bánh chưng làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 100 viên với nước sôi là khỏi.

17. Kinh trị đờm ngăn ở ngực, khí trướng:

- *Trần bì* 3 đồng, sắc nước uống nóng.

- *Truyền phương - chỉ xác* bỏ ruột sao 2 lạng, *Bán hạ* chế gừng 2 lạng, *Trần bì* bỏ cùi trắng 2 lạng. *Hạt bìm bìm* đen 3 lạng. Đều tán nhỏ, nấu hồ bột gạo tẻ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước gừng lúc no.

- *Hạt bìm bìm* (sao qua giã lấy lớp bột đầu) 4 lạng, *Bồ kết* sao bỏ hột, *phèn chua* 1, 2 lạng. Đều tán nhỏ, hòa nước làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với rượu vào lúc đói.

- Y phương trên gia thêm *Trần bì* bỏ xơ trắng hai lạng, dùng củ cải, ninh cho nhừ mà làm viên, uống với nước gừng.

18. Kinh trị chứng phong đàm ho thở, đêm nằm ngủ không được:

Bạch cương tằm sao 1 lạng. *trà ngon* 1 lạng. Đều tán nhỏ, mỗi lần uống 5 đồng với nước sôi vào lúc đi ngủ, rất hay.

Bạch cương tằm 7 con ngâm nước vo gạo (bỏ đầu chân), nghiền nát ra uống với nước gừng.

19. Truyền trị chứng nhiều đờm, thoạt nhiên đờm suyễn kéo lên nghẹt tắc, thở không được gần chết.

Củ nghệ giã nhỏ, *Nước dái trẻ con* 1 bát, hòa vào với nghệ, lọc bỏ bã uống, tỉnh ngay.

II - HO

bệnh ho theo sách Nội kinh phân làm 10 chứng, nhưng căn bản đều do ở phế, vì phế chủ khí mà sinh ra tiếng, nhưng khi phát bệnh đều có chứng khác liên quan, nên kể ra từng mục sau này để rõ cách điều trị.

Ho không đờm mà có tiếng là "khái" phế đã tổn thương là không mát.

Ho không tiếng mà có đờm là "thấu" do tỳ thấp mà sinh đờm.

Ho có tiếng và có đờm là khái thấu phế khí tổn thương và tỳ thấp trễ.

Ho do phong hàn thì nghẹt mũi, khản tiếng ghét gió, ghét lạnh, hoặc tự đổ mồ hôi, đổ mồ hôi trộm.

Ho do phong hàn uất nhiệt ở phế, thì đêm ho nhiều hơn.

Ho do đờm là khi ho có tiếng khò khè, khạc ra được ít thì hết.

Ho do hỏa uất thì ho có tiếng, mà đờm, ít, mặt đỏ.

Ho khan là hỏa uất nhiều quá, nóng nung trong phổi là chứng khó trị.

Ho lao thì đờm nhiều mồ hôi trộm, hoặc phát cơn nóng rét.

Ho có sưng phổi là hễ cử động thì ngực tức, khó thở.

Các chứng bệnh như trên, nên chiếu phương mà chữa.

1. Kinh trị ho vì hàn, thể hiện đờm đặc, đờm lỏng dọng lại đầy tức trong ngực, đầu mắt choáng váng ho hen đờm dãi, hoặc uống rượu quá nhiều, nôn ọe lợm giọng.

Riềng ấm (sao), *Thanh bì* (bỏ vỏ trắng), *Can khương* (sao), *Trần bì* (bỏ xơ trắng), mỗi vị 5 đồng cân. Đều tán nhỏ, dùng dấm khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên sau bữa cơm, uống với nước cơm.

2. Kinh trị ho vì đờm suyễn không ngủ được:

- *Trà ngon* 1 lạng, *Bạch dương tàm* 1 lạng. Đều tán nhỏ cho vào cái bình đậy kín, chế vào 4 bát nước sôi, khi đi ngủ lại chế thêm nước sôi vào cho nóng mà uống nóng là khỏi.

- *Nam tinh* bỏ vỏ, *bán hạ* (đều tẩy nước sôi 7 lần, tán nhỏ trộn với nước cốt gừng làm bánh, để vào trong cái nia, lấy lá *Dướng* đậy kín lại, chờ mọc meo vàng thành men); *Trần bì* 1 lạng cùng tán nhỏ, lấy nước cốt gừng khấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 40 viên với nước gừng. Nếu đờm lạnh thì bỏ *Trần bì* mà thêm *quan quế* 5 đồng cân, rất hay.

- *Hạt cải củ* một vốc, đãi vào nước cho sạch, sấy khô, sao vàng, tán nhỏ, thắng nước đường làm viên bằng hột cây súng, bọc vào bông mà ngậm rồi nuốt, rất hay.

3. Kinh trị ho vì phong đàm:

Nam tinh 1 củ nấu với gừng, sấy khô, tán nhỏ, mỗi lần dùng một đồng cân sắc với ba lát gừng và 1 bát nước, lấy một nửa, sớm, trưa, chiều uống 3 lần, rất hay.

4. Kinh trị ho hen đàm suyễn bất cứ lâu năm hay mới mắc:

Lá thầu dầu, lá dâu đều dùng lá đã già. *Trấu* sao mật các vị đều tán nhỏ, thắng mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống một viên với nước sôi, rất hay.

5. Kinh trị chứng ho lâu ngày:

- *Nước cốt gừng* 1 chén, mật một muỗng, nấu nóng lên mà uống, 3 lần là khỏi.

- *Trần bì, Thần khúc, Sinh khương* sấy khô. Đều bằng nhau và đều tán nhỏ, quyết bánh chưng làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 40 - 50 viên, uống sau bữa ăn và trước khi đi ngủ, rất hay.

- *Rễ thầu dầu* thường nhai nuốt nước, dần dần tự khỏi.

6. Kinh trị bệnh ho đã lâu năm:

Củ Bách bộ 10 cân rửa sạch bỏ vỏ, bỏ lõi, giã vắt lấy nước cốt, cho mật vào thắng, cô thành cao, mỗi lần uống một muỗng, mỗi ngày uống 3 lần, rất hay.

Củ bách bộ tươi, *gừng sống*. Đều giã, vắt lấy nước cốt, mỗi thứ nửa chén, nấu sôi lên mà uống.

7. Kinh trị ho hen, thở ngắn hơi.

- *Càn khương* (sao), *Bồ kết* bỏ vỏ, hột và quả có sáu mắt (sao). *Quế tâm* màu tía, các vị bằng nhau đều tán nhỏ, luyện với mật ong, quết 3000 cháy, viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 3 viên khi khát ho là uống, kiêng ăn hành, bùn tàu, dầu mỡ chiên xào.

- *Hạt mướp già* đốt tồn tính, tán nhỏ, lấy thịt quả táo quết làm viên bằng hòn đạn, mỗi lần uống một viên với rượu nóng, sẽ tiêu đờm hết ho.

- *Đào nhân* 2, 3 lạng (bỏ vỏ và đầu nhọn) giã nát, cho vào một cái bát nước chắt lấy nước cốt cho gạo tẻ vào nấu cháo mà ăn rất tốt.

- *Tía tô* cả cành lá, 2 đồng cân, *nhân sâm* 1 đồng cân, *Gừng* 3 lát, nước 1 chén, sắc mà uống. Phương này thêm *Vỏ quýt* khô, *Ngũ vị tử* 10 hạt.

- *Hột tía tô* nghiền với nước, lọc lấy nước cốt, nấu cháo với gạo tẻ mà ăn, thì khỏi bệnh.

8. Kinh trị ho do nhiệt thể khô miệng ngạt mũi:

Mía ép lấy nước, nấu cháo với hột kê ăn ngày hai lần, rất nhuận tim phổi.

- *Thiên hoa phấn* 1 lạng, *Nhân sâm* 3 đồng cân. Đều tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với nước cơm sẽ hết.

9. Kinh trị ho lâu năm, phiền nhiệt dần dần thành ho lao, các thuốc đều vô hiệu:

- *Phân tâm* mỗi lần dùng một thăng tán nhỏ, khuấy nước để lắng trong, gạo tẻ nấu cơm mà ăn, 5, 6 lần là khỏi.

Thiên môn, Mạch môn, Củ bách bộ đều bỏ vỏ, bỏ lõi, mỗi thứ 1 lạng. *Bạch mai* 3 quả, *tang bạch bì* 5 đồng. Dùng 1 chén nước cốt gừng hòa với mật ong, luyện làm viên bằng hạt nhãn, mỗi lần ngậm một viên, rất hay.

- *Đào nhân* 2 lạng, (bóc vỏ, bỏ đầu nhọn, hạt nào có hai nhân thì không dùng) *gan heo* 1 chiếc, tẩm nước đái trẻ con, cùng phơi khô giã nát, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên, cách xa bữa ăn, uống với nước sôi.

10. Truyền trị phổi nóng ho hen lâu năm.

- *Con dơi* đốt rồi tán nhỏ hòa với nước cơm, uống rất hay.

Cao thiên môn mỗi lần uống 1 thìa với nước sôi, uống lâu rất có ích. Cách nấu cao xem ở môn Bổ ích , quyển 7, phần IV.

11. Kinh trị chứng ho ra máu, lúc ho khạc ra đờm có máu là nóng uất phổi mà sinh ra, phép trị không ngoài thanh hỏa mà thôi.

Cao thiên môn uống như vừa nói ở trên.

12. Kinh trị ho ra máu:

Ý dĩ nhân mỗi lần dùng một lạng giã nát. Nước 1 bát, sắc còn một nửa, cho vào ít rượu mà uống, hoặc dùng Ý dĩ tán nhỏ, phối heo xắt miếng, chấm mà ăn, rất hay.

13. Kinh trị ho nặng quá thổ huyết:

Vỏ dế râu 1 cân. Kiêng sắt ngâm nước vo gạo 3 đêm, bỏ lớp vỏ ngoài và lõi cứng bên trong, cho vào 4 lạng gạo nếp cùng sấy khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng với nước cơm rất hay.

14. Kinh trị hư lao ho lâu ngày khạc ra máu:

- *Ngũ bột tử* sao qua tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng, sau bữa ăn, uống với nước trà hòa lộn với nước cơm sẽ hết ho ra máu.

- *Bông náng tươi, lá sen khô* đều bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 2, 3 đồng, dùng *Tang bách bì* sắc nước làm thang uống vào lúc xa bữa ăn.

15. Kinh trị ho lao lâu năm ra máu mủ:

Củ ráng, gỗ vang 2 vị đều bằng nhau, mỗi lần dùng 3 đồng, nước một chén, gừng 3 lát sắc uống mỗi ngày 2 lần, hoặc lâu quá đã thành lao thì dùng rễ *cỏ sẹo gà* tán nhỏ, chấm với mắm mà ăn rất hay.

16. Kinh trị ho lâu năm thở gấp, hoặc khạc ra máu mủ:

Ý dĩ nhân 3 lạng, tán nhỏ, nước một bát sắc còn một nửa chế rượu vào một chén uống nóng vào lúc nào cũng được rất hay.

17. Kinh trị ho vì hỏa nhiệt, hoặc khạc đờm ra có dính máu:

Hòe hoa (sao khô) *Tang bạch bì* (tẩm mật nướng), *Chỉ tử* (sao với nước đái trẻ con). Mỗi vị 3 đồng. Ô mai một quả, sắc nước uống nóng lúc xa bữa ăn là hay.

18. Kinh trị ho ra máu, tức ngực là hỏa bức ở phổi:

Cải củ 3 củ giã vắt lấy nước cốt một chén cho vào tý muối mà uống hết ngay.

19. Kinh trị ho ra đờm, khí xông lên thở dốc, khạc ra máu mủ:

Hột củ cải một vốc sắc nước uống sau bữa ăn.

20. Kinh trị ho ra máu:

- *Rễ cỏ tranh, Tang bạch bì, Hạt dành dành* sao đen. Các vị đều nhau sắc uống, bất cứ lúc nào.

- *Lá sen khô, Hoa hòe* sao qua, đều tán nhỏ, mỗi lần uống 2, 3 đồng hòa với nước đái trẻ con mà uống rất hay.

21. Kinh trị ho ra máu do phế hư:

Phổi heo luộc chín xắt miếng, Ý dĩ nhân sao qua tán nhỏ trộn vào thường ăn dần sẽ hết.

22 Kinh trị ho, phổi khô ráo (mất tiếng).

Củ sắn dây, Hòe hoa, Dành dành, Muối ăn các vị đều 2 phần: *Ô mai, Cam thảo* đều 1 phần sắc rồi chế vào tý mật, uống dần dần sau bữa ăn thì khỏi.

III - SUYỄN

Suyễn là một bệnh mà hơi kéo lên thở gấp quá, không thể điều hòa hơi thở được. Nguyên nhân đều do phế hư mà ghé hàn, hoặc thực mà ghé nhiệt hoặc bị thủy khí lấn hoặc lo sợ khi uất lồng lên, hoặc âm hư, hoặc khí hư, hoặc đờm tắc, hoặc hơi thở gấp, hoặc vị hư, hoặc hỏa xông lên v.v... mà sinh ra suyễn, cho nên mắc bệnh không giống nhau, ta đừng cho suyễn chỉ là một chứng. Nay nêu các phương sau đây để tùy chứng mà chọn dùng.

1. Kinh trị thất tình uất kết, khí xông lên thở gấp sinh ra suyễn:

Chỉ xác. Tân lang, Trầm hương, Ô dược. Các vị bằng nhau, mài vào chén nước cho đặc, lại sắc sôi 2, 3 dạo, uống lúc nóng, lúc đói.

2. Kinh trị hen suyễn khò khè, bất cứ người lớn, trẻ con dùng có công hiệu:

- *Hạt chè* 2 hạt, lấy ít nước vo gạo nếp mài ra cho đặc, nhỏ vào lỗ mũi làm cho hít vào miệng rồi nuốt và cắt một ống tre cho ngậm, một chốc thì nước bọt chảy ra như sợi chỉ. Làm ba bốn lần thì triệt nọc, đã kinh nghiệm.

- *Tổ kiến* nghiền nát, trát mỏng trên tờ giấy bản cuộn lại làm mồi, đốt cháy 1 đầu rồi đưa đầu kia cho khói xông vào họng.

3. Kinh trị ho suyễn do đờm khí:

- *Hạt cải củ* sao vàng, *Hạt bồ kết* nướng tán nhỏ luyện mật ong với tí nước gừng làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 50 - 60 viên uống với nước sôi, rất hay.

- *Củ mài tươi* giã nát nửa chén, đổ vào nửa chén nước mía rồi quấy đều, nấu cháo ăn thì khỏi.

- *Lá thầu dầu tía* (dùng các chót nhọn) 3 đồng, *Phèn phi* 2 đồng, *thịt heo* 1 lạng. Thái thịt ra từng miếng mỏng ướp thuốc đã tán nhỏ vào, lấy lá sen gói lại, đun nhỏ lửa nấu chín. Nhai nhỏ uống với nước sôi thì khỏi.

- *Nghệ đen* 5 đồng, rượu 1,5 chén, sắc còn 8 phân, uống sau bữa ăn thì khỏi.

- *Phương trên* gia thêm *Tang bạch bì.*

- *Rễ cỏ tranh tươi* một nắm, sắc mà uống, ba lần là khỏi. Rất hay.

- *Ngũ vị tử, Phèn chua* 2 vị bằng nhau, tán nhỏ. Mỗi lần uống 3 đồng, lấy phổi heo nướng chín, rắc thuốc vào nhai nhỏ, uống với nước sôi, hay không gì bằng.

- *Xương đầu mèo* đốt cháy ra tro liều uống 3 đồng, uống với rượu.

- *Thanh táo* cả cành và lá 2, 3 nắm rửa sạch, nước 4 bát, sắc còn 1 bát hòa với một chén mật ong, uống lúc đói, còn bã thuốc lại sắc mà uống, chỉ uống độ 3, 4 lần là khỏi.

- *Củ tỏi* giã lẫn với bột gạo tẻ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 8, 9 viên với nước muối nấu sôi vào lúc đói bụng, hết bệnh thì thôi.

- *Trần bì* (bỏ xơ trắng), *Hạt tía tô* (sao qua), *Chỉ xác* (sao), *Hạt đình lịch* (sao qua), *Nam tinh* thái nhỏ nấu với nước gừng rồi sao. *Vỏ trắng, Rễ dâu* (tẩm mật nướng). Mỗi thứ một phần. Ngũ vị nửa phần, bốc làm một thang thêm 3 lát gừng, sắc uống xa bữa ăn, sẽ kiến hiệu.

- Chỉ dùng *Trần bì, Hột đình lịch* và vỏ trắng *Rễ dâu* 3 vị mà thôi.

4. Kinh trị lên cơn suyễn gần chết:

Lá hẹ 1 nắm, nước một thăng, sắc đặc mà uống thì khỏi.

Uất kim 1 lạng, giã sống, hòa với nước đái trẻ con, lắng bỏ bã mà uống thì khỏi, chưa khỏi thì uống nữa.

5. Kinh trị chứng phong đàm suyễn cấp:

- *Phèn phi* 1 lạng, *Bồ kết* nướng 5 đồng, đều tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, dùng nước sôi uống dần, ho thấy mửa ra đờm tích sẽ khỏi.

6. Kinh trị đờm suyễn kéo lên khò khè, do ăn quá nhiều đồ béo mà sinh ra:

Hạt cải củ đãi nước cho sạch, nấu chín, phơi khô, tán nhỏ tẩm với nước cốt gừng, quết với bánh chưng làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 30 viên nhai thấm với nước miếng mà nuốt, mỗi ngày uống 3 lần là khỏi.

7. Kinh trị người già khí thực, cùng người trai tráng bị đờm nghẹt mà làm cơn suyễn:

- *Hạt tía tô, Hạt cải bẹ trắng, Hạt cải củ* ba thứ đều nhau, cùng sao tán nhỏ, đổ một bát nước, sắc sôi vài dạo, cho uống nóng, yên ngay.

- *Hạt cải củ* sao qua tán nhỏ, thắng mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước sôi rất hay.

8. Kinh trị các chứng khí nghịch, ngực đầy, thở gấp, ho hen, bụng đau như dùi đâm:

Hạt tía tô, Trần bì (bỏ lớp trắng), *Nhục quế* (bỏ vỏ thô), *Riềng ấm* (sao), *Nhân sâm*. Các vị cùng bằng nhau tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hòn đạn, mỗi lần uống 1 viên với nước cơm sôi.

9. Kinh trị thủy khí hư thũng, nước đái đỏ sẻn là lên cơn suyễn.

Trần bì (bỏ cùi trắng), *Phong kỷ, Mộc thông, Lá tía tô*. Mỗi vị 5 đồng, đều tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước gừng nấu sôi.

10. Truyền trị lên cơn suyễn nôn ra đờm, bụng trướng đầy, đại tiện bí:

Chỉ xác (sao) 7 phân, *Củ gấu* (sao) 7 phân, *Dây đuối leo* 10 phân, *Rễ cây bươm bướm* 10 phân. *Hạt tía tô* (sao) 5 phân, *Trần bì* (bỏ cùi trắng) 5 phân, *Gừng sống* 3 lát. Sắc cho uống lúc sáng sớm, khỏi ngay.

- *Tắc kè, Xác rắn lột*, Hai vị bằng nhau, đều đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân hoặc nửa đồng cân, uống với rượu hâm nóng, sau bữa ăn.

11. Kinh trị mùa hè trúng nắng, mình nóng phát suyễn:

Hương nhu 2 đồng, *Hậu phác* (ngâm nước gừng sao) 1 đồng, *Đậu ván trắng* 1 đồng, *Rễ séo gà* 1 đồng. Các vị đều ngâm nước cốt gừng rồi sao thơm, nước 1 bát, sắc sôi, chế vào ít rượu, chờ nguội mà uống.

12. Truyền trị hen suyễn:

Nước chanh, Nước cốt gừng, Nước dái trẻ em. Mỗi thứ một bát, nấu chung mà uống đến khi khỏi bệnh thì thôi.

Truyền phương: - *Nước cốt gừng, Mật mía.* Mỗi thứ nửa chén, nấu lên uống dần dần rất công hiệu.

Truyền phương: *Tủa cau rũ* (đốt tồn tính tán nhỏ). Mỗi lần dùng 1, 2 đồng trộn với cháo trắng mà ăn, 3 lần là khỏi.

Truyền phương: *Vỏ cây duối*, kiêng dao sắt lấy dao tre cạo bỏ vỏ ngoài, đập dập sắc với nước, hòa thêm một chén rượu mà uống, rất hay.

13. Kinh trị hen suyễn lâu năm:

Trứng gà: bất câu nhiều hay ít, nhẹ tay đập hơi dập, ngâm với nước dái trẻ em trong cái hũ nhỏ 3, 4 ngày, rồi đem luộc chín mà ăn, hết bệnh thì thôi. Phương này có thể khử phong đàm, thanh phế nhiệt.

IV - LAO PHỔI

(Phế nuy)

Bệnh lao phổi vì ho lâu ngày, mồ hôi ra quá nhiều, tân dịch mất hết, đi đại tiện ra như dưa thối, như mùi mỡ heo, đi đái luôn mà không khát mửa nhiều đờm dãi, mà không có đờm đặc, đó là do phổi hư tổn lao nhiệt mà sinh ra. Nếu khát mà uống nước là bệnh sắp khỏi. Nên chiếu phương mà trị.

1. Kinh trị lao phổi mửa ra nhiều đờm dãi, đầu choáng váng, đái luôn mà không khát nước, tức là lạnh trong phổi:

Cam thảo 4 lạng, *Can khương* 2 lạng. Nước 3 thăng. Sắc còn một nửa mà uống là khỏi.

2. Kinh trị lao phổi, ho lâu ngày, nước dái nhiều, khớp xương buồn nhức, khó chịu, phát nóng sốt:

Cam thảo 3 lạng nướng khô tán bột, mỗi ngày uống một đồng cân với nước tiểu trẻ em, rất hay.

3. Kinh trị lao phổi không ăn được:

Rễ lau, Mạch môn đông, Địa cốt bì, Gừng sống, đều dùng một lạng. *Trần bì* 5 đồng, *Phục linh* 5 đồng. Nước 2 bát sắc còn 7 phân lọc bỏ bã, chia 5 lần uống, đổ mồ hôi là khỏi.

4. Kinh trị lao phổi, ho nhổ ra bọt, trong lòng nóng, cổ họng ráo mà không khát nước.

Thiên môn (cạo vỏ bỏ lõi, giã sống vắt nước cốt) *Rượu* 2 đấu. *Kẹo mạch nha* 1 đấu. *Tử uyển* 4 vốc. Dùng nồi đất nấu thành cao cho đến khi làm hoàn được viên bằng hạt nhãn, mỗi lần uống 1 viên, ngày 3 lần uống rất tốt.

Kiêng ăn cá chép.

5. Kinh trị lao phổi, ho nhổ ra máu mủ:

Ý dĩ nhân 10 lạng, giã nát, nước 5 thăng nấu còn 1 thăng, chế rượu vào chút ít mà uống rất hay.

6. Kinh trị lao phổi ho mủ:

Cải củ nấu với thịt dê hoặc cá diếc thường ăn rất hay.

7. Kinh trị người lớn, trẻ em ho lao phổi, hơi thở ngắn ho cả ra nước dãi, nhổ ra mủ hôi tanh:

Trúc lịch 3 chung, *Nước cốt gừng* 1 chung chút ít. Hai thứ hòa đều mà uống. Ngày uống 3, 4 lần đến hết bệnh thì thôi.

8. Kinh trị lao phổi, nóng âm ỉ trong xương:

Tủy dê, tủy lợn đều nấu thành dầu mỗi thứ 5 lạng. *Mật ong* 5 chung (tô). *Nước cốt sinh địa* (nếu không có thì dùng *can địa hoàng* sắc lấy nước đặc 5 tô. *Nước gừng* một tô, tất cả các thứ cô lại khuấy luôn tay không ngừng cho thành cao, mỗi ngày dùng một muỗng, hòa với rượu mà uống.

9. Kinh trị ho lâu ngày lao phổi, nhổ ra nhiều nước bọt, thỉnh thoảng nóng lạnh, mặt đỏ, thở dốc:

Nước dái trẻ em (bỏ đoạn đầu và đoạn cuối mà lấy đoạn giữa) một bát *Cam thảo* (xắt miếng) 2 đồng. Cùng ngâm phơi xương một đêm đến sáng mai vớt bỏ cam thảo chỉ uống với nước tiểu, mỗi ngày uống một lần, hết bệnh thì thôi. Lấy nước dái trẻ em, kiêng ăn gừng, hành hẹ, tỏi, mọi thứ nóng.

V - SUNG PHỔI MỦ

(phế ung)

Sưng phổi mủ là do sự điều dưỡng không đúng phép, làm khí huyết tổn thương, phong hàn thấp nhiệt thừa hư nhiễm vào, ứ lại không tan mới thành bệnh. Phát bệnh thì ho, mũi chảy nước thối, sườn bên phải đau âm ỉ, 2 chân sưng to, cổ khô miệng ráo, phiền muộn khát nước, nhổ ra máu mủ, đờm vàng tanh hôi, nếu đờm dính như cháo nếp thì khó trị. Nên theo các phương sách sau đây mà chữa. Khám bệnh nhổ ra mủ hôi tanh thì lấy đậu nành nhai sống, nếu không ngửi thấy mùi đậu, tức là bệnh phế ung (cách thử bệnh).

1. Kinh trị sưng phổi mủ:

Ý dĩ nhân sao qua tán nhỏ, uống với nước cháo nếp, hoặc nấu cháo, hoặc sắc lấy nước uống cũng được, sẽ hạ được máu mủ mà yên.

2. Kinh trị sưng phổi mủ, uống thuốc khác, cũng nên xem hoàn này để bảo vệ hoành cách mô không để mủ vỡ vào tim phổi.

Phèn chua 2 lạng để sống tán nhỏ, *Sáp ong* 1 lạng. Nấu sáp chảy ra, cho phèn chua vào làm viên bằng hột ngô đồng mỗi lần uống 30 viên. Mật ong và nước trộn đều làm thang.

3. Kinh trị phế mủ:

Vịt trắng một con, vặt lông, bỏ ruột, dùng *Ý dĩ nhân, Hạnh nhân* mỗi thứ một lạng dồn vào bụng vịt [illegible] hấp [illegible] nhỏ cơm cho chín, bỏ thuốc đi dùng vịt mà ăn, rất bổ phổi.

4. Kinh trị phế ung nhổ ra máu mủ:

- *Ý dĩ nhân* 2 cân, *Đậu đen* 100 hột, *Ô mai* 1 quả, nước 2 bát, sắc còn một bát, thêm *cao da trâu* và *Bông nặng* (bồ hòn) mỗi thứ đều 1 đồng, lại nấu sôi lên rồi uống sau bữa ăn 5 ngày sẽ kiến hiệu.

- *Ý dĩ nhân* 3 vốc giã nát, nước 2 bát sắc còn một nửa, cho vào chút rượu, chia làm hai lần uống hoặc sao qua tán nhỏ, mỗi lần dùng một vốc hòa với cháo nếp thường xuyên càng tốt.

- *Lá quýt* rửa sạch, giã nát vắt lấy nước một bát mà uống nhổ ra mủ thì khỏi, chưa khỏi thì lại uống nữa.

5. Kinh trị ho lâu không khỏi, hư nhiệt tích ở phổi, nung nấu thành phế ung, nhổ ra máu mủ, sớm tối không hết, trong bụng khí lạnh, hông ngực nghẹt nhau:

Tắc kè, A giao, Lộc giác giao, Linh dương giác. Các vị đều 2,5 đồng cân, tán nhỏ. Dùng nước sông 3 bát cho vào nồi đất đun nhỏ lửa ngào còn nửa bát, bỏ bã, thỉnh thoảng nằm ngửa nhấp nuốt 3, 4 giọt, rất công hiệu.

6. Kinh trị sưng phổi, mửa ra máu mủ:

Tóc rối (đốt cháy thành tro) một đồng, *Giấm cơm* (nuôi bằng cơm) 2 chung, *Nước sôi* một bát. Hòa đều mà uống rất hay.

VI - NÔN MỬA

Nôn mửa là ăn uống vào dạ dày rồi nôn ra. Nôn thì có tiếng mà không có vật, mửa lại có vật mà không có tiếng. Nhưng tiếng nôn có dài ngắn khác nhau, vật mửa ra có nửa đàm, nửa đồ ăn khác nhau. Có khi vì yếu dạ dày không thể tiếp thu đồ tanh lạnh, có khi vi trùng hàn trúng thử, có khi vì khí kết đàm tụ, có khi do máu độc ứ đọng, có khi do hỏa tà xung lên là nôn mửa. Nội kinh nói rằng: "Các chứng nôn mửa khi nghịch xung lên, đều thuộc về tâm hỏa" nên thể theo ý ấy mà chữa:

1. Kinh trị các tạp bệnh cùng thương hàn, nôn ói, tay chân giá lạnh:

Trần bì 4 lạng, *Gừng tươi* một lạng. Nước hai bát, sắc còn nửa bát, từ từ uống vào thì khỏi.

2. Truyền trị chứng lợm giọng, thường muốn mửa mà không mửa, vì dạ dày bị nhiệt: *Trần bì* 3 đồng, *Sơn chi tử* (bỏ vỏ, sao), *Tinh tre* 3 đồng, *Gừng sống* (giã lấy nước cốt) nửa bát. Sắc uống nóng rất hay.

3. Kinh trị chứng đàm ẩm sinh ra mửa dáng lẽ khát mà không khát, đấy là triệu chứng chi ẩm, hoặc tựa như suyễn mà không phải suyễn, giống nôn mà không phải nôn, giống ọe mà không phải ọe, trong lòng buồn bực khó chịu:

Bán hạ ngâm nước thay nước 7 lần, 1 lạng, *Gừng tươi* 5 đồng, nước lạnh 7 thang, sắc còn 1 thang rưỡi, chia ra mà uống thì khỏi.

4. Kinh trị chứng lợm giọng vì bên trong cổ đờm lạnh:

Củ nưa 1 lạng phơi khô tán nhỏ, uống mỗi lần một đồng với nước cơm là khỏi.

5. Kinh trị nôn ói ra nước chua:

Phân dê 10 viên, rượu 7 chung, sắc còn một chung, uống hết, chưa khỏi uống lần nữa rất hay.

6. Kinh trị mửa ra nước trong:

Lá ngải cứu khô, sắc uống thì hết ngay.

7. Kinh trị nôn ói không dứt:

- *Gạo nếp* một vốc sao vàng, *Gừng tươi* một củ xắt lát, đổ nước sắc uống nóng bất cứ lúc nào.

- *Hoắc hương* 5 đồng, *Hương phụ mễ* 5 đồng, *Trần bì* (để cả xơ trắng) 2 lạng. *Gừng sống* 3 lát. Sắc uống nóng thì lành ngay.

- *Tai hồng* 7 hột, *Hoắc hương* 1 đồng cân. *Sa nhân* một đồng. *Tỏi* 3 tép, *Gừng* 7 lát, *Hành* 2 củ. Đổ nước sắc, chia làm hai lần uống thì yên.

8. Kinh trị nôn mửa ra nước, đờm:

Hạt cau khô (cắt lát, sao nóng), *Trần bì* sao 2 đồng rưỡi. Đều tán nhỏ, một bát nước sắc còn một nửa, uống nước nóng thì khỏi.

9. Kinh trị nôn ọe không ngừng, người giá lạnh:

- *Rễ cây lau* 3 lạng cắt nhỏ, đổ nước sắc đặc. Uống nhiều lần thì khỏi.

- *Nước tiểu trẻ em* cùng sắc với *Rễ ngô thù* mà uống thì khỏi.

10. Kinh trị nôn mửa vì khí nghịch lên:

Hạt cải tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 7 viên với nước giếng ban mai (5 giờ sáng). Ngày uống 2 lần sáng sớm và chiều tối.

11. Kinh trị nôn khan, mình giá lạnh:

Gừng sống nhai nuốt, là một vị thuốc chữa chứng nôn mửa rất hay.

12. Kinh trị nôn khan không thôi:

- *Củ sắn dây* giã vắt lấy nước một thăng mà uống thì khỏi.

- *Mía ép* lấy một bát nước chế vào một nước gừng sống, đun sôi lên mà uống, mỗi ngày 3 lần rất hay.

VII - PHIÊN VỊ

(nôn ói)

Phiên vị là chứng ăn vào mửa ra, vì mừng giận, lo nghĩ, làm việc mệt nhọc sợ hãi không thường, thất tình làm hại tì vị, uất mà sinh đàm, đàm và khí cùng chống nhau, chỉ nghịch lên mà không hạ xuống, cho nên ăn uống rồi cứ đưa ngược lên mà không chuyển vận xuống được nhưng gốc bệnh sinh ra có 4 điều: Khí hư, huyết hư, có đàm có nhiệt. Cho nên sinh ra bệnh hoặc đầy ách, hoặc đau hoặc không muốn ăn uống, hoặc ợ hơi, ợ chua, sáng ăn chiều mửa, nên tìm nguồn gốc bệnh mà chữa.

1. Kinh trị chứng đàm kết, khí ách, cổ trướng, ăn nghẹn, nôn ói:

Hạt củ cải, Hạt tía tô, Hạt cải trắng ba vị trên đều sao qua và giã nát, *Sơn tra* bỏ hạt, *Hương phụ mễ*. Cả 5 vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước *gừng* là yên.

2. Kinh trị phiên vị mửa ra đờm:

- *Mộc nhĩ mọc ở cây liễu* 7 cái, sắc uống là khỏi.

- *Củ cải* ngào mật mà ăn rất hay.

- *Hột cải* tán nhỏ mỗi lần uống một đồng với rượu, ngày uống 3 lần dùng *hột cải trắng* càng tốt.

- *Trần bì* sao chung với đất vách phía tây, bỏ đất lấy *Trần bì* tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước sắc gừng 3 lát, táo một quả thì khỏi.

3. Kinh trị chứng nôn ọe, sớm ăn chiều mửa, chiều ăn sớm mửa, mửa liên miên:

- *Nước mía* 5 chung, nước cốt *gừng* một chung, hai thứ đều hòa, hàng ngày uống ít một rất hay.

- *Hạt sen già* (bóc vỏ và bỏ tim), *Đậu khấu* mỗi thứ một ít. Tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng cân uống với nước cơm vào khi đói thì yên.

- *Tùng tiết* (lõi thông) xắt nhỏ, nửa nước nửa rượu, sắc còn một nửa, luôn luôn uống ít một, tự nhiên khỏi.

- *Gừng già* sống giã nát vắt lấy nước cốt cùng với gạo tẻ, nấu cháo thường ăn cũng khỏi.

- Đất lòng bếp lâu năm 3 đồng, tán nhỏ uống với nước cơm đến lành thì thôi.

- *Gạo nếp* sao vàng một vốc, *hạt cau* một hạt, *Hồ tiêu* 25 hột. Các vị đều tán nhỏ, mỗi lần uống nửa đồng, Chỉ xác nấu lấy nước mà uống.. Uống xong ăn cháo để dằn lên.

- *Lông đuôi ngỗng trống* đốt thành tro tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng với nước cơm hay lắm.

- *Phân dê* 5 đồng, *nước đái trẻ em* một bát sắc lấy một nửa, lọc bỏ bã, chia uống 3 lần rất hay.

- *Gà trống trắng* 1 con, bỏ lông, bỏ ruột, rửa sạch lấy *hột mùi* rí 1 vốc dồn vào bụng gà, nấu chín nhừ, bỏ hột mùi đi mà ăn thịt gà, ăn vài ba con thì lành.

- *Nước đái trâu* hứng lấy một chén, lấy bột gạo nếp trộn vào, nắm thành bánh hấp trên cơm cho chín mà ăn thì lành.

- *Vỏ hến* không có thì lấy vỏ ốc, đốt thành tro tán bột, mỗi lần 1 đồng cân, nấu nước *gừng* mà uống.

4. Kinh trị dạ dầy nóng mửa ra thức ăn:

- *Xác ve sầu* 50 cái bỏ chân rửa sạch. *Hoạt thạch* một lạng. Đều tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân, dùng nước nóng chế ít mật mà uống, lành thì thôi.

- Ốc bươu bắt cho nhiều, rửa sạch bỏ vào chậu đổ nước vào ngâm, đợi nó nhả nhớt bùn ra, bỏ ốc đi lọc lấy nước nhớt bùn phơi khô vừa vừa (còn dẻo) thì làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước sắc *hoắc hương* làm thang thì yên.

5. Kinh trị chứng phiên vị mửa ra nước đen, trăm phương không lành:

Hột màng tang tán nhỏ nấu hồ làm viên, sắc nước gừng làm thang. Mỗi ngày uống một lần thì khỏi. Sau nên uống *Bình vị tân* (8) hoàn toàn khỏi hẳn.

6. Truyền trị phiên vị, lợm mửa nước chua:

Hạt cau khô một lạng, *Trần bì* sao 3 đồng cân. Đều tán bột, mỗi lần uống một đồng cân khi đói, dùng nước sôi hòa vào một chén mật ong mà uống đến lành thì thôi.

---

8. Bình vị tân: Hậu phác 5 đồng, tẩm gừng sao, Trần bì 3 đồng cân, Cam thảo 1 đồng, Thương truật 8 đồng cân, tán nhỏ. Uống mỗi lần 2 đồng cân, ngày uống 3 lần.

VIII - NẤC

Nấc cụt là do khí nghịch xông lên thành tiếng, khi phát ra hoặc 5, 3 tiếng hoặc 7, 8 tiếng thì thôi, hoặc nấc liên thanh. Nguyên nhân bệnh này không giống nhau hoặc bệnh đau lâu ngày vị khí hư mà sinh nấc, hoặc bệnh: do thương hàn, dùng thuốc hạ sai lầm mà phát, hoặc do nước ứ đờm đọng, dưới tâm tức ách hồi hộp mà sinh nấc. Đại để chứng ách nghịch (nấc) nghĩa không thuận, như thận hư hỏa xông ngược lên mà phát ra, khí từ rốn đưa lên thì khó trị.

Phàm phát nấc ở trung tiêu thì tiếng nấc ngắn, đó là bệnh sinh ra vì cơm nước, phát nấc ở hạ tiêu thì tiếng nấc dài, đó là hư tà xúc động chạm mà sinh ra bệnh ợ chua và phát nấc là vì hỏa, nên xét các phương kê sau đây mà chọn dùng chớ để sai lầm.

1. Kinh trị mọi chứng nấc:

- *Tai hồng* sấy vàng, tán nhỏ, uống với rượu thì khỏi.

- *Tai hồng tươi, Đinh hương* Hai vị bằng nhau thêm 5 lát *gừng* sắc cho uống. Hoặc thêm *Trần bì, Thanh bì* hoặc thêm *Bán hạ* và *gừng sống*, càng tốt. Nếu người yếu thêm *nhân sâm*.

2. Kinh trị chứng nấc liên thanh 40, 50 tiếng liền:

Nước cốt gừng sống nửa chung, *Mật ong* 1 thìa sắc uống nóng hoặc hòa một thìa *mật ong* uống ba lần, thì hết bệnh.

3. Kinh trị các chứng nấc ọe do khí nghịch.

Trần bì 1 lạng (bỏ xơ trắng), nước một thăng, sắc lấy nửa (1/2) uống nóng, hoặc gia *Chỉ xác* sao nửa lạng càng tốt.

4. Kinh trị chứng thương hàn nấc, ngày đêm không thôi:

- *Hột màng tang, Riềng ấm* hai vị đều nhau, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân lấy nước đun sôi 10 dạo chế vào ít dấm mà uống thì khỏi.

- *Thanh bì* tán bột 2 đồng, *Hành* 3 củ, dùng nước đái trẻ em sắc uống thì lành.

5. Kinh trị bệnh mới khỏi phát nấc liên thanh, hàng xóm cũng nghe tiếng:

- *Hột đậu rựa* đốt tồn tính tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng cân với nước sôi thì khỏi.

- *Hột tử tô* sao qua tán nhỏ, hòa với nước, lọc bỏ bã, lấy nước bỏ gạo tẻ nấu cháo thường ăn thì lành.

- *Sáp ong*, đốt lên khói rồi hớp vào miệng 3, 4 lần thì lành.

- *Lá sung* một nắm, sắc đặc mà uống thì lành.

- *Quả vải* 7 quả, lấy cả vỏ và hột, đốt tồn tính, tán bột uống với nước sôi là lành ngay.

- *Mầm gừng tươi*, (nam 7, nữ 9) nhúm gạo tẻ, hai vị giã nát, hòa với nước nguội, lọc bỏ bã, chia uống vài lần thì lành ngay.

IX - Ợ HƠI

Ợ hơi là hơi từ trong lồng ngực xông lên miệng, do vị hư hỏa uất mà sinh ra. Phép chữa, hàn thì phải bổ, nhiệt thì phải thanh, khí thì phải thuận, chứ không câu chấp một bề được.

1. Kinh trị ợ hơi:

Thạch cao nung nghiền nhỏ lấy giấm nấu hồ làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 20 viên với nước sôi.

2. Kinh trị ọe ngược lên sắp chết:

Bán hạ (ngâm nước sôi 7 lần) 1 thăng. *Gừng sống* nửa thăng, nước 7 thăng sắc còn 1 thăng rưỡi, uống thì lành.

3. Kinh trị chứng ợ hơi do vị hàn đờm ẩm đình tích:

Bán hạ (nấu gừng sao vàng) 2 phân. *Lá hoắc hương*, 1 phần, *Đinh hương* nửa phần, mỗi lần dùng 1/2 đồng cân, đổ một chén nước, 7 lát gừng, sắc lên mà uống thì lành.

4. Kinh trị bỗng chốc bị nghẹn, nuốt không xuống:

Trần bì 1 lạng rửa nước sôi, bỏ cùi trắng, sấy khô, tán nhỏ, nước một bát, sắc còn nửa bát uống nóng rất hay.

5. Kinh trị bị nghẹn mái không xuôi:

Hột sen già 6 hột, bỏ vỏ và tim, sao vàng tán nhỏ, dùng nửa chén nước lạnh, nửa chén nước sôi, hòa *bột sen* vào mà uống là lành.

6. Kinh trị dạ dày có uất hỏa, trên ngực có đờm đặc sinh ra ợ hơi:

Hạt dành dành 2 đồng cân, *Thạch cao* 2 đồng cân, *Nam tinh* (chế) 1 đồng. *Trần bì* 1 đồng, *Hương phụ mễ* (sao giấm) 1 đồng, cùng xắt nhỏ, thêm *gừng* 3 lát, sắc nước uống, không kể lúc nào.

7. Kinh trị chứng ợ do thực tích, đờm hỏa hoặc do vị hỏa:

Thạch cao tán nhỏ, dùng giấm nấu hồ làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 20 viên với nước sôi, uống lúc nào cũng được.

8. Kinh trị nghẹn hơi do bệnh ôn nhiệt:

- *Rễ cỏ tranh, củ sắn dây,* hai vị bằng nhau, sắc uống cũng lành.

9. Kinh trị ợ hơi do thấp đờm:

Trần bì bỏ xơ trắng, *Hoắc hương*. Hai vị bằng nhau, thêm 3 lát *gừng*, sắc nước mà uống. Hoặc gia thêm *hạt cau* nửa phần.

X - NUỐT CHUA

Nuốt chua là nước ứ lên họng, nuốt xuống cảm thấy chua, là vì có khí thấp nhiệt ở dạ dày, ăn uống vào dạ dày bị khí thấp nhiệt ấy uất lại không vận hóa được, nên sinh ra chứng ấy, ví như cơm, thịt bánh đậy ở trong hộp, khi nóng bí lại mà đổ mồ hôi cũng là thấp nhiệt nung nấu thành ra như vậy. Chứng tuy nhỏ, nhưng nếu khinh thường, không biết đó là mầm mống bệnh phiên vị khi mới mọc mầm không nhổ đi kịp sau phải dùng đến búa rìu, thật đáng phàn nàn. Các phương sau đây là phòng ngừa bệnh mới phát.

1. Kinh trị chứng đờm đọng, khí nghịch, sinh ra ợ chua:

Vỏ quả cau, Hương phụ mễ, Tía tô mỗi vị 2 phần. *Bồ kết* sao 1 phần, *gừng* 5 lát, bỏ vào chút ít muối sắc nước mà uống. Hoặc gia thêm *Hậu phác, Trần bì*.

2. Kinh trị dạ dày lạnh, miệng chua nhiều nước dãi, đau từ vùng tim ran đến rốn:

Tiêu lốt sao, Hậu phác tẩm nước gừng sao. Hai vị đều nhau tán nhỏ, dùng cá diếc luộc chín giã nhuyễn làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên thang với nước gừng.

3. Kinh trị chứng ăn vào sinh ợ chua:

Củ cải củ nhai sống 3 lát, không có củ thì dùng lá rất hay.

4. Kinh trị ợ chua đau vùng thượng vị:

Vỏ hến đốt tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân, thang với nước gừng.

Phân dê 1 vốc, rượu và nước một bát sắc sôi uống hết thì lành.

XI - XÓT RUỘT

Xót ruột là giống như đói không phải đói, giống như đau không phải đau, có một trạng thái buồn bực không yên, là vì huyết hư hỏa thịnh, đàm hóa sinh ra, cũng có lúc vì ăn uống các vật sống lạnh, khó tiêu, sinh thấp trệ ở trong mà sinh ra chứng ấy, nên phân biệt rõ ràng mà trị.

1. Kinh trị xót ruột, mửa ra nước:

Trần bì bỏ xơ trắng, tán nhỏ, đến mờ sáng bỏ 5 phân vào giữa bàn tay mà liếm rồi sẽ ngủ, cứ như thế 3 ngày thì lành.

Thạch cao nung đỏ hồng, *Trần bì* giội nước bỏ xơ trắng, *Nam tinh, nhân hột dành dành* (sao) *Hương phụ mễ*. Các vị bằng nhau tán nhỏ, luyện với cháo cho đặc làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên, thang với nước gừng thì lành.

2. Kinh trị chứng xót ruột do hỏa uất trong ngực:

Quả dành dành 1 lạng (sao), *nước dái trẻ em* một chén, sắc uống rất hay.

3. Kinh trị chứng xót ruột do đờm dọng khí ách, lúc mửa ra lúc nuốt vào đau vùng thượng vị:

Hạt cau, Trần bì bỏ xơ trắng, dùng mỗi lần 5 đồng cân với 3 lát gừng, đổ nước sắc uống thì lành.

XII - CÁC BỆNH KHÍ

Khí của con người cũng giống như khí của trời đất, cho nên lúc bình thường thì yên lúc trái thường thì biến. Trời đất mà biến là do gió mưa, sấm sét, sương, mưa đá, rét, nắng; người mà biến là do mừng, giận, thương, vui, sợ, sầu nhọc. Hễ có biến thì sinh ra các bệnh hoặc lồng ngực tức đầy, sườn hông căng trướng, nghẹn tắc không thông ợ hơi nuốt chua, lưỡi khô và đắng, ăn uống giảm sút, ngày càng gầy còm, hoặc đại trường hư bế, hoặc sau khi bị bệnh, trong ngực bực tức, nên tìm cho ra gốc của bệnh mà chữa.

1. Kinh trị ngực đau nhói như dùi đâm, ngửa lên cúi xuống không được, đổ mồ hôi suốt lưng, chậm chữa thì chết.

Hẹ tươi để cả rễ 5 nắm, rửa sạch, giã vắt lấy nước uống vào thì lành.

2. Kinh trị bỗng chốc thở dốc:

Gừng sống 3, 5 lát nhai nuốt rất hay.

3. Kinh trị nhiệt khí kết trệ, hàng năm thường phát:

Rau ngò rí nửa cân, mồng 5 tháng 5 âm lịch hái phơi khô, nước 7 bát sắc còn 1 bát rưỡi chia ra mà uống, chưa lành lại làm lại lần nữa. Mùa xuân, mùa hạ dùng lá, mùa thu và mùa đông thì dùng rễ, đều hay.

4. Kinh trị khí không điều hòa:

Rau sam nấu cháo mà ăn rất tốt.

5. Kinh trị tạng khí đau tức đầy hơi khó chịu, ăn uống không được:

Hạt cau rừng, lấy nước đái trẻ em mài vào nửa hạt mà uống, hoặc tán nhỏ hòa rượu mà uống đều hay.

- *Tân lang, Chỉ xác* Hai vị đều nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân, thang với nước gừng sau bữa ăn.

6. Kinh trị các chứng đau vì khí, bất cứ đàn ông, đàn bà do khí lạnh ho hơi sưng mạn sườn bên trái, thở gấp, mồ hôi lạnh, thở rược lên:

Ô dược tẩm rượu một đêm sao, *Hồi hương sao, Thanh bì* bỏ xơ trắng, *Riềng ấm* (cắt lát) sao.

Các vị đều nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 2, 3 đồng cân, hòa với rượu và nước đái trẻ em mà uống, đến lành thì thôi.

7. Kinh trị đau xóc hông:

Tầm gửi dâu (nếu không có dùng tầm gửi liễu giã nhuyễn vắt lấy một bát nước cốt mà uống thì rất hay.

8. Truyền trị đàn bà khí xông lên không thở được, chậm chữa thì chết:

Hương phụ mễ sao tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng, dùng *tía tô* sắc nước làm thang mà uống thì sống.

9. Kinh trị các chứng vì tức giận thái quá, khí nóng nghịch lên, can mộc lấn tì, tì không thống nhiếp huyết, huyết nghịch lên mà thổ huyết:

Hương phụ mễ 1 phân rưỡi, *Chi tử* 1 phần, *Tử tô* 3 phần, *Ô dược* 5 phần, *Trần bì* 1 phần rưỡi, *Cam thảo* chút ít, nước một bát, sắc còn 7 phần chế nước gừng sống, nước tre non, nước đái trẻ em, mỗi thứ một chén hòa với nước thuốc mà uống nóng.

10. Kinh trị bực tức ở lồng ngực, đầu mắt mờ tối choáng váng, chảy nước mắt nước mũi, đờm dãi, do tam tiêu bế tắc:

Hạt bìm bìm nửa sống, nửa sao tán nhỏ, rây lấy bột lần đầu 2 phần, nửa sống, nửa sao, *Bồ kết* lựa thứ không mọt, tẩm sữa nướng một phần, đều tán nhỏ, dùng gừng sống giã lấy nước mà nấu hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần 20 viên uống với nước sắc *kinh giới* làm thang.

11. Kinh trị chứng uất tích, ăn vào lâu ngày không tiêu:

Hột bìm bìm đem sao nghiền nhỏ, rây lấy bột đầu 2 lạng, dùng *củ cải* tùy bột thuốc nhiều hay ít, cắt đầu chỏm củ cải, moi ruột cho trống, nhét bột thuốc vào, lại úp đầu chỏm lại, gói vài lần giấy cho kín, bỏ vào nồi hông (chõ) đồ cho chín, lấy ra hợp với 5 đồng *Bạch đậu khấu* giã nhỏ nát làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên thang với nước sôi.

12. Kinh trị khí cuộn xông lên, đau buồn khó chịu:

Hột bìm bìm đem sao nghiền nhỏ rây lấy bột lần đầu 2 phần, *Hạt cau rừng* một phần. Đều tán bột mỗi sáng uống một đồng cân, với nước sắc *tía tô* làm thang.

13. Truyền trị khí uất bụng đầy, ống chân hơi sưng, tiểu tiện không lợi, thở gấp, ho suyễn:

Hạt bìm bìm đem sao nghiền rây lấy bột lần đầu 2 phần, *Hậu phác* 1 phần. Đều tán bột, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân sắc nước *gừng* mà uống.

14. Truyền trị ngực đầy ách, nuốt, ợ không thông, ợ chua đờm nghịch, nôn mửa không ăn được.

Hương phụ mễ 3 phần, *Khương hoàng* (sao), *Hoàng lục* đều 2 phần. *Quế chi* nửa phần. Đều tán bột, mỗi lần uống một đồng, sắc nước *gừng* làm thang.

Hoặc dùng bài trên mà bỏ *Quế chi* thay *Chỉ xác* (bỏ ruột) và thêm *Vỏ quít khô* lâu năm, phân lượng bằng nhau, sao vàng tán nhỏ, liều dùng hai đồng cân, cũng thang bằng nước *gừng*.

15. Kinh trị các bệnh ngực, bụng trướng đau, Phương này có tác dụng kiện tỳ, làm ngon ăn hòa khí tiêu đờm:

Tía tô (sấy), *Thạch xương bồ*, tẩm nước vo gạo, kỵ sắt, *Quế chi, Bồng Nga truật* (sấy), *Thanh bì* (sao), *Lương khương* (sao), *Chỉ xác* (bỏ ruột sao) *Hương phụ mễ, Hoắc hương, Hậu phác* (sao nước gừng). Các vị phân lượng đều nhau, tán nhỏ dùng giấm hòa với nước khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên đến 40 viên, sắc nước gừng làm thang.

- *Hương phụ mễ* 2 đồng, *Hoàng lục* 2 đồng, *Trần bì* (sao) 1 đồng, *Vỏ cây vỏ dẻ* 5 phân, *Gừng* 3 lát đổ nước sắc uống nóng.

16. Kinh trị hỏa tà khí thực, ngực bụng đầy tức:

Trần bì rửa nước sôi, sao qua, *Chỉ xác, Chỉ thực, Thanh bì* đều sao thơm, sắc uống nóng rất hay.

17. Kinh trị các khí bế tắc, ngực sườn đau nhói.

Trầm hương, Ô dược, Chỉ xác, Bình lang, mài vào nước nóng mà uống, lành ngay.

18. Kinh trị đàn bà bị các bệnh về khí, ngực sườn đau tức, trong ngực kết cục, đau xóc, khát nước hoặc chóng mặt nôn mửa, lúc có thai và sau khi sinh thở gấp khó chịu đều trị được cả:

Hương phụ mễ 6 đồng, *Ô dưỏcD 2 đồng rưỡi, Trần bì* 6 phần, *Tía tô* 6 phần, *Can khương* 6 phần. Đổ nước sắc uống nóng.

19. Kinh trị nam nữ thanh niên nhớ thương sầu cảm, tình dục động lên, đến nỗi không muốn ăn uống, ngực bụng ách đau, môi hồng mặt đỏ tự đổ mồ hôi.

Lá phù dung 1 nắm, có hoa thì hái thêm 1 hoa, có quả thì hái thêm một quả, cùng giã nát, dùng nước giữa lòng giếng hòa đều, bỏ bã, uống lúc nào cũng được, uống đến lành thì thôi.

20. Kinh trị khí hư, hơi thở ngắn, lồng ngực khó chịu, và người già khí yếu, thở gấp đầy tức:

- *Sữa bò* 1 bát rưỡi, nấu còn nửa bát, lại nửa bát sữa sống hòa cho đều, uống khi đói càng uống nhiều càng hay.

Thường cho uống nước đái trẻ em, càng nhiều càng tốt.

21. Kinh trị người vì dâm dục quá độ, khí đoản tinh khô:

Đậu sị 3 vốc, nước 3 bát sắc còn 1 bát, lọc bỏ bã, thêm *Chi tử* 21 quả bỏ vỏ, bỏ vào sắc còn nửa bát, uống ngay, chưa lành thì uống thêm.

XIII - ĐẦY ÁCH

Chứng đầy ách là vì âm phục xuống, dương đọng lại, khí trệ, huyết ngừng không lưu thông được, cho nên trong thấy đầy tức buồn bực, mà không hiện ra trướng đầy cấp bức. Là do bệnh ở tỳ vị hoặc trung khí hư yếu không vận hóa được, hoặc ăn uống bị đàm tích đầy trệ

hoặc vì thấp nhiệt quá chừng đọng lại dưới vùng tim, hoặc nhân bị thương hàn hạ lầm mà lý bị hư rồi biểu tà thừa hư vào trong tim mà biến thành bĩ mãn. Nội kinh nói: Chứng bĩ là thực ở trong hư, tà mà lọt vào được là chính khí ở trong tất đã hư, từ lưu lại mà không đi thì bệnh thuộc thực. Phép chữa nên bổ trung, công ngoại tà, đại khái cũng như loại chứng thấp.

1. Truyền trị chứng đầy cứng ở vùng thượng vị, ăn uống không ngon, nôn ọe, ăn vào mửa ra.

Cao lương khương, Can khương phần lượng bằng nhau, tán bột khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 15 viên, dần lên 20 viên sau bữa ăn, dùng *Trần bì* sắc nước làm thang mà uống. Kỵ thai.

- Không có *Can khương* thì dùng *Cao lương khương, Trần bì* tán nhỏ làm hoàn, uống với nước cơm vào lúc đói.

2. Kinh trị ngực sườn trướng đầy, căng đau, do tà khí kết chặt:

Gừng sống một cân giã lấy nước cốt để riêng. Dùng xác gừng, xào chín, lấy lụa gói lại mà chườm chỗ đau. Nếu khô nguội thì lại tẩm nước gừng đã để riêng vào xào nóng lên mà chườm vào chỗ đau sẽ thấy dễ chịu bớt đau.

3. Kinh trị khí trong cách mạc bị lạnh, rượu hay đồ ăn tích lại, uống thuốc này thì khoan khoái.

Thanh bì 4 lạng chia làm 4 phần. Một phần tẩm nước muối, một phần tẩm nước sôi. Một phần tẩm giấm, một phần tẩm rượu. Đều tẩm 3 ngày, lấy ra bỏ xơ trắng xắt nhỏ, lấy ít muối sao vàng tán bột, mỗi lần 2 đồng uống với nước chè nóng là khỏi.

4. Kinh trị chứng ngực sườn đầy tức:

Sừng linh dương đốt tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng cân với nước nóng thì lành.

5. Truyền trị khí uất tích lâu ngày, bụng, ngực sườn đau buồn, đại trường bí kết, đại tiểu tiện không thông, hàng tuần không đi ỉa được:

Nghệ vàng xắt lát, phơi khô tán bột, lấy mủ cây *Vú bò* hòa làm viên bằng hột đậu xanh. Trẻ con uống một viên, 10 tuổi trở lên 2 viên, người lớn 3 viên. Người bệnh lâu ngày gầy yếu một viên. Dùng rượu làm thang, hồi lâu ỉa ra chất tích độc. Nếu hạ lợi quá nhiều muốn cầm thì lấy nước lạnh rửa lỗ đít và rửa tay thì cầm ngay, rồi ăn cháo trắng vào mà bổ lại. Nếu tích độc chưa hết, ngày sau lại cứ thế uống lại. Thuốc này hòa bình mà công hiệu rất tốt, thật là một phương thuốc rất hay.

6. Truyền trị tức đầy, khí nóng bốc lên, uống đủ thứ thuốc mà không hạ được khí ấy:

Lấy một bát nước mồ hôi trên vung nồi cơm, hòa một lạng mật ong chờ lúc mật ong tan hết là khỏi ngay.

7. Kinh trị 6 chứng uất các bệnh về khí thực tích, đàm tắc, hông ngực không khoan khoái:

Hương phụ mễ 2 đồng, *Ô dược* 2 đồng, *Gừng tươi* nửa đồng. Đổ nước sắc mà uống.

8. Kinh trị hông ngực tức đầy, trừ đờm cũ, trục nước đọng, phế uất khai vi khí, giải khí lạnh tức ngực:

Chỉ thực sao và *Hậu phác* sao với nước gừng, hai vị phân lạng đều nhau *Rễ hẹ* nửa phần, đổ nước sắc uống nóng.

9. Kinh trị đàm kết hông ngực đầy ách:

Bồ kết nướng tán nhỏ, luyện cơm thành viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với nước sôi, đại tiện lợi được lành.

10. Truyền trị trong bụng tích khí lạnh đầy hơi, ăn uống không tiêu, dờm trệ kết đọng ở ngực, đại tiện hoặc lỏng hoặc trệ và các chứng đau vì lạnh, đều có hiệu quả:

Can khương, Bồng nga truật (sao), *Khương hoàng, Thanh bì* (bỏ ruột sao), *Trần bì* bỏ xơ trắng (sao), *Cao lương khương* (sao), *Hương phụ mễ*. Phân lạng đều nhau tán bột nấu hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước nóng vào lúc đói.

11. Truyền trị các chứng khí lạnh, tức đầy ách hoặc đàm tích ho suyễn, phương này nhuận tâm phế chỉ ẩu thổ, hòa tỳ vị, điều trung thuận khí, bổ ích 5 tạng, các nhà dưỡng sinh không thể thiếu:

Hạt tía tô, Riềng ấm (sao), *Trần bì* bỏ xơ trắng. Phân lạng đều nhau cùng tán bột, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần uống 50 viên, dùng nửa nước, nửa rượu sắc lên mà uống, bệnh lành thì người béo trắng.

12. Truyền trị trong bụng tức và trướng lên:

Trần bì (bỏ xơ trắng) tán nhỏ, *Tỏi* bỏ vỏ già, mỗi củ xoi một lỗ bỏ vào một hột *Ba đậu* bỏ vỏ, lấy giấy bọc nhiều lần nướng chín rồi bỏ đậu ra lấy *tỏi* cùng với *Trần bì* giã nhỏ nhuyễn làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên, uống khi đói, thang với nước gừng hay nước cơm.

XIV - CỔ TRƯỚNG

Bệnh cổ trướng là mặt, mắt và tay chân không sưng, chỉ có bụng trướng mà trong thì rỗng như cái trống, vì nội thương thất tình, ngoại cảm lúc dám, ăn uống đồ có thấp khí, tỳ thổ bị thương không vận hóa được, chất đục chất trong lẫn lộn, đường thông nước ủng tắc uất lai mà sinh nhiệt, nhiệt đọng lại thành thấp, thấp nhiệt cùng hợp nhau mới thành ra bệnh này. Nhưng nó có khí hư huyết hư. Sáng đỡ chiều nặng là huyết hư, chiều đỡ sáng nặng là khí hư, sáng chiều đều nặng là khí huyết đều hư, phép chữa phải ích khí kiện tỳ táo thấp dẫn nước là khỏi.

1. Truyền phương trị các chứng cổ trướng.

- *Bầu nậm* 5 quả, để tươi thái nhỏ, mỗi lần dùng một vốc, nước 3 bát sắc đặc, chia ra mỗi lần uống một bát, hòa với nửa chén rượu mà uống, uống luôn 5, 6 ngày thì hoàn toàn lành, chờ khi đi tả hết nước trong nước đặc rồi, sẽ lấy gạo nếp nấu cháo mà ăn cho bổ sức lại.

- *Mộc thông, Hành trắng* sắc cho uống thì xọp hết phù.

- *Chuột cống* lột bỏ da lấy thịt sắt nhỏ, thêm một *củ hành* và gạo trắng nấu cháo cho ăn vào khi đói, rất bổ, ăn nhiều càng tốt.

- *Đình lịch* sao 3 đồng, *Trần bì* (ngâm nước sôi, sao qua) 3 đồng, *Tang bạch bì* (kỵ sắt) đồng, *Gừng sống* 3 lát, sắc chung cho uống lúc đói, rất hay.

- *Đình lịch* một vốc lớn, sao đến sẫm màu, tẩm rượu 7 ngày, nghiền nát, mỗi lần uống 2, 3 thìa, hòa rượu uống lúc nào cũng được.

- *Muối* ba vốc, nước một thăng. Sắc uống, mửa được là công hiệu ngay, chưa mửa lại làm nữa mà uống đến mửa được thì thôi.

- *Bao tử heo* (dạ dày lợn) một cái, bỏ mỡ màng đi, rửa sạch. Ếch lớn 1 con, để sống bỏ vào trong dạ dày, buộc dây cho chặt. Đổ nước vào nấu thật chín, bỏ ếch, chỉ lấy bao tử heo. Dùng nguyên nước nấu nó rửa cho thật sạch, phơi sương một đêm, ngày hôm sau dùng 1, 2 củ tỏi lớn xắt lát cùng cắn với bao tử heo, chỉ ăn độ ba lần thì lành.

- *Ếch lớn* một con, lấy *Sa nhân* nhét vào miệng cho đầy cả bụng, lấy bùn đất sét vắt bọc lại cho thật kín, bỏ than vào đốt cho đỏ hồng, rồi bỏ vào nước ngâm cho nguội, bỏ đất đi, lấy ếch tán nhỏ, chia ra uống 2, 3 lần dùng gạo cũ lâu năm (*Tràn mễ*) sắc nước làm thang uống khi đói. Không có *Tràn mễ* thì dùng *Rượu* cũng hay. Hễ đi tiểu được nhiều thì khỏi.

2. Truyền trị tỳ khí không hòa, khí lạnh nhập vào trong, ủng tắc không thông thành ra dầy trướng:

Ngũ bì ẩm: Vỏ quả cau, Vỏ trắng rễ dâu, Vỏ gừng, Vỏ phục linh, Tràn bì (ngâm nước sôi, sao).

Phân lạng đều nhau sắc uống, nếu phù chân gia thêm *Mộc qua, Phong kỷ*.

3. Truyền trị bụng trướng không ăn:

Nhục quế, (bỏ vỏ), *Chỉ xác* bỏ vỏ (sao), *Hoàng lực, Nghệ vàng* (sao). Phân lạng đều nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 2 lần trước khi ăn dùng *Muối, gừng* sắc nước mà uống.

4. Truyền trị cổ trướng, thấp trướng, thủy trướng, sáng ăn thì chiều không ăn được, thuốc này tính hàn có tác dụng lợi thủy bổ tỳ, thật là thuốc qúy ngàn vàng cũng không truyền cho.

- *Chất trắng trong cứt gà tháng chạp* nhặt lấy nửa cân, đựng vào cái túi. Lấy một đấu nửa rượu nửa giấm, ngâm 7 ngày, mỗi lần uống 3 chén, mỗi ngày uống 3 lần, rất hay.

Lại có phép nữa dùng chất trắng trong cứt gà sao vàng tán bột, tẩm rượu nóng, hòa bột *Mộc hương, Binh lang* mà uống.

Lại có phép nữa, lấy chất trắng trong cứt gà đổ vào 3 bát rượu và giấm mà nấu, lọc bỏ cặn mà uống. Hồi lâu bụng sôi đi đại tiện, thì từ bàn chân trở xuống thấy bớt phù, nếu chưa hết, cách ngày sau lại làm mà uống, và bắt hai con *ốc bươu* nấu chín, gia thêm rượu vào mà ăn nhạt, lại dùng cháo trắng mà điều bổ lại, thì hoàn toàn yên.

- *Tiết lợn* (huyết heo) không dùng đến muối và nước lạnh, phơi khô tán bột hòa với rượu mà uống, đi đại tiện lợi thì lành.

- *Gan heo* một cái rửa sạch, xắt lát ra, thêm hành, đậu sị, gừng, tiêu, giã cho nhỏ trộn đều, nướng chín mà ăn, hoặc chỉ lấy gan heo nấu canh ăn cũng tốt.

- *Gừng nướng* chín gói lụa nhét vào trong hậu môn nguội thì thay thứ khác, bệnh tự tiêu tan.

5. Kinh trị trướng đầy, kiêm trị đại tiểu tiện không thông:

Tỏi to củ bóc vỏ nướng nóng, lấy lụa bọc lại, nhét vào lỗ đít, nguội thì thay. Để cho thông khí, lúc nào đi đái được hoặc đi ỉa thì thôi.

6. Kinh trị ngực bụng trướng đầy, đờm tắc nôn mửa ăn uống không vào:

Hậu phác một lạng tẩm nước gừng sao vàng tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước cơm, uống lúc nào cũng được, rất công hiệu.

7. Kinh trị khí trướng do trùng độc (cổ độc):

Hột cải củ, nghiền bột, hòa với nước, lọc lấy nước cho vào một lạng *Sa nhân*, tẩm một đêm phơi khô, lại tẩm lại sao làm như thế 7 ngày rồi tán nhỏ thành bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước cơm, rất công hiệu.

8. Kinh trị người béo nhiều đờm trướng đầy, khí tắc không thông:

Tràn bì ngâm nước sôi rửa sạch sao qua, sắc uống vào lúc nào cũng được, hoặc uống thay nước chè càng tốt.

9. Truyền trị cổ trướng thở dốc:

Dế mèn (dế đất) 5 con, sấy khô tán nhỏ, *hạt bìm bìm* nấu lấy nước mà uống vào lúc đói, thấy lợi đại, tiểu tiện là lành.

10. Kinh trị đau bụng quằn quại.

Lấy tóc người bệnh 30 sợi, đốt ra tro tán bột, hòa với nước mà uống, lại dùng *Hạt cải* tán nhỏ, trộn với nước như bùn, buộc vào giữa rốn, ra mồ hôi như tắm là lành.

11. Kinh trị cổ trướng phiền khát, mình khô đen gầy:

Cỏ roi ngựa, xắt nhỏ phơi khô, sắc với nước và rượu, bỏ bã mà uống nóng.

12. Kinh trị bụng như trướng, tay chân giá lạnh, hoặc vì uống thuốc khổ hàn, hại đến tỳ vị, ăn vào thì mửa:

Củ mài nửa khô, nửa sao tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm, mỗi ngày uống 3 lần, rất công hiệu. Kiêng ăn đồ sống lạnh.

13. Kinh trị thủy cổ báng nước bụng to, chuyển động thì có tiếng nước, mà da đen sạm:

- *Ếch xanh* 2 con (bôi váng sữa sấy khô), *Dế dui* 7 con (sấy khô), *Vỏ quả bâu* (sao) 5 đồng. Đều tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào lúc đói, 3 lần uống là hết bệnh.

- *Ba đậu* 30 hột, (bỏ vỏ, sao vàng), *Hạnh nhân* 20 hột (bỏ vỏ và đầu nhọn, sao vàng). Đều tán nhỏ, nấu hồ làm viên bằng hột đậu đen, mỗi lần uống 2 viên với nước, đi đại tiện lợi được thì thôi, Kiêng uống rượu.

14. Kinh trị bụng trướng đầy hơi thở ngắn:

Thảo quả 1 lạng, bỏ vỏ tán bột, sắc nước *Mộc qua*, gừng mà uống nửa đồng vào lúc đói, lành mới thôi.

XV - THỦY THŨNG

Thủy thũng là nước xung phạm vào tỳ vị, hễ nước chảy xuống bể là thuận, nước lên núi, lên gò là nghịch; nghịch thì biến, thuận thì thường. Bệnh thì đầu, mắt, tay chân, khắp mình đều thũng, hoặc miệng đắng miệng khô, ọe mửa không ăn, hoặc vai lưng sườn, bụng đau xóc, đại tiểu tiện bế hoặc ho, suyễn... Có hai loại nội thương và ngoại cảm khác nhau, không thể không xét, hoặc thở gấp khí đầy, thũng mà không yên, tay chân chỉ hơi thũng đó là "*đơn phúc trường*" tức là nội thương thì lâu lành: hoặc chân tay phù thũng, bụng lớn mình nặng đó là "*song phúc trường*" tức là ngoại cảm thì mau lành. Lại chia ra khí thũng: lấy ngón tay ấn vào lún xuống là lên ngay là khí thũng, lên lâu là thủy thũng, nên biết như thế để chia ra mà chữa.

Phàm gặp những bệnh thủy thũng mà đại tiện đi lỏng, môi đen, rốn lồi, chân thũng bằng, lưng thũng bằng, bàn tay thũng bằng hoặc thịt cứng hoặc đàn ông thũng từ chân thũng lên, đàn bà thũng từ đầu thũng xuống, những bệnh trạng như thế thì không chữa được. Lại có 5 chứng tuyệt: bệnh cổ trướng do thủy khí mà sắc mặt đen là can tuyệt, hai vai lồi cao lên là phế tuyệt rốn lồi ra là tỳ tuyệt, hai bàn tay sưng húp không thấy rõ chỉ tay là tâm tuyệt, hạ bộ thũng và chân thũng là thận tuyệt. Trong 5 chứng ấy nếu gặp một chứng nào là không thể chữa được nữa.

1. Kinh trị thủy khí thũng trướng, hoặc thũng từ chân vào bụng, nếu chữa không gấp thì chết người:

Xích tiểu đậu 5 vốc, *Tỏi to củ* 1 củ, *Gừng sống* 5 đồng, *Rễ thương lục* 1 cái.

Đều đập nát, đổ nước vào nấu chín, bỏ các thứ thuốc, chỉ dùng *đậu đỏ* ăn vào khi đói, dần dần uống cả nước cho hết, lại lấy *đậu đỏ* nấu nước ngâm chân thì thũng tiêu ngay.

2. Kinh trị mình mặt bị thũng, nằm ngồi không yên:

- Lấy *cành dâu* hướng đông, đốt thành tro, 1 thăng ngâm vào nước, lấy nước nấu với 1 thăng *đậu đỏ* cho chín, mỗi lần ăn cho no, rất công hiệu chớ uống nước nấu đậu.

- *Lá cây dướng* nấu nước cho đặc, bỏ bã cô lại thành cao, mỗi lần uống một chén nhỏ, uống với nước nóng vào lúc đói, ngày uống 3 lần rất hay.

- *Vỏ cây dướng* (bỏ vỏ thô ngoài), *Trư linh, Mộc thông* đều 3 đồng, *Vỏ dâu* (bỏ vỏ vàng ngoài), *Trần bì* đều 1 đồng, *Gừng* 3 lát sắc uống rất hay.

- *Bí đao, Hành củ*, nấu với canh *Cá chép* thường ăn rất hay.

- *Bồ kết* bỏ vỏ vàng một vốc, lấy rượu tẩm cho thấu, sắc uống 3 lần là rất hay.

- *Trần bì* (ngâm nước sôi rồi sao) *Vỏ quả cam, vỏ tráng rễ dâu, Vỏ gừng sống, Vỏ phục linh*, các vị phân lạng đều nhau sắc uống, như chân thũng thì gia thêm *Mộc qua, Phong kỉ*.

- Theo phương trên nhưng thêm *Ngũ gia bì* mà bỏ *Phục linh*.

- *Cá chép* một con, mổ bỏ ruột, không dùng nước và muối dùng *Phèn chua* 5 đồng cân tán nhỏ, nhồi vào bụng cá, lấy giấy bản bọc kín lại, ngoài trát bùn đem nướng chín rồi ăn.

- Hoặc dùng *Cá chép* to hay *cá lóc* to nấu với *Bí đao* và *Hành* mà ăn.

- *Hột cải củ* sao qua, tán bột, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân với nước sôi; ngoài lấy một mảnh chiếu rách đặt lên trên nóc nhà, ngày phơi nắng đêm phơi sương rồi dùng nước vo gạo nấu chiếu ấy, nấu nước mà tắm làm cho ra mồ hôi là lành.

- *Hoa hồng* đồ chín, giã vắt lấy nước, uống ngày 3 lần là rất hay.

- *Cóc* 2 con lột bỏ ruột, *Sa nhân* một đồng (có phương gia *Hồ tiêu*, tùy người bệnh, một tuổi một hột, hai tuổi hai hột v.v...). Các vị đều bằng nhau dồn vào cái *bao tử heo* nấu chín rồi bỏ cóc đi, dùng bao tử heo ăn một ngày cho hết thì lành.

- *Trứng gà* đập vỡ, lấy lòng đỏ, lòng trắng đánh lên, bôi vào chỗ thũng, thấy khô lại bôi rất hay.

- *Đậu đen* một thăng, nước 5 thăng, nấu còn 3 thăng, chế vào 5 thăng rượu, lại nấu còn 3 thăng, chia làm 3 lần uống nóng, uống đến lành mới thôi, nước sẽ theo tiểu tiện mà ra.

- *Hương phụ* sao giã bỏ vỏ đen, *Sa nhân* sao vừa, phân lạng bằng nhau, sắc uống, công hiệu không kể xiết.

- *Ruột ốc bươu, hột mã đề, Tỏi củ to*. Các vị bằng nhau, giã nát đắp lên rốn, buộc chặt, nước sẽ theo tiểu tiện mà ra.

- *Đọt dây nho* 14 đọt, *Dế dụi* 7 con (bỏ đầu chân) giã nhỏ, phơi sương 7 đêm, phơi khô tán nhỏ, uống mỗi lần 5 phần với rượu nhạt.

- *Củ cỏ cú* một cân, ngâm đồng tiện 3 ngày đêm, phơi sấy khô tán nhỏ, làm viên, mỗi lần uống 40 - 50 viên với nước cơm, ngày uống 2 lần.

- *Rau muống* một bó, dùng một *con gà vàng*, vặt lông, bỏ ruột, chớ cho dính nước, bỏ rau vào trong bụng gà buộc chặt, đổ nước và một chén rượu nấu thật chín nhừ rồi bỏ rau muống đi, ăn thịt gà, ăn hết 3 con thì lành.

- *Ốc bươu* không kể nhiều ít, sát sạch, cho vào chậu nước gia thêm một chén *Dầu mè*, ốc tự nhiên nhả bọt ra; lấy nước bọt đó phơi khô tán bột, mỗi lần uống 3 phân với rượu, nước sẽ ra theo tiểu tiện, khí sẽ ra theo đại tiện thì thũng tiêu ngay, sau đó uống thuốc dưỡng tỳ là yên.

- *Gà trống trắng* một con, bỏ lông ruột rửa sạch. *Đậu đỏ* một thăng, *Nước* 3 thăng. Nấu chín mà ăn, uống cả nước, hết là lành.

- *Củ hành trắng* nấu một bát mà uống thì sẽ tả ra nước; nếu bệnh nặng lấy *Củ hành* giã nát mà uống, làm cho thủy khí tiết ra, rất công hiệu.

- *Gạo tẻ, Đậu xanh* đều một cốc, *Gan heo* một cái xắt nhỏ. Cùng nấu cháo ăn, bệnh nặng không quá 5 lần thì thũng tiêu, nhất thiết kiêng tức giận và chớ ăn đồ sống lạnh.

- *Trần bì* sao, *Mộc thông, Nghệ vàng* sao, *Hột qùy, Hột đình lịch* sao, *Bìm bìm* (sao đen), đều hai phần. *Ngũ vị* một phần, đều tán nhỏ mỗi lần uống hai đồng, sắc nước gừng mà uống vào khi đói.

- *Hột đình lịch* 3 lạng, *Nhục quế* bỏ vỏ ngoài một lạng. Đều tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 10 viên với nước nóng.

- Theo phương trên gia *Bìm bìm đen*, nghiền lấy lớp bột lần đầu 1 lạng. *Hạt tiêu sọ* nửa lạng. Nấu hồ làm hoàn, mỗi lần uống 30 - 40 viên, dùng *Gừng, Mộc thông* sắc nước mà uống, hoặc bí đại tiện thì sắc nước *Chỉ xác* mà uống, phương này tiêu thũng thông lợi tiểu tiện.

- *Hương nhu* dùng nhiều, rửa sạch, xát nhỏ, cho vào nồi lớn, đổ nước nấu cho kỹ, lọc, bỏ bã lấy nước lại cô thành cao, mỗi lần dùng một đồng, ngày ngày tăng dần lên, ngày uống 3 lần hòa với nước ấm mà uống, đến lợi tiểu thì thôi.

- *Vỏ quả bầu* sao, tán bột, mỗi ngày dùng 2 đồng, dùng *Trần bì* sắc nước làm thang, uống lúc đói.

- *Hạt bìm bìm trắng* 2 đồng, (nửa sống, nửa sao), *Hạt bìm bìm đen* 2 đồng. Hai vị đều nghiền lấy lớp bột đầu chừng 2, 3 đồng, *Bình lang, Chỉ xác* (bỏ ruột sao), hai vị này phân lạng cũng như hai vị trên. Các vị đều tán bột, hòa nước làm viên bằng hột ngô đồng. Mỗi lần uống 50 viên, dùng vỏ trắng *Rễ thương lục* (kỵ sắt) sắc thuốc làm thang, uống vào lúc đói, thấy đi đại tiện 2, 3 lần là lành, rồi ăn cháo trắng thì cầm. Phương này người già yếu chớ dùng.

- *Mõ hóng* (Ô long vĩ), *Vỏ bưởi* (sao qua).

Đều 2 đồng, tán bột dùng, *Nghệ vàng* giã nát, vắt lấy nước, hòa làm viên bằng viên đạn, mỗi lần uống một viên, mài với nước vo gạo mà uống, mỗi ngày hai lần, tiểu tiện lợi là lành.

- *Chì đen* 5 lạng, *Bồ kết* 1 quả nướng vàng, *Rượu đế* 2 chén. Nấu sôi 6 dạo thường uống, đến khi tiểu tiện ra được 2, 3 thăng thì lành.

- *Hạt bìm bìm đen* sao, tán lấy lớp bột đầu 5 đồng, *Hạt cau rừng* 2 đồng rưỡi tán bột. Mỗi lần uống 1 đồng sắc với nước *Tía tô* làm thang.

Nếu không có *Hạt cau rừng* dùng *Mộc thông* 2 đồng, lấy gừng sắc nước làm thang, cũng chữa các bệnh khí thũng.

- *Củ tỏi, Ốc bươu, Hột Xa tiền*. Các vị bằng nhau giã nát, nhào thành cao, dán giữa rốn, nước theo tiểu tiện mà xuống, vài ngày là khỏi ngay.

- Vịt trống xanh đầu một con, bỏ lông, bỏ ruột, cùng với *Trần bì, Hột tiêu, gừng, hành, gạo tẻ*, nấu cháo thường ăn.

- *Vịt trống* một con rửa sạch, lấy nửa cân *Đậu sị*, một ít gừng và bột tiêu bỏ vào bụng vịt khâu kín lại, hầm cho chín mà ăn nhiều, rất hay.

3. Kinh trị bụng và tay chân phù thũng, không kể thủy thũng, khí thũng hay thấp thũng đều hay:

Cứt gà khô một cân sao vàng, đổ vào 3 bát rượu ngon nấu còn 1 bát, lấy vải lọc bỏ ba cho người bệnh uống chốc lát trong bụng nghe chuyển mạnh, rồi đại tiện tả ra, thấy chỗ da chân, bụng, rốn nhăn trước, tức là thũng sẽ xọp dần. Nếu ỉa chưa hết, thì lại uống một lần nữa, kế đó lấy 2 con *ốc bươu* bỏ vào rượu nấu sôi cho chín mà ăn thì ngừng ỉa ngay, lại nấu cháo nóng mà ăn là lành.

4. Kinh trị chứng phù thũng do thủy khí hoặc cước khí:

Cành dâu non, mỗi thang dùng 2 lạng sao thơm, đổ một bát nước sắc còn nửa, uống vào khi đói thì khỏi.

5. Kinh trị 10 loại thủy thũng, bụng đầy, thở rộn không nằm được:

- *Dế dụi* dùng cho nhiều, để trên mảnh ngói sấy cho khô, tán bột, mỗi lần uống một đồng với nước sôi vào lúc đói, thấy tiểu tiện đi được là lành.

- Một quả *Bí đao* lớn, cắt nuốm cho moi bỏ ruột, dồn *Đậu đỏ* vào cho đầy, đậy nuốm lấy giấy lộn bùn gói kín lại, dùng 3 thúng trấu bếp đổ chung quanh đốt lửa và hầm, đến cháy hết trấu thì thôi, lấy ra xắt miếng cùng với *Đậu đỏ*, phơi khô, tán bột, khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 70 viên, lấy *Hột bí đao* sắc nước làm thang, ngày uống 3 lần đến lợi tiểu tiện thì thôi, sẽ khỏi.

- *Chỉ xác* (bỏ ruột sao) 2 đồng, *Trầm hương* 2 đồng, *Nam mộc hương* 2 đồng, *Hạt cải củ* (sao) 4 đồng cân. Đổ nước sắc uống lúc nào cũng được.

6. Kinh trị tích nước phù thũng thở gấp, đại tiểu tiện bế gắt:

- *Giá đậu* đen phơi khô sao giấm, *Đại hoàng sao* đều bằng nhau, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, lấy *Rễ cỏ tranh, Trần bì* sắc nước làm thang, sáng mai lợi tiểu tiện là khỏi.

7. Kinh trị thủy thũng, đại tiểu tiện không lợi:

- *Quả kê đầu ngựa* sao cháy, *Hạt Đình lịch*, hai vị đều nhau, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước nấu, ngày uống 2 lần thì lành, kiêng ăn thịt heo

- *Bèo ván* phơi khô tán bột, mỗi lần uống một đồng với nước sôi, ngày uống 2 lần thì lành.

8. Kinh trị thủy thũng đái giắt:

- *Gan heo* (cắt lấy 3 miếng ở đầu chọt gan), *Đậu xanh* 4 nhúm, *Trần bì* 1 vốc. Cùng nấu cháo mỗi buổi sáng ăn thì độc theo tiểu tiện ra, thấy lành bệnh mới thôi.

- *Thịt trâu* 1 miếng (1 cân) luộc chín, lấy *gừng* giã nát trộn với *Giấm*, khi đói xắt miếng chấm ăn; hoặc dùng *Đuôi trâu* đốt sạch lông mà nấu canh hoặc *Da trâu* nấu với *Đậu sị* mà ăn cũng tốt.

9. Kinh trị bệnh báng nước (thủy cổ) bụng lớn chuyển động có tiếng nước, da thịt xạm đen:

- *Đậu đỏ* nhỏ 3 thăng, *Rễ tranh* 1 nắm. Đổ nước nấu chín rồi bỏ *Rễ cỏ tranh* ăn đậu đến lành thì thôi.

- *Củ rẻ quạt* giã lấy nước cho uống một chén, nước ra hết là lành.

10. Kinh trị thủy cổ, thạch thủy, bụng trướng mình sưng phù:

Chuột cống một con lấy thịt nấu cháo cho ăn vào khi đói 3, 4 lần, tiêu thũng là lành.

11. Kinh trị thủy thũng thể nhiệt:

Hột dành dành, bỏ vỏ sao tán bột, mỗi lần uống với nước cơm. Nếu nhiệt ở thượng tiêu thì dùng cả vỏ, rất hay.

12. Kinh trị phù thũng thể dương thủy:

- *Lá sen* lụi, đốt tồn tính, tán bột uống với nước cơm, mỗi ngày 3 lần đến lành thì thôi.

- *Lá sen non* sao vàng tán bột, mỗi lần 2 đồng với nước cơm, ngày 3 lần thì khỏi.

13. Kinh trị bệnh thũng vàng khắp mình:

Củ bách bộ còn tươi, rửa sạch, bóc vỏ bỏ tim, giã nát đắp vào giữa rốn. Lại lấy cơm nếp 1 vốc, nước và rượu đều nửa chung, nhồi lẫn đắp trên bụng, lấy khăn vải trắng buộc lại, sau 1, 2 ngày nghe trong miệng có mùi rượu thì nước theo tiểu tiện ra, rất hay.

14. Kinh trị thũng vì rượu, thũng vì hư:

Củ cỏ cú giã cho trớc vỏ, lấy *ngải cứu* và *Giấm thanh* nấu khô rồi sấy tán bột, lấy *giấm* nấu hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 40 - 50 viên với nước sôi, uống lâu nước theo tiểu tiện ra rất hay.

15. Kinh trị thủy thũng sưng chân:

Lá hành nấu nước mà ngâm, ngày 3 - 5 lần là khỏi.

XVI - CHỨNG UẤT

Chứng uất là uất tắc lại không thông, trời đất có thăng phát, thì muôn vật mới sinh; khí huyết có chạy khắp, thì muôn mạch mới hòa sướng, một khí ứ đọng thì sinh ra các bệnh. Bệnh uất có 6 thứ: *Khí uất, Nhiệt uất, Thấp uất, Đàm uất, Huyết uất, Thực uất*, là vì khí không thăng không giáng, không đi không hòa, kết tụ, đình trệ, lại ở ngực ở sườn mà không bốc ra được. Có người hỏi: "Uất có 6 thứ làm sao mà biết được?" Đáp rằng: Ngực sườn đau là *khí uất*; đau chạy khắp mình, đau các khớp xương, gặp lạnh thì phát là *thấp uất;* tay không có sức, ăn được mà đi đại tiện đỏ hay đen là *huyết uất,* ợ chua mà no không ăn được là *thực uất;* nên xét chứng mà xử phương, không nên câu nệ.

1. Kinh trị lo nghĩ uất ức không thông ngực sườn không khoan khoái:

Tai hồng 7 cái, *Hồ tiêu* 7 hột, *Tỏi* 5 củ nhỏ, *Gừng* 7 cây nhỏ, *Hành* 3 củ, *Hoắc hương* và *Sa nhân* đều 1 đồng, *Nước* 1 bát sắc còn 8 phần, chia 2 lần uống.

2. Kinh trị 6 chứng uất các bệnh về khí, thực tích, đàm tích trong ngực khó chịu:

Hương phụ mễ 2 đồng, *Ô dược* 1 đồng, *Gừng* 5 phân. Sắc nước uống thì lành.

3. Kinh trị người vốn nhiệt hỏa ức lồng ngực khó chịu:

Hạt dành dành sao đen, tán bột, mỗi lần uống hai đồng với nước cơm vào khi đói là yên.

XVII - TÍCH TỤ

Chứng tích là gốc ở 5 tạng, phát ra có căn cứ, đau có chỗ nhất định; chứng tụ là gốc ở 6 phủ, phát ra không có căn cứ, đau không chỗ nào nhất định. Ấy là vì âm dương không hòa, tạng phủ hư nhược, 7 tình trái ngược 4 khí lấn át mà thành các chứng ấy. Lâu ngày sẽ thành chứng trưng, hàn ở trong bụng sinh hòn cục không di động là bệnh trưng, khi có khi không, lúc lên lúc xuống, khi ở bên tả, khi ở bên hữu là bệnh hà. Đại khái đều là đờm tích, là thực

tích hay là tử huyết. Tích tụ ở giữa bụng là đờm ẩm, ở bên phải là thực tích, ở bên trái là huyết ứ. Phép chữa dùng vị mặn để làm mềm đi, dùng vị đắng để phá tan đi, mà nên hành khí tiêu đờm làm gốc, không nên dùng thuốc hạ lợi mà thương tổn đến nguyên khí, bệnh đã không lành mà nguy đến tính mạng. Nên tiêu đạo để hóa tan hòn cục, hòn cục đã hết thì nên bồi bổ để trừ khử bệnh tà mà khôi phục chính khí.

1. Kinh trị đàn ông, đàn bà 5 chứng tích, 6 chứng tụ, phương này tiêu tích thuận khí, thật là phương thuốc tiên:

Chỉ xác bỏ ruột một cân, mỗi một *quả chỉ xác* bỏ vào một hột *Ba đậu*, úp kín mà buộc lại, đổ nước vào nấu nhỏ lửa 1 ngày, khi cạn nước thì thêm nước sôi, chớ thêm nước lạnh, đợi tối ngày và cạn hết nước đem ra bỏ hết *Ba đậu*, lấy *Chỉ xác* phơi khô, (chớ sao), rồi tán bột, dùng *giấm* nấu hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên, tùy bệnh mà dùng thuốc làm thang.

2. Kinh trị tất cả các chứng tích tụ:

- *Gạo tràn mễ* 4 lạng, lấy *Ba đậu* 21 hột bỏ vỏ, cùng sao với gạo, khi gạo vàng, bỏ *Ba đậu* lấy gạo thêm *Trần bì* 4 lạng bỏ cùi trắng, cả hai vị cùng tán bột, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 5 viên, sắc nước *gừng* làm thang, ngày uống 2 lần rất hay.

Vỏ trắng rễ dâu tán bột, dùng *giấm* nấu thành hồ làm viên, cũng hay.

3. Kinh trị khí kết hòn, khí uất, thực tích, nghẹn tắc, đầy ách, ngực sườn đau xóc, trưng, hà, sán khí đều trị được cả:

- *Thanh bì* (sao), *Tam lăng, Nga truật* đều sao *giấm, Hương phụ mễ* (tẩm *nước đái trẻ em*) sao đều 2 phân; *Thần khúc* (sao), *Mạch nha* (sao), *Hột cải củ* (sao), *Hột bìm bìm trắng* (sao) (tán lấy lớp bột đầu), *Binh lang, Củ nghệ, Hoàng liên* đều 1 phần; *Muội nồi, Bồ kết* sao đều nửa phần. Các vị đều tán bột, khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 15 viên, sắc nước *gừng* làm thang mà uống.

- *Hột bìm bìm đen* sao 8 lạng giã sàng lấy bột lớp đầu 4 lạng, còn bột to thì để lên miếng ngói mới mà sao thơm, rồi giã lấy bột nhỉ 2, 3 lạng, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên, bệnh rất nặng uống 35 viên, sắc *Trần bì, gừng sống* làm thang uống vào lúc đi ngủ, đến nửa đêm chưa thấy chuyển lại uống đến 35 viên sẽ tả hạ những vật tích tụ. Còn bình thường mà uống hành khí thì chỉ uống 10 viên cũng hay.

- *Củ môn nước* thứ tươi 1 cân lấy vật nặng dằn cho nó vỡ, đổ vào 5 thăng rượu, ngâm 14 ngày, khi đói uống nửa thăng hay một thăng, rất công hiệu.

- *Cứt khô chim sẻ*, thêm một ít *Can khương* tán bột, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên vào khi đói, lấy nước ấm làm thang. Có phương: gia thêm *Quế tâm, Trần bì* 2 vị đều nhau.

- *Bạch tật lê* nhiều ít cũng được, đổ nước sôi nấu, phơi khô tán bột, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 70 viên vào khi đói, thang với rượu, uống đến lành thì thôi.

- *Bồng nga truật, Củ rễ quạt* tẩm rượu sao, *Rễ gấc* sao rượu, đều 3 đồng, *Hương phụ mễ* sao, *Hạt cau rừng* sấy, *Mộc thông* đều 4 lạng, cùng tán bột, mỗi lần uống 3 đồng, sắc nước *gừng* mà uống thì lành.

- *Lưỡi búa sắt* đốt đỏ, lấy rượu ba bát mà tôi 3 lần, dùng rượu ấy uống thì tiêu.

- *Cứt ngựa bạch* giã lẫn với *Tỏi*, đắp vào chỗ tích, lúc nào tiêu hết thì khỏi.

4. Truyền trị trong bụng kết tụ mà đau, lâu năm không lành:

- *Yếm Ba ba (cua đinh)* đốt tồn tính tán bột, mỗi lần uống 1, 2 đồng với rượu.

5. Kinh trị trong bụng đầy cứng như có nhiều hòn dá, vì cuối hè đầu thu hóng mát nằm trần mà sinh ra:

- *Đậu đen* nửa thăng, *Gừng sống* 8 phân, *Nước* 3 thăng, sắc còn một thăng uống ngay là lành.

- *Bạch cương tâm* sao vừa, tán bột, mỗi lần uống 4, 5 đồng, dùng *nước đái ngựa bạch* làm thang mà uống, không đầy một ngày thì mềm như bông, độc theo đại tiện mà tả ra, rất hay.

6. Truyền trị các chứng tích tụ, máu đọng thành hòn, khí kết thành cục, trong bụng đầy trướng.

Hoàng lục, Bạch lục, Độc lục, đều sao, mỗi thứ 3 đồng, *Tân lang, Bồng nga truật* sao *giấm*, đều 5 đồng. Cùng tán bột, dùng *giấm* nấu hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên, sắc nước *gừng* làm thang mà uống, rất hay. Có phương gia *Thanh bì, Tam lăng*.

- *Hương phụ mễ, Nam tinh* nấu nước *gừng* sao, phân lạng đều nhau, lấy nước *gừng* khuấy hồ làm hoàn, mỗi lần uống 20 - 30 viên, sắc nước *gừng* làm thang.

- *Rau sam* một nắm to giã nát, *Muối* một nhúm, *Giấm* 1 chén, *Nước* 1 chén. Cùng sắc còn một nửa, uống vào khi đói thì tiêu cục; nếu có giun sán cũng ra ngay.

- *Tam lăng* (nướng), *Bồng nga truật* (nướng), *Củ rễ quạt* (tẩm sao rượu), *Hột gấc* (bỏ vỏ sao rượu) đều 3 lạng, *Hương phụ mễ, Tân lang, Mộc thông*, đều 4 đồng cân, các vị tán nhỏ, mỗi lần lấy một đồng đổ một bát nước sắc còn 7 phần uống nóng vào khi đói.

- *Thịt bò* 4 lạng, thái mỏng, lấy *vôi dá* 1 đồng để ngoài gió cho nó tự tan, lấy bột ấy xát lên thịt bò đồ (nấu) chín mà ăn, thì thực tích tự hạ, rất hay.

- *Cứt ngựa bạch* giã với *Tỏi*, đắp lên bên ngoài chỗ có tích tụ (có cục tích), khi nào hết thì thôi.

- *Lá ngải cứu tươi* 2, 3 nắm, *nước* 3 bát sắc còn nửa bát, uống khi đói, rồi mửa ra đồ độc thì lành.

- *Tam lăng* 1 thăng, *nước* 5 thăng, sắc còn 3 thăng, bỏ bã, cô lại còn 1 thăng, cho vào trong nồi nấu cách thủy thành cao, đựng vào lọ kín, mỗi buổi sáng uống một muỗng với rượu, ngày uống 2 lần, rất công hiệu.

7. Kinh trị trong bụng tích cục, mặt vàng gầy yếu bụng trướng như trống, chết dá đến nơi:

Thạch xương bồ, ngày 5 tháng 5 âm lịch hái về phơi râm, mỗi lần dùng 3 đồng tán bột để trong cái bát, dùng một bát *nước vo gạo* nấu sôi đổ vào ngâm đậy kín, uống nóng vào khi đói, hồi lâu xổ ra trùng độc, sáng ngày sau sẽ uống nữa, xổ hết trùng thì thôi.

8. Kinh trị bệnh trưng, trong bụng có cục như dá, đau xóc đêm ngày rên la:

Rễ cỏ xước 2 thăng kiêng sắt, lấy dùi gỗ đập nát, dùng một đấu rượu mà tẩm, bọc kín lại, vùi vào trong tro nóng, thấy đã nóng thì lấy ra, mỗi lần sắc 5 chung cho đến 1 chung, uống rồi sẽ thổ độc ra mà lành.

9. Kinh trị tích cục ở bụng và hông:

- *Vôi dá* để ra gió cho tan nửa thăng, bỏ vào nồi đất (nồi rang) sao cực nóng, để nguội cho vào 1 lạng bột *Đại hoàng* sao chín, nửa lạng bột *Quế tâm* sao qua, hòa với *giấm*, đặc như cao, phết lên miệng vải dán vào chỗ đau.

- *Đại hoàng* 3 lạng, *Phác tiêu* 1 lạng. Tán bột, lấy *Tỏi* cũng giã như bùn mà dán rất hay.

10. Kinh trị chứng trong bụng có hòn cục, ăn thịt không chán, gọi là nhục trưng:

Nước đái ngựa bạch 3 chung uống ngay, liền thổ ra thịt tích, nếu không mửa ra được thì chết.

11. Kinh trị bị độc thành hòn cục (xà trưng) trong bụng, thường đói ăn vào thì thổ là do ăn rau trúng phải tinh hay nước dái rắn hoặc ăn thịt rắn nhiều mà mắc bệnh.

Rết 1 con, dùng thứ chân đỏ, bỏ đầu, chân, đuôi, nướng khô tán bột, uống với một chén rượu chưa lành lại làm nữa mà uống.

12. Kinh trị người hay ăn gỏi và thịt sống tích lại ở hông ngực không tiêu hóa thành bệnh trưng hà (tích cục máu):

- *Cỏ roi ngựa* giã vắt lấy nước một thăng mà uống thì tiêu. Có phương gia thêm 1 chén *gừng* hòa vào mà uống.

- *Lá chàm* một nắm giã nát cho nước vào, vắt lấy 1 thăng, uống ngay 3 lần là khỏi.

13. Kinh trị trong bụng nổi hòn cục, lúc có lúc không, lưng đau, mặt vàng (miết hà) và trị tích hòn cục đã lâu, hay mới bị hòn cục trong bụng:

- *Gà trống trắng* một con, nuôi chỗ sạch sẽ cho ăn cơm, để lấy phân trắng 1 vốc cùng nước đái trẻ em 1 thăng đổ vào rồi rang sao vàng, tán bột, mỗi lần dùng một đồng uống với rượu, ngày uống 4, 5 lần, thấy hòn cục tiêu hết thì thôi.

- Dùng 1 đầu con *mèo mun*, đốt tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với rượu, ngày uống 3 lần là khỏi.

14. Kinh trị đàn bà đau máu cục (huyết trưng):

Can khương, Mai mực, Đào nhân (bóc vỏ bỏ đầu nhọn, các vị phân lạng đều nhau, cùng tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu, mỗi ngày uống 2 lần thì lành.

- *Hồng hoa* (rửa rượu) 2 đồng, *Tam lăng* 1 đồng rưỡi, *Bồng nga truật* 1 đồng rưỡi; *Hương phụ mễ* (sao giấm) 1 đồng rưỡi, *Ô dược* 1 đồng, *Tô mộc* 2 đồng. *Chỉ xác* (bỏ ruột) 1 đồng rưỡi, sắc nước uống vào khi đói rất hay.

- *Đình lịch* 1 vốc sao tán bột, *Rượu* một bát cùng đổ vào bình ngâm 4, 5 ngày, tùy ý mà uống rất hay.

- *Rễ cỏ xước* rửa sạch đập giập, sấy khô tán bột, dùng *rượu* mà sắc, uống nóng rất hay.

XVIII - QUAN CÁCH

Quan cách là trong ngực và cách mô cảm thấy chướng ngại, muốn lên không lên, muốn xuống không xuống, muốn ăn không ăn, là vì khí ngăn ngang mà sinh ra thế. Phàm lạnh ở trên, nóng ở dưới lạnh tắc ở giữa ngực, chặn ngang lưng chứng gọi là *cách*; nóng ở trung tiêu, tắc đầy khí không thông, không ra vào được gọi là *quan*. Cách thì thổ nghịch, quan thì không lợi tiểu tiện; phép chữa thì phải thổ đàm giáng khí chủ yếu.

1. Kinh trị quan cách trướng đầy, đại tiểu tiện không thông, sắp chết.

- *Hột vông vang* tán bột, lấy mỡ heo làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên, rất hay.

Tỏi cau ao nướng chín bỏ vỏ, bọc lại mà nhét vào lỗ đít, khí thông ngay.

2. Kinh trị các chứng thực uất trong bụng, do uất sinh đau không ăn được muốn được người ta nắn bóp cho, chứng nhổ ra nước bọt đục và chứng đi lỵ ngày đi hơn 10 lần:

- *Cuống dưa đá* sao vàng, *Đậu đỏ* nhỏ, mỗi vị 2 đồng rưỡi, đều tán bột, lấy *đậu sị* 1 chung, nước 7 chung, nấu bỏ bỏ bã, hòa với thuốc trên, mỗi lần dùng 1 đồng cân uống nóng, cứ uống dần thêm lên, thấy thổ được là khỏi.

3. Kinh trị đau tức ở ngực:

Vỏ ốc vặn ở trong vách đất lâu năm tán bột, mỗi lần uống một đồng cân với rượu.

4. Kinh trị quan cách ủng tắc (tức ách ngang ngực):

Mỡ heo 5 chung, nước *gừng* 2 chung. Sắc còn một nửa, hòa với rượu 1 chung lại sắc, chia hết vài lần là hết trướng.

HẾT QUYỂN II

Bảng IV

Đại bì

Đôn đỏ

Hoa giẻ

Hoàng đàng

Hoàng lực
(rễ cây sung)

Hoàng hàn

Huyết giác

Bạch đàn

NAM DƯỢC THẦN HIỆU

Mười khoa chữa bệnh

QUYỂN III

CÁC BỆNH XUẤT HUYẾT

CÁC BỆNH XUẤT HUYẾT

Những bệnh danh: *Thổ huyết, nục huyết, lạc huyết, thóa huyết, tiện huyết, niệu huyết*... đều là tùy chỗ xuất huyết mà gọi tên, nhưng tổng quát cũng là thất huyết (mất máu) mà thôi.

Về bệnh thì có bệnh mới bệnh cũ, bệnh hư bệnh thực khác nhau, nhưng cũng đều do hỏa nhiệt bức bách mà gây ra. Bởi vì dương thịnh âm suy, khí bốc lên không nén xuống huyết theo khí tràn lên các khiếu bên trên mà thành bệnh.

Về phép chữa, phải "*Bổ âm ức dương*", vì hễ khí nén xuống được thì huyết trở về nguồn, bệnh sẽ khỏi. Vả lại chứng thất huyết mà thấy máu không tươi đấy là máu xấu tích lại phải "*Thanh huyết, hóa huyết*" chớ nên "*chỉ huyết bổ huyết*". Nếu thấy máu sắc tươi, đấy là máu tốt mới sinh ra cầm máu "chỉ huyết, bổ huyết", đừng nên *thanh huyết hóa huyết*. Đấy là phương pháp chữa bất di bất dịch với các chứng thất huyết.

I - THỔ HUYẾT

Thổ huyết là máu ra đàng miệng, vì máu nóng đi lung tung vào dạ dày mà sinh ra; hoặc do ăn uống quá no, khuân vác quá nặng tổn hại dạ dày mà sinh ra, hoặc do lo nghĩ quá hại đến các kinh tâm, tỳ phế và tích nhiệt mà sinh ra; hoặc do phế suy, phế ung mà sinh ra, hoặc do tẽ ngã từ trên cao tổn hại tạng phủ mà sinh ra, hoặc do các bệnh thương hàn chưa khỏi, nhiệt tà ở kinh theo khí trào lên mà thổ huyết. Phải dò tận gốc mà chữa.

1. Kinh trị các chứng thổ huyết:

- *Tía tô* rửa sạch nấu kỹ lọc bỏ bã, cô thành cao, *Đậu đỏ* sao chín, tán nhỏ luyện với cao trên làm viên bằng hạt ngô đồng. Liều dùng 30 - 50 viên uống với rượu, uống thường xuyên thì sẽ kiến hiệu.

- *Lá ngải cứu, Tinh tre* mỗi thức hai phần, *Cao da trâu* một phần, *Can khương* một phần sao đen sắc cho uống.

2. Kinh trị miệng mũi ra máu:

- *Cứt ngựa hồng* đốt tán bột, mỗi lần một đồng cân, uống với rượu rất hay.

- *Bồ hoàng* tán nhỏ hai lạng, mỗi lần uống 1, 2 đồng với rượu nóng vào lúc đói, hoặc uống với nước lạnh cũng hay.

- *Đại giả thạch* một lạng. Nung đỏ, tôi với *giấm*, lại nung lại tôi mấy lần, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước nóng sẽ lành.

- *Muội nồi* tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, lấy gạo *nếp* sắc làm thang, hoặc dùng *nước giếng ban mai* mà uống.

- *Muội nồi* 5 đồng cân, *Hoa hòe* sao 2 lạng cùng tán bột. Một lần uống 2 đồng, sắc *rễ cỏ tranh* làm thang mà uống rất công hiệu.

- *Đất lòng bếp* nửa cân, *Nước mới múc dưới giếng* một thăng. *Mật* 1 chung. Hòa đều mà uống rất hay.

3. Kinh trị miệng mũi máu ra như suối chảy vì rượu chè sắc dục quá độ mà sinh ra:

Kinh giới: đốt thành tro tán nhỏ, sắc nước *Trần bì* làm thang mỗi lần uống 2 đồng cân, uống vài lần là lành.

4. Kinh trị bỗng nhiên thổ huyết 1, 2 bát:

- *Ngải nhung* 3 nhúm, nước 3 thăng, sắc còn nửa mà uống.

- *Ngải cứu* đốt thành tro, hòa với nước uống 2 đồng.

- *Lá thuốc cứu tươi* sắc rồi hòa với nước *gừng* mà uống là khỏi.

- Ngó sen, cuống sen đều 7 cái, cùng giã nát, dùng một ít *mật* và 2 chén nước sắc còn một nửa, bỏ bã uống nóng.

- *Mai mực* tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, lấy nước cơm mà uống.

5. Kinh trị thượng tiêu hòa bức, khạc ra máu hay ứ máu buồn phiền, khô ráo, khát nước:

Đậu đen một vốc, *Tử tô* 2 cành, *Ô mai* 2 quả, *Nước* ba bát. Sắc còn 6 phần, giã *gừng* sống lấy nước 1 chén hòa vào chia ra mà uống dần sau bữa ăn.

6. Kinh trị vấp ngã tổn thương sinh thổ huyết:

Củ nghệ tán bột (uống với nước giếng) 2 đồng, nặng thì uống vài lần, hoặc lấy *nước đái trẻ em* hòa vào uống càng hay.

7. Truyền trị vì dạ dày lạnh không nạp huyết, sinh mửa ào ra, tay chân lạnh ngắt chớ chữa bằng thuốc mát.

Gừng khô (sao đen) sắc rồi hòa *nước đái trẻ em* mà uống.

8. Kinh trị phổi bị tổn thương sinh thổ huyết:

Thạch xương bồ, Phèn chua đều nhau, tán bột. Mỗi lần uống 3 đồng với nước mới múc ngày uống một lần là khỏi.

9. Kinh trị khí uất sinh thổ huyết.

Hương phụ mễ tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với *nước đái trẻ em* vào khi đói.

10. Kinh trị lao tâm mà thổ huyết:

- *Tim sen* 7 cái, *Gạo nếp* 21 hạt. Đều tán bột uống với rượu thì dứt ngay.

- *Lá sen non* (giã nhỏ, chế nước vào) vắt nước uống.

- *Lá sen khô, Bồ hoàng sống* đều nhau, tán bột. Mỗi lần uống 1 đồng, sắc nước *vỏ rễ dâu* làm thang.

- Dùng *lá sen tàn* đốt tồn tính, tán bột hòa với nước uống hai đồng thì khỏi.

- *Lá trắc bá* giã bỏ vào nước cơm vắt lấy nước uống cũng hay.

- *Gạo lâu năm,* vo lấy nước 1 chén hâm nóng ngày uống 3 lần.

11. Kinh trị vì trong nóng mà thổ huyết:

- *Thanh đại* 2 đồng lấy nước mới múc mà uống thì yên.

- *Củ sắn dây* để sống, giã vắt lấy nước nửa thăng, uống ngay thì cầm máu liền.

12. Kinh trị thổ huyết mãi không thôi:

- *Hoa hòe* sao đen, dùng nước ấm hoặc nước cơm nếp uống 3 đồng là yên ngay.

- *Kinh giới cả rễ* rửa sạch giã vắt lấy nước cốt nửa chén mà uống.

- *Củ cải sống* giã nát lấy nước 1 chén, cho vào chút muối mà uống, công hiệu ngay, hoặc không có *Củ cải* thì dùng *hột cải củ* 1 phần, *Tử tô* nửa phần sắc uống cũng cầm máu ngay. Vì *củ cải* hạ khí rất mạnh, nên huyết cũng theo khí mà xuống cũng không chạy bậy nữa.

- *Gừng khô, lá hẹ* hai vị đều nhau, giã nát vắt lấy nước, cho *muối nồi* vào hòa với *nước đái trẻ em* mà uống rất mau khỏi.

13. Kinh trị trẻ em bị thổ huyết:

Xác rắn, đốt tồn tính, tán bột, mỗi lần uống nửa đồng với sữa, rất hay.

14. Kinh trị thổ huyết uống nhiều thuốc không lành:

Mạch môn đông bỏ tim 4 lạng, rưới nước vào rồi giã vắt lấy nước, cho nửa chung mật ong vào mà uống, cầm máu ngay.

II - NỤC HUYẾT

Nục huyết là máu trong mũi chảy ra, vì dương lấn âm, hỏa nhiệt uất ở phế kinh bốc, nóng lên trên mà huyết chạy bậy, cho nên chảy máu mũi; phép chữa phải lương huyết, hành huyết làm chủ.

1. Kinh trị chảy máu cam:

Lỗ mũi bên trái chảy máu, lấy chỉ buộc chặt ở gốc gón tay giữa bên phải; lỗ mũi bên phải chảy máu, thì buộc bên trái, cả hai lỗ mũi đều chảy máu thì buộc cả hai ngón tay giữa, như thế thì cầm máu được ngay. **2. Kinh trị chảy máu cam không lành:**

- *Rễ cây ráng* (Quán chúng) tán bột mỗi lần uống 1 đồng với nước lạnh.

- *Lá bạc hà*, sắc uống, lại lấy lá tươi vò nát nhét vào mũi, khỏi ngay.

- *Đất lòng bếp*, một cục, xáo nước hòa với mật mà uống, khỏi ngay.

- *Tai dừa* xắt lát, sắc uống.

- *Củ nghệ* tán bột dùng nước giếng uống hai đồng, bệnh nặng thì uống hai lần là khỏi.

- *Hương nhu*, tán bột mỗi lần uống 1 đồng với nước sôi khỏi ngay.

3. Kinh trị miệng mũi ra máu như suối vọt, đó là vì tửu sắc quá độ.

- *Kinh giới* đốt, tán bột, mỗi lần uống hai đồng, sắc nước *Trần bì* làm thang mà uống, hai lần uống là lành.

- *Bạc hà* 5 phần, *Đậu sị* 3 phần. Cùng giã làm viên bằng hột tạo, nhét vào mũi thì cầm được.

4. Kinh trị chảy máu cam không ngớt.

- *Bạc hà* tươi giã lấy nước mà nhỏ vào hoặc thứ khô thì sắc nước lấy bông nhúng mà nhét vào, khỏi ngay.

- *Lá ngải cứu*, sắc uống và lấy *ngải cứu* đốt ra tro mà thổi vào mũi.

- *Thanh cao*, giã lấy nước uống, bã nhét vào mũi rất hay.

- *Một tờ giấy trắng* gấp lại 4, 5 lần, thấm nước ướt dán lên trán, khỏi ngay.

- *Kê đầu ngựa* cành và lá rửa sạch, giã vắt lấy nước một chén mà uống, khỏi ngay

- *Nấm cây đậu*, sao cháy tán bột, chế nước làm viên bằng đầu ngón tay, nhét vào mũi vài lần thì hết.

- *Hột mã đề* hoặc lá, giã lấy nước mà uống rất tốt.

- *Bồ hoàng, Thanh đại* đều 1 đồng, uống với nước mới múc rất hay.

- *Bèo cái* phơi khô tán bột, thổi vào mũi khỏi ngay.

- *Rêu tường*, không có thì lấy rêu nóc nhà, giã nát hòa với nước mới múc mà uống, rất hay.

- *Gạo nếp* rang, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước mới múc mà uống và lấy một ít bột thổi vào mũi.

- Lấy giây xoắn lại nhúng *dầu mè* ngoáy vào trong lỗ mũi, hễ nhảy mũi là được là lành, đã kinh nghiệm.

- *Tỏi* giã nát đắp ở lòng bàn chân, chảy máu mũi bên trái thì đắp bên trái, chảy máu mũi bên phải thì đắp bên phải khỏi ngay.

- *Hạt cải bẹ trắng* tán bột hòa với nước đắp trên xoáy thượng và trước mỏ ác khỏi ngay.

- *Củ cải củ* giã lấy nước cốt nửa chén cho vào ít rượu mà uống và cũng lấy nước đó nhỏ vào mũi rất hay.

- *Ngó sen* giã vắt lấy nước uống và nhỏ vào lỗ mũi khỏi ngay.

- *Gừng khô* vót nhọn, nướng vàng nhét vào lỗ mũi khỏi ngay.

- *Lá trắc bá, Hoa thạch lưu khô.* Đều tán nhỏ bột thổi vào, hoặc dùng sống giã nát nhét vào mũi khỏi ngay.

- *Hoa hòe, Mai mực* 2 vị đều nhau, nửa sao nửa sống, tán bột thổi vào mũi khỏi ngay.

- *Quả dành dành* đốt thành tro, tán bột thổi vào mũi, đã kinh nghiệm.

- *Vảy cá chép* sao đen, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước lạnh thì khỏi.

- *Tóc rối* đốt tán bột hòa với nước 1 đồng mà uống, lại lấy tro tóc thổi vào mũi khỏi ngay.

- *Nước mới múc* 1 chén, mũi bên trái chảy máu thì rửa chân bên trái, mũi bên phải chảy máu thì rửa chân bên phải, đã chữa khỏi nhiều người.

5. Kinh trị chảy máu cam không thuốc gì chữa khỏi.

Mạch môn (bỏ lõi) 4 lạng, tẩm nước rồi giã nhỏ vắt lấy nước cốt, chế nửa chung mật vào cho uống, là khỏi.

6. Kinh trị chảy máu cam vì nhiệt quá:

Rễ hoa hiên (Kim châm) giã vắt lấy nước cốt 1 bát, chế mật ong vào cho uống, rất hay.

- *Muội nồi* tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân, uống với nước cháo nếp. Hoặc dùng *Lọ nồi* 5 đồng cân, *Hoa hòe* 2 lạng tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân uống với nước *rễ tranh* càng hay.

7. Kinh trị chảy máu mũi đêm ngày không dứt, máu chảy thành vũng:

Cỏ nhọ nồi (Cỏ mực) Giã nát đắp giữa mỏ ác và trên trán là khỏi ngay.

III - LẠC HUYẾT

Lạc huyết là không ho mà khạc ra máu, là do uất hảo ở thân kinh, cũng có khi trong đờm có vướng máu, nên tùy phương mà chữa.

1. Kinh trị phổi rách khạc ra máu:

Hương phụ mễ tán bột mỗi lần uống 1 đồng với nước cơm.

2. Kinh trị phổi nóng khạc ra máu:

Thanh đại 1 lạng, *Hạnh nhân* 1 lạng (trộn với bột *Mẫu lệ* sao qua). Hai vị đều tán bột, lấy sáp vàng nấu chảy hòa trộn làm thành 30 cái bánh, mỗi lần dùng một bánh, lấy nửa quả mít hồng kẹp lại, ngoài bọc giấy nướng thơm, cắn ăn với cháo, mỗi ngày 3 lần rất hay.

3. Kinh trị phổi bị tổn thương, khạc ra máu:

- *Ý dĩ* tán bột, lấy phổi heo luộc chín, khi đói xắt lát mỏng, chấm bột ý dĩ ăn đến khỏi thì thôi.

- *Lá sen* sấy khô tán bột, mỗi ngày uống 2 đồng với nước cơm, ngày uống 2 lần đến khỏi thì thôi.

- *Lá sen tàn, Bồ hoàng, Rễ tranh* đều đã qua mùa sương, phân lạng đều nhau. Tán bột, mỗi lần uống hai đồng cân, lấy vỏ trắng *rễ dâu* sắc nước làm thang mà uống.

- *Hoa hòe* sao tán bột, mỗi lần uống 3 đồng với nước cháo nếp, rồi nằm ngửa một chốc là lành.

4. Kinh trị thổ ra huyết và khạc ra huyết:

Nhọ nồi (cạo dưới đít chảo) sao qua, tán bột mỗi lần uống 2 đồng với nước mới múc uống luôn 3 đồng là khỏi.

5. Truyền trị thượng tiêu có nhiệt, khạc ra máu hoặc ra đờm có máu, buồn phiền táo khát:

- *Đậu đen* 3 vốc, *Tử tô* cành và lá một nắm, *Ô mai* 2 quả, *Nước* 1 bát. Nấu chín hòa vào 1 muỗng nước *gừng* sau khi ăn sẽ uống dần dần.

Bồ hoàng sống, Lá sen khô. Hai vị đều bằng nhau, tán bột, mỗi lần uống 2 -3 đồng, sắc nước *vỏ trắng rễ dâu* làm thang mà uống vào sau khi ăn.

IV - THÓA HUYẾT

Thóa huyết là nhổ ra máu tươi, đó là máu từ thận mà ra, cũng có khi do ứ huyết làm tổn phế khí, ủng tắc ở trong không xuống được mà sinh ra, phép chữa nên thanh huyết, bổ huyết.

1. Kinh trị ho nhổ ra máu, mệt gầy nóng âm ỉ trong xương, cứ tối đến thì nóng:

Nước địa hoàng sống 3 chung, nấu cháo chín rồi cho nước địa hoàng và hòa đều ăn vào khi đói rất hay.

2. Kinh trị nhổ ra máu:

Hoa hòe sao tán bột, mỗi lần uống 3 đồng với nước cháo nếp, nằm ngửa một chốc là khỏi.

3. Truyền trị nhổ ra máu, ho ra máu, mửa ra máu đều dùng được cả:

Qủa dành dành bỏ vỏ, *Hoa hòe, củ sắn dây*. Các vị đều bằng nhau tán bột, mỗi lần uống 3 đồng, dùng nước mới múc bỏ vào ít muối mà uống sau khi ăn.

V - TIỆN HUYẾT

Tiện huyết là đại tiện ra máu, vì trong tạng phủ chứa chất độc thấp nhệt mà sinh ra, hoặc nhân lo nghĩ, rượu chè sắc dục quá độ, hoặc ham ăn đồ chiên, xào, nhiệt độc quá nhiều hoặc cảm phong tà, hoặc cảm thử thấp đến nỗi khí huyết nghịch loạn, vinh vệ sái đường, cho nên khí đi bậy đưa máu chạy cần đi lên thì tràn ra các khiếu trên, đi xuống thì chảy ra các khiếu dưới, nên đi ngoài ra máu: hoặc máu ra trước, phân ra sau, hoặc phân ra trước, máu ra sau, hoặc phân với máu cùng ra một lần, không giống nhau; nhưng phép chữa đều phải thanh nhiệt giải độc.

1. Truyền trị di ngoài ra máu (tràng phong hay tạng độc) dã lâu hay mới phát:

- *Lá đơn tía, (Đơn mặt trời)* 1 nắm rửa sạch, đổ nước sắc đặc, uống vào khi đói, bệnh nặng cũng chỉ uống 3 lần là khỏi.

- *Cỏ seo gà, Gương sen, Vỏ cây cải, Tinh tre, Hồng hoa* đều 3 phần: *Vỏ bưởi* (bỏ phần trắng) 2 phần, *Cỏ bấc* 1 phần *Mộc thông* 1 phần, *Hoàng cầm* 5 phần, đều thái nhỏ rồi sắc bỏ bã, hòa nửa chén *Mật ong* vào uống khi đói rất hay.

Lá ngải cứu 1 nắm, *Đậu đen* 100 hột, *Nước* 1 bát. Sắc còn nửa, dùng nửa chén nước cốt *gừng* hòa vào mà uống.

2. Kinh trị chứng trường phong hạ huyết:

- *Qủa cà già* cả tai (đã qua mùa sương), đốt tồn tính tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào khi đói là khỏi.

- *Mướp* 1 quả đã qua mùa sương và đã già, hái đốt tồn tính, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào khi đói, hoặc gia nửa phần *hoa hòe* cùng sao, tán bột uống với nước cơm, bệnh đã nguy lắm vẫn cứu được.

- *Thạch xương bồ* (tẩm nước vo gạo), *Hoa hòe* (sao) 2 vị đều nhau. Tán bột, mỗi lần uống 2 - 3 đồng với nước cơm vào khi đói.

- *Hột bồ kết, Hoa hòe* đều 1 phần. Sao chung với lúa sờm, bỏ lúa lấy 2 vị tán bột, mỗi lần uống 1 đồng, sắc *Gạo trần mễ* làm thang mà uống rất hay.

- *Chỉ xác* đốt tồn tính, *Xương ống chân dê* đốt thành than tro 3 đồng. Đều tán bột. Đến canh năm (mờ sáng) khi đói lòng uống với nước cơm, độ nửa giờ sau lại uống nữa. Phương này không kể bệnh đã lâu ngày mới phát, uống vào một ngày thì thấy công hiệu.

- *Hạt dành dành* sao đen một vốc tán bột mỗi lần uống một đồng, với nước. Có phương gia *hồ tiêu* 5 hột, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên.

- *Vỏ cây vải* cạo bỏ vỏ ngoài xắt nhỏ, sắc uống vào khi đói.

- *Củ nghệ* xắt lát sấy khô 1 phần. *Hoa hòe* sao 2 phần. Cùng tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, dùng *đậu đen* nấu lên làm thang, ngày uống 2 lần thì lành.

- *Đậu đen xanh lòng* dùng *Bồ kết* sắc lấy nước mà tẩm một chốc, rồi đem đậu sao vàng, xát bỏ vỏ tán nhỏ, rán mỡ heo luyện làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước *gạo trần mễ*, rất hay.

- *Hoa kinh giới, Hoa hòe* sao đỏ đều bằng nhau. Tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng với nước trà hay sắc nước *Bạc hà*, lành ngay. Có phương gia thêm *Thanh bì* có phương gia thêm *Trắc bá diệp* sấy khô, *Chỉ xác* bỏ ruột sao, các vị bằng nhau, *Tầm vôi* bỏ đầu, chân 2 phần, *Ô mai nhục* 1 phần. Tán bột khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với nước cơm vào lúc đói, rất hay.

3. Kinh trị chứng trường phong đi cầu ra máu hàng tuần không thôi.

- *Củ cải* thứ lớn dùng 2, 3 củ để luôn cả tầu lá xanh, lấy nước giếng bỏ vào nồi nấu chín nhừ, hòa với *giấm* lạt, ăn cho phải sức vào khi đói, rất hay.

Qủa roi (Yên đào tử) vỏ vỏ lấy nhân, dùng nước cơm mài đặc mà uống rất hay.

- *Vỏ củ cải, Lá sen, Bông náng* tươi cùng đốt tồn tính. Các vị đều nhau tán bột, mỗi lần uống một đồng với nước cơm rất hay.

- *Củ tỏi* một nướng chín, *Hoàng liên* tán bột. Trộn đều làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước cơm khi đói rất hay.

- *Bao tử heo* (dạ dày lợn), rửa sạch 1 cái, *Hoa hòe* (sao tán bột). Bỏ vào trong bao tử lấy dây buộc chặt, dùng *giấm* tốt, *Rượu ngon* và nước cùng đổ vào đun nhỏ lửa, nấu chín nhừ đem ra nghiền nhỏ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên - 60 viên với rượu hay nước cơm vào lúc đói.

- *Chỉ xác* bỏ ruột 2 lạng, *Da nhím, Tóc rối, Qủa hòe*, đều 1 lạng. Đốt thành tro tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân, sắc nước *rễ tranh* mà uống vào lúc đói.

- *Mực nang* (Mai mực) nướng vàng tán bột, mỗi lần uống 1, 2 đồng, sắc nước *Mộc tặc* mà uống rất hay.

- *Nam tinh* cùng vôi đá, sao cháy vàng, bỏ vôi lấy *Nam tinh* tán bột, dùng rượu khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với rượu nhạt là lành.

- *Cốt toái bổ* 5 đồng tồn tính, uống với rượu hay nước cơm vào lúc đói.

4. Kinh trị chứng tạng độc ra máu không ngớt:

Hà thủ ô 2 lạng, ky sắt, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm, uống trước khi ăn.

- *Hạt bìm bìm,* 2 lạng rưỡi, *Bồ kết* 1 lạng rưỡi. Cùng ngâm nước 3 ngày, bỏ bồ kết, dùng rượu nửa cân nấu cạn rượu, sấy khô tán bột, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng. mỗi lần uống 7 viên với rượu vào lúc đói, trong ngày uống thật nhiều, đi ra vật vàng cũng không can gì. Bệnh bớt rồi uống 5 viên với nước cơm.

- *Hột trám* (cà na) đốt tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm vào khi đói thì khỏi.

- *Nấm cây hòe* 2 lạng, *Sơn khô* 2 lạng, đều tán bột mỗi lần uống 1 đồng với rượu nóng.

- *Muội nồi* 5 đồng, hòa với nước cơm, phơi sương một đêm, sáng mai uống vào khi đói là khỏi.

5. Kinh trị đàn ông đi cầu ra máu:

Đậu đen 1 thăng sao cháy tán bột, ngâm rượu nóng lọc bã cho uống rất hay.

6. Kinh trị đại tiện ra máu vài thăng:

- *Hoàng bá* 1 lạng, bỏ vỏ, dùng *lòng trắng trứng gà* bôi vào mà nướng, tán bột, hòa nước làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 7 viên với rượu hết ngay.

- *Lá trắc bá* tùy 4 mùa mà hái. Bệnh về mùa xuân thì hái lá hướng đông, bệnh mùa hè thì hái lá hướng nam, bệnh mùa thu hái lá hướng tây, bệnh mùa đông thì hái lá hướng bắc, đốt tán bột mà uống rất hay.

7. Kinh trị đại tiện ra máu khi bệnh lành, nguyên khí trong mình suy, lưng gối nặng nề yếu sức.

Tầm gửi cây dâu tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước sôi.

8. Kinh trị đại tiện ra máu do di truyền:

Sa nhân, tán bột, sắc 2 đồng với nước cơm mà uống mãi đến lành thì thôi.

9. Kinh trị đại tiện phân ra trước rồi máu ra sau:

- *Lá ngải cứu* 1 nắm *gừng sống* 1 củ nhỏ. Xắt lát, đổ nước sắc đặc, uống 3 chung là lành hoặc gia thêm *Đậu đen* 1 vốc.

- *Cạo lấy nốt sù sì cây dâu to* đổ nước sắc uống.

10. Kinh trị uống rượu nhiều sinh ra đi ngoài ra máu:

Thanh cao dùng lá thì bỏ cuộng, dùng gọng thì bỏ lá, sấy khô tán bột, mỗi lần uống 2, 3 đồng, máu ra trước phân thì thang với nước lạnh, máu ra sau phân thì thang với rượu, rất hay.

11. Kinh trị độc rượu đi ngoài ra máu hoặc đi lỵ:

- *Lá trắc bá non* (9 lần đồ 9 lần phơi) 2 lạng, *Hoa hòe* lâu năm, sao đen 1 lạng. Đều tán bột luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 40 viên với rượu ấm vào lúc đói rất hay.

- *Lá trắc bá, Hoa hòe* đều sao, *Bẹ móc* đốt thành than. Các vị đều nhau, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng cân với nước cơm khi đói.

- *Hạt dành dành* sấy khô tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước mới múc, rất hay.

- *Qủa hòe* 1 lạng, nửa sống nửa sao. *Hột dành dành* 5 đồng. Đều sao tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước mới múc vào khi đói.

- Theo phương trên bỏ *Hột dành dành* gia *Gương sen, Chỉ xác* đều sao, uống với nước cơm.

12. Kinh trị vì nhiều độc mà ra máu, vị ăn đồ nóng mà ra máu:

Đậu đỏ tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước lã.

Củ sắn dây, Ngó sen đều bằng nhau. Đều giã sống vắt lấy nước hai thăng uống rất hay.

13. Kinh trị đại tiện ra máu và vì độc rượu sinh lỵ hay đi lâu ngày:

Ô mai 3 lạng đốt tồn tính, tán bột lấy *giấm* khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với nước cơm vào khi đói, mỗi ngày uống 3 lần thì hết.

14. Kinh trị chứng trường phong chứng uống rượu sinh lỵ và chứng loét ruột sinh lỵ ra máu:

- *Quán chúng,* bỏ lông, xắt nhỏ, sấy khô tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm vào lúc đói.

- *Quán chúng* đốt tồn tính, để cho tiết hết hỏa độc, tán bột, gia vào một ít *Xạ hương* uống với nước cơm.

15. Truyền trị trẻ con đại tiện ra máu:

Rễ cây mơ cạo vỏ ngoài, rửa sạch, đập nát, nước một bát sắc còn nửa uống vào lúc đói là khỏi.

VI - NIỆU HUYẾT

Niệu huyết là đái ra máu, vì hỏa uất của tâm đưa lên nhiệt xuống tiểu trường nên sinh ra chứng này. Phép chữa thì nên thanh hỏa làm chủ, lại phải chia ra hư thực hai cách: không đau là niệu huyết (đái ra máu) thì thuộc hư, đau là lâm huyết (viêm bàng quang) thì thuộc nhiệt, phép chữa phải chia ra hai cách, chớ có chấp nhất.

1. Kinh trị trẻ con đái ra dây máu:

Đậu sị 1 nắm, sắc uống vào khi đói, hoặc hòa vào chút rượu càng hay.

2. Kinh trị trẻ con đái máu:

- *Rễ cây gai* rửa sạch, sắc nước thỉnh thoảng uống là khỏi.

- *Long đởm thảo*, 1 nắm, nước 5 thăng, sắc còn nửa, chia uống 5 lần, rất hay

- *Củ nghệ* 1 lạng tán bột, *Củ hành bóc trắng* 1 nắm, *Nước* 1 thăng. Sắc còn nửa, uống nóng, ngày 3 lần đã kinh nghiệm.

- *Hương phụ* 1 lạng, *Địa du* 1 lạng. Đều sắc riêng, trước uống nước Hương phụ 3, 5 chén, sau uống nước Địa du cho hết, chưa lành lại uống nữa.

- *Kinh giới, Sa nhân* đều nhau. Tán bột uống 3 đồng với nước cháo nếp, ngày 3 lần uống rất hay.

- Ích mẫu thảo, giã sống vắt lấy nước uống 1, 2 thăng thì lành.

- *Mã đề*. giã vắt lấy nước 5 chung, uống vào khi đói rất hay. Có phương gia thêm *Cỏ mực*, phân lạng cũng bằng Cỏ mã đề.

- *Qủa dành dành* 5 đồng, bỏ vỏ sao đen, một bát nước sắc còn nửa, uống và lúc đói.

- *Rễ cây cỏ xước,* Ky sắt, bỏ cuống sắc uống vào khi đói hoặc làm trà thường uống rất hay.

- *Bồ hoàng,* tán bột mỗi lần uống nửa đồng, dùng củ *Sinh địa* nấu lấy nước mà uống rất hay.

- *Vừng* (Mè) 1 thăng giã nát, lấy nước chảy 2 thăng ngâm một đêm, sáng sớm vắt lấy nước uống thì khỏi.

- *Hành trắng* 1 nắm, *Củ nghệ* 1 lạng, *Nước* 1 thăng. Sắc lấy quá nửa cho uống nóng, ngày ba lần lành thì thôi.

- *Ô mai* đốt tồn tính, tán bột khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng mỗi lần uống 10 viên với rượu.

- *Rễ tranh* 1 nắm, *gừng sống* 7 lát, *Mật* 1 muỗng, nước hai bát. Sắc còn một nửa, uống khi đói.

- *Hoa hòe* sao vàng, *Nghệ* nướng chín, đều 1 lạng. Đều tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, sắc nước *Đậu sị* nhạt làm thang.

- *Ngũ bội tử* tán bột, dùng nhục *Bạch mai* (mơ muối) giã nhỏ hòa lẫn vào làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với rượu vào lúc đói.

- *Tóc rối* đốt thành tro 2 đồng, lấy nước hòa thêm *giấm* mà uống vào khi đói. Có phương gia thêm *móng tay người* nửa phần cùng đốt thành tro than.

- *Nhựa cây đào* 1 cục bằng quả táo, nước 1 bát sắc còn nửa uống nóng hết, trẻ con thì chia uống làm ba lần, ngày uống 3 lần, đi tả ra hết sạn đá thì thôi.

HẾT QUYỂN III

Bảng V

Công cộng

Xuyên tâm liên

Nam mộc hương

Nụ áo - Cúc áo

Tầm sét

Thanh táo

Vú bò

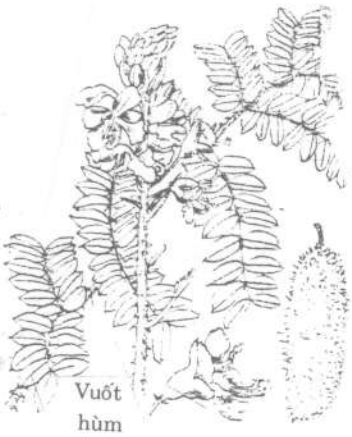

Vuốt hùm

Xương sông

NAM DƯỢC THẦN HIỆU

Mười khoa chữa bệnh

QUYỂN IV

CÁC BỆNH CÓ ĐAU

I - ĐAU ĐẦU

(Phụ: Đầu phong)

Đầu là nơi các kinh dương tụ hội, vị trí rất cao, lộ ra giữa trời đất, cho nên dễ nhiễm phải tà khí bên ngoài, hoặc nhân phong nhiệt, đờm hỏa, hoặc vì khí huyết đều hư; đều có thể sinh đau đầu cả. Đau đầu hoặc đau bên phải, đau bên trái, đau chính giữa đỉnh đầu hoặc đau mắt mờ tối, tim đau nóng phiền, các khớp xương đau nhức, mắt đau tai điếc, mũi nghẹt tiếng nặng, nếu đau nặng thì trong não đau nhói, trong tim phiền loạn. Nhưng bề ngoài tuy chỉ phát một chứng đau, mà bề trong thì cảm nhiều nguyên nhân khác nhau nên phép chữa phải xét cho kỹ.

1. Truyền trị đau đầu buốt óc, mắt mờ:

Hương phụ mễ, Cúc hoa đều 2 lạng, *Thạch cao* 1 lạng, *Bạc hà* nửa lạng, đều tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng, sắc nước gừng và hành mà uống vào sau bữa ăn.

2. Kinh trị chứng ngoại cảm thương hàn, đau đầu như búa bổ:

Gừng sống 1 lạng, *Hành* 14 củ. Đều giã nát, nước 1 bát sắc còn 6, 7 phần uống nóng, đắp chăn cho ra mồ hôi thì lành.

3. Kinh trị đau đầu một bên, hay chính giữa, đau đầu phong.

- *Ngải cứu khô* vò nát, dùng sáp vàng hơ chảy, phết vào tờ giấy đem *Ngải cứu* rải lên tờ giấy ấy, cuộn lại như điếu thuốc, châm lửa lên khói để xông đau bên trái thì xông vào lỗ mũi bên phải, đau bên phải thì xông vào lỗ mũi bên trái lành ngay.

- *Bồ kết* tùy dùng nhiều ít, ngâm nước, mùa xuân, mùa thu ngâm 5 ngày, mùa hạ 2 ngày rửa sạch, lấy miếng ngói mới đặt lên sấy khô tán bột, mỗi lần uống hai, ba đồng với nước trà ấm vào sau bữa ăn.

4. Kinh trị đau đầu một bên hay đau đầu ngay chính giữa:

- *Củ cải củ* giã sống vắt lấy nước năm ba giọt, nằm ngửa, tùy bên phải bên trái nhỏ vào lỗ mũi một chốc thì lành. Phương này chữa lành không biết bao nhiêu người.

- *Lá thầu dầu tía* 1 nắm, *Lá ké đầu ngựa* 1 nắm, *Lá quýt hôi* 1 nắm, đều giã nát, xào nóng chia làm hai túi, chườm vào chỗ đau, nguội thì thay, rất hay.

5. Kinh trị đau nửa đầu:

Tiêu lốt tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 phân, đau bên trái thì vào lỗ mũi trái, đau bên phải thì hít vào lỗ mũi phải: trước ngậm một hớp nước lạnh, hít rồi nhổ đi, rất hay.

6. Kinh trị đau đầu chính giữa hay đau một bên, hễ gặp bữa gặp trời mưa hay mưa gió thì phát:

Quế tâm tán bột một lạng, hòa với nước, đắp trên đỉnh đầu và phía dưới trán là lành,

7. Kinh trị đau đầu rất nặng:

Nước đái trẻ con 1 bát, *Đậu sị* 1/2 vốc, *Hành* 5 củ. Sắc uống nóng đắp mền cho ra mồ hôi một lúc thì lành.

8. Kinh trị đau đầu lâu ngày, thuốc thang không lành, châm cứu không khỏi đó là thấp khí ở trên:

Cuống dưa đá tán bột, mỗi lần dùng một ít thổi vào lỗ mũi thì nghe ấm ngay, nước ở trong mũi chảy ra dần dần 1 đêm thì yên ngay.

9. Kinh trị bỗng nhiên đau đầu:

Bồ kết tán bột, thổi vào mũi gây nhãy mũi thì lành.

10. Kinh trị khí nóng xông lên, đầu mắt choáng mờ và trị đau đầu, chỉnh giữa hay đau một bên:

Hương phụ mễ, đổ nước nấu một lúc, giã nát phơi khô, rồi sấy mà tán luyện mật làm viên bằng hòn đạn, mỗi lần dùng 1 viên, nước 1 chén, sắc còn 8 phân mà uống, đàn bà dùng giấm làm thang, rất hay.

11. Kinh trị não bị phong, đau đầu, lúc đau lúc không và bị đau đầu một bên:

Rắn hổ đất bỏ đầu đuôi ba tấc và ruột, lột bỏ da, xương, lấy thịt sấy khô ngâm rượu 1 lạng, *Nam tinh* (dùng nước tương nấu chín) xắt sao 1 lạng. *Thạch cao* 2 lạng, *Kinh giới* 2 lạng, *Địa cốt* 2 đồng rưỡi. Đều tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước trà, ngày uống 3 đồng rất hay.

12. Kinh trị não bị phong đau đầu:

- *Đậu đen* 3 phần sao hơi có khói, lấy rượu 5 phần mà ngâm, đậy kín 7 ngày rồi uống hết, rất hay.

Tỏi 7 củ, trước hết lấy lửa đốt trên mặt đất một chỗ cho đỏ hồng, đem tỏi mài vào chỗ đất đỏ thành ra như cao, rồi lấy tẩm vôi 1 lạng cấu, bỏ đầu và chân, đặt lên trên tỏi, lấy cái bát úp lại, ngoài lấy bùn trét quanh miệng bát cho thật kín, chờ cho mất hơi, để đó một đêm, sáng mai lấy tằm nghiền nhỏ nhét vào trong lỗ mũi, nhưng miệng phải ngậm nước lạnh.

- *Hà thủ ô* ngâm nước vo gạo phơi khô, *Hương phụ mễ* đều bằng nhau. Tán bột, nấu hồ làm viên, mỗi lần uống 2 đồng sau bữa ăn, nấu nước hành làm thang mà uống.

- *Tằm chết gió,* cấu bỏ mồm, sao qua, mỗi lần uống 1 đồng cân, lấy 5 củ hành sắc làm nước thang.

- *Mạn kinh tử* 5 lạng, lấy lụa bọc lại, tẩm rượu 7 ngày, rồi mỗi ngày uống 3 lần là khỏi.

13. Truyền trị phong tà vào não, lưu lại không tan; chạy đến đỉnh đầu, kích thích đau đớn như gai đâm muốn vỡ óc, để lâu sẽ mù mắt:

Bồ kết bỏ hột 3 lạng. *Nhục quế* bỏ vỏ 2 lạng. Đều tán bột hòa giấm ngào thạch cao, khi dùng tùy chỗ đau rộng hẹp: cạo tóc đem cao phết lên miếng giấy, hơ lửa dán lên, lấy giấy này dán kèm lên trên, chờ cho mất hơi, ngày thay 3 lần rất hay.

14. Kinh trị chứng đầu phong đau lâu năm.

Hạt củ cải, Gừng sống đều nhau. Giã lấy nước cho vào một chút xạ hương nhét vào trong lỗ mũi yên ngay.

15. Kinh trị đầu cổ cứng vì phong:

Hái *Hoa kinh giới* sau tháng 8 làm gối lót dưới chiếu, đến ngày lập xuân (ngày 4 tháng 2 dương lịch) thì bỏ đi là lành.

16. Kinh trị phong nhiệt đau đầu:

- Hoa *Kinh giới, Thạch cao* đều nhau. Đều tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước trà.

- *Củ chuối hột* giã nát đắp lên cũng lành.

- *Quyết minh tử* sao, tán bột, hòa với nước trà bôi vào 2 huyệt thái dương, khô thì bôi lại, 1 đêm là lành ngay.

17. Kinh trị đầu sưng lớn nghe tiếng kêu như sấm, gọi là lôi đầu phong, mê nan bất tỉnh:

Địa phu tử, cùng với *Gừng sống* giã nát xào nóng uống với rượu nóng, đổ mồ hôi thì lành.

18. Kinh trị phong đàm đau đầu chịu không nổi.

- *Nam tinh* (ngâm nước gừng 1 lạng) lá *kinh giới* 1 lạng. Tán bột, lấy nước gừng khuấy hồ làm viên như ngô đồng mỗi lần uống 20 viên với nước gừng sau bữa ăn.

- *Qủa dành dành* tán bột, hòa với mật ong, bôi trên lưỡi, thổ được là lành.

19. Kinh trị bệnh tại kinh thiếu dương, đau đầu sốt rét, đó là trên chẻn dừng co dờm:

Cuống dưa đá sao vàng, *Đậu đỏ nhỏ*, đều 2 đồng rưỡi, đều tán bột. Lấy đậu 1 vốc nấu nhừ, lọc bỏ bã, rồi cho thuốc vào mà uống, thêm dần dần lên đến khi thổ được nhiều thì thôi.

20. Kinh trị chứng dờm quyết đầu đau như bổ:

Ô mai nhục, 30 quả, *Muối* 3 nhúm, *Rượu* 3 thăng. Nấu còn 1 thang, uống hết, làm cho thổ được là lành.

21. Truyền trị bệnh phong dờm và bệnh về hỏa mà đau đầu, nấc rất nguy kịch:

Nước măng tre nửa bát, thêm vào 1 chén nước gừng uống lúc nào cũng được, thấy lành thì thôi.

22 Kinh trị đàn bà bị phong xung lên đau đầu:

Lấy 1 củ *Nam tinh*, đào một cái hố giữa đất, đốt hố ấy cho đỏ hồng lên, bỏ nam tinh vào, rưới một chén giấm đậy kín chờ cho mất hơi, chờ nguội tán bột, mỗi lần uống 1 đồng, bệnh nặng thì 1 đồng rưỡi với rượu là khỏi.

23. Kinh trị bị phong mình và đầu nổi mẩn:

Nấu *nước củ ráy* mà tắm, tránh gió, nửa ngày thì lành.

24. Kinh trị đầu phong nổi vẩy trắng mà ngứa:

- *Phân tằm* đốt thành tro, ngâm nước, đợi lắng trong, lọc lấy nước trong mà gội đầu rất hay,

- *Xương đầu chó* đốt thành tro ngâm nước mà gội.

- *Tằm gửi cây đào*, ngâm rượu mà uống thì lành.

- *Cành dâu*, đốt thành tro ngâm nước mà gội rất hay.

- Lấy một khúc gỗ *cây dướng* đẽo làm gối mà gối đầu, 60 ngày lại đổi cái mới, làm sẽ công hiệu.

II - ĐAU MẶT

Mặt là các chỗ kinh dương hội tụ, thể hiện tinh ba của ngũ tạng, là chỗ nhẹ nhàng trong sạch, nếu phong nhiệt thừa hư cảm vào thì mặt sưng lên, hoặc mặt mũi bầm tím, mẩn ngứa, hoặc mặt nóng, mặt lạnh. Nên tùy chừng chọn phương mà chữa.

1. Kinh trị mặt ngứa lở chảy nước vàng:

Ngải cứu 2 lạng, *Giấm* 1 thăng. Lấy nồi đất nấu thật đặc, thấm cho ướt giấy mà dán. ngày 2 lần, sẽ khỏi.

2. Kinh trị trên mặt bị phong, ngứa lở:

- *Chót nhọn gạc hươu*, mài với rượu mà bôi rất hay.

- *Xơ mướp, bồ kết*, bằng nhau. Đốt thành tro, trộn với dầu mè mà bôi, rất hay

- *Hoa đào, Nhân hột bí đao*, bằng nhau. Đều tán bột hòa với mật mà bôi thì lành.

3. Kinh trị da mặt tê dại không cảm giác:

Cao da trâu 2 miếng bằng bàn tay, nước một bát nấu cho chảy ra, lấy vỏ quế mài vào cho đặc, thường bôi thì khỏi.

4. Kinh trị trên mặt phát ban đen:

Mộc nhĩ cây dâu sấy khô, tán bột, mỗi lần uống một đồng với nước nóng vào sau bữa ăn, một ngày là lành.

5. Kinh trị mặt sưng thần sắc đen:

Bán hạ sấy khô, tán bột, hòa với giấm, chọn chỗ khuất gió mà bôi, từ sáng đến tối bôi luôn không kể mấy lần, làm như thế 3 ngày, rồi lấy bồ kết nấu lấy nước mà rửa, mặt sẽ sáng như ngọc.

6. Kinh trị sưng nốt đen:

Hột bồ kết, Hạnh nhân. Đều tán nhỏ, tối

đến hòa với nước bọt mà bôi, sẽ lành.

7. Kinh trị trên mặt sinh mụn trứng cá:

Hoa đào 3 lạng, *Đan bì* 3 lạng. Tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước giếng ban mai uống vào khi đói, ngày 3 lần, 10 ngày đến 20 ngày sẽ đái ra nước đen, mặt trắng bong như ngọc.

III - ĐAU VÙNG THƯỢNG VỊ

Đau vùng thượng vị là đau vùng dạ dày, chứng ấy có 9 loại, nhưng tóm lại là vì đàm. uất, thực tích mà bị thương tổn, 7 tình, 9 khí xúc phạm mà sinh ra, cho nên sáng bị thương, chiều bị tổn, ngày tháng dồn dập, từ uất mà thành tích do tích mà thành đờm, đờm hỏa trung nấu, máu cũng đi cản, đờm máu tụ lại nhau, ngăn trở con đường lên xuống, mới sinh ra đau. cho nên phép chữa phải phân biệt hàn, nhiệt, đờm, huyết, khí, trùng, cho rõ mới chữa, không thể trị đồng loạt được. Bệnh này lâu ngày không ăn cũng không chết, nếu có hết đau cũng phải uống thuốc 2, 3 lần nữa rồi sẽ ăn dần dần ăn ít thì mới hoàn toàn khỏi. Nếu ăn uống không đều mà bệnh trở lại thì khó chữa được, hễ đau ở vùng thượng vị đau ran ra cả hai bên sườn, 2 bên vú, đau đến cả xương lưng là thực nhiệt, nếu đau ở bụng dưới liên bên và trên dưới rốn đều nhau, chân tay quyết lạnh là hư hàn; đau bụng mà tay ấn xuống thì bớt đau là chứng có ghè hư, đau mà mặt trắng môi đỏ, sau cơn đau ăn được, khi đau khi không là do trùng.

Các tình trạng đau như vậy, nên xét chứng mà chữa, nhưng không nên dùng thuốc bổ khí, vì khí vượng lên mà không thông thì đau càng dữ hơn.

1. Kinh trị đau dữ dội ở vùng ngực, đau công ra cả lưng phát giá lạnh, ói mửa, các thứ thuốc không chữa khỏi.

Lấy *lông ngỗng* ngoáy trong họng cho gây nôn ra một ít đờm là khỏi ngay.

2. Kinh trị bỗng chốc vùng thượng vị quặn đau và trị đau bụng thắt ruột (giảo trường sa) chết ngất đi.

Bỏ một *Nhúm muối* ở đầu lưỡi dao, đốt đỏ lên tôi vào trong nước, nhân khi đang nóng uống ngay, thổ đờm ra là lành ngay.

3. Kinh trị đau vùng thượng vị răng cắn lại sắp chết:

Hành già 3, 5 củ bỏ vỏ, rễ giã nát như bún, cạy miệng lấy muỗng đút hành vào trong họng, dùng 4 lạng dầu mè đổ tống xuống, một lúc thì dù trong bụng có tích, có trùng, cũng đều hóa nước vàng mà ra, tuyệt không phát lại nữa.

4. Kinh trị 9 loại đau vùng thượng vị:

Cành hòe róc bỏ cành con dùng một nắm dùng 3 bát nước chảy về đông, sắc còn 1 bát uống vào khi đói, rất hay.

5. Kinh trị đau vùng thượng vị lâu năm, 5, 10 năm không hết.

Trà ngon nấu nước hòa giấm uống dần.

6. Truyền trị khí trệ ở vùng trung quản, đau ran đến vùng thượng vị.

Ô dược, Quế chi , *Chỉ xác* bỏ ruột, *Hương phụ mễ*, các vị đều bằng nhau. Mỗi lần dùng 3, 4 đồng giã 3 lát gừng, 1 bát nước, sắc còn 6 phần, uống nóng, hoặc tán bột mỗi lần uống 2 đồng với nước muối và gừng.

7. Kinh trị trong ngực bức tức như đầy, họng tắc rần rần như ngứa, trong họng khô ráo nhổ nước bọt:

Vỏ quít 2 lạng, *Gừng sống* 1 lạng, *Chỉ thực* (bỏ ruột xắt lát) 3 quả, nước 3 bát. Sắc còn nửa chia uống 3 lần thì lành.

8. Truyền trị đàn ông đàn bà tỳ vị tích lạnh, trung tiện không hòa, dưới tim đầy hơi trong bụng đau nhói, ngực và sườn đầy ách, nghẽn tắc không thông, nôn mửa đàm lạnh, ăn uống không xuống, ợ chua nuốt chua.

Can khương (thái mỏng 2 lạng), dùng *Ba đậu* (1) ba đồng cân sao chung cho vàng rồi sàng bỏ ba đậu lấy *Can khương*. *Riềng ấm* 2 lạng (dùng *Ban miêu* (2) 60 con, sao chung rồi bỏ *Ban miêu* dùng *Riềng ấm*) *Thạch xương bồ* 2 lạng 2 đồng (sao vàng). *Gạo nếp* (sao vàng) 2 lạng rưỡi. Bốn vị cùng tán chung, liều dùng 1 - 2 đồng cân, chiêu với nước muối nhạt hoặc rượu nhạt, uống bất cứ lúc nào.

9. Truyền trị bỗng nhiên đau vùng thượng vị dữ dội.

- *Tim heo* 1 cái, hỏi người bệnh bao nhiêu tuổi, mỗi tuổi gia thêm một hột hồ tiêu, cùng muối và rượu nấu chín mà ăn thì yên, chưa lành lại làm lần nữa.

- *Đất lòng bếp* tán bột 1 đồng, như đau vì lạnh thì dùng rượu làm thang, đau vì nhiệt thì dùng nước ấm làm thang mà uống.

- *Hột quả vải*, đốt tồn tính tán bột mỗi lần uống 1 đồng với rượu nhạt, không uống được rượu lấy giấm mà uống.

- *Nhọ nồi* 1 đồng, dùng nước đái trẻ em đang nóng mà uống, yên ngay.

- *Cùi quả dừa* (hoặc vỏ) đốt tồn tính tán bột, lấy nước mới múc hoặc rượu mà uống 1 đồng yên ngay.

- *Thạch xương bồ*, nhai 1, 2 tấc, thang với nước sôi hay với rượu đều hay.

---

1. Ba đậu: (độc bảng A) phải chế bằng cách ép bỏ hết dầu sao vàng để giảm độc, chỉ được dùng uống với liều hạn chế 0,05 mỗi lần.

2. Ban miêu, (độc bảng A) cấm dùng uống.

- *Phương* trên gia thêm *Riềng ấm sao, Hương phụ mễ* đều nhau tán bột mỗi lần uống 2 đồng với nước gừng hoặc sắc nước uống cũng tốt.

- *Đậu xanh* 21 hột, *Hồ tiêu* 14 hột. Tán bột uống với nước thì yên.

- *Sáp ong* một cục, hơ trên đèn cho chảy ra làm viên bằng hột củ súng. *Muối nồi* ao. mỗi lần uống ba viên, uống với nước giếng yên ngay.

- *Phân tằm* một vốc bỏ vào nước sôi khuấy cho tan, chờ lắng, lọc lấy nước trong mà uống yên ngay.

- *Can khương* tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước cơm rất hay.

- *Mộc nhĩ cây dâu* đốt tồn tính, mỗi lần uống 2 đồng với rượu, yên ngay.

- *Hạt đào* (bỏ vỏ) và đầu nhọn 7 cái thân, giã nhuyễn hòa với nước chín mà uống

- *Hương phụ mễ* 3 lạng, *Lá ngải cứu* 5 đồng, *Nước* 1 bát, *Giấm* 3 chén. Cùng nấu chung rồi chỉ dùng hương phụ mễ sao khô, tán bột, lấy giấm hòa với nước khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 40, 50 viên với nước sôi.

- Cỏ *Thanh ngâm*, 1 nắm to, *Nước* 1 bát, *Rượu* nửa chén. Sắc còn 1 nửa uống ấm

- *Hà thủ ô* (kỵ đồ sắt), lấy dao tre cạo bỏ vỏ ngoài, dùng dùi gỗ đập giập, ngâm nước vo gạo 1 đêm phơi khô tán bột, mỗi lần uống 1 đến 2 đồng với rượu vào khi đói.

10. Truyền trị đau vùng thượng vị, bất kể người lớn, trẻ con, đàn ông đàn bà đều khỏi.

Lá chàm 1 nắm lớn, giã lấy nước 1 bát, *gừng sống* giã vắt lấy nước nửa chén; hòa lẫn, chia 3 lần uống là lành ngay.

11. Kinh trị chứng tâm tỳ khí thống: hễ đau một chỗ phần mềm ở giữa lồm ngực, phần nhiều là do khí và hàn mà phát ra, đau suốt đời hoặc cha mẹ truyền cho con, (3) thì chỉ dùng phương này chữa được.

Hương phụ mễ, sao rượu, tán bột để riêng, *Riềng ấm* tẩm rượu 7 lần, sao tán bột để riêng rồi tùy chứng mà điều chế cho uống, vì hàn thì dùng *Riềng* 2, *Hương phụ* 1. Vì khí thì dùng *Riềng* 1, *Hương phụ* 2, kiêm cả hàn và khí thì dùng *Riềng và Hương phụ* bằng nhau. lấy nước cơm nóng thêm 1 muỗng nước cốt gừng, một chút muối, hòa đều mà uống là khỏi, bất quá 7, 8 lần là tuyệt nọc khỏi hẳn.

12. Đau vùng thượng vị.

Qủa dành dành, sao tán bột, mỗi lần uống 1, 2 đồng, sắc nước gừng làm thang. Chân tay phù thũng thì thang với nước cơm, đái gắt thì thang với nước sôi.

13. Kinh trị đau bụng khí:

Ô dược, mài với 1 chén nước cho đặc, gia vào một miếng trần bì, một lá *tía tô*, sắc uống thì yên.

14. Kinh trị tức ngực vì khí thống, tắc tiếng, nghẹt thở:

Hạt cau rừng 4 hạt, (nhỏ thì 8 hạt) xát lát, dùng 2 chén nước đái trẻ em, sắc còn 1 chén, chia 2 lần uống, dùng 5 thang thì yên hẳn.

- *Ô dược* 1 lạng, *Hương phụ* 4 lạng, *Tía tô, Can khương* đều 5 đồng. Đều tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước.

- *Chỉ thực* sao qua tán bột, mỗi lần uống 1 đồng sau bữa ăn với nước cơm yên ngay.

---

3. Không phải là bệnh lao di truyền hay bẩm sinh huyết thống

- *Hạt cau* (dạng như tim gà) 1 đồng, *Riềng ấm* 1 đồng, *Gạo lâu năm* 100 hột sắc uống thì yên.

15. Kinh trị vùng thượng vị bỗng nhiên phiền đầy và đau nhức:

Rễ ý dĩ xắt nhỏ, đổ nước sắc đặc lấy 3 thăng mà uống thì yên.

16. Kinh trị đau vùng thượng vị do thấp đờm.

Vỏ ốc vặn lâu năm, rửa sạch, đốt tồn tính, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu thì khỏi.

17. Kinh trị đau xoắn ruột (giảo trường sa).

Nước đái trẻ em cho uống thì lành.

18. Kinh trị bệnh truyền nhiễm (Qủy chú) đau vùng thượng vị:

Nhân quả đào 1 vốc giã nát sắc uống rất hay.

- *Cành đào hướng đông* 1 nắm, bỏ vỏ ngoài xắt nhỏ, nước 2 thăng, sắc còn nửa, uống thì lành.

- Dùng *vỏ trắng cây đào* làm như trên cũng hay.

19. Kinh trị bụng trướng đau, hơi thở đoản gần chết, hoặc trúng ác khí đau vùng thượng vị và đau bụng sán khí, chân tay giá lạnh:

Quế tâm 2 lạng, *Nước* 1 thăng, sắc còn nửa uống ngay thì lành. Có phương gia *Khương hoàng* 1 lạng, cùng sắc hòa giấm mà uống, như đau bụng hàn và quyết lạnh thì hòa với rượu mà uống sẽ lành.

20. Kinh trị tất cả các chứng đau ở lỏng, bụng, lưng, eo lưng, đau như giùi đâm.

Hoa tiêu, tán bột, hòa giấm làm bánh đặt lên chỗ đau, rồi để ngải cứu lên trên mà cứu, lành ngay.

21. Kinh trị lòng bụng có hơi độc và tỳ vị lạnh đau:

- *Bột ngải cứu*, chế với nước sôi vào uống 2 đồng thì yên.

- *Lá ngải cứu* 1 nắm, giã nát, hòa với 1 chén nước lọc bỏ bã mà uống.

- *Gừng khô* và *Riềng*, đều nhau, giội nước sôi tán bột, khấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên, lấy bì lợn sắc nước làm thang, uống sau bữa ăn, rất hay.

- *Tỏi*, tẩm giấm để 2, 3 năm, khi dùng ăn 3 củ, rất công hiệu.

- *Phân chim bồ câu* đốt tán bột uống với rượu sẽ lành.

IV - ĐAU BỤNG

Đau bụng và đau vùng thượng vị cũng hơi giống nhau nhưng đau bụng thời đau xuống phía dưới. Đau bụng có hàn, có nhiệt, có thực, có hư, có huyết ứ, có thực tích, có đàm uất; nếu phát bệnh mà đau liên miên không ngớt là hàn; khi đau khi không là nhiệt, bụng đầy ấn vào thì đau là thực, ấn vào không đau là hư, đau không đổi chỗ là huyết ứ, đau mà đi đại tiện được thì bớt là thực tích; đau mà tiểu tiện không lợi là đờm.

Phép chữa thì hàn phải làm cho ấm, nhiệt phải làm cho mát, thực phải tả, hư phải bổ huyết ứ phải làm cho thông hoạt, thực tích phải làm cho tiêu tan, uất thì phải làm cho thông như thế thì chữa khỏi rất mau chóng.

1. Kinh trị bụng trướng đau, thở ngắn gần chết:

Đậu sị 1 vốc, nước 2 chén sắc còn 1 chén, bỏ bã, lại giã thêm dành dành 14 quả bỏ vào lại sắc còn nửa, bỏ bã mà uống, nếu chưa lành uống thêm nửa thì lành.

2. Kinh trị bụng trên bụng dưới trướng đầy, hơi thở ngắn sắp chết.

Ô mai 14 quả, nước 2 chén, sắc sôi 1 đạo, lại bỏ vào 14 đồng tiền, sắc còn nửa, uống rất hay.

3. Kinh trị bụng đau như bị đánh:

Đậu đen, nửa thăng sao cháy, *Rượu* 1 thăng. Nấu sôi mà uống cho say sẽ lành.

4. Kinh trị đàn ông đàn bà các thứ đau ở bụng trên, bụng dưới, đau khí hay đau về huyết, không chịu nổi.

Hương phụ mễ 2 lạng, *Lá ngải cứu* nửa lạng. Lấy nước và giấm nấu chín, bỏ ngải cứu đi, lấy hương phụ sao, tán nhỏ, dùng giấm khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước sôi rất hay.

5. Kinh trị bụng trên đau như dâm, phương này hòa trung thông khí.

Hương phụ sao 2 lạng, *Ô dược* 1 lạng, *Cam thảo* sao 1 đồng. Đều tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước muối, uống đúng lúc thì khỏi.

6. Kinh trị bỗng nhiên bị đau bụng:

Muối, sao vàng 1 đồng, *Gừng sống* 7 lát, *Nước* 1 bát. Sắc sôi uống nóng, yên ngay.

7. Kinh trị lòng bụng đau vì tích:

Hoa đào, mông 3 tháng 3 phơi khô làm bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước, rất hay.

8. Kinh trị đau xoắn dưới rốn:

Hột Cải, tán bột, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 7 viên với nước giếng ban mai, giờ dần (5 giờ sáng) uống 1 lần, giờ thân (5 giờ chiều) uống 1 lần sẽ khỏi.

9. Kinh trị đau xoắn trong bụng.

Muối trắng một ít hòa với 1 chén nước mà uống, lại dùng lọ nồi không kể nhiều ít hòa nước lã mà uống, một lúc thổ ra đờm bọt, hết đau ngay.

10. Kinh trị bụng đau gò lên.

Lá ngải cứu, giã, vắt lấy nước cốt cho uống, rất hay.

11. Kinh trị bụng dưới đau, nóng đầy:

Sừng linh dương, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước lã, rất tốt.

12. Kinh trị bụng trên bụng dưới trướng đầy đau như dao đâm, thở gấp cấm khẩu, nằm dở, chất ngất và chứa trong bụng bỗng phát trăm bệnh, thì dùng phương này làm chủ, gọi là "Bị cấp hoàn".

Đại hoàng 1 lạng, *Can khương* 1 lạng, *Ba đậu* bỏ đầu 1 lạng. Tán bột, luyện mật làm viên giã 1000 chày, viên như bột đậu xanh, mỗi lần uống 3 viên, nấu nước ấm hoặc rượu mà uống, nếu cấm khẩu, cạy răng đổ vào, trong bụng chuyển sôi sẽ thổ hay tả thì lành, nếu chưa chuyển lại uống 3 viên.

13. Kinh trị đau bụng do thấp đờm:

Vỏ ốc lâu năm thì tốt, đốt cháy đỏ hồng tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước nóng vào lúc đói, rất hay.

14. Kinh trị bị âm độc đau trong bụng lạnh toát mồ hôi xanh, dái co, muốn tắt thở.

Hành trắng bỏ lá bỏ rễ, chỉ dùng đoạn trắng 2 tấc, hơ nóng đặt lên trên rốn, lấy cái âu đựng lửa ma chườm, hành nát thì lấy nước nóng mà rửa, một lúc khi nóng thâu vào chân tay ấm, có mồ hôi thì tỉnh, liền uống thang Tứ nghịch (10) thì yên, nếu chườm rồi mà không ấm lại, thì không thể sống.

15. Kinh trị trong bụng dưới phát khí lạnh.

Hột cải trắng 1 lạng, sao vừa tán bột, quết với bánh chưng làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 10 viên với nước gừng, rất hay.

16. Kinh trị do khí lạnh lỏng bụng đột nhiên đau, lên cơn đau dữ dội, và trị bệnh đã lâu năm thường hay phát đau, phương này có thể dứt hẳn:

Bồng nga truật (nấu với giấm) 2 lạng, *Mộc hương* 1 lạng. Tán nhỏ, mỗi lần uống nửa đồng với giấm nhạt.

17. Kinh trị lạnh, bên trong đau bụng.

Ô dược, Trần bì, Tía tô đều bằng nhau. Sắc uống rất hay.

18. Kinh trị lòng bụng bị lạnh đột nhiên quặn đau.

Thạch xương bồ 1, 2 tấc đập giập, cùng với Ngô thù du sắc uống.

19. Kinh trị đàn bà đau bụng dưới, đau dữ.

Cỏ roi ngựa 1 lạng, nấu rượu sôi mà uống; lại lấy cây nấu nước mà tắm để ra mồ hôi, rất hay.

20. Truyền trị đau bụng vì ăn phải đồ lạnh, hoặc mới mắc hoặc đã lâu ngày.

Ô mai, (để cả hột) 8 quả, *Ba đậu* (để cả đầu) 16 hột, *Thanh bì* (để xơ trắng) 5 đồng, *Trần bì* 5 đồng. Các vị đều tán nhỏ, lấy giấm khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 6, 7 viên với nước *gừng* vào sau bữa ăn.

V - HOẮC LOẠN (dịch tả - thổ tả)

Hoắc loạn là chứng cấp bách rối loạn, vì ngoại cảm phong hàn, nội thương ẩm thực, đói no không chừng, nên sinh chừng ấy. Phát bệnh thì trong bụng quặn đau, nóng lắm và rét dữ, đau đầu chóng mặt, hoặc tả mà không thổ, hoặc thổ mà không tả, hễ đau bụng trên trước thì thổ trước, đau bụng dưới trước thì tả trước; bụng trên và bụng dưới đều đau thì cả thổ và tả. Hễ có thổ tả thì gọi là "*thấp hoắc loạn*", chứng ấy dễ trị, như không thổ thì gọi là "*can hoắc loạn*", chứng ấy khó trị. Thậm chí, tay chân giá lạnh, rút gân. Bệnh này là một bệnh gấp rút ghê sợ, như sấm set mưa gió, dễ động dễ lặng, phép chữa phải cho gấp, chớ để chậm trễ.

1. Kinh trị hoắc loạn quá nặng, tay chân giá lạnh, đã chết ngất nhưng trong tim còn ấm.

Muối bỏ vào rốn cho đầy, lấy *ngải nhung* đặt lên mà cứu, cứu đến sống thì lại thôi, chớ kể số môi.

---

(10) *Thang Tứ nghịch* (Trong cảnh): can khương 1 lạng, phụ tử 1 củ dùng sống, chích cam thảo 2 lạng.

- *Mộc hộc* (Thanh hộc) dùng cả rễ và lá, giã nát, gia vào chút muối, hòa với nước mà uống rất hay.

- *Vỏ xanh quả dừa* nấu nước uống, sẽ lành; hoặc dùng cùi dừa càng hay.

- *Lá cây phèn đen* 1 nắm, vò với nước cho đặc, cho vào chút muối mà uống, yên ngay.

- *Hậu phác*, bỏ vỏ trái mướp, giã gừng tươi trộn vào, sao khô tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng.

- *Lá đào* 2 nắm xắt nhỏ, nước 5 chén sắc còn 1 chén chia uống 2 lần.

- *Cây vuốt hùm* lấy 1 hột ở trong quả đốt tồn tính tán bột, hòa với nước mà uống khỏi ngay.

- *Rau má* 15 lá nhai nhừ. *Đồng tiền cổ* 1 đồng mài lấy nước mà nuốt, rất hay.

2. Kinh trị hoắc loạn thổ tả, bụng đau, thuốc vào thổ ra không cách gì chữa được.

Dùng nước sôi trăm dạo và nước lạnh mỗi thứ một nửa hòa lẫn gọi là âm dương thủy, cho uống thì yên ngay, rất hay.

3. Kinh trị hoắc loạn thổ tả gần chết.

- *Trần bì* bỏ xơ trắng 5 đồng, *Hoắc hương* 5 đồng, nước 2 bát. Sắc còn nửa uống nóng; nếu không tỉnh cạy răng mà đổ, lại lấy viên gạch đốt đỏ, rưới giấm vào, lấy khăn vải gói gạch chườm vào giữa tim, tỉnh ngay.

- *Bột đậu xanh* 2 lạng, *Đường kính cát trắng* 2 lạng dùng nước mới múc hòa đều mà uống, sẽ lành.

- *Lá đậu xanh*, giã lấy nước, gia vào chút giấm mà uống, rất hay.

- *Gạo nếp* 120 hột, *Gừng sống* 1 miếng. Cùng giã nát, dùng nước mới múc hòa đều, lọc bỏ bã uống sẽ lành.

- *Ngải cứu* 1 nắm, nước 3 thăng sắc còn 1 thăng uống ngay sẽ khỏi.

- *Hột cải sao* tán bột, hòa với nước đắp trên rốn cũng khỏi ngay.

- *Giấm* hòa với muối sắc uống lành ngay.

- *Vỏ thạch lựu* và bột *Bìm bìm trắng*, sắc uống lành ngay.

- *Qủa mơ muối* sắc nước uống ít một yên ngay.

- *Gỗ mun hoa* tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu rất hay.

- *Lọ nồi, Qủa bồ hòn*, đốt tồn tính, bằng nhau. Nghiền nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng rưỡi với nước cơm, rất hay.

- *Ngó sen*, giã vắt lấy nước cốt cho uống, lành ngay.

- *Hẹ*, 1 nắm giã nát, hòa vào 1 nửa bát nước, vắt lấy nước, nấu cách thủy uống sẽ khỏi.

4. Kinh trị hoắc loạn thổ tả.

Hồ tiêu 49 hột, *Đậu xanh* 149 hột. Đều tán bột, mỗi lần dùng 1 đồng, lấy mộc qua sắc nước uống rất hay.

- *Hồ tiêu, Đậu xanh, cỏ tim bấc*. Nam 7 nữ 9, đem ra hòa với nước lạnh, mỗi thứ một nửa gọi là âm dương thủy cho uống.

- *Muối*, chừng 2 bát dùng lụa gói lại đặt lên ngực và bụng, lấy một cái âu đồng đựng than đỏ mà chườm, làm cho khí nóng thấu xương thì lành. Lại lấy muối rang đổ vào túi mà chườm sau lưng rất là hiệu nghiệm.

- *Riềng ấm* nướng cháy. mỗi lần dùng 1 lạng, sắc với rượu sôi 3, 4 dạo, rồi uống hết khỏi.

- *Riềng ấm* thái nhỏ 2 đồng, *Đại táo* 1 quả. Sắc để nguội cho uống, khỏi ngay. Có phương bỏ *Đại táo*, gia Hậu phác nướng và Nhục quế đều nhau.

5. Kinh trị hoắc loạn thổ tả, phiền khát sắp chết:

Gạo tẻ nghiền nát thành bột 2 vốc, *Nước* 1 bát. Gia vào 1 chung trúc lịch hòa đều uống hết, rất hay.

Cơm gạo tẻ, 1 cục bằng quả quýt nướng vàng, *cát căn* 2 đồng, *Lá tre* 20 lá *gừng sống* 5 miếng. Sắc uống ấm là khỏi.

6. Kinh trị hoắc loạn khát quá, chứa chậm thì chết:

- *Trần mễ* (gạo lâu năm) 3 vốc, nước 1 bát sắc uống rất hay.

- *Lấy đất vách* đằng đông sắc cho uống yên ngay.

- *Lá lau* 1 nắm sắc uống.

- *Lá lau* 5 đồng, *gạo nếp* 2 đồng rưỡi, *Trúc như* 1 đồng. Đổ nước vào sắc, lại cho thêm nước gừng và mật, mỗi thứ một nửa rồi hỗn hợp lại sắc sôi vài dạo, thỉnh thoảng uống thì khỏi.

- *Ngó sen* giã vắt lấy nước 1 chén rưỡi. *Gừng* giã vắt lấy nước nửa chén. Hòa lẫn mà uống yên ngay.

- *Gạo nếp* 3 vốc, *Mật* 1 chén, *nước* 5 thăng. Sắc sôi chia uống là khỏi.

- *Lá hòe* 1 đồng, *Lá dâu* 1 đồng, *Cam thảo* nướng 3 phân. Sắc uống là yên ngay.

- *Trà ngon* tán bột 1 đồng sắc nước, *Can khương* tán bột 1 đồng, hòa vào mà uống thì lành.

7. Kinh trị hoắc loạn bụng đầy không thông, khó chịu sắp chết, do ăn no hóng mát mà cảm.

Cứt chim sẻ 21 hòn, tán bột hòa với rượu mà uống, chưa lành lại uống nữa.

8. Kinh trị hoắc loạn trên không thổ được, dưới không tả được, toát mồ hôi lạnh sắp chết.

- *Muối* 1 lạng *Gừng sống* sao vàng 5 đồng, *Nước dái trẻ em* 2 chén. Sắc còn nửa uống ấm khỏi ngay.

- *Muối* 1 nắm, hòa nước tiểu trẻ con mà uống.

- *Hạt cau rừng* tán bột 5 đồng, *Nước dái trẻ em* nửa chén. *Nước* 1 chén. Hòa đều sắc sôi uống ấm, khỏi rất nhanh.

- *Thuốc súng* (4) 30, 40 hạt. Nghiền với nước lạnh cho uống yên ngay và lại nhuận mát.

- *Tóc* 1 nắm bằng quả trứng gà đốt thành tro tán bột, *muối* 1 nhúm sắc làm thang mà uống, thổ được thì yên.

- *Gừng sống* 1 lạng, *nước* 2 thăng sắc còn nửa, chia đôi mà uống là khỏi.

- *Tỏi nhỏ* 1 thăng, *nước* 2 thăng sắc còn nửa, chia đôi mà uống là khỏi.

---

4. Thuốc súng chế với *Diêm tiêu*, Diêm sinh và than sâu đâu, có tác dụng gây khô nóng, sát trùng và trợ tim.

- *Giấm* 2 thang cho uống, rất hay.

- *Tía tô tươi* giã vắt lấy nước uống, nếu là khô thì lấy nước sắc uống là khỏi.

- *Thạch xương bồ* giã sống 4 lạng, hòa ít nước chia từ mà uống là lành.

- *Rễ lau* 1 lạng, *Gừng sống* 1 lạng, *Trần bì* 5 đồng, nước 1 bát sắc còn nửa, chia đôi mà uống.

- *Đậu đen* 1 vốc, nghiền sống hòa với nước 1 - 2 đồng mà uống, là lành ngay.

9. Kinh trị hoắc loạn khí nóng nung nấu gân co rút không duỗi được.

Bệnh nhân là đàn ông thì lấy tay kéo ngọc hành, nếu đàn bà thì lấy tay kéo vú ra tận hai bên, đó là phép chữa của sách Thiên Kim Phương (Tôn tư Mạo) rất hay.

- *Gừng sống* 1 lạng giã nát, *Rượu* 5 chén sắc uống.

- *Rau nghể* 1 nắm, sắc nước mà rửa cho thở thịt khai thông, khi dương tan ra thì lành.

- *Bồ kết* tán bột, dùng một ít bằng bột đậu nhỏ, thổi vào lỗ mũi, để gây nhảy mũi là lành.

10. Truyền trị hoắc loạn thổ tả chuyển gân (chuột rút) tay chân lạnh ngất ấu thổ, hơi thở ngắn.

- *Lá kê đầu ngựa* để tươi, 1 nắm, giã nát hòa với nước, vắt lấy nước mà uống yên ngay.

- *Đồng tiền cổ* 49 đồng, *Mộc qua* 1 lạng, *Ô mai* 5 quả, nước 2 bát sắc còn nửa uống ấm.

11. Kinh trị hoắc loạn vọp bẻ, trong bụng buồn phiền khó chịu.

- *Lá dâu* 1 nắm, sắc nước uống 1 - 2 lần lành ngay.

- *Vải nhuộm chàm* 2 vuông, đổ giấm vào mà nấu thừa đang nóng xát vào chỗ đau, nguội thì thay miếng khác, dần dần sẽ khỏi.

- *Muội nồi* (lo nghe) 1 đồng tán bột, hòa với rượu mà uống, công hiệu ngay.

- *Gừng sống* 1 lạng rưỡi, giã nát, *Rượu* nửa thang. Sắc sôi 2, 3 dao mà uống. Lại lấy *gừng sống* giã nát bôi vào chỗ đau là khỏi.

- *Tỏi nhỏ* 1 lạng, *Muối* 1 lạng. Đều giã nát bánh đắp trên rốn, đặt ngải cứu lên mà đốt 7 mồi là lành. Lại lấy củ tỏi cắt 1 bên đem xát giữa rốn cho nóng lên là an toàn.

12. Kinh trị hoắc loạn chuyển gân:

- *Lá trắc bá* giã nát bọc lên trên bàn chân nấu nước trắc bá mà ngâm chân, hoặc dùng cành trắc bá xắt nhỏ nấu nước, trước lấy khăn vải nhúng nước nóng buộc chân, sau lấy nước nóng giấp vào thì lành.

- *Tỏi* giã nát bôi lòng bàn chân khỏi ngay.

13. Kinh trị mùa hè bị hoắc loạn, hoặc chuyển gân (chuột rút).

Đậu ván trắng tán bột hòa với giấm mà uống. Không có bột thì dùng lá một nam [illegible] sách, giã sống hòa vào ít giấm, vắt nước uống lành ngay. Có phương gia hương nhu cùng bạch đậu ván, sắc còn nửa, uống ấm.

- Lấy *Giấm* tẩm bông cũ, bỏ vào nồi hông đồ nóng đắp lên, nguội thì thay chớ ngừng tay thì khỏi.

14. Kinh trị hoắc loạn sắp nguy: Đã dùng các phương không khỏi, dùng viên "Tắc ưng" [illegible] một lần thì khỏi.

Hoàng nàn (5) bỏ vỏ ngoài, sao qua giã nhỏ, bỏ lớp bọt ban đầu, lấy lớp cuối tán mịn lấy 1 vốc (1 đồng cân).

- *Thảo quả* 3 quả đốt tồn tính, tán mịn trộn đều, viên với hồ bằng hạt mè, cho uống mỗi lần 3 viên với nước cốt vò lá *rau mơ* làm thang. Thần hiệu.

- *Lá Sâu đâu* vò nát, nam giới thì xát từ lưng lên đầu, nữ thì xát từ lưng xuống chân.

Truyền trị hoắc loạn thần phương

Hạt *Bìm bìm trắng* (nam dùng 7 hạt, nữ dùng 9 hạt) nhai nhỏ với muối mà nuốt

VI - ĐAU LƯNG

Đau lưng là bệnh ở thận. Thận hư thì lưng đau, mà cảm bệnh có 4 cách: Khí không đủ, thận âm suy. Phong, hàn, thấp làm hại, bị đánh ngã ứ máu, nằm ở chỗ ẩm ướt. Bị cảm 1 trong 4 nhân tố trên thì đau lưng, cách trị nên tìm ra nguyên nhân, không nên chấp nhất.

1. Kinh trị lưng, xương sống đau nhức quá không cử động được:

Đậu đen xanh lòng 1 đấu, chia làm 3 phần: 1 phần sao, 1 phần luộc, một phần đồ chín, dùng ba đấu rượu cho vào bình, dùng nồi lớn đổ nước vào mà chưng cách thủy nửa giờ, rồi nửa thang mới uống, uống nhiều ít tùy sức.

2. Kinh trị đau lưng như có dao đâm.

Đại hồi sao tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước muối vào lúc đói. Ngoài lấy gạo nếp rang nóng, đựng vào cái túi vải mà buộc vào chỗ đau, lành ngay.

3. Kinh trị đau lưng rất hay:

- *Mai ba ba* bôi sữa nướng vàng, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu ấm thì yên.

- *Nhân hột mướp* sao cháy tán nhỏ, hòa rượu uống, lấy bã đắp chỗ đau thì yên. Hoặc dùng rễ mướp đốt tồn tính, mỗi lần uống 2 đồng với rượu ấm, rất mau khỏi

- *Tật lê tử* tán bột, luyện mật làm viên bằng hột đậu đen, mỗi lần uống 2 viên, ngày 3 lần là khỏi

- *Hột dưa đá* 3 lạng hoặc *Hột dưa hấu* 3 lạng. Tẩm rượu 10 ngày, lấy ra tán bột, mỗi lần uống 3 đồng với rượu vào khi đói, ngày uống 3 lần là khỏi.

- *Hai cau rừng* tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu vào lúc đói rất hay

Trà ngon nấu nước đậm 5 chung, hòa với giấm 3 chung uống ngay thì lành

- *Mè đen* 1 thăng, sao cháy tán bột, mỗi lần uống 3 đồng với rượu hoặc mật, hoặc nước gừng đều được cả

- *Qủa đậu rựa* lấy vỏ đốt tồn tính, tán bột uống với rượu. Ngoài lấy bồ kết đốt cho lên khói xông chỗ đau

- *Hột chanh* 1 vốc vàng tán bột, mỗi lần uống 2, 3 đồng với rượu vào lúc đói rất hay

- *Đậu đen* 3 thăng thấm nước ướt, sao nóng dùng vải gói 2, 3 gói mà chườm, nguội thì thay.

4. Truyền trị do khí huyết ủng trệ, lưng chân đều đau, cúi ngửa khó khăn.

---

5. Hoàng nàn: Vỏ doãn (độc bảng A) khi dùng phải chế để giảm độc: cạo hết vỏ vàng bên ngoài, ngâm nước vo gạo 3 ngày (thay nước hàng ngày) thái mỏng phơi sấy khô. Liều dùng tối đa 1 lần 0,10g, 24 giờ: 0,40g

Hột quýt bỏ vỏ sao, *Bìm bìm* đen nửa sống nửa sao, đều bằng nhau. Đều tán bột, mỗi lần uống 1, 2 đồng với rượu và khi đói.

5. Kinh trị vốn bị sởi mà lưng đau lâu năm, thỉnh thoảng phát ra:

Địa phu tử sao tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu, ngày uống 4, 5 lần thì lành.

6. Kinh trị lưng và gối đau bại:

Lộc nhung bôi sữa nướng vàng tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu thì lành. Không có nhung hươu, đốt tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào lúc đói.

7. Kinh trị lưng chân tê liệt co rút đau đớn:

Xương ống chân hổ, xương sống hổ đều bằng nhau. Đập nát nướng vàng mỡ tủy ra hết, rồi tán bột đựng vào túi lụa, chừng 3 vốc ngâm vào 1 chai rượu, vần bên bếp cho nóng 7 ngày, tùy ý mà uống, thấy đại tiện nhuận thì lành.

8. Kinh trị phong tê thấp lưng chân đau:

Lá cỏ xước xát nhỏ 1 nắm. *Đậu sị* 1 vốc. Nấu nước thật sôi, lọc bỏ bã, rồi cho gạo trắng vào 1 vốc nấu cháo, nêm muối mà ăn vào buổi sáng sớm, cứ ăn 4, 5 sáng thì khỏi.

9. Kinh trị do thận hư mà lưng gối đau nhức:

Nhân hột đào bỏ vỏ và đầu nhọn sao vàng tán bột, mỗi lần uống 2, 3 đồng với rượu ấm vào lúc đói.

10. Kinh trị lưng gối đau nhức hoặc tê cứng không co sức.

Hột tơ hồng 1 lạng, *Cỏ xước* 1 lạng, dùng đồ bạc đựng rượu tẩm một đêm, phơi khô tán bột, dùng rượu tẩm trước còn lại mà khuấy hồ, làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20, 30 viên với nước ấm vào lúc đói.

Hà thủ ô, 10 lạng, *Ngưu tất* 10 lạng. Đều kỵ sắt và đều đập giập, dùng rượu ngon ngâm 7 đêm, phơi khô tán bột, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50, 60 viên với rượu ấm vào khi đói.

11. Kinh trị đau lưng thuộc hư hàn:

Gạo nếp sao chín đựng vào 2 thăng đắp lên chỗ đau, trong khi lấy *Đại hồi* tán bột hòa với rượu mà uống thì lành.

12. Kinh trị lưng và xương sống lưng đau:

Hạt cải tán bột hòa với rượu ngon mà bôi lên là khỏi.

13. Kinh trị ngực và sườn đều đau:

Rễ ý dĩ thái nhỏ, sắc uống ba thăng thì yên.

14. Kinh trị lưng và sườn bỗng đau:

Đậu đen sao 2 thăng, đổ rượu 3 thăng, sắc còn 2 thăng, chia uống thì yên.

15. Kinh trị đau xốc dưới sườn:

Tiểu hồi sao vàng 1 lạng, *Chỉ xác* sao 5 đồng. Đều tán bột mỗi lần uống 2 đồng, hòa muối với rượu làm thang mà uống rất hay.

16. Kinh trị xương sườn đau vì nổi giận hại can khí mà sinh ra:

Chỉ xác bỏ ruột sao, 1 lạng, *quế chi* bỏ vỏ 5 đồng. Đều tán bột mỗi lần uống 2 đồng gừng 3 lát, táo quả sắc nước làm thang mà uống là khỏi.

Theo phương pháp gia thêm củ *Nghệ* và rễ cây *trâng* (Hoàng lực). Đều tán bột, mỗi lần uống 3 đồng với nước gừng hoặc rượu.

17. Kinh trị sau khi bệnh thời khí rồi hai bên sườn trướng dầy:

Muối, rang gói lại mà chườm thì khỏi.

18. Kinh trị đau sườn dùng phương ứng thống:

Hạt cải 1 vốc tán nhỏ nhào với nước cho đặc như bùn, dán vào chỗ đau thì lành.

19. Truyền trị đ[illegible] xóc hông và bụng trướng dầy không chịu nổi.

Thạch xương bồ, tiêng ấm sao, Hương phụ mễ đều bằng nhau. Đều tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, sắc nước gừng với muối mà uống thì yên.

VII - ĐAU CÁNH TAY

Đau cánh tay là 3 khí ph[illegible]g hàn, thấp xâm vào mà sinh bệnh. Khi nằm ngủ để lòi tay ra ngoài, phong hàn xâm vào cho nên sinh đau khi chữa phải nên xét.

1. Kinh trị tay nổi cục sưng đau:

Nhân hột thầu dầu giã nát, rịt vào 1 đêm lành ngay.

2. Kinh trị phong nhiệt cánh tay đau:

Cành dâu, mỗi thang 3 lạng, kỵ sắt, bẻ nhỏ sao, *nước* một bát sắc còn nửa, uống lúc nào cũng được, công hiệu không thể nói hết.

VIII - ĐAU VAI, ĐAU LƯNG

Đau vai đau lưng có khi vì phong nhiệt phạm vào phế, có khi vì đàm tích đọng lại mà sinh đau; bệnh nặng thì xương sống đau, lưng cứng không xây trở được, nên chọn phương mà trị.

1. Truyền trị vai lưng chân tay buồn mỏi.

Địa phu tử 3 lạng, *nước* 4 bát sắc còn nửa, chia 2, 3 lần uống sẽ lành.

2. Kinh trị đau vai đau lưng do thực tích.

Quy bản bôi mỡ hay váng sữa nướng vàng, tán bột, khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước gừng, uống đến lành thì thôi.

3. Kinh trị bị té ngã ứ huyết, lưng và xương sống đau, thuốc gì cũng không khỏi.

Hột bìm bìm đen nửa sống nửa sao, tán bột, luyện với nước làm viên bằng hột ngô đồng, lấy lưu hoàng tán bột làm áo, mỗi lần uống 50 viên với nước muối vào khi đói, rất công hiệu.

4. Kinh trị do thận hư lưng đau như dâm, không thể xây trở được.

Gạc hươu, đẽo lấy 3 lạng, sao tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu vào lúc đói, ngày uống 2 lần rất hay. Ngâm rượu tùy ý uống cũng được.

- *Đại hồi* sao, tán bột, lấy cật heo mổ ra, dồn đầy bột hồi hương vào, ngoài lấy giấy ướt bọc vài lần, nướng chín, ăn vào khi đói với rượu hay nước muối, rất hay.

- *Cật dê* bỏ màng mỡ, xắt nhỏ, sấy thật khô tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu ngày uống 3 lần là khỏi.

5. Truyền trị nuốt nhầm phải tóc, lâu ngày máu ứ thành chứng hà (búng tóc) đau lưng.

- *Dâu mè* 1 bát, uống 1 lần cho hết, chốc lát sẽ thổ ra một loại trùng dài chừng 2, 3 thước, cử động được giống như con rắn, treo lên thì nước nhỏ xuống nước nhỏ hết còn lại một sợi tóc.

IX - ĐAU SƯỜN

Đau sườn là do can đờm bức bách. Can có bệnh thì sườn đau, vì sườn là bộ phận thuộc can đờm, can là tột âm, đờm không có khiếu riêng, hễ bị bức thì khiếu không có chỗ bốc, cho nên thường hay đau, nhưng có nội nhân và ngoại nhân không giống nhau phải xét kỹ mà chữa.

Phàm nội nhân là do giận dữ, bi ai, cảm xúc, đói no, lạnh nóng, không đều, té ngã, đàm tích đọng vào sườn cùng kết hợp với máu ứ mà thành đau; ngoại nhân là tà khí cảm vào kinh thiếu dương, tai điếc sườn đau, vì phong hàn cảm vào mà thành đau.

Phép chữa thì nên *khai hết thuận khí, hóa đờm, lợi tiểu* làm mục đích can bình khí thuận thì bệnh tự yên.

1. Kinh nghiệm dùng phép chườm chữa các bệnh đau:

Gốc hẹ giã nát xào với giấm bọc lụa mà chườm chỗ đau là khỏi ngay. Lại dùng hẹ cả rễ và lá giã nát vắt lấy nước, hòa với rượu lấy nửa bát, tùy ý mà uống rất hay.

2. Kinh trị tâm phiền, sườn đau suốt ngày muốn chết.

Hương nhu tươi giã lấy nước 2, 3 thăng mà uống rất hay.

3. Kinh trị dưới sườn đau dón.

Địa phu tử, sao qua, tán bột, mỗi lần uống một đồng với rượu thì lành.

X - TÊ THẤP

Tê thấp là mình mẩy các khớp xương không đỏ không sưng mà tự nhiên phát đau có khi chân tay không cựa được, nguyên nhân do nguyên khí hư yếu phong hàn thấp 3 khí xâm vào mà sinh bệnh. Nếu phong khí thắng thì đau chạy khắp gọi *Lịch tiết phong*, hàn khí thắng thì đau nhức dữ dội gọi *thống phong*, thấp khí thắng thì đau nhức cố định một chỗ, tê dại cấu không biết đau gọi *Trước thống*. Nhưng ba khí ấy nhập vào kinh lạc trước rồi xâm vào xương thì nặng nề không giơ lên được, vào mạch thì huyết đọng không lưu thông, vào gân thì co không duỗi được, vào thịt thì tê dại cấu không biết đau, vào da thì lạnh, sách tuy chia ra nhiều tên gọi mà bệnh thì do ba tà khí. Lại có: Phát bệnh ở buổi sáng là do khí trệ dương hư, phát bệnh ở buổi chiều là huyết nhiệt âm tổn, nên xét cho rõ.

1. Kinh trị các chứng phong tê và thấp tê, xương đau gân rút, nên sơ thông tà khí, tiêu thủy thũng lợi trường vị.

Hạt ý dĩ giã trắng thường nấu cháo ăn vào khi đói, lâu thì có ích, hoặc rang lên thì rồi nấu nước thay chè mà uống rất tốt.

2. Truyền trị chứng bạch hổ lịch tiết phong, đau nhức khắp mình 2, 3 năm, chân không đi được, thuốc gì cũng không khỏi.

Mộc thông 3 lạng sắc nhỏ, dùng nước chảy sắc đặc một hai bát, uống dần cho hết, sau khi uống, khắp mình hơi sưng và phát ngứa hoặc nổi ban đỏ thấy thế chớ sợ, chờ cho ra mồ hôi khắp người thì khỏi.

3. Kinh trị đau nhức các khớp xương, đau khớp này chạy qua khớp khác không thể chịu được.

- *Xương đầu hổ*, bôi mỡ hoặc váng sữa, nướng vàng giã nát, bỏ vào túi lụa, đổ rượu 5 đấu, ngâm 5 đêm, tùy sức mà uống, rất hay.

- *Xương ống chân hổ* (đập vỡ, bỏ tủy, màng, bôi rượu nướng vàng) 2 lạng. Một dược 4 lạng rưỡi. Hai vị đều tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu, ngày uống 3 lần, rất hay. Không có một dược, chỉ ngâm xương ống chân hổ mà uống cũng được.

- *Lõi cây thông* xắt nhỏ 2 đấu, *Rượu* 5 đấu. Cùng cho vào bình ngâm 21 ngày, mỗi lần uống một chén, ngày uống 5, 6 lần là khỏi. Hoặc lá thông giã nát, lấy nước một thăng, rượu 3 thăng ngâm 7 ngày, mỗi lần uống một chén, ngày uống 3 lần cũng khỏi.

- *Nhựa thông* Ngào trong cái nồi đất, đến khi nhỏ vào nước lạnh không tan là được, lấy ra phơi khô tán bột, dùng gạo nếp nấu hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên, lấy *tầm gửi cây sau sau* giã nát sắc với rượu làm thang.

- *Bồ kết* 120 hột. Hòa với mỡ sữa sao thơm, tán bột, luyện mật làm viên bằng hột ngô, mỗi lần uống 30 viên, lấy hột tật lê, và toan táo nhân sắc nước mà uống vào lúc đói.

- *Giấm* tốt lâu năm 1 bát, *Củ hành* 5 lạng. Đều giã nát, nấu lẫn cho sôi rồi gói vào vải, nhân khi nóng chườm vào chỗ đau, lành ngay.

4. Kinh trị chứng "Bạch hổ lịch tiết phong" đau chạy khắp mình, tay chân cứng ngắt, co duỗi không được.

Bồ kết 5 lạng. Muối 10 lạng. Đều giã nát sao nóng, dùng vải xanh gói lại chườm chỗ đau, lạnh thì thay lành ngay.

5. Kinh trị thống phong, đau khắp các khớp xương, đêm ngày không ngớt:

Kim ngân hoa cả lá, trộn với rượu xào nóng đắp vào chỗ đau, nguội thì thay lành ngay.

Cây hy thiêm mồng 5 tháng 5, hoặc mồng 7 tháng 7, hoặc mồng 9 tháng 9 hái lá rửa sạch phơi khô cho vào nồi hông, dùng 2 phần rượu, 1 phần mật rưới đều vào các lớp, đem đậy lại mà đồ, đợi lên hơi đem ra phơi, rồi chế rượu mật như trước, lại đồ lại phơi, như thế đủ 9 lần, phơi khô tán bột, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 40 viên với rượu vào lúc đói.

6. Kinh trị chứng khí thống chạy khắp mình, bỗng nhiên đau cố định một chỗ như bị đánh, lạnh như băng, bỗng lại chạy khắp không nhất định chỗ nào.

Vỏ cây liễu cạo bỏ vỏ ngoài lấy vỏ trắng, giã nát, trộn với rượu, xào nóng mà chườm, thấy có chỗ nổi chấm đỏ thì chích mà nặn máu đi, rất hay.

7. Kinh trị chứng phong Bạch hổ đau nhức chạy khắp nơi.

- *Giấm tốt* 1 bát, *Hành* 1 nắm. Nấu sôi 1 dạo, lấy khăn vải nhúng ướt mà chườm đến lành thì thôi.

- *Hột cải*, tán bột, hòa với lòng trắng trứng gà mà bôi, ngoài lấy lua buộc lại, ngày thay một lần sẽ lành.

8. Kinh trị chứng phong rút gân khắp mình lạnh như nước.

Sáp vàng 5 đồng, *Dầu mè* 1 ít. Bắc lên bếp, nấu cho chảy tan, nhân khi còn nóng phết vào miếng lụa, dán vào chỗ đau, nguội thì hơ cho nóng mà thay lành ngay.

9. Kinh trị các chứng, tê thấp, phong thấp, chân tay co rút.

Qùa kè đầu ngựa 3 lạng giã nát, mỗi lần dùng 2, 3 đồng, sắc uống vào khi đói rất hay, kỵ ăn thịt heo.

- *Đậu sị* 3 vốc, 9 lần đồ, 9 lần phơi, rồi đổ 2 bát rượu, ngâm 1 đêm uống nhiều, ít tùy ý, uống vào khi đói rất hay.

10. Truyền trị chứng trúng phong tay chân sưng đau.

Lá ngải cứu, Hành cả rễ, Gừng cả vỏ, 3 thứ bằng nhau. Đều giã nát, tẩm rượu xào nóng đắp vào chỗ đau, lấy lá thầu dầu đắp ngoài mà buộc lại, ngày thay 5, 6 lần đến lành thì thôi.

11. Truyền trị khắp mình sưng đau.

Sa nhân, Dế dũi cấu bỏ chân, bằng nhau. Đều sao tán bột, mỗi lần uống nửa đồng với rượu rất hay.

12. Truyền trị tay chân đau phiền.

Địa phu tử 3 lạng, nước 4 bát, sắc còn nửa, chia 3 lần uống rất hay.

13. Kinh trị chân tay tê nhức.

Tổ ong tàng, lớn thì một tổ, nhỏ thì hai, ba tổ, *Tỏi* một bát, *Nhọ nồi* 1 đồng rưỡi. Đều giã nát đập vào chỗ đau, một lúc thấy xuống chôn vào cho im mát, kiêng ăn đồ sống lạnh tanh hôi, sẽ lạnh.

14. Kinh trị đau gối hạc, đầu gối sưng to.

Hoa cúc, Lá ngải cứu bằng nhau. Đều giã nát, lấy bông bọc thuốc vào đầu gối lâu sẽ khỏi.

15. Kinh trị cổ gáy cứng đau, quay trở không được (sái cổ).

Đậu đen 1 đấu đồ cho biến sắc đựng vào trong túi mà gối đầu thì khỏi.

XI - CƯỚC KHÍ

Chứng cước khí là thấp nhiệt ở chân mà sinh đau, vì tỳ vị hư yếu, trong khi cử động đi đứng, cảm phải khí phong hàn, thử, thấp, hoặc ăn uống nhiều đồ cao lương mỹ vị, thấp nhiệt chạy xuống mà sinh bệnh, khi mới phát thì không rõ, phát lâu mới biết. Đại khái bệnh phát từ chân trước, hoặc trước khi bị tê yếu, hoặc đứng dậy ngã xuống, hoặc 2 ống chân sưng phù, hoặc chân và gối khô gầy, hoặc tim hồi hộp, hoặc bụng dưới tê dại cấu không biết đau, đại tiện táo, tiểu tiện gắt, hoặc chuột rút khắp mình, khớp xương buốt đau, hoặc nghe mùi đồ ăn thì ghét thấy đồ ăn thì mửa, hoặc ngực căng thở gấp, phát sốt sợ rét, đó là các chứng trạng của bệnh ấy.

Chứng cước khí là bệnh bế tắc, chỉ ưa thông mà ghét tắc, không nên bổ mạnh mà cũng không nên tả mạnh. Nội kinh chép rằng: "Đau trước rồi sau mới sưng là khí làm hại huyết; sưng trước rồi sau mới đau là huyết hại khí". Nhưng tôi *thường chữa cho người bệnh cước khí* xung tâm, nguy cấp thì cho uống thuốc *từ âm giáng hỏa*, gia thêm nhiều *nước tre non* (trúc lịch) và *nước dái trẻ con* mà chữa sống được rất nhiều; bởi vì thủy hỏa sục sôi thoát ly nguyên chỗ, xông lên vùn vụt rời bỏ chỗ nào thì chỗ ấy thấy lạnh, cho nên dùng thuốc giáng hỏa là để đưa hỏa về nguyên chỗ cũ, thì là phải lắm.

1. Kinh trị chứng cước khí và phong, hàn, thấp tê chân tay co rút, không di dứng được.

Hột tía tô tán nhỏ 2 lạng, *Hành* 10 củ, *Đậu sị* 1 vốc, *Gừng sống* 1 củ. Đều giã nát, hòa với 2 bát nước cho đều, lọc bỏ bã lấy nước, đổ gạo trắng vào nấu cháo, thường ăn, chừng 5 ngày thì khỏi.

2. Kinh trị bệnh cước khí phát đau, gân xương cũng đau lây.

Kim ngân hoa tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu nóng.

3. Truyền trị cước khí mới phát thì uống phương này để trừ phong nhuận táo, tán trừ uất khí.

Hạt cau rừng 2 lạng, *Hương phụ mễ* 2 lạng, *Tử tô* 1 lạng, *Tùng tiết* 1 lạng, *Ngũ gia bì* 1 lạng, *Chỉ xác* sao 1 lạng, *Lá ké đầu ngựa* 1 lạng. Cùng tán bột, mỗi lần uống 3 đồng, dùng *tử tô* cả cộng 7 lá, *vỏ quýt* để xơ trắng nguyên cả cái, 3 lát *gừng*, sắc nước mà uống với bột thuốc trên, nếu cước khí xung tâm thì dùng nước đái trẻ em hòa với bột thuốc sắc lên mà uống, nếu đau bụng thì dùng rượu làm thang.

4. Kinh trị cước khí muốn mửa: phàm người bị bệnh ấy, buổi sáng ăn no thì buổi trưa ăn ít, buổi tối không ăn được; nếu đói mà ăn cơm cháo vào lại thấy không tiêu là muốn sinh hoắc loạn.

Riềng ấm 1 lạng, *nước* 3 thăng, sắc còn 1 thăng, uống hết thì khỏi.

5. Kinh trị lưng và bàn chân không chuyển động được, co rút đau đớn, lâu năm không lành.

Xương hổ. Đau lưng thì dùng xương sống, đau chân thì dùng xương ống chân, đập vỡ bỏ tủy màng, bôi mỡ hoặc váng sữa nướng vàng, tán bột gói vào lụa, ngâm vào 1 bầu rượu ngon, vần bên bếp 7 ngày, cho ấm uống nhiều ít tùy tửu lượng, rất hay.

6. Kinh trị đàn ông bàn chân lạnh, cử động không theo ý muốn, và không di được.

Rượu ngon 3 đấu, *Nước* 3 đấu. Cho vào nồi nấu nóng, đặt chân vào ngâm cho lút đến gối, giữ cho nóng thường, chớ để nguội, 3 ngày là khỏi.

7. Kinh trị cước khí, đau chạy chỗ này chỗ khác.

Củ cải củ, nấu nước, nhân khi nóng rửa và ngâm; lại lấy củ cải củ phơi khô tán bột, bỏ vào giầy ủng hoặc lấy bông bọc ngoài chân, rất hay.

8. Kinh trị cước khí sinh ra phiền muộn.

Gà trống đen, 1 con, vặt lông bỏ ruột, rửa sạch, nấu canh hoặc bỏ gạo vào nấu cháo ăn, rất tốt.

9. Kinh trị cước khí ủng tắc, đại tiểu tiện không thông.

Ốc bươu 3 con, *Muối* ăn 1 nhúm, cùng giã nát đặt lên rốn dày 1 tấc 3 phân, dùng khăn buộc chặt thì thông.

10. Kinh trị cước khí co rút gân lại.

Tỏi cắt đầu xát vào lòng bàn chân, làm cho thông khí nóng thì lành. **11. Kinh trị bàn chân sưng mụn độc, đau thấu xương.**

Cứu cách tỏi đến lành mới thôi.

12. Kinh trị thúng từ bàn chân thúng dần lên.

Cây vông lấy cả vỏ nấu nước đặc mà ngâm và uống một ít, rất hay.

13. Kinh trị gót chân sưng đau, không đi đứng được, hoặc đi đứng lâu thì lòng bàn chân sưng lên.

Cứt trâu còn mới, thêm chút muối, xào nóng đặt vào buộc lại, nguội thì thay, rất hay.

- *Cứt trùn:* tô đầy khắp bàn chân, để 1 đêm sẽ hết.

- *Lá ngải cứu, hành* đều 1 nắm, *gừng sống* 1 củ đều giã nát chế rượu trộn đều, xào cho nóng mà chườm, sẽ khỏi.

- Phương trên thêm *Nam tinh* tán nhỏ, trộn với nước đắp vào, lấy cái âu đựng than nóng mà chườm lên, sẽ khỏi.

- *Cao da trâu* 3 lạng, giã *gừng sống* vắt lấy nước 1 chén, nấu với cao cho tan ra như cao dán, phết vào giấy mà dán vào chỗ đau.

14. Kinh trị mùa hè bàn chân sưng đi không được.

Rễ cà về tháng 9, treo ở ngoài hiên, khi nào dùng thì nấu nước mà rửa chân hàng ngày thì khỏi.

15. Kinh trị cước khí phù thũng, bụng đầy trướng, tiểu tiện gắt ít.

Rau xam hòa với nước vo gạo nếp, nấu lên mà ăn thường ngày, rất hay.

16. Kinh trị người già, người yếu, cước khí đầy trướng không phải nóng cũng không phải lạnh.

Hạt cau rừng, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, lấy vỏ quả cau, hoặc tử tô hoặc trà hoặc đậu sị làm thang uống vào lúc đói, khỏi ngay.

17. Kinh trị cước khí vì phong độc, ấn vào lún ngón tay.

Hột bìm bìm sao, nghiền nhỏ, lấy lớp bột lần đầu, luyện mật làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 30 viên với nước gừng, tiểu tiện lợi thì thôi.

18. Truyền trị cước khí sưng đau, hoặc phong tê.

Tỳ giải, đốt qua, giã nát, ngâm rượu thường uống sẽ khỏi.

19. Kinh trị cước khí sinh đau.

Nhân hột thầu dầu 7 nhân, giã nát hòa với *Tô hợp hương* làm miếng bánh đặt vào lòng bàn chân, lành ngay.

20. Kinh trị tay chân buốt đau, hơi thũng.

Mè 1 thăng, rang thơm tán bột, đổ rượu 1 thăng, ngâm 1 đêm, tùy ý mà uống.

21. Kinh trị cước khí chân mềm và đau.

Lá kê đầu ngựa, đồ và phơi đều 9 lần, tán bột, lấy giấm khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50, 60 viên, dùng Rượu làm thang mà uống.

22. Kinh trị đầu gối và bàn chân sưng đau.

- *Lá sen, Cảo bản* bằng nhau. Nấu nước ngâm rửa, bệnh sẽ hết.

- *Nhân hột gấc*, mỗi hột bổ làm đôi, cùng bột mỳ sao qua, xắt lát, mỗi lạng gia *nhục quế* 5 đồng cùng tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu, uống cho say đổ mồ hôi là lành.

- *Đậu sị* 1 vốc sắc uống, lấy bã bôi là khỏi.

- *Đậu sị* ngâm với rượu nóng mà uống, còn bã bôi vào cũng khỏi.

- *Đào nhân* 1 thăng phơi râm tán bột, một lần dùng rượu uống ấm dần dần, 1 đêm là khỏi.

- *Bồ kết, Đậu đỏ* nhỏ hạt. Đều tán bột, hòa với rượu, giấm mà dán thũng thì tiêu ngay

- *Lộc nhung* đốt bỏ lông, bôi sữa nướng khô, lại bôi lại nướng cho vàng, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu vào khi đói, khỏi ngay.

XII - ĐỒI SÁN

(Dái sưng đau)

Chứng đồi sán là hòn dái sưng cứng đau bụng dưới. Sách nội kinh chia làm 7 loại: *hàn sán, thủy sán, huyết sán, khí sán, đồi sán*, chứng tuy nhiều, nhưng gốc là tỳ kinh cảm tà khí hàn thấp lưu trệ mà sinh bệnh. Bệnh phát thì hòn dái sưng cứng, đau lên gân bụng hoặc chung quanh rốn, xông ngược đến tim, thậm chí tay chân lạnh ngắt hoặc đại tiện bê, ấy là chứng trạng của bệnh. Phép chữa phải xét chứng mà chọn phương.

1. Kinh trị dái sưng đau, chuyển gân xông lên tim, nghẹt hơi muốn chết, chân tay lạnh ngắt.

- *Hạt vải* 7 hạt, *Trần bì* 2 đồng, *Lưu hoàng* 1 đồng (nấu tan bỏ vào nước để khử độc). Các vị đều tán bột, lấy nước muối khuấy hồ làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 9 viên với rượu vào lúc đói, lúc lâu lại uống 3 lần thì công hiệu. Phương này chẳng những chữa được dái sưng đau, mà chữa được cả các chứng đau về khí (đau tức).

- *Tiểu hồi* (sao với muối) 1 lạng, *Hột vải* 1 lạng, *Sơn chi tử* (sao đen) 1 lạng, *Hột quit* (sao giấm) 1 lạng, *ích trí nhân* 7 đồng, *Hột cau rừng* 5 đồng, *Thanh bì* (sao dầu mè 6 đồng). Các vị đều tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào lúc đói. Không uống được rượu thì dùng 10 sợi cỏ tím bấc sắc nước gia chút muối, rang mà làm thang, rất hay.

- *Địa phu tử*, sao thơm, tán bột mỗi lần uống 1 đồng với rượu rất hay.

- *Hột quit*, sao vàng tán bột, mỗi lần uống 3, 4, 5 đồng sắc với rượu củ mà uống, hoặc lấy rượu khấy hồ làm hoàn mà uống, lại dùng vỏ hột quít nấu nước nhân khi nóng xông và ngâm, rất hay.

- *Hội quit, hội vải* bằng nhau, đều sao, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu vào lúc đói.

- *Mộc tặc*, sao vừa tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước sôi, là công hiệu, uống với rượu nóng cũng hay.

- *Cây rễ quạt* để sống, giã vắt nước uống, đi ngoài được là lành, cũng có thể làm viên mà uống.

- *Cá diếc*, bỏ ruột, nấu canh với cây thìa là, ăn nhiều thì sẽ khỏi hẳn

- *Trứng dái trâu*, lấy cả hai cái nấu thật chín cùng giã với thìa là cho nát, bỏ chút muối mà ăn rất hay.

2. Kinh trị bị chứng tiểu trường sán khi ruột sa xuống như ngón tay, đau không chịu nổi (thiên trụy).

Đại hồi (bỏ vỏ sao) *Thanh bì* (sao), *Hột vải* (sao) bằng nhau. Tán bột mỗi lần uống 1 đồng với rượu, rất hay; chỉ dùng độc vị hột vải cũng được.

3. Kinh trị tiêu trường khí thống đau chạy quanh rốn và xông ngược lên tim.

- *Qủa mướp* già dùng cả cuống, đốt tồn tính, tán bột mỗi lần uống 3 đồng với rượu nóng, nặng lắm cũng 2, 3 lần uống là khỏi.

- *Ô dược* tẩm rượu, *Riềng sao, hồi hương* sao bằng nhau. Đều tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào lúc đói.

4. Kinh trị dái sưng đau chói đến thận.

- *Đại hồi sao*, cho vào 2 túi vải, nhân lúc nóng thay đổi mà chườm với vải rất hay.

- *Mẫu lệ* đốt đỏ 1 lạng, *Củ riềng* 1 lạng. Đều tán bột, lấy nước bọt miếng hòa bôi chỗ đau, chốc lát đau nóng như lửa, lành ngay.

Quế chi 1 lạng rưỡi, *Bìm bìm* đen sao 2 lạng. Đều tán bột mỗi lần uống 2 đồng với nước gừng thì yên.

5. Truyền trị một hòn dái sa xuống, gân co (căng) vào bụng, đau gần chết các thuốc không chữa khỏi.

Dây tơ hồng, Vỏ sầu đâu (cạo lấy lớp trắng). Bỏ vào chút long não, giã nát mà bôi, một đêm thì bệnh tiêu, rất hay. Nhưng thuốc này rất mạnh, rất đau rát, lóc lớp da mỏng ở ngoài là khỏi hẳn, về sau không trở lại nữa.

6. Kinh trị dái đau, 1 hòn dái sa xuống, đau ran lên bụng dưới.

- *Đại hồi* 1 lạng, *Tiểu hồi* một lạng, lấy bọng đái của heo đực còn cả nước đái, bỏ 2 vị thuốc bột vào buộc lại, đổ rượu nấu nhừ, giã nhuyễn làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước sôi, vào khi đói, thật là hay.

- Gia vào phương trên một đôi cật heo đực đen, bỏ màng, chớ rửa vào nước, xắt nhỏ, dùng bột *Đại hồi, Tiểu hồi* trộn đều, cho cả vào bóng đái mà nấu, nhưng không cần nước đái trong bong bóng ấy.

- *Hột cải* một vốc tán bột hòa rượu mà uống, bã đem đắp vào là lành ngay. Hoặc dùng rau cải giã nát xào giấm nóng mà chườm thì lành.

- *Cây sung, Rễ vậy đỏ, Rễ vậy trắng, Rễ thanh táo* các vị đều bằng nhau sắc uống vào khi đói.

- *Củ nghệ, củ Riềng, Qủa dành dành* bằng nhau. Đều đốt khô tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, dùng hành nấu nước làm thang mà uống vào khi đói.

- *Móng deo giò heo* (không có thì dùng lông heo) đốt thành tro tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu nóng vào khi đói, lành ngay. Có phương gia thêm Tiểu hồi sao.

- *Thiên môn đông, Ô dược* 5 đồng. Sắc uống, kiêng ăn cá chép.

- *Lá phù dung* 3 đồng, *Hoàng bá* 3 đồng, *Nhân hột gấc* 1 hột. Cùng mài vào giấm mà bôi là khỏi.

- *Hương phụ mễ* tán bột, mỗi lần uống 3 đồng, dùng rong để nấu nước mà uống vào khi đói.

- *Ngũ bội tử*, 1 cái bỏ vào chút muối, dùng giấy ướt buộc lại cho dày bỏ vào than hồng mà nướng, khi giấy cháy hết, đưa ra tán bột mà uống với rượu rất hay.

- *Qủa mướp* đầu mùa, giữ lại, đợi khi quả hết lá rụng thì hái về, đốt tồn tính, tán bột, luyện mật hòa thành cao, mỗi tối uống 1 muỗng với rượu ngon, như đau bên trái thì nằm nghiêng về bên trái, đau bên phải thì nằm nghiêng về bên phải, sẽ lành.

- *Lá mướp* (đốt tồn tính) 3 đồng, *Vỏ trứng gà* (đốt thành tro) 2 đồng. Đều tán bột uống với rượu nóng cũng hay.

- *Hột hoe* sao tán bột một đồng. Muối 3 phân. Uống với rượu nóng vào khi đói thì khỏi.

- *Rễ gấc*, nướng vàn , *Gừng tía* sao vàng bằng nhau. Đều tán bột lấy giấm khuấy hồ bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước gừng vào khi đói.

7. Kinh trị dái sưng to đau nhức.

Cỏ roi ngựa, giã nát, xào với giấm cho nóng mà chườm, nguội thì thay

- *Đất sét*, hòa với nước nặn thành 3, 4 cái bánh lớn, để lên miếng sắt đốt lửa nung cho nóng đem chườm vào chỗ đau, nguội lại thay thì lành ngay, hoặc dùng đất lòng bếp tán nhỏ mà thôi.

- *Nhục quế*, mài với nước ra đặc như bùn mà bôi.

- *Bồ kết*, đốt tồn tính, tán nhỏ trộn với nước mà bôi là khỏi.

- *Tô mộc* 2 lạng, rượu ngon một bát. Cùng nấu kỹ mà uống, nếu không uống được rượu thì thêm vào nửa nước mà uống cũng được.

- *Kinh giới* sao qua, tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân, uống với rượu thì tan.

- *Chua me đất* một nắm, rửa sạch, cho vào ít giấm, giã vắt lấy nước mà uống, bã xào nóng đắp vào là khỏi.

8. Kinh trị bìu dái bỗng phát đau.

- *Cứt trâu*, đốt tán nhỏ trộn rượu bôi là khỏi.

9. Kinh trị khí thấp nhiệt uất kết ở bụng dưới, chỗ âm mao nổi hạch sưng đau phát rét sự nóng rất nguy khốn.

Qua dành dành (bỏ vỏ sao), *Nhân hột đào* (bỏ vỏ, bỏ đầu nhọn sao), *Chỉ xác* (bỏ ruột sao). Sơn tra (bỏ hột sao) bằng nhau. Đều tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, dùng nước chảy một bát, cho vào một ít nước gừng sắc uống vào khi đói rất hay.

10. Kinh trị một hòn dái trệ xuống, gân rút đau muốn chết.

Lấy cộng cỏ đo 2 góc miệng người bệnh, gấp 3 đoạn đo ấy lại, rồi bẻ thành hình tam giác, đặt một góc vào chính giữa rốn, còn 2 góc buông xuống đều nhau, 2 góc ấy buông đến đâu, tức là huyệt ở đó, như dái trệ bên trái thì lấy ngải cứu mà đốt huyệt bên phải 3 mồi, như trệ bên phải thì đốt huyệt bên trái 3 mồi, như hai bên đều trệ thì cứu cả hai huyệt là yên.

Đổ *Muối* vào giữa lỗ rốn dày nửa tấc, lấy *ngải cứu* đặt lên trên lớp muối mà đốt cho được nhiều mồi, để cho khí thấu vào là lành.

HẾT QUYỂN IV

NAM DƯỢC THẦN HIỆU

Mười khoa chữa bệnh

QUYỂN V

CÁC BỆNH KHÔNG ĐAU

I - ĐỔ MỒ HÔI

(Tự hãn - Đạo hãn)

Chứng đổ mồ hôi nói ở đây không phải vì khó nhọc hoặc nóng nực, mà tự nhiên vô cớ đổ mồ hôi. Có hai chứng khác nhau, tự hãn và đạo hãn. Tự hãn thì bất cứ lúc nào tự nhiên đổ mồ hôi chảy ra đầm đìa, đạo hãn thì lúc ngủ mồ hôi mới chảy ra ướt khắp mình như tắm lúc tỉnh dậy thì hết. Tự hãn thuộc về dương hư, phép chưa nên giáng hỏa bổ huyết làm căn bản:

Phàm mồ hôi ra như dầu là chứng bất trị, đổ mồ hôi ra ướt đầm tóc là chứng thứ hai bất trị, mồ hôi ra đọng giọt như hạt châu là chứng thứ ba bất trị. Còn các bệnh mồ hôi khác thì nên chữa theo các phương pháp sau đây:

1. Kinh trị chứng tự hãn và đạo hãn.

Ngũ bội tử tán nhỏ hòa với nước miếng, đắp vào lỗ rốn, băng chặt lại một đêm là khỏi.

2. Kinh trị chứng tỳ vị hư ăn vào là đổ mồ hôi.

Gan heo 1 miếng, thái mỏng để lên miếng ngói, đốt lửa bên dưới cho khô giòn, tán nhỏ, nấu cháo bằng viên hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với nước trà, ngày uống 5 lần rất kinh nghiệm.

3. Kinh trị vì gió lạnh mà đổ mồ hôi.

Kinh giới, sắc lấy nước uống, hiệu nghiệm.

4. Truyền trị chứng thưa bở thớ thịt, ngày và đêm đổ mồ hôi đầm đề và điều trị chứng thương hàn biểu hư, mồ hôi ra không ngớt.

Giấy quạt rách 3 phần, *Tóc rối* 1 phần. Cả hai thứ đều đốt ra tro, tán nhỏ liều dùng một đồng cân, hòa với nước thì lành ngay.

- Toàn dùng *giấy quạt rách*, không dùng tóc rối.

5. Kinh trị chứng tự hãn mãi không thôi.

- *Củ nghệ* mài với nước, phất lên vú là lành ngay.

- *Hà thủ ô*, tán nhỏ, hòa với nước miếng, đặt vào lỗ rốn là lành ngay.

- *Gạo trắng*, nghiền thành bột, gói vào miếng lụa, xoa xát luôn luôn rất hay.

6. Kinh trị chứng đổ mồ hôi trộm.

- *Mẫu lệ*, tán nhỏ, luyện với mật ong làm viên lớn bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 10 viên với nước nóng vào lúc đói bụng.

- *Đậu sị* sao qua ngâm với rượu mà uống.

7. Kinh trị chứng toàn thân không có mồ hôi, chỉ ở ngực mồ hôi ra không ngớt, gọi là tâm hãn, do lo nghĩ quá mà sinh ra.

Phục thần, tán nhỏ dùng lá ngải cứu sắc nước làm thang mà uống vài lần là khỏi.

- *Long đờm thảo* tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng cân, mật heo vài ba giọt cho vào rượu nóng mà uống rất hay.

- *Cây hẹ* mỗi lần dùng 49 gốc, đổ 2 bát nước sắc lấy một nửa, uống dần đến khỏi là thôi.

8. Truyền trị chứng hàn nhiệt hãn (nóng lạnh mồ hôi).

Rễ dậu giá tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng cân, thang với nước cơm, ngày uống 3 lần là lành.

II - CHÓNG MẶT

(Huyền vâng)

Chứng chóng mặt là tối tăm xây xẩm choáng váng như ngồi trong chiếc thuyền con, bay trên cổ nghiêng, đứng dậy thì muốn ngã nhào.

Bệnh này phát ra thuộc phong thì đổ mồ hôi, thuộc hàn thì đau nhức, thuộc thử thì nóng nảy buồn phiền, thuộc thấp thì nặng nề trầm trệ, là do 4 thứ khí nhân hư mà phát ra.

Lại phải phân biệt nội thương hay ngoại cảm, không phải chữa theo một lối được, hoặc do thất tình uất kết sinh đờm theo khí nghịch lên mà sinh chóng mặt hoặc dâm dục quá tổn thận, thần kinh hao tổn không nạp khí về nguyên vị, làm cho khí nghịch xông lên, đó do khí hư mà chóng mặt, hoặc thổ huyết, nức huyết, băng huyết, lậu huyết mà can kinh không thể thu hút lại được, làm cho các thứ huyết mất lối lưu hành mà chạy bậy, do đó huyết hư mà chóng mặt, lại sau khi mới đẻ huyết ra quá nhiều, hoặc ứ huyết không thông mà sinh chóng mặt, chữa bệnh nên linh hoạt xoay xở, không nên chấp nhất.

1. Truyền trị các chứng đầu đau phong buốt óc mặt mũi tối mờ.

- *Hương phụ mễ, Cúc hoa, kinh giới* mỗi vị 1 lạng *Bạc hà* 3 đồng cân. Đều tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân, sắc nước trà và hành làm thang, uống trước khi ăn là khỏi.

- Y phương trên, gia thêm *Kê đầu ngưa.*

- *Hà thủ ô, Hương phụ mễ* đều bằng nhau. Tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước trà và hành.

2. Kinh trị đầu phong, chóng mặt.

Xác ve 1 lạng (bỏ đầu râu) rửa sạch, sao qua, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, nếu không quen uống rượu thì uống với nước đun sôi để ấm, lúc nào uống cũng được, rất hay.

3. Kinh trị chứng phong tối mắt, sùi bọt miếng, chóng mặt muốn ngủ.

Dùng ống trúc vạt nhọn đâm vào giữa cây chuối to, cho nước chảy ra, ghé bát hứng lấy, cho uống đến mửa, rất hay.

4. Kinh trị các chứng phong, đầu xây xẩm.

- *Lá kê đầu ngưa*, phơi khô tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, mỗi ngày 3 lần, đến mửa thì luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên, 10 ngày lành bệnh. Thuốc này thông suốt cả đầu não, công hiệu nhanh chóng. Kiêng ăn thịt heo.

- Phương trên gia thêm *Kinh giới, Hương phụ,* mỗi thứ đều nhau.

5. Kinh trị chứng chóng mặt nôn mửa vì lạnh sinh đờm.

Can khương (nướng) 2 đồng rưỡi, *Cam thảo* (sao) 1 đồng 2 phân. Sắc với 1 bát rưỡi nước, còn một nửa cho uống, đã dùng nhiều lần, rất công hiệu.

6. Kinh trị phong đờm bốc lên, hoa mắt, đổ mồ hôi.

Củ cải giã nhỏ, vắt lấy nước cốt, đổ hạt củ cải vào, ngâm, phơi khô tán nhỏ, sau bữa ăn uống với nước nóng là lành ngay.

III - TÊ DẠI

Chứng tê dại là do phong, hàn, thấp, 3 khí ấy hợp lại mà sinh bệnh. Do khí hư, do thấp đờm, tử huyết. Cho nên hàn khí nhiều thì sinh ra tê nhức, thấp khí nhiều thì sinh ra tê liệt một chỗ. Còn như không đau, không cảm giác, là bệnh lâu, đã vào sâu, vinh vệ đình trệ, kinh mạch đi sai đường, cho nên không đau. Còn tê không cảm giác tức là khắp mình hoặc chân tay da thịt không tự biết là của mình. Cũng có lúc do huyết kém khí suy, không đủ vận chuyển mà sinh ra tê dại. Phép chữa này tùy chứng mà dùng thuốc.

1. Truyền trị tay chân tê dại hoặc không cảm giác, không điều khiển được đau lâu thành bệnh hạc tất (đầu gối sưng to) cử động không được.

Rễ cây giun rửa sạch, thái nhỏ, dùng 1 bát, cho vào 1 cái lọ, đổ đầy rượu, nút chặt, ngoài trát bùn kín, đào một cái hố tròn rộng 1 thước sâu vừa ngang cổ lọ, đặt lọ xuống rồi đổ trấu cho đầy, đốt lửa hun cháy hết lại đổ thêm, làm từ 6 giờ sáng đến 5 giờ chiều thì mang lọ ra, lại chôn xuống đất chỗ khác để trừ hỏa độc. Mỗi lần uống 1 chén, ngày uống 3 lần, uống lành bệnh thì thôi.

Rễ kim anh, nướng qua, bỏ vỏ thô, thái nhỏ, ngâm rượu uống. Bệnh đau 1 năm thì uống liên tục 1 tháng, bệnh mới đau 1 tháng uống trong 5 ngày, sẽ khỏi. Đó là 1 phương thuốc rất hay (chân tiên).

2. Truyền trị chứng tê dại, tê thấp, teo huyết, không thể đi được.

- *Cây lòng đen* (cây thù lu) Dùng cả rễ, cọng và lá, rửa sạch, kiêng đồ sắt, lấy dùi gỗ giã nát ra, phun rượu ngon vào cho ướt trộn cho đều, bỏ vào nồi đất nấu chín, rồi phơi râm ba ngày, lại phun rượu vào, lại nấu, làm như vậy 9 lần, cộng 27 thì được rồi tùy ý dùng nhiều hay ít, ngâm với rượu trong một cái lọ mới đem nấu cách thủy, bỏ một ít hạt thóc trong nồi, chừng hạt thóc chín nở xòe thì đem lọ ra; chôn xuống đất 1 ngày 1 đêm để trừ hỏa độc, mỗi ngày uống ba lần lúc 6 giờ sáng, 12 giờ trưa, và 6 giờ chiều; mỗi lần uống một hai chén, bệnh sẽ khỏi dần.

- *Dây dâu rừng* 7 phần, *rễ bươm bướm* 4 phần, *Dây bạc sau* 2 phần, *cỏ hy thiêm* 2 phần, *Cỏ nu áo* (rễ) 2 phần, *Cỏ roi ngựa* 3 phần, *Rễ cây vò dẻ* 3 phần, *Rễ bưởi bung* 5 phần. Các vị trên rửa sạch, xắt nhỏ cho được một đấu to, cho vào một cái hũ có rượu đậy kín, dùng nồi to nấu cách thủy, bỏ thóc vào nồi, chừng thóc chín nở xòe ra là được, đem ra, chôn xuống đất một ngày để khử hỏa độc, mỗi ngày uống ba lần uống say là được, thuốc này không kiêng gì cả, ăn được nhiều là tốt.

3. Kinh trị chứng mình mẩy chân tay tê dại cấu không cảm giác.

- *Hạt cải* tán nhỏ, trộn với dấm xoa vào chỗ đau rất hay.

- *Nghệ vàng, Quế chi* (cả vỏ), *Cúc hoa, Thạch hộc, Mạn kinh tử, Lá thông, Rễ cỏ xước* (rửa rượu). Các vị bằng nhau, thái nhỏ, sắc xong chờ ăn cơm rồi rất lâu mới uống.

- *Lá dâu già*, sắc lấy nước đặc, thường rửa chỗ đau là lành.

4. Kinh trị chứng da bụng tê cứng, không cảm giác.

Hành tăm, nấu chín ăn nhiều vào là lành.

IV - BẠI LIỆT

Phụ: Liệt dương

Bại liệt là chân mềm yếu không cử động đi đứng được, tay run rẩy không thể chống đỡ, cất nhắc lên được.

Chứng này là do âm huyết hư, hư thì sinh nóng ở trong, nóng trong thì gân bị giãn, nên tay chân mềm yếu. Sách Nội kinh chia ra các loại, *huyết nhiệt, đàm thấp, khí hư, huyết hư, huyết ứ*... song chữa thì cốt bổ huyết làm chủ yếu, huyết đầy đủ thì gân săn, gân sắn thì sức mạnh mẽ.

1. Kinh trị chứng chân bại liệt, gân rút.

Quế chi tán nhỏ, hòa với rượu xoa vào mỗi ngày một lần, công hiệu.

2. Kinh trị chứng lưng và chân không cử động được, co quắp, lạnh đau:

Xương ống chân hổ, dài độ 5, 6 tấc, đập vỡ, cạo bỏ màng và tủy, bôi váng sữa hay mỡ nước vàng, tán nhỏ, đựng vào túi lụa, bỏ vào hũ, đổ vào một đấu rượu, vần bên bếp lửa để lấy hơi nóng trong 7 ngày rồi tùy ý mà uống, đại tiện hơi thông thì khỏi.

3. Kinh trị chứng chân tay tê nhức.

Gà 1 con, mổ bụng bỏ ruột, dồn vào một nắm màn tưới và *Đại liền* đã xát nhỏ, chưng cách thủy cho chín, ăn thịt gà vài lần là lành.

4. Kinh trị chứng xương lưng mềm, chân yếu không động dậy được và khắp mình ngứa ngáy.

- *Hà thủ ô, Rễ cỏ xước.* Mỗi vị 1 thăng, kiêng đồ sắt, bỏ đầu, rửa sạch, tẩm rượu 7 ngày phơi khô tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống từ 30 đến 50 viên, thắng với rượu ấm hoặc nước sôi uống vào lúc đói bụng. Kiêng ăn thịt heo.

- *Cầu tích* 1 lạng sắc uống hàng ngày.

- *Hà thủ ô* 1 thăng, kiêng đồ sắt, dùng dao tre gọt bỏ vỏ ngoài, dùng dùi gỗ giã nát, tẩm nước vo gạo 1 đêm, lại trộn với sữa đàn bà khỏe mạnh sinh con trai, phơi khô lại trộn, lại phơi hai lần rồi tán nhỏ, dùng đại táo nấu chín, bỏ hột lấy nhân, quyết với thuốc làm viên. Nếu bệnh thuộc hỏa thì dùng mật ong luyện làm viên bằng hạt ngô đồng. Lúc đầu uống 30 viên, sau mỗi ngày uống 35 viên cho đến 100 viên là cùng. Uống với nước muối lúc đói bụng. Rất hay.

5. Kinh trị chứng tay chân yếu liệt, hay đi đái vặt, sắc mặt không tươi, cùng trị chứng liệt dương.

Lộc nhung 1 lạng, đốt bỏ lông thái mỏng, *Hoài sơn* tán nhỏ, 1 lạng. Đựng vào túi lụa, ngâm rượu 7 ngày, mỗi ngày uống 3 chén, còn xác sao khô tán nhỏ mà uống, hay lắm.

6. Kinh trị liệt dương, yếu rũ không giao hợp được.

- *Ngài tằm* 2 lạng (bỏ đầu, chân, cánh) sao khô tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt đồng, mỗi tối đến uống 1 viên thì dương vật sẽ cương và bền có thể giao cấu được tốt.

- *Xương bò* ngâm rượu, mỗi lần uống 1 chén, sẽ khỏi.

- *Mật cá chép* 1 cái. *Gan gà trống* 1 cỗ. Đều sấy khô tán nhỏ, luyện với trứng chim sẻ làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 10 viên.

- *Gan gà trống* 3 cỗ, *Thổ ty tử* 1 thăng. Đều sấy khô tán nhỏ luyện với trứng chim sẻ làm viên bằng hạt đậu xanh, liều dùng 100 viên uống với rượu khi đói lòng, dần dần dương sự sẽ khỏe lên.

- *Ngũ vị tử* 1 thăng. Sấy khô tán nhỏ, liều dùng 1 đồng cân, uống với rượu, ngày uống 3 lần hết 1 tể là kiến hiệu, bách phát bách trúng.

- *Rượu ngon* hòa với bùn đất sét bôi lên âm mao

- *Đá nam châm* 1 thắng, tán nhỏ, tẩm dầu mè 14 ngày, mỗi lần uống 3 chén, ngày uống 3 lần, uống lâu sẽ kiến hiệu.

- *Phúc bồn tử*, tẩm rượu, sao khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân, sáng sớm uống với rượu rất hay.

- *Tổ ong,* đốt cháy tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng cân với nước mới múc, uống lúc đói bụng, thì dương vật dương lên có thể giao cấu được. Hoặc lấy tàng ong đốt ra tro, tán nhỏ, tối lại bôi lên đầu âm thì nóng và cương ngay.

- *Mẫu lệ* nung chín, *xà tràng tử, Lá sen khô, Bèo khô,* Các vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi ngày dùng 3 đồng cân, sắc với một bát nước, sôi 4, 5 dạo, đợi nguội bớt, ngâm rửa dương vật, rất hay, kiêng phạm phong hàn.

V - ĐIÊN CUỒNG

Về bệnh điên cuồng không phải chỉ một loại. Điên thì vui cười bất thường, nói năng rối loạn, điên đảo, lặp đi lặp lại, là do tâm huyết không đủ mà phát ra. Cuồng thì cuồng loạn không còn lý trí, nói sai thì sai, chạy bậy làm càn, đó là đàm hỏa thịnh quá mà phát ra... Vì mừng thì hại tâm khí, giận thì hại can khí, đó là chứng tướng hỏa có thừa của hai tạng.

Chứng điên phân ra nhiều vì không thoát mãn lòng mong muốn, không đạt được sở nguyện mà sinh ra, phép chữa nên "*an thần, dưỡng huyết, thanh hỏa, hạ đàm*" là chủ yếu; chứng cuồng phần nhiều là do hỏa thịnh vị nhiệt mà sinh ra, phép chữa nên "*lợi đại tiện*" không nên ăn no mà trợ vị hỏa.

Sách Nội kinh có chép: "Âm phụ vào dương thì sinh cuồng, dương phụ vào âm thì sinh điên, thoát âm thì mắt mờ, thoát dương thì thấy ma quỷ", chính có nghĩa ấy, người chữa bệnh cần phải chú ý.

1. Kinh trị chứng điên cuồng không ngớt vì quá sợ mà sinh bệnh.

Cuống dưa đá nửa lạng, tán nhỏ. Mỗi lần uống 1 đồng cân, hòa với 1 chén nước giếng mà uống là mửa ào ra ngay, sau đó, để cho ngủ say, đừng làm giật mình thức dậy, hay lắm.

2. Kinh trị chứng điên cuồng, tức bực lo sợ, do đàm huyết kết tụ trong tâm khiếu mà ra.

Nghệ khô 7 lạng, *Phèn chua* 3 lạng, tán nhỏ, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước chín, theo sách chép thì rất hay.

3. Kinh trị chứng cuồng hoảng như ma tà chứng điên ngộ, không ngủ, chạy đi lung tung.

Gà trống bạch 3 con, nấu chín, nêm muối, hành, gừng vào cho vừa ăn, làm canh mà ăn rất hay.

4. Kinh trị chứng điên cuồng, 5 chứng kinh phong.

Hoàng đơn, phèn chua. Đều 1 lạng, dùng 1 hòn gạch, khoét 1 lỗ cho vừa, bỏ đầy 2 vị thuốc, *hoàng đơn* ở dưới, *phèn* bên trên, dùng 5 cân than gỗ, nung gạch làm cháy hết số than lấy ra tán nhỏ, trộn đều với huyết hậu trong tim heo chưa chạm với nước làm lạnh làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 30 viên, tân bì cao lớp vỏ trắng nấu lấy nước làm thang mà uống là khỏi.

5. Kinh trị chứng tâm bệnh, điên cuồng mê hoặc.

- *Cơm rượu cái* chưa cất 1 bát, *Dầu mè* 4 lạng. Đem hai vị trên chưng lên, dùng 20 cành dương liễu mà quấy, mỗi cành quấy 1, 2 vòng cho dầu và rượu trộn đều như cao, còn lại 8 phần thì đổ cho uống để cho ngủ say, hoặc mửa hoặc không, khi ngủ dậy là tỉnh ngay.

6. Kinh trị chứng thiên thời cuồng nhiệt.

Củ chuối, giã vắt lấy nước cốt cho uống, khỏi ngay.

7. Kinh trị chứng cuồng loạn không biết gì.

Đất lòng bếp, tán nhỏ mỗi lần dùng 3 đồng cân, uống với nước, ngày 3 lần.

8. Kinh trị chứng điên cuồng hoặc trúng nhiệt, nói như tiếng ma, qủy, làm cho người kinh sợ.

Trùn đất, vài ba con. Giã nát hòa với nước giếng mà uống thì yên.

9. Kinh trị chứng nói điên cuồng như tiếng ma qủy.

Chẫu chàng (1) 1 con, đốt cháy, tán nhỏ, uống với rượu là bớt.

10. Kinh trị chứng cười suốt ngày không ngớt.

Muối rang cháy đỏ, tán nhỏ, uống với nước sông đã nấu sôi, lấy lông chim ngoáy vào trong họng, mửa ra nhiệt đờm vài thang là khỏi.

VI - ĐỘNG KINH

Chứng động kinh là khi lên cơn thì ngã nhào, mê man múa máy, cắn răng, sùi bọt mép, lưng uốn ván, xương sống cứng đờ, mắt trợn ngược, tay chân co quắp, tiếng kêu như tiếng lục súc.

Nguyên nhân bệnh động kinh hoặc vì lo sợ quá, thần khí không tự chủ được hoặc do lúc trong thai, mẹ bị kinh sợ, lúc sinh rồi con mang lấy tật ấy.

Bệnh động kinh chia làm 5 thứ khác nhau. Chứng nào trong 1 tháng lên cơn vài lần là chứng thực dễ trị, một năm mới lên cơn một lần là chứng hư khó chữa, thực thì công mà hư thì bổ, tùy chứng mà ứng biến để trị.

Chẫu chàng, chẫu chuột cũng là nó, thấy ở ao hồ miền Bắc, giống như nhái mà không phải nhái, tiếng kêu chẫu chuột.

1. Truyền trị động kinh rất công hiệu.

- *Thạch xương bồ* (cạo bỏ lông) 2 lạng. *Thần sa* 6 đồng cân (nghiền nhỏ, thủy phi, mỗi nửa trộn vào thuốc, một nửa để làm áo).

Hai vị nghiền nhỏ, trộn bột gạo với máu tim heo khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng. Thần sa làm áo, mỗi lần uống 70 - 80 viên với nước chín, vào lúc đói, là khỏi.

---

1. Loài lưỡng cư, dáng như con nhái, vào những đêm trời mưa dông to chúng nhảy lên bờ hồ, ao và kêu oáp oáp, nên cũng gọi là con oáp.

- *Chua me đất*, rửa sạch, giã nát, vắt lấy nước cốt mỗi lần uống nửa bát, ngày 1 lần, công hiệu.

- Ốc heo nấu với nước rửa rượu đến chín, ăn lúc đói, bệnh mới phát 1 năm thì ăn 3 cái ốc 2 năm thì 6 cái, cứ tính mỗi năm thêm 3 cái rất hay.

- *Cứt gà mái*, chọn thứ tinh, 1 vốc, rang khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu vào lúc đói rất hay.

VII - CHỐNG QUÊN

Chống quên là bỗng chốc liền quên, việc vừa làm xong là quên, lời mới nói đã quên, vì lo nghĩ thái quá, thương tổn đến tâm, tâm đã thương tổn thì huyết rất hao kiệt mà tâm thần không giữ vững, lại hại đến tỳ thì vị khí suy yếu, lo nghĩ lại càng sâu; cho nên bệnh này phát ra đều bởi hai tạng tâm và tỳ; phép chữa nên *an thần dưỡng nguyệt, bớt tư lự, trừ ưu phiền*, thì mới bảo đảm được khỏi bệnh.

1. Kinh trị chứng tâm thần không định, hỏa không giáng, thủy không thăng, chống quên, kinh sợ hồi hộp.

Thạch xương bồ, ngày 7 tháng 7 đào lấy rễ, kiêng đồ sắt, dùng dùi gỗ đập vỡ nát, tẩm nước vo gạo, phơi khô, tán nhỏ, mỗi lần 1 đồng cân, hòa với rượu uống. Uống được lâu ngày thì tinh thần thêm sáng suốt.

2. Kinh trị chứng tâm thần mê muội, hay quên.

Dùng các *quả tim bò, ngựa, gà, lợn* đều bằng nhau, thái nhỏ phơi khô, tán thành bột, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, ngày uống 3 lần thì nghe một biết mười.

3. Kinh trị chứng chóng quên.

Phương này có thể trấn tĩnh tâm thần, khai thông tâm khiếu.

Khoai mài bỏ vỏ, phơi khô, tán nhỏ, mỗi lần ăn 5 đồng cân với nước cháo trắng vào lúc đói, rất hay.

4. Kinh trị chứng tim yếu chóng quên, làm cho tỏ tai sáng mắt.

- *Cành dao hướng đông*, đến ngày 5 tháng 5 âm lịch, cắt lấy hai tấc mà gối đầu. Rất hay.

- *Mai ba ba* (cua đinh) 1 miếng, đeo trong quần áo hoặc dùng tơ mạng nhện vo thành viên nhét trong quần áo.

5. Kinh trị chứng chóng quên bài này bổ tâm, ích khí, tăng tâm chỉ, sáng tai mắt.

- *Hạt sen*, bỏ vỏ và tâm, mỗi sáng nấu cháo trắng lấy nước cháo một bát, hòa hai đồng cân bột hạt sen vào, nấu sôi 1, 2 dạo nữa rồi ăn, ăn được càng lâu, công hiệu càng lớn.

VIII - KINH SỢ HỒI HỘP

Kinh sợ hồi hộp là bỗng nhiên kinh sợ hình như có người đuổi bắt mà run rẩy không yên. Bởi vì phần cốt yếu của con người là tâm mà tâm là nhờ huyết nuôi dưỡng, khi tâm huyết đã hư hao thì tâm huyết không giữ vững mới thành bệnh.

Phàm chống quên, kinh sợ hồi hộp, rạo rực là 3 chứng dù tên có khác nhau mà bệnh thì giống nhau, cho nên phép chữa thì hễ người gầy, thiếu huyết là tâm hỏa suy kém thì nên

bổ huyết cho sung túc, người béo nhiều đờm là tâm hỏa ứng tắc thì nên trừ đờm cho khai thông, đó là lời bàn rất xác đáng.

1. Kinh trị chứng tim hồi hộp.

Ma hoàng (bỏ mắt), *Bán hạ* (chế gừng hai vị bằng nhau tán nhỏ, luyện mật bằng viên hạt đậu xanh mỗi lần uống ba viên với nước nấu sôi, ngày 3 lần là công hiệu.

2. Kinh trị chứng bỗng nhiên kinh sợ, chết ngất:

Rượu ấm đổ vào thì tỉnh ngay.

3. Kinh trị chứng đờm sục, mê tâm ra kinh sợ:

Gây nôn, *Cuống dưa đá*, sao, *Đậu đỏ*. Mỗi vị 1 đồng cân, đều tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng, dùng đậu sị 1 vốc nấu nước làm thang mà uống cho mửa hết các chất đờm độc thì khỏi. Nếu mửa hết đờm dãi rồi mà còn mửa nữa thì uống nước lạnh là hết mửa.

4. Kinh trị chứng can bị hỏa tà, sinh ra kinh sợ.

Huyền hồ, Hoài sơn, Toan táo nhân (sao), Long đờm thảo, Bá môn tử, Hậu phác (tẩm gừng sao). Các vị bằng nhau, gừng sống 3 lát, sắc lên, lại thêm một chén trúc lịch uống vào lúc đói thì yên.

5. Kinh trị chứng kinh sợ hồi hộp.

Bá tử nhân, (hột trắc bá) sao qua, *Hương phụ mễ, Toan táo nhân*, sao qua. Các vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần 2, 3 đồng cân, dùng mạch môn bỏ tim, sắc nước uống vào lúc đói. Uống được lâu thì bổ ích lắm.

IX - RAO RỰC

(Hư phiền)

Rạo rực là trong bụng bối rối không yên, vì bởi điều dưỡng không đúng cách, vinh vệ không điều hòa, làm cho khí huyết có chỗ chênh lệch, hoặc dương hư mà ngoại hàn, hoặc âm hư mà trong nhiệt, hoặc dương thịnh mà ngoại nhiệt, hoặc âm thịnh mà trong hàn. Đại khái chứng này sinh ra đều thuộc nhiệt, cho nên người bị tổn thương thì thủy hao kiệt mà sung hỏa nóng lên thượng tiêu mới sinh ra chứng này. Phép chữa nên suy lẽ đó mà dùng thuốc.

1. Kinh trị chứng nóng âm ỉ, phiền nhiệt.

Lá thanh hao một nắm, mật heo 1 cái (trích lấy nước). *Hạnh nhân* 40 hạt bỏ vỏ và đầu nhọn. Dùng đồng tiện 1 bát mà sắc thuốc, lấy nửa bát uống vào lúc đói, công hiệu.

2. Kinh trị chứng hư nhiệt, khát nước.

Nhựa đào, 1 viên lớn bằng viên đạn, mỗi ngày ngậm 1 viên, tuyệt diệu.

3. Kinh trị chứng sau khi bị bệnh nặng, biểu lý đều hư, tâm dịch khô kiệt, bụng ráo miệng khát, và mọi chứng hư phiền nóng giống như thương hàn, chỉ khác là thân hình không đau nhức, không sợ lạnh, cho nên chớ dùng thuốc phát hãn hoặc hạ lợi.

Đạm trúc diệp, Mạch môn bỏ lõi, hai vị bằng nhau, sắc cho uống là yên.

4. Kinh trị chứng trong bụng rạo rực, ảo não không ngủ được:

Nước măng tre (trúc lịch) 1 bát, *Bạch phục linh* 1 lạng, tán bột hòa vào cùng sắc lấy nửa bát, uống vào lúc đói là khỏi.

5. Kinh trị chứng nóng dứ quá mà tâm phiền.

- *Dành dành* sao cháy tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước cơm, rất hay

- *Đậu sị* 1 vốc, *Đậu đỏ* nửa vốc, *Dành dành* bỏ vỏ 8, 9 quả. Sắc uống nóng, công hiệu.

- *Mía ngọt*, ép lấy nước được 1 bát, gạo nếp 1 nắm cùng nấu cháo cho ăn lúc đói và ăn thường xuyên, rất hay.

X - MẤT NGỦ

Mất ngủ có 3 nguyên nhân: người già yếu dương suy hay khi ốm mới khỏi còn yếu mà không ngủ được, đâm tụ ở đởm kinh, thần không yên mà không ngủ. Lại có chứng tam kinh nóng phân, đởm kinh hàn lạnh mà ngủ không được. Phép chữa: *hư thì phải bổ, nhiệt thì phải thanh, đờm thì phải đạo đó là đúng đích.*

1. Kinh trị chứng đởm hư, nằm ngủ không yên, trong lòng kinh sợ.

Bán hạ, 5 vốc, dùng nước chảy 8 thăng, khuấy rất nhiều vòng lắng lấy nước trong 6 thăng, dùng củi lau đun sôi bùng lên cho vào 1 thăng gạo nếp với *bán hạ*, nấu đến còn 1 thăng rưỡi nữa thì được, mỗi lần uống 1 chén, ngày uống 3 lần đến khỏi thì thôi.

2. Kinh trị mất ngủ do âm hư, dương khí thiên thắng âm dương mất điều hòa.

Toan táo nhân 1 lạng, sao chín thơm tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng, sắc nước lá tre mà uống bất cứ lúc nào thì ngủ được.

3. Kinh trị chứng khó ngủ, đêm nằm không nhắm mắt.

Dùng *tim bấc* nấu nước thay trà mà uống thì ngủ được.

4. Kinh trị chứng ngày đêm trương mắt ngủ không được.

Đậu đen nấu nóng cho vào một cái túi đem gối đầu, nguội lại thay, cứ gối cho suốt 5 canh. Lại lấy vải mới hơ nóng chườm lên mắt là ngủ được.

5. Kinh trị chứng mất ngủ do hư lao.

Can khương tán nhỏ, uống với nước nóng 3 đồng cân, hơi đổ mồ hôi là ngủ được.

6. Kinh trị chứng cứ đến đêm thì rầu rầu buồn ngủ.

- *Mắt chuột* 1 cái, đốt tồn tính tán nhỏ, hòa với nước trà vào mắt thì khỏi.

7. Kinh trị chứng hay ngủ, ngủ mê ngủ mệt không đánh thức được.

- *Xương đầu ngựa* đốt cháy thành tro tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân với rượu, ngày uống 3 lần, nếu không hay uống rượu thì dùng nước nóng uống cũng được.

- *Toan táo nhân* để sống tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân uống với nước trà có gừng. Rất hay.

XI - QUYẾT CHỨNG

Quyết chứng là chân tay. Khí thuộc dương, dương hư thì âm lấn vào sinh giá lạnh; huyết thuộc âm, huyết hư thì dương phát vào nên phát nóng, đó là hai chứng trạng âm dương đối lập với nhau. Phần quyết chứng phát ra cũng tương tự như trúng phong, nhưng khác nhau ở chỗ trúng phong thì người ấm còn quyết chứng thì người lạnh. Nên phải xét cho đúng chứng mà chữa.

11. Kinh trị các chứng thoát dương, chân tay giá lạnh bất tỉnh nhân sự, hoặc ruột non đau quặn, đổ mồ hôi, suyễn thở:

- *Muối sao nóng* đem chườm trên rốn cho ấm thì khỏi.

2. Kinh trị âm chứng hư hàn, thấp lạnh, phiền táo, đau ruột, mạch không thấy, rất nguy.

- *Lưu hoàng* 3 đồng cân tán nhỏ sắc nước lá ngải cứu hòa vào mà uống, nằm ngủ ra mồ hôi là khỏi.

XII - CỐ LÃNH

Cố lãnh là chỉ lạnh mà không nóng, người ta khí bẩm không giống nhau, có người khí bẩm nhiệt, có người khí bẩm hàn, chứng cố lãnh và chứng nóng đối lập với nhau. Chứng cố lãnh phát ra vì chân dương mà yếu sinh bệnh, hoặc nằm ngồi vào chỗ gió sương lạnh ẩm mà ngoại tà xâm nhập, hoặc ăn uống phải đồ nguội lạnh sống sít, tích lại tạng phủ thành bệnh. Bệnh này có người tay chân giá lạnh, có người đau bụng lâu, tả lỵ, không ngừng, có người lưng đùi đau trệ, nặng trĩu như ngồi trong nước, có người liệt dương, không cương, tính lạnh tự ra, có người nôn mửa lâu mà bụng đầy ăn uống không được, có người tự đổ mồ hôi, lạnh run. Phép chữa nên tùy ý theo bệnh chứng mà xử lý.

1. Kinh trị đau bụng, mình lạnh thuộc âm chứng.

Lưu hoàng 4 phân, *Hồ tiêu* 6 phân. Tán nhỏ; mỗi lần dùng 2 phân, uống với rượu là khỏi.

2. Kinh trị âm chứng, ngọc hành rụt lại, đái không thông.

- *Gà mái* béo 1 con, dùng dao mổ phanh trên lưng rồi banh rộng ra; để nguyên đem áp lên rốn, lại cho người đạp lên trên con gà, hồi lâu nóng thấu vào, tiểu tiện được thì khỏi.

- *Hồ tiêu, Can khương* mỗi vị 2 đồng cân tán nhỏ, trộn với nước bọt, đặt lên trên miếng giấy mà đắp lên trên ngọc hành, nằm nghiêng thì kiến hiệu ngay.

3. Kinh trị âm chứng bí phương:

- *Lưu hoàng* chứa vào nồi đất đun cho chảy ra, rồi rót cả vào chậu nước giếng cho nguội, lấy ra tán nhỏ, luyện hồ làm viên bằng hạt ngô đồng. Cho uống mỗi lần 1 đồng cân với rượu, bệnh chuyển ngay.

- *Đậu đen* bất cứ nhiều hay ít, sao già, đổ rượu vào, đậy kín lại cho khỏi bay mất hơi, chờ nguội rót cho uống, rất hay.

- *Hạt cải* 7 đồng cân, *Can khương* 3 đồng cân đều tán nhỏ, trộn với nước, nặn thành bánh, đem đắp vào rốn, tay giữ chặt lại, rắc lên ít muối rồi dùng cái âu đồng có đựng than hồng chườm lên vài lần cho ra mồ hôi. Lại nắm ngọc hành người bệnh kéo ngược lên rốn, đầu ngọc hành chấm tới chỗ nào thì cứu tại đó 7 mồi, rất là hay.

4. Truyền trị chứng khí lạnh ở hạ tiêu.

- *Trần bì* 1 tháng, rửa nước sôi qua tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần uống 39 viên với rượu vào lúc đói.

5. Truyền trị tất thảy các chứng khí lạnh, bụng đau, hoặc do khí độc tà độc mà sinh ra bệnh:

Can khương tán nhỏ, dùng lá ngải cứu tươi giã nhỏ vắt lấy nước, hòa vào làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 10 viên, tăng thêm dần dần đến 20, 30 viên, bệnh lành thì thôi.

6. Truyền trị bụng đau, bụng thuộc âm chứng, sắc mặt xanh nhạt:

Cứt chim bồ câu 1 vốc sao vàng tán nhỏ, cho vào 1 lít rượu, khuấy đều, đợi lắng trong bỏ cặn, tùy ý mà uống.

7. Kinh trị chứng tạng lạnh, đau bụng, uống thuốc này ôn hòa được vị khí:

Hương phụ mễ tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, dùng gừng 10 lát, muối 1 nhúm sắc làm thang mà uống.

8. Kinh trị tất cả các chứng khí lạnh:

Hạt tía tô, củ riềng, Trần bì. Các thứ đều tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với rượu vào lúc đói rất hay.

XIII - PHÁT NHIỆT

Chứng phát nhiệt là nóng hầm hập ở ngoài da, khác với chứng sốt cơn và chứng nóng lạnh. Sốt cơn là lúc lên cơn đều đúng giờ giấc không sai, nóng lạnh thì hết nóng tiếp lạnh, còn phát nhiệt là nóng luôn không ngừng, nhưng có bệnh thì do cảm mạo thời khí, có bệnh thì do lo nghĩ lao phiền, cho nên phải phân biệt ngoại cảm nội thương, thực nhiệt, hư nhiệt khác nhau; nếu không phân biệt rõ ràng mà chấp nhất bất thông nhận định sai lầm, tức là thầy thuốc giết người chớ không phải mạng người đáng chết.

1. Kinh trị chứng phát nhiệt do chứng nhọc mệt quá:

Qủa bồ kết sấp liền nhau đo được 1 thước, dùng mỡ hoặc váng sữa bôi vào, đem nướng cho tiêu hết váng sữa thì được, tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 15 viên, thêm dần dần 20 viên, uống với nước chín, bệnh nặng không quá 2 tễ là khỏi.

2. Kinh trị chứng phát nhiệt, miệng khô, tiểu tiện đỏ gắt:

Ăn nhiều *mía* thì rất tốt.

3. Kinh trị chứng chóng mệt, phiền nóng, mình gầy.

Hạt bồ kết, vỏ trắng cây bồ kết, gai bồ kết. Đều bằng nhau, đốt cháy tán nhỏ, dầm nước, lại gạn đi, lại dầm lại gạn cho được 5 lần rồi đem nấu cho cạn nước, đợi đông lại, hòa vào một ít *xạ hương*, lại tẩm thêm một ít *Đông tiện* rồi tán nhỏ, khuấy hồ làm viên bằng hạt đậu, mỗi lần uống 7 viên vào lúc đói rất hay.

4. Kinh trị chứng âm hư, nóng âm ỉ và lao nhiệt.

- *Thanh cao* cả cây lá, hoa rễ, rửa sạch, dùng nước sông nấu cạn còn phần nửa lọc bỏ bã, nhỏ lửa cô thành cao, mỗi lần dùng nửa chén hòa vào nước đái trẻ con mà uống lúc đói. Thuốc này rất bổ, trị bệnh lao thương, hay không thể nói hết.

- *Nước đái trẻ con* dưới 7 tuổi trở xuống 3 bát. Sắc lấy 1 bát hòa vào 1 chén mật ong, uống vào lúc đói, bệnh nhẹ thì 20 ngày, bệnh nặng thì 50 ngày là yên.

Uống thuốc được 20 ngày mà có sâu từ trong mình ra, hoặc nước đái bệnh nhân cách xa 10 bước vẫn ngửi rất hôi, là khỏi.

- *Qủa Dành dành* sao gần cháy tán bột mỗi lần uống 2 đồng dùng 6, 7 lát gừng sắc lấy nước mà uống lúc đói rất hay.

5. Kinh trị chứng bị bệnh nhiệt khỏi rồi, nhưng nọc độc còn lại, công ra tay chân đau nhức rã rời.

- *Rượu lúa nếp* đốt ra tro, bỏ vào nước nấu lên, ngâm tay chân vào là yên.

XIV - TIÊU KHÁT

(Đái đường)

Tiêu khát là chứng trên thì muốn uống nước, dưới thì ngày đêm đi rất nhiều, và do dâm dục quá độ, trà rượu không chừng, hoặc ăn nhiều đồ xào nướng, hoặc thường uống thuốc bằng kim thạch làm cho khô kiệt chất nước trong thận, khí nóng trong tim cháy rực, tam tiêu

nung nấu, ngũ tạng khô ráo, từ đó sinh ra chứng tiêu khát. Nhưng bệnh phân ra tam tiêu khác nhau, bệnh ở thượng tiêu là phổi, uống nhiều ăn ít; đại tiểu tiện như thường, đó là tâm hỏa nung nấu phế kim mà sinh ra khát; bệnh ở trung tiêu là dạ dày, ăn nhiều, uống nhiều, mà tiểu tiện vàng đỏ, đây là vì dạ dày huyết nhiệt đồ ăn mau tiêu chóng đói, trong huyết có hỏa nung thì chất nước khô ráo mà sinh ra khát; bệnh ở hạ tiêu là thận, tiểu tiện đục đặc như cao, phiền khát, uống nhiều nước, dần dần vành tai đen xám, tiểu tiện đi luôn. Nếu ăn được tất sẽ phát ung thư và ghẻ lở ở lưng nếu không ăn được thì bệnh sẽ truyền vào trong bụng mà đầy trướng. Phép chữa phải phân biệt từng bệnh mà chọn phương thuốc

1. Kinh trị khát của bệnh bách hợp (ốm lửng, ốm giả cách):

Thiên hoa phấn, Mẫu lệ sao. Hai vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước nóng, bệnh tự lành.

2. Kinh trị bệnh khát ở tam tiêu:

- *Bông lúa nếp* (Cơm chồi), Rễ dâu cạo vỏ ngoài. Hai vị đều nhau mỗi lần dùng 1 lạng, sắc với hai bát nước, mà uống rất hay.

- Lấy *nước vo gạo nếp* uống nhiều, đến lúc bệnh khỏi thì thôi.

- *Nước ướm tơ* uống bất kỳ lúc nào cũng rất công hiệu. Nếu không có nước ướm tơ thì lấy kén độ (kiến xác) nấu nước uống thay, cũng được.

- *Nước trụng (nhúng nước sôi) gà trống* để nhổ lông, (lắng trong mà uống)

3. Kinh trị chứng tiêu khát, mỗi ngày uống đến một thạch nước:

- *Bèo vân tía* rửa sạch, giã nhỏ vắt lấy nước cất, uống đến khỏi thì thôi.

- *Hạt Ý dĩ* tán nhỏ, cùng với gạo tẻ nấu cháo mà ăn là khỏi.

- *Cỏ kim cang đại* nửa lạng thái nhỏ, *Ô mai* 4 quả. Sắc với 3 bát nước còn 1 bát, uống nóng thì khỏi.

- *Lơ he* mỗi lần dùng 5, 3 lạng, hoặc luộc chín, hoặc nấu canh, nêm vào ít muối hoặc tương cũng được, ăn đến 10 tháng là khỏi.

- *Bí đao* 1 quả, lột bỏ chôn xuống đất ẩm tới 1 tháng lấy lên bổ ra lấy thứ nước trong giữa ruột quả bí mà uống hàng ngày, hoặc đốt chín vắt lấy nước mà uống thì khỏi

- *Đậu sị* nấu mà ăn, bao nhiêu cũng được.

- *Đậu sị* 1 vốc, *ô mai* 7 quả, sắc uống ngày 5 lần rất hay.

- *Đậu đen* tán nhỏ dồn vào trong cái túi mật bò, phơi dầm 100 ngày, làm viên mỗi sáng uống 1 viên, uống hết là khỏi.

- Nấu cháo *đậu xanh* mà ăn, hoặc nấu lấy nước mà uống là khỏi.

- Lấy 3 *Củ cải củ* đã già, rửa sạch cắt nhỏ phơi khô tan nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng, tăng dần đến 3 đồng, nấu nước thịt heo lắng trong mà uống với thuốc, ngày uống 3 lần hoặc để nguyên cải tươi, giã vắt lấy nước uống, hoặc lấy nước cốt, nấu cháo mà ăn đều công hiệu.

- *Gừng tươi* phơi khô tán nhỏ, hòa với nước *mật cá diếc* làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 7 viên với nước cơm, hoặc trộn vào ít cơm càng tốt, nhưng chớ dùng muối.

- *Nước măng tre* bỏ vào ít nước gừng, tha hồ uống thay nước trà, không quá 3 ngày thì khỏi.

- *Rễ tăm xuân* rửa sạch, cắt nhỏ mỗi lần sắc 1 nắm mà uống lúc đói bụng, công hiệu.

Phân tằm rang khô tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước lạnh, chỉ uống vài lần là kiến hiệu

- *Cá diếc* 1 con bỏ ruột, lấy lá trà nhét vào bụng cho đầy, bọc nhiều lớp giấy dem nướng chín mà ăn, chỉ độ 3, 4 lần là khỏi.

- *Ốc bươu* 5 con rửa sạch, bỏ vào trong cái bát to, ngâm nước 1 đêm, hễ bệnh nhân khát thì chắt lấy nước ngâm ốc mà uống mỗi ngày thay ốc khác một lần

- *Dùng gạo nếp* 2 vốc nấu cháo loãng, bắt *ốc bươu* rửa sạch thả vào trong cái chậu đã đổ cháo, đợi cho ốc ăn hết cháo và nhả nhớt ra, múc lấy nước nhớt ấy mà uống là kiến hiệu ngay.

- *Dạ dày heo đực* 1 cái, *Đậu si* 1 đồng. Nấu với nước mà cả cái là khỏi bệnh.

4. Kinh trị người lớn, trẻ con nóng khát nước lâu ngày không khỏi:

- *Củ sắn dây* bất cân nhiều hay ít, nấu nước thường uống

- *Ngó sen tươi* giã lấy một bát hòa với mật ong, ngày uống 3 lần rất hay.

- Hòa *sữa người với mật ong* mỗi thứ một nửa nấu sôi lên, uống được nhiều càng hay, lúc mới uống thấy lợi đại tiện thì tốt.

5. Kinh trị chứng tiêu khát, uống nhiều nước, các đốt xương phiền nóng:

- *Củ chuối* giã vắt lấy nước cốt thường uống, mỗi lần 2 đồng cân là công hiệu.

- *Ô mai nhục* 2 lạng, sao qua tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, nước 2 bát, sắc còn 1 bát, cho *Đậu si* vào 200 hạt, lại sắc còn nửa bát, uống lúc đói bụng thì hay

6. Kinh trị chứng tiêu khát, uống thuốc này thì độc sẽ dẫn thoát theo đường tiểu mà hết:

- *Hạt tía tô, Hạt cải củ:* đều sao, mỗi vị 3 lạng tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, dùng vỏ trắng rễ dâu sắc nước mà uống, ngày 3 lần là khỏi.

7. Kinh trị tiêu khát do thận hư, rất khó chữa.

- *Đậu đen, Thiên hoa phấn* Hai vị đều bằng nhau tán nhỏ, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần dùng 70 viên, sắc nước đậu đen mà uống, ngày 2 lần, rất hay.

8. Kinh nghiệm phòng ung nhọt sau tiêu khát đã khỏi.

Hoa kim ngân hoặc rễ, cành hay lá cũng được, bất cân nhiều hay ít, bỏ vào cái ấm, đổ cơm ủ men rượu vào, đun lửa trấu 1 đêm, lấy ra phơi khô, thêm vào một ít cam thảo tán nhỏ, lấy thứ rượu đã tâm trước mà khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên dần dần tăng lên 100 viên, uống với rượu nhạt. Phương này chẳng những phòng được ung thư mà còn trị được chứng tiêu khát.

XV - NĂM CHỨNG ĐẢN

(Vàng da)

Năm chứng đản là mồ hôi vàng (hoang hãn), vàng da (hoàng đản) tích rượu mà vàng da (tửu đản) ăn không tiêu mà vàng da (cốc đản), dâm dục quá mà vàng da (nữ lao đản). Đại khái đều là bệnh vàng da cả, vì tỳ phạm thấp nhiệt, mà tỳ vốn là thổ tính sắc vàng, nên phát bệnh thì khắp mình mẩy đều vàng, tay chân mỏi rũ, ăn uống kém sút, tiểu tiện đỏ gắt, nhưng bệnh này thì không đau nhức, giống như nước như lửa, không gươm không giáo mà hay giết người. Bởi vì tỳ vị của mọi tạng phủ khác, mà đã ốm thì còn làm sao mà yên cho được. Phép chữa phải chia trên dưới để xử lý, như thấp ở trên thì cho *Phát hãn*, thấp ở dưới thì cho lợi tiểu tiện, dùng hai cách đó để tiêu trừ, thì bệnh sẽ khỏi.

1. Kinh trị chứng vàng da mới phát.

Cành liễu sắc lấy nước thật đặc, mỗi lần uống nửa thăng rất hay.

2. Kinh trị chứng khắp mình và mặt đều như giấy vàng.

- *Nhân trần* 1 nắm, *Chi tử* 24 quả. Hai bát nước sắc lấy nửa bát bỏ bã, dùng *Thạch cao* 1 cục nướng chín đỏ, bỏ vào trong nước thuốc cho tan mà uống nóng, trùm mền kín cho ra mồ hôi, lại dùng phấn xoa khắp mình (12).

- *Chi tử* bỏ vỏ, *Chỉ thực* bỏ ruột, mỗi lần dùng đều 1 đồng cân, *Đậu sị* 5 đồng. Nước 1 bát nấu sôi, uống nóng, rất hay.

- Gia thêm 2 đồng cân *Cát căn* 5 phân, *Cam thảo* nướng.

- Hạt *Củ cải* sao tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với nước cơm, ngày uống ba lần rất hay.

3. Truyền trị mọi chứng vàng da, hoặc đi tiểu luôn, hoặc đi tiểu ra máu đều dùng được.

Mật ong nửa bát, *Gừng sống* 5 lát. Nước mới múc 1 bát. Sắc uống ngày 2 lần, tiểu tiện dần dần trong lại mà bệnh vàng da cũng khỏi.

4. Truyền trị mọi chứng vàng da.

- *Rễ bươm bướm*, rửa sạch, sắt miếng, một vài nắm, đổ nước vào, sắc lấy nửa bát, uống vào lúc đói rất hay.

- *Ốc bươu* ngâm vào nước cho nhả bùn, đem nấu chín, nhể lấy ruột ốc mà ăn và uống cả nước, lại dùng vỏ ốc nung thành vôi tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu rất hay.

- *Hạt Đình lịch*, lát giấy lên nồi, bỏ hạt vào rang. *Cỏ thanh ngâm, Sơn chi tử, Nhân trần, Hoàng cầm*. Các vị đều bằng nhau, sắc uống rất hay. (13)

- Phương trên có *Cam thảo, Chỉ thực* mà không có *Hoàng cầm*.

- Trứng gà 1 quả, để cả vỏ, nướng khô tán nhỏ hòa với giấm một chung uống nóng thấy trùng trong lỗ mũi ra là công hiệu; mình mẩy dẫu có vàng lắm thì uống 3 lần cũng khỏi.

- *Trứng gà* trộn với *Gạo trắng mễ* mà nấu cháo, mỗi sáng ăn mỗi quả lâu ngày rất bổ ích.

- *Chẩu chàng* 1 con, *Phèn đen* 3 đồng. Cùng dồn 2 thứ vào *Mẽ con gà trống*, đem nấu chín thật nhừ, bỏ chẩu chàng ăn mẽ gà, rất hay. Hoặc không dùng phèn đen cũng được.

5. Kinh trị da vàng như màu vàng thật.

- *Rễ cây đào* đào lúc mờ sáng đừng cho đàn bà, gà, chó thấy... lấy rễ hướng đông, chọn thứ lớn bằng chiếc đũa một nắm, xắt nhỏ, sắc với một bát nước đến khi còn nửa bát cho uống vào lúc đói, sau 5, 3 ngày, màu vàng sẽ nhạt dần như mây tan, 100 ngày mới thật hết vàng, nên thường uống 1 chén rượu cho dễ tan nếu không thì tan chậm, kiêng ăn mì nóng, thịt heo và cá, rất công hiệu.

- *Dây nho* rửa sạch, giã nát vắt lấy nước cốt một thăng mà uống, bệnh lâu năm thì ngày uống 2 lần.

- *Rễ cỏ bấc* 4 lạng rượu và nước mỗi thứ một nửa, nấu nửa ngày, phơi sương một đêm mà uống là khỏi.

- *Gừng sống* giã nát, thường mang theo mà xát vào mình thì bệnh sẽ tự lui.

- Phương trên thêm *Nhân trần* giã lẫn với gừng mà xát thì khỏi.

- *Rễ ý dĩ*, sắc uống hoặc giã vắt lấy nước, hòa với rượu mà uống rất hay.

- *Cuống dưa đá Đinh hương* Hai thứ đều 49 cái, cùng bỏ vào nồi, đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần dùng một đồng tiền xúc, thổi vào trong mũi để cho chảy nước vàng ra, hay xát vào răng cho chảy nước miếng ra, cũng được.

- *Hạt mã đề*, tán nhỏ, hòa với nước uống 5, 3 ngày là khỏi. Hoặc uống với nước cơm cũng được.

6. Kinh trị chứng vàng da vì tích ăn:

- *Xơ mướp* để hạt, đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng; nếu vì ăn mì nhiều mà sinh bệnh thì uống với rượu nóng luôn vài lần thì khỏi.

7. Kinh trị chứng kinh giản da vàng như vàng thật, ham ngủ, chảy nước miếng:

Nhân trần, Bạch tiểu bì. Hai vị bằng nhau, nước một bát sắc sôi vài dạo mà uống, mỗi ngày hai lần, công hiệu.

8. Kinh trị mọi chứng vàng da, mồ hôi ra vàng như nước hoàng bá:

Mỡ heo 1 cân, rán lấy nước bỏ tóp, mỗi ngày uống 2 lần, đại tiện ra được phân táo rắn thì thôi; công hiệu lắm.

9. Kinh trị vàng da, tức thở, tiểu tiện tự lợi, không nên trừ nhiệt:

Chế bán hạ, Gừng sống, đều nửa cân, đổ 7 thăng nước sắc còn 1 thăng rưỡi, chia uống 2 lần, có người bị khí kết mà chết, nhưng tim còn nóng, lấy thuốc này đổ vào miệng một ít là sống lại ngay.

10. Truyền trị dau mới khỏi, da vàng bụng trướng to, tiểu tiện không thông.

Lá hẹ giã nát cùng với bã rượu và muối trộn đều, đặt vào rốn, buộc chặt lại là khỏi.

11. Kinh trị da thâm den (hắc đản):

Thiên hoa phấn 1 thăng giã nhỏ, vắt lấy nước cốt 6 chung, uống dần dần.

12. Kinh trị chứng da vàng rất nguy hiểm:

Gà trống to, lấy dao mổ trên lưng, để cả lông và huyết nhân lúc còn nóng ấp vào ngực bệnh nhân, nguội thì làm con khác, ngày đổi 3, 4 con thì hút hết tính độc ra, còn gà thì đem chôn đi chớ cho người khác ăn rất độc.

13. Kinh trị chứng tích rượu vàng khắp mình

- *Rễ hoa hiên*, giã vắt lấy nước cốt mà uống, hay lắm.

- *Nhân trần* 4 gốc, *Dành dành* 7 quả, Ốc bươu 1 con, cả vỏ. Ba thứ đều giã nát, nấu sôi 100 dạo, hòa vào một bát rượu mà uống, đây là phương thuốc bí truyền (13).

- *Nhân trần* 1 lạng, rượu ngon 1 chén rưỡi. Sắc lấy 8 phần uống nóng vào lúc xa bữa ăn, chỉ uống vài lần là khỏi.

- Kinh phương: *Hạt gấc* mài vào giấm (1 - 2 chén)[1] uống.

HẾT QUYỂN V

---

1 Chú ý: Trong các phương trên, tác giả dùng cây *Nhân trần nam* trừ thấp lợi tiểu, thay *Nhân trần cao* của Trung Quốc đã phối hợp với các vị thuốc thanh nhiệt để điều trị cả các bệnh vàng da mới phát (viêm gan truyền nhiễm thuộc thể Dương hoàng) và giảm bớt vị cay hăng của Nhân trần nam gây khô háo (xem chú thích số 3 quyển đầu và hình vẽ để phân biệt).

Bảng IV

Cát sâm
(nam sâm)

Mu bội tử
sinh trên cây Muối

Ngũ vị nam
na rừng

Nhân trần cao
Trung Quốc

Nhân trần nam

Nhân trần Bồ Bồ

Núc nác

Rau dệu

NAM DƯỢC THẦN HIỆU

Mười khoa chữa bệnh

QUYỂN VI

CÁC BỆNH CHÍN KHIẾU

I - BỆNH MẮT (1)

Mắt của con người ví như mặt trăng của thiên nhiên, hợp chất của ngũ hành mà thành hình thể, hợp khí của âm dương mà thành tinh quang cho nên lúc thường thì sáng suốt, trái thường thì màng mộng kéo lên. Bệnh ở mặt có chia từng bộ phận khác nhau, như con ngươi thuộc thận, thân hư thì chảy nước mắt, khóe mắt thuộc can, can phong thì chảy nước mắt sống, tròng mắt thuộc phế, phế hàn thì tia máu che lấp tròng, mí trên mí dưới thuộc tỳ, tỳ hàn thì có lông quặm, 4 khóe mắt thuộc tâm, tâm nhiệt thì con ngươi bé lại mộng thịt nổi lên.

Phàm nội thương thất tình hoặc ngoại cảm lục dâm đều có thể gây ra bệnh ở mắt, mặc dù bệnh nhiều chứng, phép chữa nhiều đường, nhưng tổng quát không ngoài chữ "nhiệt". Nay tùy chứng soạn những phương sau đây để thầy thuốc tùy nghi sử dụng.

1. Truyền trị chứng tâm can tích nhiệt làm cho mắt sưng đau đỏ, màng che lấp tròng, mắt có ghèn và quáng mắt.

- *Hạt ích mẫu, Hạt mồng gà đuôi mang, quả Quan âm, Thảo quyết minh, Hạt mã đề...* Các vị đều bằng nhau, sao tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 30 - 40 viên, uống với nước chè sau bữa ăn.

- Không có *Hạt mồng gà đuôi mang, quả Quan âm,* mà thêm *Hoa cúc, Qủa dành dành,* sắc cho uống cũng được.

2. Kinh trị chứng đau mắt đỏ màng chói che khuất tròng.

- *Thạch xương bồ,* giã sống vắt lấy nước cốt, đun nhỏ lửa cô thành cao, mỗi ngày thường nhỏ vào mắt là công hiệu.

3. Kinh trị chứng khí huyết đều hư, can hư mắt kéo màng, tròng trắng đều đỏ, tối đến đau nhói như gà mổ:

- *Ốc cứu khống* nung thành vôi, *Cỏ tháp bút* sao khô. Hai vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân, dùng 3 lát gừng, 1 quả táo nấu làm thang uống với thuốc, rồi ăn luôn cả bã, ngày uống 2 lần, rất hay.

4. Kinh trị chứng kéo màng mắt mờ:

Nước mật heo, để trong lọ sành, nhỏ lửa, cô đặc như bùn viên bằng hạt gạo, mỗi lần dùng 1 hạt nhét vào trong mắt, hoặc mắt nóng sưng đỏ thì lấy 3 đồng tiền cổ, cùng cô với thuốc cho đặc, rồi bỏ tiền, dùng nước mật heo mà nhỏ vào mắt, rất hay.

5. Kinh trị chứng đau mắt có màng mộng và chứng thong manh không trông thấy gì:

- *Phân dơi* đãi sạch, lấy thứ nước lắng dưới, dồn vào gan heo nấu chín mà ăn, lại uống cả gan heo ấy rất hay.

---

1. Đây việc dịch thuật còn giữ nguyên các điểm của nội dung, với tinh thần tôn cổ để phục vụ việc nghiên cứu, nhưng việc thừa kế ứng dụng phải có sự chọn lọc theo thực tiễn lâm sàng và khoa học hiện đại; nhất là đối với các vị thuốc có độc, việc xử trí các bệnh chuyên khoa mắt tai mũi họng và phế chữa ngoài cùng thuốc đắp rỏ mắt, cần hết sức thận trọng để tránh nguy hại.

- *Dạ minh sa* đãi sạch, sao với gạo nếp cho vàng 1 lạng, *Trắc bá diệp* 1 lạng. Cùng tán nhỏ, hòa với mật nước bò làm viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần uống 20 viên khi đi ngủ, sắc nước lá tre làm thang, uống lúc canh năm thì uống với nước cơm, uống đến khỏi thì thôi.

6. Kinh trị chứng mắt tối mờ không trông thấy gì chứng chảy nước mắt sống không ngừng và chứng thong manh, chứng mờ mắt, nhiều người cùng mắc:

Phúc bồn tử phơi khô, nghiền rất nhỏ, dùng lụa mỏng bọc lại, tẩm vào sữa người sinh con trai trong 4 tiếng đồng hồ lọc lấy nước sữa ấy mà tra vào mắt mỗi ngày 2 lần, chỉ độ 5 ngày, mắt sẽ trông như người trẻ tuổi, kiêng rượu bún tàu và dầu mỡ.

7. Kinh trị chứng thong manh bằng cách rửa. Xưa có người đau mắt 20 năm dùng bài này hai năm thì mắt lại sáng như cũ:

- *Lá dâu tươi* hái đem về giã nát, phơi khô đốt tồn tính, nấu lấy nước mà rửa.

- *Cành dâu* đốt thành tro, mỗi lần dùng 1 vốc, nước 1 bát, sắc còn 6, 7 phân đổ ra lắng trong, thừa đang nóng rửa mắt, rửa được 100 lần, là khỏi. Đã kinh nghiệm.

8. Kinh trị mắt mù 30 năm:

Hạt tật lê, ngày 7 tháng 7 âm lịch thì hái phơi râm cho khô, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân, ngày uống 2 lần, uống sau bữa ăn dần dần sẽ khỏi.

9. Kinh trị chứng can hư mắt mờ:

Thỏ ty tử, 3 lạng, ngâm rượu 3 ngày, phơi khô tán nhỏ, hòa với lòng trắng trứng gà làm viên bằng hạt ngô đồng, môi xlần uống 30 viên với rượu nóng vào lúc đói.

Đom đóm 31 con, cấu bỏ cánh, chân, dồn vào mật con cá gáy to phơi râm 100 ngày, cho khô, tán nhỏ, mỗi lần dùng chút ít, điểm vào mắt, rất công hiệu.

10. Kinh trị mù mắt đã lâu năm:

Thảo quyết minh 2 tháng, tán nhỏ, mỗi lần ăn cơm xong dùng 2 đồng cân hòa với cháo mà ăn, dần dần sẽ kết quả.

11. Kinh trị can hư mắt mờ hễ ra gió thì chảy nước mắt:

Đậu đen đãi sạch dồn vào một cái mật bò đực (đã lấy sẵn từ tháng chạp) đem treo trước gió cho khô, mỗi lần uống 27 hạt, uống lâu là lành.

12. Kinh trị chứng mắt mù quáng:

Qủa kẻ đầu ngựa; 1 tháng, phơi khô, tán nhỏ thường nấu cháo với gạo mà ăn rất hay, kiêng thịt heo.

13. Kinh trị chứng thong manh, trông không thấy gì:

Mật chuột cống 2 cái, *Mật cá gáy* 2 cái. Tích lấy hòa đều mà nhỏ vào mắt, lành thì thôi.

14. Kinh trị bỗng nhiên mắt không trông thấy:

Lấy đồng tiền cổ, và đặt lên viên đá mài, cho nước vào, mài ra nước đặc đem nhỏ vào mắt là sáng.

15. Kinh trị sau khi sốt nóng dữ dội rồi ăn phải đồ cay nóng, mắt mờ tối:

Cá diếc, nấu canh cho nhiều mà ăn thường xuyên là rất hay.

16. Kinh trị đau mắt mới khỏi mắt lòa:

Mật dê, thường dùng nhỏ mắt là sẽ khỏi.

17. Kinh trị mắt nổi mộng thịt kéo căng màng trắng, đỏ:

Rau sam, 1 nắm to, rửa sạch giã nát, cho trộn thêm *Phác tiêu,* lấy lụa gói lại đắp lên mắt, thì công hiệu.

18. Kinh trị tròng mắt trắng có vành trong suốt:

- *Mật ong sống* dùng chút ít nhỏ vào mắt, nằm ngửa, nửa ngày mới rửa, mỗi ngày nhỏ một lần, nhỏ 3 lần là lành.

Cỏ xước (lá và rễ), giã sông gạn lấy nước cốt, ngày nhỏ vào mắt 3 - 4 lần.

19. Kinh trị chứng thong manh, quáng gà:

Thảo quyết minh, 1 thăng, *Địa phu tử* 5 lạng. Tán nhỏ, nước cơm trộn làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20, 30 viên với nước cơm, rất hay.

20. Kinh trị chứng quáng gà, lúc nhá nhem tối không thấy gì:

- *Rêu đất,* lấy ngày 7 tháng 7 hay ngày 9 tháng 9 âm lịch phơi khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, ngày uống 3 lần, 1 tháng là lành.

- *Hạt cải tía* sao đen tán nhỏ, mỗi lần dùng 3 đồng cân, nghiền lẫn với 1/8 cái gan dê, lấy mo nang tre non ốp lại buộc kĩ đổ nước vào luộc chín, để nguội, ăn lúc đói, uống luôn nước luộc ấy, mỗi tháng ăn vài cái gan dê là khỏi.

21. Kinh trị bệnh mới khỏi mắt sinh màng:

- *Bạch hoa cúc, Thiền thoái* (cắt bỏ đầu chân). Hai vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 - 3 đồng cân, uống với nước cơ trộn một ít mật ong, đã kinh nghiệm.

- *Mai mực* tán mịn, hòa *mật ong* nhỏ vào mắt. Phương này còn dùng chữa cả bệnh hay chảy nước mắt.

Đậu sị 14 hạt, đốt tồn tính, nghiền nhỏ mà uống thì tốt.

22. Kinh trị tròng mắt sinh quầng, không kể lâu hay mới mắc:

Mật cá gáy to, trích cho chảy mật trên cái mâm đồng, phơi râm cho khô, cho nó lên rỉ xanh dùng dao tre cạo lấy, nghiền cực nhỏ tra vào mắt là khỏi.

23. Kinh trị mắt sinh màng mộng:

Lấy một hột củ cải, nhẹ tay để vào trong mắt, một lát lấy nước giếng ban mai hòa với lòng trắng trứng gà mà rửa lại thì sáng. (2)

24. Kinh trị mắt đỏ kéo màng:

Mật cá trắm, thường nhỏ vào mắt, rất hay.

25. Kinh trị trong mắt hơi có màng:

- *Lá mã đề,* lá *Câu kỷ,* hai vị đều nhau, vò nát gói 2 lớp lá dâu, treo chỗ kín một đêm vắt lấy nước cốt nhỏ vào mắt, chỉ làm 5, 3 lần là lành.

- Chỉ dùng lá *Mã đề* cũng được.

26. Kinh trị can hư, mắt không trông xa được:

- *Gan lợn* 1 cái bỏ màng da, thái mỏng. Hành tăm 1 nắm, *Đậu sị* 1 vốc. Đổ nước vào nấu canh. Chờ chín thì đập cho vào 3 quả trứng gà mà ăn, ăn mãi đến lành thì thôi.

---

2. Tồn lưu để biết mà không nên dùng.

27. Kinh trị chứng mắt toét:

- *Bạc hà,* tẩm nước gừng một đêm, phơi khô tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân, nấu sôi lên rửa mặt.

- *Hạt hòe,* dồn vào mật bò, phơi râm 100 ngày, mỗi lần dùng 1 hạt uống sau bữa ăn, uống được 10 ngày thời mắt sáng, người nhẹ nhàng.

28. Kinh trị mắt đỏ sưng toét:

- *Rỉ đồng xanh,* nghiền nhỏ đem trộn với nước đem phêt trong lòng cái bát, lại dùng ngải cứu lâu năm đốt xông lên lòng cái bát ấy rồi cạo lấy khói, mỗi khi dùng một ít bôi vào chỗ mắt loét, rất hay.

29. Kinh trị mắt đỏ sưng vù:

Rỉ đồng xanh, đất sét, Phác tiêu. Ba vị đều bằng nhau, tán nhỏ, luyện với nước làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 1 viên, hòa tan nước mà rửa mắt.

30. Kinh trị mắt bị nhiệt độc, đỏ đau, hơi sưng:

Đậu đen 1 thăng, chia đựng vào 1 cái túi, nhúng vào nước sôi, thừa nóng chườm vào, nguội thì thay túi khác. Làm được vài 3 ngày thì lành.

31. Kinh trị mắt sưng đỏ ngầu:

Gừng sống 1 củ, lấy một đồng tiền cổ nhét vào trong củ gừng rồi lấy ra chấm đồng tiền vào mắt cho chảy nước mắt, nay làm thì mai lành.

32. Truyền trị chứng đau mắt hỏa, sưng đỏ, hoặc bị phạm phòng, mắt đau liên miên không khỏi.

- Hạt *dành dành,* bất cứ nhiều ít, tẩm nước tiểu trẻ em, hoặc tán bột uống với nước cơm, rất công hiệu.

33. Kinh trị mắt bỗng nhiên sưng đỏ:

- *Xuyên sơn giáp* 1 vảy, tán nhỏ, rải trên tờ giấy trắng, cuộn lại, đốt lấy khói mà xông mắt, thì khỏi.

- *Sữa người* nửa chung *Đồng tiền cổ* 10 đồng, cho vào trong cái đồ bằng đồng sạch, mài cho ra nước xanh, chưng cách thủy, súc một cái lọ sạch mà đựng, mỗi ngày tra vào mắt vài lần, là công hiệu.

- *Lá mã đề* giã lấy nước cốt, hòa với một ít bột *Phác tiêu* lúc sắp đi ngủ bôi trên mí thử nghiêng mắt, sáng hôm sau rửa sạch, cứ làm như vậy mãi đến lành thì thôi.

- *Dưa bở* đã già ngày 5 tháng 5 hái lấy 1 quả, khoét một lỗ nhỏ ở đầu, móc bỏ ruột, nhét vị *Mang tiêu* vào cho đầy, treo chỗ im mát, chờ khi *Mang tiêu* thấu ra ngoài vỏ thì cạo lấy cất đi, khi dùng thì hòa với 1 lít nước trà bôi hai bên huyệt Thái dương, khô thì làm nữa, một đêm thì khỏi.

- *Hoàng đằng* 1 đồng cân cạo bỏ vỏ khô, *Phèn chua* chút ít. Cùng tán nhỏ, nước sôi 1 bát, chưng cách thủy, chờ nguội, dùng tra vào mắt, rất hay.

- *Hạt muồng* tán nhỏ hòa nước chè, đổ 2 huyệt thái dương, khô lại đổ tiếp, 1 đêm sẽ khỏi.

- *Thạch liên nhục* bỏ vỏ và tìm một vóc, tán nhỏ, nấu cháo với gạo tẻ thường ăn, rất hay.

- *Lá phù dung* giã nát, dịt vào huyệt thái dương, gọi là cao thanh lương.

- *Nhân trần, Hạt mã đề,* hai vị bằng nhau tán nhỏ uống với nước chè, hoặc sắc nước uống, vài lần là công hiệu.

- *Lá ngải cứu*, đốt lên khói, lấy bát sành úp lại, đốt cháy hết khói mang ra đổ nước nóng vào cho hòa tan mà rửa mắt là khỏi ngay, cho thêm *Hoàng liên* càng tốt.

Mỗi buổi sáng mang chén ra hứng lấy những giọt *sương* trên các lá cây, (gọi là *thiên lộ thủy*), nằm ngửa thường tra vào mắt, hoặc lấy *sương* ở lá dâu thì tốt.

- *Trùn đất* 10 con, nướng khô tán nhỏ, lúc sắp đi ngủ uống với nước trà để nguội.

34. Kinh trị chứng mí mắt sưng đau kịch liệt:

Gừng già 1 củ, giã vắt lấy nước cốt. *Khô phèn* tán nhỏ hòa dẻo như bùn đắp vào mí mắt, một lúc là hết sưng (chớ dính vào mắt).

35. Kinh trị chảy nước mắt sống luôn không ráo:

Mộc nhĩ 1 lạng, đốt tồn tính. *Mộc tắc* 1 lạng. Đều tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước vo gạo đun sôi là lành.

36. Kinh trị chứng mắt mờ hay ra nước mắt:

- *Mộc tặc* bỏ mắt. *Thương truật* tẩm với nước vo gạo. Hai vị bằng nhau, sao tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước chè.

- Phương trên luyện mật làm viên cho uống cũng hay.

37. Kinh trị chứng đau mắt gió hay chảy nước mắt:

Hái lá dâu (thứ còn trên cây lúc tháng chạp) hãm lấy nước mà rửa hàng ngày, hoặc thêm chút *Mang tiêu* (3) rất hay.

38. Kinh trị chứng mắt trít lại khó mở:

Hoa và hạt cây *Thanh hao* hái vào ngày thanh minh hoặc ngày đoan ngọ phơi râm tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với nước giếng vào lúc đói bụng, uống lâu ngày thì sáng mắt, đến tối cũng có thể thấy được.

39. Kinh trị chứng lông quặm chọc vào mắt, do phong nhập tỳ kinh, mắt ngứa phải lấy tay dụi, lâu ngày mí mắt đỏ loét, lông quặm chọc vào:

Nhân hạt gấc 1 cái, giã nát, lấy túi lụa gói lại nhét vào lỗ mũi, đau bên này thì nhét bên kia, thì lông sẽ chìa ra, không quặm vào mắt nữa.

40. Kinh trị con bọ mạt vào mắt:

- *Thạch xương bồ* giã nát, đau mắt trái thì nhét mũi bên phải, đau mắt phải thì nhét mũi bên trái.

- *Rau cải* giã vắt lấy nước cốt, giỏ vào mắt, rất hay.

41. Kinh trị bụi bặm và tạp vật vào mắt không ra:

- *Phân tằm* 10 viên, dúng vào nước mới múc mà nuốt vào lúc đói (chớ nhai).

- *Mỡ heo*, đổ nước vào luộc, để cho mỡ nổi lên mặt nước, nào người bệnh nằm ngửa (đầu dốc xuống) lấy nước váng mỡ ấy nhỏ vào mũi vài ba lần thì bụi bặm và tạp vật sẽ ra.

- *Con sùng đất* giã nát, đắp lên ngoài mắt, bụi sẽ ra.

- *Vỏ rễ dâu* giã nhỏ như tơ, lùa quét vào ắt bụi sẽ ra.

- *Rau sam* hái thứ mọc về phương đông, đốt cháy nghiền nhỏ, điểm chút ớt vào đầu khóe mắt, thì bụi ra liền.

---

3. Mang tiêu là Phác tiêu tinh chế, muối Natri kết tinh (Mirabilita).

42. Kinh trị bụi lau vào mắt:

Ngó sen tươi giã vắt lấy nước cốt nhỏ vào mắt.

43. Kinh trị tròng mắt bị vật cứng chọc vỡ và con ngươi bị thủng cũng chữa khỏi.

Hứng *nước đái trâu, bò*, mỗi ngày nhỏ 2, 3 lần, tránh ra nắng và gió to.

44. Phương thuốc kinh nghiệm dùng rửa mắt thường xuyên:

Mang tiêu 6 đồng cân, nước 1 bát, hòa tan, lắng lấy nước trong, dùng rửa mỗi buổi sáng sớm khi ngủ dậy.

45. Truyền trị đau mắt, chảy nước mắt, mắt khó mở:

Lá dành dành giã nhỏ, chế ít nước vào, lắng thật đặc, rồi hòa vào một chút *phèn phi*, dùng giỏ mắt, rất hay.

II - BỆNH TAI

Tai là cửa ngõ của thận, quan hệ với thận mà thông đến não, hai khí "Khảm" và "Ly"(4) Ý nói thận khí và tâm khí không giao thông với nhau.giao thông với nhau giữ chức trách "Nghe", cho nên tai nghe rõ ràng là biểu hiện thận bình hòa, tai ù tai điếc, tai sưng đau là dấu hiệu thận bị bệnh, nên tùy chứng chọn phương mà chữa.

1. Kinh trị tai đau quá như có sâu bò, hoặc chảy máu mủ, hoặc khô ráo đau nhức:

Xác rắn đốt tán nhỏ, lấy lông ngỗng cắt làm ống, xúc thuốc thổi vào lỗ tai, hay lắm.

2. Kinh trị bỗng nhiên đau trong lỗ tai:

- *Nước mài dao* dùng nhỏ vào lỗ tai chỉ 5, 3 lần là lành.

- Vỏ trứng gà bỏ vào nồi đổ ngập nước lá (sen) bịt lại cho kín, nấu sôi lấy ống trúc chọc thủng lá sen dẫn hơi ống trúc lên, xông vào lỗ tai là lành.

- *Nghệ vàng*, mài ra nước đặc, đổ một vào trong lỗ tai rồi nghiêng tai cho chảy ra là lành.

- Dùng ống trúc đâm vào giữa cây chuối, rút lấy nước ấy nhỏ vào lỗ tai là yên.

- Dùng *máu lươn*, nhỏ vào lỗ tai 3, 4 giọt là lành.

3. Kinh trị tai đau chảy mủ:

Rễ cây liễu, giã nát, nhét vào lỗ tai, khô lại thay cái khác rất hay.

4. Kinh trị tai đau, tai điếc:

Xuyên sơn giáp 2 cái, *Dế nhũi* 2 con. Đều sao vàng chảy, tán nhỏ, mỗi lần dùng một hai phân, thổi vào tai là lành.

5. Kinh trị tai bỗng nhiên đau nhức và chữa cả chứng ù tai do phong nhiệt:

Muối 1 thăng, rang nóng lấy vải gói lại mà gối, nguội lại thay cái khác, đến lành thì thôi.

---

4. 2 quẻ trong 8 quẻ của Kinh Dịch: Khảm thuộc về thủy tức là thận thủy. Ly thuộc hỏa tức tâm hỏa. Ý nói thận khí và tâm khí không giao thông với nhau.

6. Kinh trị bỗng nhiên tai sưng nóng:

Nhân hạt gấc 1 lạng. *Đậu đỏ* 5 đồng, *Đại hoàng* 5 đồng. Tán nhỏ, mỗi lần dùng chut ít trộn với dầu vừng mà rịt rất hay.

7. Kinh trị lỗ tai chảy máu:

Bồ hoàng, sao cháy đem tán nhỏ, rắc vào bông xơ cuộn lại nhét vào rất hay.

8. Kinh trị tai bỗng nhiên điếc và trị thận hư tai điếc:

- *Đá nam châm*, nửa đồng cân, lấy miếng lụa gói lại, nhét vào trong lỗ tai bên không điếc, lại lấy mạt sắt gói lại nhét vào bên tai điếc tự nhiên tai sẽ thông suốt.

- *Đá nam châm* 1 phần, *Xuyên sơn giáp* đốt tồn tính 2 phần. Đều tán nhỏ dùng mảnh lụa gói lại nhét vào lỗ tai, miệng ngậm một khối sắt mới, nghe trong tai ầm ầm như tiếng mưa là thông.

9. Kinh trị tai điếc sau cơn ốm mới khỏi:

Thạch xương bồ tươi, giã nát vắt lấy nước nhỏ vào lỗ tai là lành.

10. Kinh trị thận hư tai điếc đã 10 năm, uống thuốc này 2 lần là thông.

Bọ cạp (thứ nhỏ) 49 con, *Gừng sống* 49 lát. Hai vị bằng nhau sao khô tán nhỏ chia làm hai lần uống với rượu, đến lúc canh hai lại uống lần nữa đến say mới thôi, sáng hôm sau trong tai hết nghe tiếng lùng bùng là kiến hiệu.

11. Kinh trị bỗng nhiên tai điếc:

- *Thạch xương bồ* 1 tấc, *Ba đậu* 1 hạt, bỏ lõi tán nhỏ, làm thành 7 viên, mỗi lần dùng 1 viên, bọc bông lại mà nhét vào trong lỗ tai, ngày thay 1 lần, công hiệu.

- Phương trên bỏ *Ba đậu* dùng hạt *Thầu dầu*.

- *Xuyên tiêu*, *Tùng chi*, *Xương bồ*, *Ba đậu*. Các vị đều nhau tán nhỏ, dùng sáp ong nấu chảy ra nước, bỏ bột thuốc vào làm viên nhét vào lỗ tai, mỗi ngày thay một lần rất hay.

- *Giấy trứng tằm* 1 tờ. Cho 3 đồng cân *Xạ hương*, cuộn thành cái mồi đốt lửa cho cắm vào trong ống tre, đút vào trong lỗ tai mà xông, 3 lần là nghe được.

- *Nhựa thông* bỏ vào nồi đất mà nấu đến khi nhỏ vào nước không tan, 3 lạng. *Hạt ba đậu* 1 lạng. Hai vị giã nhỏ cùng làm viên bằng ngón tay, dùng mảnh vải thưa bọc lại mà nhét vào tai, ngày thay 2 lần, ít lâu sẽ thông.

- *Mỡ ngỗng trắng* 1 đồng cân, *Đá nam châm* 3 phân, *Xạ hương* chút ít, nghiền đều, lấy bông xe lại thành thoi dài, nhét vào lỗ tai rồi dùng một ít sắt mới mà ngậm 4, 5 lần là công hiệu.

- *Nước mật chuột*, nhỏ vào lỗ tai, chỉ dùng hết 2, 3 cái, đợi đến lúc thấy trong tai như có tiếng sấm vang thì thông.

- *Hạt thầu dầu* 100 hạt, *Đại táo* 15 quả, hai thứ giã nát hòa với sữa làm viên, mỗi lần lấy lụa gói 1 viên nhét vào lỗ tai, ngày thay 1 lần, 20 lần là lành.

- *Hạt cải* tán nhỏ hòa với sữa làm viên lấy lụa gói lại, nhét vào tai, ngày thay một lần công hiệu.

- *Dầu mè*, mỗi ngày tra vào lỗ tai 4 - 5 lần, mỗi lần 1, 2 giọt, đợi cho trong tai hết tắc là lành.

- *Hương phụ* tán nhỏ, *Hạt củ cải* sao. Sắc lên, sáng và tối đều uống 2 đồng cân, rất công hiệu, kiêng đồ sắt.

12. Kinh trị tai tiếc tai ù:

Cây tô rông thái ra từng miếng nhỏ sao nóng nhét vào tai là khỏi.

13. Kinh trị tai nóng bừng bừng:

- *Thiên hoa phấn*, vốt nhọn bỏ vào mỡ heo mùa đông đun sôi 3 dạo, nhét vào lỗ tai 3 ngày là khỏi.

14. Kinh trị thối tai chảy mủ

- *Rết* 1 con, phơi khô tán nhỏ, thổi vào tai là công hiệu.

- *Ích mẫu* giã nát, vắt lấy nước cốt nhỏ vào lỗ tai là lành.

- *Hoa hồng*, tán nhỏ, lấy bông hoặc giấy, thấm cho sạch mủ, thổi thuốc vào, hoặc lấy *phèn phi* 5 phân, *Hồng hoa* 3 phân rưỡi, tán nhỏ thổi vào, càng hay.

Bọ ngựa cây dâu 1 cái (con), đốt tồn tính. *Xạ hương* 1 phân, nghiền nhỏ thổi vào trong tai là yên.

- *Hương phụ*, tán nhỏ, lấy bông gói lại nhét vào tai là công hiệu.

- *Lá hẹ* giã vắt lấy nước, ngày nhỏ vào tai 3, 4 lần là khỏi.

- *Thanh bì* đốt cháy tán nhỏ, lấy lụa gói lại nhét vào tai, ngày thay một lần là lành.

- *Đất lòng bếp* tán nhỏ, dùng lụa gói lại, nhét vào tai, ngày thay 3 lần rất công hiệu

- *Thanh hao*, tán nhỏ, dùng lụa gói lại, nhét vào tai là khỏ ngay.

- *Đào nhân* sao vàng tán nhỏ dùng lụa gói lại nhét vào lỗ tai, ngày thay 1 lần là khỏi

- *Hạt cau khô*, tán nhỏ, dùng thổi vào tai là khỏi.

15. Kinh trị chứng nhọt mọc trong tai:

- *Chất trắng trong cứt gà*, sao vàng tán nhỏ rắc vào tai thì khỏi.

16. Kinh trị trẻ em bị cào cào ăn tai:

- *Trùn đất*, đốt tồn tính tán nhỏ trộn với mỡ heo mà bôi, rất hay.

- *Cứt trùn*, cách làm cũng như trên.

- *Trứng gà* 3 - 4 quả luộc chín lấy lòng đỏ rán ra dầu mà bôi rất hay.

17. Kinh trị mùa rét cóng nứt tai:

Gừng sống, dùng nhiều giã vắt lấy nước cốt cô lại thành cao mà bôi, rất hay.

18. Truyền trị tai đau như dùi đâm:

- *Lá Bạch đàn* sống thâm nước giã nát đem dán giữa rốn thì khỏi. Khi bụng dưới nghe sôi thì phải lấy thuốc ra ngay, chớ để lâu mà sinh lở rốn.

III - BỆNH MŨI

Mũi là cửa ngõ của phổi, bình thường thì ngửi được mùi thơm, thối, thở ra hít vào được thông sướng, nếu trái thường trong bị thất tình làm thương tổn ngoài bị khí lục dâm xâm

1. Kinh trị trong lỗ mũi sinh cục thịt thừa:

- *Cuống dưa đá*, tán nhỏ thổi vào lỗ mũi ngày 3 lần, thì thôi.

- *Lá lốt* tán nhỏ, mỗi lần dùng chút ít, thổi vào trong lỗ mũi.

- *Thạch xương bồ, Tạo giác*. Đều nhau, tán nhỏ, lấy lụa gói lại nhét trong lỗ mũi, nằm ngửa giây lát thì khỏi.

- *Lông đuôi trâu trắng, Lá chanh*. Hai vị đều nhau, đốt tồn tính, tán nhỏ thổi vào trong lỗ mũi, nếu như có ra máu thì thêm *Sơn chi tử* cùng nghiền mà thổi vào.

- *Nam tinh* (thái mỏng, ngâm nước sôi 2, 3 lần, sao khô) 2 đồng cân, *Đại táo* 7 quả, *Cam thảo* 5 phân. Sắc cho uống 3 - 4 lần thì vật trong mũi tự rơi ra, nào khi được chuyển động, nước mũi tự rút hết. Lại dùng *tỏi* và *lá lốt* giã nát, nặn thành bánh, vải thô gói lại đặt trên mộ ác, ngoài dùng cái âu đồng trong có đựng than nóng chườm lên miếng thuốc, sẽ khỏi tuyệt nọc.

2. Truyền trị chứng cam mũi ra nước hôi thối không lúc nào dứt:

- *Hạt nhãn*, đốt lên khói, dùng cái ống trúc dẫn cho khói vào mũi mà xông, rất hay.

- *Kê đầu ngựa*, sao tán nhỏ, liều dùng 1,2 đồng cân uống với nước nóng hay lắm. Kiêng ăn thịt heo.

3. Kinh trị người già và người trẻ bị chứng não lậu chảy nước luôn, không khô:

- *Tỏi* 4 - 5 củ, giã nát như bùn, rịt vào lòng bàn chân, băng chặt, nước mũi tự nhiên ráo.

4. Kinh trị cam mũi, mũi lở loét dần dần lan cả môi mép:

- *Mạt bạc 1 lạng, nước 3 bát* sắc còn 1 bát, ngày rửa 3 lần là khỏi.

- *Rỉ đồng, Phèn phi*. Hai vị bằng nhau, tán nhỏ bôi vào, hay lắm.

- *Gạc hươu* 2 phân, *Phèn phi* 2 phân, *Tóc rối* 1 phân, đốt trên đèn cho cháy thành tro. Các vị đều nhau tán nhỏ, trước dùng *Hoa tiêu* nấu nước rửa chỗ loét cho sạch rồi rắc thuốc bột vào, ngày làm 3 lần là khỏi. Hoặc vết loét không thu miệng không khô được thì dùng rêu ngói, đốt tồn tính, tán nhỏ, rắc vào là thu miệng ngay, rất hay.

- *Dây mướp*, (lấy đoạn gần gốc) 5,3 thước, đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu ấm. Hết thì thôi.

5. Kinh trị ngoài mũi nổi mụn nhọt, chảy máu mũi:

- *Tổ ong*, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, ngày uống 3 lần, hay lắm.

6. Kinh trị mũi tắc hoặc chảy nước hôi thối:

- *Muội nồi* (nhọ nghẹ), tán nhỏ mỗi lần uống 1 đồng cân với nước múc là khỏi.

7. Kinh trị mũi tắc không thông vì phế khí xông lên mà sinh ra:

- *Qua màng tang*, 5 đồng cân. *Lá bạc hà* 3 đồng cân, *Hoa kinh giới* 1 đồng rưỡi. Đều tán nhỏ, thắng mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 1 viên, thường thường ngậm nuốt thì tự lành.

- *Lá hòe* 1 nắm. Nước 1 bát. Sắc còn phân nửa, rồi bỏ thêm 3 *củ hành*, một vốc đậu si lại đun sôi, uống nóng sau bữa ăn, đến bệnh lành thì thôi.

Qua bồ kết, nướng tán nhỏ, thổi vào lỗ mũi để gây nhảy mũi là lành

- Phương trên gia thêm *Xương bồ* (phân lượng ngang với bồ kết), *Kinh giới* bằng một nửa, tán nhỏ, lấy vải gói lại, nhét lỗ mũi, nằm ngửa, giây lát sẽ kiến hiệu.

- *Hạt thầu dầu,* 200 hoặc 300 hạt. *Đại táo 10 quả.* Đều giã nát lấy lụa bọc lại nhét lỗ mũi, mỗi ngày thay 1 lần, không quá 1 tháng thì biết được mùi thơm thôi.

8. Kinh trị mũi nghẹt không thông, và mọc thịt thừa:

- *Can Khương* tán nhỏ, thắng mật làm viên, nhét vào lỗ mũi, ngày thay một lần, kiến hiệu.

9. Truyền trị chứng phong đỏ mũi.

- *Lưu hoàng, Phèn chua* Đều nhau, tán nhỏ dùng *quả cà,* giã nát, vắt lấy nước, hòa với thuốc bột mà đắp vào mũi thì lành.

- Y phương trên, nhưng không dùng *Lưu hoàng.*

IV - BỆNH MIỆNG, LƯỠI

Miệng lưỡi sinh bệnh là: Hoặc lưỡi sưng thành hai (trùng thiệt), hoặc lưỡi cứng (mộc thiệt), hoặc lưỡi sinh mụn lở loét, hoặc thè lưỡi ra không thu vào được, hoặc lưỡi co rút không nói được. Sách Nội kinh nói: "Can nhiệt thì miệng cay, thận nhiệt thì miệng mặn". Nhưng nói tóm lại miệng lưỡi lở loét là do bệnh "*nhiệt*", lưỡi sưng thành hai, lưỡi cứng là tỳ khí trệ và kiêm phong nhiệt mà sinh bệnh, lưỡi thè ra là khí dương quá mạnh, lưỡi rút lại là khí âm quá mạnh, người chữa bệnh càng phải hiểu thật rành mạch.

1. Kinh trị miệng lưỡi lở loét:

- *Ngưu tất* tẩm rượu, ngậm nuốt nước cũng được, hoặc sắc lấy nước mà uống.

- *Lá chàm,* giã sống vắt lấy nước mà rửa, hoặc bôi vào chỗ đau ngày làm nhiều lần, ba ngày là khỏi.

- *Củ cải* tươi giã vắt lấy nước cốt, mỗi ngày thường ngậm súc miệng nhổ đi là lành.

- *Tóc rối, Tổ ong, Xác rắn.* Đều bằng nhau, đốt tồn tính, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, uống ba lần là khỏi.

- *Qùa bồ hòn* dùng cả nhân và hạt đốt tán nhỏ mà rắc vào hay lắm.

- *Đậu si.* sao cháy, tán nhỏ mà ngậm, chỉ một đêm là lành.

- *Rễ tâm xuân* rửa sạch, sắc lấy nước đặc, ngậm lúc nước còn ấm, rồi súc miệng mà nhổ đi. Mùa đông thì dùng vỏ, rễ, mùa hè thì dùng cành, lá. Chứng miệng lở lâu ngày, nhiều nước dãi chảy xuống ngực sinh lở mà 3 năm trở lên chưa khỏi, đều lành cả.

2. Kinh trị miệng mũi cam ăn lở thối, dần dần lở thủng môi mép:

- *Mạt bạc* 1 lạng, nước 3 thăng, cho vào nồi đồng, sắc lấy 1 thăng, ngày rửa 3 - 4 lần là khỏi.

3. Kinh trị lở miệng vì uống rượu

- *Ốc bươu,* nâu lấy nước và uống thì tự lành.

4. Kinh trị chứng thối mồm.

- *Hương nhu,* 1 nắm, sắc lấy nước đặc mà ngậm.

- *Hoắc hương,* rửa sạch, nấu lấy nước thường ngậm và súc miệng, rất công hiệu.

- *Nhục quế, Hương phụ, Ô mai, Trần bì.* Đều bằng nhau, tán nhỏ, dùng nước gừng và mật làm viên bằng đầu ngón tay, mỗi lần dùng 1 viên ngậm cho tan dần.

- *Qùa mơ khô,* thường ngậm rất hay.

- *Hạt dưa đỏ,* hoặc dưa hấu, bỏ vỏ thái mỏng, phơi khô, tán nhỏ, viên với mật ong bằng đầu ngón tay, mỗi sáng súc miệng xong thì ngậm 1 viên, hoặc súc miệng rồi xát thuốc vào răng, càng hay.

5. Kinh trị lưỡi rụt, cấm khẩu:

- *Lá ngải cứu* tươi, giã nát mà đắp vào, hoặc lá ngải khô tẩm nước cho ướt mà đắp vào cũng hay.

6. Kinh trị trên lưỡi bỗng nhiên máu phun ra như sợi chỉ:

- *Tóc rối* 2 đồng cân, đốt tán nhỏ, hòa với giấm mà uống, và bôi vào, máu cầm lại ngay.

- *Đậu đỏ* 1 thăng: giã nát hòa vào 3 thăng nước, vắt lấy nước trong, chia ra mà uống, là khỏi.

- *Hạt thầu dầu* gói giấy khẽ đập cho dầu thấm ra cuộn lại làm mồi đốt cho ra khói xông vào mũi, là khỏi bệnh.

- *Hoa hòe,* sao tán nhỏ rắc lên là khỏi ngay.

- *Hương nhu* sắc nước uống 1 thang, ngày uống 3 lần là khỏi.

- *Bồ hoàng sao, Thanh đại,* Hòa bột Thanh đại vào nước sắc Bồ hoàng mà uống và bôi, hoặc gia *mai mực* càng hay.

- *Ba đậu* gói vài lớp giấy, khẽ đập cho dầu thấm ra ở cuộn giấy ấy làm mồi, đốt mà xông rất mau khỏi.

- *Đậu sị* 1 vốc, sắc sôi lên mà uống, ngày làm ba lần, rất công hiệu.

7. Kinh trị lưỡi cứng chảy máu.

- *Mộc tặc,* sắc lấy nước đặc ngâm và súc miệng thì yên.

- *Mai mực* bỏ rìa cứng chung quanh. *Bồ hoàng sao.* Đều bằng nhau, tán nhỏ, rắc vào sẽ cầm máu, tiêu sưng, hay lắm.

8. Kinh trị lưỡi sưng cứng đầy miệng, chậm chữa thì chết:

- *Nhọ nghẹ nồi đồng (muội nồi) muối ăn.* Hai thứ bằng nhau; hòa với nước giếng mà bôi.

- Cũng hai vị thuốc trên, hòa với rượu mà bôi thì rất công hiệu.

- *Bồ hoàng,* tán nhỏ mà xức, từ tối đến sáng là khỏi.

- Phương trên thêm *can khương,* hai vị bằng nhau, tán nhỏ mà bôi.

- *Trùn khoang cổ* 1 con to, cho vào chút muối trùn sẽ hóa ra nước, lấy nước đó mà xức, lâu sẽ tiêu dần.

- *Muội nồi, Bồ hóng, Củ rẻ quạt.* Đều bằng nhau, tán nhỏ, hòa với giấm mà bôi, là lành.

9. Kinh trị lưỡi thè ra ngoài miệng.

- *Hạt thầu dầu,* dùng giấy gói lại, khẽ đập cho dầu thấm ra giấy, cuộn giấy ấy lại làm mồi đốt lửa cho khói xông vào miệng, là lành.

- *Mông gà trống* cắt lấy máu 1 chén mà bôi, lưỡi sẽ thụt vào như cũ.

10. Kinh trị lưỡi bỗng nhiên sưng to.

Giấm trộn với nhọ nồi, bôi lên trên lưỡi, trốc đi lại bôi, một chốc là hết sưng.

11. Kinh trị lưỡi sưng thành hại (trùng nhiệt) và chứng tưa lưỡi (dẹn)

Đậu đỏ, tán nhỏ, hòa với giấm bôi vào là công hiệu.

12. Kinh trị lưỡi sưng thành hai và đau.

- *Tổ ong tàng,* nướng tán nhỏ trộn với rượu như bùn mà xức ngày 3 lần thì khỏi.

- *Cua sông* 1 con, nướng khô, tán nhỏ, sức vào chỗ đau là lành.

13. Kinh trị lưỡi sưng to (trùng nhiệt) và đau họng.

- *Bồ kết* 5 quả (bỏ hết vỏ đen và hạt, sao khô). *Kinh giới tuệ* 2 đồng. Đều tán nhỏ, hòa với giấm mà bôi là lành.

- Phương trên thêm chút ít *xác rắn* càng hay.

14. Kinh trị lưỡi sưng thành hai và lở loét.

- *Bồ hoàng* đốt tồn tính tán nhỏ, rắc vào, chỉ 3 lần là lành.

15. Truyền trị miệng lưỡi lở loét, đau nhức, lâu ngày không lành, lở lan dần sang lỗ mũi.

- *Trân châu* mài với nước cho đặc, lấy lông chim chấm vào thuốc mà phết vào. Lại dùng *rễ cà gai,* rễ cây *Vuốt hùm,* cạo vỏ đều bằng hạt táo, đổ giấm vào ngâm hồi lâu, rồi đưa bao thuốc mà ngậm, ngày 5 - 6 lần, lại dùng 1 nắm rễ cà gai khác treo trên giàn bếp là khỏi.

V - BỆNH MÔI

Môi có chia ra trên dưới trong ngoài, môi sinh ra nứt nẻ nhăn nheo hoặc lở sưng như kén tằm, nặng lắm thì môi trề ra như cánh hoa lật lược. Một là biểu hiện bên ngoài của tỳ, tỳ táo thì môi khô, tỳ nhiệt thì môi nứt nẻ, tỳ phong thì môi ướt nhuận, tỳ hàn thì môi nhợt nhạt, đó là bệnh do tỳ mà ra cả.

Cho nên phép chữa phải bổ tỳ khí, dưỡng tỳ huyết thì bệnh tự nhiên lành.

1. Kinh trị môi miệng chúm lại không há ra được, hoặc lở đau không ăn uống được.

- Vải xanh cũ, đốt thành tro trộn mỡ heo mà bôi.

- *Xác rắn,* đốt thành tro rắc vào.

- *Tóc rối, tổ ong, lông gia súc,* cùng đốt ra tro tán nhỏ trộn mỡ heo mà bôi, rất tốt.

- *Qủa Trám* (cà na) đốt thành tro tán nhỏ trộn mỡ heo mà bôi, khỏi ngay.

- *Rau sam,* sắc đặc dùng nước rửa luôn bôi vào, khỏi ngay.

2. Kinh trị chứng rìa môi mọc mụn lở, lâu năm không khỏi.

- *Lá Chàm,* (hái về tháng 8 âm lịch) 1 cân, giã vắt lấy nước cốt mà rửa là khỏi.

3. Kinh trị môi lở, nứt đau.

- *Đào nhân* giã nát trộn mỡ heo mà bôi, hay không thể tả.

- *Thanh bì,* đốt tán nhỏ hòa mỡ heo mà bôi thì khỏi.

4. Kinh trị chứng lở môi.

Lấy mồ hôi trên nắp vung nồi mà bôi, rất hay.

5. Kinh trị môi bỗng nhiên bị sưng đen, đau ngứa khó chịu:

- *Đồng tiền cổ* 4 đồng, nhỏ nước mỡ heo trên hòn đá mà mài ra nước như hun, quét nước ấy bôi vài lần sẽ khỏi.

VI - BỆNH RĂNG

Răng là chất thừa của xương, là dấu hiệu bên ngoài của thận. Răng thuộc thận thủy, lợi thuộc vị thổ, hễ thận thủy khỏe mạnh, vị thổ bình hòa thời răng sẽ bền chắc vững vàng, thận hư vị nhiệt thời răng lung lay nhức nhối, nặng thì chảy máu sinh mủ. Đại để răng ví như cây, lợi ví như đất, đất dày thì gốc rễ bền chặt, đất nóng thì gốc cây héo hư. Răng là xương, xương thì không thể đau, chỉ lợi mới đau mà thôi.

Cho nên chữa răng trước phải chữa vào căn bản của nó, chớ nên thiên về mặt chỉ thống mà dùng táo nhiệt, vì đau đã không đỡ mà nhiệt lại tích vào, đó là cái hậu quả *"lùa hổ về để trừ tà"* há không nên cẩn thận hay sao! Nay giới thiệu từng phương ra sau để tùy chứng mà chọn dùng.

1. Kinh trị các chứng đau răng, hoặc răng đụng đến là chảy máu.

- *Củ cỏ cú, lá ngải cứu*. Sắc lấy nước mà súc miệng, lại dùng *củ cỏ cú* tán nhỏ, xát vào cho ra nước dãi rồi nhổ đi, cũng hay.

2. Kinh trị các chứng đau răng:

- *Mộc nhĩ, Kinh giới* Đều nhau, sắc lấy nước thường súc miệng, rất hay.

3. Kinh trị răng đau vì phong, dùng nhiều thức thuốc mà không kiến hiệu.

- *Mướp tươi* 1 quả. Xát muối vào, đốt tồn tính, tán nhỏ thường xát vào răng hết nước dãi thì khỏi, nếu xát vào mà sưng như sưng góc hàm thì đổ nước vào thuốc tán đó, sắc lên mà ngậm (duy răng sâu thì không công hiệu).

4. Phương thuốc xát răng để ngừa đau răng có kinh nghiệm:

- *Cành đào non*, nửa cân, giã nát nước 4 bát sắc còn một nửa, lọc bỏ bã, cho vào 1 thăng muối, nấu đến khô rồi nghiền nhỏ để xát răng, mỗi lần xát răng thì súc miệng bằng nước nóng rồi nhổ ra rửa mặt thì mắt sẽ sáng và răng sẽ bền

5. Kinh trị khí hư xông lên khiến răng đau nhức ra máu hoặc ngứa, lung lay muốn rụng:

- *Cây tổ rồng* 1 lạng, dùng dao bằng đồng thái nhỏ, để lên trên miếng ngói sấy khô, tán nhỏ xát vào.

Phương này không những chữa được răng đau mà còn có tác dụng làm bền xương, thêm tinh tủy, lại trừ được khí độc trong xương.

6. Kinh trị đau răng:

Hạt Cải củ 14 hạt, nghiền sống hòa với sữa người, mà nhỏ vào lỗ mũi, hễ đau răng bên trái thì nhỏ mũi bên phải, răng đau bên phải thì nhỏ vào lỗ mũi bên trái là lành.

7. Phương thuốc trị đau răng nhét vào lỗ tai có kinh nghiệm:

- *Lá rau má* giã nát như bùn đem bôi vào lỗ tai, hễ đau răng bên trái thì tô bên phải, đau bên phải thì bôi vào tai bên trái, rất hay.

8. Kinh trị răng đau có sâu vì phong:

- *Đào nhân*, xâu vào cái dùi, kê trên ngọn đèn đốt cho cháy rồi thổi tắt lửa, áp vào chỗ răng đau, bất quá 5 - 6 lần là khỏi.

- *Qủa vải*, để cả vỏ đốt tồn tính tán nhỏ, xát vào là khỏi ngay thật là hay.

- *Qủa vải*, bổ đôi nhét muối vào giữa mà đốt, tán nhỏ xát vào là lành ngay.

- *Qủa Trám* (cà na) đốt ra tán nhỏ, hòa với chút ít *Xạ hương* mà bôi là khỏi.

- Cắt lấy một cành nhỏ cây *Trắc bá*, hơ lửa cho nóng đem đi vào chỗ đau, cũng hay.

- *Nhựa thông* lấy nhựa còn dính trên cây, hòa vào ít nước sôi cho tan ra, thừa lúc nóng súc miệng là yên.

- *Lá thông* 1 nắm, *muối* 1 vốc, *rượu* 2 thăng. Sắc lấy một nửa, ngậm súc miệng là lành.

- *Tổ ong tàng* (Lộ phong phòng) một miếng, dồn muối vào trong các lỗ, đốt tán nhỏ xát vào, rồi lấy muối ra nấu nước súc miệng rất hay.

- Phương trên, thêm *Xuyên tiêu* trọng lượng bằng tàng ong, tán nhỏ, mỗi lần uống hai ba đồng cân, thang với nước giếng sắc với hành tăm.

Cành hòe hơ nóng đem dí vào chỗ đau; nguội lại thay đi hay lắm.

- *Vỏ trắng cây hòe*, thái nhỏ lấy 1 nắm. Sắc với nước và giấm, lọc bỏ bã, cho vào tý muối ngậm súc miệng rất hay.

Cỏ nụ áo dùng cả hoa lá, cho vào ít muối, giã nhỏ, đem đặt vào chỗ đau rồi dùng *lá quít hôi* hoặc *lá thông* sắc nước ngậm súc rất hay.

- *Bồ kết* 1 quả, bỏ hạt, dồn vào đầy muối và phèn chua, đất sét bọc ngoài, đốt tán nhỏ mỗi ngày dùng xát vào răng rất hay.

Cành liễu một nắm cắt nhỏ, thêm chút muối, sắc ra nước đậm mà ngậm súc miệng rất hay.

- *Qủa cà* giã dùng cả cuống, đốt ra tro mà xát, hoặc dùng rễ cà giã nát hòa nước, lắng lấy nước trong mà ngậm là khỏi.

- *Cây chuối non* vắt lấy nước cốt 1 bát mà ngậm là yên.

- *Trần bì, Vôi đá* Tán nhỏ, hòa với mật ong làm thành một cục, nhồi muối với bùn, bọc ngoài, nung lửa 1 ngày, nghiền nhỏ xát vào, thật là phương thuốc rất hay.

- *Sáp ong* một ít, để trên lửa cho chảy tan thấm vào giấy, rắc *ngải nhung* lên, cuộn lại thành cái môi, đốt cháy rồi tắt, xông khói vào hai lỗ mũi, hít khói vào đầy miệng rồi hà mạnh hơi ra, là hết sưng.

- *Qủa giun* (Sứ quân tử) nấu nước ngậm súc miệng rất hay.

Tỏi 1 củ, nướng chín xát lát áp vào chỗ đau, thay đổi luôn rất hay.

9. Kinh trị răng lung lay:

Chì 5 lạng. Dùng cái nồi gang nấu cho chảy ra, *Bồ kết* 2 lạng, cắt nhỏ cho vào, dùng cành dâu cành liễu mà quấy cho bồ kết cháy ra tro, lại cho vào ít muối tán nhỏ. Hàng ngày dùng xát vào răng thì răng sẽ bền chặt.

10. Kinh trị răng hễ dụng chạm đến là đau:

Tật lê (hạt hoặc rễ), tán nhỏ ngày ngày xát vào, thì răng sẽ bền chắc.

11. Kinh trị răng lung lay, hoặc bị vật gì dụng chạm muốn rụng, các thuốc đều chữa không khỏi:

Trùn khoang cổ, Ngũ bội tử. Hai thứ bằng nhau, sao khô tán nhỏ, trước lấy *gừng* giã nát xát vào răng, sau mới xức thuốc tán vào, đừng để cho răng ngớt thuốc thì răng lại bền chắc như cũ.

12. Kinh trị răng sưng đau:

- *Qủa ké đầu ngựa* 5 vốc. Nước 1 bát. Bỏ vào ít muối, sắc lấy một nửa, thuốc đang nóng thì ngậm vào miệng, thuốc nguội lạnh thì nhổ ra lại ngậm thứ nóng khác vào, chỉ dùng 1 tháng là khỏi.

- *Thanh cao* 1 nắm, sắc đặc dùng súc miệng rất công hiệu.

- *Rau sam* giã lấy nước mà ngậm trong 1 ngày là hết sưng và khỏi.

- *Rễ cỏ xước* sắc lấy nước ngậm và súc miệng, hoặc đốt ra tro, tán nhỏ xát vào là lành ngay.

- *Nhân hạt gấc* mài với giấm thanh mà xát, hay lắm.

- *Mè đen* 1 thăng, Nước 1 thăng. Sắc còn một nửa ngậm súc rồi nhổ đi, chỉ hai thang là lành.

13. Kinh trị đau răng vì phong:

- *Rễ cây Ý dĩ* 4 lạng, sắc đặc ngậm lúc nóng, nguội lại thay là khỏi.

- *Đậu đen* nấu với rượu, ngậm súc luôn là khỏi.

14. Kinh trị nướu sưng lên vì nhiệt độc:

- *Rêu mái ngói* không có thì dùng *rêu tường* sắc đặc cho vào tí muối mà ngậm hay lắm.

- *Dây mướp* phơi râm, khi dùng đốt tồn tính tán nhỏ, xát vào là lành.

- *Cứt trùn* nhồi với nước làm viên, rồi nung đỏ, tán nhỏ hòa với mỡ heo mùa đông mà bôi, ngày 3 lần công hiệu.

15. Kinh trị răng sâu trồi lên ra máu mủ:

- *Mật trăn* 3 đồng cân, *Phèn phi* 1 đồng, *Hạnh nhân* (bỏ vỏ, đầu nhọn) 47 hạt. Đều tán nhỏ, trước lấy muối xát răng cho hết máu mủ rồi lấy thuốc xát vào, ngày 3 lần là lành.

- *Qủa khế* giã nhỏ vắt lấy nước cốt 1 bát, lấy thanh sắt nung đỏ tôi vào nước khế, dùng nước ấy mà ngậm, hai ba ngày làm 1 lần như thế, 1 tháng thì răng sẽ bền chặt, như cũ.

16. Kinh trị cam răng thối miệng:

Ngũ bội tử 1 lạng sao cháy, *Phèn chua, Rỉ đồng* đều 1 đồng cân. Tán nhỏ, trước súc miệng bằng nước vo gạo cho sạch rồi xát thuốc vào phương này hay tuyệt.

Rau cải đốt ra tro, nghiền nhỏ thường bôi vào rất hay.

17. Kinh trị chứng chảy máu chân răng:

- *Tóc rối* 1 nắm sao cháy, tán nhỏ xức vào thì khỏi.

- *Nước đái trẻ em* dưới 3, 4 tuổi ngậm, sau nhổ đi.

Tinh tre 1 nắm, nấu với *giấm thanh* hoặc *nước tiểu trẻ con* mà ngậm, liền hết máu mà khỏi.

18. Thuốc dùng để nhổ răng đau, đã kinh nghiệm:

Qủa cà già tẩm nước đái ngựa ba ngày, phơi khô tán nhỏ, mỗi khi dùng thì xức thuốc vào chỗ răng đau là rụng ngay, thật là phương thuốc thần.

VII - ĐAU HỌNG

Họng là đường ra vào của hơi thở, cửa đi xuống của đồ ăn. Nó làm then máy cho toàn thân, làm cửa ngõ cho vào các tạng, nên nó bị bế tắc thì sống chết chỉ trong nháy mắt. Cho nên nội kinh chia làm 8 chứng nhưng căn bản đều do đờm hỏa sinh ra. Hễ khi nhiệt thì đơm kết, đờm kết lắm thì sưng, sưng lắm thì đau tê, đau tê lắm không thông được thì chết. Phép chữa bệnh nên dò xét tận gốc mà kịp lựa phương, chớ để chậm trễ.

1. Kinh trị chứng đau họng gần chết:

- *Hàn the* 1 cục to bằng hạt đậu đen. Ngậm vào 1 giờ thì khỏi, nếu không có *hàn the* thì dùng *phác tiêu* cũng được.

2. Kinh trị đau họng sắp chết, chỉ còn có chút hơi thở:

- *Ba đậu* 1 hạt, bỏ vỏ dùng sợi chỉ xâu vào giữa hạt nhét vào trong cổ họng một chốc rồi nắm dây kéo Ba đậu ra là khỏi.

- *Ba đậu* gói hai ba lớp giấy, khẽ đập cho dầu thấm ra giấy, cuộn giấy lại làm mồi đốt cháy rồi thổi tắt đi, cho khói xông vào trong lỗ mũi một lúc thổ ra nước dãi sẽ khỏi.

3. Kinh trị tắc cổ họng hơi thở không thông, chết trong chốc lát:

Tỏi 2 củ, cắt bỏ hai đầu nhét vào trong lỗ mũi, bệnh ở bên trái thì nhét bên phải, bệnh bên phải thì nhét bên trái. Máu đặc trong họng ra được là công hiệu ngay.

4. Kinh trị tắc cổ họng, thở không được, uống nước không vào:

- *Củ rẻ quạt* một miếng ngậm và nuốt nước xuống rất hay.

- Theo phương trên, gia thêm chút *gừng* cũng hay.

5. Kinh trị cổ họng tự nhiên bị tắc, không thể đổ thuốc vào được:

Vỏ cây mận, lấy vỏ gần gốc, mài với nước phết ngoài cổ, nhưng trước phải lấy *bồ kết* tán nhỏ thổi vào lỗ mũi cho chảy mũi rồi sau mới phết thuốc rất hay.

Vỏ *cây Đào* 1 nắm, sắc nước đặc cho uống dần xuống khỏi ngay.

6. Kinh trị cổ họng tắc nghẽn không thông:

Hồng hoa giã nát vắt lấy nước cốt 1 thang, nấu lên cho uống rất hay. Hoặc sắc cả hoa rồi bỏ bã uống nước.

7. Kinh trị cổ họng đau tắc, hàm răng cắn chặt:

Hạt thầu dầu giã nát, cuốn giấy làm mồi, đốt khói mà hít vào, là thông ngay.

8. Kinh trị chứng đau họng muốn chết, không thể dùng thuốc và châm cứu được:

Sơn khô đốt cho lên khói, lấy ống trúc dẫn khói vào họng khỏi ngay.

9. Kinh trị chứng phong quai nón, sưng to quanh cổ không thở được:

- *Xác rắn* cho vào ống tre đốt cho ra thôi khói thổi vào cổ họng, là thông ngay.

10. Kinh trị cổ họng bị tắc do phong, khó chữa:

- *Bồ kết* 1 quả sắc nước và mật cho uống ngay nếu cần kíp, còn như bệnh hoãn thì phơi sương 1 đêm rồi cho uống càng tốt, nếu cấm khẩu thì dùng đũa bếp cạy răng đổ thuốc vào yên liền.

- *Bồ kết* 1 phần, tẩm mật và rượu nướng vàng, *Củ rẻ quạt* 3 phần. *Nghệ* nửa phần. Đều tán nhỏ, trộn với rượu cho đặc như bùn, lấy lông gà chấm phết vào trong và ngoài cổ là công hiệu ngay.

11. Kinh trị chứng đau họng, sưng tắc:

Bàn hạ sống tán nhỏ thổi vào mũi cho ra nước dãi là lành.

12. Kinh trị chứng đau họng, nghẹt họng nguy cấp:

- *Cỏ tháp bút, Cứt bò khô* đốt tồn tính tán nhỏ, lấy 1 đồng cân hòa với nước cho uống, máu ra là yên.

- *Cỏ bấc* 1 nắm. Lấy 2 miếng ngói kẹp bấc vào giữa, đốt tồn tính, lại lấy một thìa nhỏ (muỗng cà phê) muối cùng sao tán nhỏ, thổi vào trong họng 1 vài lần là yên.

- *Cỏ bấc, Hồng hoa*. Đều bằng nhau, đốt tồn tính, hòa với nước 1 đồng mà uống là tiêu.

13. Kinh trị chứng hầu phong, hầu tê (đau họng):

- *Bạch cương tàm* 6 đồng, Phèn chua 3 đồng, *Phèn phi khô* 3 đồng. Cùng tán nhỏ. Mỗi lần dùng một đồng, uống với nước *gừng* để gây nôn, trẻ em thì gia *bạc hà* vào nước *gừng*, mửa được đờm đặc ra, thì công hiệu ngay.

Bạch cương tàm sao tán nhỏ, dùng quả mơ muối giã lẫn viên bằng đầu ngón tay, bọc lụa lại mà ngậm, nuốt nước xuống dần dần, thì công hiệu.

- *Nam tinh* 1 củ, móc ruột nhét *cương tàm* sao 7 phân vào giữa, gói giấy ướt nhiều lớp nướng chín nghiền nhỏ dùng 1 đồng cân hòa với nước gừng cho uống, (nếu bệnh nặng thì cạy răng đổ vào), mửa được nước dãi ra là lành.

14. Kinh trị chứng đau họng không nói được:

Đậu đen nấu nước đặc lênh, ngậm nuốt xuống là lành:

15. Kinh trị bị khí độc sinh đau họng:

Gừng sống 1 thăng, giã vắt lấy nước cốt, cho vào hai chung rượu mật, sắc sôi, mỗi lần uống nửa chung, ngày uống 4 lần rất hay.

16. Kinh trị phong táo sinh đau họng, sưng lan ra cả má, thường nhổ ra máu:

Cỏ roi ngựa, 1 nắm, cắt bỏ hai đầu giã nát, đổ vào một chén nước, vắt lấy nước cốt mà uống là tốt.

17. Kinh trị cổ họng sưng đau, nước và cháo không nuốt được, sống chết trong giây phút:

Chân thiềm tô (bột mủ cóc) (5) tán nhỏ bôi vào đầu ngón tay, thọc ngay vào đầu cuống họng, lập tức tiêu tan, công hiệu lắm.

18. Kinh trị cổ họng sưng, ăn uống khó vào:

Hẹ 1 nắm, xát nóng đặt vào trước cổ, lấy vải rịt lại, nguội thì lại thay là hết sưng.

19. Kinh trị cuống họng bỗng nhiên sưng lên, ăn uống không xuống:

Trùn đất 14 con giã nát rịt vào cổ, lại lấy hai con khác cho vào ít muối liền hóa ra nước, hòa vào ít mật cho uống, công hiệu ngay.

20. Kinh trị chứng họng sưng đau:

- *Tỏi* bóc vỏ, nhét vào tai và mũi, ngày thay hai lần là khỏi.

- *Dưa chuột già* 1 quả, móc bỏ ruột, dồn *Phác tiêu* vào cho đầy, phơi dâm, tán nhỏ, thổi vào họng.

- *Qủa mướp* giã nát vắt lấy nước, đổ vào là thông ngay.

- *Dây và lá mướp* giã nhỏ cho vào ít muối cho uống dần là khỏi.

- *Mộc nhĩ cây dâu* lấy vào ngày 5 tháng 5 âm lịch, thứ trắng như vẩy cá. Khi dùng giã nhỏ, gói vào miếng lụa to bằng hòn đạn, tẩm mật và nước cho ngậm, công hiệu ngay.

- *Bồ kết* 1 quả bỏ vỏ, tẩm giấm nướng khô, lại tẩm lại nướng 7 lần, (chớ để cháy quá) tán nhỏ dùng chút ít thổi vào họng, mửa được nước dãi là khỏi.

- Phương trên, gia thêm nửa phần *Phèn chua* khuấy hồ làm viên mà ngậm, rất công hiệu.

- *Dầu mè* 1 chung, đổ vào lành ngay.

---

5. Có độc (bảng A) không được dùng uống riêng; chỉ dùng chế thuốc hoàn như Lục thần hoàn uống với liều lượng rất nhỏ "vi lương" theo quy chế dược chính về thuốc độc.

- *Rơm lúa nếp* đốt hứng lấy khói, cao lấy muội ấy hòa vào giấm mà đổ vào họng, sẽ cuộn hết đờm dãi ra là lành.

- *Rễ cây kẻ dầu ngựa* 1 nắm, *Gừng già* 1 củ, giã vắt lấy nước, chế rượu vào mà uống là yên.

- *Bồ kết* tán nhỏ hòa với dấm rịt vào chỗ lõm ở dưới hầu, khô lại thay cái khác. Nếu có chứng nhũ ga (viêm họng hạt) thì cũng vỡ mủ là lành.

Ích mẫu để tươi giã nát, đổ nước mới múc vào, vắt lấy nước đặc cho uống dần, mửa ra được là lành. Mùa đông không có lá *ích mẫu* thì dùng gốc cũng được.

- *Vỏ cây vải* sắc nước ngậm ít một rồi nuốt nước, lành là thôi.

- *Hạt cải* tán nhỏ hòa với nước rịt vào dưới hầu, khô lại thay cái khác tự nhiên lành.

- *Đọt ngải cứu.* Giã lấy nước cho uống, lại lấy một nắm ngải cùng giấm giã nát dịt vào hầu, nếu không có ngải tươi, lấy ngải khô cũng được.

21. Kinh trị trong họng bỗng nhiên mọc mụn sưng đau:

Ý dĩ hai nhân, nuốt trửng, chiêu với nước.

22. Kinh trị mùa đông bị chứng đau họng, không thể đổ thuốc vào được:

Xà sàng tử, cho vào trong lọ đốt cháy ra khói để hút khói vào trong miệng đờm tự ra mà lành.

23. Kinh trị trong họng nổi mụn ăn uống không thông, chết trong nháy mắt:

Muội nồi tán nhỏ, trộn mật làm viên bằng ngón tay, mỗi lần uống 1 viên với nước mới múc, dù bệnh nặng lắm cũng 2 viên là lành.

24. Kinh trị đau họng sưng lở:

Hạt Gai dầu (cần xa), Kinh giới tuệ. Hai vị bằng nhau tán nhỏ, viên với mật to bằng hạt nhãn, gói vào lụa mà ngậm là lành.

25. Kinh trị họng mọc mụn sưng đau:

- *Mật cá trắm* 1 cái phơi khô, hoặc tẩm vào giấy phơi khô, mỗi khi dùng chút ít hòa với mật ong mà ngậm, là thông.

- *Phác tiêu* tán nhỏ, dồn vào trong *mật cá trắm,* phơi râm lúc dùng thì lấy một ít cho vào họng mà ngậm mửa được là lành.

- *Đờm phàn,* cho vào *mật cá trắm,* phơi râm để dành dùng (khi dùng làm như trên).

- *Cỏ nụ áo* giã nát cho vào tý *muối* mà ngậm, là lành.

- *Chua me đất, Bồ hòn.* Hai vị giã nhỏ mà ngậm. Có khi bệnh nhân đã chết rồi mà tim còn nóng thì có thể dùng cái lông gà, chấm thuốc điểm vào trong họng, gây cho nước dãi độc chảy ra được thì sống.

- *Cứt chim sẻ* 7 hạt, trộn với đường cát trắng làm hai viên, gói vào lụa, ngậm nuốt, nước dãi ra được, tức thời lành ngay, nặng lắm chỉ dùng 3 viên là khỏi.

Kim ngân hoa cả cành và lá, giã tươi vắt lấy nước 1 bát, sắc còn 8 phân cho uống, hoặc không có cây tươi thì dùng hoa khô sắc đặc cho uống, bã dùng rịt bên ngoài càng tốt.

26. Kinh trị đau họng chứng nhũ nga:

Cây mã đề, cỏ seo gà. Hai vị giã với quả mơ muối, đổ rượu vào nấu một lúc rồi lấy ra, lại giã và vắt lấy nước, dùng cái lông ngỗng nhúng thuốc ấy mà điểm vào chỗ đau, gây r ra đờm thì hết sưng.

27. Kinh trị chứng tắt tiếng do ngoại cảm phong tà khí lưu trệ:

Quế chi 2 phần, *Thạch xương bồ* 4 phần. Mỗi lần dùng 2 đồng, dùng nước mới múc đun sôi, cho uống dần từng hớp một là thông.

28. Kinh trị tắt tiếng không nói được:

- *Củ cải tươi* rửa sạch, giã vắt lấy nước cốt 1 chén. Gừng giã vắt lấy nước chút ít. Hòa đều nhau, thường thường nhấp nuốt thông ngay.

- *Sữa người, Nước măng tre non* (trúc lịch). Mỗi thứ một chung hòa đều cho uống đều khỏi, những người tạng nhiệt uống phương này càng nhiều càng có ích.

29. Kinh trị bỗng nhiên tắt tiếng:

- *Trần bì* 1 lạng. Sắc lấy nước dần dần nhấp nuốt rất hay.

- *Quế tâm* tán nhỏ, để chút ít trên lưỡi nuốt nước xuống là khỏi.

- *Ô dược* thái nhỏ dùng giấm tốt hai chén sắc còn một chén, trước ngậm sau nuốt, mửa ra được đờm dãi là lành.

30. Kinh trị tắt tiếng vì trúng phong:

- *Hoa hòe* 5 đồng cân, để trên miếng ngói mới sấy khô ngày đêm thường nhai chút ít rồi nuốt, rất hay.

31. Kinh trị chứng đau họng khản tiếng:

- *Rượu* một chung, *Váng sữa* một muỗng, *Can khương* tán nhỏ 1 thìa. Ba thứ hòa chung ngày uống 2 lần công hiệu.

32. Kinh trị chứng đau họng khản tiếng:

- *Mỡ lợn* 1 miếng, rán chảy nước vớt bỏ bã, đổ vào một thang *mật ong*, lại nấu sôi lên, lắng trong chờ nguội, mỗi lần dùng một muỗng nhỏ, bất cứ lúc nào uống cũng được. Nếu người không bệnh, thường uống cũng tốt.

VIII - HÓC XƯƠNG

Hóc xương là do ăn các thứ xương hay vật cứng, cắn nhai không nhỏ đã nuốt, mắc ngang cổ họng, khạc không ra, nuốt không xuống thậm chí gần chết, nên chiếu phương sau đây mà chữa.

1. Truyền trị mắc các thứ xương, đã dùng nhiều phép mà xương vẫn không xuống:

- *Hàn the* 1 cục to bằng hạt đậu đen ngậm vào giây lát là tiêu xuống.

- *Lươn vàng* 1 con, còn sống đút đuôi vào trong cổ cho lươn nó ngo ngoe là thông.

- *Rễ tầm xuân*, phơi khô tán nhỏ, hòa vào nước 1, 2 đồng cân cho uống là thông.

- *Hạt Trám* (cà na) treo giàn bếp lâu năm, khi dùng lấy 1 hạt đốt ra tro tán nhỏ, hòa với cặn dầu ở đĩa đèn đem bôi vào họng là ra ngay.

- *Xương hổ*, mài với nước cho nhấp dần dần xuống.

- *Ngà voi* mài với nước cho đặc, uống vào là thông.

- *Móng tay người* đốt tán nhỏ, dùng ống trúc nhỏ xúc thổi vào họng là khỏi.

2. Kinh trị bệnh hóc do nuốt nhầm đồng tiền hoặc vật khác:

- *Lá ké đầu ngựa* 1 nắm, *Nước lạnh* 1 thăng. Nhúng lá ké vào nước, nhúng vào lấy ra 80 lần rồi uống nước ấy là lành.

- *Mộc tặc* tán nhỏ, 1 đồng cân, hòa với lòng trắng trứng gà mà uống, hoặc khạc ra, hoặc nuốt xuống được là lành.

- *Lá ngải cứu* tươi 1 nắm, *Cả rượu và nước* 1 thăng, nấu lên cho uống là thông.

- *Sa nhân,* sắc lấy nước đặc mà uống thì xuống.

3. Kinh trị mắc xương cá:

- *Cùi quả trám* (hoặc nhân hạt nó) tán nhỏ, hòa vào nước chảy cho uống xuống ngay.

- *Xương chim công cộc,* đốt ra tro, tán nhỏ, hòa 1 đồng cân với nước mà uống là xuống ngay.

- Nuốt một cục *mỡ heo*, chưa xuống thì cho nuốt nữa, xuống thì thôi.

- *Tỏi nướng* lên, nghiền nhỏ hòa với rượu cho uống là khỏi.

- *Rễ mướp* ngày mồng 7 tháng 7 đào lấy phơi rám, lúc dùng đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần dùng hai đồng cân, hễ mắc xương cái gì thì lấy cái ấy nấu nước mà uống với thuốc tán, thì khỏi.

- *Vỏ quít* chín đỏ 1 vốc, nhai mà nuốt nước là thông ngay.

- *Cỏ xước tươi* 2 đồng, *Gừng sống* 1 đồng. Đều giã nát, vắt lấy nước cốt cho vào lỗ mũi, chảy nước bọt ra là khỏi.

- *Củ địa liền* (thiền liền) 3 đồng cân, nhai nhỏ, nuốt xuống, rồi khạc ra thì nó theo ra là khỏi.

4. Kinh trị nuốt nhầm phải tóc vào họng không khạc ra và nuốt vào được:

Lấy 1 nắm *tóc rối* của người bị hóc, đốt ra tro, hòa với nước mà uống, là xuống ngay.

IX - NỔI HẠCH

Nổi hạch là do đàm đọng lại không tan, uất kết cứng rắn như cái hột trong quả. Hạch nổi ở đầu, cổ, trán, hoặc ở chân tay, nách, háng, không đau không ngứa, không sưng, không đỏ, dù lâu ngày vẫn không làm mủ không phá vỡ. Phép chữa nên đánh tan nhiệt khí thì hạch tự tiêu.

Chứng *Mai hạch khí* (loạn cảm họng) thì trở ngại trong cuống họng như ngậm hạt mơ mà không khạc ra, nuốt không xuống đó là do mừng giận quá độ, nhiệt khí nung nấu, tích lại và đờm độc uất kết mà sinh bệnh. Phép chữa nên dẫn đờm khai uất, thanh nhiệt thuận khí để cho hạch tự tiêu đi.

1. Kinh trị chứng nổi hạch dưới cằm:

- *Nhện hùm,* bất cứ nhiều ít, giã nát ngâm rượu ngon, chờ lắng trong, lọc bỏ bã, cho uống lúc đi ngủ, rất hay.

2. Truyền phương chữa chứng nổi hạch:

- *Mẫu lệ*, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 - 2 đồng cân, uống với nước trà, rất hay.

3. Kinh trị chứng hạch đờm, nổi ngoài da, ở mặt, trên đầu lớn thì bằng ngón tay, nhỏ thì bằng hạt thóc, hoặc mềm hoặc cứng, không nhức, không ngứa:

- Nam tinh 1 củ, nghiền nát nhỏ, hòa vào ít giấm thanh, lấy kim châm vào hạch cho thông khí trước, rồi dán thuốc vào, thấy ngứa thì thay miếng khác, sẽ khỏi.

- *Nam tinh, Phèn chua* cùng nghiền sống, hòa nước vào như bùn, đắp vào chỗ nổi hạch là tiêu hết.

4. Kinh trị nổi hạch sau gáy, hoặc sưng đỏ, cứng đau:

- *Củ mài tươi 1 - 2 tấc, hạt thầu dầu* 2 hột. Cùng nghiền chung, đặt vào là lành.

5. Kinh trị nổi hạch ở cổ họng như hạt mơ:

Qủa mơ chín hườm, mỗi quả dùng một lạng *muối,* nhỏ vào ít nước, ướp 1 ngày 1 đêm rồi phơi khô, cứ đêm ướp ngày phơi cho hết nước muối mới thôi, dùng 3 đồng tiền cổ, kẹp lấy 2 quả mơ, lấy dây gai cột chặt lại, bỏ vào hũ sành, đậy nút kín, chôn xuống đất 100 ngày thì lấy lên, mỗi lần dùng 1 quả ngậm nuốt nước vào họng là tiêu, 1 quả trị 1 người, 2 quả trị 2 người, hay tuyệt.

Truyền trị bệnh tràng nhạc nổi ở cổ:

- *Rau sam* giã nát, một nửa hòa với nước mà uống, còn một nửa thì sắp trên lá chuối, rắc bột *phác tiêu* lên trên, đem rịt vào chỗ đau, ngày thay 1 lần.

- *Rau giệu* cũng làm như cách trên.

X - KIẾT LỴ

Kiết lỵ là trong bụng quặn đau, đại tiện bức bách mót ỉa mà rặn không ra (lý cấp hậu trong), phân ra hoặc trắng hoặc đỏ, hoặc đỏ trắng lẫn lộn, hoặc vàng hoặc đen, hoặc như óc cá hoặc như nước nhà dột. Đó là vì bệnh có nặng nhẹ, chứng có hàn nhiệt không giống nhau, nhưng đại để là do vị bị thấp nhiệt hay thực tích mà sinh bệnh, thấp nhiệt, thực tích phạm đến huyết thì đại tiện đỏ, phạm đến khí thì đại tiện trắng, mà phạm đến cả khí huyết thì đại tiện trắng đỏ lẫn lộn, đại tiện vàng là thực tích, đen là nhiều thấp. Nội kinh: "Đại tiện đỏ là thuộc huyết, bệnh ở đại tràng, đại tiện trắng là thuộc khí bệnh ở tiểu tràng. Phép chữa bệnh mới phát thì nên hạ, bệnh lâu thì nên bổ, cốt ở nơi châm chước.

1. Kinh trị chứng lỵ trước đỏ sau trắng, lâu năm không lành hễ trước trắng sau đỏ là lỵ, trước đỏ sau trắng là giun sán (trường cổ) thì nên dùng phương này.

- *Rễ ngưu tất* 1 nắm to, (kiêng đồ sắt), rửa sạch giã nát dùng 1 chén rượu để tẩm một đêm, sáng hôm sau uống lúc đói bụng, uống 2 - 3 hay 4 lần, đến lành thì thôi.

2. Truyền phương chữa mọi chứng lỵ đều công hiệu:

- *Sâu đâu cứt chuột* đập vỡ bỏ vỏ lấy nhân, dùng vải gói lại dùi gỗ cán bỏ dầu, luyện hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 7 viên, uống với dấm thanh, uống cách xa bữa ăn, khỏi ngay.

- Rễ cây *sâu đâu cứt chuột*, rửa sạch, cắt nhỏ, phơi khô tán nhỏ, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh, bệnh nhẹ uống 5 - 6 lần, bệnh nặng 10 viên, với nước cơm.

- Trị đi lỵ ra máu: Dây *Tầm phóng* (Khô huyền đằng) sắc lấy nước thật đặc mà uống.

- *Lá ngải cứu, Vỏ quít*. Hai vị bằng nhau, sắc lấy nước mà uống, hoặc tán nhỏ, đổ rượu vào cơm nấu cho nhừ rồi nhồi viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống hai ba viên với nước muối, là lành.

- *Da nhím* đốt cháy tán nhỏ, hai đồng cân hòa với rượu mà uống rất hay.

- *Hành tăm* 1 nắm, giã nát nấu cháo với gạo tẻ mà ăn, tự lành.

- *Bọ hung* đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với rượu vào lúc đói, rất hay.

- *Cứt ngựa* 1 cục, đốt tán nhỏ hòa nước mà uống, là khỏi.

Rết 1 con, bỏ đầu chân, đốt tồn tính, tán nhỏ, hòa vào nước cơm mà uống, thì khỏi

- *Cứt trùn*, 1 thăng, sao cho bết khói thừa lúc đang nóng chế và một bát nước quay lên, đợi lắng trong lấy nước mà uống rất công hiệu.

- *Rễ cây mơ, Cỏ seo gà, Hạt Mã đề*. Đều bằng nhau, rửa sạch, cắt nhỏ sắc đặc uống.

- *Rày tầm phỏng, Kê đầu ngựa*, dùng cả cành và lá. Hai vị đều nhau, giã nát, mỗi liều dùng 4 , 5 đồng cân, nước 3 bát sắc còn nửa bát, lọc bỏ bã cho vào tí muối, uống lúc đói rất hay.

- *Ngũ bội tử* 1 lạng, *Phèn phi* 5 đồng cân. Tán nhỏ, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước cơm, là công hiệu.

- *Hạt bồ kết*, để trên miếng ngói sấy khô, tán nhỏ, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 40, 50 viên, uống với nước trà, để lâu năm, vào lúc đói uống được ba lần thì hết chất bẩn trong ruột, phân sẽ sắc vàng trở lại, đã kinh nghiệm chữa khỏi nhiều người.

- *Lá thanh hao, Lá ngải cứu*. Hái vào ngày mồng 5 tháng 5 âm lịch hai vị bằng nhau, giã lẫn với đậu sị, vắt thành bánh, mỗi bánh dùng một thăng nước sắc uống công hiệu.

- *Cây ích mẫu* phơi khô, *Muối* lâu năm, *Ô mai* đốt tồn tính. Ba thứ bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân như lỵ đờm thì thang với nước can khương, lỵ máu thì thang với nước cam thảo, công hiệu.

- *Lá kê đầu ngựa*, không kể nhiều ít, rửa sạch, sắc cho nát bét, lọc bỏ bã vào chung với mật thành cao, mỗi lần hòa 1, 2 thìa với nước sôi mà uống, rất hiệu nghiệm.

- *Gà mái nâu* 1 con, nhổ lông, rửa sạch, lấy muối trộn với giấm phết vào nướng qua, nấu thật chín mà ăn, rất bổ ích.

- *Hạt mùi* 1 vốc, sao thơm tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng lỵ ra máu thì uống với nước đường, lỵ đờm thì uống với nước gừng, ngày uống 2 lần là công hiệu.

3. Truyền trị mọi chứng lỵ, hoặc xích lỵ, hoặc bạch lỵ, mót rặn, ngày đêm đi luôn:

Hoàng đơn, lắng qua nước rồi sao khô 8 phần, *Ba đậu* gói nhiều lớp giấy, đập bỏ dầu, 5 phần, *Sáp vàng* 8 phần. Nấu chảy trộn đều làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần dùng 6, 7 viên, dần dần tăng lên 15 viên, uống với nước cơm vào lúc đói, nếu xích lỵ thì nấu nước *rễ tranh* làm thang, bạch lỵ thì nấu nước *lá ngải cứu* và gừng làm thang. Người bệnh lâu ngày hoặc già yếu thì chớ dùng.

4. Kinh trị kiết lỵ lâu ngày không khỏi, dù chất bẩn trong ruột đã ra:

- *Mơ 20 quả, sắc với 1 bát nước 6 phần, uống lúc đói rất hay.*

5. Kinh trị chứng hưu tức lỵ khi phát khi khỏi, lâu năm không khỏi:

Xương hổ, nướng vàng cháy tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với nước cơm, hoặc nước nóng, ngày 3 lần là công hiệu.

6. Kinh trị chứng sau khi đi lỵ, tiểu tiện đi nhiều, bụng đầy và rất đau, là do âm dương không điều hòa:

Qủa dành dành, Củ riềng. Mỗi thứ 3 đồng cân, tán nhỏ, mỗi lần uống hai ba đồng với nước cơm, hoặc rượu nhạt vào lúc đói, là lành.

7. Kinh trị đi lỵ lâu ngày, ăn uống không tiêu:

- *Chỉ thực* bỏ ruột, sao tán nhỏ, mỗi lần uống hai ba đồng cân với nước cơm vào lúc đói là công hiệu.

8. Kinh trị chứng kiết lỵ đi mãi không ngớt, ợ khan, gầy yếu, hay ngã, mặt đỏ là do trùng:

- *Nước mật heo, Giấm tốt, Nước gừng*. Ba thứ bằng nhau, hòa lẫn, thấm vào lỗ đít cho hơi giấm xông lên cổ họng luôn luôn, thì đi tả ra chất độc ngũ sắc và trùng, mà khỏi.

9. Kinh trị chứng xích bạch lỵ, đi máu và đờm lẫn lộn, bụng đau mót rặn khát nước tiểu tiện đỏ gắt là do tỳ vị tích trệ, nên dùng thuốc "thông khí hóa trệ".

- *Thanh mộc hương, Đại hồi. Hắc sửu* sao vừa *hạt cải củ*, sao. Hạt cau. Các vị đều nhau, tán nhỏ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước cơm vào lúc đói là khỏi.

10. Kinh trị mọi chứng xích bạch lỵ, đau bụng mót rặn:

- *Lá lấu dực* sao khô, Đất lòng bếp, đều tán nhỏ, xích lỵ thì dùng *rễ vậy đỏ* sắc nước làm thang, bạch lỵ thì dùng *rễ vậy trắng* và chút ít *can khương* sắc nước làm thang mà uống, là khỏi.

- *Củ mài, Gương sen*. Hai vị bằng nhau. *Phấn thảo* nửa phân. Cùng tán nhỏ mỗi lần uống hai ba đồng cân, thang với nước trà, tuy uống nhiều phương không khỏi, chỉ uống 1 lần thì yên.

- *Hạt bồ kết* (sao lẫn với cám), *Chỉ xác sao*. Đều bằng nhau, tán nhỏ, luyện với cơm làm viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần uống 30 viên với nước cơm.

- *Hắc sửu* (Hạt bìm bìm biếc) sao, nghiền lấy lớp bột lần đầu 2 đồng cân, sắc nước *tim bấc* làm thang mà uống và lúc đói, sau khi uống rồi, cho ăn cháo trắng để bồi bổ.

11. Kinh trị chứng cấm khẩu lỵ không ăn được:

- *Thạch liên nhục*, bỏ vỏ và tim, sao qua tán nhỏ, liều dùng 1, 2 đồng cân, uống với nước *Trần mễ*, thấy muốn ăn là công hiệu, hoặc lỵ kinh niên không khỏi hao tổn tinh huyết mà thành lao lỵ biến sinh nhiều chứng, ngũ tạng phiền nhiệt thì thêm *củ mài* sao và *hạt sen* tán nhỏ.

- *Củ cải* sắc nước hòa với ít mật, uống lúc đói, đến lúc muốn ăn thì lấy thịt nấu cháo mà ăn, nhưng không ăn quá nhiều.

- *Tỏi*, giã nát, rịt vào giữa hai lòng bàn chân và lỗ rốn là công hiệu.

- *Cốm chời* (bỏng lúa nếp) bỏ vỏ, tẩm nước gừng cho ướt, lại sao khô tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng cân với nước nóng, ba lần uống là khỏi.

- *Cá diếc* to, để nguyên vẩy, mổ bụng moi bỏ ruột, dồn vào một cục *phèn chua* bằng đầu ngón tay, đem đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân với nước cơm vào lúc đói là yên.

12. Kinh trị chứng lạnh lỵ đi ngoài luôn, mà không cần mót rặn:

- *Sa nhân sao, Gan dê*, thái mỏng sấy khô trên miếng ngói. *Can khương*. Các vị đều bằng nhau, tán nhỏ luyện với cơm và viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 - 40 viên với nước đã đun sôi, ngày hai lần là khỏi.

- *Củ mài* nửa để sống, nửa sao, tán nhỏ, mỗi lần uống hai ba đồng cân với nước cơm, là khỏi.

- *Cá diếc*, nấu canh với *hẹ* mà ăn là công hiệu.

- *Lá lốt* một nắm sắc uống là yên.

13. Truyền trị đi lỵ ra máu vì nhiệt độc:

- *Dành dành* 14 quả bỏ vỏ, tán bột, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 3 viên, ngày uống 3 lần, rất công hiệu, sắc nước uống cũng được.

- *Ô mai*, bỏ hạt lấy cơm, *Hòe hoa*, sao qua. Hai vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần dùng hai đồng cân với nước cơm, hết ngay

- *Cỏ tháp bút*, 5 đồng, mỗi lần uống vào lúc đói là khỏi.

- *Ngũ bội tử*, sao tán nhỏ, *Ô mai* ngâm nước bóc lấy cơm. Giã nát làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 - 60 viên với nước nóng là khỏi.

- *Lá sen*, sắc với nước chảy mà uống, rất hay...

- *Ô dược*, đốt tồn tính, tán nhỏ, dùng cơm gạo trần mễ giã nhuyễn luyện làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước cơm vào lúc đói, là lành.

- *Hạt gai dầu* (Cần xa) nghiền với nước lọc bỏ bã, nấu với đậu xanh cho chín mà ăn, rất tốt.

- *Bạc hà* sắc uống thường xuyên, rất hay.

Can khương, đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân, uống với nước cơm, rất hay

- *Mộc nhĩ sao*, đốt tồn tính tán nhỏ, uống với rượu, hoặc uống với nước giếng ban mai cũng công hiệu.

14. Kinh trị lỵ đi ra máu đau thắt ở bụng rốn:

- *Đậu sị* 1 vốc. Sắc với 1 bát nước, sôi 2 dạo thì uống, nếu xích bạch lỵ lẫn lộn thì dùng đậu sị sao đen, sắc lên mà uống, rất công hiệu.

15. Kinh trị lỵ đi ra máu do tỳ thấp:

- *Thanh bì* bỏ ruột sao, *Hòe hoa sao, Kinh giới*. Ba vị đều bằng nhau sắc uống lúc đói, là khỏi.

16. Kinh trị lỵ đi ra máu, đau bụng, hoặc đi ra chất như óc cá, nhiều màu sắc lẫn lộn đó là do độc rượu:

- *Mướp* 1 quả, để cả vỏ và hạt đốt cháy tán nhỏ mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với rượu vào lúc đói là khỏi.

17. Kinh trị lỵ đi ra máu mủ ngày vài chục lần, lâu ngày không khỏi, là do phong độc:

- *Tạo giác thích, Hòe hoa* để sống. *Chỉ thực* sao với cám. Đều bằng nhau, tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước cơm, ngày 3 lần, hay lắm.

18. Kinh trị đi lỵ ra máu mũi không khỏi:

- *Quán chúng* 5 đồng cân, nửa rượu nửa nước sắc cho uống, rất công hiệu.

19. Kinh trị đi lỵ khát nước uống rất nhiều:

- *Mạch môn đông*, bỏ lõi 3 lạng, *Ô mai* bỏ hạt 20 quả, nước 1 thăng. Sắc còn 9 phân, cho uống dần dần là công hiệu.

- *Ô mai* nấu nước, uống thay nước trà là khỏi.

20. Kinh trị kiết lỵ đi ra phân sắc xanh:

- *Can khương*, cắt nhỏ như hạt đậu đen, mỗi lần uống 6,7 hạt với nước cơm ngày uống 3 lần, đến 2 lần là khỏi.

21. Kinh trị chứng kiết lỵ do ăn các đồ sống lạnh như: cua, trai,... tỳ vị bị lạnh mà sinh ra, chữa nhiều phương vẫn không khỏi:

- *Ngó sen,* giã nát uống với rượu nóng, uống vài lần là khỏi.

22. Truyền phương chữa kiết lỵ hay như thần:

Dây mơ lông, Cỏ seo gà, Rễ cỏ tranh, Rễ cây phèn đen. Đều bằng nhau gừng sống, dùng chút ít, sắc đặc để nguội cho uống lúc đói

23. Truyền phương chữa kiết lỵ đi ngoài ra máu mà chữa nhiều thuốc mà không khỏi:

Vỏ ốc bươu lẫn trong đất đã lâu năm, lấy về rửa sạch tán nhỏ liều dùng 2, 3 đồng cân, uống với nước chín là khỏi.

24. Trị chứng kiết lỵ ngày đêm đi vô độ:

- *Cỏ seo gà, Rễ cỏ tranh, Lá Phèn đen, Lá mơ lông, Vỏ cây duối, Nam mộc hương, Củ cỏ cú, Lá ngải cứu* Có đau xoắn trong ruột gia *Hoàng liên, Chỉ xác, Hạt cau,* đi ngoài ra nhiều máu gia *Hồng hoa, Tô mộc, sáp ong...* Sắc uống.

25. Kinh trị kiết lỵ đi ngoài ra máu, giỏ từng giọt không khỏi:

Địa du, Hoàng bá. Hai vị đều nhau, tán nhỏ, liều dùng 3 đồng cân uống với nước cơm. Mót rặn thì gia *Mộc hương, Đậu xanh, Củ nâu.*

XI - ỈA CHẢY

Bệnh ỉa chảy có 8 loại: thấp, phong, hỏa, đờm, thực tích, tỳ tả, thận tả... Làm sao mà biết?

- Đi ngoài ra nước như xối bụng không đau là *thấp.*
- Mới ăn vào lại đi ngay, cơm cũ không tiêu là *phong.*
- Đau bụng đi ngoài như nước nóng, mỗi cơn đau lại đi ngoài một lần, là *hỏa.*
- Đi ngoài lúc nhiều lúc ít, khát nhiều là *đờm.*
- Đau bụng dữ dội rồi đi ngoài, đi ngoài được mà giảm đau là *thực tích.*
- Đau bụng chân tay lạnh là *hàn.*
- Thường đi lỏng đấy là *tỳ tiết.*
- Canh năm mới đi ngoài là *thận tiết.*

Bệnh này, hình như dễ chẩn đoán, nhưng gặp phải bệnh chứng phức tạp khó đoán thì kê đơn cứu chữa cũng rất khó. Khó là vì tỳ là mẹ của tạng khác mà bệnh ỉa chảy hay làm hại tỳ tức là hại đến nguyên khí của con người, cho nên không được coi thường.

1. Kinh trị chứng tỳ hư ỉa chảy lâu năm. Ví như đất với nước đồng hóa nhão ra, phương này có thể làm ấm bàng quang, để đái được trong thì ruột già chặt lại. Tuy thuốc khác cũng hay, nhưng không thể gạn lọc chất đục và chất trong được:

- *Hạt sen già* bóc vỏ tím, sao vàng tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân, nấu nước *trân mễ* cho uống lúc đói bụng, rất hay.

2. Kinh trị chứng bỗng nhiên đi tả, bụng chướng lên, ngày đêm đi mãi, dùng mọi thuốc đều không khỏi đi khí thoát:

- Ích trí nhân 2 lạng sắc đặc cho uống là khỏi

- *Sáp ong*, mỗi lần dùng 2 đồng cân, đập cho vào 2 quả trứng gà, một ít muối xào chín mà ăn, chưa khỏi thì làm lần nữa.

- Lấy 4, 5 *hạt hồng xanh*, bọc giấy ướt nướng chín cho ăn.

3. Kinh trị thổ tả không dứt, tay chân giá lạnh, bất tỉnh nhân sự:

- *Nam tinh* tán nhỏ trộn giấm rịt vào gan bàn chân, hết ngay.

4. Kinh trị hàn tả ỉa ra toàn nước:

- *Can khương* nướng tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân, uống với nước cháo là công hiệu.

5. Kinh trị sau khi thổ tả, thoát dương nguy cấp, chân tay giá lạnh, bất tỉnh nhân sự:

- *Hành trắng* giã nát, xào nóng, chườm vào lỗ rốn, lại dùng 21 tép hành khác giã nát, hòa với rượu cho uống thì hồi dương, thật là phương thuốc thần.

6. Kinh trị đau bụng ỉa chảy do tạng hàn cực hư:

- *Lưu hoàng, sáp ong*. Đều 2 lạng, nấu chảy tan ra, làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 5 viên, uống với nước mới múc, rất hay.

7. Kinh trị ỉa chảy lâu ngày sắp nguy, dùng mọi thứ thuốc đều không khỏi vì thận chủ về đại tiểu tiện, ỉa chảy lâu ngày thì thận hư, không nên chuyên chữa về tỳ vị.

- *Cốt toái bổ* tán nhỏ dùng trái cật heo bổ đôi, móc bỏ cái trắng ở giữa, nhét thuốc tán vào, áp lại nướng chín mà ăn là lành.

8. Kinh trị ỉa chảy lâu ngày, ăn kém sút:

- *Gạo nếp* 1 thăng, ngâm nước 1 đêm, phơi khô sao chín, *Củ mài* 1 lạng đều tán nhỏ, trộn đều mỗi sáng sớm dùng 1 vốc, cho vào 3 muỗng đường cát và ít hạt hồ tiêu, quậy với nước sôi mà uống, mùi vị rất ngon mà rất bổ ích, uống lâu còn có tác dụng ấm tinh khí để có con, đây là phương thuốc bí truyền.

9. Kinh trị chứng nhiệt tả ỉa mãi không thôi.

- *Lá mã đề* giã vắt lấy nước cốt hòa với 1 chung mật ong sắc nóng lên cho uống, hoặc dùng hạt mã để tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước cơm, rất hay.

- *Muội nồi* tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước cơm cầm ngay.

- *Ngải cứu* lâu năm 1 nắm, *Gừng sống* 1 củ. Sắc cho uống nóng là khỏi.

- *Rễ sầu đâu cứt chuột* 2 phần *lá sầu đâu cứt chuột* 1 phần. Sắc nước uống khi đói rất hay.

- *Lá dây củ nâu, Lá lấu* Mỗi thứ 1 nắm, sắc cho uống là cầm ngay.

- *Lá vông*, nấu sôi xông vào lỗ đít, lúc nước ấm thì rửa tay chân, lại dùng tỏi giã nát, dịt hai lòng bàn chân và giữa lỗ rốn, cầm ngay.

10. Kinh trị ỉa chảy dùng mọi thức thuốc đều không khỏi:

- *Dạ dày lợn* 1 cái. *Tỏi* 2, 3 tép, dồn vào trong bao tử heo nấu chín, giã nhỏ làm viên bằng hạt ngô, mỗi lần dùng 30 viên, uống với nước cơm vào lúc đói là khỏi.

11. Kinh trị bỗng nhiên bị ỉa chảy, ngày đêm không ngớt sắp chết:

- *Lá gai* hái ngày mồng 5 tháng 5 âm lịch phơi dâm tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân (Trẻ em nửa đồng cân) uống với nước lạnh chớ dùng nóng mà làm cho bệnh nhân xốn xáo khó chịu.

- *Dây mơ dại*, cả rễ và lá 1 nắm, sắc đặc chờ nguội, uống vào lúc đói là cầm ngay.

12. Kinh trị ỉa chảy không ngớt và cũng chữa được chứng xích bạch lỵ.

- *Vỏ quả lựu*, hoặc vỏ cây lựu đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân uống với nước cơm vào lúc đói rất hay.

13. Kinh trị chứng ỉa chảy mùa hè.

- *Ngũ bội tử* tán nhỏ, luyện với cơm là viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần dùng 20 viên, thăng với nước lá sen.

14. Kinh trị ỉa chảy ra máu:

- *Hạt mùi* 1 vốc, sao thơm tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước chín, ngày uống 2 lần rất tốt.

- *Địa phu tử* sắc lấy nước, (không có hạt thì dùng lá giã vắt lấy nước bỏ bã), nấu cháo với gạo tẻ mà ăn, sẽ cầm ngay.

- *Tóc rối* 5 đồng cân, đốt thành ra, *Bông mồng gà*. Lá trắc bá. Mỗi vị dùng 1 lạng tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân uống với rượu lúc đi ngủ, sáng hôm sau cho uống 1 chén rượu nóng, chỉ 1 lần là kiến hiệu.

- *Hoa hòe, Hạt mã đề,* đều bằng nhau, sao chung tán nhỏ. Liều dùng 2 đồng cân, uống với nước là yên ngay, khỏi thì thôi.

15. Kinh trị di ỉa chảy ra máu không ngớt:

- *Cỏ tháp bút* lúc đói sắc cho uống là khỏi.

- *Lá đơn đỏ* 1 nắm sao chảy tán nhỏ, liều dùng 1 đồng cân uống với nước cơm hoặc sắc cho uống đều tốt.

Chữa người lớn trẻ em ỉa chảy, kiết lỵ, dùng *Cỏ tràng hàn*.

- *Củ cỏ cú, Nam mộc hương (Khổ lang bì), Vỏ cây duối, Vỏ cây sung, Vỏ cây vải, Vỏ cây sắn, Vỏ củ nâu.* Các vị đều bằng nhau, tán nhỏ luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh. Liều dùng 5 viên, có khát nước thì dùng củ sắn dây sắc làm thang, thổ tả thì thang bằng nước cơm, lỵ thang bằng nước chè.

16. Chữa chứng nhiệt tả.

- *Hạt mã đề*, sao qua, tán nhỏ, liều dùng 1 đồng cân, hòa nước cơm mà uống.

- *Lá lấu, rễ trâng, lá chỉ thiên* Ba vị bằng nhau sắc uống.

XII - ĐÁI ĐỤC

Bệnh đái ra toàn nước đục không trong, là do tửu sắc quá độ, lo nghĩ buồn phiền khiến tâm thận đều hư mà không chủ trì được, nguyên tinh không giữ vững mà sinh ra bệnh này. Tâm suy mà ghé nhiệt thì đái đục mầu đỏ, gọi là xích trọc, tâm suy thêm thận hãn thì đái đục màu trắng gọi là bạch trọc, âm không thăng dương không giáng, trên dưới trái ngược nhau thì đái ra chất trắng đỏ lẫn lộn nhưng đại để đều do thấp nhiệt mà ra cả.

Về phép chữa nên *Thanh tâm tư thận, giáng hỏa trừ đờm* làm chủ yếu.

1. Kinh trị chứng đái đục, đái dắt, đái ra chất trắng như dầu, màu sắc biến đổi, cặn lắng xuống như cao, như hồ, do nguyên khí không đủ, hạ tiêu hư tàn mà ra:

- *Ích trí nhân, Tỳ giải, Thạch xương bồ, Ô dược.* Đều bằng nhau bốc làm 1 thang, sắc gần được thì cho nhúm muối, uống lúc đói lòng là bệnh yên.

2. Kinh trị chứng dái ra chất đục, trắng.

- *Rơm lúa nếp* sắc đặc lấy 1 bát, phơi sương 1 đêm, sáng sớm cho uống rất hay.

- *Củ cải*, khoét rỗng ruột, dồn Ngô thù du vào, đậy kín lại cho vào chõ đồ chín rồi lấy ra, bỏ hết ngô thù, chỉ lấy củ cải sấy khô, tán nhỏ, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 50 viên, uống với nước muối, ngày uống 3 lần, rất hay.

- *Hạt bí đao,* thứ để lâu ngày càng tốt, sao tán bột, mỗi lần dùng 5 đồng cân, uống với nước cơm vào đói, là công hiệu.

- *Lá dướng*, sấy khô, tán nhỏ, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần 50 viên, uống với nước sôi vào lúc đói, rất hay.

- *Ngài tằm* cấu bỏ đầu, chân, cánh, sấy khô, tán nhỏ, giã với cơm làm viên bằng hạt ngô đồng đỏ xanh 40 viên, uống với nước muối nấu lên vào lúc đói, rất hay.

3. Kinh trị chứng dái dục vì bệnh hư lao.

- *Xương dê,* tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân, uống với rượu nhạt vào lúc đói, là khỏi.

4. Kinh trị chứng dái dục vì khí hư.

- *Gạc hươu,* đẽo vụn 1 nắm, sao vàng tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với rượu vào lúc đói, cầm ngay.

5. Kinh trị chứng dái dục vì thận hư đau nhói hai bên sườn cùng xương sống:

- *Ngũ vị tử* 5 lạng, sao tán nhỏ, dùng giấm khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 30 viên, uống với giấm hoặc nước nóng.

6. Kinh trị chứng dái dục bụng đầy, bất kỳ trai gái đều công hiệu:

- *Ích trí nhân,* tẩm nước muối sao, *Hậu phác,* tẩm gừng sao. Đều bằng nhau, gừng 3 lát, táo 1 quả, sắc nước uống, rất hay.

7. Kinh trị chứng dái ra nước đục màu đỏ do tâm thận hư kém, tinh ít, huyết ráo, miệng khô, phiền nhiệt, đầu choáng váng, hồi hộp:

- *Thỏ ty tử, Mạch môn đông* (bỏ lõi). Hai vị đều bằng nhau, tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 70 viên, uống với nước muối vào lúc đói, rất hay

8. Kinh trị chứng dái ra nước đục màu đỏ vì lao tâm:

- *Hạt sen già*, bóc bỏ lõi, hai lạng, chích *Cam thảo* 4 đồng cân. Đều tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân sắc nước cỏ tim bấc làm thang mà uống lúc đói, rất hay.

9. Truyền trị chứng dái ra nước đục màu trắng, tiểu tiện tự ra không nín được:

- *Sài hồ, Nhân trần, Mộc thông*. Đều bằng nhau, sắc uống vào lúc đói ngoài ra dùng lá hẹ 1 nắm sắc đặc, nhân lúc nóng xông vào ngọc hành, là lành.

10. Truyền trị chứng dái đục.

- *Rễ cây vông vang* 1 nắm. Cạo sạch vỏ ngoài giã nát, đổ nước 3 phần sắc còn 1 phần, phơi sương 1 đêm, uống vào lúc đói, rất hay.

- *Rau muống* 1 nắm. Vò nát lấy nước đặc, lắng lấy nước trong 1 bát, hòa với một chén mật, uống lúc đói, là kiến hiệu.

XIII - DI TINH

Di tinh là tinh khí trong ngọc hành tự chảy ra, phát bệnh có chia ra hai loại hư thực khác nhau, phải dò xét cho kỹ.

Phàm người trai tráng khỏe mạnh mà ở nễ một mình, vì mơ tưởng dục tinh, hoặc nằm mộng thấy gái mà xuất tinh, đấy là tinh khí vì tràn đầy mà tiết ra, không cần phải dùng thuốc, được thỏa mãn tình dục là hết bệnh. Con người nguyên khí hư kém, tâm không tàng thần, thận không tàng tinh mà di tinh, nằm mơ thấy giao hợp mà xuất tinh thì chủ yếu là phải bổ dưỡng tâm thận, mà trước hết phải điều hòa tỳ vị, làm cho tâm thận được củng cố, tỳ vị được bồi bổ thì bệnh tự khắc khỏi.

1. Kinh trị bỗng nhiên di tinh hoặc nằm thấy giao hợp mà xuất tinh:

- *Qùa hòe* 4 lạng, Đậu đen 1 vốc. Sao chung cho thơm, thêm *Bạch Chỉ và Hồ tiêu* (người bệnh bao nhiêu tuổi thì dùng bấy nhiêu hạt tiêu) sao qua, cùng ngâm rượu cho uống lúc đói, tùy ý mà uống thì bệnh sẽ khỏi.

2. Kinh trị chứng di tinh, rỉ giọt, di tiểu sót lại và ban đêm hay di tiểu.

- *Ích trí nhân,* 24 hạt, sắc nước cho vào ít muối mà uống chưa khỏi thì làm thêm uống.

3. Kinh trị di tinh vì nội nhiệt:

- *Rỉ sắt,* tán nhỏ, liều dùng 1 đồng cân, uống với nước lạnh, chỉ uống 3 lần là kiến hiệu.

- *Cỏ nhọ nồi (cỏ mực)* sấy khô tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân uống với nước cơm vào lúc đói, hoặc lấy nước hòa với 1 chén mật, nửa chén rượu mà uống, uống được lâu thì tóc râu đen lại, kiên tinh cố tủy, rất hay.

4. Kinh trị chứng nằm mộng xuất tinh:

- *Hạt tía tô* vài lạng, tán nhỏ, mỗi liều dùng 1 đồng cân uống với rượu ngày hai lần là kiến hiệu.

5. Kinh trị mơ mộng mà di tinh:

- *Xương sống mũi đầu chó,* đốt thành than, tán nhỏ, mỗi liều dùng 2 đồng cân, uống với rượu lúc đi nằm, là khỏi.

6. Kinh trị nằm mơ giao cấu mà di tinh:

- *Củ hành,* thái mỏng lúc đói nấu cháo ăn ngày 5, 6 lần thì k .ỏi.

7. Kinh trị trai hoặc gái thường chiêm bao thấy giao cấu với qủi, tinh thần hoảng hốt người càng ngày càng gầy.

- *Gạc hươu* đẽo nhỏ, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cần uống với rượu vào lúc đói, rất công hiệu.

XIV - LÂM CHỨNG

Lâm chứng là chứng đi đái rất khó khăn, đau buốt trong ngọc hành muốn đái không đái được, nguyên là vì ham ăn đồ cao lương hậu vị, rượu nồng, thịt nướng quá nhiều, hoặc do lo nghĩ, sắc đục quá độ, đến nỗi thủy hỏa mất điều hòa, tâm thận không còn giao thông với nhau mà sinh năm chứng lâm như "*khí lâm*", "*sa lâm*", "*huyết lâm*", "*Cao lâm*" và *lao lâm*".

- *Khí lâm*. Là chứng đái gắt, thường mỗi khi đái sót lại mấy giọt (lậu khí)

- *Sa lâm* là lậu ké, di tinh khí đọng lại trong ngọc hành, mỗi khi đi đái đau buốt, đái không ra, hễ ra được thì tận gốc.

1. Kinh trị chứng khi dái thấy dau buốt, hoặc dái ra máu dái ra cát, dái ra sạn, sưng dau.

- *Ngưu tất* 1 lạng, *Nước* 2 bát. Sắc lấy một bát uống nóng hoặc cho vào một tí rượu mà uống rất hay. Nếu đái buốt ra máu thì uống với bột *hoạt thạch* 1 lạng, nếu dau thì gia thêm ít *Xạ hương và Nhũ hương* càng hay. Một người đàn bà bị bệnh này 10 năm, nhờ uống bài này mà khỏi.

2. Bài thuốc kinh nghiệm chữa 5 chứng lâm

Cỏ chỉ thiên, rễ cây vậy dỏ, rễ cây vậy trắng, rễ tranh, thịt ốc bươu, cỏ bấc. Đều bằng nhau, sắc cho uống vào lúc đói là khỏi.

- *Chua me* đất tươi giã vắt lấy nước cốt 1 chung, rượu 1 chung, hòa lẫn cho uống lúc đói là khỏi.

- *Hạt vông vang, Biển súc, Nhân trần, Mộc thông, Hạt mã đề, lá tre, Đều dùng 2 đồng cân. Cỏ bấc nửa đồng,* sắc cho uống là đái sẽ thông.

- *Củ gai*,giã nát sắc cho uống là đái sẽ thông

- Dùng *củ gai* thêm *hạt mã đề* trọng lượng bằng củ gai, nghiền ra. *Hành* 3 tép giã nát vắt lấy nước cho uống rất hay.

- *Cỏ bấc,* sắc cho uống thường xuyên, rất hay.

- *Rễ cà thái* mỏng phơi khô sắc đặc hòa nước đái trẻ con cho uống, rất hay.

3. Kinh trị tiểu tiện từng giọt sót lại, lúc có lúc không.

Tỏi 1 củ, bọc lấy nướng chín, phơi sương 1 đêm, cắn ăn lúc đói, uống với nước mới múc, rất công hiệu.

4. Kinh trị chứng lậu nhiệt, dái buốt.

- *Rễ biển súc* 1 nắm, sắc nước thường uống.

- *Rau sam*, giã lấy nước thường uống, rất hay.

- *Lá gãng*, 1 nắm to, giã nát hòa với nước 1 bát, lắng bỏ bã, lại cho vào 1 chén mật, uống lúc đói, chỉ uống 3 lần là kiến hiệu.

5. Truyền trị chứng lậu khi di dái rắt.

- *Vỏ cây dướng,* cạo bỏ vỏ ngoài, lấy lớp trắng 1 nắm to, sắc đặc uống lúc đói, rất hay.

- *Củ kim cang* đốt qua, thái mỏng phơi khô sắc uống thay nước trà rất hay.

- *Mộc thông* 5 đồng, *Hành tăm* 5 tép. Sắc uống nóng là thông.

- *Nhựa cây dào, Mật ong:* Đều 1 lạng, nước 1 bát sắc còn phân nửa, uống lúc đói là rất tốt.

- *Vỏ cây bồ hòn,* cạo vỏ ngoài, dùng một nắm to, cắt nhỏ, sắc đặc uống lúc đói rất hay.

6: Truyền trị đàn bà bí đái.

- *Gọng rau muống* 1 nắm to, giã nát đắp vào rốn là đái sẽ thông.

7. Truyền trị chứng "cao lâm" dau buốt, các thuốc không hiệu quả.

- *Tổ bọ ngựa cây dâu* mỗi lần dùng một cái nướng khô tán nhỏ, uống với rượu vào lúc đói, nặng lắm thì uống 2, 3 lần là khỏi.

- *Cỏ mần trầu* 1 nắm to, giã nát, đổ vào một bát nước, sắc sôi lọc bỏ bã cho vào một chén con mật, uống lúc đói rất hay.

- *Xương dê,* đốt cháy tán nhỏ, mỗi liều dùng 2 đồng cân, lấy *vỏ trắng cây dâu* , sắc nước làm thang mà uống, công hiệu.

8. Kinh trị chứng lậu máu buốt dữ.

- *Ngó sen* giã nát lấy nước 1 bát, *Tóc rối* đốt ra tro, 1 đồng cân. Hòa vào mà uống, chỉ ba ngày là hết máu, khỏi đau.

- *Hạt cau rừng* 1 hạt. *Mạch môn đông* 5 đồng, bỏ tim, sao, sắc lấy nước, mài *hạt cau,* uống vào lúc đói là khỏi.

- *Tinh tre* 1 nắm to, nước 2 bát. Sắc lấy nửa phần uống lúc đói, rất hay.

- *Nhựa cây đào* sao khô, *thạch cao, Mộc thông* đều 1 đồng cân, nước một bát sắc còn 7 phần uống sau bữa ăn là khỏi.

- *Đậu đỏ* 3 vốc, sao qua tán nhỏ. Mỗi lần 2 đồng cân, dùng hành 1 củ nướng qua, đánh tan trong rượu nóng mà uống thì hay.

- *Hạt vông vang* 1 cân nước 3 thăng. Sắc còn một nửa, ngày uống 3 lần là công hiệu.

- *Hạt bìm bìm,* nửa sao nửa để sống, nghiền nhỏ lấy lớp bột đầu, mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với nước gừng, uống một lúc lâu rồi uống thêm nhiều trà nóng.

- *Lá đậu đen* 1 nắm to. Sắc với hai bát nước, còn phần nửa uống lúc đói là công hiệu.

- *Rêu xanh* dưới đáy thuyền, cạo lấy một nắm bằng quả trứng vịt, đổ 2 bát nước, sắc còn nửa, uống vào lúc đói.

- *Củ nghệ, Củ hành tăm* Đều bằng nhau, làm 1 thang sắc uống lúc đói, là công hiệu.

- *Ngài tằm* bỏ đầu, chân, cánh, sấy khô, tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với rượu vào lúc đói, rất công hiệu. Bệnh khỏi thì thôi uống.

- *Trùn khoang* cổ to 6,7 con, (thứ nhỏ hơn thì 10 con). Nghiền nát đổ một bát nước lạnh, khuấy đều đợi lắng trong, lọc bỏ bã mà uống kiến hiệu ngay.

- *Hạt mã đề* tán nhỏ mỗi lần dùng 2 đồng cân, lại lấy hạt mã đề sắc nước mà uống vào lúc đói, nếu thạch lãm thì thêm vỏ du da tức dâu ta nửa phần, *tóc rối* một cục đốt cháy cùng sắc mà uống.

- *Lá cà,* giã tươi vắt lấy nước 1 bát, hòa vào ít muối và ít rượu mà uống, tự yên.

- *Rễ tranh* 1 lạng. *Can khương* nửa đồng, sắc nước hòa vào một chén mật, uống vào lúc đói sẽ khỏi.

- *Răng cá gáy* 1 vốc tán nhỏ, hòa vào chút ít giấm (thứ lâu năm), chia 3 lần uống hết, công hiệu lắm.

- Theo phương trên bỏ giấm dùng rượu uống vào sẽ đái ra được cục ké trong ngọc hành, mà lành.

9. Kinh trị chứng lậu ké đau buốt:

- *Dế dụi* 7 con. Muối 1 lạng. Dùng miếng ngói mới, bỏ muối trên vào dưới dế chính giữa, để trên lửa sấy khô, bỏ muối lấy dế tán nhỏ, mỗi lần dùng một đồng cân, uống với rượu vào lúc đói, cục ké trong ngọc hành ra ngay là khỏi.

- *Mật gà trống* phơi khô 5 đồng cân, *Chất trắng trong cứt gà* 1 lạng, sao vàng. Đều tán nhỏ, mỗi liều dùng một đồng, uống với rượu đái ra được cục ké thì thôi.

- *Cứt chim én.* Sao tán nhỏ 4, 5 đồng cân. Uống với nước lạnh từ sáng sớm đến bữa ăn, thường đái ra được nước lẫn cục ké là lành.

- *Đồng tiền cổ* 49 đồng. Sắc nước uống lúc đói là công hiệu, nếu chưa khỏi thì làm lại mà uống.

Thịt chim khách trống, đốt ra tro, hòa vào nước cho tan mà uống, hòn sỏi tự xuống. Nếu khó biết trống mái thì xem cọn nào cánh bên trái đè lên cánh bên phải là trống, hoặc lấy lông chim, đốt tán nhỏ, bỏ vào nước mà tro nổi là chim trống.

- *Nhựa cây đào,* mỗi lần dùng 1 cục bằng hòn đàn, mùa hè dùng nước lạnh, mùa đông dùng nước nóng độ 1 bát hòa nhựa đào vào cho tan mà uống ngày ba lần, là đái ra hết ké, mà lành.

- *Mai ba ba* (cua đinh) nướng vàng, tán nhỏ, mỗi lần 1, 2 đồng cho uống với rượu, ngày uống 3 lần là đái thông ngay.

- *Vỏ củ ấu* 1 vốc, sắc nước, hòa với một chung mật mà uống rất hay.

Tóc người, đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần dùng một đồng cân, uống với nước giếng vào lúc đói rất hay.

- *Hạt ý dĩ* hoặc cây lá cùng được, sắc nước uống nóng, tháng hè uống lạnh, khỏi bệnh thì thôi.

- *Cây Chuối* nướng chín, vắt lấy nửa bát nước, *lá màn châu, Rễ tranh* đều 1 nắm giã vắt lấy nước, bột đậu xanh 3 đồng cân. Hòa đều, lại hòa vào 1 chén mật uống lúc đói đái ra sạn cát là lành.

Củ cải, xắt mỏng, tẩm mật ít lâu rồi sao khô, lại tẩm lại sao 3 lần, không nên sao cháy quá, nghiền nhỏ uống với nước muối ngày 3 lần, công hiệu không thể nói được.

10. Truyền trị nam nữ thanh niên bị chứng đái gắt sưng đau trong ngọc hành hoặc âm hộ.

Dây lõi tiền tức dây mối giã nát, sắc chín cho muối vào chút ít, uống vào lúc đói là lành.

XV - SÓN ĐÁI

(Đái đàm)

Bệnh són đái là ngày đêm đi đái luôn không chừng độ, do tâm thận hư dương khí suy lạnh, bàng quang không vận chuyển bình thường mà sinh ra. Về phép chữa phải bổ mạnh và thanh tâm tiết dục thì bệnh tự yên. Lại có khi đàn bà do sinh đẻ trắc trở, bàng quang bị tổn thương, hoặc trẻ con bàng quang lạnh.... đều có thể sinh ra chứng đái són không ngăn giữ được. Nên tùy chứng mà chữa.

1. Kinh trị chứng ngày đêm són đái luôn

- *Ích trí* 40 hạt, nghiền nhỏ, bỏ vào tí muối sắc uống.

- *Ích trí nhân, chỉ xác,* sắc nước, đổ vào một chén rượu, uống nóng vào lúc đói.

- *Củ kim cang,* thái mỏng sắc cho uống khi sắp đi nằm thì suốt đêm không đi đái nữa, hoặc dùng củ kim cang sao qua, cắt mỏng sắc nước uống thay trà, hoặc tán nhỏ ra, mỗi lần dùng 2 đồng cân, thang với nước muối hoặc rượu.

2. Chữa chứng đi đái luôn do khí bất túc.

Tiểu hồi, tẩm nước muối sao, tán nhỏ, lấy gạo nếp làm bánh dầy nấu chín chấm thuốc bột mà ăn.

3. Chứa chứng vãi đái không nín được

Bong bóng heo rửa sạch, nấu chung với gạo nếp cho chín nhừ, cho vào chút hồ tiêu, nấu xong bỏ gạo nếp, xắt bóng heo mà ăn. Hoặc dùng tổ ong đốt cháy tán nhỏ, mỗi lần dùng 6 đồng cân, uống với nước cơm là công hiệu.

4. Chứa chứng đái vặt ngày đêm hàng trăm lần là do thận khí suy yếu quá.

- *Ích trí nhân,* bỏ vỏ tẩm muối sao. *Ô dược*, đều bằng nhau, dùng củ mài tán nhỏ nước và rượu khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 70 viên uống với nước muối vào lúc đói. (Súc tuyền hoàn).

- *Bong bóng dê* 1 cái, đổ nước vào cho đầy, buộc chặt cuống lại, nướng trên lửa than cho vàng mà ăn và uống luôn cả nước trong cái bóng nữa. Mỗi buổi sáng cứ ăn một cái, chỉ ăn ba cái bóng dê là lành.

5. Kinh trị di đái luôn vì hạ nguyên hư kém.

- *Hạt sen* bỏ vỏ và tim nửa cân, tẩm rượu hai đêm. *Bao tử heo đực* 1 cái rửa sạch dồn hạt sen vào nấu chín mà ăn. Hoặc nấu cho nát bét; giã nhỏ sấy khô, luyện hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, liều uống 50 viên với nước nóng lúc đói.

6. Kinh trị đàn bà són đái.

- *Tổ bọ ngựa cây dâu,* sao rượu tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với nước gừng là khỏi.

- *Lông gà trống,* đốt tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân, uống với rượu vào lúc đói, là công hiệu.

7. Kinh trị chứng di đái quá nhiều.

- *Ngà voi,* đốt tán nhỏ, liều dùng một đồng cân, uống với nước nóng, hoặc hòa với rượu uống, ngày yống 3 lần. Hoặc thay sừng hươu nướng cũng được.

- *Nhung hươu,* bôi mỡ mà nướng, tán nhỏ uống với rượu.

8. Kinh trị đàn ông đàn bà són đái:

- *Phèn chua,* để trên ngói nung chín khô. *Mẫu lệ* nung đỏ. Hai vị bằng nhau, tán nhỏ liều dùng 1 đồng cân.

- *Vỏ thạch lựu,* bỏ vỏ ngoài, *Tang bạch bì* (kiêng sắt). Hai thứ bằng nhau nửa nước nửa rượu, 10 phần sắc còn 6 phần uống lúc đói thời rất hay.

- *Cao da trâu, vỏ hàu,* (nung đỏ suốt), *Lộc nhung, Tổ bọ ngựa cây dâu,* (sao rượu). Các vị bằng nhau tán nhỏ, khuấy hồ nếp làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 50 viên, nấu với nước muối và rượu mà uống vào lúc đói. Một phương khác không có Lộc nhung.

- *Cao da trâu* 3 lạng, 1 bát nước, 1 bát rượu, sắc uống khi còn ấm, vào lúc đói.

9. Đàn bà mừng quá hại tâm khí, vì tâm với tiểu trường chung một con đường truyền tống, nên sinh di đái ngày đêm vô độ.

Ích trí nhân, Tỳ giải, Thạch xương bồ, Ô dược. Đều bằng nhau, mỗi thang nặng chừng nửa lạng, nước một ít, sắc còn 7 phần cho uống lúc nóng đói. (Tỳ giải phân thanh ẩm). Một phương không có *Ô dược* chỉ dùng 3 vị tán nhỏ quấy hồ làm viên, liều dùng 3 đồng cân, uống với nước muối.

10. Kinh trị vãi đái không nín được:

Rễ tầm xuân (thứ ha trắng) 1 nắm, rửa sạch, cắt miếng sắc nước, thường uống là công hiệu, hoặc tán nhỏ với rượu, lúc đói càng tốt.

11. Kinh trị trẻ em đi đái dầm vì bàng quang lạnh:

Nhục quế tán nhỏ, *Gan gà trống*. Hai thứ bằng nhau giã nát, làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần dùng 5 đến 10, 15 viên tùy trẻ lớn nhỏ, uống với rượu nóng, ngày 3 lần là kiến hiệu.

XVI - BÍ TIỂU TIỆN

Bí tiểu tiện là do thận và bàng quang bị nhiệt. Bàng quang là cái kho chứa tâm dịch, nước đi từ ruột non ngấm vào bàng quang thành ra tiểu tiện. Thận cùng bàng quang bị nhiệt thì vào bàng quang, khí nhiệt quá thịnh nên bế tắc làm cho tiểu tiện không thông, bụng dưới đầy trướng, nặng quá thì thủy khí ngược lên làm cho tim bị bức bách đầy trướng, có khi chết, phép chữa nên xét tận gốc.

1. Kinh trị bí tiểu tiện, 7, 8 ngày, khí xông lên thành thũng trướng, rất nguy cấp mà các thuốc không chữa được:

- *Tía tô* dùng nhiều cho vào nồi to, đổ nước vào nấu sôi, cho bệnh nhân ngồi lên trên mà xông, nguội thì thêm nước sôi vào, xông độ hồi lâu, lại dùng muối sao nóng bọc vải chườm trên rốn và các chỗ sưng phù đái được ngay, phù sẽ xẹp.

- *Cành dào, Cành liễu, Mộc hương, Cỏ nho nồi, Xuyên tiêu.* Mỗi vị dùng 1 lạng, hành 1 nắm, cỏ tím bấc 1 nắm, đều cắt nhỏ làm thang đổ 4 bát nước, sắc còn nửa, đang lúc nóng xông vào chỗ đau trùm mền kín chăn cho hở hơi, một lúc lâu thì đái sẽ thông, công hiệu rất lớn.

- *Hạt tật lê* sao vàng tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu.

2. Kinh trị chứng bí tiểu tiểu trướng bụng, chậm thuốc sẽ chết:

- *Chỉ* 1 lạng tán nhỏ, *Gừng sống* 5 đ/c thái nhỏ, *Bấc* 1 nắm, dùng nước mới múc sắc cho uống. Ngoài dùng 1 cân *Hành* giã nhỏ xào nóng, bọc làm 2 gói, thay đổi mà chườm trên rốn, hơi nóng thấu vào lá đái thông ngay.

- *Muối* 1 nhúm. Bỏ vào rốn, dùng lá ngải khô vò nát để lên mà cứu, cứu mãi đến khi đái thông thì thôi, hoặc dùng củ hành thái mỏng để lên rốn rồi để ngải lên mà cứu, càng hay.

- *Trùn đất* 5, 6 con. Nghiền nát, đổ nước lạnh vào khuấy đều, đợi lắng trong lọc bỏ bã cho uống, lập tức đái thông.

- *Ốc bươu* 1 con, *Muối* nửa đồng cân, cùng giã nát rịt vào rốn dầy 1 tấc 3 phân, đái sẽ thông ngay.

- *Xác rắn* 1 cái, đốt tồn tính tán rượu nhỏ hòa rượu cho uống, sẽ kiến hiệu ngay.

- *Mỡ heo* 1 miếng (chừng 1 lạng), nước 2 bát sôi 3 dạo, cho uống vào là đái được ngay.

- *Ngà voi* cạo lấy mạt một nắm, sắc cho uống là đái được.

- Dùng nước mài dao 1 chén cho uống cũng công hiệu.

3. Kinh trị bí tiểu tiện đau thắt bụng dưới, khí trướng xông lên mà ngất.

Trần bì 3 lạng, *Hành* 3 củ, *hạt quỳ* 1 lạng, nước 5 bát sắc còn 2 bát, chia uống 3 lần là đái thông.

4. Kinh trị đái không thông

- *Dành dành* 14 quả, *Tỏi* 1, (tức dùng loại tỏi chỉ có 1 củ cái, không có nhiều tép) cho vào tý muối giã lẫn cho thật nát đem rịt vào rốn và bìu dái, một hồi lâu là đái thông.

- *Mã đề* 1 thăng, *Nước* 3 thăng, sắc còn một nửa chia uống 3 lần.

- Phương khác dùng *Mã đề* vò lấy 1 bát nước, hòa với 1 muỗng mật cho uống.

- Phương khác thêm nước *Bí đao* hoặc giã *Lá dâu* lấy hòa nước với bí đao cho uống.

- *Hạt thầu dầu* 3 hạt, giã nát rải vào tờ giấy cuộn lại đút vào trong lỗ đái là thông ngay.

- *Rau mùi, rễ Vông vang,* đều dùng 1 nắm, nước 3 bát sắc còn 1 nửa, hòa một lạng bột. *Hoạt thạch,* chia uống 3 lần là thông. Hoặc dùng 3 con *Dế dũi* nướng vàng muối với rượu. Hoặc dùng 2 đồng cân bột *Mộc thông* vào với rượu mà uống đái sẽ thông ngay.

5. Kinh trị bí tiểu tiện dùng các thứ thuốc đều không khỏi, hoặc tức đái do thai chuyển bào chèn bọng đái.

- Dùng ống lông ngỗng đút vào cuống bong bóng heo, cột chặt lại, thổi hơi cho bong bóng căng lên rồi đút đầu ống lông ngỗng vào lỗ đái, mạnh tay bóp cho hơi vào trong là đái vọt ra ngay rất hay.

- *Lá dây chìa vôi,* giã nát dít vào lỗ đái một hồi lâu lấy ra, rồi lấy nước lã rửa chỗ dịt, nước đái sẽ vọt ra ngay rất hay.

6. Kinh trị tiểu tiện không thông sai lệch cuống bàng quang, nguy cấp:

- Lấy gọng *Hành, Muối* tán bột nhét vào, đem đút vào cái lỗ đái, thổi vào 1 cái là thông ngay.

- *Bèo tía* phơi khô tán nhỏ liều dùng 1 đ/c, cho uống với nước 2 ngày lần, đái sẽ thông.

- *Bồ hoàng,* bọc vải buộc ngang eo lưng rồi cúi đầu xuống sát đất mấy lần thì đái sẽ thông. Đấy là phương pháp đạo dẫn.

7. Kinh trị chứng vì nín đái quá thành chứng sai lệch chỗ bàng quang, đái không thông:

Cắt lấy móng tay móng chân của người bệnh, đốt ra tro cho uống với nước chín.

8. Kinh trị đái không thông do bàng quang nhiệt:

Vỏ bí đao sắc đặc cho uống là đái sẽ thông.

9. Kinh trị đàn bà bị chứng chuyển bào đái không thông:

Ổ bọ ngựa lấy 2 cái, nướng khô tán bột, hòa với nước uống 2 lần.

10. Kinh trị đàn bà bỗng nhiên bí đái:

Ngưu tất 1 nắm (bỏ cuống). Sắc nước hòa vào 1 chén rượu mà uống là công hiệu.

11. Truyền nam phụ lão ấu đái không thông:

Khế chua 7 quả. Mỗi quả chỉ cắt lấy chỗ gần cuống một miếng, đổ vào một bát nước sắc còn nửa bát uống nóng. Lại dùng 1 quả giã nát, dịt vào lỗ đái. Lại dùng 1 củ tỏi cũng giã nát dịt vào lỗ rốn, là đái sẽ thông ngay.

XVII - BÍ ĐẠI TIỆN

Bí đại tiện là do táo bón quá không ỉa được, vì đói no thất thường, nhọc mệt quá độ tổn hại đến vị khí lại còn ăn đồ cay nóng, ngon béo để tăng thêm hỏa độc. Hỏa độc làm hao tán chân âm, tân dịch kém sút không thấm nhuần được, nên sinh ra đại tiện táo bón.

Nội kinh chia là năm chứng: Phong, Khí, Hàn, Nhiệt, Thấp lại có người tuổi già khí hư, tân dịch không thể tư nhuận mà táo bón, lại có đàn bà sinh đẻ mất máu tân dịch khô kiệt mà táo bón, các chứng bệnh đều có nguyên nhân của nó, nên phân biệt mà chữa mới không làm cho người bệnh chết oan.

1. Kinh trị người yếu, do lo rầu quá hại phế khí, mà con đường đùn đẩy của đại tràng có quan hệ biểu lý với phế, cho nên phế khí có bệnh là đại tiện sẽ bế tắc. Hoặc do dùng nhiều đồ cay nóng quá sinh ra đại tiện táo bón.

Trần bì (bỏ xơ trắng), *Tía tô* (lấy cành lá non), *Chỉ xác* (bỏ ruột sao qua), *Mộc thông* (bỏ mắt). Đều bằng nhau, sắc cho uống nóng là thông ngay.

2. Kinh trị chứng đại tiện táo bón, đây là phương thuốc thuận khí lợi ruột, rất hay:

Hạt tía tô, Hạt gai dầu. Đều bằng nhau, giã nhỏ cho vào nước lọc bã, nấu cháo với gạo mà ăn rất hay.

3. Kinh trị đại tiện bí kết, đến nỗi hôn mê, bất tỉnh nhân sự.

- *Ốc bươu to* 2, 3 con, dùng cả vỏ, *Muối* 1 chén con. Cùng giã nát, đắp vào rốn dày 1 tấc 3 phân, dùng vải buộc chặt lại là khỏi.

4. Kinh trị chứng táo bón, phân táo tắc lấp trong ruột, sưng đau không thông:

- *Đào hoa* 1 lạng, luộc chín cho ăn lúc đói, độ nửa ngày thì sôi bụng đi ra hết chất độc, sẽ khỏi.

5. Kinh trị đại tiện bí do có thấp nhiệt trong trường vị:

Binh lang 1 hạt to, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đ/c *hành* 3 củ thái mỏng. *Nước tiểu trẻ em* 1 bát. Cùng sắc cho uống hoặc dùng Binh lang 3 đồng, nửa nước nửa mật nấu làm thang cho uống nóng, rất hay.

6. Truyền trị chứng bụng trướng đầy, đại tiện bí kết:

Nghệ vàng sao khô tán nhỏ, *Mủ cây vú bò*. Cùng giã nhỏ làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 3 viên, đại tiện nhuận ngay.

7. Truyền trị đại tiện không thông, mọi thuốc không đỡ:

- *Củ rẻ quạt* giã sống 3 đồng. Hòa với 1 chén nước, lọc bỏ bã, cho uống là thông ngay.

- *Ô mai* 10 quả, gỡ bỏ hạt lấy cơm, tẩm ước nóng viên lại bằng quả táo, đem đút vào lỗ đít lập tức thông ngay.

8. Truyền trị táo kết bụng trướng lên, mặt vàng mà sưng, ợ chua, ăn không được:

- *Gạo nếp* 8 đồng, *Can khương* 1 đồng, *Vỏ quít* 5 phân, *Ba đậu* 2 hạt.

Cùng sao vàng rồi sàng bỏ *Ba đậu* lấy 3 vị kia tán nhỏ, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh, liều dùng 5 - 7 viên, nấu nước *Gừng*, với *Tía tô* làm thang, uống sau bữa ăn. Nếu người hư yếu quá thì dùng 3 viên.

- *Hành trắng* cả rễ 1 tép, *gừng sống* 1 củ, *muối* 1 nhúm, *Đậu sị* 2 hạt. Cùng giã nát làm thành bánh, nướng nóng đem đặt vào rốn, dùng băng băng chặt lại, hồi lâu khí nóng thấu vào, là thông, nếu chưa thông thì làm lại lần nữa.

- *Hòe hoa* phơi khô tán nhỏ. Mỗi lần dùng 1 đ/c hoặc uống sống cũng công hiệu. - *Cuống dưa đá* 7 cái tán nhỏ, rịt vào lỗ đít, sẽ thông đại tiện.

- *Chỉ thực* sao qua, *Bồ kết* bỏ hạt và vỏ đen. Đều bằng nhau, cùng tán nhỏ mỗi lần dùng 1 đồng cân uống với nước cơm hoặc quyết với nước cơm làm viên mà uống với nước cơm là công hiệu.

- *Mủ cây vú bò*, trộn với *Bồ hóng bếp*, làm viên bằng hạt nhân phơi khô, mỗi lần uống 1 viên, sắc 7 nhát gừng 1 đ/c muối và 1 bát nước làm thang, mà uống dần dần xuống, một lúc uống hết là đại tiện thông. Thuốc này gọi là "Bị cấp hoàn" người già chớ dùng.

- *Tổ ong* đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đ/c với nước nóng.

- *Hột bìm bìm* tán nhỏ, rây lấy lớp đầu tiên, nửa để sống nửa sao cho uống với nước gừng. Chưa thông lại uống nữa. Một phương khác gia thêm Chỉ xác sao, Bồ kết bỏ hạt và viên vành. Các vị đều bằng nhau tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 70 - 80 viên, uống với nước nóng rất hay.

- Cùng phương trên, *Hạt cau, Thanh bì*, lượng bằng nhau.

9. Kinh trị đại tiện bí kết:

- *Cao da trâu* 3 tấc, *Hành trắng* 1 nắm. Sắc với 4 bát nước còn 1 bát rưỡi, mà uống.

- Phương trên, hòa vào 1 chén mật mà uống thì ỉa được.

10. Kinh trị bí đại tiện và chữa người già bị phong hư mà táo bón:

Bồ kết lâu ngày, đốt tồn tính, đổ ra đất, úp bát lại 1 đêm, tán nhỏ, hòa với rượu uống mỗi lần 1 muỗng, vào lúc đói.

11. Kinh trị đại tiện bí vì phong:

Tật lê sao 2 lạng, *Hạt Bồ kết*. Bỏ vỏ tẩm mỡ hoặc váng mỡ mà nướng, 5 đồng cân, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân, uống với nước trà hoặc lẫn nước muối. Phương khác chỉ dùng *Bồ kết* không dùng *Tật lê*.

12. Kinh phương: Trị đại tiện bí vì phong vì khí:

Hạt cải củ 1 vốc, ngâm nước nghiền nhỏ, hòa với bột bồ kết 2 đồng, mà uống.

13. Phép thông khoa bằng dầu:

Hành trắng, giã nát lấy nước bôi khắp người ngoài cái ống tre đút vào lỗ đít, lại lấy dầu mè bằng nửa phần nước hành, hai thứ trộn đều đổ vào trong bong bóng heo, khiến người bệnh nằm ngửa, co chân lên đưa nước thuốc trong bong bóng heo dốc vào trong ống tre cho chảy lỗ đít, là ỉa được ngay.

14. Thông khoan bằng mật ong:

Dùng mật ong cô đặc như keo, thừa lúc đang nóng vắt thành thoi dài bằng ngón tay, chấm bột tạo giác vào đầu nhọn, đút vào lỗ đít, chốc lát thì ỉa ra được phân táo.

- *Nõn lá dong* dùng hành giã nát bôi vào cuống lá ấy mà đút vào lỗ đít, là ỉa được ngay.

15. Thông khoan bằng mật heo:

Dùng 1 cái *Mật heo*, đổ bớt một phần nước mật, gia giấm ngon vào trộn đều, dùng ống đút vào lỗ đít rồi tiếp cái mật vào ống tre cho nước chảy vào một chốc là ỉa được ngay.

16. Thông khoan bằng gừng:

Một *củ gừng*, cạo bỏ vỏ, gọt thành hình ngón tay, bôi nước muối vào, đút vào lỗ đít, là ỉa được ngay.

XVIII - BÍ ĐẠI TIỂU TIỆN

Bí đại tiểu tiện là sự bài tiết không thuận lợi, nêu theo phương pháp sau đây mà chữa.

1. Kinh trị bí đại tiểu tiện 5, 6 ngày:

Tìm bắt con *Bọ hung* to trong đống cứt trâu, phơi râm cho khô rồi cất để dành. Lúc thì lấy con để trên miếng ngói đốt lửa sấy khô, tán nhỏ hòa vào trong nước mới múc

mà dùng, nếu chỉ bí đái thì dùng nửa phần dưới, nếu chỉ bí đại tiện thì chỉ dùng nửa phần trên, nếu bí cả hai đại tiện thì dùng nguyên cả con, rất công hiệu.

- *Mật ong,* 1 bát cho vào 2 đồng cân Phác tiêu, đổ vào một bát nước sôi hòa đều mà uống, rất công hiệu.

2. Chứng quan cách không thông (nuốt không xuôi, ợ không thông) bụng đầy trướng uống thuốc không khỏi.

- *Củ tỏi* nướng chín, bỏ vỏ ngoài, bọc bông lại, đút vào lỗ đít, là thông ngay.

3. Kinh trị đại tiểu tiện bí đã mười ngày phình bụng trướng lên gần chết, mọi thuốc không công hiệu.

- *Hột Vông vang*, dùng 5 đồng cân sắc uống, chưa thông lại cho uống lần nữa.

4. Kinh trị bí đại tiểu tiện, bụng dưới đau quặn, không kể bệnh mới hay đã lâu đều công hiệu:

- *Kinh giới, Đại hoàng.* Hai vị đều bằng nhau, tán nhỏ, liều dùng 3 đồng cân, bí đái thì giảm nửa đại hoàng, bí ỉa thì giảm nửa kinh giới, uống với nước nóng.

5. Kinh trị đại tiểu tiện không thông, uống các thuốc mà không công hiệu:

- *Củ rẻ quạt.* Giã sống vắt lấy nước cốt 1 bát cho uống là thông ngay.

- *Chua me đất, Mã đề,* 1 nắm, giã vắt lấy một bát nước, cho vào 1 đồng cân đường cát mà uống, đại tiểu tiện thông là khỏi.

- *Hành trắng,* giã nát hòa với giấm thanh dịt vào lỗ rốn, dùng ngải cứu đốt 7 mồi là thông ngay.

- *Hạt cau già,* tán nhỏ, mỗi lần dùng hai đồng cân, nửa mật nửa nước, sắc lên cho uống. Hoặc nước tiểu trẻ em sắc với hành trắng mà uống.

- *Bồ kết,* đốt tán nhỏ, mỗi lần dùng 3 đồng cân, hòa với nước cháo mà uống. Hoặc dùng nhiều bồ kết bỏ vào nồi đốt cháy xông vào lỗ đít.

- *Ba đậu, Hoàng liên* đều 5 đồng cân, tán nhỏ, nhào với nước làm bánh trước lấy hành và muối giã nhỏ vắt lấy nước, nhỏ vào lỗ rốn đặt bánh thuốc lên trên, để lá ngải (lâu năm) lên mà cứu 27 mồi là thông ngay.

- *Tổ ong,* đốt cháy tán nhỏ, mỗi lần dùng 2, 3 đồng cân, uống với rượu, ngày hai lần.

- *Cứt thỏ nắm để vào rốn, giỏ nước lạnh vào hồi lâu khí thấu vào sẽ thông ngay. Hoặc dùng cứt chuột đực tán nhỏ đắp vào rốn, giỏ nước lạnh cho thấu vào.*

- *Hành,* giã nát, 1 bát. Nước 2 bát, sắc còn 1 bát lọc bỏ bã cho uống ấm thì thông ngay.

- *Lá đào* 1 nắm to, rửa sạch giã nát cho vào nước mà vắt lấy nước cốt để uống, rất hay.

XIX - TRĨ RÒ

(Trĩ lậu)

Trĩ rò hay mạch lươn là chứng trong và ngoài hậu môn đều mọc mụn, nếu mọc mục mà không vỡ mủ gọi là "trĩ", lở loét chảy máu mủ, chảy nước vàng gọi là "trị lậu", rò, hay "mạch lươn". Cho nên trĩ là thuộc thực, chứng nhẹ, mạch lươn là thuộc hư, chứng nặng. Sách Nội kinh có chia làm 5 chứng tuy tình trạng cùng tên gọi khác nhau nhưng căn bản đều do ham ăn đồ hậu vị cay nóng, hoặc do rượu trà dâm dục, lo nghĩ uất nhiệt tích độc mà sinh ra. Búi trĩ mọc kín trong hậu môn hoặc lòi ra ngoài, độc nặng thì búi to, độc nhẹ thì búi bé, to thì giống như cái mồng gà, hoa sen, quả đào, bé thì giống như cái vú bò, quả tim gà, hay nhân

hạt đào, hoặc chảy máu mủ, khi đi khi ngồi thì rất đau đớn khổ sở, lâu ngày không khỏi sẽ sinh trùng.

Về phép chữa không ngoài phép *thanh nhiệt, lương huyết, sát trùng,* là chủ yếu.

1. Kinh trị 5 chứng trĩ.

. Trĩ ngoại thì đi ngoài máu ra trước phân.

. Trĩ nội thì đi ngoài trong phân có máu và lòi trôn trê.

. Thử trĩ thì chung quanh hậu môn mọc mụt như đuôi chuột.

. Nuy sang là đầu hậu môn lổ thủng lở loét.

. Trùng trĩ thì lổ đít có trùng... đều dùng chữa được cả.

Hoa hòe, Kinh giới, Chỉ xác, Lá ngải cứu, đều 1 nắm, cho vào 3 đồng cân bột phèn chua, dùng lá chuối bịt kín miệng nồi, nấu sôi 5 - 7 dạo, nhấc xuống chọc 1 lổ cho hơi bốc lên, để xông lổ đít, đến lúc nước ấm ấm dùng nước ấy rửa đít, làm vậy vài ngày thì bệnh khỏi hẳn.

2. Kinh trị bệnh trĩ mới phát:

Rau sam, luộc chín cho ăn nhiều, lại lấy nước luộc ấy mà xông rửa trĩ, trên dưới 1 tháng thì thu kín miệng mà khỏi bệnh.

3. Kinh trị bệnh trĩ mạch lươn, không cứ lâu ngày hay mới phát, 30 năm cũng kiến hiệu:

Tua sen 1 lạng rưỡi, *hạt bìm bìm đen,* tán nhỏ, rây lấy lớp đầu 1 lạng rưỡi, *Đương quy* 5 đồng. Đều tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân, uống với rượu vào lúc đói, năm ngày là kiến hiệu, kiêng ăn đồ cay nóng.

4. Kinh trị bệnh trĩ mạch lươn mới phát, rất công hiệu:

- *Kén tằm* 2, 3 cái. Cắt móng tay người đàn ông dồn đầy trong kén, ngoài dùng tóc trẻ con buộc chặt đốt tồn tính tán nhỏ, hòa với mật bôi vào chỗ lở.

- Ngày 8 tháng chạp (âm lịch) lấy *mật trâu đen...* nhét *hạt hòe* vào cho đầy phơi râm 100 ngày, mở ra mà dùng, mỗi lần dùng 10 hạt, uống với rượu vào lúc đói, rất hay.

5. Kinh trị bệnh "thử trĩ" (có mụn chảy mủ như vú chuột) đau nhức nằm ngồi không được, mọi thứ thuốc đều không công hiệu.

Ốc bươu 8, 9 con, mỗi con đều cạo vảy ở miệng ra bỏ vào một ít phèn chua rồi đậy lại, chôn xuống đất 1 đêm, khi chôn nhớ để ngửa miệng trở lên, sáng hôm sau sấy lên, dùng lông gà, nhúng nước trên vảy ốc mà phết vào chỗ lở 5, 7 lần là hết đau, mà lành.

6. Kinh trị bệnh trường trĩ, khí trĩ (có mụn ở trực tràng), máu mủ dầm dề:

- *Xuyên sơn giáp* 1 lạng, đốt tồn tính, *Nhục đậu khấu* 3 quả. Đều tán nhỏ, mỗi lần dùng 3 đồng cân, uống với nước cơm vào lúc đói, người hư nhược thì thêm *Da nhím chồn* đốt ra tro tán nhỏ, bệnh lành thời thôi.

Vảy con trút (Xuyên sơn giáp), lấy 3 hàng vảy ở chỗ cuống đôi, đốt tán nhỏ, cho vào tí *xạ hương*, hòa với nước trà mà uống, cặn thì bôi vào chỗ lở.

7. Kinh trị bệnh trường trĩ (trĩ nội) ra máu lâu năm không khỏi: - *Cỏ tháp bút*, 2 lạng, *Chỉ xác* 2 lạng, *Can khương*, 1 lạng, *Đại hoàng*, 2 đồng rưỡi. Đều sao đen tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với nước sôi.

8. Kinh trị chứng trĩ mạch lươn ra máu:

- *Ích mẫu tươi*, giã vắt lấy nước cốt cho uống.

- *Lá kê đầu ngựa*, hái ngày mồng 5 tháng 5 âm lịch, tán nhỏ liều dùng 1 đồng cân, uống với nước, rất hay.

- *Rơm lúa nếp*, đốt ra tro, ngâm nước nóng rồi đem ngâm chỗ đau 3 - 5 lần, là kiến hiệu.

- *Đậu đỏ* 3 thăng, *Giấm* 5 thăng. Nấu chín, phơi khô, lại tẩm lại phơi, tẩm hết giấm thì thôi, tán nhỏ, mỗi lần dùng 3 đồng cân, uống với rượu, ngày 3 lần.

- *Củ kim cang, Củ ráng (quán chúng)*. Đều bằng nhau, đốt qua cạo bỏ vỏ ngoài tán nhỏ, mỗi lần dùng 3 đồng cân, uống với rượu lúc đói, khỏi bệnh và đại bổ ích.

- *Hành trắng* 3 lạng, nấu lấy nước để xông, rửa công hiệu; hoặc chua me đất 2 nắm, nước 2 thăng sắc lấy phần nửa, ngày uống 3 lần.

9. Kinh trị 5 loại trĩ ra máu:

Mộc nhĩ cây dâu, nấu canh ăn no vào lúc đói, 3 ngày cho ăn 1 lần, đợi chỗ lở bỗng nhiên đau như chim mổ, lấy đậu đỏ 1 thăng, giã lẫn nhau gói làm hai túi đem nấu, thừa lúc nóng ấy thay đổi mà ngồi lên trên thì khỏi. Hoặc dùng mộc nhĩ cây hòe tán nhỏ, mỗi lần dùng 3 đồng cân, uống với rượu, lúc đói, ngày 3 lần.

10. Kinh trị bệnh trĩ ra máu:

Lá hòe 1 cân. Đồ chín, phơi khô, nấu thay nước chè uống lâu ngày sẽ khỏi bệnh và còn sáng mắt.

11. Kinh trị 5 loại trĩ, bất cứ trĩ nội, ngoại, đều chữa khỏi:

- *Mai ba ba (Cua đinh)* chữa chứng mẫu trĩ: lỗ đít sưng mụn lòi ra, có mủ như vú chuột.

- *Da nhím* chữa chứng tẫn trĩ: Lỗ đít sưng mụn lòi ra có mủ.

- *Tổ ong tàng* chữa chứng mạch trĩ: lỗ đít có nhiều mụn, ngứa đau.

- *Xác rắn* chữa chứng huyết trĩ: đi ngoài bắn ra máu tươi.

- *Móng chân giò heo đeo* bên trái chữa chứng tráng trĩ: lỗ đít nổi mụn, lồi trôn trê la ra máu.

Các vị đều bằng nhau, đốt ra tro tán nhỏ, trộn đều nhưng tùy loại trĩ mà dùng gấp bội lên 1 phần vị chủ dược ấy, liều dùng 2 đồng cân, uống với nước giếng múc lúc sáng sớm. Có phương *Xạ hương* (chút ít).

12. Kinh trị chứng "thử bao thạch", thịt đùn ra như hạch chuột đau buốt mà chưa thành mủ.

- *Lá trắc bá*, giã đắp vào, lại dùng muối rang nóng bọc vào giẻ mà chườm, hơi thấu vào thì tiêu.

- *La trắc bá,* nấu với nước phèn chua, phơi khô. *Cước bẹ móc* đốt ra tro, đều dùng lạng. *Hoa hòe* sao cháy 2 lạng, cùng tán nhỏ, liều dùng 3 đồng cân, uống với rượu lúc đói.

13. Truyền trị bệnh "Thử nhũ trĩ", thịt dùn như vú chuột bất luận đã lâu hay mới phát dùng nhiều thuốc không công hiệu.

- *Nghệ rằm,* lấy nhiều cho vào nồi đất đổ nước vào, lá chuối bịt kín miệng nấu sôi rồi trổ một lỗ để xông vào mụn trĩ, lúc hết hơi, nước còn ấm thì rửa lành.

- *Trấp* 1 quả to, bỏ ruột, *Ba đậu* 3 đồng cân, bỏ vỏ nghiền nát. Nhét ba đậu vào trong ruột quả trấp, lấy dây buộc chặt lại, bỏ vào nồi đất, đổ giấm vào nấu cho cạn khô, rồi lấy quả chấp phơi khô tán nhỏ mỗi lần dùng chút ít, rắc lên giấy mà dán vào mỗi ngày thay một lần, lúc thay nấu nước hoa hòe mà rửa rồi lại dán giấy thuốc khác, dán hết cho cục thịt thừa ở trong là thôi. Nếu chỗ trĩ cứ chảy nước lâu ngày thì dùng nước miếng hòa với thuốc tán mà đặt vào đầu miệng lở, sẽ phá vỡ, tiêu hết.

14. Truyền trị bệnh trĩ đã hàng chục năm không khỏi :

- *Mật gấu,* bôi vào là rất hay, trăm thứ thuốc đều không bằng:

15. Kinh trị chứng trĩ mạch lươn chảy nước:

Bọ hung dùng 1 con, giết chết, phơi râm hoặc sấy khô, cho vào ít băng phiến tán nhỏ, nấu nước phèn chua rửa sạch chỗ lở trước rồi dùng thuốc bột quấn vào giấy đem đút vào lỗ mạch lươn, dần dần thịt mới sẽ sinh ra và tự đẩy thuốc ra ngoài. Hoặc không dùng băng phiến cũng được.

16. Trị bệnh trĩ đau nhức không chịu nổi:

Rết to đầu đỏ chân dùng 3, 4 con nấu chung với 1 bát nhỏ *Dầu mè,* sôi hai ba dạo, *Ngũ bội tử* tán nhỏ dùng 2, 3 đồng cân. Hai vị ngâm chung trong lọ, cất kín, đến lúc dùng lấy dầu bôi vào thì hết đau lập tức.

Hoặc dùng con *rết* đốt tồn tính tán nhỏ mà bôi cũng hay, hoặc chỉ dùng dầu ngâm rết mà bôi cũng được.

- *Biển súc,* giã vắt lấy nước cốt 1 thăng mà cho uống luôn, chưa khỏi lại uống tiếp; hoặc trộn với bột làm bánh mà ăn, ngày ăn 3 lần là kiến hiệu.

- *Rau giấp cá* 1 nắm, nấu nước cho xông, ngâm rửa, bã dịt vào chỗ đau. Hay quả chấp nướng chín thừa đang nóng đem chườm vào, làm hết 7 quả là lành. Hoặc dùng

- *Chỉ xác* tán nhỏ, bỏ vào nồi đổ nước, nấu sôi 100 dạo mang ra mà xông, đợi nước ấm, ngày ba lần, đến lành thì thôi.

- *Lá hẹ* giã nát, vắt thành bánh thường ngồi lên trên rất hay. - *Lá hẹ* 1 nắm, dùng nồi đất đổ nước vào nấu sôi lên, bỏ nắm hẹ vào nấu lá chuối bịt kín nồi, chọc thủng một lỗ, ngồi lên trên và xông lúc nước ấm ấm thì rửa 2 - 3 lần.

- *Bồ kết* nấu xông, sau lấy mật con ngỗng hòa với bột *Bạch chỉ* dịt vào là lành ngay.

- *Giấy trứng tằm* (đã nở con rồi). Lấy một số khá nhiều, đốt ra tro tán nhỏ, uống với rượu vào lúc đói, người khỏe mạnh mỗi lần uống 2, 3 đồng cân, người yếu thì mỗi lần uống

một đồng. Ngoài dùng nhện hùm 1 con, hoa kim ngân 3 đồng, đất sét bọc ngoài nướng đỏ suốt lấy ra để nguội, đập vỡ lấy 2 vị nghiền nhỏ, lấy gọng thài lài chấm thuốc bột chấm vào lỗ lở, đến lành thì thôi. Nếu chỗ lở đau lắm thì dùng quả cà giã nát hòa vào chút ít bằng phiến, bôi vào chỗ đau, không có quả thì dùng rễ cà, cũng công hiệu.

- *Nghệ*, tán nhỏ, hòa với nước mà đắp vào hoặc mài nghệ mà bôi vào, là tiêu.

- *Hạt giần sàng* (Xà sàng tử) nấu nước xông mà rửa cũng công hiệu. - *Hạt mè* nấu nước rửa cũng tiêu. *Kinh giới* nấu nước ngày thường rửa cũng được.

- *Mật trăn* mài tan với dầu mè mà bôi vào là công hiệu ngay, bí đao nấu nước ngày thường rửa cũng tốt, hoặc dùng xương con lươn tán nỏ đốt ra khói mà xông, cũng lành.

- *Bầu đắng* 3, 5 quả dùi lỗ lớn bằng đầu ngón tay, bỏ vào nồi nấu chín, mỗi lần dùng 1 quả, lấy cái ống tre một đầu cắm vào lỗ quả bầu, đầu kia hướng vào lỗ đau mà xông, nguội thì đổi quả khác, đến lành thì thôi.

17. Kinh trị chứng phong trĩ sưng đau, lúc phát lúc không:

Bạch cương tàm 2 lạng, tán nhỏ, bỏ đầu, chân rửa sạch, sao vàng tán nhỏ, dùng *Ô mai* nấu chín bỏ hạt, giã nát làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 5 viên, sắc 5 lát gừng với nước và mật mà uống vào lúc đói, khỏi bệnh thì thôi.

18. Truyền trị năm loại trĩ đau nhức:

- *Hạt mùi* sao thơm tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đ.c uống với rượu vào lúc đói, vài lần là kiến hiệu.

- *Hạt ngò rí*, 1 vốc, *Chỉ xác* 3 lạng, bỏ ruột và sao, *Bồ kết* 1 quả bỏ vào và nướng. Cùng tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 30, 40 viên, uống với nước cơm lúc đói, khỏi bệnh thì thôi.

19. Kinh trị trùng ăn loét ở ruột cùng (thấy ruột lòi ra là chết):

- *Móng chân ngựa*, đốt tán nhỏ hòa với mỡ heo, gói lụa nhét vào lỗ lở mỗi ngày 3 lần là lành.

- *Móng deo chân giò heo*, đốt ra tro tán nhỏ bôi vào rất hay.

20. Chữa lòi trôn trê, chảy nước, ngứa tức là có trùng:

- *Ngải cứu*, khô 1 nắm, *Gừng* tươi 2 lát. Sắc nước uống. Ngoài lại dùng gừng, lá ngải, rễ xoan nấu ra nước đậm, đang nóng thì xông, nước ấm thì rửa 5, 6 lần là khỏi.

- *Lá dào* 1 bó giã nát, cho vào nồi đổ nước đầy bịt kín lá chuối cột kỹ nấu sôi 2, 3 dạo trổ một lỗ trên miệng mà xông chỗ đau, có trùng thì trùng bò ra.

- *Cỏ nụ áo, Hạt cau rừng, Rễ* hoặc *lá thạch lựu*. Nước chảy về phía đông 1 bát. Sắc uống, đợi trùng chết, chỗ lở kín miệng thì thôi uống.

- *Hạt bìm bìm*, sao nghiền lấy lớp bột lần đầu 1 lạng. Dùng thịt heo 4 lạng, nướng chín chấm thuốc bột mà ăn cho hết, lấy nước gạo trắng 3 bát uống dần thấy trùng sắc trắng ra là thôi, kiêng uống rượu, dâm dục, ăn đồ nhờn béo.

21. Kinh trị bệnh trĩ có trùng, ngứa ra hoặc ra máu có mủ:

Vỏ cây hòe, bỏ vỏ mỏng ngoài, lấy thật nhiều thớ trắng trong, sắc đặc, trước xông sau rửa, sau một thời gian lâu muốn đi đại tiện, thời thường có trùng ra, làm như vậy vài ba lần là khỏi, lại lấy vỏ trắng cây hòe, giã mềm như bông đắp vào lỗ đít cũng công hiệu.

22. Kinh trị bệnh trĩ có trùng, mót rặn đi ngoài ra không được:

Hạt cau rừng tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân, uống với nước sôi lúc đói, kiến hiệu dần dần, khỏi thì thôi.

23. Kinh trị 5 chứng trĩ các chứng mạch lươn.

- *Kim ngân hoa,* hoặc cành lá, rễ, không kể nhiều ít, cho vào nồi tẩm rượu và sấy than một đêm, lấy ra phơi khô tán nhỏ, lại dùng kim ngân sắc nước hòa với rượu mà khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 50 đến 100 viên, uống với rượu nhạt, rất có hiệu quả.

- *Kim ngân hoa,* tán nhỏ dùng hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 50 viên, sắc nước chỉ xác mà uống lúc đói, đại tiện ra máu thì uống nước hạt *Mần tưới, Lá Trắc bá, Chỉ xác,* đều 1 lạng tán nhỏ, uống mỗi lần 2 đồng cân với nước cơm vào lúc đói.

24. Kinh trị 5 loại trĩ:

Hạt cải tán nhỏ, tẩm với nước và mật dịt vào chỗ đau, khô lại thay miếng khác là công hiệu.

25. Kinh trị bệnh rò có nhiều chỗ thông nhau:

- *Bán hạ,* tán nhỏ, hòa với nước đắp vào ngày 2 lần là công hiệu.

26. Kinh trị chứng mạch lươn, thủng lỗ chảy nước và chứng lồi trôn trê (lòi dom):

- *Xương ống chân hổ* 2 đốt, bôi mật nướng vàng đỏ, tán nhỏ, nấu bánh làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 20 viên, uống với rượu vào lúc sáng sớm rất hay.

- *Tổ ong tàng* hình như quả mướp 1 cái, nếu không có cái nhỏ thì dùng cái to, nướng vàng tán nhỏ, sắc vào nếu chỗ lở mà khô thì dùng mỡ heo mùa đông trộn thuốc, thường bôi vào.

- *Ức mai rùa, Mai ba ba, phèn chua,* đều đốt tồn tính, đều bằng nhau tán nhỏ, rắc vào chỗ đau là lành.

27. Kinh trị chứng tửu trĩ lòi trôn trê (vì uống rượu mà sinh trĩ):

- *Xơ mướp* đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với rượu vào lúc đói rất hay.

28. Kinh trị 5 loại trĩ lòi trôn trê trăm phương không kiến hiệu:

Chuột xạ (Chuột chù) 1 con, *rết* 1 con. Bỏ nguyên cả con vào trong nồi, đậy vung lại, ngoài nồi lấy đất bùn nhồi với trấu cho dẻo mà trát một lớp dầy độ 1 tấc, bỏ vào lửa hầm một đêm, lấy ra đợi nguội rồi mở nồi lấy ra thuốc tán nhỏ, rắc vào chỉ 4 lần là lành.

XX - LÒI DOM (TRÔN TRÊ)

Lòi dom là đầu ruột cùng lòi ra ngoài. Lỗ đít với ruột già có quan hệ gốc ngọn có tương quan biểu lý với phế, phế nhiệt thời ruột bế tắc không thông, phế hư thì ruột lòi ra không thu vào. Thế nên nguyên nhân sinh ra bệnh lòi trôn trê hoặc vì có chứng tràng phong hạ huyết, hoặc bị trĩ, mạch lươn uống nhiều thuốc hàn lương quá mà lòi ra ngoài, hoặc do đi lỵ lâu ngày rặn nhiều quá mà lòi ra, hoặc sản phụ lúc đẻ phải rặn nhiều quá cũng có trẻ con do hò hét giận dữ và đi lỵ lâu ngày hư yếu bên ngoài mà lòi ra.

Phép chữa phải xét rõ từng bệnh chứng mà xử lý.

1. Kinh trị lòi trôn trê đi lỵ lâu ngày:

- *Quả trấp* 2 quả, mài vào đá cho bằng, nhúng vào mật ong nướng vàng, thừa lúc đang nóng chườm vào, nguội lại thay cái khác, làm đến thụt vào thì thôi.

2. Kinh trị bệnh lòi trôn trê lâu ngày không thụt vào:

- *Lá sen* (lấy loại lá mọc là là trên mặt nước), sấy khô tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân, uống với rượu, lại dùng lá sen khác, rắc thuốc tán ấy lên trên mà ngồi, rất hay.

- *Bồ kết* 5, 6 quả, đập nát cho nước vào, giã nhỏ vắt lấy nước cốt mà chấm, sẽ thụt vào.

- *Hoa hòe* nấu nước nóng mà xông, khi nước ấm thì uống và rửa, vài ngày lại thụt vào.

- *Bèo tía* phơi khô tán nhỏ dịt vào.

- *Lá hẹ* cắt nhỏ trộn với giấm xoa nóng, dùng lụa gói làm 2 gói thay nhau mà chườm sẽ khỏi.

- *Cua đinh (Ba ba)* 1 con luộc chín mà ăn thịt, còn nước luộc ấy đem rửa chỗ đau, xương đầu nó đốt tồn tính, tán nhỏ rắc lên, là thụt vào.

- *Nhện nhện* 7 con đốt tồn tính tán nhỏ trộn với dầu mè bôi vào, rất hay.

- *Cỏ hy thiêm* giã nát trộn với giấm, nặn thành bánh hơ lửa nóng mà đắp vào nguội thì thay.

- *Củ gai* đập giập nát, nấu sôi, lúc đang nóng thì xông, nước ấm thì rửa là công hiệu. Hoặc *Cỏ tháp bút* đốt tồn tính tán nhỏ, xức vào rồi lấy tay đẩy lên, là nó thụt vào.

- *Đất vách đằng đông* đã lâu năm, tán nhỏ rắc vào, ngoài lấy bồ kết nướng nóng ép lên, quả này nguội thay quả nóng khác, rất công hiệu.

- *Hương phụ mễ, Hoa kinh giới* tán nhỏ đều bằng nhau mỗi lần uống 1 đồng cân; lại dùng mỗi vị 1 đồng cân, đổ 1 bát nước nấu sôi 10 dạo, đổ ngâm và rửa.

- *Qủa hòe, Hạt hòe.* Các vị bằng nhau tán nhỏ, trộn với tiết dê tươi vắt lại một cục phơi khô, đến lúc dùng lại tán nhỏ ra, mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với rượu vào lúc đói.

- *Hạt giần sàng, Cam thảo.* Đều 1 lạng tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân uống với nước sôi ngày 3 lần và dùng thuốc tán rắc vào.

- *Xương hổ* đốt tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân, uống với nước ngày 3 lần rất hay.

- *Bồ hong, Cứt chuột* cho vào nồi mà đốt ra khói, bố trí cách ngồi lên mà xông, rất hay.

- *Bồ hoàng* tán nhỏ, trộn với mỡ heo dịt vào, ngày thay vài ba lần.

3. Chữa sưng đau muốn thành bệnh trĩ.

Dùng dao mổ heo mài lấy 1 bát nước cho uống rất hay.

- *Rau sam, Chua me đất.* Đều dùng mỗi thứ 1 nắm, nấu sôi để xông và rửa ngày 3 lần.

- *Thỏ ty tử* sao đen tán nhỏ, trộn vào lòng trắng trứng gà mà đắp. Hoặc dùng củ gai, giã sống, ngồi lên trên cũng hay.

HẾT QUYỂN VI

NAM DƯỢC THẦN HIỆU

Mười khoa chữa bệnh

QUYỂN VII

CÁC BỆNH NỘI NHÂN

I - NỘI THƯƠNG

Nội thương là khí huyết tạng phủ bị thương tổn bên trong. Thân thể con người nhờ khí huyết mà sinh trưởng, nhờ tạng phủ mà nuôi dưỡng. Cho nên khéo bồi dưỡng thì có ích, không khéo gìn giữ thì có hại.

Khéo bồi dưỡng là gì?

- Là: Lo nghĩ vừa phải, mừng giận có chừng, ăn uống dè dặt, làm lụng điều độ... như thế là có ích.

Không khéo giữ gìn là gì?

- Là ham muốn quá độ, tửu sắc không dè, thất tình dồn ép, làm lụng quá sức, tinh thần và hình thể đã bị mệt mỏi ắt là gặp phải tai hại mà phát sinh bệnh tật. Cho nên biết giữ thân phải hết sức cẩn thận, biết phòng bệnh hơn là chữa bệnh.

Bệnh nội thương lúc mới phát cũng giống như bệnh ngoại cảm, người chữa bệnh phải xét cho rành, nội thương là do nguyên nhân khí suy yếu mà sinh bệnh, ngoại cảm là do tà khí quá thịnh mà phát sinh. Nếu nguyên khí suy yếu mà còn công tả, hoặc tà khí quá thịnh mà còn bổ còn liễm thì sai một ly đi một dặm. Tục ngữ có câu: "*Thuốc có thể cứu người mà cũng có thể giết người*". Lời nói ấy thật không phải là quá đáng. Cho nên người chữa bệnh, hễ giỏi về mạch thì xem mạch để đoán bệnh, như thế mới tránh khỏi cái vạ "giết người không dao".

Bệnh nội thương thì nóng rét xen nhau không cùng phát một lúc, ngoại cảm thì cùng phát một lúc mà không gián đoạn. Nội thương tuy không sợ rét nhưng hễ được ấm thì đỡ, ngoại cảm thì sợ rét, mặc dù gặp nóng dữ cũng không đỡ. Nội thương chỉ sợ gió, nhưng chỉ sợ một thứ gió độc nào đó, ngoại cảm sợ gió và mọi thứ gió lạnh đều sợ, Nội thương miệng ăn không biết mùi vị mà trong bụng không điều hòa. Ngoại cảm thì mũi ngửi không biết mùi vị, như bị nghẹn bí tắc, nội thương thì vì nguyên khí không đủ, thường nhác nói, tiếng nói, trước nặng sau nhẹ, ngoại cảm thì tà khí có thừa, tiếng nói mạnh bạo, trước nhẹ sau nặng. Nội thương thì lòng bàn tay nóng mà lưng bàn tay mát. Ngoại cảm thì lòng bàn tay mát mà lưng bàn tay nóng. Nội thương thì đầu lúc nhức lúc không, ngoại cảm nhức đầu liên miên. Phải dựa vào các phép so sánh trên đây của Nội kinh mà xét kỹ tình trạng nội thương hay ngoại cảm, xem lại bệnh ở vào tạng nào, kinh nào để chiếu theo các phương mà chữa.

1. Kinh trị hư tổn lâu năm không khỏi.

Hột bí đao bóc vỏ phơi khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân uống với rượu nóng lúc đói, uống lâu thì kiến hiệu.

2. Kinh trị lao tổn, nóng hầm hập, các thứ thuốc không chuyển.

Thanh hao dùng cả cây, hoa và lá, sắc đặc, hoặc cô thành cao hòa với nước tiểu trẻ em, thường uống thì rất công hiệu.

3. Kinh trị người nguyên khí hư yếu, ăn uống không biết ngon, hình dáng vàng gày, đái đục, di tinh, tai ù, mắt mờ, thường hay xây xẩm, đi tả đi lị, ăn vào mửa ra.

Hột sen bỏ vỏ, bỏ tim, tẩm rượu sao vàng, tán nhỏ, dồn vào cái bao tử heo đực buộc chặt lại, nấu chín giã nát, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 100 viên với nước trà vào lúc đói, thật là phương thuốc tiên.

4. Kinh trị người huyết hư, nóng hầm trong xương, đổ mồ hôi trộm, hình dáng khô gầy, chảy máu cam, đại tiện ra huyết, mọi chứng huyết nhiệt nói chung.

Thịt trâu và tủy trâu, thường dùng làm món ăn, ăn được nhiều rất bổ.

5. Truyền trị nội thương, trong bụng có hòn báng.

Trùn khoang cổ, lấy dao tre rạch bỏ đất trong ruột rửa sạch, ngào với mật ong, mỗi lần dùng 4, 5 con uống với nước trà vào lúc đói, uống 3 buổi sáng thì kiến hiệu. Nếu nhiều đờm thì lấy dầu mè tẩm trùn, sao cho khô, rồi mới ngào với mật ong mà uống.

6. Truyền trị bệnh nội thương, hư tổn người khô khan gầy róc, tiểu tiện không ngăn giữ được, hoặc đại tiện đi lỏng.

Bong bóng heo đực, 1 cái, *Hột sen* bóc vỏ, bỏ tim, tán nhỏ. Rưới rượu ngon chút ít cho đều, bỏ vào đầy bong bóng buộc chặt, cho vào nồi nấu chín, đợi nguội mang ra cắt nhát cho ăn tùy thích. Ăn được 4, 5 lần là kiến hiệu.

Chi tử sao vàng sẫm tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng nước với gừng.

7. Kinh trị chứng lao nhiệt (hễ làm mệt thì sốt) và chứng sốt từng cơn.

Lá mướp đắng, Lá câu kỷ. Hai vị bằng nhau giã nhỏ, hòa với nước chảy về phía đông, lọc bỏ bã mà uống. Hết cơn mệt một lúc thì hòa với một chén mật mía, ho tức ngực thì hòa với một chén mật ong, eo lưng đau, tai điếc thì hòa với chút muối.

8. Truyền trị các chứng sốt do nội thương hay ngoại cảm.

Lá và dây mướp đắng không kể nhiều hay ít, nấu thành cao trữ lại để dùng, lúc dùng pha nước sôi hòa vào mà uống.

II - HƯ LAO

Hư lao không phải là một chứng riêng biệt, các bệnh lâu ngày không khỏi đều thành hư lao, hư lao lâu ngày không khỏi mà thành lao trùng, thì dẫu thầy thuốc giỏi đời xưa cũng khó trở tay. Đó là nói bệnh đã thành hình rồi mới uống thuốc thời cũng như đợi đến khát nước mới đào giếng, đợi đến đấu võ mới đúc gươm thì muộn lắm rồi.

Ngày thường, ăn ở mất chừng mực, ham muốn quá độ, cũng có người bẩm thụ yếu kém, nhân đó mà sinh bệnh, nhưng trong hai yếu tố kể trên tổng quát cũng là hư kém cả.

Có lúc vì thất tình, lục dâm, ăn uống, nhọc mệt, tổn hại khí huyết, tinh hao, thủy kiệt, hỏa bốc nóng trong ngũ tạng, nung nấu giữa tam tiêu, làm cho thân khô ráo không có chút tư nhuận, nên sinh ra chứng ngũ tâm phiền nhiệt (15) tai điếc, mắt mờ, ho hen, tức thở, thổ huyết, khạc ra máu, ỉa ra máu, chảy máu mũi, đổ mồ hôi trộm, di mộng tinh, thần sắc tối tăm, hơi thở đoản, chân tay yếu đuối, tân dịch khô kiệt, ăn uống ngày một kém. Bệnh không phải một sớm một chiều mà phát ra như thế, thì việc dùng thuốc không phải là một muỗng, một viên mà chữa khỏi.

1. Cao bổ âm: Kinh nghiệm dùng chữa tất cả chứng lao tổn, 5 chứng lao, 7 chứng thương, tinh ít tủy khô, thận suy huyết kém, tất cả mọi chứng âm hư bất túc.

Yếm rùa 10 cân, ngâm nước lạnh 7 ngày, thấy vỏ đen đã trróc nát thì đem cạo sạch cho trắng, nướng qua, cho vào cối đá, giã nát ra, cho vào nồi đất đổ đầy nước bịt kín miệng lại, đặt vào nồi bung nấu cách thủy, cạn nước thì chuyển nước sôi vào, dưới nồi đun lửa luôn

15. Triệu chứng của bệnh hư lao thể hiện nóng ở hai lòng bàn tay, hai lòng bàn chân và dưới vùng tim, do âm hư, hỏa uất.

không hề tắt, nấu luôn một ngày một đêm, xem yếm rùa nát mềm và nước đặc thì lấy ra bỏ xác, lóng lấy nước đổ vào cái chảo, dùng lửa củi dâu, đun lửa vừa vừa, đũa cả quấy liền tay, khi nào nhỏ một giọt vào nước lạnh mà không tan là được, đổ vào lọ cất kín, mỗi lần uống không kể nhiều ít, hòa vào nước sôi mà uống vào lúc đói, uống lâu ngày thì người mạnh các bệnh đều tiêu dần.

2. Cao bổ dương: Kinh nghiệm chữa chứng dương hư thân thể, tay chân, khí lực yếu ớt, ăn uống kém sút, tinh lạnh không thể có con, tất cả mọi chứng dương bất túc và hư hàn thì dùng cao này làm chủ.

Gạc hươu không kể nhiều ít, cắt ra từng khúc, ngâm vào nước vài ngày cạo bỏ da ngoài, nấu cách thủy như nấu cao bổ âm, và cách uống cũng giống như cao bổ âm. Nếu khí huyết đều hư thì nên hòa lẫn cả 2 thứ cao mà uống gọi là *cao bổ âm dương* thì công hiệu cũng không thể kể hết được.

3. Kinh trị chứng hư lao nóng rét, chân tay mỉnh mẩy rủ mỏi và bị bệnh lao trái nóng âm ỉ trong xương.

Rau má tía, Thanh hao (cả cành, lá, hoa, hột). Mỗi vị dùng 5 cân, cắt nhỏ, nước tiểu trẻ con 5 thăng, nước 5 thăng đổ vào nồi đất to, sắc lấy 1 nửa lọc bỏ bã lấy nước, nhỏ lửa, ngào còn một đấu, dùng 40 cái mật heo, trích lấy nước mật hòa vào, lại cô thành cao, đưa ra đợi nguội, lại dùng cam thảo 2, 3 lạng nướng chín, tán nhỏ, trộn vào cao, giã cho đều, làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên, tăng dần đến 30, 40 viên, uống với nước cơm vào lúc đói rất hay.

4. Một phương thuốc cao kinh nghiệm.

Thanh hao cả rễ, cành, hoa, lá hột một nắm cắt nhỏ. Nước 3 thăng, nước tiểu trẻ em 5 thăng. Cùng sắc lấy 1 thăng rưỡi bỏ bã, cô thành cao, viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với rượu vào lúc đói và lúc đi ngủ rất hay. Hoặc chỉ dùng độc vị *Thanh hao* nấu cô thành cao, khi uống thì hòa vào nước tiểu trẻ em mà uống cũng được.

5. Một phương thuốc rất hay chữa bệnh hư tổn:

Hột sen già nửa cân, bóc vỏ bỏ tim, tẩm rượu 2 đêm, lấy một cái *bao tử heo đực* rửa sạch, dồn hột sen vào, lấy dây buộc lại, bỏ vào nồi đất đổ nước nấu cho chín, lấy ra phơi khô, tán nhỏ, dùng rượu khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước ấm trước lúc ăn, rất hay.

6. Kinh trị chứng lao tổn, và người già suy nhược, ung thư, phong hủi, sống mũi lở loét, uống vào thì da tróc, trùng ra, uống lâu thì bổ trung khí, làm cho không đói, thân thể nhẹ nhàng và sống lâu.

Thiên môn đông phơi khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước nóng, ngày uống 3 lần, kiêng ăn cá gáy.

7. Kinh trị chứng lao tổn, đổ mồ hôi trộm, di tinh, phương này có tác dụng bồi bổ, ích khí, mạnh chí;

Củ súng, nấu chín, bóc vỏ, 10 lạng. *Củ mài*, nấu chín, bóc vỏ, 20 lạng. Phơi khô tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, nấu lẫn với cháo mà ăn vào lúc đói, ăn lâu, sẽ thấy khá dần.

8. Kinh trị người khí huyết suy kém, nóng hầm hập hư lao quá sức, mặt bủng đen xám, đau lưng không ngồi lâu được, tóc rụng, răng khô, hay nhổ vặt.

Gạc hươu 2 lạng, *Ngưu tất*, tẩm rượu, kiêng đồ sắt, sấy khô, 1 lạng rưỡi. Đều tán nhỏ, luyện mật làm viên, bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước muối và ít rượu vào lúc đói rất hay.

9. Kinh trị mọi chứng lao tổn.

Tủy bò, ăn được nhiều thì thêm sức sống lâu và *Cá diếc* ăn được nhiều cũng bổ ích.

10. Kinh trị bệnh lao, sốt nóng hầm hập, tự đổ mồ hôi trộm, chứng này sốt liên miên thì khó chữa, sốt cách quãng thì dễ chữa.

- *Linh dương giác*, chẻ vụn tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước ấm vào lúc đói, thì khỏi.

- *Nước tiểu trẻ em* (lấy ở trẻ em từ 3 tuổi trở lên) 5 bát, nấu lấy 1 bát, đổ *Mật ong* vào 3 chén hòa đều mỗi lần uống 3 chén, bệnh nhẹ thì uống 20 ngày, bệnh nặng thì 30 ngày.

- *Cá lạc, (Mạn lệ ngư)* bỏ ruột, rửa sạch, đổ vào 2 chén rượu cho muối và giấm vào mà ăn nhiều sẽ kiến hiệu.

11. Kinh trị chứng âm hư hỏa bốc ho ra máu, và chữa được chứng tích tụ phong đờm, có tác dụng dưỡng 5 tạng, giết được trùng nấp trong cơ thể, trừ được ôn dịch, bổ khí, nhẹ người, không hay đói.

Cao thiên môn: Dùng *Củ tóc tiên leo* rửa nước sôi bỏ lõi, giã vắt lấy nước 10 thăng, nhỏ lửa nấu đến còn 3 thăng, đổ vào bốn lạng *mật ong* cô đến độ nhỏ vào nước lạnh không tan thì đem rót vào lọ sành, đậy kín, chôn xuống đất ba ngày lấy lên để dành dùng. Liều dùng 1 muỗng, ngày 2 lần sáng sớm và tối đi ngủ hòa tan với nước sôi mà uống. Nếu đại tiện đi lỏng thì uống với rượu.

12. Kinh trị chứng cấp lao ho hắng khó chịu.

Đào nhân 3 lạng, ngâm nước bóc bỏ vỏ và đầu nhọn, *Gan heo* 1 cỗ. Nước đái trẻ con 2 bát, cùng nấu đến cạn, cho vào cối giã nát bét, làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 30 viên uống với nước nóng vào lúc đói.

13. Truyền trị chứng lao thương ho máu tiếng, bụng to lòi gân xanh và trị chứng ngộ độc.

Gỗ mun hoa cho nước nóng vào mài lấy nước sệt cho uống rất hay.

14. Kinh trị chứng hư lao, ho hen đờm suyễn, tự đổ mồ hôi:

Phổi heo đực không cho dính nước dùng dao chẻ chọc thủng từng lỗ, mỗi lỗ dồn vào vài đồng cân *hạt rau dền* đồ chín, sang canh năm cho ăn chỉ ăn 3, 5 lần thì kiến hiệu.

15. Kinh trị chứng lao tổn lâu ngày, thành lao trùng và chữa cả bệnh ho lao truyền nhiễm:

Cật heo đực 1 đôi, *Nước đái trẻ em* 2 bát, *Rượu* 1 chén. Đều cho vào nồi đất mà ngâm, nhỏ lửa nấu kỹ, sang đầu canh năm hâm nóng cho ăn và uống cả cái lẫn nước. Ăn liên tục 1 tháng thì kiến hiệu. Hoặc có bệnh thổ huyết thì gia thêm *mầm cỏ may*, rất hay.

16. Kinh trị ho lao thổ huyết, chảy máu cam, nóng rét, ho đổ mồ hôi:

Thịt ếch nấu chín nhừ, rút bỏ xương, cho hành muối vào lại ninh kỹ thường ăn, có tác dụng giáng hỏa và đại bổ.

17. Kinh trị bệnh lao truyền nhiễm:

Gan mèo đen đừng cho dính nước thái sống, phơi khô, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu nhạt vào lúc đói, rất hiệu nghiệm.

18. Kinh trị bệnh lao gần chết.

Mạch môn đông 2 lạng, *Chích cam thảo* 2 lạng, *Gạo tẻ* nửa vốc, *Lá tre* 15 lá. Nước 2 thăng, sắc lấy 1 thăng, chia uống 3 lần rất hay.

III - GIUN SÁN (sến dãi)

Các loại giun sán sinh ra là do ăn uống vào bao tử những đồ sống sít, hoặc đồ ngọt béo, hoặc rượu thịt tanh tao, dạ dày không vận chuyển được, đình trệ lâu ngày, mà hóa sinh ra.

Muôn vật ở trong trời đất, có bốn cách sinh đẻ.

1. *là thai sinh* (đẻ con);

2. *là noãn sinh* (đẻ trứng);

3. *là thấp sinh* (đẻ ở nước);

4. *Là hóa sinh* (hóa ra con) giun sán ở đây là loại hóa sinh. Cho nên tùy từng loại mà hóa sinh ra các thứ sên lãi khác nhau. Nó có giống khác nhau, lúc phát bệnh thì bụng đầy trướng, nôn mửa, nuốt chua, nhổ ra nước trong, mặt vàng, người gầy, không muốn ăn uống hoặc khi tích thành cục ấn vào không chuyển động đau nhức không ngớt... chính là bệnh sên lãi. Nếu không chữa ngay, để cho nó chạy vào tim vào phổi thì ắt phải chết.

Nên theo các phương sau đây mà chữa.

1. Kinh trị các loại giun sán chòi, quấy trong bụng sinh đau nhức vùng tim, hoặc nhổ nhiều nước trong.

- *Cá lạc* nấu nhạt cho ăn no, ăn 3, 5 lần thì khỏi.

- *Cỏ nụ áo* phơi khô tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng liều dùng 40 viên, dần dần tăng đến 50 viên, nấu nước với mật làm thang uống vào lúc đói, kiêng rượu thịt.

- *Sơn khô* sao cháy tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 10 viên với nước nóng, ngày uống 3 lần rất hay.

2. Kinh trị bị giun chòi mà đau tim.

Mật gấu 1 cục bằng hạt đậu, hòa tan với nước mà uống, rất công hiệu.

3. Kinh trị bị giun đũa chòi quấy, đau nhói trong bụng nhổ ra nước miếng trong.

Long đờm thảo 1 lạng, bỏ gốc, cắt nhỏ, đổ 2 chén nước, sắc lấy một chén, nhịn đói 1 đêm, sáng mai uống hết, là kiến hiệu.

4. Kinh trị bạch thốn trùng (sán sơ mít).

- *Hột ngút* (chua ngút) tán nhỏ 3 đồng, tuần đầu tháng, tối hôm trước không ăn cơm, chỉ ăn thịt nướng, đến 4 giờ khuya, lấy rượu hòa vào bột *hột ngút* mà ăn, đến 9, 10 giờ trưa sau, thì sán ra chết hết. Sau đó nên ăn cháo để bảo vệ tạng khí và khỏi hại tỳ vị, không được ăn cơm.

- *Rễ lựu* 1 nắm rửa sạch, *Hạt cau khô* 5 hạt. Bốc thành thang sắc đặc, sáng sớm dùng 1 miếng thịt heo nướng vàng ngậm vào miệng, để cho sán ngoi đầu lên, một lúc nhả thịt ra, uống nước thuốc vào, thì sán chết mà ra hết.

- *Hột cau khô* 14 hạt tán nhỏ, còn vỏ cau thời đổ vào hai bát nước sắc lấy 1 bát, rồi hòa một đồng cân bột hạt cau đó mà uống vào lúc đói, ít ngày thì sán ra hết, nếu sán ra chưa thật hết, thì lại uống thêm như trên, hễ sán ra hết mới thôi.

- *Cành dâu*, dùng dao tre cạo lấy vỏ trắng 3 nắm, nước 3 bát sắc lấy 1 bát, chớ ăn bữa cơm tối, sáng sớm mai đang đói bụng là uống, thì sán liền xuống hết, uống 2, 3 lần thì dứt nọc - *Rau xam* sắc lấy 1 bát nước, cho ít muối và giấm vào mà uống vào lúc đói, thì sán ra hết mà lành, nên uống 2, 3 lần sán xuống hết là thôi.

5. Kinh trị chứng sán và giun đũa đều công hiệu.

- *Tổ ong* đốt tán nhỏ, dùng 1 đồng cân uống với rượu vào lúc đói, sán đều xuống chết hết.

- *Chì den* bỏ vào xanh đồng, đốt lửa chảy tan, lấy que tre quấy cho nổi phấn lên, hớt lấy 4 đồng cân, lúc đi ngủ ăn một miếng thịt heo, sáng mai đầu canh 5 lấy nước đường hòa với phấn chì đó mà uống thì sán xuống hết, rồi ăn cháo, 1 ngày là dứt nọc.

6. Kinh trị chứng giun đũa, bụng đau như giùi đâm miệng ứa ra nước giải trong.

- *Lá ngải cứu* 1 nắm, nước 2 thăng, sắc còn 1 thăng cho uống, thì sẽ ra trùng hoặc đi ỉa ra.

- *Thịt nướng* ăn 1 miếng vào lúc gà gáy canh đầu, một lúc lâu uống một bát nước cốt lá *ngải cứu* vò ra, thì sẽ trục sán ra.

- *Rễ ý dĩ* cắt nhỏ, nửa cân, nước 3 thăng, sắc lấy phần nửa, uống vào lúc đói thì sán chết mà ra hết, rất công hiệu.

- *Lá ngải tươi* giã vắt lấy nước 1 bát, đến đầu canh năm (4 giờ sáng) trước ăn một miếng thịt nướng, hồi lâu uống nước ngải vào thì sán tự ra.

- *Hột cau khô* 2 lạng thái nhỏ, rượu 2 bát. Sắc lấy nửa chia ra uống, sán ra hết là khỏi.

- *Cà dại* mổ lấy hột, phơi khô tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hòn đạn, mỗi lần uống 3 viên vào lúc đói sán ăn mật là chết, mà chết hết, tự khỏi.

- *Mộc nhĩ cây hòe* đốt tồn tính tán nhỏ, uống với nước nóng vào lúc đói độ 2 đồng cân, thì sán ra hết.

7. Kinh trị chứng giun chòi ra bằng miệng và mũi.

Ô mai sắc lấy nước thường uống và ngậm là yên ngay.

Cá chết nổi 3, 4 con, Dùng mỡ heo rán cá, bỏ vào 10 hột *Ba đậu* cùng nghiền nhỏ, lấy bùn ngoài ruộng luyện dẻo làm viên bằng hột đậu xanh, phơi khô uống với nước lạnh, đi đại tiện ra đỉa là khỏi.

IV - BỔ ÍCH

Con người căn bản là nhờ tinh thần và khí huyết mà duy trì sự sống, nếu thủy hỏa điều hòa thì sự sống yên lành, thủy hỏa thiên lệch thì sinh ra đủ thứ bệnh.

Người uống rượu nhiều quá, dâm dục nhiều quá thì hại tinh huyết, lo nghĩ nhọc mệt quá thì hại thần khí, giận dữ quá thì hại can khí, ưu sầu quá hại phế khí, vui mừng quá hại tâm khí, lo nghĩ quá hại tỳ khí, sợ sệt qua hại thận khí, cho nên sách Nội kinh có chép: "*Khéo ăn ở thì khỏe mạnh, không khéo ăn ở thì chết mất*" ý nghĩa là như thế. Lại nói: "*Tỳ là gốc của 5 tạng. Vị là gốc của 6 phủ, hễ tỳ vị điều hòa thì nuôi dưỡng được khắp các tạng phủ*". Vì vậy, phép bổ dưỡng rất có quan hệ đến tính mạng con người, thuốc thang cũng bổ ích cho đời sống. Cho nên tôi góp nhặt một số bài thuốc bổ sau đây để tùy từng bệnh mà bồi dưỡng.

1. Bài "Phù tang chí bảo" phương thuốc kinh nghiệm.

Bài thuốc này khí vị hòa bình không nóng, không lạnh, uống liên tục được 3 tháng thì thân thể nổi đầy mụn, đó là do sức thuốc đẩy ra không nên cho là quái lạ. Sau đó khắp mình tươi sáng, da dẻ mịn màng đến nửa năm thì khí lực trở nên mạnh mẽ, tật bệnh dần thấy tiêu tan, cứ trường kỳ uống mãi không ngớt thuốc, thì gân cốt trở nên khỏe mạnh, khí huyết dồi dào, tỏ tai sáng mắt, tinh thần khoan khoái, tăng tuổi thọ.

Lá dâu non (dùng thứ dâu vườn tốt, chớ nên dùng dâu núi, sợ có độc rắn rết), hái lúc mặt trời chưa mọc, độ vài ba chục cân, mang tới chỗ nước chảy rửa sạch bụi đất, phơi nắng cho khô.

Vừng (mè) đen phân nửa cho vào nước xát trốc vỏ, rồi chín lần đồ chín lần phơi.

Hai thứ cùng tán bột, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 100 viên. uống với nước nóng vào lúc đói.

2. Nghiệm phương thuốc chữa ngũ lao thất thương bổ ích tỳ vị, nhuận tim phổi, uống lâu càng tốt.

- *Hoàng tinh bỏ* vỏ nấu chín, phơi gần khô lại nấu lại phơi 9 lần, rồi cất để dùng, hoặc ăn cả củ hoặc tán nhỏ hòa vào cháo mà ăn đều tốt.

3. Lại có phương chuyên bổ hư tổn, điều hòa tâm thận, bền tinh khí sáng tai mắt, mạnh trường vị:

Hạt sen bóc vỏ bỏ tim, tẩm rượu độ 3 giờ, phơi khô tán nhỏ, dồn vào bao tử heo nấu chín, cho ăn tùy thích, hoặc phơi khô tán nhỏ, luyện mật ong làm viên uống vào lúc đói, uống lâu càng tốt.

4. Lại có phương bổ phủ tạng, cường chí khí, tỏ tai sáng mắt.

Hạt sen già bóc vỏ bỏ tim tán nhỏ, mỗi buổi sáng dùng gạo hai vốc, nấu cháo bỏ vào nửa lạng bột hạt sen ấy, khuấy đều, ăn nóng, ăn lâu sẽ thấy công hiệu.

5. Kinh phương có tác dụng bổ trung, ích khí, cường âm, nở da thịt, trừ tà khí nóng lạnh, trừ hư lạnh ở hạ tiêu và tiểu tiện đi luôn, uống lâu sẽ thấy hay:

Củ mài, mài vào chậu sành cho thành bột, tẩm rượu sao thơm, rồi thêm 1 chén rượu khuấy đều, mỗi buổi sáng ăn vào lúc đói, dần dần thấy khá lên nhiều.

6. Kinh trị người trung niên hao tổn có tác dụng bổ gan sáng mắt, làm cho béo, trẻ đẹp, tăng trí nhớ.

Hạt bí đao 7 thăng, đựng vào túi lụa, nước nấu sôi 3 dạo thì cho vào, hồi lâu lấy ra phơi khô, lại nấu lại phơi 3 lần rồi tẩm giấm thanh hai đêm, phơi khô tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân uống với nước trà, dần dần thấy công hiệu.

7. Kinh trị những người suy nhược, ăn nó có tác dụng bổ ích nhiều:

- *Gà trống đen* 1 con, giết chết, vặt lông moi bỏ ruột, ninh thật nhừ, cho hành gừng muối vào mà ăn, ăn càng lâu thì rất bổ ích.

- Ăn thịt *Chim cu ngói* được nhiều cũng rất bổ.

8. Nghiệm phương có tác dụng tráng thận mạnh chí.

Huyết trong con hổ mới giết được cho uống sống thì rất hay.

9. Bài thuốc kinh nghiệm, uống vào rất bổ, làm mạnh gân cốt, thêm tinh tủy, bổ khí huyết, đen râu đen tóc, cường dương, nhẹ người dùng thuốc này phải uống hàng năm mới có công hiệu.

Hà thủ ô trắng và đỏ mỗi thứ dùng nửa cân, ngâm nước vo gạo 3 đêm, dao tre cạo bỏ vỏ ngoài, dao đồng thát lát (kiêng dụng cụ bằng sắt), sao khô tán nhỏ, luyện mật, làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 50 viên uống với rượu lúc đói. Kiêng ăn huyết heo, cá có vảy, rau cải, hành tỏi.

10. Bài thuốc kinh nghiệm làm tỏ tai, sáng mắt, tăng trí nhớ:

Cửu tiết xương bồ lấy về rửa sạch phơi râm 100 ngày, tán nhỏ liều dùng 1 đồng cân uống với nước trà, ngày uống ba lần, uống càng lâu càng công hiệu.

11. Bài kinh nghiệm này bổ 5 tạng, thêm khí lực, cứng xương đầy tinh tủy, uống lâu thì hết bệnh, sống lâu rất bổ ích.

Vừng đen (Mè đen) thứ to hạt là tốt, 9 lần đồ, 9 lần phơi, cất kín mỗi lần dùng 2 vốc, rưới nước ướt, gói vào khăn vải xát bỏ vỏ, giã nát cùng gạo tẻ trắng cùng tán bột, mỗi sáng sớm lấy ăn, hoặc luyện mật làm viên bằng hòn đạn mỗi lần uống 1 viên với rượu, ngày uống 3 lần, uống trong 1 năm thì thấy công hiệu. Kiêng ăn thịt chó, cá độc, rau sống.

12. Bài kinh nghiệm này uống vào đẹp nhan sắc.

Hoa sen, ngày 7 tháng 7 âm lịch, hái lấy 7 phần, *Củ sen* ngày 8 tháng 8 hái lấy 8 phần, *Hột sen* ngày 9 tháng 9 bóc lấy 9 phần. Đều phơi râm tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu nóng, đây là phương pháp thuốc rất hay.

13. Bài "Cam cúc phương" kinh nghiệm.

Mầm cúc lấy vào thượng tuần tháng 3, *Lá cúc* hái vào tháng 6, *Hoa cúc* hái vào tháng 9, đến tháng 12 thì nhổ cả cây. Cả 4 thứ đều phơi râm 100 ngày số lượng bằng nhau, tán nhỏ, liều dùng một đồng cân, uống với rượu, hoặc luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 7 viên. uống với rượu, ngày uống ba lần. Uống được 100 ngày thì nhẹ người, da dẻ nhuận mượt, uống 1 năm thì tóc xanh trở lại.

14. Bài "Dị loại hữu tinh hoàn" kinh nghiệm, có tác dụng bổ khuyết bổ tạng phủ tinh tủy, đại bổ hư lao.

Lộc giác sương, Quy bản (tẩm mỡ hoặc váng sữa nước vàng) *Lộc nhung* (tẩm mỡ hoặc váng sữa nướng vàng) mỗi thứ 6 phần, *Hổ hình* (xương cẳng chân trước hổ tẩm rượu nướng vàng) *tủy xương sống lợn đực*, mỗi thứ dùng 4 phần, cùng tán nhỏ.

Các vị trên luyện mật cho đều, viên bằng hột ngô đồng mỗi lần uống 50 viên dần dần đến 70. 80 viên uống với nước muối vào lúc đói.

15. Bài cao Thiên môn kinh nghiệm, có tác dụng bổ phổi, chữa ho ra máu, trừ tích tụ phong đờm, nhuận ngũ tạng, sát trùng lao, trừ ôn dịch bổ khí nhẹ mình uống vào không đói.

(Cách chế và liều dùng xem mục Hư lao, phương số 11 ở trên)

16. Kinh trị chứng phong tê thấp lâu ngày và bổ chính khí, lợi trường vị, tiêu thủy thũng, trừ tà khí trong xương, cũng chữa chân co quắp.

Hột ý dĩ tán nhỏ, lẫn với gạo tẻ mà nấu cháo, ăn hàng ngày rất công hiệu.

17. Phương thuốc uống vào không đói, đã kinh nghiệm (đấy là phương thuốc tiên)

Hột sen già đồ chín bóc vỏ bỏ tim, giã lấy nước, nấu nhỏ lửa lấy 5 đấu, đổ mật và rượu vào một đấu. Hột mè tán nhỏ 2 thăng. Cùng nấu đến lúc viên lại được thì rút lửa đi, dùng bột đậu xanh trộn vào làm bánh ăn, vuông ba tấc dày nửa tấc, mỗi lần ăn 1 bánh, ngày ăn 3 lần, 100 ngày trở lên rất tốt, kiêng ăn cá gáy.

18. Phương thuốc tịch cốc nhịn cơm không đói.

Nước lụt, đại hạn và sâu keo đời nào mà không có, nhân dân gặp phải tai nạn ấy thì hết của xiêu nhà, thiệt mình, bỏ con, cho nên người đời không thể không biết phương thuốc này:

Đậu đen 5 đấu, xát sạch, đồ 3 lần, bỏ vỏ, *Mè đen* 3 đấu, ngâm nước một đêm, cũng đồ 3 lần, xát bỏ vỏ. Đều giã nát, nắm thành từng cục to bằng nắm tay, bỏ vào chõ mà đồ từ 8 giờ tối đến 12 giờ đêm, 4 giờ sáng sau nhắc chõ ra. 12 giờ trưa đem phơi khô rồi tán nhỏ, ăn bột khô đến no thì thôi, kiêng không ăn qua một thứ gì khác. Ăn no lần thứ nhất được 7

ngày không đói, ăn no lần thứ hai được 49 ngày không đói, ăn no lần thứ ba được 300 ngày không đói, ăn no lần thứ tư được 2400 ngày không đói, sau không cần nữa mà vĩnh viễn không đói. Không kể già trẻ, cứ theo đúng phép mà ăn thì người mạnh khỏe, da dẻ đỏ tươi, lâu ngày không khô héo. Nếu khát nước thì nghiền mè đen sắc nước mà uống, thì lại nhuần được tạng phủ. Nếu muốn lại ăn được các vật thì dùng *Hột qùy* 3 vốc, nghiền nát sắc nước để nguội mà uống với thuốc, uống như vậy rồi thời tửu sắc hay ăn uống các thứ khác đều không hại gì.

V - THƯƠNG THỰC

Ăn uống là mạch sống của con người, tỳ vị là nền tảng của thân thể. Nền tảng ấy rất quan hệ, muôn vật nhờ đó mà sống, cho nên ăn uống có chừng mực thì tùy vị điều hòa, tỳ vị điều hòa thì tạng phủ yên tĩnh thì các bệnh không sinh, nếu ăn uống sai trái một chút thì bệnh phát ra ngay. Cho nên Nội kinh có nói "*Ăn mà nuôi sống, cái ích đó do ta làm nên, ăn mà hại sự sống, cái hại đó cũng do ta làm nên*". Bởi vì bệnh hay phát vào những người tạng phủ yếu ớt mà những người giầu sang, an nhàn, trong tỳ vị đã trở nên hư lạnh, ngoài thân thể lại lười vận động, thì đồ ăn cũ chưa tiêu, đồ ăn mới lại tống vào, tỳ vị yếu không tiêu hóa nổi mới thành chứng tích thực. Lúc bệnh phát sinh thì trương bụng thở gấp, tức ngực thở chua, hơi thối bệnh nặng thì nóng rét dữ dội hoặc đau đầu giống như sốt rét, như thế là đúng chứng.

1. Kinh trị chứng trung khí vốn hư tổn, tỳ vị yếu không tiêu, hoặc sinh các chứng khát nước đi lỵ.

Cá diếc to, bỏ ruột, lấy 5, 6 tép tỏi dồn vào bụng cá, ngoài gói vài lớp giấy, nướng chín, bỏ tỏi đi, ăn cá, ngày ăn 2, 3 lần tự nhiên sẽ ăn được nhiều, lại chữa chứng bụng bị tắc nghẽn, ăn không xuống. Phương này công dụng điều hòa được dạ dày, chắc được ruột, không nên khinh thường.

2. Kinh trị chứng vị hư khí nhiệt không ăn được.

Nước gừng nửa chén. *Sinh địa* sắc đặc lấy nước một ít. Mật 1 muỗng, nước 2 chung, hòa đều mà uống rất hay.

3. Chuyên trị chứng trướng bụng do ăn uống quá nhiều.

Thuốc súng 34 viên, nghiền với nước lạnh uống tức khắc nhuận trường, và đồ ăn tiêu hết.

4. Kinh trị chứng tỳ vị hư yếu không muốn ăn uống.

Củ mài sao, *Bạch chỉ* tẩm mật một đêm sao khô. *Hột sen* sao các vị đều nhau tán nhỏ luyện với nước làm viên, bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 40, 50 viên với nước cơm là kiến hiệu.

5. Kinh trị tỳ hư bụng yếu, ăn kém không tiêu mặt sinh vết đen.

Mứt hồng 5 cân, *Váng sữa* 1 cân, *Mật ong* 1/2 cân. Trước lấy váng sữa và mật hòa đều nấu sôi, rồi cho mứt hồng vào nấu sôi 10 dạo, rót vào lọ sành mà đựng, mỗi ngày ăn 5, 3 quả vào lúc đói, rất bổ.

6. Kinh phương dùng để an thần điều khí, ích vị, giải rượu, tiêu thực.

Thanh bì 1 cân, ngâm nước bỏ chất đắng, cạo bỏ xơ trắng. Muối 5 lạng. *Chích cam thảo* 6 lạng, *Hồi hương* 4 lạng. Nước 2 bát, nấu khuấy liền tay, chờ cạn hết nước, thì nhỏ lửa sấy khô, đừng để khô quá, rồi bỏ hết các vị, chỉ dùng thanh bì, cứ sau mỗi bữa ăn, cắn ăn 2, 3 vỏ rất hay

Ba đậu nam
(Dầu me)

Chóc chuột
(Nam tinh)

Bẩn

Biến súc
(Rau đắng)

Búng báng

Bưởi bung

Bươm bướm

Gà gai leo

Canh châu

7. Kinh trị đồ ăn tích trong dạ dày không tiêu được.

Cuống dưa đá sao vàng 2 đồng rưỡi. *Đậu đỏ* 2 đồng rưỡi. Đều tán nhỏ. Lấy đậu sị một vốc, nước 7 chung nấu chín, lọc bỏ bã hòa thuốc tán vào, mỗi lần một đồng cân. Uống thêm ít nữa cho đến lúc mửa ào ra thì thôi.

8. Kinh trị đồ ăn tích dọng không tiêu, hoặc ăn nhầm đồ độc, bụng trướng lên, muốn sinh thổ tả.

- *Nước sôi* nửa bát, *nước lạnh* nửa bát, bỏ vào tí muối cho mửa ra là lành.

- *Hoắc hương, Trần bì, Hậu phác* tẩm nước gừng sao. Các vị đều bằng nhau cho uống là khỏi ngay.

9. Kinh trị chứng nóng trong ngực, phương này có tác dụng tiêu thực hóa đờm.

Trần bì, rửa nước nóng, sao qua nấu làm nước chè mà uống là tốt.

10. Truyền trị bệnh nặng mới khỏi vội ăn uống bừa bái sinh đau bụng đầy bụng.

Mai ba ba đốt ra than, tán nhỏ hòa với nước cơm mà uống là yên.

11. Truyền trị chứng yếu bao tử trong ngực bực tức ăn uống không được.

- *Hột màng tang* phơi khô, tán nhỏ, nước gừng giã với *thần khúc* làm hồ, bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên, uống với nước gừng hoặc nước nóng.

- *Cây kê đầu ngựa*, phơi khô tán nhỏ, luyện mật hoặc hồ *thần khúc* làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 10 viên với rượu, ngày uống 3 lần là hiệu nghiệm.

12. Kinh nghiệm cách uống rượu không say.

Ăn một nhúm muối là uống được rượu gấp bội.

VI - BỆNH TÌNH CHÍ

Bệnh tình chí là do tình hướng vào cái gì, chí dốc vào cái gì mà sinh bệnh. Người ta do mừng, buồn, giận, vui, lo, nghĩ, sợ, bảy tình đó mà thương tổn mà biến ra mọi bệnh, thì căn bản là bệnh đã ăn sâu, không phải châm cứu hay thuốc thang mà chữa được. Cho nên đời xưa chữa bệnh có nhiều cách: như *chính trị tòng trị và nghịch trị*. Nay dùng tình chí mà chữa bệnh tình trí tức là tòng trị vậy.

Nội kinh nói: "Mừng quá hại tâm khí thì lấy sợ mà chữa, giận quá hại đến can khí thì lấy thương cảm mà chữa, nghĩ hại đến tỳ thì lấy giận mà chữa, lo hại đến phế thì lấy mừng mà chữa, sợ sệt hại đến thận khí thì lấy nghĩ mà chữa, đó cũng giống như khí trời uất thì nhờ có gió mới tan, khí đất đai uất thì nhờ có sấm mới vỡ. Do đó biết dụng tâm của thánh hiền, tinh vi trong tinh vi, huyền diệu trong huyền diệu, không thể dòm ngó, đo lường được. Tôi giới thiệu mấy phép tâm thuật cứu người của tiên hiền để cho người sau theo đó mà suy rộng thêm, biến thông thêm, thì tấm lòng muốn cứu sống người, có thể dùng mãi không hết.

1. Vì lo nghĩ sinh bệnh lấy giận mà chữa.

Xưa vua Tề vì lo nghĩ quá mà thành bệnh, mọi thứ thuốc không chuyển nghe nói có một thầy thuốc giỏi là Văn Chí bèn cho người mời đến. Ông Chí nói với thái tử rằng: "Làm cho đức vua tức giận thì sẽ lành bệnh, nếu đức vua có giết tôi thì nhờ Thái tử hết sức cứu cho". Thái tử nói: "Không can gì, thầy cứ chữa cho". Văn Chí vào yết kiến vua, bước đi ngang tàng xéo bừa lên long sàng. Qủa nhiên vua nổi giận, sai kẻ thủ hạ bắt ông Chí xuống để xử tử. Thái tử lén đến bên cạnh bày tỏ can ngăn, không bao lâu bệnh vua lành.

2. Vì mừng quá mà thành bệnh thì lấy sợ mà chữa:

Xưa người tỉnh Thái Nguyên là ông Triệu Tri Tắc, từ lúc đậu tiến sĩ rồi vì mừng quá mà sinh bệnh âm thầm không dậy được. Mời danh sư là Sào Thị đến xem mạch Sào Thị chỉ chép mồm, chép miệng, không nói gì mà phủi áo ra về. Ông Triệu rất lo sợ khóc rống lên, liền gọi con bảo rằng: "Thầy thuốc giỏi đã không chịu chữa, thì mệnh ta rất nguy. Rồi mấy giờ sau khỏi bệnh".

3. Vì tức giận mà sinh bệnh thì lấy thương xót mà chữa.

Xưa ông Lý Khắc Dụng điều quân tấn công một thành đã hai tuần mà không hạ được, rồi tức giận quá mà sinh bệnh, ọe mửa, hôn mê, tìm khắp thuốc hay mà vẫn không hiệu. Bỗng gặp được ông sư giỏi thuốc xem mạch rồi ra ngoài nói "Bệnh tướng quân vì uất giận, không có việc thương cảm thì không giải được". Ông bèn mạo bức thư nhà, sai người hốt hoảng đưa đến nói: "Bà vợ ở nhà bị chết bất ngờ". Ông Dụng liền đau thương quá ngã lăn ra, qua hôm sau là khỏi bệnh.

4. Vì lo mà sinh bệnh thì lấy mừng mà chữa:

Xưa có người vì nhỡ tay giết chết người, lo chạy hết gia tài mới khỏi tội, rồi lo lắng quá sinh ra bệnh điên cuồng không biết gì cả. Người nhà tìm khắp thầy khắp thuốc mà bệnh vẫn y nguyên, bỗng gặp thầy thuốc bảo rằng "Bệnh này vì quá lo sinh ra thì nên làm cho mừng là khỏi bệnh". Bèn lấy thiếc và đồng đúc thành bạc nén, chôn dưới vũng bùn, rồi đưa người bệnh đến đào, người bệnh thấy được vô số bạc nén, thì mừng quá mà bệnh khỏi bao giờ không biết.

5. Vì sợ quá mà sinh bệnh thì lấy lo mà chữa.

Xưa có một bà người ở kinh đô làm nghề may vá thêu thùa rất khéo, một hôm may chiếc áo ngự gần xong, nhỡ tay rơi vào lửa cháy mất, rồi sợ mà sinh bệnh rạo rực mất ngủ, kinh sợ không yên, đã uống nhiều thuốc mà bệnh trơ trơ không chuyển. Thầy thuốc thăm dò căn bệnh mới bảo ông chồng rằng: "Bệnh này, vì kinh sợ mà sinh ra, không làm cho lo nghĩ thì khó mà khỏi được". Liền bày cho cách chữa mẹo. Sáng hôm sau, ông chồng sắm sửa hành lý giả cách đi sang ngoại quốc mua gấm về đền cho vua, bà vợ mười phần lo nghĩ không sao quên được, từ đó bệnh ngày bớt dần, rồi khỏi hẳn.

6. Vì lo nghĩ sinh bệnh thì lấy sợ mà chữa.

Xưa có ông Giám quân, vì lo nghĩ sinh bệnh, ngực tức cứng, cơm cháo không nuốt vào được, người con mời ông Thái y là Hách Doãn chữa cho. Doãn bảo: "Bệnh này nếu không lừa cho kinh sợ thì khó mà chữa được". Thời ấy ông Lý Tống Khanh làm quan Ngự sử, ngay thẳng nghiêm chỉnh, ngày thường ông Giám quân rất khiếp sợ, người con tới nhà quan Ngự sử Khanh khóc lóc cầu cứu. Ông Khanh đến bừng bừng nổi giận, kể tội trách mắng, ông Giám quân nghe đến run sợ hãi hùng, mồ hôi toát đầy lưng, chốc lát là chứng bệnh tiêu tan. Bởi lo nghĩ thì khí kết lại, kinh sợ thì khí nổi lên, khí nổi thì thoát ra, trong người nhẹ nhõm.

7. Vì thương nhớ quá sinh bệnh thì lấy ghét mà chữa.

Có một cô gái đối với mẹ rất trìu mến, lúc gả chồng thì mẹ mất, cô thương nhớ quá mà sinh bệnh, tinh thần phờ phạc, nằm ngủ li bì, trăm thứ thuốc không chữa nổi. Người chồng mời vị lương y Hàn Thế Lương đến chữa. Ông Hàn bảo: "Cô này thương nhớ mãi không thôi, tất thành bệnh nặng, không thể chữa bằng thuốc, mà nên dùng mẹo mới chữa được". Bèn thầm dút tiền cho bà đồng bóng mà dặn dò những chuyện kín cho biết rõ ràng. Ngày hôm sau chồng bảo vợ rằng: "Mình thì nhớ mẹ thiết tha, không biết mẹ ở dưới cửu tuyền có nhớ mình không? Sao không tới bà đồng bóng nhờ gọi hồn mẹ lên mà hỏi?" Vợ nghe lời tới bà đồng, đốt hương khấn vái, hồi lâu bà đồng thượng lên, nghiến răng kèn kẹt, mọi việc trong nhà nói vanh vách, không sai chút nào. Người con gái khóc than nức nở, hồn mẹ quát mắng rằng:

"Khóc lóc làm chi, sinh mạng tao vì mày xung khắc mà phải chết non, nay tao ở âm ti muốn báo thù mày, mày sở dĩ ốm đau lôi thôi mãi chính là tao làm đó, khi sống tao với mày là mẹ con, nhưng khi chết thì tao với mày là thù địch". Nói rồi người con gái không khóc nữa, đổi sắc mặt mà nói: "Ta tưởng vì thương nhớ mẹ mà sinh bệnh, lại hóa ra chính mẹ ta làm hại ta, thôi ta cần gì mà thương nhớ nữa".

VII - BỆNH NGƯỜI GIÀ

Bệnh người già là bệnh suy yếu. Tất cả mọi người lúc đầu chịu khí trời đất mà sinh, lâu ngày cũng chịu khí trời đất mà già, như nhà Phật đã nói: "Sinh, Lão, Bệnh, Tử" 4 chữ ấy từ xưa khó tránh. Trong sách có câu: "Nhân sinh bách tuế vi kỳ" nghĩa là đời người ta sống lâu đến 100 tuổi, nhưng vì ăn ở không chừng độ, hư hỏng mất chân khí đến nỗi mau yếu mau già.

Người đến được tuổi già có 6 điều cốt yếu:

- Là khí lực phải nhàn rỗi, tay chân phải yên ổn.

- Là thanh tâm tiết dục, chớ nên mong ước được việc này việc nọ.

- Là mùa đông phải được ấm, mùa hè phải được mát, phải thích với thời tiết chớ để phong hàn thấp thâm nhập.

- Là cần ăn nhưng ăn nhiều bữa, chớ ăn ít bữa mà ăn quá no, đồ ăn nên nóng, lỏng mềm, dẻo, không nên ăn sống lạnh, cứng, rắn.

- ... (lược)

- ... (lược)

Làm được mấy điều cốt yếu kể trên thì giữ gìn được tính mạng yên ổn được sớm hôm, an nhàn thảnh thơi, đủ phương điều dưỡng, thì sống đến tuổi thọ 100 năm cũng không xa.

1. Cháo chim sẻ chữa người già, tạng phủ hư tổn, gầy yếu ngắn hơi.

Chim sẻ 5 con, nhổ lông moi ruột rửa sạch, nấu chín rồi đổ vào 1 chén rượu lại nấu một lúc nữa, đổ thêm vào 2 bát nước, cho hành vào 3 tép thái nhỏ, gạo tẻ 2 vốc, nấu cháo cho ăn mỗi sáng sớm là bổ.

2. Kinh trị người già bị hư hàn đau lưng đau thận, uống nhiều thuốc bổ cũng không khỏi.

Cật dê một đôi, *Bắc Đỗ trọng* 1 miếng dài hai tấc, rộng 1 tấc.

Đỗ trọng tán nhỏ cùng nấu với cật dê cho chín rồi ăn bầu dục, vận động khiến lưng thật mềm nhũn, rồi mới uống thuốc bổ thì khỏi hẳn.

3. Kinh trị người già yếu bao tử ăn uống không biết ngon.

Xương sống dê 1 bộ, đập vỡ nát, nấu nhừ rút bỏ xương, rồi cho hột kê vào mà nấu cháo, thường ăn thì rất tốt.

4. Kinh trị người già yếu đại tiện táo bón.

Cao da trâu sao phồng, *Hành* 3 củ. Cùng nấu cho tan ra, đổ vào 2 chén mật, uống vào lúc đói, rất hay.

5. Kinh trị người già bệnh tiêu khát, nóng bên trong, uống nước nhiều, đi tiểu luôn, miệng khô, phiền nóng.

- *Bao tử heo* rửa sạch 1 cái, *Hành* 10 củ, *Đậu sị* 3 nắm, *Nước* 3 bát. Cùng nấu chín nhừ, lấy bao tử ấy mà ăn vào lúc đói, ăn càng nhiều càng tốt.

- *Gà ri* 1 con, nhổ lông bỏ ruột bam nhỏ, thêm hành và muối, cho vào nước cùng nấu thật chín, hễ khát thì uống nước và ăn hết thịt gà, rất hay.

6. Kinh trị người già bị thủy thũng, thở gấp không ăn, ngoài da sưng to, tay chân đau buốt co duỗi khó khăn.

- *Cá chép* 1 lạng (lấy thịt), hành 10 củ, *Hột mè* 1 thăng. Trước giã hột mè đổ vào 2 bát nước, lọc bỏ bã lấy nước, bỏ *củ hành, vỏ quýt, gừng, muối* mỗi thứ chút ít vào cùng nấu chín, ăn vào lúc đói, rất hay.

- *Thịt trâu, cho gừng, giấm, vỏ quýt, hành, muối* đều chút ít, đổ nước vào nấu thật chín, tùy sức mà ăn vào lúc đói, rất hay.

- *Rễ dâu* 3 nắm (kiêng đồ sắt) dùng dao tre cạo bỏ vỏ ngoài, nước sông 5 bát, nấu còn 3 bát, đổ *hột kê* vào 4 vốc, nấu cháo thường ăn vào lúc đói hoặc buổi chiều tối, là yên.

- *Chuột cống* 1 con lột bỏ da ruột chỉ lấy thịt xắn nhỏ, thêm gạo tẻ 3 vốc và gừng, hành mà nấu cháo, ăn vào lúc đói chỉ ăn 3 lần là khỏi.

- *Vịt cổ tía* (xanh đầu) 1 con, nhổ lông bỏ ruột thịt chặt nhỏ cho gạo tẻ vào đổ nước nấu chín, *vỏ quýt, gừng, hành trắng, muối* đều chút ít, nấu cháo thường ăn, rất công hiệu.

7. Kinh trị người già hay nghẹn, bụng đầy, không ăn được:

Gừng 3 lát, *Vỏ quýt* 1 lạng, đều xắt nhỏ, đổ 2 bát nước sắc lấy nửa, nhấp xuống dần dần, sẽ khai vị, ăn uống được, rất hay.

8. Kinh trị người già hay són đái luôn.

Mẫu lệ 2 lạng, *Nhung hươu* thui bỏ lông tẩm váng sữa nướng 2 lạng, *Cao da trâu* 1 lạng. Mỗi lần dùng 5 đồng cân, nước 1 bát, sắc lấy 6, 7 phần uống vào lúc đói, rất hay.

9. Kinh trị người già bí tiểu tiện.

Mã đề cả cành và lá, giã nát vắt lấy một chén nước, hòa vào ít mật ong mà uống là đái thông ngay.

10. Kinh trị người già bí đái tiểu tiện:

Gừng 1 lát, *Hành* 3 củ, *Muối* 1 nhúm, *đậu sị* 1 nắm cũng giã nát vắt làm bánh tròn, đặt vào lỗ rốn, hồi lâu là thông.

11. Kinh trị người già mình nóng, đái ra máu.

Hột mã đề 3 vốc, giã nát, bọc vào khăn vải, đổ 2 bát nước, sắc lấy nửa, bỏ mã đề đi, đổ *Hột kê* vào 3 vốc cùng nấu cháo, ăn vào lúc đói, rất công hiệu. Ăn được nhiều thì sáng mắt trừ nhiệt.

12. Kinh trị người già lạnh dạ đi ỉa lỏng.

Hẹ 1 nắm, *hành trắng* nửa nắm, *gạo tẻ* 1 vốc, nước 2 bát, cùng nấu, lại cho *Vỏ quýt, hồ tiêu, gừng, muối* đều chút ít làm canh, ăn vào lúc đói, là kiến hiệu.

13. Kinh trị người già hay suyễn thở vì yếu phổi.

Hột tử tô 1 lạng, sao qua, nghiền nhỏ, nước hai bát hòa đều, lọc bỏ bã lấy nước, đổ gạo 3 vốc, cùng nấu cháo, ăn vào lúc đói, rất hay.

14. Kinh trị người già mắt mờ vì can hư.

- *Đậu sị* 1 vốc giã qua, nước 2 bát, nấu sôi dạo lọc bỏ bã lấy nước, dùng *gan gà* một co cùng gạo tẻ nấu cháo, mỗi lần ăn vào lúc đói, ăn lâu sẽ kiến hiệu.

- *Hạt kê đầu ngựa* nửa lạng, giã nát, nước hai bát, khuấy đều, bỏ bã lấy nước, đổ gạo tẻ hai vốc, nấu cháo ăn vào lúc đói rất hay.

15. Kinh trị người già trúng phong, tay chân tê dại, gân cốt yếu sức.

Nõn Lá kê đầu ngựa 3 lạng, *Đậu sị* 1 vốc, *Nước* 2 bát, *Bột gạo* 1 vốc, *Hồ tiêu, gừng, muối*. Đều chút ít, cùng nấu làm canh, ăn vào lúc đói rất hay.

Bảng VI

Bấn

Bưởi bung

Cà gai leo

Bông gạo

Chu biên

Canh châu

Cỏ lưỡi rắn

Cỏ seo gà

Chua ngút

NAM DƯỢC THẦN HIỆU

Mười khoa chữa bệnh

QUYỂN VIII

CÁC BỆNH PHỤ KHOA

I - ĐIỀU KINH

Đàn bà tượng trưng cho âm, tương ứng với mặt trăng, trăng mỗi tháng có một lần tròn, khuyết, thì kinh nguyệt của đàn bà cũng hợp như thế. Gái 14 tuổi thì hành kinh, trai 16 tuổi thì tinh khí sinh, đó là hợp với lẽ âm dương. Bởi vậy yêu cầu tinh khí của đàn ông phải thịnh, kinh nguyệt của đàn bà phải đều, như thế thì mọi bệnh tật không chỗ hở mà lọt vào. Nếu sinh hoạt mất bình thường, ăn uống mất vệ sinh thì mọi bệnh tật đều do đó mà phát sinh

Đại khái cách chữa nội thương ngoại cảm của đàn bà cũng giống như đàn ông, chỉ có khác nhau là ở các chứng thai tiền sản hậu, bảy chứng trưng (báng máu), tám chứng hà (báng hơi), băng huyết, rong huyết, và khí hư bạch đới mà thôi.

Khi hành kinh cũng phải giữ gìn cẩn thận như lúc đẻ, nếu không sẽ dễ sinh bệnh nặng. Nói về hành kinh, kinh là kinh lạc, hành là vận hành, hễ đến kỳ hành kinh mà chậm thấy, đó là huyết hàn, chưa đến kỳ mà đã thấy đó là huyết nhiệt, đang hành kinh mà đau bụng là huyết trệ, sau khi hành kinh mà đau bụng là khí hư, màu kinh bầm tím là phòng, đen là nhiệt, nhợt là đờm, màu khói bụi là huyết không đủ.

Chữa bệnh nên xét rõ hư thực hàn nhiệt mà kê đơn, chớ nên lầm chứng này thành chứng khác.

1. Truyền trị kinh nguyệt không đều, xông lên đầu mắt xây xẩm nôn mửa hoặc xông lên ngực sinh đầy tức, đau nhói hoặc trong bụng kết hòn cục và mọi chứng về khí.

Cù cỏ cú (giã tróc vỏ) 3 đồng cân, *Trần bì* 1 đồng, *Tía tô 1 đồng, Ô dược* 1 đồng, *Can khương* ba nhát, sắc cho uống nóng.

2. Kinh trị kinh nguyệt không đều đau bụng không chịu được.

- *Hồng hoa, Tô mộc, Đào nhân* (bỏ vỏ và đầu nhọn) *Ngưu tất* (bỏ cuống, kiêng đồ sắt) *Mần tưới, Nghệ vàng* sao. Các vị đều nhau, dùng nửa nước nửa rượu sắc sôi vài dạo cho uống.

- *Tử uyển, Hồng hoa, Bồng nga truật, Quế chi* (bỏ vỏ thô) *Hương phụ* (giã tróc vỏ, sao với giấm). Các vị đều nhau, tán nhỏ liều dùng 2 đồng cân uống với rượu bất cứ lúc nào.

3. Truyền trị đàn bà kinh nguyệt không đều, hoặc chưa hành kinh, hoặc đang hành kinh mà đau trằn bụng dưới, khó mà thành thai.

- *Hồng hoa, Tô mộc, Nghệ vàng, Nhục quế, Bồng nga truật* (sao giấm), các vị đều nhau, sắc cho uống lúc đói.

- *Rễ bưởi bung* 2 nắm, nước hai bát sắc còn một nửa cho uống trước khi hành kinh một vài ngày. Rất hay.

- *Lá mần tưới*, ngâm rượu cho uống thường xuyên rất hay.

- *Vỏ cây sau sau*, cạo bỏ vỏ thô, lấy lớp trong 2 lạng, ngâm với một bát rượu ngon, trước ngày hành kinh cho uống mỗi lần 2, 3 chén tống, uống lúc đói. Đến khi sạch kinh sẽ yên.

- *Đậu xanh*, nấu cháo với *gan heo* ăn rất tốt.

- *Bồ hoàng* sao đen, *Lá lốt* tẩm nước muối sao khô. Hai vị đều nhau tán nhỏ luyện hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 30 viên uống với rượu vào lúc đói. Hoặc uống với nước cơm cũng được.

4. Kinh trị đàn bà rong huyết, thấy ra lâu ngày không dứt.

Bạch thược 1 đồng 5 phân, *Hương phụ* sao 1 đồng, *Lá ngải cứu* vò nát 1 đồng. Sắc cho uống là cầm ngay.

5. Kinh trị đàn bà do khí huyết chạy chỗ này chỗ khác sinh đau và đau ngang lưng.

Bồng nga truật, Càn tất 1 lạng. Cùng tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân, uống với rượu rất hay.

6. Kinh trị đàn bà bị bệnh xích bạch đái hạ kinh nguyệt không đều và đau bụng.

Hương phụ mễ 1 cân, chia làm 4 phần. 1 phần tẩm rượu, 1 phần tẩm giấm, 1 phần tẩm nước tiểu trẻ em, 1 phần tẩm nước muối. Mùa xuân tẩm 3 ngày, hạ 1 ngày, thu 5 ngày, đông 7 ngày, tẩm rồi lấy ra rửa nước lạnh cho sạch, phơi khô sao qua tán nhỏ, dùng giấm nấu hồ làm viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần uống 60, 70 viên với rượu, công hiệu rất mạnh, người gầy hay nhiệt thì thêm hạt *dành dành* sao 2 lạng, *mộc thông* 1 lạng.

7. Kinh trị đàn bà đau bụng dưới, đau bụng hành kinh, mới có kinh đã thấy bụng đau xoắn, ran xa sau xương sống như mũi dao đâm không thể chịu nổi, không thuốc nào chữa được.

Rau má tháng 5 mùa hạ hái lấy phơi khô tán bột, mỗi lần dùng 2 đồng, giấm ngon 2 phần trộn đều, uống lúc sáng sớm đói bụng, mỗi sáng uống 1 lần đến khi khỏi thì thôi.

Nếu trước bụng lạnh rồi mới đau thì lấy *Rau má* 2 lạng rưỡi, thêm *Đào nhân* 100 hột, bóc vỏ bỏ đầu nhọn, sao, tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi sáng sớm lúc bụng đói uống với nước cơm hoặc với rượu, mỗi lần 30 viên, ngày uống 2 lần, đến khỏi thì thôi. Kiêng ăn mè và bột mỳ.

8. Kinh trị dùng bài "Tế âm thanh nang hoàn" chữa các bệnh đàn bà nhưng phải tùy chứng mà dùng thang khác nhau:

Hương phụ (giã trớc vỏ) sao qua 3 phần *Ô dược* 1 phần. Hai vị tán nhỏ, nước 1 phần; rượu 1/2 phần, khuấy hồ luyện làm viên bằng hột ngô đồng, liều dùng 7, 8 viên.

Tùy chứng dùng thang như sau:

. Bệnh về huyết, thang với rượu.

. Bệnh về khí thang với nước sắc *Tiểu hồi.*

. Bệnh ngoại cảm, thang với nước sắc *hành* và *gừng.*

. Bệnh về hỏa, thang với nước sôi 100 dạo.

. Bệnh về đờm, thang với nước *Gừng* nhạt.

. Đờm suyễn, thang với nước sắc *Hạt cải củ*

. Ho, thang với nước sắc *Tang bạch bì.*

. Đầy trướng, thang với nước sắc *trần bì.*

9. Kinh trị đàn bà kinh nguyệt không đều, do khí hư huyết hư sinh đau bụng, huyết ra không đúng kỳ.

- *Bồ hoàng* sao qua, *Lá lốt* sao muối. Hai vị bằng nhau, đều tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 20, 30 viên uống với rượu là khỏi.

- *Bồng nga truật, củ giềng ấm.* Hai vị bằng nhau, sao tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu, không cứ lúc nào.

10. Kinh trị đàn bà mỗi lần có kinh là đau bụng nóng rét dữ dội, mặt đỏ:

- *Qủa dành dành*, bỏ vỏ lấy hột một vốc, *gừng sống* giã lấy nước sao đen, nước một bát sắc lấy nửa phần, uống 1 lần là khỏi.

- *Thanh mộc hương*, rượu với nước đều một nửa cùng sắc uống là khỏi.

11. Kinh trị đàn bà do khí hư huyết trệ đang hành kinh đau nhói.

- *Hột vải* đốt tồn tính nửa lạng, *Hương phụ mễ* sao, 1 lạng, đều tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước muối, hoặc với nước cơm là khỏi.

- *Hột vải*, tán nhỏ, uống 1 đồng với muối và giấm đun nóng.

- *Lá hẹ* và gốc 1 nắm, giã vắt lấy nước 1 chén, hòa với 1 chén rượu mà uống, rất hay.

12. Kinh trị đàn bà da vàng vì huyết xấu.

Qủa cà già dao tre bổ ra, phơi râm cho khô, tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng với rượu nóng, là khỏi.

II - KINH BẾ

Kinh bế là đến kỳ hành kinh mà không thấy kinh, hoặc ra một ít rồi thôi đến nỗi bụng đau kết lại hoặc sinh hòn cục, đó là hành kinh thất thường mà sinh ra. Tuy sách Nội kinh có chia làm 8 nguyên nhân nhưng đại khái đều do hai yếu tố chính là "Hư" và "Đờm".

Người gầy mà kinh thường bế là do huyết hư, kinh mạch không đầy đủ nên không thấy kinh.

Người béo thường do nhiều đờm cho nên kinh lạc tắc lập không thông.

Về cách chữa trường hợp hư phải bổ, vì nước đầy thì tự nhiên sẽ chảy, trường hợp bế tắc phải khai thông kinh mạch thông thì tự nhiên thấy kinh, nhất thiết đừng lầm cho chứng thực là hư mà bổ, chứng hư là thực để công, gây tổn hại mạng người. Đó là trách nhiệm ở người thầy thuốc.

1. Kinh trị đàn bà khí huyết không đều hỏa xông bốc lên lồng ngực biến ra khô ráo.

Xơ mướp 1 quả đốt tồn tính, tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân uống với rượu vào lúc đói là khỏi.

2. Kinh trị đàn bà kinh bế đến kỳ mà không thấy kinh, thậm chí cả năm không thấy, rốn bụng đau tức, eo lưng bắp đùi nặng trĩu, nóng sốt từng cơn.

Hạt cải trắng 2 lạng tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân uống với rượu vào lúc đói rất hay.

3. Kinh trị đàn bà kinh nguyệt không đều, kinh bế lâu ngày không thông:

- *Phân tằm* sao vàng tán nhỏ, liều dùng 1, 2 đồng cân uống với rượu.

- *Chè xanh* nấu lấy 1 bình, hòa đường cát vào đem phơi sương 1 đêm rồi uống. Chú ý có thai 3 tháng mà uống vẫn bị xẩy thai.

- *Đậu ván trắng* sao vàng tán nhỏ, liều dùng 3 đồng cân uống với nước cơm, ngày uống 3 lần, nếu đậu ván có hoa thì dùng hoa càng tốt.

- *Rễ ý dĩ* 1 lạng, sắc nước uống chỉ 3 lần là khỏi.

- *Hậu phác* 3 lạng, nướng rồi thái nhỏ, nước 3 thăng, sắc còn 1 thăng, chia làm hai lần uống vào lúc đói, chỉ uống 3, 4 lần, rất công hiệu hoặc thêm *Đào nhân*, *Hồng hoa* đều 1 lạng, càng tốt.

- *Xơ mướp* khô 1 quả, đốt tồn tính, tán nhỏ, dùng *tiết chim bồ câu trắng* hòa lẫn làm bánh, phơi khô tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào lúc đói. Hoặc trước uống thang Tứ vật rồi sau uống phương này càng hay.

4. Kinh trị gái chưa lấy chồng mà kinh bế.

- *Phân chuột đực* (thứ hai đầu nhọn) 1 lạng, sao cháy tán nhỏ mỗi lần uống hai đồng với rượu nóng vào lúc đói rất hay.

- *Dây dưa dá* 5 đồng, *Qủa giun* 5 đồng, *Cam thảo* 6 đồng. Đều tán nhỏ mỗi lần uống hai đồng với rượu là thông.

5. Kinh trị đàn bà cơ thể khỏe mạnh mà kinh bế, bụng sinh hòn cục (trưng hà).

Cỏ roi ngựa giã nát nấu thành cao, mỗi lần dùng 1 muỗng hòa với rượu mà uống vào lúc đói, rất công hiệu.

6. Kinh trị đàn bà huyết tích thành khối, tinh thần hoảng hốt, hông ngực sườn eo lưng đau ran đến bộ phận sinh dục, tiểu tiện rất khó, ít ăn, muốn mửa, hình tựa như có thai.

Chuột cống đực 1 con, lấy vải mới bọc kín, ngoài lại bọc một lớp đất sét, đào đất một lỗ để chuột xuống dưới, lấy củi lá dâu đốt trên trong một ngày đêm, lấy ra bỏ đất và vải đi cho 6 đồng *Quế tâm* vào cùng tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với rượu, chỉ 2 lần uống là khỏi.

7. Kinh trị đàn bà kinh bế kết thành khối to đau nhức.

- *Nga truật* sấy khô tán nhỏ, hòa với nước lẫn rượu mà uống rất hay.

- *Nước đái trẻ con* thường uống 3, 4 lần, mỗi lần uống một bát uống lâu ngày sẽ ỉa ra hết chất độc là khỏi.

- *Hương phụ* giã sạch vỏ, *Bồng nga truật, Khương hoang sao, mẫu lệ nung, Đậu đen sao*. Các vị bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần dùng 3 đồng, sắc nước *cỏ mực* làm thang mà uống vào lúc đói.

- *Sơn khô* đốt ra tro tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng với rượu là khỏi.

- *Sơn khô* đốt thành tro 2 lạng, *Khương hoàng* 2 lạng, *Bồng nga truật* 2 lạng, *Hương phụ mễ* 4 lạng. Đều tán nhỏ, hòa giấm nấu hồ làm hoàn bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với rượu vào lúc đói.

- *Lưỡi búa sắt* nung đỏ, lấy 3 bát rượu, tôi vào 3 lần, dùng rượu đó mà uống sẽ khỏi.

III - BĂNG HUYẾT, RONG HUYẾT

Băng huyết rong huyết là không phải lúc hành kinh mà huyết ra dầm dề (băng) ra lỗ rỉ mãi không thôi (rong). Đó là do khí huyết thương tổn, mạch *Xung* mạch *Nhâm* không giữ vững mới thành chứng này. Nhưng trong lâm sàng còn chia ra âm chứng và dương chứng.

Đàn bà 50 tuổi trở lên kinh đã hết vài năm mà bỗng nhiên lại có kinh, bụng đau, mình nóng, khát nước đấy là âm chứng; gọi là "băng". Còn người 20 - 40 tuổi mà huyết ra xối xả không ngừng là "dương chứng" gọi là "rong". Phép chữa phải xét chứng mới cho thuốc.

1. Truyền phương chữa băng huyết, huyết ra quá nhiều xây xẩm ngất đi bất tỉnh.

Hương phụ (giã tróc vỏ), xác *gương sen, Hoa hòe* mỗi thứ một phần, đều sao qua. *Tóc rối* đốt ra tro. *Tê giác* sao, đều dùng nửa phần. Sắc cho uống sẽ khỏi.

- *Lá ngải cứu* đốt tán nhỏ, lần dùng 2 đồng cân uống với rượu cầm ngay.

2. Kinh trị băng huyết và ra huyết 5 sắc rong huyết khí hư cũng trị được, thường uống thì nhuận huyết điều khí, là 1 phương thuốc tiên của phụ nữ.

- *Hương phụ mễ* sao đen tán bột, hòa 2 đồng vào nước nóng mà uống, là khỏi ngay. Hôn mê quá thì uống thêm 3 đồng với nước cơm.

- Theo phương trên, gia thêm *Đại giả thạch* phân lạng bằng *Hương phụ*, nung đỏ suốt nhúng vào giấm mà uống.

3. Kinh trị băng huyết rong huyết ra huyết có 5 mầu, khiến cho không có con.

Tổ ong đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng với rượu, rất hay.

4. Kinh trị băng huyết rong huyết không ngớt, không kể nóng lạnh đều chữa được.

- *Gương sen, hoa kinh giới* phân lạng bằng nhau. Đều đốt tồn tính tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm uống 3 lần là kiến hiệu.

- *Xác gương sen* đốt tồn tính, *Hương phụ* giã bỏ vỏ sao đen, *Muội nồi*, phân lạng bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng, sắc nước *Củ sắn dây* mà uống, là cầm ngay.

5. Kinh trị băng huyết không kể mới hay lâu.

Mộc nhĩ cây hòe đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu nóng là khỏi.

6. Kinh trị bị phong nhiệt mà băng huyết.

Hoa kinh giới đốt ra tro tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng, với *nước tiểu trẻ con* là khỏi.

7. Kinh trị băng huyết không cầm được.

- *Hoa dậu ván trắng* sấy khô tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, dùng gạo sao vàng, cho vào ít muối, sắc lấy nước mà uống vào lúc đói sẽ khỏi.

- *Xơ mướp, Bẹ móc*. Đều bằng nhau đốt ra tro tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu hoặc nước muối, vào lúc đói là ngừng.

- *Mộc nhĩ* 2 lạng sao lên khói, *Tóc rối* đốt ra tro 3 phân. Cùng nghiền nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu ngon vào lúc đói là cầm ngay.

- *Hòn cân* (bằng chì) nung đỏ tôi vào rượu 9 lần (9 lần nung 9 lần tôi) rồi lấy rượu ấy mà uống.

- *Ô mai nhục* 7 quả, đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng với nước cơm vào lúc đói.

- *Lá mơ* sấy khô, *Bẹ móc* đốt ra tro, hai vị đều nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rươu là cầm được.

- *Hột đào* đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng với rượu, ngày uống 3 lần là khỏi.

- *Thịt heo* 4 lạng, luộc chín, *Muội nồi* 2 lạng, đun nhỏ lửa sao nóng, giã rây qua rồi trộn với thịt heo mà ăn khỏi ngay.

- *Chót sừng trâu* đốt tồn tính, *Mai mực*. Phân lạng bằng nhau tán nhỏ, cho *Xạ hương* chút ít, mỗi lần uống 1 đồng với rượu vào lúc đói, ngày uống 3 lần tự yên.

- *Quán chúng* xắt lát, nấu với nước và rượu mà uống, khỏi ngay.

- *Gạc hươu* đốt ra tro tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng vào lúc đói, hoặc không có gạc hươu thì dùng chót *sừng bò*, đốt ra tro tán nhỏ, uống với nước cơm là khỏi.

- *Hạt cau già* đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu.

- *Phân tằm* tán nhỏ, mỗi lần uống 2, 3 đồng với rượu là khỏi.

- Theo phương trên, thêm *Đất lòng bếp* nửa phần.

- *Cứt heo nái già* đốt tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng với rượu là khỏi.

8. Kinh trị dàn bà rong huyết.

- *Tóc rối* rửa sạch, đốt ra tro tán nhỏ, uống 1 đồng với rượu nóng vào lúc đói rất thần hiệu.

- *Hòe hoa* sao cháy đen tán nhỏ, hoặc thêm *Muội nồi*, hoặc thêm *Hoa kinh giới*, hoặc thêm *Bẹ móc* đốt ra tro đều tốt, mỗi lần uống 2, 3 đồng với rượu nóng trước lúc ăn rất hay.

- *Cây dướng* cạo lấy vỏ trắng. *Kinh giới*. Hai vị bằng nhau, sắc nước uống, công hiệu không thể nói.

- *Lá sen* đốt tán nhỏ 5 đồng. *Bồ hoàng* sao 1 lạng, *Hoàng cầm* 1 lạng. Đều tán nhỏ mỗi lần uống 3 đồng với rượu vào lúc đói rất hay.

- *Lá ngải cứu* vò nát một cục bằng trứng gà. *Can khương* 1 đồng, *Nước* 1 thăng, sắc còn 1 nửa lọc bỏ bã cho cao da trâu vào 5 đồng, nấu với nước thuốc cho tan, chia làm 3 lần uống trong 1 ngày cho hết rất hay.

- *Sa nhân* để trên miếng ngói mới mà sao rồi tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng với nước cơm rất hay.

- *Ích trí nhân* sao tán nhỏ, uống một đồng với nước cơm hòa vào tí muối, rất hay.

- *Lá vậy đỏ* giã nát hòa vào một bát nước, vắt lấy nước mà uống rất hay.

- Theo phương trên, gia thêm *Mạch môn* bỏ lõi, lá *Vậy trắng* đều bằng nhau, sắc nước uống.

- *Dây bạc sau*, dùng lá rửa sạch, giã vắt lấy nước nửa bát mà uống, lại lấy bã nó rịt vào xoáy thượng, công hiệu không thể nói hết.

9. Kinh trị huyết ra không dứt, người gầy da vàng, huyết ra hết, tạm dứt vài hôm lại sinh nhọc mệt, bệnh lâu ngày chứa không khỏi, và trị băng huyết rong huyết.

- *Mộc nhĩ cây dâu* sao khô tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu nóng trước khi ăn, ngày uống 2 lần rất hay.

- *Bồ hóng* sao cháy hết khói, và *Hoa kinh giới*, hai vị bằng nhau, cùng tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng với nước trà là dứt.

- *Lá trắc bá* sao, *Bạch thược* phân lạng bằng nhau. Mỗi lần dùng 3 đồng, nửa nước nửa rượu sắc uống. Con gái chưa chồng thì dùng *Lá trắc bá* và *Mộc tặc* đều sao hơi cháy, hai thứ bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng với nước cơm rất hay.

- *Xác gương sen* lâu ngày càng tốt, đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng với rượu là dứt.

- Phương trên gia thêm *Hoa phù dung* phơi khô tán nhỏ, uống với nước cơm là dứt.

- *Mộc tặc* sao 3 đồng, *nước* 1 chén, sắc còn 7 phân 10 ngày uống với nước cơm là dứt.

- *Tính tre* sao qua, mỗi lần uống 3 đồng, với nước một bát, sắc uống là hết.

10. Truyền trị kinh huyết ra nhiều quá.

Hột dưa dá hoặc *hột dưa hấu*, bỏ vỏ lấy nhân, tán nhỏ, giấy gói lại, đập cho thấm thâu dầu ra bỏ dầu đi, rồi hòa với nước mà uống, mỗi lần uống 2, 3 đồng là khỏi.

IV - KHÍ HƯ BẠCH ĐỚI

Đàn bà ra khí hư hoặc trắng đỏ, cũng như chứng di tinh bạch trọc của đàn ông, đều do sẵn có bệnh thấp nhiệt, lại thêm vào mừng giận, lo, nghĩ, sinh đẻ, nuôi con, dâm dục và kinh ra chưa hết mà giao cấu, làm cho trọc khí thấm vào bàng quang, cho nên mới chảy ra vật uế tạp hoặc trắng, đỏ, vàng, xanh, đen, hoặc nhiều hoặc ít đến nỗi sắc mặt như người có bệnh Hoàng đản, eo lưng, bắp đùi đau nhức, ăn uống sút kém, tinh thần uể loải mà sinh ra bệnh.

Đại phàm chữa bệnh này không nên dùng thuốc nóng, vì nó sẽ giúp cho hỏa nóng thêm, cũng không nên dùng thuốc mát, vì nó sẽ hư liệt mất chân khí ở trong. Chủ yếu là phải ôn bổ vinh vệ cho khí huyết vững mạnh, thì bệnh sẽ khỏi.

1. Kinh trị đàn bà ra khí hư bạch đới lâu năm không khỏi.

- *Hà thủ ô* (kiêng đồ sắt), dùng dao tre cạo bỏ vỏ ngoài, dùng dùi gỗ đập nát, ngâm nước vo gạo một đêm, phơi khô tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào lúc đói. Uống được lâu ngày thì sống lâu.

- *Gáo dừa* đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng rưỡi, lấy *Qủa trứng gà* chọc một lỗ thủng, như ra huyết trắng (bạch đái) thì dốc bỏ lòng đỏ trứng đi, cho bột gáo dừa vào trong trứng, ngoài trứng thì bọc vài lớp giấy ướt, rồi nướng cho chín mà ăn vào lúc đói, chỉ ăn ba lần là khỏi.

2. Kinh trị ra huyết trắng hoặc đỏ đã lâu năm mọi thuốc đều không chữa khỏi.

Quán chúng (Củ ráng) dùng nguyên một củ, lấy dao cạo vỏ ngoài, giấm ngon tẩm ướt giấy bọc ngoài, nhỏ lửa nướng cho chín thơm lên, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm vào lúc đói rất hay.

3. Kinh trị ra huyết trắng hay đỏ, không kể mới hay lâu đều chữa được.

- *Gạc hươu*, đốt tồn tính, tán nhỏ, uống 2 đồng với rượu vào lúc đói. Nếu là con gái thì thêm tóc rối đốt ra tro cùng 2 đồng, tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng với nước lạnh, càng hay.

- *Cành hòe*, đốt ra tro, tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng cân với rượu, trước lúc ăn, rất tốt.

- *Mỡ heo* 3 vốc *Rượu* 5 chung. Sắc sôi, uống ấm, chia ra hai lần mà uống rất hay.

- *Trứng gà*, chọc thủng một lỗ ở đầu trứng cho vào 3 phân bột *Lưu hoàng* ngoài bọc giấy ướt nướng chín mà ăn và uống thêm ít rượu là khỏi.

- *Mẫu lệ* (nung), *Rễ ích mẫu* (đốt tồn tính). *Gương sen* (đốt tồn tính), *Hương phụ mễ*. Các vị bằng nhau. *Can khương* (đốt tồn tính) nửa phần. Đều tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng với rượu nóng.

- *Tổ bọ ngựa cây dâu* tẩm rượu sao khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước gừng nấu sôi rất hay.

- *Chua me đất* phơi râm tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng với rượu là khỏi.

- *Đậu ván trắng*, sao tán nhỏ, (không có quả thì dùng hoa), phơi khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm rất hay.

- *Đại bì dằng, Xác gương sen* sao đen, *Hương phụ mễ*, Đều bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, nấu nước *rễ cỏ tranh* làm thang hoặc uống với nước cơm cũng được.

- *Rau sam* giã vắt lấy nước 3 chén, cho *lòng trắng trứng gà* vào hai quả, đun sôi xong đợi lúc thuốc còn nóng âm ấm mà uống. Chỉ uống hai lần là khỏi.

Mộc nhĩ cây dâu, thái nhỏ sắc với rượu mà uống là khỏi.

- *Nõ sừng trâu* (đốt ra tro, hết khói thì thôi). *Hương phụ mễ* (tẩm nước muối sao khô, lại tẩm lại sao 7 lần). Hai thứ đều bằng nhau, tán nhỏ, liều dùng 1, 2 đồng cân, uống với nước cơm vào lúc đói.

- *Hòn son* đốt đỏ tôi vào giấm. *Đất lòng bếp* sao cháy đen, *củ gấu* (giã sạch vỏ) đều 2 lạng, tán bột, uống mỗi lần 2 đồng cân với nước cơm vào lúc đói.

- *Lươn to* 1 con, cắt lấy ba tấc ở giữa, đốt ra tro, *Hồ tiêu* 15 hạt, đều tán nhỏ hòa vào rượu mà uống, chỉ uống ba lần là khỏi.

- *Bạch cương tâm*, không cứ nhiều ít, rửa bằng nước vo gạo, cấu bỏ đầu, chân, tán nhỏ, nếu không có thì dùng *Tâm sa* sao, tán nhỏ, liều dùng 2, 3 đồng uống với rượu, công hiệu cũng như nhau.

- *Ích mẫu thảo* có hoa, phơi khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước nóng vào lúc đói.

- *Rễ gai, rễ bươm bướm* đều 1 nắm. Rửa sạch, sắc uống vào lúc đói.

4. Kinh trị ra khí hư trắng đỏ, không hành kinh.

Mẫu lệ (nung), *Phèn phi khô* phân lạng bằng nhau. Đều tẩm nước tiểu trẻ con, phơi khô và tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước nóng. Lại dùng bột *xà sàng* và *phèn phi* bằng nhau, tán nhỏ, trộn giấm và bột mì làm viên bằng hòn đạn bọc lụa mà nhét vào trong cửa mình, nếu nóng lắm thì thay viên khác, ngày làm hai lần là khỏi.

5. Kinh trị đàn bà ra khí hư phần nhiều vì trong thì thất tình thương tổn dưới thì nguyên khí hư lạnh mà sinh bệnh.

- *Vỏ rễ cây nhãn*, bỏ vỏ đen ngoài, mỗi lần dùng một nắm, sắc với nước đặc mà uống vào lúc đói, uống 4, 5 sáng là khỏi.

6. Truyền phương chữa bệnh bạch đới có hiệu nghiệm.

- *Cỏ lá tre, Hạt mã đề* đều dùng 2 đồng, *gừng sống* giã vắt lấy nước 1 chén. Đổ vào 1 bát nước và 1 bát rượu ngon mà sắc uống vào lúc đói, uống 3 buổi sáng là khỏi.

- *Rễ cỏ may* 1 lạng. Nước 1 bát to. Sắc còn nửa mà uống vào lúc đói rất hay.

- *Hoa hòe* sao, *Mẫu lệ* (nung) 2 thứ bằng nhau. Đều tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng với rượu là công hiệu.

7. Kinh trị đàn bà ra huyết trắng (khí hư).

- *Lá da lông, lá vảy ốc* phân lạng bằng nhau. Sắc nước uống vào lúc đói, uống đến khỏi thì thôi.

- *Tua cau rũ* (còn dính trên cây cau) đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước tiểu trẻ con vào lúc đói, đến khỏi thì thôi.

- *Rễ bươm bướm* rửa sạch, 2 nắm giã nát, nước 2 bát sắc còn 1 bát, uống vào lúc đói, uống 3 lần là khỏi.

8. Kinh trị con gái ra huyết trắng (khí hư).

Nhân hột bí đao, thứ đã để lâu càng tốt, sao, tán nhỏ, mỗi lần uống 5 đồng với nước cơm vào lúc đói, rất công hiệu.

9. Kinh trị đàn bà ra huyết trắng luôn do hư lạnh.

- *Gạc hươu* đẽo ra, sao vàng, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu sẽ khỏi.

- *Vỏ trứng gà* 5 lạng, (đốt tồn tính). *Hột bông* 2 lạng (sao đen hết khói thì thôi). Đều tán nhỏ, dùng rượu nấu hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với nước cơm vào lúc đói. Hột bông lấy lúc tháng 5 thì tốt.

V - HƯ LAO

Bệnh hư lao, nếu phát ở đàn ông con trai thì hầu hết là do tổn thương tinh dịch, nếu phát bệnh ở đàn bà con gái thì hầu hết là do kinh bế. Mấy yếu tố ấy đều có thể sinh bệnh mà làm chết người. Đàn bà cốt lấy huyết vượng hơn khi làm căn bản, vì tâm chủ huyết, can tàng huyết, nay huyết suy khí thịnh là do thất tình lục dâm gây nên uất kết ở tâm, tâm bị thương tổn thì huyết khô kiệt, trước hết kinh nguyệt bế tắc, rồi truyền khắp các tạng mà sinh ra bệnh. Hoặc tinh thần nhọc mệt không muốn ăn uống, da khô, tóc se, mình mẩy đau nhừ, gầy róc, sốt cơn đều là do âm hư, âm bất túc, dương trội hơn âm, thủy không thắng hỏa, đến nỗi hỏa đốt khô.

Về phép chữa nên *dưỡng âm huyết* làm căn bản chớ nên quá dùng thuốc công phạt.

1. Truyền trị đàn bà phải sốt sắp bệnh thành lao, da thịt gầy róc, ăn uống kém sút, kinh nguyệt không đều.

Bao tử heo đực, mỗi lần dùng 1 cái, *Mía* 1 cây, róc bỏ vỏ, ép lấy nước. Đem nấu với bao tử ấy mà ăn vào lúc đói chỉ ăn 5, 6 cái là rất bổ.

2. Kinh trị đàn bà sốt về đêm, ho thổ ra đờm, kinh nguyệt không đều, hình dung tiều tụy.

Qủa lâu nhân, Thanh đại đều 2 lạng, *Hương phụ* tẩm nước tiểu trẻ em phơi khô, 1 lạng rưỡi.

Cùng tán nhỏ, hòa với mật, mỗi lần dùng 1 đồng, ngậm tan nuốt xuống, rất hay.

3. Truyền trị đàn bà nhức đầu chóng mặt.

Hoa dâm bụt đỏ, Gỗ vang hai vị bằng nhau. *Gừng* 3 lát. Cùng sắc nước lấy 7 phân, uống đến khỏi thì thôi.

4. Kinh trị đàn bà vàng da, nhân kinh nguyệt không đều lại ham dâm dục đến nỗi sinh ra mọi chứng nhọc mệt, hình dung vàng gầy.

Phèn chua 5 đồng, *trần bì* 3 đồng đều tán nhỏ, *Sáp vàng* 5 đồng nấu chảy ra nước, hòa bột hai vị trên vào, viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên, dùng thang Tứ vật sắc nước làm thang.

VI - DƯỠNG THAI

"*Âm dương hòa hợp thì muôn vật sinh, tinh huyết giao cảm thì thai ngén lành*": Đó là lẽ tất nhiên. Trời đất có thái sơ (lúc thoạt tiên), thái thủy (lúc bắt đầu) lúc hỗn độn đã phân chia rồi, khi đã thấy thì gọi là thái sơ, hình đã thành thì gọi là thái thủy. Khi với bình nhân quả với nhau, sinh sinh hóa hóa, thì các vật hình thành. Phàm động vật lúc mới thai nghén cũng giống như thực vật kết hột, cốt được yên lặng ôn hòa thì mới thành được quả, nếu bị rét nắng gió sương lay chuyển thì không khỏi điêu tàn.

Trong vạn vật thời chỉ có loài người được bẩm thụ chính khí của trời đất, gồm cơ trí muôn vật vượt sáng suốt của trăm loài, cho nên, lúc sinh đẻ, lúc nuôi nấng, so với mọi loài vật đều khác xa. Lấy lai lịch loài người mà nói, thì phép dưỡng thai rất quan trọng, thời kỳ mang thai là rất quan hệ, vì có tổ tiên mới sinh ra con cháu, có con cháu, mới nối dõi tổ tiên, cho nên trong lúc thai nghén cần và phải giữ gìn điều dưỡng, không nên xem thường.

1. Nên làm, nên kiêng khi thai nghén.

Từ lúc mang thai đến sau, ý nên vui vẻ mà kiêng lo nghĩ, cơ thể nên vận động mà kiêng ở dưng, lòng nên tiết độ mà kiêng thèm muốn, ở nên mát mẻ mà kiêng nóng bức ăn

nên ấm áp mà kiêng nguội lạnh, mặc nên thích ứng với thời tiết mà kiêng quá lạnh, quá nóng, gân cốt nên thường vận động mà kiêng đứng lâu, thân thể nên điều hòa hơi thở mà kiêng ngồi lâu, chân nên đi bách bộ mà kiêng đi lâu, lưng nên trăn trở mà kiêng nằm lâu, nằm nên ổn định mà kiêng nghiêng lệch, ngồi nên ngay ngắn mà kiêng xiêu vẹo, đứng nên bằng thẳng mà kiêng co chân, nói nên hiền lành mà kiêng quỷ quyệt, mắt nên trông cái tốt mà kiêng xấu xa ô uế, tai nên nghe những chuyện tốt mà tránh nghe tiếng thô bỉ dâm tà.

Tuân thủ không làm trái những điều kể trên thì sẽ sinh ra con ngoan, tài giỏi hơn người.

2. Đồ ăn nên kiêng cữ:

Khi có thai nghén nên nhất thiết phải kiêng cữ các thức ăn, đó chẳng những đề phòng ngừa động thai mà lại còn vì lẽ có thai quá tháng khó sinh và cũng hay làm cho thai nhi phá hình mẹ tổn hại. Thế thì không đáng khuyên răn hay sao?

. Ăn thịt gà với nếp thời khiến cho con nhiều giun.

. Ăn gan dê thì khiến con hay bị tai ách.

. Ăn gỏi, cá chép với trứng gà thì con hay bị bệnh cam lở.

. Ăn thịt chó thì con hay bị câm.

. Ăn thịt thỏ thì con hay bị sứt môi.

. Ăn thịt ba ba (cua đinh) thì con rụt cổ và hại thai.

. Ăn trứng vịt với quả dâu thì hay đẻ ngược và tim lạnh.

. Ăn loài cua càng thì hay đẻ ngang.

. Ăn thịt chim sẻ với đậu nành thì mặt sinh chấm đen.

. Ăn đậu nành, nước tương với *hoắc hương* thì trụy thai tuyệt sản.

. Ăn thịt chim sẻ thì con đa dâm, không biết xấu hổ.

. Ăn thịt sơn dương thì con hay bị nhiều bệnh cam.

. Ăn gừng sống thì con sinh nhiều ngón tay và hay lở.

. Ăn thịt chẫu chàng với lươn thì con câm ngọng.

. Ăn thịt lừa, ngựa và thịt la thì có mang quá tháng và khó đẻ.

3. Vị thuốc kỵ thai.

- Ba đậu Mãn đề (Ba đậu nam): Độc bảng A.

- Ban miêu (dâu đậu): độc bảng A.

- Ô đầu, Phụ tử, Thiên hung, Ô nhuế, Trác tử (Aconitum: độc bảng A);

- Lá ngón (Dạ cát, câu vẫn): độc chết người.

- Lê lô (gây nôn mạnh).

- Thủy ngân (Hg: độc bảng A).

- Hùng hoàng (AsS: có độc bảng B).

- Lộ sa (muối amonia) hồ phấn (phấn kẽm) Giá thạch (hòn son), Như tiêu, Mang tiêu (Phác tiêu), cùng các loại thuốc kim thạch.

- Con rết, Mọt sách, Rán mối.

- Mòng mòng, Đỉa, Rắn giun xanh, Sùng đất, Xác ve, Mã đao, Thạch tàm, Xác rắn,

- Xạ hương, Ngưu hoàng, Da nhím.

- Nguyên hoa, Bìm bìm, Cam toại, Dai kích, Mạng thảo (Hồi núi), Cù mạch

- Mẫu đơn, Quế, Tam lang, Hồng hoa, Đào nhân, Bồ kết, Sơn khô, Bán hạ, Nam tinh, Càng cua, Thông thảo, Rễ cỏ tranh, Gừng khô, Tỏi, Ngưu tất, Thịt lừa, Thịt thỏ, Ý dĩ, Nghệ, Qủa hòe, Thiến thảo...

4. Kinh nghiệm khi thai mới thành hình, có thể chuyển gái thành trai.

Phân tằm mỗi lần dùng 1 hột, uống với nước giếng ban mai, ngày uống 2 lần, rất hay.

5. Phương thuốc hoạt thai dễ đẻ đá kinh nghiệm:

Đất ở cống chợ 1 hòn, có thai được 8 tháng thì đựng vào túi nhỏ mà đeo, đến lúc sắp đẻ lấy ra tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng, thang với rượu, rất hay.

VII - ĐỘNG THAI

Thai nghén và sinh nở là việc to lớn của đàn bà. Nếu ăn uống không hợp vệ sinh, cư xử không đúng khuôn phép, thì khi sinh nở mẹ ốm con đau, mẹ đau con chết, phát ra nhiều chứng bệnh. Hãy theo các phương sau đây tùy chứng mà chữa.

1. Truyền phương có tác dụng an thai, dễ thở, ăn ngon, gọn thai, dễ đẻ hoặc khi bất trắc, bống dưng ngã nhào, ra huyết, đau bụng, đều công hiệu.

Củ cỏ cú, Khoai mài đều 2 lạng. *Sa nhân* 1 lạng, *Tía tô, cam thảo, Chỉ xác* đều 5 đồng, tán nhỏ, uống mỗi lần 2 đồng với nước nóng.

2. Kinh trị đàn bà có thai, bống nhiên đau bụng, nhức nhối không chịu được.

- *Muối* 1 nắm, rang nóng rồi đổ vào 1 chén rượu lọc cho uống nóng, là yên ngay.

- *Hương phụ mễ* sao tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, lấy *Tía tô, sa nhân* sắc nước làm thang.

- *Mía róc vỏ*, cứ hễ có thai 1 tháng thì dùng 1 lóng, cắt ra từng miếng, sắc nước mà thường uống, mẹ con đều yên.

3. Truyền trị thai khí không thuận, hoặc ăn nhiều đồ nóng, độc xông lên tim, khó thở, buồn phiền vật vã và muốn chết.

Tiên trúc hoàng 3 đồng, *Lá ngải cứu* 3 đồng, *càng cua* (giải trảo) 3 đồng *Vảy cá chép*, đốt tồn tính 2 đồng, *Tằm gửi dâu* 1 đồng, *Mẫu lệ xung* 1 đồng, *Cao da trâu* 1 đồng. Cùng tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên, sắc nước *Củ gai* làm thang mà uống.

Nếu bị cấm khẩu, thì dùng nước sông hay nước khe suối mài viên thuốc (độ 1 đồng cân) lấy đũa bếp cạy miệng mà đổ vào.

4. Truyền trị động thai đau bụng dữ dội.

- *Lá nhãn*, (hái ở cành hướng đông) 1 nắm, nước 3 bát, sắc còn 1 bát cho uống là yên ngay.

- *Nước đái trẻ em*, mỗi lần uống 1 bát, ngày uống 2 lần rất hay.

- *Nước mật heo* một cái đổ vào trong ống tre nhỏ, cho chảy vào tận cổ họng thì mẹ con đều yên.

- *Trứng gà* một quả, hòa với rượu cho uống lành ngay.

- *Cá chép* một con, đánh vẩy, bỏ xương và ruột, cắt nhỏ ra. *Cao da trâu* một lạng sao vàng. *Gạo nếp 2 vốc*, Nước 2 bát. Cùng nấu chín cho gừng, hành, vỏ quýt và muối vào cho vừa lại nấu sôi 5, 6 dạo, ăn làm 4, 5 ngày, rất tốt.

- *Cao da trâu*, 5 đồng, *Tằm gửi dâu* 1 lạng rưỡi *Lá ngải cứu* 3 đồng, Nước 1 bát, sắc còn nửa, uống nóng là yên.

5. Kinh trị đàn bà có thai bụng trướng rất đau, tay không dám sờ vào và thai trăn xuống, đau đớn.

- *Cá chép* 1 con (nặng 2 cân trở lên), *gạo nếp* 1 thăng, Nấu cháo nêm muối, mắm vào mà ăn, rất hay, Mỗi tháng ăn 3 lần thì bảo vệ được thai tốt.

- *Cá chép, Đậu sị, Hành trắng, Gạo nếp* Cùng nấu cháo, nêm gừng muối vào thường ăn, rất tốt.

6. Kinh trị có thai đau như chuyển dạ đẻ.

Bụi trên xà nhà, Đất lòng bếp. Hai vị bằng nhau, tán nhỏ hòa với rượu mà uống, là yên.

7. Kinh trị đàn bà có thai chưa đủ tháng mà thai động như sắp muốn sinh.

- *Bồ hoàng*, 2 đồng tán nhỏ hòa với nước giếng mới múc mà uống, tự yên.

- Theo phương trên, gia thêm *Hột hòe* sao tán nhỏ viên với mật bằng hột ngô đồng, uông mỗi lần 20 viên với rượu, đến khỏi thì thôi.

8. Kinh trị có thai trúng khí độc, bỗng nhiên đau tim ngất đi muốn chết.

- *Đậu sị* 2 lạng, *Gừng sống* nửa lạng cùng sắc mà uống.

- Phương trên gia *Trần bì* 1 lạng bỏ ngừng sông.

9. Kinh trị thai động đau quá, dọa sẩy.

Một cái đồ dùng bằng bạc 5 lạng. *Củ gai* 2 lạng. *Rượu* 1 chén, Nước 1 bát. Sắc lấy nước lọc bỏ bã cho uống nóng yên ngay.

10. Kinh trị thai chưa đủ tháng mà động thai đau đớn, con chết trong bụng, mẹ ngất đi, muốn chết.

Đậu đen 2, 3 cân, ninh với giấm cho đậm mà uống ngày 1 lần, con chết sẽ ra ngay.

11. Kinh trị có thai đau bụng hoặc thổ huyết.

Lá ngải cứu 1 nắm, sắc mà uống rất hay.

12. Kinh trị có thai đá 6, 7 tháng, đau bụng đái gắt, đại tiện bí và bệnh thời khí phát sốt, uống phương này có thể bảo hộ được thai.

Đất lòng bếp tán nhỏ, liều dùng 2 đồng uống với nước chín và hòa đất lòng bếp ra làm bùn, rồi đắp vào lỗ rốn.

13. Kinh trị có thai bỗng nhiên đau tức, đau bụng, hoặc bị đụng chạm hay bị té ngã mà huyết ứ lại hoặc huyết chảy ra làm cho tổn thương đến thai nên đau đớn.

- *Tinh tre* (trúc nhự) 2 nắm, *Rượu đế* 1 bát. Sắc sôi 4, 5 dạo tùy ý mà uống, yên ngay.

- *Sa nhân* sao nóng thấu nhân, bóc bỏ vỏ tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu hoặc với nước cơm, giây phút chỗ đau trong bụng thấy nóng lắm, là thai đã yên rồi.

- *Rễ tranh* một nắm rửa sạch, *Gừng già* 5 lát sắc với nước rồi hòa vào một phần rượu mà uống nóng, tự yên.

14. Truyền trị động thai, huyết ra nhiều quá bất tỉnh nhân sự, tay chân giá lạnh rã rời khổ sở, hấp hối gần chết.

Lá ngải cứu giã vắt lấy nước 2 chén, *Cao da trâu* 1 lạng, *Mật ong* 1 chén. Cùng sắc lên cho uống là yên ngay.

15. Kinh trị đàn bà có thai bị rong huyết, huyết ra không ngớt, huyết ra kiệt hết là nguy đến thai.

- *Trứng gà* 3, 4 quả, đập lấy lòng đỏ, lấy *rượu đế* 3 chung cùng nấu như bún cho tí muối vào mà ăn, hết lại làm thứ khác, đến lành thì thôi.

- *Gan gà* thái nhỏ, nửa nước nửa rượu nấu chín cho ăn.

16. Kinh trị có thai, bỗng nhiên thai động không yên, hoặc đau lưng thai chuyển đau xóc vào tim, ra huyết không ngớt, hoặc ngày tháng chưa đủ mà muốn đẻ.

- *Thạch xương bồ* giã sống, vắt lấy nước hòa vào nước nóng mà uống là yên.

17. Kinh trị có thai 4, 5, 6 tháng, động thai ra huyết, nguy cấp khó cứu.

- *Hành* 1 nắm to, nước 3 thăng, sắc lấy 1 thăng lọc bỏ bã cho uống tự khỏi.

- *Hành và gạo nếp*, cùng nấu cháo mà ăn, nếu thai chưa chết thì yên, nếu thai chết rồi thì ra được.

18. Truyền trị có thai ra huyết không ngừng, đau bụng.

Lông cánh gà đốt cháy tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu, đến khỏi thì thôi.

19. Kinh trị có thai ra huyết.

- *Đậu đỏ* tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng với rượu, ngày uống 2 lần.

- *Hạt vông vang* 1 cân, nước 3 thang, sắc lấy 2 thang, chia uống 2 lần.

- *Cao da trâu* sao 2 lạng, *Chích cam thảo* 1 lạng, *Trứng gà* 1 quả, Nước 1 bát. Trước sắc cam thảo cho cạn còn một nửa rồi đổ cao da trâu và trứng gà vào quấy tan ra mà uống. bất kỳ lúc nào, rất hay.

- *Ích trí nhân* nửa lạng, *Sa nhân* 1 lạng. Tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng với nước nóng vào lúc đói, ngày uống 2 lần.

- *Xác gương sen* đốt tồn tính tán nhỏ, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 100 viên, với nước sôi hoặc với rượu rất hay.

20. Kinh trị đàn bà có thai uống nhầm phải thuốc nóng, ngộ độc làm cho động thai.

- *Đậu đen, Lá tre, Cam thảo*. Đều nhau, sắc nước đặc mà uống.

- *Đậu ván trắng* bỏ vỏ tán nhỏ, hòa với nước trong mà uống 2, 3 đồng yên ngay.

21. Kinh trị động thai đã chảy nước vàng.

Cuống lá sen khô 1 cái, nướng tán nhỏ, dùng nước vo gạo nếp 1 chén, hòa vào uống là yên.

22. Kinh trị đàn bà có thai bỗng nhiên sùi đờm, trợn mắt, cấm khẩu bất tỉnh nhân sự, gọi là "tử giản".

- *Sa nhân* cả vỏ, sao cháy tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu nóng hoặc không uống rượu được thì dùng nước cơm cũng được. Phương thuốc này có tác dụng an thai, giảm đau, công dụng khó có thể tả hết được.

- *Lá ngải cứu* vò kỹ 3 lạng, giã nhỏ xào với giấm thật nóng, gói vào vải mà chườm dưới rốn, hồi lâu là tỉnh lại.

- *Dây tầm phỏng* phơi khô tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng nấu với *Nước dái trẻ con*, mà uống rất hay. Lúc gấp quá lấy lá tươi giã nhuyễn nhào với nước tiểu trẻ em, gạn lấy nước mà uống cũng công hiệu.

23. Truyền trị dàn bà có thai bị thương hàn, vì sợ sẩy thai mà không dám uống thuốc.

- *Đất lòng bếp* một hòn to, nghiền nhỏ hòa với nước lạnh mà uống, lại đắp vào lỗ rốn, dày 2, 3 tấc là yên ngay.

- *Bùn dáy giếng, Đất lòng bếp, Thanh đại.* Ba vị cùng tán nhỏ, rịt vào lỗ rốn dày 2 tấc, khô lại thay là yên ngay.

24. Kinh trị có thai bị thương hàn nóng dữ, phiền khát, sợ hại đến thai.

- *Lá sen non* (còn cuống chưa nở), sấy khô, 5 đồng *Bột vỏ hến* 2 đồng rưỡi. Cùng tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng, dùng nước mới múc, cho mật vào chút ít, hòa đều mà uống và đắp trên bụng là lành.

- *Cát căn, Mạch môn* bỏ lõi, *Thạch cao:* ba vị đều bằng nhau, Lá tre 9 lá. Sắc nước uống.

- Chỉ dùng *Củ sắn dây tươi*, giã nát vắt lấy nước uống, không có thứ tươi thì dùng bột sắn hòa với nước mà uống.

25. Kinh trị có thai bị thương hàn phát nóng sợ rét.

Đậu sị 1 vốc, *hành* 10 nhánh, *Nước* 1 bát. Sắc còn 6, 7 phần, uống nóng, trùm mền cho ra mồ hôi là khỏi.

26. Truyền trị có thai bị thương hàn, khí ách lên sinh khát, lưng đau mình nặng, bụng đầy trướng, ăn uống kém sút, 5, 6 ngày không đỡ.

Trần bì 3 đồng, *Chỉ xác* sao 1 đồng, *Mạch môn* bỏ lõi 5 đồng, *Gừng* 3 lát, *Hành* 7 củ, Sắc cho uống nóng.

27. Kinh trị có thai ngộ phải nhiệt độc.

Cứt dê giã nát, dịt vào lỗ rốn để an thai, đồng thời tùy chứng mà dùng thuốc thì bảo vệ được thai, không phải lo.

28. Kinh trị có thai bị thương hàn, ban đỏ biến ra ban đen, đái ra máu.

Hành 1 nắm. Nước 3 thang, nấu chín uống nước và ăn hết hành cho ra mồ hôi thì khỏi.

29. Kinh trị có thai cảm hàn.

Cá chép 1 con hoặc *Cá diếc to*, đốt ra tro tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng với rượu, cho ra mồ hôi là lành.

30. Kinh trị có thai bị sốt rét và trị trước bị thương hàn sau biến ra chứng này.

Củ riềng 3 đồng, xắt lát ngâm nước *mật heo* một đêm, trộn với *đất vách dằng dông* mà sao đen, dùng 15 *Nhân quả táo* sao khô cùng táo nhỏ, mỗi lần dùng 3 đồng, nước 1 bát, sắc sôi mà uống trước lúc sắp lên cơn sốt, rất hay.

31. Kinh trị có thai phiền táo, động thai đau bụng gọi là "Tử phiền".

Trúc lịch 1 thang, cho nước *gừng* vào một chén, uống là khỏi. Hoặc dùng *tinh tre* một nắm sắc với một chén rượu, uống nóng.

32. Kinh trị thai nghịch lên gọi là "Tử huyên".

Đọt lá nho 1 nắm to, sắc nước đặc mà uống là hạ xuống mà thai yên.

33. Truyền trị có thai ho mãi không ngớt.

Tang bạch bì tẩm mật nướng 3 đồng. *Chỉ xác* bỏ ruột sao, *Củ cỏ cú* giã trốc vỏ, đều đồng cân rưỡi. *Gừng sống* 3 lát, *Lá tre* 5, 6 lá, *Đường cát trắng* 1 cục nhỏ, *Nước* 1 bát. Sắc còn 7 phần, uống nóng sau khi ăn tự lành.

34. Kinh trị đau dạ con tích huyết có cục:

Bồ hoàng tán nhỏ 3 đồng, uống với nước cơm, cục tích tự tiêu.

35. Kinh trị ung nhọt trong lúc có thai.

Ý dĩ sắc nước cho uống luôn rất hay.

36. Kinh trị đàn bà có thai bị táo nhiệt, đại tiện bế.

Mầm cây ấu, đọt mã đề, nấu canh với huyết heo ăn thật nhiều rất hay.

37. Kinh trị có thai trong bụng xốn xáo, thai khí không yên, không lên không xuống được, ựa ra nước chua, đứng ngồi không yên, ăn uống không ngon.

Củ cỏ cú giã trốc vỏ 1 lạng, *Hoắc hương, cam thảo* đều 2 đồng. Tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước sôi, cho ít muối vào mà uống.

38. Kinh trị có thai ọe mửa không ăn được, hoặc thổ ra đờm dãi.

Rễ lau tươi, 7 phân, *Vỏ quýt* 4 phân, *Gừng sống* 3 phân, *Hạt cau khô* 2 phân. Đều xắt nhỏ, sắc với nước uống nóng vào lúc đói.

39. Kinh trị có thai động thai hoặc đau lưng, nhói tim, hoặc ra huyết không ngớt, tay chân lạnh ngắt, hoặc đẻ ngược, con chết trong bụng.

- *Lá ngải cứu tươi* vò 1 cục bằng trứng gà (2 đồng cân), *Rượu* 4 thăng. Sắc còn hai thăng chia hai lần uống là yên ngay; nếu không có lá ngải tươi thì dùng lá khô.

40. Kinh trị có thai, bị bệnh nặng, con chết trong bụng không ra được, mẹ sắp nguy.

- *Hồng hoa* sắc với nước mà uống 2, 3 bát là hạ được thai chết.

- *Phác tiêu* tán nhỏ, 3 đồng lấy nước đái trẻ em và rượu nóng hòa vào mà uống là ra ngay.

- *Hạt cải* sao qua tán nhỏ liều dùng 2 đồng cân mỗi lần uống với rượu, tiêu ngay.

- *Đất lòng bếp* tán nhỏ, uống với rượu hoặc với nước chín cũng được.

41. Kinh trị có thai bị phù thũng vì thấp nhiệt.

Hột dành dành 1 vốc, sao tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng vào lúc đói, với nước cơm hoặc gia thêm *Bạc hà* càng hay.

42. Truyền trị có thai bị thủy thũng hoặc bụng bí đầy.

Củ cỏ cú giã trốc vỏ, *Sa nhân* sao qua. Đều bằng nhau lấy nước uống, rất hay.

43. Kinh trị có thai bị phù thũng;

Cá chép to 1 con, bỏ ruột, *Đậu đỏ* 1 thăng, nước 2 bát. Nấu cho ăn cả cái lẫn nước, ăn hết một lần sẽ ra chất độc là khỏi.

44. Truyền trị có thai bị phù thũng, bụng đầy, ngực tức, thai ở trong sắp tụt.

Hột tía tô 3 đồng, sao qua, *Củ cỏ cú* giã trốc vỏ sao, *Chỉ xác* sao 7 phân, *Sa nhân* 1 đồng, nước 1 bát sắc uống nóng.

45. Kinh trị có thai đau ngang lưng như muốn gãy.

Một vật bằng bạc nặng 1 lạng, nước 1 bát, sắc còn nửa, lấy đồ bạc ra uống rất hay.

- *Gạc hươu* cắt ra từng miếng, nướng vào lửa khi đang cháy đỏ thì rưới rượu vào, rồi tiếp tục hơ lửa và làm như thế 3, 4 lần, sau đem tán nhỏ, uống mỗi lần hai đồng cân với rượu hay nước nóng.

- *Trứng gà* 1 quả (bỏ vỏ), đổ nước *gừng* vào một muỗng, *Bồ hoàng* 3 đồng. Khuấy đều xào chín, ăn lúc đói rất hay

- *Dây quai bị, Lau nâu, Lá rẻ quạt, Vỏ quả vải* đều hai phần. *Cam thảo* 1 phần. Sắc nước uống vào lúc đói là khỏi.

46. Truyền trị có thai đi lỵ, đau bụng.

Trứng gà 1 quả, xuyên một lỗ nhỏ, dồn *Hoàng đơn* vào 2 đồng, lấy dũa khuấy đều, ngoài gói vài lớp giấy ướt, trong vùi lửa cho chín, bỏ vỏ, lại nướng cho vàng và thơm, chỉ ăn một lần, thang với nước cơm.

Lược....

47. Kinh trị có thai đi lỵ, sắc trắng, ngày đêm 40, 50 lần

Hoàng bá 1 lạng, cạo vỏ xắt nhỏ, tẩm mật sao cháy, tán nhỏ dùng 1 củ tỏi vùi trong lửa cho chín, bóc vỏ giã nát, trộn với thuốc làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên đến 40 viên, với nước cơm vào lúc đói rất hay.

48. Kinh trị có thai tới kỳ đẻ lại đi lỵ.

Hột dành dành đốt tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu, bệnh nặng uống không quá 4, 5 lần là khỏi.

49. Kinh trị có thai mà đi lỏng không ngừng.

Gạo lâu năm sao vàng, tán nhỏ, mỗi lần uống 2, 3 đồng cân với nước cơm thì khỏi.

50. Kinh trị có thai đái ra máu:

Rễ cỏ tranh 1 nắm, *mật* 1 chén. *Gừng sống* 7 lát, nước 1 bát, sắc lấy một nửa mà uống là khỏi.

- *Móng tay của người chồng* đem đốt ra tro, tán nhỏ, hòa vào rượu cho uống là yên.

51. Kinh trị có thai tiểu tiện không thông, dưới rốn tịch bế, bụng trướng đầy.

- *Sa nhân, Củ cỏ cú* giã tróc vỏ, hai vị đều nhau sắc uống là khỏi.

- *Cây mã đề* giã vắt lấy nước cốt, hòa bột *Hoạt thạch* vào mà uống lấy bã đắp chung quanh rốn, nóng lại thay là khỏi.

52. Truyền trị có thai đại tiểu tiện không thông.

- *Ốc bươu* giã nát hòa với muối và cám đều chút ít, nướng nóng rịt trên rốn, nguội lại thay vài lần là thông.

- *Chỉ xác* bỏ ruột sao vàng, *Keo da trâu* sao. Đều bằng nhau tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, bột *Hoạt thạch* làm áo, mỗi lần uống 20 viên với nước nóng vào lúc đói, nếu nửa ngày chưa thông lại uống thêm 50 viên nữa.

53. Kinh trị có thai, bỗng nhiên đi đái ra nước đục như dầu, hoặc như nước đậu hoặc động thai đau bụng, và nhất thiết các chứng nhiệt khác đều chữa được.

Củ gai 2 lạng, rửa sạch, bạc nén tốt (hoặc đồ vàng bạc) 3 lạng nửa nước nửa rượu cùng sắc lên bỏ vàng bạc đi mà uống là khỏi; nếu không có vàng bạc, dùng độc vị *Củ gai* cũng được.

Không có đồ vàng bạc thì dùng *Kim ngân hoa* cũng hay.

54. Kinh trị có thai, lậu nhiệt đau khổ, tay chân buồn mỏi.

Địa phu tử 6 lạng, nước 2 thăng, sắc còn 1 nửa mà uống, tự khỏi.

55. Kinh trị đàn bà có thai lậu nhiệt, đi đái dắt.

Hột mã đề 2 phần, *Hột vông vang* 1 phần, không có hột dùng rễ, tán nhỏ cũng 1 phần sắc uống, đến lợi tiểu tiện thì khỏi.

Hột vông vang, Hoạt thạch, Mộc thông. Đều nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 2, 3 đồng, sắc nước hành làm thang.

56. Truyền trị có thai són dái không nhịn được.

- *Mẫu lệ, phèn chua.* Đều bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu nhạt uống lúc đói.

- *Tổ bọ ngựa cây dâu* 11 cái sao tán nhỏ, chia làm 2 lần uống với nước cơm vào lúc đói là khỏi.

57. Truyền trị đàn bà có thai vì với cao mà thai bị sai lệch, trong bụng như có tiếng khóc.

Đồng tiền cổ 100 đồng, rải ở giữa đất, bảo người đàn bà ấy cúi xuống mà nhặt, mỗi lần một đồng, nhặt hết 100 đồng là yên. Hoặc lấy 1 cục đất ở hang chuột cống ở trong căn nhà bỏ trống, mà ngậm.

58. Truyền trị đàn bà có thai, mà lên nhọt đau tức, nên uống phương thuốc này thì an thai tan độc.

Ô dược 5 đồng, xắt nhỏ, *Keo da trâu* 1, 2 đồng. Sắc nước uống nóng.

59. Kinh trị đàn bà mỗi lần có thai 3, 4 tháng thì hày sẩy thai không chịu uống thuốc.

Gà mái già nuôi được 4, 5 năm, nhổ lông rửa sạch, luộc chín, cho gạo lức vào nấu cháo chín mà ăn, ăn vài lần là thai được củng cố, cho đến đầy tháng mới sinh.

60. "Cao ích mẫu" Kinh nghiệm chữa các chứng kinh nguyệt không đều, có thai ra huyết và sau khi sinh đẻ, nó là thứ thuốc rất qúi của phụ nữ.

Cây ích mẫu lúc mùa hè trời nắng, nhổ lấy toàn bộ cành, hoa, rễ, lá tùy dùng nhiều hay ít, rửa sạch giã nát, bỏ vào nồi to, lấy thứ nước chảy về hướng đông đổ vào, sắc lấy 2 phần 3, bỏ bã lấy nước đặc, lại đổ vào nồi nhỏ, đun nhỏ lửa cô thành cao, đổ vào lọ sạch cất kín, mỗi lần dùng độ 1 đồng, tùy chứng mà dùng thang như sẽ nói thang như sau.

61. Phấn hồn đơn: cũng kinh nghiệm chữa các chứng như Cao ích mẫu:

Cây ích mẫu toàn dùng hoa, lá, cành, rễ hái và ngày 5 tháng 5, hoặc 6 tháng 6 âm lịch rửa sạch, treo phơi râm chỗ gió đông cho khô tán bột, luyện mật làm viên như hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên, dùng thang như sau:

- Có thai mà rốn và bụng đau hoặc có tiếng khóc, thì thang với *nước cơm.*

- Lúc có thai và sau lúc đẻ mà rốn với bụng đau nhói, thai động không an, ra huyết không thôi, sắc nước *Đương qui* làm thang.

- Sau khi sinh đẻ thì lấy *Nước đái trẻ con* làm thang mà uống với 30 viên thì có thể an hồn định phách, khí huyết tự nhiên điều hòa, mọi bệnh không sinh ra, lại hay phá tan được chứng đau máu, dưỡng được mạch khí, điều hòa được kinh lạc, hoặc uống với rượu cũng

- Nhau không xuôi, và đẻ ngang không thuận, thai chết không ra được, lâu ngày bụng lớn trướng và đau tức, thì đều dùng *Muối* sao, sắc lấy nước lạnh làm thang.

- Sau khi sinh bị máu xẩm, xây xẩm tối mặt, huyết nhiệt, miệng khát, buồn phiền như hình thấy ma quỷ, nói bậy, bất tỉnh nhân sự, thì dùng nước đái trẻ con hòa với rượu làm thang.

- Sau khi sinh máu kết thành cục, đau chạy quanh rốn, bụng, có lúc phát nóng lạnh, đổ mồ hôi nhớt, hoặc mặt xám mắt đỏ, năm tạng nóng nẩy thì đều dùng nước đái trẻ em hòa với rượu làm thang, hoặc giã vắt lấy nước *bạc hà* làm thang cũng được. Sau khi sinh, máu hôi không ra hết, tích trệ đau nhói xông lên tim, ngực đầy tức thì dùng nước đái trẻ em hòa với rượu làm thang.

- Sau khi sinh đi ly, thì lấy nước cơm làm thang.

- Sau khi sinh băng huyết, rong huyết, thì lấy *Gạo nếp* sao, nấu lấy nước làm thang.

- Sau khi sinh rồi, ra khí hư (bạch đái) hoặc trắng hoặc đỏ, thì sắc *Keo da trâu* và *ngải cứu* làm thang mà uống.

- Sau khi sinh, trúng phong cắn răng nguy cấp, bại liệt nửa người, mất tiếng không nói được, thì dùng *Nước đái trẻ em* làm thang.

- Sau khi sinh, suyễn thở ho hen, vùng ngực không thông, lợm mửa, ra nước chua, mặt mắt phù thũng, hai hông đau nhức, cử động kém sức, thì dùng rượu nóng làm thang.

- Sau khi sinh, trong ít tháng bị ho, tự đổ mồ hôi, tự nhiên phát nóng, lâu ngày biến ra nóng hầm hập, thì dùng nước đái trẻ em làm thang.

- Sau khi sinh, nhức hai bên thái dương, ngáp dài, sợ hãi, hơi ngắn, gầy mòn, không muốn ăn uống, mình nóng tay chân vật vã, miệng đắng thì dùng bạc hà sắc làm thang.

- Dạ con lạnh, lâu ngày không có con thì dùng rượu nóng làm thang.

VIII - THAI TIỀN (THAI NGHÉN)

Thai nghén và sinh nở là việc to lớn có quan hệ đến tính mạng của đàn bà, vì máy đóng mở sớm chiều không hẹn, sự an nguy phút chốc không lường, mà tâm tình mỗi người không giống nhau và tật bệnh cũng nhiều loại khác nhau. Nay biên chép mọi cách điều dưỡng phòng ngừa và các phương cấp cứu để mọi người tiện dùng trong khi lúng túng.

Trong các bệnh phụ khoa, chỉ có bệnh đẻ khó là nguy cấp hơn cả, vì tính mạng cả mẹ lẫn con hệ trọng giây lát, không cẩn thận sao được, cho nên trong những tháng có thai, phải nên sinh hoạt cho đúng cách, ăn uống cho vừa chừng, thì đến khi sinh đẻ, nuôi nấng mới được thuận hòa an ổn, mà mọi bệnh dẹp tắt hết. Nay giới thiệu những phép kiêng cữ trong lúc sinh đẻ ra đây, các bà có thai cần nên giữ gìn.

a) *Kiêng ồn ào.* Vì ồn ào làm cho thai phụ hoảng sợ khí tán loạn mà sinh đẻ khó.

b) *Kiêng vội rặn hoặc vội trục thai:* hễ xem thấy đầu thai nhi đã chuyển xuống dưới thì mới cố sức mà rặn, hoặc có chậm thì dùng thuốc giục. Nếu con đang trở mình chưa thuận mà đã ra sức rặn và dùng thuốc giục thì con bị thúc đẩy mà ra ngang hoặc ra ngược.

c) *Kiêng ngồi ép:* như lúc chuyển bụng thì đỡ dậy hoặc vịn mà dậy, không nên ngồi bẹp để ép cửa mình thì con khó ra.

d) Kiêng lạnh: lúc sắp đẻ mà gặp mùa đông trời rét, nên mặc quần áo dầy ấm, không nên mặc đồ mỏng mảnh, làm cho khí huyết ngưng trệ, không đẻ được mau chóng

d) Kiêng nóng: nếu lúc sắp đẻ mà gặp mùa hè nóng nực, nên ở chỗ mát mẻ, không nên để nhiều người đến gần, vì nóng bức sẽ làm cho máu xẩm nghịch lên, cần phải cẩn thận lắm mới được.

Lúc chưa đẻ cứ nên ăn cháo trắng để bồi dưỡng, điều hòa nguyên khí, khiến cho mạnh sức để thai dễ sinh.

1. Nghiệm phương chữa lúc có thai đã 8 tháng:

Đào lấy một cục *đất ở giữa cửa chợ* độ 3 đồng mà thường đeo bên mình, đến lúc sắp đẻ, lấy một đồng nghiền nhỏ hòa với rượu mà uống, rất hay.

2. Nghiện phương làm cho hoạt thái dễ đẻ, lúc chuyển bụng nên cho uống trước:

Hột mã đề tán hỏ, dùng một đồng hòa với rượu mà uống, không uống được rượu thì hòa với nước cũng tốt.

3. Kinh trị vì rong huyết mà thai khô ráo khó đẻ:

Hoa vông vang, nếu không có hoa thì dùng hột, tán nhỏ, hòa với nước nóng 2 đồng mà uống, hoặc với rượu càng tốt.

4. Kinh trị nước ối (nước nguồn) khô, khó đẻ:

- *Dầu mè, mật ong*. Đều một bát, đổ vào nồi đồng cùng nấu. Sôi 2, 3 dạo hớt bỏ bọt, *Hoạt Thạch* 1 lạng, trộn vào mà uống nóng, ngoài lấy mật và dầu xát bụng trên bụng dưới, dễ đẻ ngay. Phương này không những hoạt thai mà có thể giúp cho huyết nữa.

- *Lá vàng thiếp* thứ lớn 5 miếng, (thứ nhỏ thời 7 miếng), lấy chậu sành, nhỏ vào vài giọt nước, bỏ lá vàng thiếp vào, bóc bỏ giấy chỉ lấy lớp vàng, dùng ngón tay bóp nát, trộn đều, lại đổ thêm vào 1 bát nước. Một người đỡ sản phụ ngồi dậy, lại một người lấy 2 ngón tay cái bấm vào 2 huyệt Kiên tỉnh (chỗ trũng giữa vai) của sản phụ rồi đem nước thuốc ấy cho uống, thì thai ra ngay. Nếu chưa đủ tháng mà uống thuốc này cũng yên thai được.

- *Mai mực* 3 cái dùng thứ khô xốp tẩm dầu mè, đốt trên ngọn đèn cho dầu chảy xuống trong chén rượu, rồi than nó (mai mực) nghiền nhỏ hòa vào rượu ấy mà uống, là thai ra ngay.

- *Ổ tò vò* 1 cái, hòa tan vào nước sôi mà uống là công hiệu.

- *Hột bồ kết*, lấy 2 hột cho uống, hoặc gai bồ kết đốt cháy ra tro, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với rượu, rất hay.

- *Lá sen* 1 miếng, hoặc 1 *cánh Hoa sen*, nuốt vào.

5. Kinh trị đẻ khó và nhau không xuống, hoặc thai chết không ra:

- *Hột thầu dầu*, 14 hột, bỏ vỏ, giã nát, đem dịt vào 2 gan bàn chân là xuống ngay; khi nhau xuống rồi, phải rửa chân ngay.

- *Nước đái trẻ em*, 1 bát, *Hành trắng* 5 củ, *Gừng sống* 3 lát, sắc sôi 3 dạo uống nóng là hạ ngay.

6. Kinh trị đẻ khó lâu ngày, con chết trong bụng (16)

- *Ban miêu* 2 con, bỏ đầu, cánh, chân, trộn với gạo, sao vàng, bỏ gạo lấy ban miêu, tán nhỏ hòa với nước uống là ra ngay, nếu chưa ra lại uống nữa, bất quá 3 lần.

- *Cây ích mẫu*, giã sống vắt lấy nước 1 thăng, sắc còn một nửa, uống vào là đẻ ngay, hoặc dùng thứ khô, sắc nước uống cũng hay.

- *Lá ngải cứu* 5 lạng, (đồng cân), *Rượu* 3 lát. Sắc còn 1 bát cho uống xuống ngay, tự yên.

- *Hồng hoa*, nửa nước, nửa rượu sắc uống là xuống ngay.

---

[1] Ban miêu (độc bảng A) cấm uống (Xem chú thích ở trên) nay y học hiện đại dùng phương pháp ngoại khoa: mổ lấy thai ra.

7. Kinh trị con chết trong bụng 2, 3 ngày, bụng trướng đau gần chết:

Lấy *100 cái kim may quần áo,* mài với nước, chia uống 3, 4 lần; hoặc dùng lưỡi dao mài mà uống, ngoài lấy hòn đá nam châm thứ tốt dí vào cả mình là xuống ngay.

- *Lấy, lưỡi búa* nung vào lửa cho đỏ hồng, tôi vào trong bát rượu, đợi ấm cho uống là con ra ngay.

- *Gà trống đen 1 con, cắt cổ nhổ lông, rửa sạch, đổ nước 3 thăng, nấu còn nửa, bỏ gà đi, dùng miếng vải nhúng nước đang lúc nóng xát vào dưới rốn, thai ra lập tức.*

8. Kinh trị con chết trong bụng, xem lưỡi mẹ mà thấy xanh đen là đúng.

Phác tiêu 3 đồng, nghiên nhỏ, hòa với nước đái trẻ em đang nóng mà uống, đi ngoài ra nước bẩn, thai ra, là yên.

9. Truyền trị con chết trong bụng 2, 3 ngày không xuống, bụng trướng đau, nguy đến nơi:

- *Cứt chuột đực* (2 đầu nhọn) 14 hòn, nước 3 thăng, nấu còn 1 thăng, lắng lấy nước trong, cho gạo vào nấu cháo mà ăn, lập tức xuống ngay.

- *Cứt gà trống,* 21 cục đổ nước sắc sôi, dùng gạo trắng, nấu cháo mà ăn, xuống ngay.

- *Lòng đỏ trứng gà* 1 cái, *Gừng sống,* giã nát, vắt lấy nước 1 chén, Hòa đều nhau mà uống thì xuống ngay.

- *Dầu vừng và mật ong* bằng nhau, hòa lẫn sắc mà uống nóng, xuống ngay.

- Hột vông vang tán nhỏ hòa với rượu 1 đồng mà uống: nếu cấm khẩu nguy cấp, thì cạy răng đổ vào là sống ngay.

- Nước đái người chồng1 bát, sắc sôi, cho uống nóng là xuống ngay.

10 Kinh trị thai chết trong bụng, cũng trị nhau không xuống:

Tiết dê, chọc lấy một chén, đang nóng uống vào thì nhau sẽ xuống ngay.

11. Kinh trị thai chết trong bụng, hoặc đẻ ngang đẻ ngược, sản phụ muốn kiệt hơi:

Đất lòng bếp, tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng, hòa với nước cho uống và xát vào lỗ rốn, thì đầu đứa con sẽ đội lên mà ra, rất hay.

12. Kinh nghiệm châm kim chữa trường hợp đẻ ngang đẻ ngược.

- Dùng hào châm châm vào lòng bàn tay hoặc lòng bàn chân của con đã lòi ra sâu 1 - 2 phân châm 3 - 4 huyệt, lấy muối xát vào chỗ châm, nhẹ tay đẩy vào, con bị đau sẽ thụt tay thụt chân vào là thuận chiều mà sinh.

- *Hoàng đơn,* dùng rịt vào gan bàn chân của đứa trẻ thì thai sẽ trở lại thuận ngay.

13. "Quan âm cứu khổ tán", kinh nghiệm chữa mọi trường hợp đẻ khó đẻ ngang, đẻ ngược và con chết trong bụng không ra:

Nhục quế 2 đồng, *Xạ hương* chút ít hòa với rượu cho uống là xuống ngay.

14. Kinh trị đẻ ngang, đẻ ngược, cả mẹ và con sắp chết:

- *Xác rắn* 1 cái, *Xác ve* 14 cái, *Tóc rối* một cục. Cùng đốt, tán nhỏ, chia làm 2 lần, hòa với rượu mà uống, một chốc lại uống lần nữa, nằm ngửa một lúc là thai ra.

- *Xác rắn* đốt cháy tán nhỏ, mỗi lần dùng 5 phân, uống với rượu hay lắm.

- *Hột mã đề,* tán nhỏ, hòa với rượu hai đồng mà uống là đẻ thuận.

- Lông dái của người chồng 27 sợi, đốt cháy, nghiền nhỏ hòa với rượu cho uống, liền bụng mà đẻ ra.

- *Hột tơ hồng xanh,* 2 đồng, tán nhỏ, hòa với rượu mà uống.

- *Phương trên* gia thêm *Hột mã đề* 2 đồng.

- *Bụi trên xà nhà* 1 đồng, hòa với rượu uống ra ngay.

- *Hột hòe* nuốt xuống 14 hột, là ra.

15. Kinh trị sót nhau không xuống, bụng trướng khốn khổ sắp chết.

Dế dụi 1 con, nước 1 bát. Sắc sôi 20 dạo, đổ vào lọt cổ họng, là ra ngay.

16. Kinh trị sót nhau không xuống:

- *Hành trắng tươi.* 3 củ, nhai nhỏ, nuốt xuống, là ra ngay.

- *Gai bồ kết,* đốt tán nhỏ, mỗi lần dùng một đồng, uống với rượu nóng, tự ra.

- *Lòng trắng trứng gà. Giấm ngon.* Đều một nửa, trộn đều cho uống, là xuống ngay.

- *Hành* sắc làm thang, dùng *gạc hươu* mài 1 đồng cân mà uống, xuống ngay.

- *Hồng hoa* 1 lạng, sao nóng. *Rượu ngon* 5 chén. Đổ cho uống nóng, hoặc không uống được rượu thì dùng nước đái trẻ em mà thay.

Chứng này là do khí yếu mà huyết ứ đầy ở bào thai cho nên dùng rượu làm cho khí mạnh lên, dùng *Hồng hoa* để tan ứ huyết.

- Phương trên thêm *gỗ vang cùng sắc uống.*

- Lấy *đế giầy của sản phu,* hơ nóng đem chườm chỗ bụng dưới, nguội lại thay, chườm 7 lần thì nhau xuống.

- Bảo bà đẻ ngậm ngọn tóc vào trong miệng làm cho oe mửa thì nhau xuống ngay.

- *Tỏi* 1 củ, giã nát, uống với nước.

- *Hột vòng vang* 1 vốc, *Ngưu tất* 1 lạng, Nước 2 thang. Sắc còn 1 thang mà uống, xuống ngay.

- *Bồ hoàng,* tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước chín.

- *Đậu đen* nửa cân, sao đen, *Rượu* 3 thăng, nấu còn nửa, chia là 3 lần uống thì nhau ra.

- *Đậu đỏ,* sinh trai thì 7 hột, gai thì 9 hột, múc nước chảy về hướng đông mà uống với đậu, thì nhau ra ngay.

- *Đất lòng bếp* hòa với giấm như bùn đắp vào lỗ rốn, là xong ngay.

- *Lá sen* sao thơm, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân, thang với nước đái trẻ em, hoặc với nước nóng, ra ngay.

- *Nhục quế* tán nhỏ, 2 đồng, đợi lúc đau lắm lấy nước đái trẻ em làm thang mà uống là ra.

17. Truyền trị khi đẻ lòi cả ruột ra không có lên được:

- *Giấm ngon* 1 chén, phun vào mặt sản phụ, phun một lần thì thụt vào một ít, bất quá chỉ 5, 3 lần phun là thụt lên hết, rất hay.

- *Bán hạ,* tán nhỏ, thường thổi vào trong lỗ mũi, gây nhảy mũi được là ruột sẽ co vào hết.

18. Kinh trị khi sinh lòi ra cả ruột.

- *Hạt thầu dầu* 14 hạt, bóc bỏ vỏ, nghiền nát đem đắp trên đỉnh đầu và lồng ngực, ruột sẽ co vào.

- Dùng giấy cuộn lại, dùng dầu mè thắp cháy rồi thổi cho tắt, dùng khối ấy xông vào lỗ mũi. Làm 3,5 lần thì ruột sẽ co vào hết.

- *Chỉ xác,* thái mỏng, sắc ngậm hồi lâu thì ruột sẽ co lên.

IX - SẢN HẬU (Sau khi đẻ)

Đàn bà sau khi sinh nở, tinh thần hao tổn, khí huyết kém hư, sinh lạc rời rạc, gân xương yếu đuối, toàn thân như cành liễu trước gió, như cá ngược dòng, lúc bấy giờ nên giữ gìn chăm chú bồi dưỡng, buồng the kín đáo, tính tình phải ôn hòa, tay chân thoải mái, nói năng nhỏ nhẹ, ăn uống có điều độ, kiêng khem, quần áo thì ấm mát vừa phải, cẩn thận được như thế thì tật bệnh sẽ tiêu tan, nếu mà sai phạm đôi chút thì nguy hại không nhỏ. Nội kinh có nói: "*Lúc lâm lỡ chỉ nhỏ như mày lông mùa thu, mà khi phát bệnh thì to bằng quả núi*" như thế không cẩn thận sao được. Nay chép các cách chữa ra sau để phòng khi cấp cứu.

1. Khi đẻ ra rồi dù có bệnh hay không bệnh, nên cho uống phòng trước thì các bệnh không sinh.

- *Nước đái trẻ em* hòa với *rượu* mà uống, ít ngồi giường ghế cao, không chống gối nằm ngửa, chốc chốc phải gọi tỉnh dậy, đừng để ngủ say. Nếu sau khi sinh huyết đọng thành cục mà bụng đau, thì nên dùng thuốc nói trên. (Đồng tiện hòa với rượu) mà uống, rất hay.

- *Nghệ* 1 củ, nướng chín ăn với rượu và nước tiểu trẻ con.

- Dùng 1 cái lò nhỏ có bỏ than hồng vào để cạnh giường, thường lấy giấm ngon rảy vào, làm cho hơi giấm xông vào các khiếu, làm như thế 3 ngày, thì bệnh máu xẩm trừ hết.

- *Kinh giới* hay *Sơn khô* (đồ sơn mài cũng được), đốt lên để xông rất hay.

- *Lá quan âm* 1 nắm, rửa sạch, giã nát, hòa với nước cho uống, có thể trừ được máu ứ, tươi đẹp nhan sắc, ăn uống tăng tiến.

2. Kinh trị các bệnh sản hậu.

Đào nhân 200 hột, (bỏ vỏ và đầu nhọn, thứ 1 2 nhân thì không dùng), sao qua, giã rất nhỏ, lấy giấm một đấu rưỡi, quậy cho nhão như cháo, đổ vào trong lọ con, trét kín miệng, đặt vào trong nồi nước, nấu sôi một buổi, mỗi lần dùng 1 muỗng hòa với rượu mà uống, ngày uống 2 lần rất hay.

3. Kinh trị đẻ rồi bị máu xâm, tinh thần rối loạn miệng câm mắt mờ.

- *Hồng hoa,* 5 đồng, tán nhỏ, hòa với rượu mà uống.

- *Nước đái trẻ em* một chén, rượu 1 chén và nước mới múc sắc uống.

- Phương trên gia thêm *mần tưới*, cùng sắc uống.

- *Hoa kinh giới* tán nhỏ, nước đái trẻ em hòa vào uống là khỏi.

- Phương trên gia thêm *Nhân hột đào* nửa phần.

- *Lá hẹ* cắt nhỏ, bỏ vào trong bình, giấm nấu sôi đổ vào, đậy kín miệng bình, mà chọc thủng 1 lỗ, xông vào trong lỗ mũi, là tỉnh.

- *Bán hạ* tán nhỏ viên bằng hột đậu, nhét vào trong lỗ mũi, là tỉnh ngay cũng là thuốc rất hay chữa được 5 chứng tuyệt (17).

Năm chứng tuyệt: chết đuối, chết vì thắt cổ, chết vì vật đè, bóng đè, chết rét.

4. Truyền trị khi sinh rồi, huyết nghịch lên hôn mê sắp chết.

Mật gấu 1 phân mài với rượu đổ vào tỉnh ngay.

5. Truyền trị sau khi sinh, máu xâm dưa lên, chóng đầu mờ mắt.

- *Cỏ roi ngựa, Cỏ ích mẫu, Ké đầu ngựa* tẩm rượu đều 1 lạng, *Hồng hoa gỗ vạng* đều 8 đồng. Cùng tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng, với nước sôi là khỏi.

- Ích mẫu và *Cây ké* bằng nhau, *gừng* 3 lát, sắc nước uống.

- *Lá mần tưới, Lá thanh táo, Cỏ màn chầu.* Đều bằng nhau, giã nát nước 1 bát, lấy nửa mà uống, đến lành thì thôi, hoặc hòa *nước đái trẻ em* vào càng hay.

- Phương trên chỉ có *Mần tưới* và *hồng Hoa.*

- *Lá sen, Khương hoàng, Hồng hoa.* Đều bằng nhau, sao tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, dùng *nước đái trẻ em* làm thang.

- *Lá sen, tàn, Cỏ màn chầu, lá giấp cá.* Đều bằng nhau, cùng giã nát, cho nước đái trẻ em vào vắt lấy nước uống, bã đắp lên xoáy thượng.

- *Vỏ cây vông già* (lão đồng bì) bỏ vỏ ngoài. *Cỏ màn chầu. Lá mần tưới, Ngưu tất.* Đều bằng nhau, sắc nước uống, và giã nát đặt lên trên xoáy thượng là khỏi.

- *Gạc hươu,* đốt tồn tính, đổ ra đất cho tiết hết hỏa độc, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, thang với rượu tỉnh ngay.

- *Gỗ vạng* 3 lạng, nước hai bát, sắc còn phân nửa, chia hai ba lần uống là khỏi.

6. Kinh trị sau khi sinh huyết ra quá nhiều không cầm được hoặc hơi đau bụng:

Quán chúng 1 củ, dùng dao gọt vỏ bỏ lông, lấy giấy thấm vào giấm cho ướt bọc lại nhiều lần, nướng thơm, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, thang với nước cơm vào lúc đói rất hay.

7. Kinh trị sau khi đẻ máu ra quá nhiều, gầy mòn gần chết:

Bồ hoàng (sao) 2 lạng, nước 2 thăng, sắc còn nửa mà uống, là khỏi

8. Kinh trị sau khi đẻ mất huyết sinh khát:

Hạt sen, Ý dĩ, nghiền sống cho nhỏ, 2 đồng, uống với nước cơm khỏi ngay.

9. Kinh trị sau khi sinh, ra huyết băng huyết không thôi:

- *Thạch xương bồ* 1 lạng rưỡi, rượu 2 chén, sắc lấy nửa, chia 3 lần uống nóng, trước khi ăn.

- *Xác gương sen,* 2 cái, *Hương phụ* 2 lạng. Cùng đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm, ngày uống hai lần rất hay.

- *Củ địa liền,* giã nhỏ thành bột, mỗi lần uống 1 đồng, thang với rượu ngày uống hai lần là khỏi.

- *Cút sâu dâu* lấy trong cây dâu, sao vàng mỗi lần uống một đồng thang với rượu, ngày uống hai lần là khỏi.

- *Rễ dâu,* cạp bỏ vỏ ngoài, sắc nước mà uống là khỏi.

10 Truyền trị sau khi sinh huyết ra không thôi, hoặc huyết độc công vào trong, buồn phiền mặt xanh khí lạnh, muốn chết:

Tiết dê lấy cho uống tươi rất hay.

11. Truyền trị sau khi sinh vì máu hôi ra không hết mà đau lưng đau bụng thỉnh thoảng nóng lạnh nhức đầu, không muốn ăn uống, lại thêm cảm mạo phát nóng rét:

Hương phụ giã trốc vỏ, 2 phần, Ô dược, Trần bì, Tía tô đều một phần, *Gừng* khô nửa phần, nước 1 bát, sắc sôi, uống nóng là khỏi.

12. Kinh trị sau khi sinh ứ máu:

Nhân hột đào 20 hột, bỏ vỏ, bỏ đầu nhọn (loại hột 2 nhân không dùng) *Ngó sen* 1 tấc sắc nước uống là khỏi.

13. Kinh trị sau khi sanh khí huyết xấu công vào tim, huyết hôi không ra được.

Đất lòng bếp tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu, sẽ ỉa ra chất độc, khỏi ngay.

14. Kinh trị sau khi sinh máu hôi không ra hết, chạy vào vùng ngực lưng hông, làm cho bế tắc lại đau khắp mình:

Cỏ lá tre, Gừng, 2 vị bằng nhau, sắc nước uống rất hay.

15. Kinh trị sau khi sinh máu hôi ra không hết ứ đọng thành khối:

Củ cỏ cú giã trốc vỏ, tẩm nước đái trẻ em mà sao, *Đào nhân* bóc vỏ bỏ đầu nhọn. Đều bằng nhau, tán nhỏ, dùng giấm nấu hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30, 50 viên vào lúc đói với nước gừng sắc lên.

16. Kinh trị sau khi sinh máu hôi ra không hết, công vào trong sinh đau bụng:

- *Gạc hươu,* Đốt tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng, dùng *Đậu sị* sắc làm thang ngày uống 2 lần rất hay.

- *Ngải cứu khô* 1 vốc, giã nát, sao với giấm cho nóng, dịt lên lỗ rốn, lấy vải phủ lên, dùng âu đồng trong đựng than đỏ chườm lên trên, đợi trong miệng có hơi ngải cứu, thì đau tự khỏi.

- Dùng *Vảy cá chép* đốt tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng với rượu, lập tức huyết thông và hết đau.

- *Lá sen già,* ở trên mặt nước thì tốt, sao thơm tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, dùng nước đái trẻ em hòa vào mà uống, rất hay.

- *Bồ hoàng* cách giấy sao qua, mỗi lần dùng 1 đồng, sắc với nước chảy mà uống rất hay.

- Phương trên gia thêm *Củ gai* càng tốt.

- *Vỏ quả vải,* 1 nắm to, sắc đặc mà uống yên ngay.

17. Truyền trị đẻ rồi rối loạn, khí huyết xông lên, tim bụng đau:

- *Ngó sen,* giã vắt lấy nước 2, 3 thang mà uống là yên.

- *Trứng gà* 1, 2 quả, dùng một bát nước đái trẻ em mà luộc rồi ăn là yên.

- *Quế tâm,* tán nhỏ, dùng *Mật chó* 1 cái, trích lấy nước hòa vào làm viên bằng hột củ súng, mỗi lần dùng 1 đồng, hòa với rượu mà uống là yên.

- *Gừng sống,* 3 lạng, xắt lát, Nước 5 thăng, sắc còn nửa chia uống 3 ,4 lần là khỏi.

- *Củ nghệ* đốt tồn tính, tán nhỏ, 2 đồng, giấm 1 chén hòa lẫn cho uống.

18. Kinh trị sau khi đẻ huyết tụ thành báng đau bụng:

- *Nhục quế* tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng với rượu thì huyết ứ tự tan.

- Phương trên gia thêm *Khương hoàng*, phân lượng cũng bằng quế.

- *Hột kinh giới* tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng với rượu là khỏi.

19. Truyền trị sau khi đẻ vì huyết hay khí xông lên mà đau nhói khắp nơi như có dùi đâm.

Bồng nga Truật sao, *Sơn khô* sao, 2 vị bằng nhau, sắc nước uống rất hay.

20. Kinh trị sau khi đẻ huyết xấu chạy ra chân tay và bụng hơi trệ xuống:

Xương đầu chó, đốt tán nhỏ, uống hai đồng với rượu, rất hay.

21. Kinh trị sau khi đẻ trúng phong miệng câm - mình cứng đờ, mặt xanh chân tay uốn ván:

Nước tre non 1, 2 thăng cho nước gừng vào một hai chén, cùng chia uống hai lần là khỏi.

Hoa kinh giới, sao qua tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng với rượu hoặc với *nước đái trẻ em* cũng được.

- *Dây tầm phỏng*, phơi khô tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng, dùng nước đái trẻ em làm thang. Lúc cấp bách thời hái lá nó, giã nát, hòa với nước đái trẻ em, vắt lấy nước cho uống là khỏi.

- *Chất trắng trong cứt gà*, 1 vốc, *Đậu đen* 2 vốc rưỡi. Tẩm rượu sao vàng, hoặc nấu qua, lấy 1 chén cho nước tre non vào nửa phần mà uống, ra mồ hôi được là khỏi.

- *Đất lòng bếp* 1 lạng rưỡi, *Gừng khô* nướng 5 đồng. Đều tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng với rượu, ngày uống 2 lần không cứ lúc nào.

- *Tỏi* 30 tép, nước 1 bát to, sắc lấy 1 phần 3, đổ cho uống là sống.

- *Nước đái trẻ em*. 1 bát, *gừng sống* giã vắt lấy nước cốt 1 chén, hòa vào uống, tỉnh ngay.

- *Kê đầu ngựa*, phơi râm, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, là sống lại.

22. Truyền trị sau khi đẻ trúng phong phiền khát:

Hột hồng hoa 3 vốc, sao vàng, giã giập, sắc nước, dần dần uống xuống là khỏi.

23. Kinh trị các thứ bệnh sau khi đẻ hoặc huyết nhiệt, hoặc trúng phong nguy cấp, hoặc lưng cứng miệng câm, hoặc phiền nóng cuồng hỏa, khát nước, hoặc đầu và mình đều phù thũng, hoặc ngứa cả người, miệng ọe, mắt trực thị, hoặc chân tay tê cóng mắt xây xẩm, đó đều là chứng hư nhiệt trúng phong:

Đậu đen 3 thăng, sao cháy hơi có khói, cho vào 5 thăng rượu và ngâm qua một ngày, rồi uống rượu 1 thang, nằm đắp mềm kín cho mồ hôi ra ướt mình là lành; nếu cấm khẩu thì gia thêm. *Độc hoạt* nửa lạng, giã nát cùng ngâm vào rượu.

Sau lúc đẻ thường nên uống phương này để phòng ngừa phong độc, lại tiêu được khí uất, công hiệu rất chóng.

24. Kinh trị sau khi đẻ tức đầy hoặc bụng trướng ăn không được:

- *Đậu đỏ* 14 hột, đốt tồn tính, tán nhỏ hòa vào nước đun sôi để nguội mà uống là khỏi.

- *Lá nhãn* 1 nắm, sắc nước uống tự tiêu.

- *Xương chó trắng*, đốt tán nhỏ liều dùng 1 đồng hòa với nước nấu sôi để nguội mà uống là khỏi.

- *Thanh bì* sao qua tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng, lấy hành trắng 2, 3 tép sắc nước hòa thêm nước đái trẻ em vào mà uống nóng ắt khỏi.

25. Truyền trị sau khi đẻ bần thần khó chịu đổ mồ hôi:

- *Lá tre* 1 nắm, sắc nước mà uống bất kỳ lúc nào, rất hay.

26. Kinh trị sau khi đẻ bần thần khó chịu đổ mồ hôi, bất tỉnh nhân sự:

Sừng dê rừng đốt tán nhỏ, uống 1 đồng với nước chảy, chưa khỏi lại uống nữa.

27. Truyền trị sau khi đẻ hư tổn gầy còm, đại tiện bế:

Cao da trâu cắt nhỏ, sao khô, *Chỉ xác* bỏ ruột sao; đều 2 lạng, *Hoạt thạch* 1 lạng. Đều tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20, 30 viên với nước nóng, nửa ngày chưa thấy đi đại tiện thì lại uống nữa.

28. Kinh trị sau khi đẻ nhiều mồ hôi đại tiện bón uất.

Hột tía tô, Hột me bỏ vỏ, đều nửa vốc, rửa sạch, nghiền nhỏ, lại cho nước vào nghiền lại, lấy nước 1 chén, chia làm 2 lần, nấu cháo mà ăn rất hay.

29. Truyền trị sau khi đẻ đại tiểu tiện đều không thông.

Hoa dào, Hoạt thạch, Hột vông vang, Hạt cau già. Đều bằng nhau, cùng tán nhỏ mỗi lần dùng 2 đồng, sắc nước *hành trắng* mà uống vào lúc đói.

30. Truyền trị sau khi đẻ tiểu tiện không thông:

- *Mộc thông, Hột mè, Hoạt thạch, Hột vông vang, Hạt cau già, Chỉ thực.* đều bằng nhau, *Cam thảo* nửa phần, cùng làm 1 thang, nước 1 bát, sắc lấy 7 phần uống nóng.

- *Trần bì* (bỏ xơ trắng) sao, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào lúc đói, thông ngay.

31. Truyền trị sau khi sinh đổ mồ hôi trộm:

Mẫu lệ, tán nhỏ dùng 1 miếng thịt nạc nấu nhừ, bỏ thịt lấy nước mà uống với thuốc tán là khỏi.

32. Kinh trị sau khi sinh hư nhược mà đổ mồ hôi:

- *Nước tre non* 3 chung, uống nóng, lúc lâu lại uống nữa, rất hay.

- *Rau sam* giã vắt lất nước mà uống là khỏi.

33. Kinh trị sau khi đẻ, tả lỵ lâu ngày, tân dịch khô kiệt, phiền khát uống nước nhiều, miệng lưỡi khô ráo, tay chân phù thũng:

Bí đao 1 quả, lấy đất sét bọc ngoài dày 5 tấc, nung vào lửa cho chín rồi bổ đôi ra, vắt lấy nước mà uống, bài này cũng chữa được bệnh thương hàn khát nước.

34. Kinh trị sau khi đẻ di lỵ ngày 40, 50 lần:

Cứt bù xè cây dâu sao vàng, lấy nước rưới vào cho ướt viên lại bằng hạt nhãn, mỗi lần uống, 1, 2 viên với nước cơm đến khỏi thì thôi.

35. Kinh trị sau khi đẻ di lỵ trắng hoặc đỏ, đau bụng mót rặn:

Nhựa cây dào sao nhỏ, Bồ hoàng sao qua, *Trầm hương.* Các vị đều bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng với nước cơm sau khi ăn rất hay.

36. Kinh trị sau khi đẻ di lỵ trắng đỏ lẫn lộn:

Rau dền tía 1 nắm cắt nhỏ nấu nước bỏ bã, cho gạo nếp 3 vốc vào nấu cháo mà ăn lành ngay.

Yếm rùa, tẩm giấm, nướng 8, 9 lần cho thật vàng, tán nhỏ uống với nước cơm vào lúc đói.

37. Truyền trị sau khi đẻ di lỵ khát nước không chừng.

Mạch môn bỏ lõi 2 đồng (*Ô mai* 2 quả. Sắc uống dần dần, nhấp xuống là khỏi.

38. Kinh trị sau khi đẻ đi lỵ ra máu, và tiện không thông giữa rốn đau xoắn:

Rau sam. giã vắt lấy nước 1 bát, sắc sôi, hòa vào 1 chén mật mà uống là khỏi.

39. Truyền trị sau khi đẻ đi lỵ hoặc đau bụng:

Vỏ cây lấu, Vỏ cây vải. Nước 1 bát, sắc lấy nước mà uống là khỏi.

40. Truyền trị sau khi đẻ hoặc lúc có thai bị đi lỵ:

- *Hột dành dành* sao đen, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước nâu sôi, vào lúc đói, bệnh nặng bất quá chỉ 5 lần là hoàn toàn yên.

Hoa kinh giới 4, 5 cành, bỏ vào trong chén, lấy đóm tre đốt tồn tính, cho vào chút *Xạ hương* tán nhỏ, hòa vào nước sôi mà uống, rất hay.

41. Truyền trị sau khi đẻ ỉa chảy:

Muội nồi, Gạo cũ (Trần mễ) 2 vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước cơm vào lúc đói là khỏi.

42. Kinh trị sau khi đẻ ỉa chảy không cầm được:

Lá ngải cứu khô nửa lạng, *gừng già* nướng chín, nửa lạng, sắc nước đặc, uống một lần là cầm ngay.

43. Kinh trị sản hậu ỉa ra máu:

Tóc rối rửa sạch đốt tán nhỏ, 1 đồng, hòa với rượu nóng mà uống là khỏi.

44. Kinh trị sản hậu són đái không nhịn được:

- *Cỏ lót ổ gà* đốt tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng, hòa với rượu mà uống thì cầm được.

- *Chất trắng trong cứt gà* đốt tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng, hòa với rượu rất hay.

- *Lông gà* đốt ra tro tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với rượu nóng là khỏi.

- *Bong bóng heo và bao tử heo* đều 1 cái, *Gạo nếp* nửa cân. Dồn vào trong bong bóng, lại đem bong bóng dồn vào trong bao tử. Cho thêm gừng, hành, vỏ quít và muối vào nấu ăn rất hay.

45. Kinh trị sau khi đẻ đái ra máu:

Ngưu tất sắc cho uống thì khỏi.

46. Kinh trị hư lao, mình nóng hầm hập, chân tay mỏi rũ:

Bao tử heo dục xẻo bỏ màng, thái nhỏ nấu cháo với gạo, nêm muối cho ăn lúc đói rất hay.

- Dùng *cật heo* cách làm như trên.

- 47. Kinh trị sau khi đẻ mình nóng, da thịt nổi nhọt như hạt thóc:

Nhân hạt đào nghiền nát trộn với mỡ heo bôi vào là khỏi.

Kinh trị do huyết kém sinh thủy thũng phong thũng.

Lá mần tưới, Phòng kỷ. Hai vị bằng nhau tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân với giấm là tiêu.

- *Ích mẫu thảo, Hồng hoa, Tô mộc*. Ba vị bằng nhau sắc nước cho uống hoặc chế thêm nước đái trẻ em vào cho uống càng hay.

- *Rau dừa nước* giã nát, cho vào ít muối trộn đều dịt vào lỗ rốn, đái được thì khỏi.

49. Kinh trị sau khi đẻ kinh sợ hồi hộp:

Tim heo 1 quả, *Đậu sị* 1 vốc. Đổ nước nấu chín bỏ đậu dùng tim heo mà cho ăn là khỏi.

50. Kinh trị sau khi đẻ nói mê hoảng, chóng mặt, phiền khát không thôi.

Gừng sống 5 đồng, *Củ cỏ cú* giã tróc vỏ 1 lạng. Cùng tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng, gừng 3 lát, táo 1 quả sắc nước làm thang mà uống.

51. Kinh trị sau khi đẻ mắc chứng nấc 3, 4 ngày không thôi, nguy cấp gần chết:

- *Quế nhục* cạo bỏ vỏ thô 5 đồng, *Gừng sống* giã vắt lấy nước nửa bát. Cùng nấu sôi, nhờ người khác hơ tay vào lửa cho nóng mà áp vào lưng, rồi lấy thuốc đã nấu trên mà đắp vào, đắp hết thuốc thì khỏi.

- *Mứt Hồng* cắt nhỏ sắc nước uống rất hay.

52. Kinh trị sau khi đẻ thở dốc, mặt xám đen, muốn chết:

Gỗ vang 2 lạng, nước 1 bát, sắc còn nửa, cho bột *Nhân sâm* 1 lạng vào mà uống rất hay.

53. Kinh trị vì tức giận khóc lóc, hại đến can khí mửa ra nước xanh:

Lá hẹ 1 nắm to, rửa sạch giã vắt lấy nước cốt cho vào tý nước gừng, hòa đều mà uống là yên.

54. Kinh trị sau khi đẻ chảy máu cam:

Hoa kinh giới đốt tán nhỏ 2 đồng, hòa với nước đái trẻ em mà uống là hết.

55. Kinh trị sau khi đẻ mắt nhắm phiền muộn:

Đậu đỏ nghiền nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng hòa với nước chảy mà uống, ngày uống 2 lần thì kiến hiệu.

56. Truyền trị sau khi đẻ gân rút, tay chân co quắp:

Hoàng nàn 1 đồng, *củ cỏ cú* giã tróc vỏ 1 đồng rưỡi, *Vỏ bầu đắng* 1 đồng rưỡi. Cùng tán nhỏ, lấy *bột đậu xanh* khuấy hồ làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần dùng 3 viên, cắt 1 lát chuối chín, nhét viên thuốc vào mà nuốt vào lúc đói. Nếu người bệnh khí huyết khỏe mạnh, thì dùng 3 viên thuốc trên bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần lấy một đồng tiền xúc chia làm 4 phần, mỗi lần uống một phần với rượu rất hay.

57. Kinh trị sau khi đẻ âm hộ sưng đau:

- *Nhân hột đào* đốt tán nhỏ, rắc vào là tiêu hết.

- *Nhân hột đào* (bóc vỏ bỏ đầu nhọn), *Ngũ vị tử, Phèn phi.* Ba vị đều nhau tán nhỏ, rắc lên miếng giấy mà rịt vào là khỏi.

58. Kinh trị sau khi đẻ sa dạ con (do Ngụy phu nhân truyền).

- *Gừng già* 3 cân để cả vỏ. giã nát, *dầu mè* 2 thăng, trộn đều sao khô, trước lấy lụa mềm gấp vuông lại 3, 4 lần, khiến người khẽ tay nâng dạ con lên gấp làm 3 đoạn nhét vào trong âm hộ, rồi lấy lụa gối thuốc hơ nóng mà ép vào, nguội lại thay, làm như thế 1 ngày đêm thì nó thụt vào quá nửa, 2 ngày sau thì thụt vào hết.

- Trước dùng nước nóng ngâm rửa cho mềm, rồi dùng phân chuột bỏ vào trong cái bát nhỏ, thắp lửa đốt, và dùng ống tre để dẫn khói vào mà xông, là thụt vào ngay rất hay.

- *Hột xà sàng* gói lụa lại, nấu nóng mà chườm vào

- *Hột xà sàng* 5 lạng, *Ô mai* 4 quả. Cùng sắc với nước, ngày rửa 5, 6 lần, rất hay.

- *Kinh giới, Bồ kết.* Đều bằng nhau, sắc nước đặc mà rửa, lại lấy nước sôi bôi vào là nó thụt vào.

- *Lá mần tưới* 4 lạng, nấu nước mà xông, đợi ấm, thì rửa 2, 3 lần, lại cho phèn phi vào, nâu lên mà rửa là khỏi.

- *Lưu hoàng, Mai mực* đều 5 phần, *Ngũ vị tử* 1 phần. Đều tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng bôi vào chỗ đau, ngày 3 lần rất hay.

X - TIỂU SẢN (Sẩy thai)

Đại sản là đẻ đủ ngày đủ tháng, tiểu sản tức đẻ non là thai chưa đủ ngày tháng đã sinh, đại sản là thường, tiểu sản là biến. Đại sản ví như cây tốt tươi, quả chín tróc miệng đỉa rồi tự rụng, tiểu sản ví như cây khô héo, quả thương tật mà rơi đấy là do khí huyết của mẹ không được bồi dưỡng, tạng phủ bị tổn hại mà sinh ra, cho nên bị tiểu sản thì phải chăm non kiêng cữ còn phải cẩn thận hơn lúc đại sản mới tốt, chớ cho là việc nhỏ việc thường mà xem nhẹ.

1. Kinh trị co thái chưa đủ ngày mà bị sẩy, bụng trướng đau, nóng nảy không yên:

Cá chép 1 con, nặng chừng 2 cân, đánh vẩy mổ bỏ ruột, dùng gạo nếp một cân cho muối, tương vào nấu ăn, ngày ba lần rất hay.

2. Kinh trị sẩy thai ra huyết, nóng lạnh, nhức nhối, điên hoảng:

- *Gạo hươu* đẽo vụn sao vàng tán nhỏ, mỗi lần uống ba đồng rất hay.

- *Đậu sị* 1 vốc, sắc lấy nước mà uống với thuốc trên càng hay.

- *Lông gà* đốt ra tro tán nhỏ, mỗi lần uống với rượu nóng, hồi lâu lại uống, đến khỏi thì thôi.

3. Truyền trị sẩy thai, ra huyết quá nhiều, bụng đau mặt xanh, sắp chết:

Trứng gà đương ấp nửa chừng, dùng rượu nửa bát đun sôi, cho trứng gà vào luộc chín, rồi bỏ rượu lấy trứng gà mà ăn, là yên ngay.

- *Sừng dê rừng* đốt tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng với rượu là yên ngay.

- *Lá ngải khô* 5 đồng, *Gừng sống* 5 đồng, sắc nước uống là cầm ngay.

- *Giấm ngon, Rượu ngon* đều một nửa. Đổ vào ấm có vòi, nấu sôi, ghé vòi ấm vào mũi người bệnh mà xông cho hơi thấu vào là sống.

4. Kinh trị sẩy thai, ra máu giọt không ngớt:

- Lá vậy đỏ giã nát, hòa vào một bát nước, rồi vắt lấy nước cốt cho uống là yên.

Củ Địa liền (thiền liền) tán nhỏ mỗi lần uống 1 đ/c với rượu rất hay.

5. Kinh trị có thai chưa đủ tháng mà thai bị thương tổn, chết trong bụng không ra được.

Giấm thanh 3 thăng; *Đậu đen* 1 thăng. Nấu uống thời xương chậu mở rộng, thai liền ra, nếu chưa ra thì uống lần nữa.

6. Kinh trị sẩy thai, sót nhau, đau bụng, nguy khốn:

- *Đất tổ kiến* 3 vốc, sao nóng bỏ vào túi vải mà chườm ở bụng dưới, nhau sẽ tự ra.

- *Mỡ heo* 2 chén, nước 1 bát, sắc còn một nửa uống nóng thì nhau sẽ tự ra.

- *Lấy lòng trắng trứng gà* cho uống là ra ngay.

- *Lưỡi búa* nung đỏ suốt tôi vào trong *chén rượu* cho rượu ấm lên để uống rất công hiệu.

7. Kinh trị đàn bà vì muốn phá thai, uống nhầm phải thuốc độc, thai tụt xuống mà đau bụng, hoặc thai đã bị thương tổn chưa sụt mà miệng câm, tay cứng, đổ mồ hôi, giống chứng trúng phong, chín phần chết còn 1 phần sống.

Hột đậu ván trắng bỏ vỏ tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước cơm, hoặc dùng *nước vo gạo* sắc đặc cho uống cũng hay.

8. Kinh trị đàn bà hễ mỗi lần có thai là bị sẩy, đó là do khí không thuận, nên uống phương này:

Củ cỏ cú giã trốc vỏ 1 cân, chia làm 4 phần, 1 phần *tẩm rượu*. 1 phần *tẩm giấm*, 1 phần *tẩm đồng tiện*, 1 phần *tẩm muối*, đều ngâm 7 ngày, lấy ra sao khô, cùng tán nhỏ, làm viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần dùng 70 viên, uống với rượu nhạt vào lúc đói, nếu người gầy thì thêm lá *Mần tưới*, *xích thổ phục linh* mỗi vị 2 lạng.

XI - ĐAU VÚ

Đau vú là vú sưng cứng mà đau nhức. Vì vú thuộc dương minh vị, nuốm vú thuộc kinh quyết âm can, chỉ vì bồi dưỡng thiếu thốn hoặc tức giận xông lên, hoặc lo nghĩa uất kết, hoặc ăn uống đồ ngon quá nhiều, đều hay sinh đau. Nếu có thai mà đau vú gọi là "nội xuy nhũ", đã có con bú mà đau thì gọi là "ngoại xuy nhũ", 2 chứng ấy vú đều sưng đau, nặng lắm thì nóng lạnh dữ dội, nếu không kịp chữa thì vú làm mủ lở loét ra.

1. Truyền trị đàn bà nuốm vú sưng đỏ, muốn sinh ung nhọt:

Củ gai, giã nát đặt vào, ngày thay 4, 5 lần đến tiêu hết thì thôi.

2. Kinh trị vú mới phát ung, sưng cứng, đau nhức, phát nóng lạnh mà chưa làm mủ, rất hay:

Đầu chót *gạc hươu* 3 tấc, chẻ ra đốt tồn tính, nghiền nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân với rượu sau khi ăn, nặng lắm uống 2 lần là tiêu, lại dùng gạc hươu mài với nước đặc phết vào.

3. Truyền trị vú sưng đau do kinh mạch bế tắc, nước sữa không thông, khí độc tụ lại mà thành bệnh. Phương này về dược lực có thể dưỡng huyết hành khí uống vào thì trong tiêu được chất ứ độc, ngoài thông được tia sữa:

Hột vông vang sao thơm, *sa nhân*, 2 vị đều bằng nhau, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào sau bữa ăn.

4. Truyền trị vú mới sưng, đau đớn, phát nóng lạnh, nhưng chưa làm mủ:

- *Đọt dâu non* 1 nắm, giã nát đắp vào, lấy giấy nhúng nước đắp ngoài, khô lại thay, tiêu tan hết thì thôi.

- *Cao da trâu*, cho giấm vào chút ít, nấu chảy tan ra thành thuốc cao, dán vào là tiêu ngay.

- Trong dùng *củ cỏ cú* bỏ vỏ tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước nóng vào sau bữa ăn.

- *Củ rễ quạt*, *Rễ cỏ may*. Đều tán nhỏ, hòa với mật mà đắp vào, rất hay.

- *Củ hành*, sắc với nước 1 thang mà uống là tiêu.

- *Cứt trâu* trộn với rượu mà đắp là tiêu ngay lập tức.

- Dùng một cái bát, lấy 4 sợi tim bấc to, xếp thành hình chữ thập vào trong bát, để lòi đầu tim bấc ra ngoài miệng một tấc, lại dùng giấy dày cắt tròn thấm nước ướt đặt vào trong miệng bát trên sợi tim bấc, mép giấy cùng miệng bát bằng nhau, đem bát úp lên trên vú sưng đầu bấc lòi ra ngoài, dùng *ngải nhung* một cục to để trên trôn bát, *thắp lửa đốt vào ngải*

nhung, cục ngải ấy cháy hết lại thêm một cục khác mà đốt cho đến khi miệng bát chảy nước mồ hôi ra thì thấy đỡ đau, đốt một lần là tiêu hết, nếu nặng lắm ngày hôm sau lại đốt, thật là phép rất hay.

5. Kinh trị vú sinh ung sưng đau:

- *Cỏ roi ngựa* 1 nắm, *Gừng sống* 1 củ. Giã nát cho vào 2 chén rượu, vắt lấy nước mà uống, bã đắp vào là tiêu.

- *Lá Cỏ nến* (bông náng) sắc nước uống và giã nát đắp vào, ngày thay 3 lần là tiêu.

- *Lá phù dung*, giã nát, hòa với mật, đắp vào chung quanh, giữa để hở đầu cho tiết hơi độc, khô lại thay sẽ tiêu hết, hoặc dùng *Lá phù dung*, giã nát, hòa với muối và giấm đắp vào.

- *Nam tinh*, mài với nước nóng cho đặc, dùng lông gà chấm thuốc phết vào, tự tiêu.

6. Kinh trị vú sinh ung cứng rắn và đỏ tím, chứa đủ thứ không khỏi.

- *Rễ cây liễu*, giã nát sao nóng, bọc vải lại mà chườm, nguội lại thay, 1 đêm là tiêu.

- *Răng người*, đốt tán nhỏ, trộn với mỡ sữa mà bôi, ngày làm 3 lần, rất hay.

- *Nước dái ngựa*, thường phết vào, khô lại phết, không đến một ngày là tiêu.

- *Lá tía tô*, nấu nước cho uống, và giã sống đắp vào chỗ đau rất hay.

7. Kinh trị vú sinh ung chưa có mủ thì tiêu, đã làm mủ thì vỡ, đau nhức uống vào thì yên:

Vỏ quít, bỏ xơ trắng, phơi khô, sao với bột gạo đen hơi vàng, tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng, cho chút ít *Xạ hương*, hòa với rượu mà uống, công hiệu không tả hết.

8. Kinh trị vú sưng đau, không kể nội xuy hay ngoại xuy đều hay:

- *Xác rắn* dài 1 thước 7 tấc, đốt tán nhỏ, hòa vào một chén rượu mà uống là khỏi.

- *Hành tươi* 1 nắm, giã nát nặn thành bánh, đắp lên vú, dùng cái lọ sành trong có đựng than đỏ, đặt trên bánh hành mà chườm, mồ hôi ra hết sưng hết đau, trong sắc nước *Tía tô* cho uống ngày 2 lần, rất hay.

- *Cút trùn* lấy ở đám rạu hẹ, nghiền nhỏ hòa với giấm, đắp dày lên trên vú, khô lại thay, chỉ 3, 4 lần là khỏi.

- *Củ mài tươi*, giã nát đắp lên là tiêu, tiêu rồi thì bỏ đi ngay, nếu chậm thì nát thịt ở trong.

- *Rễ Hoa hiên (kim châm)* giã nát, hòa với rượu mà uống, bã đắp vào chỗ đau, công hiệu ngay.

- *Dây đau xương*, giã nát, hòa với giấm ngon, cho vào ít muối, xào nóng mà đắp vào, tự tiêu.

9. Kinh trị sau đẻ sữa không thông, ứ dọng sưng đau và vú sinh ung:

Cao ích mẫu, hòa vào chút giấm tốt mà phết vào, như không có cao, thì dùng lá giã nát, hòa với giấm tốt và chút muối mà rịt vào là tiêu ngay.

- Dùng *Vỏ hàu* (mẫu lệ) giã mịn, mỗi lần uống 2 đồng với rượu.

- *Hạt Quân âm, Gai bồ kết* bằng nhau đốt cháy tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu.

- *Tổ ong*, đốt ra tro, mỗi lần dùng 2 đồng, nước rửa bát, sắc lấy nửa, bỏ bã, uống nóng.

- *Lá cải*, giã nát, đắp vào là tiêu ngay.

Lá thông, giã nát, cho vào tý muối và giấm, hòa với cám mà đắp là công hiệu.

10. Kinh trị sau khi đẻ vì con bú hà hơi vào vú mà sinh ung:

Bồ kết 10 quả giã nát. *Rượu* 1 bát. Khuấy đều lấy nước, cho *Phác tiêu* vào 5 đồng, nấu thành cao mà xức vào, khỏi ngay.

11. Truyền trị vú sưng lâu ngày đá làm mủ mà không phá miệng:

- *Lông cánh gà trắng,* lấy mỗi cánh 1 cái, đốt ra tro, tán nhỏ, hòa với rượu uống, phá miệng ngay.

- *Bồ kết,* bỏ vỏ, tẩm mật, nướng, tán nhỏ, mỗi lần 1 đồng với rượu sau bữa ăn, rất hay.

- *Cứt chim sẻ,* sao khô tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với rượu, hoặc nghiền ra mà đắp chứ không uống.

- *Mỡ heo,* cắt miếng ra ngâm vào nước lạnh, lấy từng miếng mà đắp vào chỗ đau, thấy nóng lên lại thay miếng khác, công hiệu ngay.

12. Kinh trị nuốm vú nứt nẻ:

- *Qủa cà non,* hái sau khi có sương thì tốt, bổ đôi phơi râm, đốt tán nhỏ, mỗi lần dùng 1, 2 đồng uống với rượu sau bữa ăn, là khỏi.

- *Chất trắng trong cứt gà,* sao vàng, tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng với rượu sau bữa ăn là khỏi.

13. Kinh trị chứng nhũ nham (ung thư vú): Lúc mới phát nổi cục như quân cờ, không đau không đỏ, không nhức, không ngứa đến 3 hoặc 5, 7 năm sau mới đau dần, rồi mưng mủ lở loét giống cái hang hốc nước mủ dầm dề, ngực sườn đau nhức, đến thế thì khó chữa. Là vì buồn bực tức giận có việc không được thỏa mãn lâu ngày độc tích lại trong tim, không phát tiết ra được, mới thành chứng này, về cách chữa cốt yếu là chữa lúc ban đầu, nếu đã phá miệng thì 10 bệnh chết 9.

14. Kinh trị chứng nhũ nham mới hoặc lâu năm đá vỡ loét:

- *Thanh bì* 4 đồng, *Nước* 1 bát rưỡi. Sắc lấy 1 bát, uống dần dần, ngày uống 1 lần, hoặc tán nhỏ hòa với rượu mà uống, dần dần sẽ khỏi.

- *Xuyên sơn giáp* nướng khô, rang với cát cho đến khi vảy Tê tê phồng lên và giòn bẻ gạy, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng, uống với rượu sau bữa ăn, ngày uống 2 lần.

- *Gạc hươu,* mài với rượu mà uống, và bôi vào chỗ đau, là khỏi.

- *Hành* cả lá và rễ, giã nát, nặn thành bánh, đắp vào chỗ đau, dùng cái lọ sành trong có để than đỏ mà chườm lên trên bánh hành, cho khí nóng ngấm xuống, ra mồ hôi, là khỏi.

XII - THÔNG SỮA

Đàn bà đẻ sữa không ra hoặc ra ít là do khí huyết hư hao. Ví như nước nguồn có dâng đầy thì dòng nước chảy nhanh, cho nên phép chữa nên bồi bổ khí huyết làm chủ, vì khí huyết đầy đủ thì sữa tự nhiên tràn đầy mà chảy thông.

1. Kinh trị sữa không thông.

- *Đậu đỏ,* nấu nước uống luôn, rất hay.

- *Cá chép* 1 con, đốt tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với rượu là thông.

- *Qủa mướp,* cả vỏ và hột, đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu, đắp chăn áo cho ra mồ hôi là thông.

- *Giò heo đực,* một bộ, bỏ lông và móng, *Thông thảo* 1 đồng, *Nước* 2 bát. Sắc lấy nửa cho uống và ăn cả thịt ở giò heo nữa thì sữa sẽ xuống nhiều.

- *Mỡ heo rừng*, hòa với rượu, uống ngày 3 lần, uống đến 10 ngày thì có thể đủ sữa cho 3, 4 cháu bú, người vốn không sữa, dùng thuốc này cũng cứ có.

- *Thiên hoa phấn, Xuyên sơn giáp*. Mỗi vị đều 5 đồng, hầm với giò heo cho nhừ uống cả nước, ăn cả cái.

- *Xuyên sơn giáp*, sao vàng, tán nhỏ, 1 đồng, *Nhân hột đào*, bỏ vỏ, giã nát 10 hột, Hòa vào rượu mà uống, không có *hột đào*, thì dùng *mộc thông* sắc uống. Hoặc gia thêm *củ hành* trọng lượng bằng hột đào (hoặc mộc thông) mà sắc uống.

- *Tam lăng*, 3 củ, nước hai thăng, sắc còn nửa, đem rửa vú để kích thích, rửa đến sữa ra thì thôi.

- *Mạch môn* bỏ lõi, sao khô, tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng, lấy rượu mài với *Sừng tê ngưu* độ 1 đồng làm thang mà uống, bất quá 2 lần uống là có sữa.

- *Hột vông vang* sao thơm và *Sa nhân* hai vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu là thông sữa.

2. Kinh trị đàn bà đẻ ít sữa:

Hột mè, sao qua tán nhỏ, cho vào tí muối mà ăn luôn thì có sữa.

3. Kinh trị sau khi sinh không có sữa.

Hột mùi (ngò rí) sắc uống là có sữa

Hột mùi nấu cháo với *gạo nếp*, thường ăn, rất hay..

XIII - BỆNH KÍN

Bệnh kín là cửa mình sưng lở, vì *thất tình* và hỏa uất tổn hại can tỳ rồi thấp nhiệt đọng lại mà sinh ra. Chứng này phát ra hoặc dạ con lồi ra như đầu con rắn hoặc lồi ra như cái nấm, như mồng gà, gọi là sa sinh dục, chung quanh sưng đau, hoặc sinh trùng, ngứa không chịu nổi. Nếu không sớm chữa, thì trùng ấy ăn vào tạng phủ là chết, hoặc dạ con giãn mà không co lại được, hoặc sinh lở loét máu mủ chảy ra hôi thối.

Các chứng âm hộ lở sưng vốn nhiều hình dạng, nhưng phần nhiều do hỏa độc mà phát ra, lại có người âm hộ sinh lở, là do trong âm hộ còn có nước tinh cũ đọng lại mà lại giao cấu, nên hư nhiệt nóng nung mà phát chứng này, trong sách gọi là "*đố tinh*"; lúc mới phát như hạt gạo, chạm vào là đau, hai ngày sau ra chất mủ, mủ ăn sâu vào thành lỗ thủng, đàn bà sinh chứng lở này cũng giống như chứng "*cam thối lở*" của đàn ông, chỉ khác là đàn bà thời không đau.

1. Kinh trị cửa mình sưng cứng như đá, chạm vào thì đau đớn quá không chịu nổi:

Mật cá trắm 7 cái hoặc *mật cá diếc* cũng được. Dùng *lụa tơ tằm* 2, 3 đồng, đốt ra tro, nghiên nhỏ, hòa với nước mật cá, lấy lông vịt chấm thuốc điểm vào, độ nửa giờ là mềm lại, rất hay.

2. Truyền trị âm hộ sưng đau cứng rắn:

Vỏ quít hôi, cắt nhỏ, sao nóng, dùng vải gói lại mà chườm; nguội lại thay, là yên.

3. Truyền trị âm hộ sưng cứng mà đau, đại tiểu tiện không thông.

- *Qủa trấp*, giã nát 5, 6 lạng, lấy vải gói làm 2 gói, hơ nóng chườm vào chỗ đau, từ trên xuống dưới, nguội lại thay.

Theo bài trên, gia thêm *Trần bì* cùng chườm, thấy trong miệng có hơi thuốc là hết sưng, đau và đại tiểu tiện lợi.

4. Kinh trị âm hộ sưng đau lắm.

- *Rau sam,* giã nát, đắp vào là khỏi.

- *Cành liễu,* chặt 20 cành, mỗi cành dài 3 thước băm nhỏ, sắc nước rất nóng, lấy vải cũ bao bịt lấy chỗ đau, rồi lấy nước nóng ấy tẩm vào là khỏi.

- *Muối* một vốc, sao, gói vào vải thành bố mà chườm, rất hay.

- *Mầm non cây cúc,* giã nát, sắc nước, trước xông sau rửa là khỏi.

- *Cỏ roi ngựa,* giã nát vắt lấy nước vôi vào thì tự tiêu.

5. Kinh trị đàn bà âm hộ sưng lên:

-*Hột xà sàng,* gói vào vải, sấy hơ nóng mà chườm

- *Hột xà sàng,* 5 lạng, *Ô mai* 14 quả. Sắc nước xông và rửa 5, 6 lần là khỏi.

6. Kinh trị âm hộ bị lở loét, thối bẩn:

- *Cóc* 1 con, đốt ra tro và *cứt thỏ,* 2 vị bằng nhau tán nhỏ, bôi vào là khỏi.

- *Gan gà* cắt miếng, nhét vào trong âm hộ, thì trùng đều ra mà hết ngứa.

- *Gan heo,* nướng thơm nhét vào âm hộ thì trùng ra hết là khỏi.

7. Kinh trị âm hộ bị lở đau như trùng cắn.

Lá đào, giã nát, gói vải nhét vào trong âm hộ, thay 3, 4 lần là khỏi.

8. Kinh trị đau âm hộ:

Ngưu tất 5 lạng, *rượu* 3 thang, sắc lấy nửa lọc bỏ bã, chia uống 3 lần là khỏi.

9. Kinh trị âm hộ sưng ngứa.

- *Củ tỏi,* sắc ước thường, rất hay.

- *Vỏ trắng cây hòe,* sắc nước thật đậm, chờ nguội bớt đem ra ngâm rửa là hết.

10. Kinh trị âm hộ ngứa sinh lở:

Hột mè nhai nhỏ đắp vào là khỏi.

11. Kinh trị đàn bà lở âm hộ.

Cứt heo nái, đất sét nắm bọc ngoài, đốt tồn tính tán nhỏ trước lấy nước vo gạo rửa sạch chỗ lở, rồi lấy thuốc tán xức vào, khỏi.

12. Kinh trị âm hộ ngứa lở, chảy nước:

Cành hòe hướng bắc (không bị dọi nắng), bẻ 1 cành, hoặc vỏ trắng cây hòe sao, sắc nước để ấm mà rửa 3, 4 lần là khỏi.

13. Kinh trị ngứa âm hộ:

Nhân hột đào, giã nát, dùng lụa gói nhét vào, rất hay.

14. Kinh trị âm hộ sưng lòi ra, đau nhức chảy nước vàng hôi thối.

Kén tằm 2, 3 đồng, đốt ra tro nghiền nhỏ hòa với rượu, lấy lông cánh vịt chấm thuốc phất vào, trong một lúc hết độc là khỏi.

15. Kinh trị đàn bà sa sinh dục.

Mỡ dê, thường bôi vào là khỏi.

16. Kinh trị âm hộ lạnh đau, chạy vào bụng thì sưng to chết người:

Rễ rau dền, giã nát đắp vào là khỏi.

17. Kinh trị âm hộ rộng ra mà lạnh:

Lưu hoàng, nấu lấy nước rửa luôn là khỏi:

18. Kinh trị chứng lạnh dạ con:

- *Hột xà sàng* tán nhỏ, cho chút ít bột gạo làm viên, bằng hòn đạn, gói vải lại nhét vào là ấm.

- *Ngũ vị tử,* 4 lạng, sấy khô tán nhỏ lấy nước miếng hòa vào, làm viên bằng đầu ngón tay, nhét vào trong âm hộ là khỏi.

19. Truyền trị đàn bà âm hộ bé quá, giao cấu bị đau:

Ngưu tất 5 lạng, sắc nước, hòa vào chén rượu uống nóng.

- *Mai mực* 2 cái, đốt tồn tính, tán nhỏ, liều dùng 2 đồng, hòa với rượu mà uống, ngày 3 lần là khỏi.

20 Truyền trị đàn bà, sa sinh dục lồi ra một vật bằng quả cà mà sắc đỏ, thò ra thụt vào, và trị các mụn nhọt ở âm hộ.

Lá cúc vàng, lá vậy trắng, lá vậy đỏ. Đều bằng nhau, cùng giã nát, nặn thành bánh dẹt, nướng nóng mà chườm, nguội lại thay, hoặc dùng lụa gói nhét vào trong âm hộ cũng được.

XIV - TẠP BỆNH

Đều là người thời đàn bà yếu hơn; đều là bệnh thời đàn bà nhiều hơn; đều là trị bệnh thời trị bệnh đàn bà khó hơn.

Các loại bệnh thông thường đã chép ra từng môn, nhưng có các thứ bệnh quái lạ, lặt vặt, khó chia môn mục, cho nên mới xếp vào mục "Tạp bệnh" để đề ra cách chữa.

1. Kinh trị đàn bà chiêm bao thấy giao cấu với quái vật:

Hùng hoàng 1 lạng tán nhỏ, *Nhựa thông* 2 lạng, trộn vào nhau mà nấu cho chảy ra, dùng móng hổ mà khuấy, nhỏ vào nước không tan thì thôi, mang ra làm viên bằng hòn đạn, mỗi đêm bỏ vào than đỏ mà đốt, dùng cái giỏ tre úp lại, bảo người bệnh ngồi lên trên, đắp chăn trùm lại, đầu lòi ra ngoài, bất quá 3 lần thì yên.

Trong dùng *Nhân sâm, Phòng phong, Hùng hoàng, Ngũ vị tử,* các thứ đều bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước giếng vào lúc đói; rất công hiệu.

2.. Kinh trị đàn bà vì chân huyết bị tổn thương khi giao cấu do kích động mạnh quá, âm hộ ra máu:

- Ngũ bội tử tán nhỏ, rắc vào là khỏi.

- Chích lấy máu mồng gà trống mà xức là khỏi.

- *Vải xanh* và *tóc rối* 2 vị bằng nhau, cùng đốt tồn tính tán nhỏ rắc vào khỏi ngay.

3. Truyền trị đàn bà mỗi khi giao cấu là chảy máu âm hộ.

Nhục quế bỏ vỏ, *Đất lòng bếp,* 2 vị bằng nhau, cùng tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu nhạt, là khỏi.

XV - TRANG SỨC

Đàn bà cốt lấy đức hạnh và nhan sắc làm căn bản cho đời người; đức hạnh nên giữ gìn, nhan sắc nên trang điểm; nếu đức hạnh không giữ gìn thì hỏng mất danh tiết trăm năm, nhan sắc không trang điểm thì giảm sút vẻ tươi đẹp một đời. Cho nên chép mấy phương sau đây để giúp cho việc trang sức của phụ nữ.

1 Phương làm cho đáng mặt tươi đẹp:

- *Hột bí đao* 5 lạng, *Hoa đào* 4 lạng, *Vỏ quít* 2 lạng. Đều phơi khô tán nhỏ mỗi lần dùng 2 đồng, uống với nước nóng sau bữa ăn, ngày uống 3 lần. Muốn trắng da thì thêm bột bí đao, muốn đỏ hồng thì thêm hoa đào, uống 50 ngày thì mặt trắng, uống 50 ngày nữa thì toàn thể đều trắng, rất công hiệu.

- *Hoa đào*, ngày 3 tháng 3 hái lấy, *máu mồng gà* ngày 7 tháng 7 âm lịch chích lấy. Cùng tán nhỏ, trộn đều bôi lên mặt, 2, 3 ngày sau thuốc tróc đi thì nhan sắc tươi sáng như hoa.

2. Kinh trị mặt đen làm cho trắng:

- *Bí đao* 1 quả, lấy dao tre cạo vỏ, xắt ra miếng mỏng, rượu 1 thăng rưỡi, nước 1 thăng, cùng nấu chín lọc bỏ bã, lại ngào thành cao, đựng vào bình, mỗi đêm lấy đắp vào mặt, ngày lại rửa đi, lâu lâu sắc mặt sẽ sáng bóng như ngọc.

- *Thiên môn đông,* bỏ vỏ, lõi, phơi khô luyện mật làm viên, mỗi lần dùng 1 viên mài với nước mà rửa mặt.

3. Kinh trị sắc mặt đen, da thô, xạm xấu:

Xương ống chân dê tán nhỏ hòa với lòng trắng trứng gà, đêm thì bội vào sáng dậy rửa mặt bằng nước vo gạo, làm như thế 3 ngày rất hay.

4. Kinh trị trên mặt đen cháy:

- *Chót gạc hươu,* mài với nước cho đặc mà bôi dày vào là hết đen.

- *Lá kê đầu ngựa,* sao khô tán nhỏ mỗi lần dùng một đồng, uống với nước cơm sau khi ăn, không quá một tháng là hết đen.

5. Kinh trị mặt sinh nốt ruồi đen:

Hột mùi sắc nước, ngày ngày thường rửa là biến mất.

6. Kinh trị trên mặt có trứng cá như hạt gạo:

Bèo tấm giã nát, ngày ngày bôi vào rất hay.

7. Kinh trị trên mặt có vết xám (thâm da mặt):

- *Hột thầu dầu, mật dà tăng, lưu hoàng.* Đều 1 đồng tán nhỏ dùng *tủy dê* trộn đều, đêm thường bôi là hết.

- *Hạt bìm bìm đen,* tán mịn, trộn với lòng trắng trứng gà, tối bôi ngày rửa đi, bôi ba bốn tuần thì khỏi.

8. Kinh trị da môi nhám mặt nổi mụn:

Rau sam sắc nước đặc, ngày thường rửa rất hay:

9. Kinh trị tuổi trẻ mặt nổi mụn:

- *Bèo tía,* rửa sạch, vò nước uống, bã đắt vào, rất hay.

- *Bèo tía* 4 lạng, *Phòng kỷ* 1 lạng. Sắc nước đặc mà rửa, lại lấy bèo giã nát, xát vào chỗ vết, ngày xát 4, 5 lần, thuốc tuy tầm thường, nhưng công hiệu rất to, không nên khinh thường.

10. Kinh trị trên mặt có vết sẹo.

Hột tật lê, Hột dành dành núi, đều 1 vốc cùng tán nhỏ, hòa với giấm bôi đêm sáng rửa rất hay.

11. Kinh trị trên mặt mọc u nần sần sượng:

Nam tinh, mài với giấm thường bôi vào, tự rụng.

12. Phương thuốc kinh nghiệm làm cho tóc dài và đen.

- *Mõ gấu, Hột quan âm,* tán nhỏ, Hai vị bằng nhau, hòa với giấm, thường đêm xát 2 vị khắp đầu tóc, rất hay.

- *Lá dâu* và *Lá mè,* hai vị bằng nhau, đổ nước vo gạo vào, nấu lên gội đầu 7 lần thì tóc dài được vài thước.

- Phương khác làm cho tóc dài đen và tóc rụng lại mọc.

Dầu mè cùng nấu với *Lá dâu,* rồi bỏ lá dâu đi, thường ngày xát vào, lâu lâu tóc mọc tốt như mây.

13. Truyền trị tóc rụng không mọc:

- *Lá bí đao,* giã vắt lấy nước, thường bôi vào là tóc tự mọc.

Mõ heo mùa đông, rán cho chảy nước, bỏ vào một mảnh sắt mới, nấu sôi 3 dạo, đựng vào lọ, mỗi lúc dùng thì lấy *giấm* và *nước vo gạo* gội đầu cho sạch, lấy khăn vải xát cho nóng lên, rồi lấy thuốc cao trên bôi vào, là hết rụng.

- *Đồng tiền cổ* mài với dầu mè cho đặc mà bôi vào, là không rụng nữa.

- *Lá vông nem* 1 nắm. *Hạt mè* 3 thăng. Đổ nước vo gạo vào, nấu sôi 5, 6 dạo, bỏ bã và gội hàng ngày, thì tóc mọc dài rất hay.

- Lấy *ống tre* vót nhọn đâm vào giữa cây chuối to cho nước chuối chảy ra, ghé bình mà hứng, mỗi lần dùng thì nhúng lược vào nước chuối mà chải đầu, thì tóc tự cứng, dài và đen.

14. Kinh trị lông mày và tóc rụng hết:

- *Lá liễu* phơi râm tán nhỏ, mỗi lần dùng, hòa nước gừng vào cái chậu sắt, thường đem sát vào, dần dần tóc và lông mày mọc tốt.

- *Vỏ trắng dễ dâu* 2 thăng, cạo bỏ vỏ vàng, đổ nước vào ngâm, nấu sôi 5, 6 đạo, bỏ bã đi mà gội đầu luôn thì tóc bền chặt.

15. Kinh trị tóc vàng đỏ không đen:

- *Đậu đen* nấu với giấm cho đặc mà nhuộm.

- *Mỡ gấu* bôi khắp đầu, lấy lược chải xõa tóc xuống giường sát đất, bằng một bữa ăn thì thôi (độ 15 phút) dùng 1 thăng mà bôi khắp tóc thì đen.

- *Lá trắc bá* tươi giã nát, một cân. *Mỡ heo* 1 cân. Trộn làm viên bằng hòn đạn, mỗi lần dùng 1 viên hòa tan nước vo gạo mà gội chải, một tháng thì tóc sẽ đen mượt.

- *Cứt dê* đốt ra tro nghiền rất nhỏ, trộn với mỡ heo mùa đông mà bôi vào tóc, ngày bôi 3 lần, đêm 1 lần đến đen thì thôi.

- *Tóc rối* 1 nắm, rửa sạch phơi khô, đổ dầu mè vào rang cho cháy, nghiền rất nhỏ, đêm thường xát vào, lâu thì đen.

- *Nhân hột thầu dầu* và *dầu mè* cùng sắc nhỏ lửa, đun lên cho cạn, bỏ bã, dùng dầu thường bôi thì tốt.

16. Kinh trị tóc khô không mềm mại:

Mộc qua tán nhỏ, trộn dầu mè, hàng ngày dùng chải đầu, tóc sẽ xanh mượt, mềm mại.

17. Kinh trị tóc trên đầu không mọc được:

Lá trắc bá phơi râm tán nhỏ, trộn với dầu mè, hàng ngày thường bôi vào, lâu lâu tóc sẽ mọc.

- *Vỏ rễ dâu, Lá trắc bá* đều 1 lạng, nấu nước tắm gội.

18. Kinh trị người không có tóc:

Lá dưa hấu giã vắt lấy nước, xát vào luôn tóc sẽ mọc.

19. Kinh trị lông mày trụi không mọc:

Hạt cải, Bán hạ, đều bằng nhau tán nhỏ, *gừng sống* giã nát lấy nước hòa vào mà xát vài lần là mọc.

20. Kinh trị tóc bạc mà không mọc dài được:

Qủa dâu chín đen, (tang thầm) ngâm nước phơi khô, đặt vào đầu, làm cho tóc đen lại và mọc ra.

21. Phương thuốc kinh nghiệm làm hết tóc bạc sinh ra tóc đen:

Nước mật chó, cứ nhổ mỗi sợi tóc bạc thì liền xát nước mật chó vào chân tóc, sau mọc ra tóc đen.

22. Phương thuốc kinh nghiệm nhuộm tóc bạc:

Qủa dâu chín muồi, đỏ tía nửa cân, *Con nòng nọc nửa cân.*

Bỏ vào cái hũ, đậy nắp kín, treo ở hè nhà phía đông, 100 ngày thì hóa ra thứ bùn đen, lấy mà nhuộm tóc bạc, tóc sẽ đen mãi như sơn đen.

23. Truyền trị bị đánh thành sẹo lông mày và tóc không mọc:

Bắt *Ruồi sống* xát bẹp vào vết sẹo, ngày 2, 3 lần là mọc.

HẾT QUYỂN VIII

Bảng VII

Duối

Dây xanh
Nam phòng kỷ

Cỏ mần trầu

Đọt đắng
Mía đỏ

Cải trời

Sầu đâu cứng

Sắn thuyền

Tầm xuân

Sim

NAM DƯỢC THẦN HIỆU

Mười khoa chữa bệnh

QUYỂN IX

CÁC BỆNH NHI KHOA

I - SƠ SINH

Trẻ em mới sinh hình hài non nớt, khí huyết còn ít, tinh tủy chưa đầy, tạng phủ chưa đủ. gân cốt chưa cứng, da dẻ chưa dày, nên dễ lạnh dễ nóng, dễ đói dễ no. Nếu mẹ nuôi không khéo thì hay sinh bệnh, cho nên lúc mới sinh phải gìn giữ cẩn thận, mới mong con được lành mạnh. Hễ con mới lọt lòng mẹ, trong miệng có một cục máu độc, cần lấy lụa quấn đầu ngón tay móc bỏ đi, nếu làm không kịp mà nó nuốt xuống thì sắc *Cam thảo* và *Hoàng liên* ra nước đặc mà cho uống, để mửa máu xấu ấy ra rồi mới cho bú, làm như vậy chẳng những không di độc về sau mà lại còn thông minh.

Hoặc dùng *Chu sa* thủy phi nghiền nhỏ, trộn với *mật ong*, viên như hạt đậu, lúc dùng hòa tan vào sữa, cho uống ba ngày liền, ngày một viên để ngừa bệnh sởi, đậu.

Phàm trẻ sơ sinh lấy 5 thứ rễ, *đào, liễu, mơ, dâu, hòe,* rửa sạch thái nhỏ, hoặc gia *Khổ sâm, Bạch chỉ* sắc đậm, lọc bỏ bã, lại gia nước *mật heo* một cái, chờ ấm rửa rốn trẻ rồi sẽ cắt. Nếu cắt rốn trước rồi rửa sau thì khi con bé thành bệnh uốn ván, khi lớn lên thành bệnh đau ruột. Cắt rốn xong kiêng nước lấy *Tóc rối* đốt thành than hòa dầu mè bôi vào rốn.

Phàm cho trẻ bú, không nên cho bú dồn một lúc, sẽ làm cho trẻ mắc chứng cam, tịch, bĩ, tích (1) , lại không cho ăn no quá, không cho mặc ấm quá nên để cho nó chịu một ít đói rét, để khỏi sinh bệnh.

Phàm trẻ con 3 tuổi trở lên, không nên cho ăn đồ ngọt, béo, cay, nóng, tanh lạnh, ươn, cùng thịt gà để khỏi sinh nhiều bệnh.

1. Phương thuốc dùng tắm cho trẻ rất hay:

- *Cỏ ích mẫu* sắc nước đậm mà tắm thì không hay sinh ghẻ.

2. Phương thuốc giải độc cho trẻ sơ sinh:

- *Cam thảo* nướng qua giã nát, sắc đặc nhỏ vào miệng trẻ chứng bằng vỏ hến, để nó mửa ra chất nước bẩn, khiến trí tuệ trẻ được thông minh, không bệnh, dù sau có lên đậu cũng ít.

- *Lá hẹ* rửa sạch, giã lấy chút ít nước cốt, nhỏ vào miệng nó, sẽ mửa ra nước độc, khí độc, về sau ít tật bệnh.

3. Trị trẻ em sơ sinh, im lặng không khóc, vì dẻ khó kém hơn mà sinh ra như thế:

Giội *Nước nóng* vào trẻ, ấp rốn trẻ vào bụng người lớn để chuyền hơi nóng, cùng hà hơi vào miệng trẻ độ trăm lần, cho khí ấm chuyền vào bụng, rồi lấy cọng hành từ từ quất vào mình trẻ, tự nhiên sẽ phát khóc.

II - CÁCH XÉT BỆNH

Trẻ sơ sinh mà bị bệnh, một là không phải chỉ do nó, phần nhiều do cha mẹ di truyền, hai là do nuôi nấng trái phép, cư sử thất thường, hoặc vì cha mẹ lúc có bệnh mà giao cấu thành thai hoặc vì lúc giao cấu lửa dâm quá thịnh để lại cho trẻ bẩm thụ khí tà nhiệt, phần nhiều là khí bất hòa, cho nên trẻ chịu khí ấy sinh ra thì khó tránh khỏi bệnh.

---

1. *Cam:* Bệnh trẻ con gầy gò. Tích: Có báng trong bụng. Tích: Thức ăn không tiêu.

1. Xét bệnh theo hình sắc:

- Tóc cứng là dương cường: khỏe
- Tóc mềm là âm nhược: yếu
- Cả mình nóng mà 2 chân lạnh là cảm hàn
- Giữa bụng nóng là chứng nhiệt
- Mũi lạnh là lên sởi
- Tai lạnh là bốc nóng ở trong
- Dưới mát trên nóng là thực tích.

2. Xem bàn tay để xét bệnh (nam bên tả, nữ bên hữu)

- 5 đầu ngón tay lạnh là kinh phong
- Ngón giữa nóng là cảm hàn.
- Ngón giữa lạnh là lên sởi, đậu

3. Cách xem chỉ tay:

Trẻ con ba tuổi trở lại khi có bệnh thì nên xem hổ khẩu (nam tả hữu). Xem hổ khẩu ở ngón trỏ, đốt thứ nhất gọi "*phong quan*", đốt thứ hai gọi "*khí quan*", đốt thứ ba gọi "*mệnh quan*". Thấy chỉ tay hiện lên ở phong quan là bệnh còn nhẹ, ở khí quan là bệnh nặng, ở mệnh quan là bệnh khó chữa.

4. Xem màu sắc chỉ tay.

Màu tía là nhiệt, đỏ là hàn, xanh là kinh phong, trắng là cam tích, đen là trúng độc, vàng là tỳ vị yếu.

Hình chỉ tay ở tam quan

1. Phong quan
2. Khí quan
3. Mệnh quan
4. Hổ khẩu

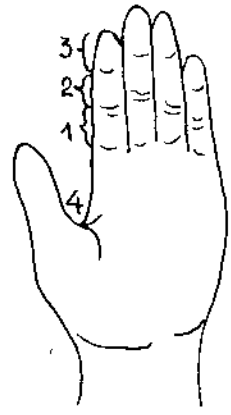

CÁC HÌNH CHỈ TAY

1. *Hình xương cá:* Là chứng kinh phong, nóng lắm.

2. *Hình mũi kim:* Là chứng thương phong, cam tả.

3. *Hình chữ thủy:* Tích thực, ho, đờm.

4. *Hình chữ ất:* Bệnh về can: kinh phong.

5. *Hình hai vòng tròn:* Bệnh cam tích, thổ nghịch.

6. *Hình chỉ xoắn xuýt:* Bệnh sên lãi.

7. *Hình chuỗi hạt:* Là chứng chết.

8. *Hình chữ thất:* Là chứng thương thựt

9. *Hình sâu cong:* Là chứng cam lãi và phân đọng ở đại trường.

10 *Hình chỉ xiên, hướng về bên phải:* Là chứng thương hàn.

11 *Hình giăng tơ:* Là chứng động kinh, phong giật.

12. *Hình quả núi:* Là chứng Kinh phong.

13. *Hình chữ phong:* Là chứng sầu muộn.

14 *Hình chỉ xiên, hướng về bên trái:* Là chứng thương phong.

15. *Hình lưỡi liềm hướng về bên phải:* Là chứng khí cam.

16 *Hình lưỡi liềm hướng về bên trái:* Là chứng phong cam.

17. *Hình cong ba đợt:* Là có vật cứng trong bụng.

18. *Hình vòng cong:* Là chủ về bệnh tê.

19. *Hình móc câu hai đầu:* Là chứng bị lạnh.

20. *Hình 2 móc câu song song:* Là chứng bị lạnh.

5. Biện chứng theo ngũ tạng.

- *Tâm chủ kinh:* Tâm thực thì kêu khóc, phát sốt, khát nước, tâm tư thì thích nằm, sợ hãi, không ăn.

- *Can chủ phong:* Can thực thì trợn mắt, thét to, ngáp, cổ cứng, bực bội khó chịu; can hư thì nghiến răng, ngáp nhiều.

- Hơi thở ra nóng là ngoại cảm.

- Hơi thở ra ấm là nội thương.

- *Tỳ chủ khốn:* Tỳ thực thì ngủ mê mệt, mình nóng, khát nước, tỳ hư thì thổ tả sinh phong.

- *Phế chủ suyễn.* Phế thực thì buồn bực, thở ngáp, hoặc khát hoặc không khát, phế hư thì đầy hơi hay thở dài.

- *Thận chủ hư.* Mắt không tinh anh, sợ ánh sáng, mình mẩy nặng nề chỉ có lúc bệnh đậu mùa; thân thủy tràn đầy thì nốt đậu biết sắc đen.

III - CẤP KINH

Ở người lớn gọi là trúng phong, ở trẻ con gọi là cấp kinh. Kinh là thuộc về phong nhiệt, cấp là thuộc về dương lấn lên tức là dương thịnh ân suy, vì hỏa nhiệt uất kết ở trong, tà phong ở ngoài phạm vào, tâm bị nhiệt thời sinh kinh, can sinh phong mà phát nhiệt, sinh ra các chứng hàm răng cắn chặt, sôi đờm chảy rãi, trợn mắt, uốn ván, tay chân co giật.

Nếu tròng mắt lay chuyển, trong miệng có máu, hai chân tây máy, bụng dạ co giật, sờ giường nắn áo, hôn mê thở gấp trong bụng nóng đau, bỗng nhiên kêu la là chứng khó chữa. Phép chữa nên thanh tâm nhiệt, khu phong đàm là chủ yếu.

1. Kinh trị cấp mạn kinh phong phát sốt cẩm khẩn lòng bàn tay nóng hầm hầm dờm dãi sục lên, ho hen thở gấp:

Yếm rùa 1 cái, nướng vàng tán nhỏ, hòa với sữa cho uống, tỉnh ngay.

2. Kinh trị trẻ con cấp kinh, phổi sưng khó thở ngực dô, thở gấp, cạnh sườn co, mũi phồng, buồn bực, rối loạn, ho hen, phiền khát, sôi dờm, tiếng khàn, nếu không trị gấp thì chết trong sớm tối:

Hạt bìm bìm đen và *hạt bim bim trắng* đều nửa sống nửa sao, nghiền nhỏ lấy lớp bột đầu, *Đại hoàng nướng, Hạt cau khô.* Mỗi vị hai đồng, tán nhỏ, mỗi lần dùng 5 phân, sắc mật và nước làm thang mà uống thì khỏi.

3. Kinh trị trẻ con kinh phong hôn mê tay mở nắm, uốn ván:

Cỏ tim bắc, tẩm dầu thắp lên, hơ trên mỏ ác hai chân lông mày trên và dưới rốn, nếu mắt trâng lên không xuống được thì hơ ở trên và dưới rốn, nếu bất tỉnh nhân sự thì hơ ở lòng bàn tay lòng bàn chân, và trên dưới trái tim, nếu tay nắm chặt không mở, mép xếch lên thì hơ ở giữa đỉnh đầu và hai lòng bàn tay, nếu miệng sùi bọt trắng thì hơ trên dưới miệng và lòng bàn tay bàn chân.

Đây là phép bí truyền trị kinh phong.

4. Kinh trị trẻ con kinh phong, bất cứ cấp hay mãn tính.

Bọ hung 1 con, giã nát, nước 1 chén, cho bọ hung vào, lại dùng nồi nước nấu sôi 100 dạo rồi để chén thuốc vào mà nấu cách thủy, chờ thuốc nóng lấy ra lọc bỏ bã cho uống thì khỏi.

5. Truyền trị trẻ con động kinh sôi dờm:

Cứt chuột dực đốt tồn tính, uống với nước nóng, tỉnh ngay.

6. Kinh trị trẻ con kinh phong khí nghịch, nôn mửa, co quắp, dờm nghẹt, chân tay co rút, mắt trông lệch.

- *Chỉ xác*, bỏ ruột, sao với bột gạo. *Đậu sị*. Hai vị đều nhau tán nhỏ, mỗi lần uống hai phân rưỡi, nặng lắm thì nửa đồng cân, sắc *Bạc hà* làm thang uống ngày ba lần thì khỏi.

Đầu mèo mun: đốt thành than, tán nhỏ. Mỗi lần uống nửa đồng cân với nước nóng, có pha với ít rượu.

7. Kinh trị trẻ con kinh phong cấm khẩu.

- *Bán hạ sống, Bồ kết*. Hai vị đều nhau, tán nhỏ lấy chút ít thổi vào lỗ mũi, nhảy mũi được là sống.

- *Nam tinh* 1 củ, lấy giấy gói lại đem vùi trong lửa cho chín xoi một lỗ nhỏ rồi kê vào miệng cho hơi bốc vào trong răng tự mở được.

Cứt chim sẻ, sao tán nhỏ, sắc nước đổ vào miệng, rất hay.

8. Truyền trị trẻ con cấp kinh, phát nhiệt co giật suyễn thở há miệng.

- *Lá xương sông, chua me đất*. Hai thứ giã nát, cho vào ít nước, vắt lấy nước cốt, đổ vào miệng còn bã đem xoa khắp mình và đỉnh đầu, thì khỏi.

- *Phân tằm sao, Hạt cải trắng* sao. Hai thứ đều nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống từ 3 phân đến 1 đồng, tùy trẻ lớn nhỏ mà dùng, lại lấy bạc hà 8,9 lá, gừng 3 lát, sắc làm thang mà uống, rất hay.

- *Tỏi* 5 củ đốt trước một chỗ đất cho nóng đỏ, rồi mài tỏi lên đất nóng thành cao, dùng *tằm vôi* 5 đồng cân, bỏ đầu chân, để lên trên tỏi, lấy bát úp kín, đừng cho ra hơi, một đêm thì lấy tằm ra, tán bột, nhét vào lỗ mũi, miệng phải ngậm nước lạnh, rất hay.

- *Vỏ ốc bươu* lâu năm, đốt thành than, cho vào tí *xạ hương*. Tán bột, hòa với nước nóng đổ vào thì tỉnh.

9. Kinh trị trẻ con thình lình sợ hãi, kêu khóc như có chỗ đau mà không biết bệnh gì.

Tiết gà trống, cắt lấy chút ít, nhỏ vào miệng thì yên.

Cứt trong tổ chim yến, dùng nấu nước để tắm cũng khỏi.

10. Kinh trị trẻ con sau khi động kinh thành chứng câm.

Nam tinh, lấy giấy ướt gói lại vùi trong lửa cho chín, tán nhỏ dùng gan heo đực nấu lấy nước để uống với thuốc trên.

11. Kinh trị trẻ em động kinh chân tay co giật, miệng nhai tóp tép, mắt trợn ngược, hôn mê bất tỉnh.

- *Mắt con hổ*, tán nhỏ, sấy khô hòa với nước hoặc mài với nước cho đặc mà đổ vào.

- *Mọt sách* 7 con, *tinh tre* 1 nắm, rượu 1 chén, và nước 1 chén, sắc còn 1 nửa cho uống ấm.

- *Thanh đại*, tùy trẻ con lớn nhỏ mà dùng từ 1/2 đồng cân, hòa với nước sôi cho uống.

- *Tổ ong tàng* nấu nước đặc mà lau khắp người, ngày làm ba bốn lần là khỏi.

12. Kinh trị trẻ em động kinh các loại đều khỏi:

Hoa kinh giới 2 lạng, *Phèn phi 1/2 lạng*, *Phèn chua* 1/2 lạng. Cùng tán nhỏ luyện hồ làm viên bằng hạt gạp nếp liều dùng 20 viên, thang tống với nước gừng ngày uống 2 lần. Hoặc dùng Chu sa làm áo càng tốt.

IV - MẠN KINH

Chứng mạn kinh là do ngoại cảm phong hàn, ăn bú không tiêu mà sinh ra, hoặc lúc có bệnh uống nhiều thuốc thổ hạ, tỳ vị đều hư rồi sinh ra.

Phát bệnh thì mửa ỉa không chừng độ, mắt hé mở đờm vướng cổ họng như tiếng kéo cưa, miệng mũi hơi thở lạnh, môi nhạt mặt xanh, mép chảy nước bọt như sắp sinh bệnh động kinh.

Đại khái chứng cấp kinh thì thuộc dương, dương cường mà âm nhược, còn mạn kinh thì thuộc âm, âm thịnh mà dương suy, phép chữa phải khu phong lợi đờm kiên tỳ tráng vị là chủ yếu.

1. Kinh nghiệm dùng phép chữa.

Bệnh mạn kinh là do nguyên khí hư tổn mà sinh ra hôn mê, kíp cứu vào huyệt Bách hội thì sống, nếu chờ khi hạ đờm rồi bệnh không khỏi mới cứu thì nguyên khí thoát mất, không chữa được nữa.

2. Kinh trị trẻ con vì mửa ỉa hoặc uống nhầm thuốc lạnh, tỳ hư sinh ra phong đờm, mạn kinh.

Nam tinh 1 củ to nặng 8,9 đồng cân, cắt bỏ rốn, *thiên ma* lùi chín 1 đồng, tán nhỏ. *Xạ hương* 1 ly. Các vị trộn thật đều, trẻ con 3 tuổi cho uống 1/2 đồng, dùng *Gừng sống* và *phòng phong* nấu nước làm thang tống, cũng trừ được chứng ho lâu ngày mà nôn ọe (buồn nôn).

3. Kinh trị trẻ con mạn kinh, hôn mê có giật:

- *Ô dược*, mài với nước, nhỏ vào miệng là tỉnh ngay.

- *Chỉ xác* bỏ ruột sao, *Đậu sị* sao. Hai thứ bằng nhau, tán bột, mỗi lần uống hai phân, nặng thì nửa đồng, sắc kinh giới làm thang và cho vào 4, 5 giọt rượu mà uống. Mỗi ngày uống ba lần là khỏi.

V - MẠN TỲ

Mạn tỳ là thuộc chứng âm vì âm khí quá thịnh, dương khí quá suy, nên bệnh rất nguy. Về chứng trạng thì đỏ mặt, đầu đổ mồ hôi, lưỡi rụt lại, đầu gục xuống, mắt nhắm không mở

ược, lúc ngủ lắc đầu thè lưỡi, thường ọe ra mùi hôi tanh, miệng ngậm, răng nghiến, tay chân hơi giật mà không có được, mình hoặc lạnh hoặc ấm mà tay chân đều lạnh. Ấy là do sau khi bị mạn kinh thổ tả quá nhiều, tổn thương đến tỳ, bệnh truyền khắp các tạng khác rồi về kinh tỳ, tỳ bị bệnh cho nên gọi là "Mạn tỳ phong". Nếu khu phong thì phong đâu mà khu, trấn kinh thì kinh đâu mà trấn? Chỉ nên trị đờm rãi tích trệ trong tỳ mà thôi.

1. Kinh nghiệm dùng phép cứu trẻ con kinh phong.

Lấy *ngải cứu*, vê thành một mồi bằng hột đậu xanh, cứu ngay trên đám thịt đen quanh nuốm vú, trai bên trái gái bên phải, trẻ 1 tuổi thì đốt 3 mồi, hai, ba tuổi thì đốt 5 , 7 mồi. Hay lắm. Một phép thì cứu ở huyệt Bách hội ở xoáy thượng càng hay.

2. Kinh trị trẻ con bị phong mạn tỳ, vì sau khi ỉa mửa mà phát ra.

Ma hoàng 10 cọng (mỗi cọng dài 5 tấc) bỏ mắt, *Bạch truật* 3 cục bằng đầu ngón tay, *Toàn yết* 2 con, gói bằng lá bạc hà tươi lùi để khô.

Đều tán bột, lấy bạc hà sắc làm thang mà uống. Ba tuổi trở lên uống 5 phân (bằng 1/4 đồng tiền xúc), hai tuổi trở lại uống 1/8 đồng tiền xúc, rất hay.

3. Kinh trị trẻ con vì ốm lâu ngày, hoặc vì ỉa mửa rồi mới phát chứng động kinh, chuyển thành chứng mạn tỳ.

Toàn yết 10 con, giã nhỏ, lấy quả lựu, móc bỏ ruột, nhét toàn yết vào trong, trộn một ít cơm ủ rượu, đậy kín, nướng quả lựu với lửa liu riu, thỉnh thoảng khuấy đều, lúc thành cao thì lấy ra để nguội, mỗi lần uống hai phân, nấu nước kim ngân hoa và bạc hà làm thang mà uống.

VI - CAM TÍCH

Bệnh này do bà mẹ quá chiều con, hay cho ăn các thứ ngọt béo, sống lạnh, ăn uống không chừng, bú mớm không giờ giấc, hoặc là do bẩm sinh yếu ớt, khí huyết không đủ đều có thể sinh ra. Mười lăm tuổi trở lại gọi là "cam", mười lăm tuổi về sau gọi là "lao". Bệnh trạng thì thân thể gầy mòn, sức lực kém, hơi thở đoản, bụng to, gân nổi, da dẻ lở chốc hoặc đi ngoài khi lỏng khi chặt, đi đái khi đỏ khi đục, hoặc mình nóng chân tay lạnh, ăn uống giảm sút, đó là bệnh cam.

Sách có chép: Chứng ngũ cam xuất phát do ngũ tạng nhưng căn bản do một tạng tỳ mà thôi. Nếu không trị gấp thì sẽ cập lụy đến các tạng khác mà biến ra nhiều chứng, nên chỉ trừ được hết bệnh ở tỳ thì các tạng tự yên. Tuy chứng có lạnh nóng khác nhau, nhưng phép chữa nên lấy bổ ích làm chủ.

1. Kinh trị trẻ con bị các tạo bệnh biến thành "cam" thường đi lỵ phân nhiều màu sắc: xanh trắng, miệng khô, phiền nóng, tóc se, da khô, mắt nhíu lại, mặt vàng, chân tay rũ mỏi, mũi đỏ, lỗ đít trống rỗng phân tự tuột ra:

- *Thanh đại* 1 đồng cân, nghiền với nước nóng, cho uống rất hay, (ngày uống 1 lần).

2. Kinh trị trẻ con tích trệ, bụng to, người gầy, mặt vàng, dần dần thành "cam":

- *Sứ quân tử* 3 đồng, *Nhân hạt gấc* 5 đồng.

Đều giã nhỏ, luyện với nước làm viên bằng quả nhãn, mỗi ngày dùng 1 viên, lấy một quả trứng gà, xoi một lỗ trên đầu, nhét viên thuốc vào, đem hấp trên nồi cơm cho chín mà ăn khi đói, ngày 1 lần.

- *Nhân hạt gấc* và *sứ quân tử* đều nhau, giã nát, luyện với nước cơm làm viên bằng hạt cải, mỗi lần uống nửa đồng cân với nước cháo, ngày uống một hai lần rất tốt.

3. Kinh trị bệnh cam, mắt mờ không trông thấy gì.

- *Nhân hạt gấc* 2 đồng, *Hồ hoàng liên* 1 đồng. Đều tán bột, viên với hồ bằng quả nhãn, cho vào trứng gà, hấp chín trên nồi cơm mà ăn, rất hay.

4. Kinh trị trẻ con bị bệnh cam thũng.

- *Hạt bìm bìm (Hắc sửu, Bạch sửu)* nửa sống nửa sao, nghiền nhỏ, rây lấy lớp bột lần đầu *Trần bì, Thanh bì.* Cả 4 vị đều bằng nhau, tán nhỏ khuấy hồ làm viên bằng hạt đậu xanh. Trẻ 3 tuổi uống 20 viên; 5, 6 tuổi thêm 5 viên nữa; uống với nước cơm sẽ khỏi.

5. Kinh trị bệnh cam vì độc công và thận khiến tai điếc, âm hộ hay âm hành sưng.

- *Hắc bạch sửu* (Hạt bìm bìm) nghiền nhỏ, rây lấy lớp bột lần đầu, 1 đồng cân. *Cật heo* nửa cái, bỏ màng, thái mỏng, phết thuốc vào từng lớp, thêm tí muối, ngoài gói giấy ướt mà nướng, ăn lúc đói bụng.

6. Truyền trị trẻ con bị bệnh cam lạnh, mặt vàng, bụng to.

- *Chuột cống,* lột da bỏ ruột, lấy thịt nấu cháo với gạo tẻ thường ăn, tốt lắm.

7. Kinh trị trẻ con bị bệnh cam lâu ngày, hư nhược, lười ăn và sau khi bị bệnh, vẹo cột sống.

- *Bạch cương tàm,* sao qua, tán nhỏ, mỗi lần uống nửa đồng cân, dùng bạc hà nấu sôi hòa với rượu mà uống, rất hay.

- *Bọ hung* 1 con, lấy đất sét bọc kín lại đem vùi trong lửa than cho chín, lấy ra cho trẻ ăn là khỏi.

8. Kinh trị trẻ con bị bệnh cam, vàng, gầy, bày xương ra, đầu sinh chốc lở:

Cóc, bắt sau tiết lập thu (khoảng tháng 8) mỗi lần dùng 1 con, cắt đầu lột da bỏ ruột, bôi dầu mè vào trong bụng, lấy hai miếng ngói kẹp lại nướng chín mà ăn, đi ngoài sẽ xổ các chất độc ra hết, ăn liên tục được 5, 6 con thì trong một tháng hình dung trở nên béo tốt, hay không thể tả.

9. Kinh trị trẻ con bệnh cam và đi lỵ ra nhiều màu sắc không khỏi.

Chim cút, hàng ngày làm thịt cho trẻ ăn, ăn được nhiều thì rất bổ.

10. Truyền trị trẻ con bệnh cam, ăn uống chẳng sinh da thịt, ngày đêm kêu khóc, bụng trướng mắt vàng, ưa ăn bùn đất.

- *Rễ lựu, sứ quân tử,* (bỏ vỏ, sao), *chẩu chàng* (ướp dấm nướng khô), mỗi vị dùng 1 đồng cân) *thanh đại, Thuyền khoái, Bình lang, Thạch xương bồ* (kiêng đồ sắt) giã nát đều ngâm nước vo gạo, phơi khô. Mỗi vị dùng 3 đồng 5 đồng cân, cùng tán nhỏ, giã lẫn với nước mật heo làm viên bằng hạt lúa nếp, liều dùng 10 - 20 viên uống với nước cơm lúc đói, rất hay.

- *Hạt muồng (Thảo quyết minh)* 1 lạng, tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống ba viên sau bữa ăn, uống với nước nóng, rất hay.

11. Kinh trị 5 chứng cam có trùng.

- *Chẩu chàng* 1 con, đốt tồn tính, *Xác rắn* bỏ đầu đuôi mỗi đầu 3 tấc, sao vàng, *Xác ve sầu,* rửa sạch, bỏ mỏm, 1 phân, *Xạ hương,* nửa phân.

Đều tán nhỏ, trẻ con 1,2 tuổi mới dùng 1,2 phân, uống với nước nóng lúc 12 giờ trưa, lại dùng cành đào, cành liễu nấu nước mà tắm, đắp áo vải xanh thấy ra lãi là khỏi.

12. Kinh trị trẻ con giun sán thường đau bụng, miệng nhỏ ra nước trong là đặc trưng, do ăn đồ ngọt béo mà sinh ra. Nếu chậm chữa thì lâu ngày thà cam tích, bụng to chân tay gầy, gân bụng nổi lên, mặt vàng... thì khó chữa.

- *Sứ quân tử* 3, 4 quả bỏ vỏ, sắc cho uống. Hoặc tán nhỏ, liều dùng 1 đồng cân hòa với nước cơm cho uống lúc canh năm, ngày hôm sau lãi sẽ chết và xổ ra. Kiêng uống nước trà nóng, uống thì khó khỏi.

13. Kinh trị trẻ con bị lái chòi sinh đau bụng sùi bọt mép, mặt xanh, như sắp chết. Hoặc có trùng cắn ở hạ bộ sinh đau ngứa.

- *Biển súc*, hái thật nhiều, nấu nhừ lọc bỏ bã. Cô thành cao nhịn đói 1 đêm sáng sớm cho uống 1 bát thì trùng ra hết.

14. Kinh trị trẻ con bị lái đúa, gầy còm.

- *Mỡ heo* đang đói bụng cho uống 1 chén thì khỏi.

- Đầu *Ba ba* (cua đinh) 1 cái, đốt thành than, tán nhỏ đem xát vào hậu môn, lãi sẽ ra hết.

- *Quả sầu đâu* gỡ lấy cơm, giã nát viên lại đem nhét vào hậu môn, giun sẽ ra hết.

- *Lá ngải cứu* 1 nắm, rửa sạch giã nát, cho vào chút ít nước, vắt lấy nước cốt, uống lúc đói bụng, hồi lâu giun sẽ ra hết.

- *Rễ cây ý dĩ* 1 nắm rửa sạch, Nước một bát sắc còn một phần ba, uống lúc đói bụng, lãi sẽ ra hết.

15. Kinh trị trẻ con bị trúng thuốc độc, đi ngoài ra máu, gần chết:

- *Lá chàm* giã sống vắt lấy nước cốt, thường uống rất hay.

16. Kinh trị trẻ con trúng trùng độc, trong bụng có cục cứng đau, mặt mắt xanh vàng, gân nổi, xương lộ ra.

- *Tầm gửi cây đào* tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng hòa với nước sôi mà uống mỗi ngày uống 5 lần rất hay.

17. Truyền trị trẻ con cam tích bụng to mình gầy mặt vàng hâm hấp sốt.

- *Sứ quân tử* bỏ vỏ sao vàng, *quả sầu đâu* bỏ vỏ ngoài và hạt trong, lấy cơm (cùi) sao. mỗi thứ đều 1 lạng. *Vỏ vối* bỏ vỏ ngoài, tẩm nước gừng sao. *Trần bì* bỏ xơ trắng sao. Mỗi thứ 5 đ/c.

Cùng tán nhỏ hòa với nước mật heo làm viên bằng hạt đậu xanh, 3 tuổi trở lại uống 5 viên, 7 tuổi trở lại uống 10 viên, 10 tuổi trở lại uống 15 viên uống với nước cơm sôi lúc đói bụng.

5 chứng cam thì sắc nước *Trần bì* làm thang, nóng lạnh thì sắc nước *Bạc hà* mà uống, giun cắn đau bụng thì sắc nước *lá ngải cứu*; tích sữa, tích khí xích bạch lỵ, đau bụng, sôi bụng, ỉa chảy, ăn uống không tiêu, đều dùng *Trần bì* sắc làm thang mà uống.

18. Truyền trị trẻ con cam tích, bụng ỏng nổi gân xanh, hoặc môi miệng xanh đen, hoặc đi tả lỵ ra phân năm sắc:

- *Hoa hòe* sao vàng, *Sứ quân tử* bỏ vỏ sao, *Củ nghệ* thái mỏng sao khô, *thanh đại*. Các vị đều nhau tán bột, mỗi lần uống một đồng hoặc nửa đồng tùy trẻ lớn hay nhỏ, sắc nước đậu sị làm thang mà uống, bất cứ giờ giấc nào.

VII - NÓNG SỐT

Trẻ con là thuần dương vô âm phần nhiều bệnh thuộc nhiệt, nhưng nhiệt có hư nhiệt thực nhiệt khác nhau. *Thực nhiệt* thì mặt đỏ, mắt đỏ, thở mạnh, miệng khô, khát nước, tiểu tiện đỏ gắt đại tiện táo bón, ngũ tâm phiền nhiệt, ngày đêm khóc khan, hâm hấp sốt, *hư nhiệt* thì mắt trắng xanh, miệng lạnh, hoảng hốt, uể oải đi la ít, đái nhiều, ban đêm ra mồ hôi trộm. Sách Nội kinh chia làm 16 chứng nóng sốt khác nhau. Đại để nhiệt thhì sinh hỏa, hỏa sinh phong, phong sinh run sợ, chữa bệnh phải tùy chứng mà chọn phương.

1. Kinh trị trẻ con hư nhiệt, nóng hầm, nhọc mệt gầy còm.

- *Cao thiên môn* mỗi lần uống 1 đ/c pha với nước sôi uống lúc đói bụng.

2. Kinh trị trẻ con sốt cơn, nóng hầm trong xương, kém ăn, gầy yếu.

- *Vỏ cây dướng* cạo lấy vỏ trắng uống, lại dùng lá nấu tắm thì yên.

3. Kinh trị trẻ con phát sốt về đêm, hay nói nhảm.

- *Nước vòi măng tre* non, hòa với chút ít nước cốt gừng, đêm uống hai lần mỗi lần nửa chén con thì yên.

3b. Kinh trị trẻ con sốt cao nghẹt dờm kinh giảm.

- *Lá mận* nấu nước tắm rất tốt.

4. Kinh trị trẻ con vì nhiệt uất ở dưới, mình nóng, cuồng hoảng mê man chẳng ăn được.

- *Hạt dành dành* 7 quả, *Đậu sị* 5 đồng. Nước 1 bát. Sắc còn 6 phần cho uống, hoặc mửa hay không mửa cũng khỏi.

5. Truyền trị trẻ con bị nhiệt độc, nóng sốt luôn mấy ngày không ngớt.

- *Chót sùng tê,* mài với nước cho đặc, thường uống rất hay.

- Phương trên thêm *Cát căn, dây đậu rừng, Mộc thông,* mỗi vị đều nhau lá tre 3 lá, sắc với nước mà uống bất cứ lúc nào.

- *Mía voi, cỏ mần châu.* Giã chung vắt lấy nước cốt xoa khắp mình, trên đỉnh đầu và lòng bàn chân, khô thì xoa nữa, chừng thấy mát thì thôi.

6. Kinh trị trẻ con phát sốt không có phong nhiệt hay sởi đậu cũng cứ nên dùng.

- *Dầu mè* cho vào chút ít nước cốt củ hành, hòa đều xát ở ngực, ở lòng bàn tay bàn chân và đầu, mặt cổ, lưng, rất có thể giải độc mát da.

7. Kinh trị trẻ con phiền nóng, khát nước không ngớt.

- *Củ sắn dây tươi* giã lấy nước, *Nước vòi măng tre non.* Hai thứ đều nhau mỗi lần uống một bát, tùy trẻ lớn nhỏ mà thêm bớt, bất cần giờ giấc rất hay.

- *Hạt sen già* 50 hạt, bóc bỏ vỏ tim, sao qua, *Bèo ván* 2 đồng rưỡi, *Gừng* sống 2 lát. Sắc nước uống làm 2 lần.

- *Củ sắn dây* 5 đồng, sắc uống cũng hay.

- *Đậu đen,* nấu chín, uống nước và ăn đậu.

- *Nước* 1 bát, *Gừng* sống 1 nhát. Ngâm một thời gian lâu cho ra mùi gừng thì uống là khỏi.

8. Kinh trị trẻ con ấm đầu nghẹt mũi không thông.

- *Cứt trùn* nặn thành bánh, đắp trên mỏ ác, ngày thay vài ba lần.

9. Truyền trị trẻ con cảm gió phát sốt:

- *Hạt cau rừng* 2 hạt (thứ giống quả tim gà thì tốt), *Hạt bìm bìm* (nửa sao, nửa để sống) *Cam thảo, Trần bì.* Đều nhau, tán nhỏ mỗi lần uống nửa đồng, dùng nước nóng hoặc mật pha thuốc mà uống thì khỏi.

VIII - CẢM MẠO

Trẻ con bẩm sinh yếu ớt, tạng phủ phát triển chưa hoàn toàn, da thịt chưa kín đáo, nên gặp lúc trở trời dễ cảm nhiễm, phép chữa nên phát tán làm chủ yếu.

1. Cháo hành, kinh nghiệm chữa cảm mạo phong hàn nhức đầu nghẹt mũi, sổ mũi:

- *Hành* 3 củ, giã nát, nấu cháo với gạo trắng nêm chút muối mà ăn lúc còn nóng cho ra mồ hôi thì khỏi. Ngoài dùng hành gia 3, 4 củ, giã nát xoa vào tay người khác rồi hơ lửa nóng lên mà xát vào khắp mình trẻ cho ấm, cho ra mồ hôi thì đỡ, không hại gì cả.

1b. Kinh trị trẻ cảm phong hàn.

- *Hạt củ cải tươi* 1 đồng, nghiền sống thêm nước và hành, sắc sôi hòa chút ít rượu mà uống, ra mồ hôi thì khỏi.

2. Kinh trị trẻ con cảm thời khí thương hàn:

- *Lá đào* 3 lạng, *Nước* 5 thăng. Nấu sôi 10 dạo, rót nước xoa bóp khắp người, sau lấy *Phân chuột đực* 3 hạt đốt tồn tính, hòa với nước nóng cho uống thì khỏi.

3. Kinh trị thời khí thương hàn nóng lắm:

- *Nước măng tre non, Cát căn* giã lấy nước cốt nếu không có thứ tươi thì dùng cát căn khô, sắc đặc, lấy 6 chung 2 thứ cho vào trộn với ít nước gừng thường uống sẽ khỏi.

4. Kinh trị trẻ con nóng lạnh và cảm nhiệt khí:

- *Móng chân giò heo* dùng móng chân giò sau, đốt cháy tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 vốc hòa với sữa người ngày uống 2 lần thì khỏi.

- *Đậu sị* nửa vốc, *dành dành* 7 quả, bỏ vỏ. Nước 1 bát, trước sắc dành dành sôi rồi đổ đậu sị vào sắc nữa sôi vài dạo uống ấm thì hay.

5. Kinh trị trẻ con sau lúc thương hàn bị thời khí, mất tiếng không nói được:

- *Nhục quế,* 1 miếng bằng đầu ngón tay, ngậm 1 lúc lâu, dần dần nói được là khỏi.

IX - THƯƠNG THỰC

Bệnh thương thực ở trẻ con là do ăn bú không có chừng mực, hoặc đã no mà còn cho bú thêm, hoặc vừa mới bú rồi lại cho ăn, hoặc vừa mới ăn xong lại cho bú liền, hoặc cho ăn các chất cứng rắn, các thức sống lạnh khó tiêu, hoặc đêm trẻ nằm ngủ không đắp bụng mà tỳ vị còn đang non yếu, khó tiêu hóa, nên lúc mới đầu thì thức ăn không tiêu được, rồi tích lại, lâu ngày thành bệnh cam, sau có thể biến thành nhiều bệnh khác, cho nên phải hết sức cẩn thận.

Sách *Nội kinh* nói: "*yêu trẻ thì chớ cho ăn no quá, mà nên cho ăn hơi đói một chút, mặc đừng cho ấm quá, mà cần để cho hơi rét một tí*" đó là những lời vàng ngọc.

Bệnh thương thực khi mới phát thì mình nóng, đầu nhức, mắt vàng, mi mắt hơi mọng,bụng đau, sườn căng, chân lạnh, giữa bụng nóng, ngủ li bì, chẳng chịu ăn uống, chan cơm, lợm giọng buồn nôn, hoặc nôn ọe, hoặc ợ chua, ợ hơi, hoặc ỉa phân như trứng thối, hoặc

thở ngắn hơi, bí tức, ấn lên bụng thì đau hoặc vùng thượng vị, đó là những triệu chứng thực tích.

1. Kinh trị trẻ con nôn mửa, sốt cao, ít ăn.

- *Bột sắn dây* 2 đồng cân nước 2 chung nấu cách thủy, quấy thành cháo cho ăn.

2. Kinh trị trẻ em hoặc loạn thổ tả.

- *Nước dái trâu,* hứng lấy một chén nhỏ, cho vào một chút muối, quấy đều cho uống thì yên.

- *Đất tổ tò vò* một miếng hòa với sữa cho uống, rất hay.

3. Kinh trị trẻ nhỏ nôn ọe.

- *Gạc hươu, Đậu đen* bằng nhau tán nhỏ, hòa với sữa, bôi vào đầu núm vú cho tre bú, khỏi ngay.

X - THỔ TẢ

Trẻ con bị thổ tả là vì tạng phủ còn non, tà khí dễ xâm nhập, lại vì bú mớm không giờ giấc mà sinh ra. Dại để bệnh ở vị thì thổ, ở tỳ thì tả. Các chứng hậu có nhiệt, có hàn, có thực tích khác nhau; hàn tả là tỳ vị hư hàn ăn, uống không tiêu, đi đái trong mà ỉa ra phân xanh hoặc như hèm rượu, hoặc thổ hoặc tả. Tay chân quyết lạnh, hoặc kiêm ngoại cảm phong hàn, nội thương ẩm thực trong người lúc nóng lúc mát: *nhiệt tả* là tỳ vị có thấp, đại tiện vàng mà tiểu tiện đỏ, miệng khô khát nước, tay chân ấm áp, hoặc thổ hoặc tả kiêm chứng trúng thử. *Thực tích* là do ăn uống không điều độ, ăn đồ sống lạnh quá nhiều, đình trệ ở tỳ vị, bụng chướng lên thấy nóng, ợ hơi nuốt chua, đi ngoài hôi như mùi trứng thối. Phép chữa nên xét chứng chọn phương mới mong không bị nhầm lẫn.

1. Kinh trị trẻ con ỉa chảy không ngớt, bất cứ hàn nhiệt đều chữa được:

- *Hoài sơn* sao, tán nhỏ, không kể nhiều ít, cho vào cháo quấy đều mà ăn, khỏi ngay.

- *Vỏ quả lựu* nướng khô. Sắc uống lúc đói bụng thì yên ngay.

2. Truyền trị trẻ con bị thổ tả

- *Hạt cau khô* 1 hạt, thái nhỏ, sao khô, tán bột, uống với nước cơm thì khỏi.

- *Hoắc hương* 1 đồng, *Gừng sống* 1 đồng, *tinh tre* 1 đồng, *Cam thảo* nửa đồng. sắc uống ấm, rất hay.

- *Gạc hươu*. dẻo vụn lấy 1 đồng. *Tóc rối* đốt thành than, nửa đồng. Cùng tán bột, hòa với nước cơm mà uống, mỗi ngày ba lần, rất hay.

3. Kinh trị trẻ con, mùa hè cảm nắng hoắc loạn thổ tả trướng bụng.

- *Hạt củ cải* nghiền nhỏ, *Sừng tê ngưu, Trầm hương, Hạt cau khô* mài với nước cho uống, đỡ ngay.

4. Kinh trị trẻ con tả lỵ.

Tỏi giã nát, đem đắp vào hai lòng bàn chân và rốn thì khỏi.

5. Kinh trị trẻ con bị chứng nhiệt tả.

- *Hoàng bá* cạo vỏ sấy khô, tán bột, viên với cháo, viên bằng hạt đậu xanh mỗi lần uống 10 viên với nước cơm lúc đói.

Dùng *Lòng trắng trứng gà,* phết vào *hoàng bá* mà nướng, tán bột uống với nước cơm cũng hay.

XI - KIẾT LỴ

Trẻ con kiết lỵ là do nội thương ẩm thực, như khi no quá khi đói quá dư độc tích lại, ngoài cảm phong hàn thử thấp, là cho tạng phủ bất hòa, tỳ vị bị thương tổn mà phát sinh Phát bệnh, có nhiều chứng khác nhau: Lỵ nhiệt thì đi lỵ ra sắc đỏ; lỵ hàn thì đi ra sắc trắng, lỵ phong thì đi ra sắc xanh, lỵ thấp thì đi ra như nước đậu, cả nhiệt và hàn thì trắng đỏ lẫn lộn, nếu mót rặn mà không ỉa được lại quặn đau là trong có phục hỏa, phải nên xét kỹ.

1. Kinh trị chứng kiết lỵ và cam tả lâu ngày không khỏi.

- *Sáp ong* 1 cục bằng quả táo, cho vào nồi đồng nấu chảy ra. *Trứng gà* một quả lấy lòng đỏ đổ vào. Lại thêm tỉ muối, nấu chín mà ăn lúc đói thì khỏi.

- *Rễ tầm xuân* tươi rửa sạch thái nhỏ. Sắc đặc uống dần dần, khỏi thì thôi.

- *Cóc* 1 con bỏ hết ruột gan, đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước cơm.

- *Chẩu chàng* 1 con. Cách làm như trên.

- *Lá non cây ích mẫu*. Nấu cháo với gạo mà ăn và nấu nước uống thay nước trà.

2. Truyền trị trẻ con di lỵ lâu ngày không khỏi.

Rễ cây ý dĩ. Sắc lấy nước mà uống lúc đói.

- *Xương đầu chó* đốt tán nhỏ, uống với nước nóng, hoặc một đồng hoặc nửa đồng tùy trẻ lớn nhỏ.

3. Kinh trị trẻ con ngày đêm đi tả lỵ không biết mấy lần.

- *Vỏ cây sắn thuyền* phơi khô tán bột, uống với nước cơm, mỗi lần nửa đồng.

- *Lõi sừng dê rừng*, đốt cháy tán nhỏ, uống 1 đồng với nước nóng rất hay.

- *Lá trắc bá*, sao, sắc uống thay nước trà.

- *Cá chép* 1 con, đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước cơm.

- *Hạt mã đề, Hoa dâm bụt đỏ*. Sắc uống khi đói.

- *Mã đề* cả cây và lá, giã lấy nước cốt, hòa với ít mật mà uống.

4. Kinh trị trẻ con bị chứng lỵ cấm khẩu nấc cụt, không ăn được.

- *Hột sen* bỏ tim tán nhỏ. Mỗi lần uống 1 đ/c với nước cơm. Hoặc thêm *Hoài sơn* hai vị bằng nhau tán nhỏ mà uống càng hay.

5. Kinh trị trẻ con di lỵ khát nước.

- *Bí đao* giã lấy nước cốt mà uống.

6. Kinh trị trẻ con sau khi đi lị lòi dom.

- *Hoa hòe* lâu năm, tán bột mỗi lần uống nửa đồng cân. Người lớn uống 1 đồng với *tràn mễ*.

7. Truyền trị trẻ con bị chứng xích bạch lỵ đau bụng mót rặn.

- *Hạt mè* xát cho trắng, sao thơm tán bột, mỗi lần uống 1 đồng, sắc nước cho vào một chén mật ong mà uống.

- *Mai mực* nghiền thành bột, mỗi lần uống một đồng với nước cơm.

- *Rau dừa nước* 1 đồng, *Tía tô* 1 đồng, *Lá ngải cứu* 7 đọt, *Gừng* 3 lát, *Xương bồ* 3 lát (kiêng sắt). Cùng giã nát xào chín đem buộc vào rốn mỗi ngày thay ba lần.

- *Tổ ong* đốt tán nhỏ, mỗi lần uống nửa đồng với nước cơm vào lúc đói.

- *Bọ hung* bỏ chân cánh, đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần uống nửa đồng với rượu vào lúc đói.

- *Ngó sen, Gừng sống.* Đều nhau, sao cháy đem tán nhỏ, nước phân nửa sắc uống.

- *Cây mã đề* cả lá rễ, *Rễ ý dĩ* mỗi thứ 1 nắm, sắc uống vào lúc đói.

8. Kinh trị bệnh lỵ về mùa thu:

Qủa hồn khô tán nhỏ, nấu cháo rồi hòa bột hồng vào, đun lại cho sôi vài dạo, cho trẻ ăn. Nếu con còn bú thì cho người mẹ ăn để con bú.

9. Kinh trị bệnh lỵ về mùa đông không ăn được:

- *Chỉ thực* sao qua tán bột, cho uống mỗi lần 1 đ/c vào lúc đói.

10. Kinh trị trẻ em đi lỵ ra máu không ngớt.

- *Rau sam* giã vắt lấy nước cốt 1 chén, cùng hòa với nước cơm, rồi cho uống vào lúc đói.

- *Rau sam* giã nát, vắt lấy nước cốt, đun sôi rồi chế vào một chút mật cho uống vào lúc đói.

- *Kim ngân hoa* 3 phần, *cỏ seo gà* 6 phần, *Tê giác* 3 phần tán nhỏ, nước 2 bát, giã nhỏ vắt lấy nước cốt, cho uống làm 3 lần.

- *Lá chàm* tươi, giã nhỏ vắt lấy nước cốt, cho uống 4 lần/ngày.

- *Dây mướp đắng* giã nát, vắt lấy nước cốt, hòa vào nửa phần *Mật* cho uống sẽ khỏi liền.

11. Kinh trị đi lỵ ra máu tươi và lỵ không ăn uống được.

- Ốc bươu giã nát đắp lên rốn thì khỏi.

- *Lá đơn tía* sao qua sắc đậm uống rất hay.

12. Truyền trị trẻ con, người lớn đi lỵ ỉa ra phân đủ các màu lộn xộn uống đủ thứ thuốc mà không hết.

- *Bột gạo tẻ* 1 nắm, *Chuối* 1 quả bỏ vỏ, *Lá mơ lông* tươi róc bỏ gân, nửa nắm. Đều giã nát, nặn thành miếng mỏng, dùng lá chuối lót cả trên dưới để vào cái xanh sấy lửa than, lật lên trở xuống cho chín vàng là được. Tùy người lớn nhỏ mà ăn, lấy hoa mã đề sao qua, sắc nước làm thang mà uống rất hay.

XII - SỐT RÉT

Bệnh sốt rét là ngoại cảm phong hàn nội thương ẩm thực mà sinh ra. Chứng mỗi ngày một cơn là nhẹ, cách một ngày một cơn là nặng, cách hai ngày một cơn là khí huyết đều suy kém.

Bệnh thuộc dương chứng thì lên cơn ban ngày, nóng nhiều, thuộc âm chứng thì lên cơn ban đêm mà rét nhiều, nhưng trẻ con sốt rét phần nhiều do ăn uống không tiêu mà sinh bệnh. Phép chữa nên tiêu thực tích, giúp vị khi đó là chỗ bí yếu.

1. Kinh trị trẻ con sốt rét.

- *Gạc hươu* đẽo vụn ra tán nhỏ, lấy ba phân hòa với sữa cho uống trước khi lên cơn hay lắm.

2. Kinh trị trẻ con sốt rét cơn, nóng dữ mà không rét.

Hoàng đơn 2 đồng, hòa với nửa nước nửa mật cho uống rất hay.

- *Mẫu lệ* tán nhỏ mỗi lần uống một đồng với nước cơm.

3. Kinh trị mọi chứng sốt rét của trẻ con, bất cứ lâu ngày hay mới phát:

Cây thanh hao (lấy vào ngày 5 tháng 5 âm lịch) phơi khô, mỗi lần dùng hai lạng, *Quế chi* bỏ vỏ thô 5 đồng. Cùng tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng vào lúc chưa lên cơn sốt, uống với rượu lạt. Mùa hè thêm hai lạng Hương nhu.

XIII - SUYỄN

Trẻ con bị suyễn đều do nhiệt, nhiệt sinh hỏa, hỏa sinh phong, mà đàm làm mầm mống của hỏa. Hỏa biến hóa không nhất định một thể và xuất nhập không nhất định một hình lúc tĩnh thì núp ở tùy thổ, lúc động thì phát ra ở phế kim, cho nên trẻ con suyễn tức là tâm hỏa khắc phế kim hoặc hàn tà đọng lại ở phế, hàng hóa nhiệt mà sinh khí xông lên ho tức, phế trướng khò khè. Phép chữa nên tráng thủy giáng hỏa, thanh phế, hóa đàm làm đường lối chính.

1. Kinh trị trẻ con đàm tắc trong họng lên cơn hen.

- *Ba đậu* 1 quả (bỏ vỏ) tán bột, lấy lụa bọc lại, nhét vào lỗ mũi, (nam tả nữ hữu), đàm sẽ hạ ngay rất hay.

2. Kinh trị trẻ con đàm nhiệt, ho hen, kinh sợ, hồi hộp.

- *Bán hạ, Nam tinh*. Hai vị đều nhau tán nhỏ, hòa với nước mật bò rồi dồn vào túi mật, treo chỗ có gió đông, chờ khô, dùng bánh chưng luyện viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 4, 5 viên nấu nước gừng làm thang.

3. Truyền trị trẻ con nhiều đàm dái.

- *Mật cá trắm* một cái, *Khô phàn* (phèn phi) nửa phần, *Đại hoàng* một ít. Sắc lá xương sông cho đặc rồi lấy nước mài với ba vị trên mà cho uống, lại lấy lông gà ngoáy vào cổ họng thì khỏi.

4. Truyền trị trẻ con thở gấp.

- *Cây vú bò* lấy mủ trắng, *Mật ong* hai vị đều nhau, nấu thành cao, dùng *đào nhân*, bỏ vỏ và đầu nhọn giã nhỏ, cho vào thuốc cao làm viên bằng hạt nhân, mỗi lần uống một viên, ngậm cho tan dần rất hay.

- *Mai ba ba* đốt tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng, dùng *Lá nhót* một nắm vò với nước đặc bỏ bã cho uống, bất kể giờ giấc, hết bệnh thì thôi.

XIV - HO

Trẻ con ho là phế bị hỏa tà mà sinh ra, vì phế là cơ quan hô hấp giống như cái dù che ngũ tạng, chất rất trong, vị trí rất cao. Cho nên ngoài là phong tà dễ xâm cảm, trong thì thấp nhiệt dễ nấu nung mà sinh ra chứng này. Nhưng đàm vì phổi bị hỏa đốt mà không trong, thấu là có đàm mà không tiếng vì tỳ bị thấp động mà sinh đàm; khái thấu là có cả tiếng và có đàm phế khí bị thương và tỳ động thấp như ngoại cảm phong hàn thì nghẹt mũi, nặng tiếng hàn khí đình trệ, bị nước đọng thì hồi hộp, đàm ẩm thì ho có tiếng đàm khạc ra được thì hết ho; hỏa mạnh quá thì cứ ho mãi, mặt đỏ, đàm kết; phế trướng thì thở dốc, hơi nghẹt, thở nặng, phong đàm ứ đầy thì ho mãi không ngớt, mửa ra được đàm sữa thì mới yên.

Lại có chứng hư, chứng thực khác nhau, có xem khác ra đàm mà vàng hay trắng, lỏng hay đặc thì biết, lại cũng nên căn cứ 4 mùa mà phân chứng, mùa xuân thì thổ khí thịnh, mùa hè thì hỏa nhiệt, mùa thu thì thấp nhiệt chuyển vận ở trong, mùa đông thì phong hàn ở

ngoài nhập vào. Lại cũng nên theo từng buổi trong một ngày mà phân chứng, ho lúc sáng sớm là đờm hỏa, xế chiều là âm hư, nên tùy chứng mà dùng thuốc, nếu đàm không trừ được lâu ngày thì sinh chứng hồi hộp.

Về phép chữa thì phong hàn phải sơ tán, phiền nhiệt phải thanh lợi, thấp nên trừ, thủy nên tả, đàm thì long, hỏa thì giáng, phế trướng nên dưỡng huyết sơ can, không đàm nghẹt tắc thì trừ đàm mà dưỡng vị.

- Đại thể phế ở trên vị, nên thuận giúp phế khí, tư nhuận phế kinh điều hòa tam tiêu, ôn trang tráng khí thì ho sẽ bớt, vì bị điều hòa thì đàm không sinh, phế nhuận thì ho sẽ khỏi, thầy thuốc nên xét rõ.

1. Kinh trị trẻ con ho dữ dội.

Cao bách bộ; *Củ bách bộ* bỏ vỏ và lõi, giã vắt lấy nước cốt hòa với mật nửa phần, nấu thành cao mà ngậm nước nuốt dần.

2. Kinh trị trẻ con ho thở gấp.

- *Gừng sống* 4 lạng nấu nước chờ tắm là khỏi.

- *Tổ ong* rửa sạch đốt tán nhỏ, mỗi lần uống nửa đồng với nước cơm hoặc sữa.

- *Xác ve sầu* bỏ mõm, cánh, *Củ nghệ*. Hai vị đều nhau, tán nhỏ làm viên, uống với sữa, hoặc sắc nước thì khỏi.

- *Đào nhân* bỏ vỏ và đầu nhỏ, giã nát hòa với nước cháo, mỗi lần uống năm đồng. Hoặc cho vào gạo nấu cháo ăn cũng tốt.

- *Gừng sống* thái nhỏ, trộn với mật ong, ngào như mứt mà ăn.

- *Hột tía tô* 4, 5 đồng tán nhỏ, hòa với nước, lọc bỏ bã mà uống với nước cháo.

- Uống *Cao thiên môn* mỗi lần một đồng pha với nước nóng mà uống (xem môn Bổ ích quyển VII mục 4 trang 257).

3. Kinh trị trẻ con ho, khạc ra máu đặc hoặc mủ lẫn máu.

- *Vỏ rễ dâu* 1 nắm (kỵ sắt), ngâm nước vo gạo 3 ngày đêm, xát sạch vỏ đỏ và bỏ lõi, chỉ lấy lớp trắng 2 lạng, *Gạo nếp* 5 đồng. Sao lẫn nhau cho vàng tán bột mỗi lần uống một đồng với nước cơm.

- *Rễ cỏ tranh, Vỏ rễ dâu, Hột dành dành,* đều sao cháy. Các vị bằng nhau, sắc nước uống, bất kể giờ giấc.

- *Lá sen* sao khô, *Hoa hòe* sao qua. Hai vị đều nhau tán bột, mỗi lần uống một đồng, hòa vào nước tiểu trẻ con mà uống.

- *Phổi heo* nấu chín xắt nhỏ, dùng Ý dĩ sao tán bột, chấm mà ăn.

- *Mứt hồng* hấp trên nồi cơm cho chín, tách ra mỗi quả dồn vào 1 đồng cân bột *thanh đại,* ăn khi đi ngủ. Đồng thời sắc bạc hà làm thang mà uống.

4. Kinh trị ho hen khò khè, rược đờm.

Củ gai đốt tồn tính tán nhỏ, dùng 3,5 đồng với đậu hũ sống. Nếu không đỡ thì ăn với hai ba miếng thịt heo béo thì khỏi.

XV - TRƯỚNG BỤNG

Trướng bụng là bụng trướng căng như da trống, vì tỳ vị trái thường, khí vốn hư lại cho là thực mà công hạ, phải phân biệt hư thực, khí huyết tích trùng, tích thực mà chữa.

1. Kinh trị trẻ em thực tích, trướng bụng.

- *Bán hạ* nấu với gừng rồi sao, tán nhỏ hòa với rượu, viên bằng hạt thóc mỗi lần uống hai viên với nước gừng, chưa khỏi thì uống thêm, hoặc lấy bán hạ lùi chín tán nhỏ, uống với nước gừng cũng hay.

- *Hẹ* 1 nắm, giã lấy nước cốt một chén, hòa với 1 chén mỡ heo cho uống để thổ ra nước độc, rồi cho ăn cháo ngay thì khỏi hẳn.

- *Tỏi* một đêm lùi chín bỏ vỏ, lấy lụa gói lại nhét vào lỗ đít, nguội thì lùi lại cho nóng, làm cho hơi tỏi thấu vào đại trường thì khỏi.

2. Kinh trị trẻ con trướng bụng.

- *Lấy móng tay của cha mẹ* nó đốt cháy, tán nhỏ bôi vào vú mẹ cho trẻ bú rất hay.

- *Bột gạo trắng và muối trắng* đều bằng nhau, sao vàng, lấy vải bọc lại, thừa lúc nóng đem chườm trên bụng, thoa đi thoa lại là khỏi.

3. Kinh trị trẻ con có hòn cục trong bụng.

Chuột cống dực làm thịt nấu cháo thường ăn thì khỏi.

XVI - CHẠM VÍA

Chứng chạm vía trẻ con mới sinh bị người khác lạ ở nơi khác đến thình lình hoặc người nhà cưỡi ngựa đẫm mồ hôi hoặc áo quần dơ bẩn, hoặc vật quái lạ mang đến mà sinh ra.

Phát bệnh thì mình hơi ấm, kêu khóc không ngớt, trằn trọc chẳng yên, thì trước hết lấy *vỏ cây mận* với *lá trầu không*, nhai cho ra nước mà xát khắp mình, nếu quả là bệnh ấy thì mọc lông xoắn mà khỏi.

Kinh trị trẻ con chạm vía sợ khóc.

- *Đất lòng bếp* 2 lạng rưỡi tán nhỏ, *Trứng gà* một quả, bỏ vỏ trộn đều. Trước nấu nước *Cành dào, Cành liễu* rửa qua, rồi dùng thuốc ấy bôi ở vùng ngực và lòng bàn tay bàn chân thì khỏi.

- *Thạch xương bồ* giã vắt lấy nước cốt mà cho uống thì khỏi ngay.

- *Rễ dâu* hướng đông cạo lấy lớp vỏ trắng, giã vắt lấy nước cốt, cho uống rất hay.

- *Y ngư* (con mọt sách hai đuôi) 10 con, nghiền nát bôi lên vú người mẹ, trẻ bú khỏi có là lành. Cũng có thể dùng hai con y ngư bôi vào bàn tay người mẹ đem ấp vào rốn, cho mứa thì khỏi.

(... lược...)

- *Nước dái trâu* lấy một chén nhỏ đổ cho uống khỏi liền. Hoặc dùng bôi vào nuốm vú người mẹ cho bú cũng hay.

- *Xạ hương* chút ít, hòa với sữa, bôi vào miệng nó cũng hay.

- Nhổ 10 sợi tóc ở xoáy thượng của người khách đã làm cho nó chạm vía và cắt lấy dải áo của trẻ, cùng đốt tán nhỏ, hòa với sữa, nhỏ vào miệng trẻ.

- *Bạch cương tàm* 7 con, bỏ mõm, chân, sao vàng nghiền nhỏ, uống với sữa yên ngay.

XVII - THAI NHIỆT

(Từ mục này trở xuống là những chứng sơ sinh)

Trẻ con thai nhiệt là lúc mới sinh, mình nóng, mặt đỏ, mắt nhắm, hơi trong miệng nóng, khóc khan, khát nước, hoặc đại tiểu tiện không thông, là vì lúc mẹ có thai ăn nhiều đồ

nhiệt độc mà sinh ra, phép chữa nên cho người mẹ uống thuốc rồi cho con bú, dần dần sẽ kết quả, không nên sốt ruột cho uống thuốc mát, đến nỗi ọe mửa mà sinh bệnh nặng, nên giữ gìn cẩn thận.

Kinh trị trẻ con thai nhiệt.

Đậu đen 2 đồng, *Tim bấc* 1 đồng, *Cam thảo* 7 tấc, *Đạm trúc diệp* 1 lá. Sắc người mẹ uống rồi cho con bú thì khỏi.

XVIII - THAI HOÀNG

Thai hoàng hoàng là trẻ con sinh ra khắp mình đều vàng như vàng thật, mình nóng dữ, đại tiện không thông, tiểu tiện nước vàng, không chịu bú, khóc không ngớt, do khi mẹ có thai bị nhiệt mà truyền cho con.

Kinh trị trẻ con phát vàng da thịt, mặt, mắt đều vàng.

Thiên hoa phấn giã sống lấy nước cốt 2 chung, cho vào 2 muỗng mật, hòa đều, uống ngày 2 lần, hay lắm. Không có thiên hoa phấn tươi thì dùng thứ khô sắc uống.

XIX - TẮC RUỘT

Tắc ruột là do nhiệt độc ứ đầy trong bụng, kết chặt ở lỗ đít, đại tiểu tiện bế, bụng trướng muốn chết.

Một phép chữa đá kinh nghiệm

Lấy nước nóng cho người đàn bà ngậm vào miệng mà mút hơ vào trước và sau vùng tim, dưới rốn và hai lòng bàn tay, bàn chân cộng là 7 chỗ, mút cho đến khi đỏ ửng lên là thông được. Nếu không thế thì không sống được.

XX - THAI KINH

Chứng thai kinh với chứng mạn tỳ gần giống nhau, nên khó phân biệt. Nhưng thai kinh khi phát bệnh thì trong mình nóng lắm, mắt trợn ngược, tay nắm, miệng ngậm, răng cắn chặt, xương sống cứng đờ, sùi bọt miếng, ọ mửa, tay chân co giật, khóc sợ, mặt nhăn nhó, mỏ ác hở, hoặc má đỏ hoặc mặt xanh mắt nhắm là đúng chứng.

Nguyên nhân là khi người mẹ có thai, điều dưỡng trái phép, tức giận kinh hoàng, mẹ bị xúc động, thai bị ảnh hưởng, hoặc do phong tà bên ngoài cảm vào mà động đến thai, mà sinh bệnh... Chứng này nên xem khí sắc ở chỗ giữa hai lông mày. Nếu đỏ ửng xanh tươi thì có thể trị được, nếu sắc tối, xanh, đen, là bất trị. Ở hồ khẩu chỉ tay ngoảnh vào thì chữa được, mà ngoảnh ra thì không chữa được.

Phép chữa nên (giải tán phong tà, trần kinh, hóa đàm, thuận khí làm chủ yếu, không thể chữa theo chứng mạn ty mà dùng thuốc ôn, phải cẩn thận, cẩn thận.

Phương kinh nghiệm chữa thai kinh

Bọ cạp 1 con, lấy lá *bạc hà* gói lại nướng khô, cho vào chút ít *chu sa* và *xạ hương* rồi tán chung, mỗi lần uống 1 phân, dùng *mạch môn đông* bỏ lõi sắc làm thang mà uống thì khỏi.

XXI - KHÔNG BÚ

Không bú là trẻ con sinh ra mà không chịu ngậm vú để bú. Lúc mới đẻ phải kịp lấy ngón tay bọc lụa móc cục máu độc trong miệng cho sạch, đừng để nó nuốt xuống thì không sinh bệnh này. Nếu không kịp móc trẻ con nuốt xuống thì sinh ra đầy bụng thở ngăn, không thể bú.

Hoặc là người mẹ bị bệnh nặng, thai bị hàn lãnh, nên sinh con ra có bệnh.

Truyền trị trẻ con không bú được.

- *Mỡ heo* mùa đông, *mật ong* mỗi thứ một bát, *Cam thảo* tán nhỏ 2 đồng cùng nấu chín, mỗi lúc ngậm một tí, từ từ nuốt xuống rất hay.

- *Cứt chim sẻ* 4 hòn tán nhỏ, hòa với chút nước, nhỏ vào miệng cho nó nuốt xuống thì bú được ngay.

- *Nhền nhện* 2 con, bỏ mõm, chân, sao cháy tán nhỏ hòa với chút mỡ heo hoặc sữa heo xát trong miệng rất hay.

- *Củ cỏ cú, kinh giới, tầm vôi, Mạn kinh tử, Bạc hà, Tế tân, Hành.* Mỗi vị đều nhau cùng tán nhỏ, hòa với *Nước tiểu trẻ em* sền sệt như bùn đen, dán lên trán, hay tuyệt.

- *Nước dái trâu* bôi quanh miệng và trên trán cũng rất hay.

XXII - PHONG CHÚM MIỆNG

(Toát khẩu)

Phong chúm miệng là trẻ con lưỡi cứng môi xanh, chúm miệng thở gấp, khóc không ra tiếng. Vì thai khi quá nóng, phong ta nhập vào rốn, truyền độc đến tâm tỳ mà sinh ra chứng này.

Kinh nghiệm chữa phong chúm miệng

Phải xem trên lưỡi và trong môi trẻ, nếu thấy có những mụn nhỏ như hạt gạo, kịp lấy lụa hoặc vải quấn đầu ngón tay trỏ, chấm nước nóng, khẽ xát cho vỡ đi, há miệng được thì yên.

Các phương kinh trị trẻ con phong chúm miệng thành câm.

- *Xác rắn* đốt cháy tán nhỏ, trước lấy nước nóng rửa miệng cho sạch, rồi xát vào thì há miệng được ngay, sau lấy sữa người hòa với thuốc này thường nhỏ vào trong miệng trẻ thì khỏi.

- *Lá ngải cứu* đốt cháy nhét vào rốn, lấy vải buộc kĩ là khỏi. Hoặc lấy *tỏi* một cắt lát đặt lên rốn rồi lấy ngải cứu mà cứu, khi hơi ngải cứu lên đến miệng thì khỏi.

- *Giá đậu đen* giã vắt lấy nước hòa với sữa, nhỏ vào miệng rất hay.

- *Sâu trong tổ chim sẻ* một con, nghiền lấy nước cốt, hòa với sữa đổ cho uống rất hay.

- *Bạch cương tàm* 2 con, bỏ đầu sao qua, tán nhỏ hòa với mật ong xát trong miệng, hoặc dùng ngài tằm bỏ chân cánh, sao qua mà làm như trên rất hay.

- *Con hai đuôi* (con mọt trong sách, cũng gọi là mọt sách) mỗi lần dùng 2 con, nghiền nhỏ bôi trên nuốm vú cho trẻ bú rất hay.

- *Thử phụ* tức con *dán đất* giã nhỏ, chế vào ít nước, vắt lấy nước cốt được một vỏ hến, đổ cho uống rất hay.

- Ốc sên 5 con, giã nát bôi vào miệng trẻ hoặc thêm hạt *Chì là* giã nhỏ nửa phần, nghiền đều bôi vào rất hay.

XXIII - UỐN VÁN RỐN

(Tê phong - phong đòn gánh)

Uốn ván đường rốn phần nhiều do lúc cắt rốn phong thấp nhiễm vào: cũng có do trong thai vốn có nhiệt độc, lúc sinh ra cuống rốn cứng đờ mà sinh bệnh. bệnh phát thì từ rốn nổi lên một lằn gân xanh chạy lên dạ dày rồi chia làm hai đường, hễ chạy đến tim là chết. Khi thấy gân xanh mới nổi kịp dùng tim bấc tẩm dầu mè, đốt đầu gân xanh và đầu chót các đường rẽ chặn đường chạy vào tim.

1. Kinh trị trẻ con uốn ván.

- *Hành sống* cả củ và lá, giã nát vắt lấy nước cốt, dùng *Bạch cương tàm* 2 con nghiền nhỏ, hòa vào đem bôi trên nuốm vú bà mẹ rồi cho trẻ bú, hoặc đổ cho trẻ uống thì khỏi.

- *Tỏi* thái lát mỏng đặt trên rốn để ngải cứu mà cứu, cứu đến trên miệng thấy có mùi tỏi là khỏi.

2. Kinh trị trẻ con rốn ướt hoặc sưng đỏ, hoặc chảy nước, nếu không sớm chữa sẽ thành lở rốn:

- *Đương quy* tán nhỏ trộn với một tí *Xạ hương* mà bôi thì khỏi.

3. Kinh trị trẻ con sưng rốn

- *Kinh giới* nấu lấy nước mà rửa rồi lấy *củ hành* nướng nóng thái mỏng đắp lên rốn là khỏi.

- *Quế tâm* nướng nóng lên đem chườm vào rốn ngày làm bốn năm lần thì khỏi.

XXIV - PHONG CẤM KHẨU

(Cấm phong)

Phong cấm khẩu là mắt nhắm, miệng câm tiếng khóc e...e... trên lưỡi đùn thịt như hạt gạo, bú không được, miệng sùi bọt trắng, đại tiểu tiện đều thông. Chứng này thường thấy từ lúc đầy tháng đến 120 ngày gọi là cấm phong. Phàm các chứng tê phong, toát khẩu và cấm phong... chứng tuy khác nhau mà chung nguồn gốc, chữa bệnh nên theo sau đây:

1. Phép trị kinh nghiệm:

Cần xem trên lưỡi và trên môi trẻ có mụn nhỏ, kíp lấy ngón tay khẽ cạo cho vỡ mụn đi rồi sau sẽ dùng thuốc.

2. Kinh trị trẻ con cấm khẩu mình nóng:

- *Nước măng tre* 3 chung, cho thêm ít *Nước cốt gừng*, chia làm ba bốn lần uống nóng thì khỏi.

- *Chất trắng trong cứt gà*, lấy một cục lớn bằng ngón tay, gói vào miếng lụa nấu với một chung nước, chia làm hai lần uống, hoặc đem nghiền nhỏ, hòa với rượu mà uống cũng hay.

- *Phân chim sẻ* tán nhỏ, viên với nước bằng hạt mè, uống hai viên với nước nóng thì khỏi.

- *Nước dãi trâu* dắt trâu đi về phía đông dùng đồ hứng chút ít nước dãi đổ cho trẻ uống rất hay.

3. Truyền trị trẻ con cấm khẩu không bú được.

- *Nhện* 2 con, bỏ chân, sao cháy, nghiền nhỏ, dùng sữa heo một chén nhỏ, hòa đều, cho uống dần dần rất hay.

XXV - KHÔNG ĐÁI

Trẻ sơ sinh không đái được, là vì lúc trong thai, người mẹ hay ăn đồ chiên xào, cay nóng, nhiệt khí nhập vào trong thai, thai bị tiêm nhiễm lấy, cho nên khi sinh ra bụng dạ trướng phình, thận sưng không đi đái. Như thấy chung quanh rốn có sắc xanh đen và phong chúm miệng (toát khẩu) thì không thể chữa được. Hoặc nhiệt khí bức ở bong bóng làm cho đi đái không nín (rốn) được, hay đái sớn. Nên chọn các phương như sau:

1. Kinh trị chứng không đi đái:

- *Hành trắng* xắt 4 bát, sữa 1 chén nhỏ. Cùng sắc sôi cho uống 4 lần thì thông. Như không bú uống vào thì bú ngay.

- Muối rắc lên rốn, lấy lá Ngải cứu hơ nóng, đặt lên trên muối, cứu 4 - 5 mồi thì khỏi.

2. Kinh trị trẻ con khi ngủ đái dầm không biết:

- *Cỏ trong tổ chim én,* đốt cháy đem tán nhỏ; hòa với nước cho uống lúc đói rất hay.

- *Giấy bản* 1 tờ, trải dưới chiếu ngay chỗ trẻ hay đái dầm, chờ nó đái rồi thì lấy giấy đó phơi khô, đốt cháy cho vào trong chén nước và rượu, khuấy đều, cho uống vào lúc đói thì khỏi.

- *Rễ tầm xuân,* rửa sạch, thái nhỏ, một lần dùng 5 đồng cân, sắc nước cho tí rượu vào mà uống về đêm thì khỏi.

XXVI - KHÓC ĐÊM

Trẻ con khóc đêm là do tà nhiệt nhập vào mà sinh ra

1. Phương kinh trị trẻ em khóc đêm.

- *Hoa đèn* 2 hoa, hòa tan với sữa, bôi vào miệng trẻ hay bôi vào nuốm vú cho trẻ bú.

- *Trúc đùi gà* 1 cây, chặt lấy ba thước để chỗ trẻ ngủ, đừng cho ai biết thì khỏi.

- *Xác ve sầu* 7 con, dùng nửa phần dưới, tán nhỏ, lấy bạc hà, sắc sôi, cho vào chút rượu mà uống thì khỏi.

- *Thanh đại,* tùy trẻ lớn nhỏ mà dùng, độ 1, 2 hay nửa đồng cân, nghiền với nước mà uống là khỏi.

- *Hạt bìm bìm đen* 1 đồng, tán nhỏ, hòa với nước, bôi ở rốn cũng hay.

- *Mật rắn hổ đất,* dùng mỗi lần 1 cái, tán nhỏ. Hòa với nước *trúc lịch* (măng vòi hơ lửa vặn lấy nước) đổ vào miệng.

- *Cỏ ở bờ giếng,* hoặc rơm *cỏ lót ổ gà đẻ,* hoặc 2 - 3 cái lông ở cánh gà trống, đặt xuống dưới chiếu nằm, (không cho người mẹ biết), trẻ sẽ hết khóc.

2. Kinh trị trẻ con khóc một cách hoảng sợ như bị gai đâm.

- *Da nhím* 3 tấc, đốt cháy tán nhỏ, bôi vào nuốm vú rồi cho trẻ bú là khỏi.

- *Tóc rối,* đốt cháy, tán nhỏ, hòa với sữa đổ cho uống là khỏi.

- *Gương soi* đem treo ở phía chân giường của trẻ nằm thì nó nín ngay.

XXVII - TRÚNG KHÍ ĐỘC

Trẻ con trúng khí độc tức là cảm phải tà khí, bị trúng độc, bụng dạ đau nhói, cuồng hoảng, muốn chết, nặng lắm thì chết ngất, đây là chứng nguy kịch cần chọn phương mà trị ngay.

1. Kinh trị trẻ con bỗng nhiên chết ngất:

Hành trắng, giã nát nhét vào lỗ đít và hai lỗ mũi, làm cho thông hơi hoặc chảy nước mũi thì sống.

2. Kinh trị trẻ con chết giả: (Bỗng mê man như chết) Chớ có dọi lửa chiếu đèn vào, chờ để cho nhiều người lay động trẻ. Dắt một con trâu cho đứng đầu giường, thì trẻ tỉnh ngay.

- Giội nước tiểu vào mặt nó vài lần thì nó sống lại ngay, đây là phép chữa của ông Biển Thước.

- *Bồ kết* tán nhỏ, mỗi lần dùng bằng hạt đậu, thổi vào hai lỗ mũi cho nhảy mũi thì khí thông ngay. Lại lấy ống trúc nhờ người gắng sức thổi vào lỗ đít, khí thông thì sống.

- *Muối* 1 vốc, Nước 2 bát sắc còn nửa bát đổ vào miệng trẻ, mửa được là khỏi.

- Lấy 7 cái *ngòi bút nho*, đốt cháy, tán nhỏ, hòa với nước mà đổ cho uống thì sống.

XXVIII - THIÊN ĐIẾU

Thiên điếu là chứng trẻ con nóng dữ, sợ hãi, co giật, móng tay xanh, trợn ngược.

1. Kinh trị trẻ con mắt ngược, dờm tắc, nóng hầm.

Xác ve sầu bỏ mõm cánh và chân, rửa sạch, nấu chung với nước mốc cơm nếp dùng làm tương phơi khô, tán bột, mỗi lần dùng ba phân, hòa vào nước cho uống là tỉnh.

2. Kinh trị trẻ con thiến điếu.

- *Rễ dâu mọc hướng đông*, cạo lấy vỏ trắng, giã lấy nước, đổ cho uống thì khỏi.

- *Mọt sách* (Hai đuôi) 5 con, nghiền với sữa cho uống.

XXIX - LỞ MIỆNG

Trẻ con lở miệng lưỡi là do tâm tỳ bị nhiệt mà ra, phạm miệng lở sắc đỏ thì tâm nhiệt, sắc vàng thì tỳ nhiệt, sắc trắng thì tỳ hàn, nên xét đấy mà trị.

1. Kinh trị trẻ con miệng lở có đốm trắng như miệng ngỗng (nga khẩu sang)

- *Nam tinh*, bỏ vỏ và rốn, nghiền sống hòa với dấm đắp vào lòng bàn chân, nam tả nữ hữu, mỗi ngày thay một lần thì hết lở.

2. Kinh trị trẻ con miệng bị cam lở.

- *Vỏ cây mía*, đốt cháy tán nhỏ rắc vào là khỏi.

- *Bạch cương tàm*, bỏ đầu chân, da ngoài, sao vàng tán nhỏ, trộn với mật ong mà bôi, rất hay.

- *Muội nồi*, tán nhỏ thường xát vào là khỏi.

- *Hoàng đơn* 1 đồng, *mật ong* 1 lạng, cùng trộn đều nấu lên cho biến sắc đen, dùng cái lông gà châm thuốc mà phết vào là khỏi.

- *Mật dà tăng* tán nhỏ trộn với giấm mà rịt vào gan bàn chân, khỏi thì rửa đi rất hay.

- *Rỉ sắt,* nghiền với nước như bùn mà bôi thì khỏi.

3. Kinh trị trẻ con môi cắn chặt *Rau dền tía,* giã lấy nước cốt mà bôi.

4. Kinh trị trẻ con sưng môi:

- *Vỏ dâu tằm ăn,* cạo bỏ bì thô, giã vắt lấy nước cốt mà bôi thì khỏi.

5. Kinh trị trẻ con sưng lợi

- *Xác rắn,* đốt tán nhỏ, hòa với giấm mà bôi.

Kinh trị trẻ con lở mép, lở hai khóe miệng hoặc sưng môi, lớt lợi răng.

- *Tóc rối đốt* ra tro tán nhỏ dùng vài ba đồng cân hòa với nước mà uống đồng thời lấy tóc xát vào hoặc trộn mỡ heo mà bôi rất hay.

6. Kinh trị trẻ con bị đẹn.

- *Hoàng liên* một ít, dùng 1 chén nước hòa vào chút mật ong nấu sôi rồi mài Hoàng liên cho uống. Ngoài dùng *Ngô thù du* giã nát xào với giấm rịt vào lòng bàn chân rất hay.

7. Truyền trị trẻ con lở miệng không bú được:

Mỡ heo, Mật ong đều 1 chén, Cam thảo 2 đồng cân, sắc lên, cho ngậm ít một, rồi nuốt dần.

XXX - BỆNH VỀ LƯỠI

Bệnh về lưỡi của trẻ con là: *Mộc thiệt, Trùng thiệt, Lộng thiệt và Thai thiệt.*

- *Mộc thiệt* là thình lình lưỡi sưng cứng như gỗ không uốn được, do tỳ kinh có thực quả.

- *Trùng thiệt* là dưới lưỡi mọc ra một cục thịt giống như một cái lưỡi nhỏ, cũng là tỳ kinh có thực hỏa.

- *Lộng thiệt* là lưỡi thè ra rụt vào luôn luôn là do cả hai kinh tâm và tỳ hư tổn, nếu thè ra dài mà thu lại ít gọi là *Thổ thiệt,* do tâm tỳ có tích nhiệt.

- *Thai nhiệt* là lưỡi mọc một lớp mụn trắng và vì thai nhiệt mà ra. Phép chữa cần tìm nguyên nhân mà định cho phương thuốc, chớ nên trị chung chung, như nhau.

1. Kinh trị chứng trùng thiệt:

- *Bồ hoàng,* tán nhỏ, hòa với nước măng tre mà bôi.

- Dùng cây kim lễ những tia máu bầm dưới lưỡi lễ sâu nửa phân thì khỏi.

- *Gai bồ kết,* đốt thành than, cho vào chút ít *Phác tiêu,* trước lấy nước súc miệng rồi chấm thuốc này dưới lưỡi, nước dãi ra thì khỏi.

- *Rễ dâu,* cạo lấy lớp vỏ trắng, sắc đặc đem bôi lên vú người mẹ cho trẻ bú thì khỏi.

- *Nước măng tre,* cho vào chút ít nước cốt gừng, mài *Hoàng bá* thường bôi vào thì khỏi.

- *Bọ hung* 1 con, đốt tồn tính, tán nhỏ bôi trên lưỡi, hay lắm.

- *Mọt sách* (2 đuôi) 5 con đốt cháy tán nhỏ bên trên lưỡi rất hay.

- *Xác rắn,* đốt cháy tán nhỏ, hòa chút giấm mà bôi thì khỏi.

- *Gạc hươu,* đẽo ra một đồng, tán nhỏ bôi dưới lưỡi ngày ba lần, hay lắm.

- *Tóc rối,* đốt cháy tán nhỏ, nửa đồng bôi lên lưỡi khỏi liền.

- Lấy một cục *Hoàng đơn* bằng hạt đậu, để dưới lưỡi rất hay.

- *Đất lòng bếp*, trộn với rượu mà bôi thì khỏi.

- *Mai mực,* Đốt tán nhỏ, hòa với *lòng đỏ trứng gà*, bôi vào, rất hay.

- *Tổ ong*, đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng, nước rửa bát sắc còn sáu phân, uống nóng là khỏi.

2. Truyền trị trẻ con mộc thiệt.

- *Xác rắn*, đốt ra tro, tán nhỏ, hòa với sữa đổ cho nó uống, khỏi liền

XXXI - CAM TẨU MÃ

(Viêm miệng hoặc tử)

Cam tẩu mã là chân răng thối lở, chảy nước dãi, sưng quai hàm, là do kinh dương minh có nhiệt mà sinh ra.

1. Kinh trị cam răng thuộc cấp tính nếu không chữa sớm và ngày sẽ chết.

- *Thanh đại,* bôi khắp chân răng, ngày 10 lần, đêm 4 lần, hay lắm.

2. Kinh trị cam tẩu má, ăn thấu xương, thủng má thối nát, chảy máu.

- *Nam tinh,* 1 củ, bỏ ruột, nhét 1 cục *Hùng hoàng* vào, lấy bột bọc lại, đem đốt, khi hùng hoàng hóa ra nước thì lấy 2 cái chén úp lại để trừ hỏa độc, rồi bỏ bột, tán nhỏ, cho chút ít *Xạ hương* vào, đem phết chỗ đau, vài ngày là khỏi.

- *Ngũ bội tử, Thanh đại, Hoàng bá, Khô phàn (phèn phi)* bằng nhau, tán bột trước súc miệng bằng nước muối đun sôi rồi lấy thuốc này chấm vào, liền khỏi.

3. Kinh trị cam tẩu má, ăn sứt cả miệng mũi.

- *Cóc* 1 con, lấy đất sét bọc kín lùi vào lửa cho cháy khô, 2 đồng rưỡi. *Hoàng liên*, 2 đồng rưỡi, *Thanh đại*, 1 đồng, *Xạ hương*, chút ít. Các vị đều tán nhỏ, xát vào, hay lắm.

4. Kinh trị cam răng ăn xương quai hàm, rụng răng.

Dế dụi 1 con, lấy màng trắng trứng gà bọc lại, nhét vào miệng con cóc, buộc kỹ, lấy đất sét bao kín lại, đem nung lửa cho khô, lấy ra nghiền nhỏ bôi vào đến khỏi thì thôi

5. Kinh trị trẻ con chân răng chảy máu không ngớt.

- *Lá tre* 1 nắm, nấu ra nước đậm, cho vào ít muối, ngậm nóng, nguội thì nhổ ra, lại ngậm nóng nữa, sẽ khỏi.

- Nước đái trẻ con, cho ngậm, nguội thì nhổ đi, lại ngậm nữa, đến khỏi thì thôi.

6. Kinh trị trẻ con sưng lợi răng đau nhức.

Lá thông 1 nắm, muối 1 vốc. Rượu ngon 1 chén. Nước 1 bát, cùng sắc, còn phân nửa, ngậm nóng, nguội thì nhổ ra, rất hay.

XXXII - ĐƠN ĐỘC

Đơn độc là một thứ bệnh bỗng nhiên sưng đỏ, ngứa nóng, nằm ngủ không yên, hông ngực đầy tức khó chịu, cổ họng sưng đau, hoặc máu rỉ ra ở 9 khiếu. Khắp mình nổi vết đỏ là do tạng phủ tính nhiệt lại gặp gió mưa lạnh lẽo, nên nóng lạnh xung đột nhau mà phát ra,

nếu không trị ngay, độc chạy vào bụng có thể chết người; cần xét chỗ bắt đầu phát bệnh làm đích chuẩn cho việc dùng thuốc.

1. Tỉnh tử đơn: Đơn độc trước khi phát ở đầu rồi lan ra khắp mình, tròn như đồng tiền mà sắc đỏ, dùng:

- *Cành đào hướng Bắc*, đốt cháy tán nhỏ, trộn với dầu mà bôi.

2. Chú hỏa đơn. Đơn độc trước phát từ lưng màu vàng đỏ, dùng:

- *Đất trên vách, Đất chuồng heo, Phèn chua,* tán nhỏ, gừng già vắt lấy nước cốt. Cùng trộn lẫn với dầu mà bôi.

3. Tri thù đơn: Đơn mọc nổi khắp mình, dùng:

- *Bồ kết đốt cháy, Phèn chua, Đất chuồng heo* nghiền chung, trộn đều mà bôi.

4. Hồ lậu đơn: Đơn mọc từ rốn trước, dùng.

- *Đất lòng bếp* lâu năm càng tốt, tán nhỏ. Lấy nước nhà dột hoặc nước mới múc hoặc *lòng trắng trứng gà* hoặc *dầu mè* trộn với bùn mà đắp vào rốn cũng hay. Khô thì đắp nữa.

5. Táo ngạch đơn. Đơn mọc từ đầu dần lan khắp mình, nổi có từng đám đỏ, dùng:

- *Đất dưới chuồng heo* 1 cục, *Vỏ rễ liễu, Vỏ rễ đào,* giã nát trộn với dầu mà phết vào.

6. Táo vĩ đơn. Đơn mọc từ eo lưng lan ra khắp mình, den sì và đau nhức. dùng:

- *Tranh lợp nhà ở* 4 góc mái nhà, đốt cháy, cho ít *phèn chua*, dùng *lòng trắng trứng gà*, hòa lẫn mà phết.

7. Quân táo đơn. Đơn mọc từ tay phải ra, ngoằn ngoèo như đầu rắn bò màu đỏ, dùng:

- *Đất lòng bếp* tán nhỏ, trộn với dầu mà phết thì khỏi.

8. Mẫu táo đơn. Đơn mọc từ chân trái, dùng:

- *Nước xáo thịt heo*, không có lấy thì lấy thịt heo nấu sôi lên hòa với tro bếp mà phết thì hết.

9. Châu hoàng đơn. Đơn mọc từ bàn chân phải, lan ra khắp mình, dùng:

- *Tranh lợp nhà*, lấy mỗi góc nhà một ít tán nhỏ hòa với nước mài dao mà phết.

10. Nữ táo đơn. Đơn mọc từ âm hộ, dùng:

- *Nước đái con gái, Gạch bếp lò*, cạo lấy phía phải. Hòa lẫn mà phết.

11. Truyên trị trẻ con mới sinh phát nóng, đỏ ở mặt hoặc ở mình mẩy tay chân.

- *Nước dừa,* vừa bôi vừa xát vào, khỏi liền.

12. Kinh trị trẻ con nổi đơn từ hai chân trước rồi chạy đến đầu âm hộ:

- *Rễ cây mận,* đốt tán nhỏ, hòa với nước ở ruộng mà phết, thì tan.

13. Kinh trị trẻ con bị "hỏa đơn" nổi ở quanh rốn, nóng như lửa đốt, nếu không chữa ngay thì chết.

- *Rau sam,* giã sống mà đắp vào, hay lắm.

- *Vỏ rễ dâu,* cạo bỏ lớp vàng nấu nước mà tắm là khỏi.

- *Máu cá chép*, bôi vào thì khỏi ngay.

- *Thịt heo,* để sống thái ra từng lát, dán vào thì khỏi.

14. Kinh trị trẻ con đơn thũng có từng đám sưng đỏ là vì trong người nhiệt lại gặp phải phong tà hoặc âm khí cùng va chạm vào nhau mà sinh ra.

- *Chỉ thực,* thái nhỏ, sắc đặc, bôi nhiều vào và xát mạnh thì tan.

- Lấy một thanh sắt, nung đỏ, tôi vào nước, nung sôi tới 3 lần, uống 1 chén nước ấy thì khỏi.

15. Kinh trị trẻ con nổi mày day độc chạy vào bụng, mình sưng lưỡi cứng.

- *Tàm sa* 2 cốc, nước 2 bát. Nấu sôi lọc bỏ bã, đổ nước ấm mang rửa ở nơi kín gió thì khỏi.

16. Kinh trị trẻ con nhiệt dờm.

- *Cặn nước chàm, đắp lên thì tan.*

17. Truyền trị trẻ con bị "xích dư phong" mình mẩy sưng phù, tiểu tiện không thông.

- *Rễ Thường lục* cạo lấy vỏ trắng, sao khô tán nhỏ, viên với hồ bằng hạt củ súng, mỗi lần uống 2, 3 viên tùy trẻ lớn nhỏ mà mài với nước nóng cho uống, tức thời hết sưng, thông tiểu tiện ngay.

18. Kinh trị trẻ con đơn độc.

- Bôi *Dầu mè* là khỏi ngay.

- *Đậu đen* nấu nước đậm mà bôi là khỏi.

- *Đậu xanh* 5 đồng, *Đại hoàng* 3 đồng. Tán nhỏ, lấy nước *Bạc hà* tươi hoặc khô, sắc đậm cho mật vào, trộn đều mà bôi, rất hay.

- *Rau mùi* (ngó rí) vò lấy nước mà bôi, hết liền.

19. Kinh trị trẻ con nổi đơn khó chịu.

- *Lá liễu* lấy cho nhiều, nấu nước đậm ngâm rửa chỗ nổi đó ngày 7, 8 lần thì khỏi.

20. Kinh trị trẻ con ban chẩn.

- *Tóc rối* đốt cháy ra tro, nghiền nhỏ, hòa nước mà uống 1 vài đồng thì khỏi.

21. Kinh trị trẻ con người lớn nổi đơn khắp mình.

- *Lá khế, lá xương sông* đều nhau, *Chua me đất* một nửa. Cùng giã nát cho vào ít muối và vắt lấy nước cốt mà uống, bã đắp bên ngoài rất hay.

22. Truyền trị 12 chứng đơn sưng của trẻ con hay người lớn.

- *Lá cây lài, Lá mẫu đơn, Lá khế, Lá xương sông, Lá cỏ mực, Rau giấp cá, Lá huyết dụ, Lá cải rừng, Lá dưa chuột, Lá mía đò.* Các vị đều nhau, *Lá cây qủy xạ (Bạch hoa xà) 3 ngọn, bí đao* 3 miếng, *Củ nâu* 3 miếng, cùng giã nát, hòa nước vào vắt lấy nước cốt mà uống, còn bã thì xoa xát vào chỗ tổn thương chốc lát hơi bốc như khói thì khỏi.

XXXIII - ĐAU HỌNG

Trẻ con đau họng là sưng đau trong họng, nuốt xuống thấy trở ngại. Sưng cả hai bên gọi là "Song nhũ nga" thì dễ chữa, sưng một bên là "đơn nhũ nga thì khó chữa, nhũ nga mà hơi bé là hầu tê (đau họng); nhiệt kết ở cổ họng vừa tê vừa ngứa, sưng khắp phía ngoài là Triều hầu phong (phong quang cổ). Nên chọn phương mà chữa.

1. Kinh trị hầu tê, nhũ nga, nghẹt thở: dùng thuốc thông khiếu thì sống.

Lấy 1 hột *Ba đậu*, bóc vỏ, giã nát, nhét vào cái kén tằm, rồi nhét vào lỗ mũi, như đơn nhũ nga bên trái nhét lỗ mũi bên trái, bên phải, thì nhét lỗ mũi bên phải, còn sòng ngũ nga thì nhét cả hai lỗ mũi, hay lắm.

2. Kinh trị trẻ con họng sưng đau.

- *Xác rắn* đốt tồn tính, tán nhỏ, liều dùng 3 - 4 phần, hòa tan với sữa mà cho uống, lọt được vào họng thì khỏi.

- *Tổ ong* đốt thành than, tán nhỏ hòa với sữa một đồng cân mà bôi vào hoặc trẻ em đã lớn thì hòa với nước cơm cho uống.

3. Truyền trẻ con tắc cổ họng.

- *Mật cá chép, dất lòng bếp*. Trộn đều, lấy ngón tay trỏ, quệt bôi vào cổ thì khỏi.

- *Lá mướp rửa sạch, giã nát cho vào tí muối vắt lấy nước cốt cho ngậm, dần dần nuốt xuống, bã đắp ngoài rất hay.*

XXXIV - ĐAU MẮT

Trẻ con đau mắt, sưng mắt, nhức mắt, tức là hỏa thịnh ở thượng tiêu, nên chiếu phương mà trị.

1. Kinh trị trẻ con mới sinh nhắm tít vì thai nhiệt.

- *Mật gấu* một ít. Nước 1 chén con, Nấu cách thủy cho tan hết, mỗi ngày nhỏ 7, 8 lần.

2. Kinh trị trẻ con mắt nhắm không mở được.

- *Hạt đình lịch*, tán nhỏ hòa *mật heo* đem dán lên trán thì khỏi.

3. Kinh trị trẻ con mắt nhăn.

- *Lá mã đề* giã lấy nước cốt, hòa với nước tre non mà nhỏ vào mắt.

4. Kinh trị trẻ con mắt có màng như mây che hoặc màng trắng che con ngươi, hoặc dính lại khó mở ra.

- *Hoa cúc* 300 hoa *Hoa kinh giới* 300 bông. *Cỏ tháp bút* 300 gọng *Hạt dướng* 300 hạt. Cùng phơi khô tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên, uống lúc đói bụng với nước nóng, thường uống thì mắt sẽ sáng.

5. Kinh trị trẻ con quáng gà, lúc gần tối đã không thấy gì?

- *Phân dơi* đãi nước cho sạch bụi, sao khô tán nhỏ hòa với *Mật heo*, viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 5 viên với nước cơm, lúc sắp đi ngủ.

- *Hạt bìm bìm*, nghiền nhỏ, rây lớp bột lần đầu, mỗi lần uống một đồng lấy một miếng *gan dê, hai quả bồ kết* cùng nướng chín hòa với nước cơm mà uống.

- *Hạt hau hau* 3 lạng, *Hạt muồng* 7 lạng. Tán nhỏ, viên với nước cháo bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20, 30 viên với nước nóng, uống lúc đói bụng.

XXXV - NHỌT LỞ

(Phụ: ghẻ ngứa)

Trẻ con bị chốc đầu nhọt lở đều do nhiệt độc ở thai mà ra, nên chiếu phương mà trị.

1. Truyền trị dinh nhọt mới phát.

Chặt vỏ cây sung lấy mủ trắng trét lên giấy, dán chỗ nhọt tiêu ngay.

2. Truyền trị trẻ con bị dinh nhọt hoặc kết độc sau bệnh dậu và trị người lớn bị dinh nhọt mới phát.

- *Cỏ cúc áo* dùng lá, *Long não* một ít cùng giã nát, hòa với lòng trắng trứng gà, nặn thành bánh mà đắp, khô thì đổi miếng khác, chỉ 3, 4 lần là khỏi, sớm đắp chiều hết, tối đắp sáng hết, công hiệu rất nhanh.

3. Kinh trị trẻ con vì nóng nhọt nở.

- *Bùn dáy giếng* đem bôi chung quanh rất hay.

- *Vỏ ốc bươu* gỡ lấy ở vách đất lâu năm, đem đốt ra tro, *Mỡ hóng* hai thứ đều nhau tán nhỏ, hòa với dầu mà phết rất hay.

4. Kinh trị trẻ con dinh nhọt đá mềm mà không vỡ mủ.

- *Chỉ xác* 1 vỏ lớn, bỏ ruột, đem mài trên đá cho bằng miệng, lấy mỡ bôi chung quanh miệng, đem dán lên mụn nhọt tự nhiên tống ra hết máu mủ và không thành sẹo.

5. Kinh trị trẻ con sinh lở, ban đầu mụn rất nhỏ sau mưng mủ chảy nước liên miên gọi là tẩm dâm sang lở từ đầu xuống thì dễ lành, lở từ tay chân lên đầu mặt thì khó trị.

- *Cá diếc* 1 con, dài 3 tấc, *Đậu sị* 1 cốc, Cùng giã nát như bùn, đắp vào thì khỏi.

- *Xác rắn* đốt cháy 5 đồng, *Tổ ong* tàng sao 5 đồng. *Bụi xà nhà* 3 đồng. Cùng tán nhỏ, trộn với dầu phết vào.

6. Truyền trị trẻ con chốc đầu, lở loét khắp mình, mủ chảy dầm dề.

- *Cóc già* 1 con, *Tua cau rủ* 1 nắm, *Nệm rách* 1 miếng, đều đốt tồn tính mỗi thứ hai phần. *Xác rắn, hạt bồ hòn*. Đều đốt tồn tính mỗi thứ một phần cùng tán nhỏ trộn đều với dầu mè, xào nóng đắp lên rất hay.

- Y phương trên thêm *Tóc rối, Cà độc dược, Yếm cua đinh, vỏ trứng gà* cùng đốt ra tro, trộn dầu mè, xào nóng đắp lên.

7. Kinh trị trẻ con lở loét mới phát, sưng nổi bóng nước như bị phỏng lửa:

- *Đào nhân* giã nát, đắp vào thì khỏi.

8. Kinh trị trẻ em bị chứng ác sang (lở ngứa lâu khỏi).

- *Bồ kết* tán nhỏ, trộn dầu mè mà bôi.

9. Trẻ con bị chứng thấp tiến (lác ướt).

- *Cây dào,* cạo bỏ vỏ xanh, tán nhỏ trộn giấm mà xoa.

- *Xà sàng tử* nghiền nhỏ trộn mỡ heo mà bôi thì lành.

10. Truyền phương trị trẻ con ghẻ lở.

Lá sung non giã nát xát vào thì khó rụng vảy thì thôi.

11. Truyền trị trẻ con ghẻ lở ngứa khắp đầu mặt mình mẩy và tay chân.

- *Dầu mè* 1 lạng, *Măng vòi tre*, đột nghiền mật heo cái. Cùng trộn đều, thường thường phết vào, hai ba ngày thì khỏi.

12. Kinh trị trẻ con chốc đầu lở mặt và chứng cào cào ăn tai.

- *Xác rắn* đốt ra tro tán nhỏ, hòa với *mỡ heo mùa đông* mà bôi, rất hay.

- *Cút trùn* sấy khô tán nhỏ, trộn với *mỡ heo* mà bôi.

- *Đậu xanh, Phèn phi, Hoàng đơn* sao cháy. Các vị đều nhau cùng nghiền nát mà rắc vào.

13. Kinh trị trẻ con chốc đầu và các chứng lác lở, nước vàng dầm dề, lở ở các chỗ kín.

- *Ích mẫu* nấu ra nước đậm, tắm vài lần thì khỏi.

- *Đất lòng bếp, Tóc rối* đốt ra tro. Hai vị bằng nhau, trộn mỡ heo mà bôi.

- *Vỏ quýt* đốt tán nhỏ rắc vào.

- *Lá lấu* phơi khô hoặc sao tán nhỏ. lại lấy *lá lấu* sắc đậm rửa sạch chỗ đau rồi rắc thuốc vào thì khô ngay và khỏi.

14. Truyền trị trẻ con chốc đầu, thối loét, nổi hột xoài, đỏ ứng sưng đau.

- *Lòng đỏ trứng gà* bất kỳ nhiều ít, cho vào chảo thau, rán ra dầu, hòa với *nhựa thông* mà sức.

- *Tóc rối* đốt ra tro tán nhỏ, trộn với dầu trứng gà (2) mà xức.

15. Truyền trị trẻ con chốc đầu ghẻ lở khắp mình.

Lấy *nước tiểu* của người cha (bỏ phần đầu và phần cuối), sáu giờ sáng xát vào, đến 10 giờ thì rửa đi, làm được ba ngày là lành.

16. Kinh trị trẻ con chốc đầu.

- *Hạt cau* mài với nước cho đặc, phơi khô thành phấn, cạo lấy trộn với dầu mè mà bôi rất hay.

- *Nhựa thông* 5 đồng, *Mỡ heo* 1 lạng. Nấu chảy ra và xức, mỗi ngày vài lần ngày là khỏi.

- *Nhựa thông* 2 lạng, *Sáp ong* 1 lạng rưỡi, *ri đồng* 1 đồng cân. Dầu mè 1 lạng rưỡi. Cùng nấu nhỏ lửa, ngào lại cất kín, khi dùng phết lên giấy dán vào rất hay.

- *Cứt dê* nấu nước rửa chỗ đau, lại lấy *cứt dê* khác đốt cháy cùng *mỡ hóng* tán nhỏ, hòa với dầu mè mà bôi rất hay.

- *Đậu đen* sao tồn tính tán nhỏ, trộn với nước mà bôi là khỏi.

- *Vỏ ốc bươu* đốt tồn tính, tán nhỏ hòa với *dầu mè* bôi vào là khỏi.

- *Thạch xương bồ* tán nhỏ, hòa với dầu mè dần dần bôi vào là khỏi.

- *Mỡ hóng* nhào như bùn, trước nấu nước bồ kết rửa sạch chỗ lở, rồi sau đó bôi là khỏi.

- *Chỉ thực* đốt ra tán nhỏ, trộn mỡ heo mà bôi rất hay.

17. Kinh trị chốc đầu, bôi đủ thuốc mà không khỏi.

Da trống thũng một miếng. Đốt tán nhỏ, lấy cám gạo đốt trong bát cho ra dầu, trộn với bột da trống, lấy trước lấy lá đào vò với nước thật đậm, xoa rửa chỗ đau cho sạch, lau khô rồi xức thuốc vào rất hay.

18. Truyền trị trẻ con lở tai.

- *Xương ngựa* đốt ra tán nhỏ mà xức.

- *Chất trắng trong cứt gà* đốt cháy tán nhỏ mà xức là khỏi.

19. Truyền trị trẻ con chốc đầu và chữa trâu ngứa lở ghẻ cũng hay.

- *Cóc vàng* 1 con, *Tua cau rủ* trên cây. Đều bằng nhau, cùng đốt tán nhỏ dùng dầu mè trộn đều mà xức rất hay.

20. Kinh trị trẻ con chốc đầu, cùng hói đầu.

- *Rau sam* dùng nhiều cho vào nồi to, sắc nước đậm, có thành cao mà xức hoặc đốt ra tro hòa với mỡ heo mà bôi rất hay.

- *Hạnh nhân* đốt tán nhỏ mà bôi vào thì khỏi.

- Ô mai đốt tán nhỏ, trộn với dầu mè mà xức, là khỏi.

21. Kinh trị trẻ con hói đầu, trên đầu có từng dám trắng.

- *Củ tỏi* giã nát, hàng ngày xức vào vào là khỏi.

- *Rết* một con, *muối* một ít, *Dầu mè*, một chén. Ngâm 7 ngày, lấy dầu mà xức, rất hay

- *Vỏ trứng gà ấp* đốt tán nhỏ rắc vào cũng hay.

22. Kinh trị trẻ con mô đầu như cứt trâu dính trên thóp và hói đầu.

- *Bồ kết* đốt tán nhỏ, lấy các thứ lá đắng nấu nước rửa sạch rồi rắc vào tuyệt diệu.

23. Kinh trị trẻ con cùng người lớn, đầu hói đỏ, chốc đầu chảy mủ, ngày mưng đêm tẹt.

- *Móng chân ngựa* đốt tán nhỏ trộn với dầu mè mà bôi thì khỏi.

24. Kinh trị trẻ con có nhọt ở xương, lở nhức, chảy máu mủ.

- *Rắn nước* lột bỏ da một con đốt thành than tán nhỏ, hòa với dầu mè mà bôi rất hay.

25. Kinh trị trẻ con ghẻ lở ở tai, mặt.

- *Gạo trắng* giã nhỏ, lúc đi nằm thì xức, bật quá 5, 3 lần thì khỏi.

26. Kinh trị chốc đầu sinh giòi, da thịt có lúc giòi bò ra:

- *Lá mướp* vò vắt lấy nước cốt mà xức thì giòi ra hết.

XXXVI - SÁN KHÍ

(Phụ: Hạ cam)

Sán khí là dái sưng đau, hạ cam là lở ngọc hành, vì do hàn tử uất kết mà ra, hãy chọn các phương sau đây mà chữa.

1. Kinh trị trẻ con sán khí, một bên dái sa xuống, tức đau, thiến trụy.

- *Ô dược* 2 đồng, *Hương phụ mễ* 8 đồng, *Trần bì* 1 đồng, *Tô tử* 1 đồng, *Can khương* 1 đồng. Tán nhỏ uống với nước muối vào lúc đói.

- *Hạt hòe* sao tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng, hòa với 3 phân muối, chế rượu vào mà uống hết ngay.

- *Lá cải* giã nát, xào với giấm cho nóng mà chườm, nguội thì thay cái khác.

- *Đào nhân* sao thơm, giã nát, liều dùng 2 đồng cân hòa với rượu mà uống, bã đắp vào chỗ đau rất hay.

2. Kinh trị trẻ con sưng dái.

- *Xác ve sầu* 5 đồng, bỏ đầu chân, rửa sạch, nước một bát, nấu nóng lên mà rửa nguội thì lại nấu nữa. dùng *Nhân trần, Mộc thông, Xa tiền tử, Đăng tâm* đều nhau sắc uống.

- *Cứt trùn* gói lá *Bạc hà*, giã lấy nước cốt (không có bạc hà tươi thì lấy bạc hà khô sắc lấy nước) nhào lại như bùn, thường bôi vào thì hết.

- *Phân heo* hòa với nước như bùn, nấu chín, lấy lụa gói lại chườm chỗ đau thì hết.

- *Trùn đất, Lòng trắng trứng gà*. Cùng nghiền nát như bùn, trước rửa chỗ đau bằng nước hành đun nóng cho sạch rồi phết thuốc vào.

3. Kinh trị trẻ con lở dái, đau nhức:

Xuyên tiêu, Kinh giới, Cành hòe, Cành liễu, Xà sàng cùng nấu nước mà rửa, sau dùng *Phác tiêu* trộn với *lòng đỏ trứng gà*, mà bôi thì khỏi.

4. Kinh trị trẻ con sưng đau ngọc hành và âm nang do hương minh vị kinh có phong nhiệt cùng thấp khí chống nhau mà sinh ra.

- *Mẫu lệ* nung đỏ, tán nhỏ. *Đào nhân* hai vị bằng nhau, tán nhỏ trộn với nước miếng như bùn mà phết vào rất hay.

5. Kinh trị trẻ con ngọc hành đau nhức, do khí ở tiểu trường dẫn đến.

- *Rễ và lá cỏ xước*, nước 1 bát. Cho vào tí rượu, cùng sắc mà uống.

6. Kinh trị trẻ con lở dái, nước mủ rỉ ra mãi.

- *Lá tía tô* sắc đậm ngâm, rửa và tán nhỏ rắc vào rất hay.

- *Mai mực* cạo lấy phấn rắc vào thì khỏi.

- *Xương đầu mèo* đốt ra tro xức vào thì khỏi.

XXXVII - LÒI TRÔN TRÊ (lòi dom)

Phụ: trĩ

Trẻ con lòi dom trôn trê là đầu ruột cùng lòi ra ngoài mà không thụt vào được, vì bị tả lỵ, lâu ngày, khí hư kém không thể đưa lên được lên được mà sinh chứng này nên chọn các phương sau đây mà chữa.

Các phương kinh nghiệm chữa lòi dom.

- Lấy *Hành* nấu sôi, thừa lúc nóng mà xông, rồi rửa cho mềm, lấy tay ấn vào, hoặc dùng *Ngũ bội tử* tán nhỏ bôi vào, rồi từ từ đẩy lên, hoặc dùng *Ngũ bội tử* nấu nước mà rửa cũng hay.

- *Dầu ba ba (cua đinh) đốt tán nhỏ, trộn với dầu mè mà bôi.*

- Lấy dầu cua đỉnh đốt lên khói mà xông, lâu lâu nó thụt vào. Lại lấy đất vách lâu năm sắc sôi, trước xông sau rửa rất hay.

- *Kinh giới, Tạo giác*. Đều bằng nhau nấu sôi mà rửa rồi lấy nước ngâm sát bôi lên rất hay.

- *Rau giấp cá* vò nát, trước lấy *phác tiêu* hòa tan với nước rửa qua rồi trải lá chuối ra, đặt giấp cá mà ngồi thì trôn trê tự thụt vào.

- *Bồ hóng, Phân chuột*. Hai thứ đều nhau cùng đốt ra khói trong một cái nồi, ngồi lên trên nồi mà xông vài lần thì hết.

- *Bẻo ván* giã nát đắp vào rất hay.

- *Hột thầu dầu* lấy nhân 1 lạng, giã nát nặn thành bánh đắp trên thóp, trôn trê thụt lên thời bỏ thuốc đi, lấy nước rửa ngay rất hay.

Phụ:

Kinh trị trẻ con 5 chứng trĩ bất luận ngày hay mới phát

Chỉ thực sao quả tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần 20, 30 viên, tùy trẻ lớn nhỏ, uống với nước cơm lúc đói thì khỏi.

XXXVIII - BÍ ĐẠI TIỂU TIỆN

Trẻ con bí đại tiểu tiện có nhiều nhân tố, do hư, do phong, do thấp, do hỏa, do hàn, do khí kết khác nhau; bí tiểu tiện là vì thận ứng với tâm, tâm hỏa thịnh thì tiểu tràng kết nhiệt, nhiệt vừa thì tiểu tiện khó, nhiệt lắm thì bí tiểu tiện. Nên chọn các bài sau đây mà chữa.

1. Kinh trị trẻ con mới sinh hai ba ngày không đái ỉa.

- *Củ hành* giã lấy nước 1 phần. Sữa 1 phần hòa lẫn, bôi vào trong miệng trẻ rồi cho con bú thì thông.

2. Kinh trị trẻ con mới sinh đại tiểu tiện đều không thông.

- *Dầu mè* 1 lạng, cho *Phác liệu* vào chút ít, cũng sắc đậm, chờ nguội, từ từ đổ vào miệng, vuốt xuống thì thông.

3. Kinh trị trẻ con bí đại tiện trướng bụng gần chết.

Bảo người nhà bệnh nhi súc miệng bằng nước nóng cho sạch rồi mút đằng trước và sau vùng tim, dưới rốn, hai lòng bàn tay, hai lòng bàn chân của trẻ, mút 7 chỗ, mỗi chỗ mút 5 lần, thấy đỏ ửng lên thì thôi. Chốc lát thì thông ngay, không thế thì khó sống.

- *Hành cả rễ* và lá 1 cây, *Gừng sống* một củ, *Đậu sị* 20 hạt, muối ăn một muỗng cà phê. Cùng giã cho nhừ, nắm thành bánh, hơ nóng dán giữa rốn, lấy lụa trắng buộc lại hồi lâu thì thông, chưa thông lại đổi bánh khác, rất hay.

- *Đậu đen* 1 vốc, *ốc bươu* 19 con, *Hành* 1 nắm cùng giã nát nặn thành bánh hơ nóng làm như trên.

- *Bọ hung* lấy ở đống cứt trâu lúc tháng 6, 7 âm lịch, bất cứ nhiều hay ít, xâu vào chỉ, treo phơi râm, ở hiên nhà cất để dành, khi dùng lấy nguyên con để trên miếng ngói sạch, đặt lên lửa sấy khô tán nhỏ, lấy *Nước mới múc* hòa vào mà uống. Như hai đường tiện đều bí thì dùng cả con, nếu chỉ bí ỉa thì dùng nửa phần trên, chỉ bí đái thì dùng nửa phần dưới rất hiệu nghiệm.

- Tổ ong đốt tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng hoặc nửa đồng tùy trẻ lớn hay nhỏ, nửa rượu nửa nước, ngày uống hai lần là khỏi.

4. Kinh trị trẻ con mới sinh không đái.

- *Sữa người* 2, 3 chén, *Hành* 1 tấc, cùng đun sôi chia làm 4 lần uống rất hay.

5. Kinh trị trẻ mới sinh đái khó không thông.

- *Mã đề* vài cây, giã rất vắt lấy nước, cho ít mật, đổ cho uống thông ngay.

6. Kinh trị trẻ con bí đái bụng dưới trướng lên.

- *Hạt vông vang* 2 phần, *Mộc thông* 1 phần cùng tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng, uống với nước nóng, thông thì thôi.

- *Hột tật lê* bất cứ nhiều hay ít, sao vàng tán nhỏ. Uống với rượu ấm thì thông.

- *Hạt gai dầu (cần xa)* đốt tồn tính, tán bột uống với rượu mỗi lần 1 đồng cân cho đến đái thông.

7. Kinh trị trẻ con đại tiện bí.

- *Chỉ xác* nướng bỏ ruột 1 đồng, *Cam thảo* 1 đồng. Sắc uống là khỏi.

XXXIX - PHÙ THŨNG

Trẻ con phù thũng có hai thứ: khí thũng và thủy thũng

- Khí thũng là do tỳ phế hư nhược mà ra, vì tỳ chủ cơ nhục, phế chủ bì phu, thổ yếu thì không sinh được kim, phế kim bị hư rồi lan ra khắp mình mà trên dưới đều phù thũng cả. Phép trị nên *điều tỳ, hành khí* làm chủ yếu.

- *Thủy thũng* là do thượng tiêu phiền khát, uống nước nhiều quá mà ra, vì tỳ thổ hư không chế ngự được thận thủy, thủy không bị thổ chế ngự nên chạy càn lên phổi, ra khắp bì phù mà sinh thũng. Phép chữa nên "*kiện tỳ lợi thủy*" làm chủ yếu.

1. Kinh trị trẻ con phù thũng, đại tiểu tiện đều không thông.

- *Hột bìm bìm đen* 1 lạng, *Hột bìm bìm trắng* 1 lạng. Cùng tán nhỏ, lấy lớp bột đầu, viên với nước giếng bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 20 viên, sắc *hạt cải củ* làm thang mà uống.

- Theo bài trên gia thêm *Trần bì, thanh bì* sao đều nhau.

2. Kinh trị trẻ con bị chứng hư thũng, đầu mặt và bìu dái đều phù cả.

- *Sứ quân tử* 1 lạng bỏ vỏ, tẩm mật ong 5 đồng, nướng cho khô hết mật tán nhỏ, mỗi lần dùng một đồng mà uống sau bữa ăn với nước cơm thì khỏi.

3. Kinh trị trẻ con trướng bụng vì thủy khí dọng lại mà sưng phù, bàng quang thực nhiệt, tiểu tiện đỏ gắt.

- *Hạt bìm bìm* nghiền sống 1 đồng, dùng *Thanh bì* sắc làm thang mà uống vào lúc đói.

- Theo phương trên gia *Mộc hương* nửa phân, tán nhỏ làm viên mà uống đều hay.

4. Kinh trị trẻ con phù thũng.

Xơ mướp, Hành, Tim bấc. Ba vị đều nhau, sắc đặc mà uống và rửa thì khỏi.

5. Kinh trị trẻ con phù thũng sưng cả đầu và mình.

Hương phụ mễ, Sa nhân sao qua, hai vị đều nhau 2 - 4 đồng cân sắc uống rất hiệu nghiệm.

XL - LỞ RỐN

Trẻ con lở rốn, nước mủ rỉ ra mãi không khô, hoặc sưng lồi ra là do lúc mới sinh cắt cuống rốn không cẩn thận, tà khí bên ngoài nhiễm vào mà sinh ra. Nên dùng mấy phương pháp sau đây mà trị.

1. Kinh trị trẻ con lở rốn không khỏi.

- *Tổ ong tàng* đốt ra tro tán nhỏ rắc vào rất hay.

- *Dế trụi, Cam thảo.* Đều bằng nhau cùng nướng, tán nhỏ rắc vào thì khô.

- *Cóc* 1 con, đốt ra tro, tán nhỏ rắc vào cũng hay.

- *Đất lòng bếp*, tán nhỏ, rắc vào, hoặc dùng *Đất vách phía đông* cũng hay.

- *Cây ké đầu ngựa* đốt ra tro, nghiền nát rắc vào.

- *Kèn tàm* đốt tồn tính tán nhỏ, rắc vào thì cũng khỏi.

- *Tổ ong tàng* đốt ra tro. *Bụi trên xà nhà*, hai thứ nghiền đều, rắc vào

- *Rau sam* đốt ra tro, nghiền nhỏ rắc vào rất hay.

- *Đậu sị* 1 vốc, *Muối* 5 đồng cân, cho vào ít nước, giã nát như bùn nặn thành miếng bánh, để trên tảng ngói, nướng nóng đen đem chườm, nguội lại nướng lại chườm là khỏi.

2. Kinh trị trẻ con sưng rốn.

- *Vỏ quế* 1 miếng, cạo bỏ bì thô, nướng nóng đem chườm lên rốn.

XLI - HỞ THÓP

Trẻ con hở thóp là thóp không kín, vì thận tạng suy yếu không thể làm cho tủy đầy xương được, nên trẻ con thấy nước da trắng nhạt, mình mẩy tay chân gầy gò, phải dùng các phương dưới đây mà chữa.

Các phương kinh nghiệm chữa hở thóp.

- *Xác rắn* sao tán nhỏ, trộn vào *Tủy xương sống heo* mà xức, mỗi ngày ba lần thay đổi thì kiến hiệu.

- Lấy *Máu mồng gà trống tía* xức chỗ mỏ ác, hũng tai, lấy *Xích thược* tán nhỏ rắc vào mỗi ngày một lần cũng khỏi.

- *Xương đầu chó vàng*, nướng vàng tán nhỏ, trộn đều với *lòng trắng trứng gà* mà xức ngày 3 lần rất hay.

XLII - THÓP LÕM

Trẻ con thóp lõm là do tạng phủ có nhiệt, khát uống nhiều nước mà sinh tả lỵ, để lâu thì khí huyết hư nhược không thông lên xương sọ nên khớp thóp lõm sâu như hố, không bằng phẳng được.

Các phương kinh nghiệm chữa thóp lõm (mỏ ác hũng).

- *Xương đầu chó vàng* nướng vàng tán nhỏ. Trộn đều với *lòng trắng trứng gà* mà phết mỏ ác sẽ kín lại.

- *Nam tinh* nướng bỏ vỏ, tán nhỏ, trộn với giấm. Phủ miếng vải lên mỏ ác rồi đặt thuốc vào, lấy tay hơ nóng thường xoa vào là công hiệu ngay.

XLIII - THÓP LỒI

Thóp lồi lên là vì Tỳ chủ da thịt mà trẻ bú mớm không chừng đói no sai mức, hoặc bị nóng khí lạnh phạm vào Tỳ kinh, làm cho tạng phủ mất điều hòa, khí xông lên làm cho thóp lồi cao như vật chất đông lại, lông tóc vàng ngắn, tự đổ mồ hôi.

Nếu hàn khí xông lên thì thóp cứng, nhiệt khí công lên thì thóp mềm phép trị thì hàn nên dùng thuốc nhiệt, nóng nên dùng thuốc mát, tùy trẻ lớn nhỏ mà cho uống liều lượng ít nhiều, không nên coi thường.

Kinh trị trẻ con sơ sinh sưng thóp.

Hoàng bá tán nhỏ, hòa với nước, rịt vào lòng bàn chân thì tiêu.

XLIV - CÁC CHỨNG CHẬM

Các chứng chậm là chậm biết đi, chậm biết nói, chậm mọc răng, chậm mọc tóc, quá kỳ mà không đạt yêu cầu gọi là chậm, Là vì.

Đi thuộc can thận, can chủ gân, thậm chủ cốt, can thận suy yếu thì chưa đi được.

Nói thuộc tâm, tâm chủ lưỡi, tâm hư thì lưỡi chưa nói được.

Răng thuộc thận, thận suy thì răng chưa mọc được.

Tóc thuộc huyết, huyết kém thì tóc chưa mọc được, nên tùy từng kinh từng loại mà bồi bổ vào.

1. Kinh trị trẻ con chậm mọc tóc.

- *Hương nhu* lâu ngày, 2 lạng, nước một chén, sắc đậm, hòa với mỡ heo ngày ngày bôi cho đều thì mọc.

- *Cá diếc*, đốt tồn tính, tán nhỏ, hòa với *nước tương* mà bôi thì tóc mọc.

2. Kinh trị trẻ con 4, 5 tuổi mà chưa nói được:

- *Đậu* đỏ tán nhỏ, hòa với rượu bôi vào dưới lưỡi rất hay.

- *Chim khướu* nhổ lông rửa sạch, nướng chim cho ăn.

3. Kinh trị răng mọc chậm hoặc bị gẫy, nhiều năm không mọc.

- *Xương sống chuột* tán nhỏ bôi vào rất hay.

4. Kinh trị trẻ con chậm biết đi.

- *Ngũ gia bì, mộc qua*. Hai thứ bằng nhau cùng tán nhỏ, mỗi lần nửa đồng cân, uống với nước đun sôi vào lúc đói.

XLV - DÔ NGỰC

Dô ngực là ngực trẻ dô ra như hình con rùa, là vì phế nóng, trướng đầy, công vào, lồng ngực, hoặc vì người mẹ ăn nhiều đồ cay nóng nên con sinh ngực dô cao lên mà thành chứng này.

Phương kinh trị.

- *Nước đái rùa* thường bôi vào các khớp xương ngực thì khỏi.

(Cách lấy nước đái rùa: lấy lá sen đặt rùa lên trên, dùng cái gương soi vào thì nó vãi đái ra).

XLVI - GÙ LƯNG

Chứng gù lưng là sau lưng gù lên như mu rùa, vì lúc mới sinh không cẩn thận để phong tà xâm vào xương sống, ngấm thấu vào xương tủy mà sinh ra chứng này.

Các phương kinh trị.

- Nước đái rùa bôi vào các khớp lưng thì khỏi, cách lấy *nước đái rùa* như trước.

- *Hà thủ ô* tán nhỏ, dùng nước đái rùa trộn vào, phết vào các khớp xương ở lưng. lâu lâu thì hết gù.

XLVII - LỞ MÉP

Chứng lở mép là do nước dãi nhện ra mép mà sinh lở. Nước dãi tức là tân dịch của tỳ, tỳ vì lạnh nóng không đều nên nước dãi chảy ra, mà không ngừng được, phép chữa phải ôn bổ tỳ tạng làm chủ.

1. Kinh trị lở mép, chảy nước dãi trắng ra mà không ngăn được.

Nam linh tán nhỏ, hòa với nước cốt gừng phết vào hai mép thì khỏi.

2. Các phương kinh trị tỳ nhiệt chảy nước dãi luôn.

- *Hột bồ kết* 2 đồng, *Bán hạ* nấu với nước gừng tây 7 lần, 5 phân. Hai vị cùng tán nhỏ, rưới nước gừng vào, viên bằng hạt cần xa, mỗi lần uống 5 viên với nước nóng rất công hiệu.

- *Lấy nước dãi* bò bôi vào mép và trên mép thì khỏi.

- *Gạc hươu* đẽo vụn tán nhỏ, mỗi lần uống 3 phân, với nước cơm thì khỏi.

- *Vỏ trắng rễ dâu* giã vắy lấy nước cốt bôi vào thì khỏi.

XLVIII - ĐẬU (trái giống)

Bệnh đậu là do nhiệt độc mà sinh ra, vì trong lúc trẻ con còn trong bào thai cảm nhiễm, khí độc ô uế, hoặc cha mẹ trong lúc giao cấu, lửa dâm quá độ, nhiệt khí có truyền vào bào thai, nên khi con sinh ra đã nhiễm độc ấy mà sinh ra chứng này.

Nhưng lúc phát bên có mau chậm, nặng nhẹ khác nhau, hễ gặp thời tiết nóng lạnh không thường thời đậu nhân đó mà phát ra. Thường thường lúc lên đậu có khi vì ngoại cảm phong hàn, có khi vì nội thương ẩm thực, có khi vì thời khí, truyền nhiễm, có khi vì vấp ngã hoảng sợ mà mắc bệnh.

Hễ lúc mới cảm chưa thấy nốt đỏ mà phát sốt phiền táo, môi đỏ, má đỏ, đầu nhức, mình đau, lúc nóng, lúc lạnh, hắt hơi, ngáp vặt ho hen sôi đờm, tương tự như cảm bệnh thương hàn, chưa rõ là bệnh gì, thì nên uống thuốc tán tả giải độc để sơ thông.

Phần trẻ con chưa lên đậu, thì nên dùng mấy phương sau đây để phòng ngừa, hoặc có lên cũng nghe.

A - Thuốc dự phòng

Như lúc thời tiết ấm áp, sợ phát bệnh đậu thì uống bài này, sẽ không phát dù có phát cũng nhẹ:

Dầu mè 1 chén, nước 1 chén. Đổ nước vào đầu, lấy cành liễu quấy đều đều, mỗi lần uống một muỗng tre lớn ba muỗng, uống lúc đi ngủ. Uống 4, 5 lần thấy đại tiện thông lợi là được.

- *Đậu xanh* nửa cân, *đậu đỏ* nửa cân, *đậu đen* nửa cân, *Cam thảo* một lạng. Nước 4 thang nấu thật chín tùy thích mà ăn, ăn luôn 7 ngày thì khỏi.

- *Cá chép* thứ đen, lớn 1 con, nhỏ 2, 3 con, chiều 30 Tết, lúc nhá nhem tối lấy nước nấu cá sôi lên, chờ nguội đem tắm khắp mình trẻ, nhất là 7 chỗ khiếu, đừng ngại tanh.

- *Dây mướp* phơi dâm cho khô, nấu tắm.

- *Mật chim vạc* 1 cái, hòa với nước mà uống, thì vĩnh viễn không lên đậu hoặc có lên cũng nhẹ.

- *Chim cú ngói* nhiều màu, tối 30 tết, bắt 1 con làm thịt nấu hoặc nướng cho trẻ ăn, và lấy nước ấy mà tắm cho nó, thì lên đậu ít, thưa.

- *Lá mộc tê*, nấu nước, già trẻ lớn bé nên uống thay chè hoặc tắm đều hay.

- *Cá diếc* 1 con, đánh vảy, móc bỏ ruột, đừng cho dính nước, lấy rau ngò ri giã nhỏ, lại cho tí muối, dồn vào bụng cá, lấy giấy ướt gói nhiều lớp, vùi vào lửa than cho chín, chờ nguội cho bớt hỏa độc rồi cho trẻ ăn hết, rất hay.

- *Trùn đất* 1 con, *trứng gà quạ (gà đen)* 1 quả, xoi một lỗ nhỏ, dồn trùn vào, lấy giấy ướt gói lại, bỏ vào nồi luộc cho trẻ ăn, mỗi năm đến ngày lập xuân, cho ăn một trứng, hay lúc ở xóm diềng có người lên đậu thì làm cho trẻ ăn rất hay.

- *Trừ thoát đơn Xác ve, xác rắn, màng trứng gà. Móng tay cha mẹ đứa trẻ,* cắt ra. các vị đều bằng nhau, cộng 1 đồng cân, để trên miếng ngói mới sấy khô, tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hạt đậu xanh, đến tối 30 tết cho uống một lần 3 năm uống luôn ba lần thì không lên đậu.

- Ốc bươu, lá rau má, lá sung, lá mào gà đuôi nheo. Các vị bằng nhau tán nhỏ, hòa nước trong, bỏ bã mỗi ngày tắm cho nó, rất hay.

B - Thuốc dùng sau ba ngày phát sốt

1. Kinh trị đến mùa lên đậu, trẻ con mới phát sốt còn hồ nghi nên kịp thanh hỏa, giải biểu ngay cho nhẹ.

Tam đậu thang *Đậu xanh, Đậu đen, Đậu đỏ,* Ba thứ nấu chín mà ăn cả đậu và nước rất hay.

- *Cát căn* 1 phần, *Tía tô* 1 phần *cam thảo* nửa phần, sắc uống ấm.

- *Chi tử* 1 phần, *Rễ tranh* 1 phần, *Tía tô* 1 phần *Cát căn* 1 phần. *Cam thảo* nửa phần, *gừng sống* 3 lát, sắc uống.

- *Rau mùi* 1 nắm. Rượu 1 chén. Vò nát với rượu, ngậm phun vào khắp mình mẩy cùng giường chiếu trẻ nằm, phun ra như sương mù rất hay.

- *Hoa mai,* phơi khô, tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, tùy trẻ lớn nhỏ, một tuổi uống 1 viên, thêm mỗi tuổi uống thêm 3 viên, uống với nước nóng, ngày ba lần là khỏi.

2. Truyền trị trẻ con mới phát sốt, đậu còn chưa mọc, tắm để cho nhẹ và có mọc cũng thưa.

- *Lá rau dừa, lá sung, lá rau bợ, ốc bươu.* Các thức bằng nhau, giã nát hòa nước trong mà tắm ngày 1 lần, rất hay.

- *Lá cây sắn dây,* sắc nước đậm, đem tắm cho trẻ thì không phát đậu, nếu có phát cũng nhẹ.

3. Phần đậu từ lúc mới mọc đến khi bong vẩy, nên lấy quả mướp già, phơi khô, mỗi lần dùng 5 đồng, bắc 1 đồng, nấu nước uống thay trà.

C - Thuốc dùng trong ba ngày lên đậu.

Phàm lúc đậu mọc thấy nổi nốt đỏ lên như muỗi cắn thì lấy giấy cuộn lại, nhúng dầu đốt lên, soi khóe mắt cùng cạnh lỗ mũi, soi bên phải thì nhìn bên trái, soi bên trái thì nhìn bên phải, xem trong da sẽ thấy hoặc đỏ hoặc tía, hoặc từng khối, hoặc từng chấm rõ ràng như thấy mụn nổi ngoài da. Nếu trong thịt không có chân tức là sởi nếu trong thịt có chân ăn sâu tức là đậu, thì kịp dùng phương để thanh giải ngay.

1. Truyền trị lúc có đậu mới mọc.

Cỏ noc rắn, Cỏ mực, lá thanh táo, lá sung, lá dâu, lá rau má, măng lau, lá mũi mác, lá chân vịt. Các vị đều nhau giã nát, hòa vào với nước, bỏ bã, phun khắp mình mẩy như sương mù, ngày làm hai lần, rất hay. Phương này chỉ nên dùng vào trường hợp mình nóng dữ dội, nổi đậu màu tía, còn như bình thường thì chớ dùng.

2. Kinh trị độc đậu nóng quá, hoảng hốt.

Trùn đất 1 con giã nát, Ốc bươu lớn 20 con. Cùng ngâm nước ba bát lọc bỏ bã cho uống.

3. Truyền trị dậu mọc quá ba ngày mà chưa hết sốt thì nên giải nhiệt để thúc cho dậu ra thì bệnh tự nhiên khỏi.

- *Củ sắn dây* 1 củ, *Đậu xanh* 1 phần, *lá chàm* 1 phần, *Rễ tranh* 1 phần, *Mắt cam thảo* nửa phần, *Gừng sống* 3 lát. Sắc uống.

4. Kinh trị lên dậu, nhiệt lắm, hơi thở ra như có khói.

- *Hồng hoa,* sắc sôi cho uống, không hoa thì dùng hạt, giã nát sắc nước uống cũng hay.

5. Truyền trị vừa lên dậu vừa lên sởi.

- *Mộc thông* 2 đồng, *Cát căn* 2 đồng, *Chỉ xác* (bỏ ruột sao) 2 đồng, *xác ve sầu* (bỏ mõm và chân rửa sạch) 1 đồng, Gạo nếp 100 hạt. Bốc làm một thang, đổ một bát nước, sắc lên chia làm ba lần uống bất cần giờ giấc.

6. Kinh trị dậu mọc không tốt. Phương này có thể giải độc, tiêu thũng, định suyễn, hạ khí, khí đều thì dậu cũng đều.

- *Hoa cải củ* sắc nước uống thường rất hay, không hòa thì dùng hạt nghiền nhỏ hòa với nước nóng mà uống cũng hay.

- *Rễ cây chàm* 1 lạng, *Cam thảo* 1 đồng. Đều tán nhỏ, mỗi lần dùng nửa đồng hoặc 1 đồng, trích lấy *máu mồng gà* hai ba giọt hòa với chút ít rượu ấm mà uống rất hay.

- *Rau mùi* 2 lạng thái nhỏ, sắc với một chén to rượu, lấy vung đậy kín đừng cho bay hơi, chờ nguội, bỏ rau mùi, lấy rượu phun ướt như dầm sương từ đầu đến chân cho khắp (chừa mặt và đầu).

- *Qủa mướp* lấy phần gần cuống, độ ba tấc cả vỏ và hạt, đốt tồn tính, tán nhỏ, cho ít đường cát vào mà uống thì đậu mọc nặng sẽ trở nên nhẹ, nhẹ sẽ ít mọc, rất hay.

D - Thuốc dùng trong ba ngày đậu cương

1. Kinh trị lúc dậu cương, nên dùng "Hòa sướng thang" để giải khí độc và để mưng mủ.

- *Kinh giới* 1 đồng, *Bạc hà* 1 đồng, *Cành tía tô* 1 đồng, *Cam thảo tiết* nửa đồng. *Gạo nếp* 100 hạt, *Gừng sống* 3 lát cùng sắc uống.

2. Kinh trị dậu đã cương gặp khí độc lại lặn xuống.

Hạt tràm (cả na) bổ đôi, sắc với nước uống chút ít, thì dậu cương ngay.

3. Kinh trị nốt dậu hãm vào, khí độc uất lại bên trong, sinh đại tiện ra máu, hôn mê bất tỉnh, là chứng rất nguy.

- *Vỏ trứng gà ấp* (bóc bỏ màng bên trong), sấy trên miếng ngói mới, tán nhỏ, mỗi lần uống nửa đồng với nước nóng thì cương ngay.

4. Kinh trị nốt dậu, gặp phải phong hàm ở ngoài xâm nhập vào nên mới mọc mà lại tẹt xuống, không cương lên được. Dùng thuốc này mà chữa thì đều khỏi hết.

- *Lá sen già, dính sát mặt nước, lưng có sắc tía,* sao khô, *Bạch cương tàm* sao bỏ tơ. Hai thứ bằng nhau, tán bột, mỗi lần uống nửa đồng, lấy rau ngò ri nấu nước làm thang mà uống, nốt dậu cương lên dễ dàng ngay.

- Lấy một cục đá, nung đỏ, bỏ vào bát giấm để ngoài cửa buồng, hé cửa cho hơi bay vào thì dậu cương ngay.

5. Kinh trị dậu mọc bị tẹt xuống, hoặc biến sắc đen, môi miệng lạnh như nước, nguy cấp lắm.

- *Bọ chó* (bù chét) 7 con, nghiền nhỏ, hòa với chút ít rượu mà uống, tức thời dậu mọc đỏ tươi Thực là thuốc khởi tử hồi sinh.

6. Kinh trị dậu mọc không tốt hoặc hãm đen và khát nước.

- *Vỏ quả vải,* sắc cho uống rất hay.

7. Kinh trị dậu rạp xuống hám đen phát co giật.

- *Nhựa cây đào* 1 cục. Sắc sôi mà uống, hoặc cô thành cao, nhỏ rượu vào chút ít mà uống, thì mọc tốt và rụng bay cũng dễ.

8. Kinh trị dậu mọc không tốt, hám đen vào.

- *Răng người* 1, 2 cái, để vào cái bình sành, ngoài đập bùn, chét kín, đem nung, tán nhỏ, lấy huyết heo đực hòa tan mà uống, hoặc vì uống thuốc hàn lượng, huyết hãm nên sinh dậu hãm thì cho *xạ hương* vào chút ít, hòa với nước và rượu, mà uống rất hay.

E - Thuốc dùng trong ba ngày mưng mủ

1. Truyền trị dậu đến kỳ mưng mủ, nên cho uống phương thuốc "Bài nùng thác lý" này làm cho mủ dậu dầy đặc sau dễ thu áp mà không sinh chứng khác.

- *Kinh giới, hạt hồng hoa, kim ngân hoa, dây kim ngân, lá sung.* Các vị đều nhau, *Cam thảo* nửa phân, *gừng sống* ba lát, sắc nước uống, nếu mủ sưng không dầy đặc, thì thêm nhúm gạo nếp.

- Thường ăn cháo nếp, rất hay.

2. Truyền trị dậu mụn mưng mủ không dầy đặc.

- *Sâu (bù xe) trong cây dậu* (nam 7 nữ 9). Gạo nếp 1 vốc. Cùng nấu cháo, ngày cho ăn ba lần, thì mủ đầy ngay, thật là thuốc rất hay.

- *Lá gáo nước, Dây kim ngân, Hạt dậu đỏ.*Cùng sắc sôi, chờ ấm, phun nhè nhẹ vào khắp mình trẻ, mỗi ngày hai lần, công hiệu rất chóng.

3. Truyền trị dậu không nung mủ, mà rạp xuống, hám đen hoặc trắng nhạt rồi phát ngứa rất nguy khốn.

- *Xuyên sơn giáp* ba miếng, nướng vàng sắc nước mà uống, ngày 2, 3 lần, mủ sẽ sưng lên..

4. Truyền trị dậu không mưng mủ, da mỏng nổi phồng lên.

- *Lá bạc hà, Kim ngân hoa.* Hai vị đều nhau, sắc đậm chờ nguội phun nhè nhẹ vào, ngày ba lần, thấy nốt mưng mủ là được.

5. Kinh trị dậu biến sắc đen.

- *Xuyên sơn giáp,* sao với cáp phấn (bột vỏ hến) cho vàng, rồi sàng bỏ bột cáp phấn, tán nhỏ, mỗi lần uống năm phân, cho *xạ hương* vào, mỗi lần uống năm phân, mỗi tuổi thêm một hạt uống với chút rượu thì thấy sắc đỏ liền, công hiệu rất hay.

6. Kinh trị nốt dậu bị đe.

- *Máu trong tim (huyết hậu của heo đực)* 1 đồng, *Long não* 1 phân. Nghiền đều, hòa với rượu mà uống, chốc lát, nổi đỏ lên, rất hay. Dùng huyết hậu tháng chạp, để vào bình sạch phơi khô càng hay.

- Chặt đuôi heo, lấy máu cho *ít Long lão* hòa với nước uống cũng hay.

G - thuốc dùng trong thời kỳ ba ngày thu áp (dậu rạp)

1. Kinh trị nốt dậu không thu áp.

Ngà voi, cạo lấy phấn, bỏ vào cái chảo than, sao vàng, tán nhỏ mỗi lần uống bảy tám phân, trẻ lớn uống 1 đồng với nước sôi rất hay.

2. Kinh trị đậu đã quá kỳ không thu áp.

Xuyên sơn giáp, đốt tán bột, *Xạ hương* chút ít. Hòa với nước mà phết vào thì thu áp ngay.

3. Kinh trị nốt đậu lở loét đau đớn.

Bách hoa cao: *Mật ong,* lấy lông cánh quạ chấm vào phết rất hay.

4. Kinh trị đậu giập loét không thu áp:

Vô ốc trắng ở tường đất lâu năm càng tốt, lấy về rửa sạch, đốt tán nhỏ, rắc vào, khô ngay.

5. Kinh trị nốt đậu loét giập chảy nước không ngớt.

- *Kén dộ* (tằm biển) tùy theo vết loét nhiều ít, lấy *phèn chua* tán nhỏ nhét vào kén cho đầy, nướng trên miếng ngói cho khô. tán nhỏ rắc vào rất hay.

6. Kinh trị lúc đậu thu áp, nhiệt độc quá nhiều, hoặc gặp phong tà độc khí làm cho một nốt đậu giập loét ra:

- *Tranh lợp nhà* đã lâu năm, lấy nhiều tán nhỏ rắc vào, hoặc lở loét nhiều thì rắc khắp chiếu cho nằm một đêm thì khô mà đóng vảy, tự rụng.

- *Đậu đen* nghiền thành bột rắc vào.

7. Kinh trị nốt đậu lở loét, thối sinh giòi.

- *Lá chè già* lấy lúc sau tiết sương giáng, *Bạc hà.* Hai thứ đều nhau, sắc đậm mà rửa, giòi sẽ chết. Hoặc trước đốt lá ngải cứu ra khói mà xông rồi sau rửa càng tốt.

- *Lá liễu non,* rải trên chiếu cho nằm, giòi ra hết thì khỏi.

8. Thuốc tắm sau khi đậu thu áp.

- *Bạc hà, lá từ bi, lá thanh táo, Lá bồ hòn, Kinh giới, Củ nghệ, Lá mần tưới.* Cùng nấu nước mà tắm.

- *Lá sắn dây* 1 nắm lớn, sắc đậm, ngày thường tắm, rất hay.

H - Thuốc dùng trong thời kỳ bong vảy

Kinh trị lên đậu đóng vảy không bong, thành vết bầm.

Rau sam giã lấy nước cốt, chế với *mỡ heo, mật ong* đều nhau, cô thành cao thường thường phết vào, vảy sẽ bong mà kéo da non.

I - Thuốc trị các tạp bệnh lúc lên đậu

1. Kinh trị lên đậu, nôn khan vì hỏa độc ở dạ dày.

- *Lá tre* 30 lá, *Tim bấc* 30 sợi. Nước 1 bát, sắc sôi, uống ấm, thường uống rất hay.

2. Truyền trị lúc lên đậu có chứng đau vùng tim do độc công vào.

- *Chỉ thiên* (Tiên hồ nam) rễ và lá, một nắm, thái nhỏ, nước một bát, sắc còn phân nửa, chờ nguội, hòa với bột (sắn dây) 1 đồng cân mà uống thì yên.

3. Kinh trị lúc lên đậu có chứng sình bụng ăn không tiêu cho chính khí không điều hòa.

- *Hoắc hương, hương phụ mễ.* Hai vị đều nhau, tán nhỏ, nấu nước sôi để ấm uống 1, 2 đồng, yên ngay.

4. Truyền trị lên đậu sinh đau họng.

- *Lá mướp* rửa sạch, giã nhỏ, cho vào tí muối, giỏ vào trong họng thì khỏi

- *Cỏ nụ áo, Lá xương rồng, Cam thảo.* Chế nước vào xấp xấp sắc sôi lên từ từ nhấp từng hớp một là khỏi. Hoặc mỗi ngày thường uống chút ít để phòng ngừa trước cũng tốt.

5. Truyền trị lúc lên dậu, khàn tiếng vì dờm táo.

Rễ cây mơ 1 nắm, rửa sạch, giã nhỏ, nước 1 bát, sắc còn phân nửa, từ từ nhấp uống tiếng sẽ trong lại.

6. Kinh trị lên dậu hư phiền, suyễn thở, tiểu tiện không thông.

- *Tim bấc* 1 nắm, *Mai ba ba* 2 lạng nước 1 thăng rưỡi, sắc còn phân nửa, chia 2 lần uống, sẽ khỏi.

7. Truyền trị lúc lên dậu đi tả lỵ.

- *Rau dừa nước, Vỏ cây vải, Hạt mã đề sao.* Các vị đều nhau, sắc cho uống lúc đói, thì hết.

- *Mã đề* cả lá và rễ, *Rau dừa nước, cỏ seo gà.* Đều nhau, sắc uống. Đi tả luôn, thêm *vỏ cây vải sao.* Đi lỵ ra máu, thường thêm *Thuyết tảo căn và rễ cỏ tranh.* Đi lỵ ra mũi thêm *lá sen lụi.*

8. Truyền trị lúc lên dậu vì nhiệt khí không lụi đi dái vàng, đỏ hoặc đi ra máu, đau nhức.

- *Hạt mã đề, Rễ cỏ tranh, Mộc thông, tim bấc.* các vị đều nhau, sắc sôi vài dạo, dùng *sừng tê ngưu* mài vào mà uống rất hay.

9. Kinh trị lúc lên dậu phát ngứa.

- *Xác ve sầu* 21 con, bỏ mõm chân rửa sạch, *Cam thảo nướng.* Mỗi thứ bằng nhau, sắc uống khỏi ngay.

- *Chè hương* đốt cho lên khói, thường xông trong buồng người bệnh nằm rất hay.

- *Củ ráy ngứa* thái 5, 6 lát sắc lên, hòa với tí mật, mỗi buổi sáng lấy lông chim chấm thuốc phết vào khỏi ngay, khi phết kiêng dùng lông gà, vì hay động phong mà ngứa thêm.

- *Hoa nhân trần, Hạt kinh giới* đều nhau tán nhỏ, dùng giấy cuộn làm mồi to bằng ngón tay, đốt xông chỗ ngứa là yên. Ngoài lấy lông ngỗng phết thuốc vào chỗ ngứa, đến khi khỏi thì thôi.

10. Truyền trị trẻ con lúc lên dậu sinh nghiến răng.

Răng người, răng heo, răng chó mài với nước giếng mà uống rất hay.

K - Thuốc chữa tạp bệnh sau khi dậu khỏi

1. Phương thuốc kinh nghiệm phòng dậu chạy nọc vào mắt.

- *Hột cải trắng* tán nhỏ, hòa với nước bôi vào lòng bàn chân sẽ dẫn độc xuống được không cho vào mắt rất hay.

2. Kinh trị sau khi dậu khỏi mờ mắt.

- *Thiên hoa phấn, xác rắn.* Hai vị đều nhau, rửa sạch, sao khô nghiền nhỏ lấy *gan dê* mổ ra đổ thuốc vào dùng nước cơm nấu chín xắt ra ăn, độ 10 ngày thì khỏi.

3. Truyền trị sau lúc mới khỏi mắt bị kéo mây.

- *Rễ hoàng đằng* thái nhỏ, nấu cách thủy ra nước đậm một bát, đem ra chờ bớt nóng cho máu lươn vào 3, 4 giọt, mài *phèn chua* vào chút ít, thường nhỏ vào mắt thì khỏi.

4. Kinh trị sau lúc dậu khỏi vì chạy nọc vào mắt mà kéo mây:

- *Tổ bọ ngựa cây dâu* nướng đen tán nhỏ, cho *xạ hương* vào chút ít, hòa với nước cơm mà uống, mỗi lần một cái hay lắm.

- *Xác ve* rửa sạch, bỏ đầu chân, *Hoa cúc trắng*. Hai vị đều nhau, mỗi lần dùng hai ba đồng, nước một bát sắc còn sáu bảy phân, hòa vào chút *mật*, uống ấm là khỏi.

- *Hạt màng tang* tán nhỏ, lấy chút ít thổi vào lỗ mũi 5, 3 lần là khỏi.

Móng chân giò heo đốt tán nhỏ, nấu sôi chờ lắng xuống, gạn lấy nước trong mà rửa rất hay.

5. Kinh trị phát ban hoặc lên dậu mắt sinh màng, nửa năm trở lại thì có thể trị, lâu quá thì không thể trị.

- *Móng deo chân giò heo* 3 lạng, cho vào bình đất, trét bùn kín đem nung, *Xac ve sầu* bỏ chân, rửa sạch một lạng, *Linh dương giác* cạo nhỏ một phân. Cùng tán nhỏ, trẻ mỗi tuổi uống 1 đồng, 3 tuổi trở lên uống 3 đồng với nước nóng, ngày uống ba lần rất hay.

6. Truyền trị dậu mới khỏi, do phong nhiệt mà sinh lở.

- *Gạo tẻ* giã nhỏ thành bột mà xoa vào khô ngay.

- *Cứt dê* đốt tồn tính tán nhỏ, hòa *dầu mè* mà xức rất hay.

7. Kinh trị sau lúc lên dậu bị sang độc, lở loét không thu miệng được.

- *Vỏ ốc vặn* lấy ở vách đất lâu năm, rửa sạch, đốt tán nhỏ rắc vào.

- *Hột quả vải* mài với nước cho đặc như bùn, phơi khô, tán nhỏ mà rắc, hoặc mài với nước mà xức cũng hay.

8. Kinh trị lên dậu khỏi rồi sinh ung độc.

- *Xích tiểu đậu* tán nhỏ lấy lòng trắng trứng gà hòa đều thường bôi vào sẽ tan.

- *Đậu đen, đậu xanh, đậu đỏ* đều bằng nhau tán nhỏ, hòa với *Giấm* mà bôi vào sẽ khỏi.

9. Truyền trị trẻ con sau khi lên dậu, nọc độc kết thành dinh nhọt, lúc mới phát thì dùng.

- *Cỏ nụ áo* giã nát cho vào tí *Long não* trộn với *lòng trắng trứng gà* nặn thành bánh mà đắp, khô thì thay cái khác ba bốn lần là khỏi. Rất nhanh.

- *Dây kim ngân, kim ngân hoa, ngưu tất*. Các vị đều bằng nhau, thái nhỏ sắc uống, bên ngoài dùng ba thứ đậu đã nói ở trên mà đắp vào.

- *Rau sam* giã lấy nước cốt, cho mỡ heo vào phân nửa, cô thành cao mà dán hết ngay.

10. Truyền trị sau khi lên dậu mới khỏi, không lở không ngứa không sưng không đau, bỗng chốc tay chân co quắp khó duỗi.

- *Áo hạt bàm bàm* (bỏ nhân lấy vỏ) mài với nước cho đặc lại lấy *Cỏ mực* nghiền nhỏ hòa vào, dùng lông gà chấm mà phết vào chỗ co quắp, ngày phết 10 lần, dần dần sẽ duỗi ra được, có *Sừng tê giác* mài vào càng hay.

- *Hành* sắc cho uống cũng khỏi.

11. Truyền trị trẻ con bỗng nhiên trên mình nổi mụn bọng nước.

- *Cỏ mực nát* 1 nắm rửa sạch, nước 1 bát, sắc còn phân nửa, uống ba hợp lại lấy nước ấy bôi xoa vào, sẽ khô và trốc hết.

L - SỞI (trái đỏ)

Sởi thì nốt mọc lên như hạt mè lan thành từng mảng, còn đậu thì nốt mọc như hạt đậu lan thành từng hạt, đều là tiếng tượng hình. Hai bệnh ấy đều do một căn nguyên là *Thái độc*, nhưng đậu thì phát ra ở ngũ tạng, tạng thuộc âm, chủ huyết, nên đầu có hình mờ có nốt,

chứng có hàn có nhiệt. Còn sởi thì phát ra ở lục phủ, phủ thuộc dương, chủ khí, nên sởi có hình mà không thành mủ, chỉ có chứng nhiệt mà không có chứng hàn.

Chứng phát ra đã khác thì cách chữa cũng khác nhau; Cách chữa đậu phải củng cố bên trọng phải dùng thuốc bổ, chữa sởi không củng cố bên trong chỉ nên phát tán, chỉ có lúc đầu mới phát thì có thể phát tán là điểm hơi giống nhau; đến khi đã mọc ra thì đậu nên bổ khí để sinh huyết, còn sởi thì nên bổ âm để ất bớt dương đó là nguyên tắc chính.

Lại lúc đầu sởi mọc phần nhiều giống ngoại cảm. Nhưng sởi thì ho, chảy mũi sổ mũi, chảy nước dãi trong, mi mắt hơi sưng, nước mắt chảy ràn rụa, mắt mặt hơi phù, hai má đỏ hồng, lợm mửa, ọe khan. Hễ thấy chứng trạng này nên tránh gió rét cẩn thận, đừng cho ăn đồ tanh cay, dùng thuốc tán biến làm cho da dẻ thớ thịt mở ra thì độc sởi để ra.

1. Kinh trị sởi đã mọc mà đại tiện đi lỏng.

Hạt mã đề sao qua sắc uống, nếu đái không thông, thì gia *Mộc thông*.

2. Kinh trị sởi đã mọc mà sốt không hạ, ho không bớt.

- *Thiên môn đông* bỏ lõi và vỏ. *Thiên hoa phấn, Tang bạch bì* (tẩm mật sao) *Tía tô* bốn vị đều nhau, *Cam thảo* một ít. Cùng sắc uống sẽ khỏi.

- *Kinh giới, Địa cốt bì. Vỏ rễ dâu, Lá xương sông, Chua me đất các vị đều nhau, sắc uống ấm, như đại tiện lỏng thì bỏ chua me đất.*

3. Kinh trị thời tiết không lành, hay phát ra chứng sởi, ban đầu thì mình nóng, nhức đầu, ho, sổ mũi, nên uống thuốc này, nếu cảm thấy phong tà thì thanh nhiệt tán tà, nếu phát sởi thì giảm độc sơ thông nhẹ.

- *Bột chàm* 1 muỗng hòa với nước mới múc mà uống.

- *Cát căn* 1 phần, *Tía tô* 1 phần, *Cam thảo* nửa phần, *Hành* ba củ, sắc uống nóng.

4. Kinh trị phát sốt 6, 7 ngày, sởi mọc ra không tốt, hoặc mọc rồi lại lặn là do lỗ chân lông bít kín hoặc phong hàn ngoại cảm độc công vào trong làm cho thổ tả nóng hoảng.

- *Lá liễu* phơi khô sao tán nhỏ, mỗi lần dùng 1, 2 đồng, lấy *rễ tranh* rửa sắc nước làm thang mà uống. Ngoài dùng một nắm *Rau mùi* (ngò rí) thái nhỏ, sắc với rượu cho sôi, nhấc xuống chờ nguội dần, lấy *Vỏ cây gai* vỏ mềm chấm vào nước xoa đầu mặt chân tay, sởi mọc được thì yên

5. Kinh trị sởi đã mọc mà sốt chưa giải, phổi nóng như đốt, dạ dày khô ráo, làm cho phiền khát uống nước nhiều.

- *Mạch môn đông* bỏ lõi *củ sắn dây, thiên hoa phấn, hạt dành dành* (ngâm Đồng tiện sao đen). Mỗi vị một đồng *lá tre* 10 lá sắc uống thì khỏi, nếu có *Tê giác* mài vào càng hay.

- *Cây hành* sắc uống thì khỏi.

6. Kinh trị sởi đã mọc mà sinh ỉa chảy.

- *Hột mã đề* sao qua sắc uống. Nếu bí đái thì thêm *Mộc thông*.

Hạt mã đề, rau dừa nước bằng nhau sắc uống.

7. Kinh trị sởi đã mọc mà vẫn sốt nóng ho không dứt.

- *Thiên môn đông* (bỏ vỏ, lõi), *Thiên hoa phấn, vỏ rễ dâu* (tẩm mật sao), *Tía tô*, các vị bằng nhau. *Cam thảo* một ít sắc uống.

- *Kinh giới, Địa cốt bì, Vỏ rễ dâu, lá xương xông, chua me đất,* bằng nhau sắc uống lúc thuốc còn nóng. Nếu đi ỉa chảy thì bỏ bớt chua me đất.

Bảng VIII

Dây chạc chìu

Dây quai bị

Mơ lông

Thiên niên kiện

Bạch hoa xà

(Đuôi công)

Tầm phỏng

Kế hoa đào

(Kế ươm)

Mảnh cộng

Rau rút

Vông vang

NAM DƯỢC THẦN HIỆU

Mười khoa chữa bệnh

QUYỂN X

CÁC BỆNH NGOẠI KHOA

I - ĐỚN SƯNG (vô danh thũng độc)

Vô danh thũng độc là chứng độc tu lại, sưng lên không thể gọi tên được, không cứ chỗ nào, đầu mắt, tay chân ngực bụng, bỗng nhiên nổi đỏ, sưng cứng kết cục đau nhức, mà không đầu không miệng chứng ấy cũng gọi là hư mãn, nên tùy chứng mà chọn phương.

1. Kinh trị mọi chứng thũng độc:

- Nhựa thông bỏ vào nồi đất, cô cho đặc, nhỏ vào nước không tan, 4 lang *Gỉ đồng 1 đồng, Hạt thầu dầu 2 đồng rưỡi*, hai vị cùng tán nhỏ cho nhựa thông vào quấy đều, làm thuốc cao mà dán vào chỗ đau, rất hay.

- *Cóc một con,* chặt nhỏ, *Vôi đã dập* vỡ nát, sao vàng. Hai thứ cùng giã như bùn mà đắp vào, khô lại thay làm đến tiêu hết mụn độc mới thôi.

2. Kinh trị nhọt sưng không có đầu:

- *Gai bồ kết* đốt tán nhỏ *Đinh hương, Đại hồi, Đại hoàng, Hạt vông.* Các vị đều nhau, như chỗ nhọt mới nổi lên mà chưa làm mủ thì dùng dầu mè nấu với thuốc trên cho thành cao mà phết vào.

- *Xác rắn* đốt ra tro tán nhỏ, trộn với mỡ heo mà bôi tiêu ngay

3. Kinh trị nhọt độc chạy chỗ này sang chỗ khác.

- *Củ thiên niên kiện, Hạt gấc.* Hai vị bằng nhau, mài với rượu ngon mà phết, rất hay.

4. Kinh trị thũng độc mới phát.

- *Củ khoai mài* còn cuống, *Hạt thầu dầu, Gạo nếp.* Các vị đều nhau cùng ngâm nước mà nghiền nhỏ ra rồi đặt vào là tan ngay.

- *Hạt cải trắng* tán bột hòa với giấm mà đắp vào, tự tan.

- *Bèo vân* giã nát đắp vào là tiêu ngay.

- *Dầu mè* cho nước hành vào cô đến thấy sắc đen, nhân lúc còn nóng, đắp vào, tự tiêu.

- *Giấm* hòa với *đất trùn đùn* mà đắp thì tiêu.

- *Củ chuối hột* giã nát, đắp vào.

5. Kinh trị độc công ra tay chân sưng đau như muốn gãy:

Cây kê đầu ngựa giã lấy nước mà ngâm, và lấy bã đắp vào chỗ sưng đau là kiến hiệu ngay. Mùa xuân dùng mầm non, mùa đông dùng hạt.

- *Hoa kim ngân,* cả cành và lá, giã sống lấy nước 1 bát nấu còn 8 phân cho uống, lấy bã đắp lên, không có thứ tươi thì dùng thứ khô, sắc nước cho đặc mà uống công hiệu càng hơn.

- *Hạt thầu dầu* giã nát rịt vào kiến hiệu ngay

- *Hồng hoa* giã nát, trộn nước vào, vắt lấy nước mà uống, chỉ uống 3 lần là tiêu hết.

6. Kinh trị phong độc bỗng nhiên sưng, đau nhức nhối:

- *Vỏ cây liễu,* cạo bỏ vỏ ngoài lấy vỏ trắng, giã nát hòa với rượu sao nóng, chườm vào chỗ đau, rất công hiệu.

- *Củ hành* giã nát, một vài vốc đổ vào nửa bát giấm thanh để lâu năm, nấu chín, gói vào vải mà chườm là hết sưng.

- *Rễ cây thương lục* lấy dao tre cạo lấy vỏ trắng giã nát cho vào ít muối đắp vào buộc chặt lại, ngày thay hai lần rất hay.

7. Kinh trị bị phong sưng ngứa nhiều đau ít:

- *Phèn tàm, muối* đều bằng nhau, giấm chút ít. Cùng sao nóng gói vào khăn vải mà chườm, nguội lại thay hết sưng ngay.

8. Kinh trị mình và mặt bỗng nhiên sưng to:

- *Hạt thỏ ty* 1 thăng, rượu 5 thăng, ngâm 2, 3 ngày, mỗi lần uống cho gần say, ngày uống 3 lần là công hiệu.

9. Kinh trị bỗng nhiên phát sưng đỏ:

- *Bã rượu* xát vào luôn luôn thì tiêu.

10. Kinh trị vì lội nước mà tay chân sưng đau:

- *Hạt mè* giã sống đắp vào thì tiêu hết.

11. Kinh trị mang tai sưng đau và dưới cổ sưng phù:

- *Ốc sên* 8, 9 con giã lẫn với *bột mì* đắp vào chỗ sưng, là hết sưng.

12. Kinh trị phong nhiệt mà mang tai sưng.

- *Qua mướp*, đốt tồn tính, tán nhỏ hòa với nước mà đắp, thì hết sưng.

- *Đậu đỏ* tán nhỏ trộn với *mật ong* rịt vào 1 đêm là tan hết. Hoặc dùng *lá Phù Dung* giã nát rịt vào cũng hay.

13. Truyền trị các chứng sưng lở, cũng chữa chứng đau khắp chân tay.

Lá vấy ốc, lá ràng cua giã lẫn với một ít muối, giấm, vắt lấy nước cốt cho uống một chén, bã đắp vào chỗ đau. Nấu cháo đậu xanh cho ăn thường xuyên, sắc nước *Kim ngân hoa* cho uống thay nước chè. Đã làm mủ thì thêm *Lá phèn đen, Bẹ ráy tím*, cùng giã nát mà đắp rất hay.

II - MỤN NHỌT (UNG THƯ)

Ung là tắc lại mà sưng to, thư là trễ lại mà đau dữ, cả hai tuy đều phát ra bên ngoài mà căn bản là do khí huyết trong tạng phủ. Bởi vì trạng thái khí huyết mất điều hòa, mừng giận thất thường, ăn uống không điều độ, nóng rét chẳng điều hòa, ăn nhiều đồ cao lương hậu vị xào nướng quá nóng, hoặc do tửu sắc vô độ, cử động xằng xiên, hay dùng sức thái quá đều có thể gây nên bệnh. Độc sinh ra hư nhiệt bên trong nung nấu khí huyết làm cho ngưng trệ không chạy khắp mà biến thành ung thư.

Phát bệnh có khác nhau ở chỗ to, nhỏ, nặng, nhẹ, nông sâu. Ung thuộc phần dương, do tích nhiệt ở lục phủ mà sinh ra, bỗng mọc ra ngoài da thực hình nó to mà nhô cao lên, đau nhức dữ lắm. Thư thuộc phần âm, do phong độc tích nhiệt ở ngũ tạng, công phá ra cơ nhục, phát bệnh rất hiểm độc ban đầu mọc một cái ngòi mờ mờ, sắc trắng khô đét, chạm vào đau thấu đến tim.

Cho nên, ung thời dễ chữa mà thư thì chậm lành khó khỏi. Ung thư là một bệnh nguy hiểm hàng đầu trong các bệnh nhọt lở. Bệnh tính cấp cho nên việc điều trị cần ở lúc mới phát vì như chữa cháy phải chữa lúc mới cháy.

Về phép chữa khi thế bệnh chưa vỡ, độc khí đang công bên trong, một tí thuốc nóng cũng không được dùng, ngược lại khi đã phá miệng tạng phủ đã hư, ăn uống không ngon thì một tí thuốc hàn lương cũng đừng dùng đến. Như vậy mới đúng theo phép chữa từng thời kỳ trước sau.

Xét chứng hư thực:

Ấn tay nặng vào mới đau là bệnh đã sâu; chỉ khẽ ấn mới đau là bệnh còn nông, ấn vào lõm xuống lấy tay lên hết lõm là có mủ, ấn tay vào lấy tay lên không lún là không có mủ, nếu ấn tay vào đều cứng là chưa có mủ, nửa cứng nửa mềm là có mủ.

Lại sờ vào phía trên, phía dưới đều không nóng là không có mủ, nóng lắm là có mủ.

Có mủ thì kíp phá cho vỡ đi, nếu không có mủ mà chỉ là chứng khí thũng hoặc có huyết thì phải cẩn thận, chớ nên châm chích khêu lở, mà nên dùng các thuốc đắp, cao dán hút độc.

Có trường hợp ra mỏ mà lại đau, đấy là chứng hư, phép chữa phải bổ, cũng có khi do bị uế khí mà đau thì phải tẩy uế. Cũng có do gió lạnh mà đau thì nên ôn dưỡng, làm như thế thì đảm bảo không gây hậu hoạn.

Kiêng kỵ:

- Lúc đang bệnh, kiêng lo âu, tức giận. Mình mẩy quần áo lúc nào cũng đảm bảo sạch sẽ, kiêng bẩn thỉu. Người đến thăm nom cũng vậy.

- Phải kiêng ăn cá, thịt dê, ngỗng, kiêng uống rượu mạnh, ăn quả xanh, các thức sống lạnh.

- Miệng nhọt chưa lành phải kiêng phòng dục, kiêng gần người chết. Nếu vi phạm thì ung thư tái phát mà họa không phải bình thường.

Thuốc chữa

1. Cao thương nhĩ. Truyền phương chữa tất cả các chứng ung thư phát bối ác sang, thũng độc, đinh nhọt lở ống chân (liêm sang), lở do bị đánh đập cùng mọi chứng phong ngứa, nhức răng đau họng, dùng dán vào chỗ đau thì công hiệu không kể xiết:

Kê đầu ngựa. Ngày 5 tháng 5 âm lịch nhổ lấy cành, lá, quả, rễ đem về rửa sạch phơi khô, thái nhỏ, cho vào nồi to đổ nước nấu ra nước đậm, lọc bỏ bã rồi hỗn hợp cô thành cao, rót vào bình cất kín để dùng, khi dùng tùy chỗ đau to hay bé mà lấy giấy dầy, trát cao vào mà dán. Đồng thời mỗi ngày dùng 1 muỗng hòa với rượu mà uống, rất là hay. Uống cao này thì kiêng ăn thịt chó.

2. Cao thái huyền. Chữa mọi chứng ung thư phát bối, ác sang, đinh độc và lở ngứa, bất cứ đã vỡ mủ hay chưa vỡ mủ, có tác dụng trừ độc, hút mủ, lên da non, giảm đau, rất hay đã từng kinh nghiệm:

Ba đậu (bỏ vỏ và cán bỏ đầu) 3 đồng. *Hạt gấc* (bỏ vỏ) 3 đồng, *Hoàng đơn* 5 đồng, *Cành hòe, cành liễu, cành bồ kết, cành dâu.* Đều dùng cành bé bằng chiếc đũa, mỗi cành dài 7 tấc. Các vị thái nhỏ ngâm với dầu mè 1 đêm, hôm sau đem nấu nhỏ lửa, khi thuốc đã biến sắc đen thì lọc bỏ bã, cô thành cao, nhỏ vào nước lạnh không tan là đặt quy cách, rót vào bình, đem bình ngâm vào nước lạnh 3 ngày để tiết hết hỏa độc rồi cất đi. Khi dùng đem trát lên giấy mà dán.

3. Phép cứu. Chữa nhọt ở sống lưng mới phát, sưng đỏ đau nhức, trong 6 ngày có thể cứu được, ngoài 7 ngày là không thể cứu (đã kinh nghiệm):

- Dùng tờ giấy nhúng nước lạnh đem đắp trên chỗ có nhọt độc, coi chỗ nào khô trước tức là đầu nhọt kết tại chỗ đấy bóc giấy ấy đi, đặt một lát tỏi trên đầu nhọt để ngải lên trên mà cứu 3 mồi, lại thây lát tỏi, lại cứu, đau cứu đến hết đau, không đau thì cứu đến đau mới thôi.

Hoặc là nhọt độc có nhiều cồi thì lấy tỏi giã nát như bùn nặn thành bánh mà giải lên các cồi, bày nhiều mồi ngải mà cứu cũng y như trên, cần nhất là bệnh mới phát 2, 3 ngày là cứu ngay, bách phát bách trúng, thật là hay.

- Dùng *Tỏi* 10 củ. *Đậu sị* nửa vốc, Nhũ hương 1 đồng cân cùng nghiền nhỏ tùy nhọt to nhỏ mà khoanh một cái vòng bằng tre rồi dạt thuốc vào trong vòng ấy dầy hai phân, giải ngải nhung lên trên mà đốt, đau thì đốt đến ngứa, ngứa thì đốt đến đau, đốt đến 100 mồi thì bệnh tiêu tan.

4. Kinh trị ung thư phát bối và tất cả các loại thũng độc mới phát:

- *Mật heo* 1 cái, Hành 1 tép, Mật ong chút ít, cùng cho vào bát, nhồi nặn thành bánh, đắp vào chỗ đau, ngày thay 3, 4 lần là tiêu hết.

- *Rượu hoa hòe* chữa các chứng như trên. *Hoa hòe* 4, 5 lạng, sao vàng, lúc đang nóng chế vào 5 bát rượu, đun sôi hơn 10 dạo, lọc bỏ bã cho uống nóng, thũng độc sẽ tiêu ngay, rất hay.

- *Hoa hòe* sao qua, *Đào nhân* đều 2 lạng, cơm ủ rượu ngon 1 chén. Đun sôi hơn 10 dạo cho uống nóng, nhọt chưa thành thì uống 2, 3 lần, đã thành thì uống 1, 2 lần.

- *Hạt gấc* bỏ vỏ, dùng 5 hạt, *Phèn chua, Diêm tiêu, Bồ kết* (bỏ vỏ đen và hạt). Đều dùng 4 đồng cân, tán nhỏ luyện hồ làm viên bằng đầu ngón tay, phơi khô bỏ vào lọ cất kín không cho gió lọt vào. Lúc dùng lấy đọt chuối giã lấy nước mài với thuốc trên mà bôi, ngày đêm 4, 5 lần tiêu hết thì thôi.

5. Kinh trị ung thư phát bối đã hơn 10 ngày, sưng nóng đau nhức mà chưa làm mủ, dùng nhiều thứ thuốc mà không đỡ.

Trứng gà 10 quả (bỏ vỏ), *Cứt chó còn tươi,* trọng lượng tương đương với trứng gà, hai thứ trộn đều, để trên miệng ngói sao qua, nặn thành bánh mà đắp lên mụn nhọt, dùng vải băng chặt, hồi lâu kiểm tra xem, thấy chỗ ấy nóng lên thời thay cái khác, một đêm thì yên. Nếu nhọt phát đã lâu ngày thì thực hiện 3 ngày. Mỗi ngày thay một lần, đến khỏi thì thôi.

6. Kinh trị ung thư phát bối mới phát chưa thành:

- *Củ gai* giã nát đắp vào, ngay đêm thay đổi luôn là tiêu hết.

- *Gạc hươu* đẽo vụn tán nhỏ, trộn với giấm như bùn mà phết vào ngày làm 4, 5 lần tiêu hết

- *Gạc hươu,* mài với nước lã mà phết vào, khô thì phết nữa, phết đến tiêu tan thì thôi. Cần chừa trống ở giữa 1 lỗ cho nó tiết hơi độc. Rất hay.

- *Cóc* 1 con, hoặc 2, 3 con, mổ bụng để nguyên ruột gan đem áp vào mụn nhọt hồi lâu, hôi thối thì thay con khác, làm ba bốn lần là khỏi, hay không thể tả.

- *Xuyên sơn giáp* 1 lạng, trước dùng trấu đốt cháy hồng rồi vùi vảy ấy vào nướng giòn đem ra tán nhỏ, thêm vào một ít *Xa hương* liều dùng 2,5 đồng cân, uống với rượu thì tiêu tan hết.

- *Lá bỏng nước (móng tay nước)* giã lẫn với một ít muối, đắp vào, khô thì thay cái khác, chỉ làm 2 ,3 ngày là tiêu hết, bách phát bách trúng.

- *Lá môn nước* giã nát trộn với giấm, lá chuối gói lại nướng chín mà chườm, tiêu ngay.

- *Thạch xương bồ* tươi, giã nát đắp vào, nếu không có xương bồ tươi thì dùng xương bồ khô, tán nhỏ trộn với nước mà phết, phết đến tiêu hết thì thôi.

- *Bèo vân* giã nát, trộn với lòng trắng trứng gà, đắp vào thì tiêu hết.

7. Kinh trị ung thư phát bối và các loại vô danh thũng độc mới phát dùng cho người khỏe.

Hạt bìm bìm trắng, Hạt bìm bìm đen mỗi vị dùng một lạng, giã nát đổ vào một bát rượu ngon, sắc còn 8 phần phơi sương một đêm cho uống ấm, ỉa ra được máu mủ thì thôi.

8. Kinh trị ung thư phát bối và các loại vô danh thũng độc không cứ chưa thành hay đã thành, chưa làm mủ hay đã làm mủ rồi đều hay.

- *Lá phù dung* (hoặc dùng hoa, hoặc vỏ trứng) giã nát trộn với mật ong, đắp vào chung quanh mụn nhọt, chừa một lỗ ở giữa cho tiết hơi độc, khô thì thay cái khác, hoặc gia thêm đậu đỏ tán nhỏ càng tốt, hay không thể tả.

- *Qủa cà dại,* chín muồi hái nhiều về, nghiền nát gói vào khăn vải, vắt lấy nước cho vào nồi, đun nhỏ lửa cô thành cao, dùng 5 cái cành tre non mà quấy xong rót vào lọ cất kín, khi dùng trát lên giấy mà dán, khô lại thay, dán đến tiêu hết thì thôi, công hiệu qúi bằng ngàn vàng.

Hoặc dùng *lá cà dại* rửa sạch giã, vắt ra nước đặc trong uống ngoài bôi, ngày làm 3 lần, nếu đã rịt thuốc khác thì dùng lá *Thài lài tía,* 1 ít muối, vò lấy nước đặc mà rửa sạch chỗ nhọt độc rồi rịt thuốc này vào. Khỏi ngay.

- *Bồ kết* hái lần trước từ mùa xuân, sau lại hái nửa phần, phơi khô tán nhỏ, liều dùng 3 đồng cân uống với rượu nhạt sau bữa ăn, chưa thành mủ thì tiêu hết, đã thành mủ thì phá miệng.

- *Qủa bàm* 3 quả bỏ vỏ lấy nhân, đậu xanh 1/2 vốc, muối nồi chút ít, giã lẫn trộn với giấm đắp vào, khí nóng bốc lên là khỏi.

- *Cỏ roi ngựa* giã vắt lấy nước cốt cho uống bã đắp vào thì tiêu hết.

9. Truyền trị ung thư cùng mọi thứ nhọt độc uống bài này thì nhọt độc không phá hoại được.

Dầu mè 1 cân, nấu trong cái nồi bằng bạc (nhôm), sôi 20 dạo, chế vào một bát *giấm thanh,* chia uống 5 lần rất hay.

10. Kinh trị ung thư cùng nhọt độc mọc ở chỗ hiểm, uống bài này để khí độc không công vào trong:

- *Cao da trâu* 4 lạng, *rượu* 1 chén chưng cách thủy cho tan, tùy ý mà uống cho say. Bài này đã cứu sống nhiều người.

11. Kinh trị chứng âm thư phát ở lưng sắp chết:

- *Đất lòng bếp*; tán nhỏ, nhào với rượu như bùn phết vào chỗ đau, khô thì thay cái khác, phết đến hết thì thôi.

- Cũng bài trên, nhưng trộn với *giấm thanh* và tro *kế đầu ngựa* mà phết.

- *Củ chuối hột,* giã nát rịt vào.

- *Rau giấp cá,* giã vắt lấy nước cốt bôi lên, hoặc dùng lá chuối gói lại nướng chín đem đắp vào chỗ đau, chừa một lỗ chính giữa để tiết hỏa độc. Thay đổi luôn là có hiệu quả.

- *Ốc sên* 100 con, nước mới múc nửa bát. Cho vào chậu ngâm 1 đêm, sáng sớm bỏ ốc sên dùng nước ngâm ấy trộn với *cáp phấn* (vỏ hến đốt thành tro tán nhỏ) dính sệt như cháo đem phất vào chỗ đau.

12. Kinh trị chứng ung thư phát bối to bằng cái bát thối không lại gần được:

- *Lá vông,* giã nát xào với giấm mà rịt vào, đây là phương bí truyền, có tác dụng lui được sốt, giảm được đau, dần dần sinh da non, liền miệng, rất hay.

13. Kinh trị ung thư vì tức giận mà phát, uống bài này để dẫn khí lại hành huyết, nhọt sưng sẽ tiêu tan:

- *Hương phụ mễ* 1, 2 vốc, dùng *gừng sống,* giã vắt lấy nước ngâm một đêm rồi sấy khô tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân, uống với nước sôi, ngày uống 3 lần, rất hay.

14. Kinh trị ung thư dinh độc và tất thảy các thứ vô danh thũng độc:

- *Cúc đại,* dùng cả cành, lá và hoa, giã nát chế rượu vào đun sôi cho uống, bã dùng đắp vào chỗ đau là khỏi.

- Y phương trên, thêm *kê dâu ngựa* trọng lượng bằng *cúc đại.*

- *Đậu đỏ* tán nhỏ, trộn với nước đắp vào chỗ đau là tan ngay. Đã dùng nhiều, có kết quả.

- *Gừng khô,* sao biến sắc tím, tán nhỏ, trộn với *giấm* đắp vào chỗ đau, chừa một lỗ nhỏ ngay chính giữa để tiết hơi độc, sẽ tiêu hết.

- *Ổ tò vò,* tán nhỏ trộn với *giấm* đắp vào là tiêu ngay.

15. Kinh trị mọi thứ nhọt sưng.

- *Củ tóc tiên leo* mới đào dùng 3, 5 lạng, rửa sạch bỏ vỏ và lõi, mài trong cái nắp thạp (nhám), hòa với rượu ngon, lọc lấy nước uống hết một lần.

- *Đất lòng bếp, tỏi* cùng giã nát như bùn mà đắp khô lại thay cái khác, hoặc không có *tỏi* thì dùng 1 vái *lòng đỏ trứng gà* cũng hay.

- *Hà thủ ô* đỏ không cứ nhiều ít, dùng dao đồng cắt nhỏ, đổ nước vào sắc nhỏ lửa đến còn một nửa, đang nóng hòa cơm ủ rượu ngon vào, lại sắc sôi 3 dạo, thường thường uống là khỏi.

- *Mộc nhĩ* lấy ở cây nhãn, *Chỉ xác, Nghệ vàng.* Ba vị đều nhau, dùng *lá dưa chuột* vò lấy nước đặc mài 3 vị trên, cho vào một ít *Xạ hương,* trộn đều mà phết thì khỏi.

- *Củ tầm sét,* giã nát chế giấm vào dùng lá chuối gói lại nướng chín mà chườm, buộc chặt lại sẽ tiêu ngay.

- *Cây vú bò,* dùng một khúc cạo bỏ vỏ xanh, giã nát xào với *giấm* cho nóng mà đắp vào thì tiêu.

- *Hạt cải,* tán nhỏ trộn với *mật heo* hoặc *mỡ heo* mà đắp, ngày thay 3 lần là tiêu hết.

16. Kinh trị tất cả ung thư phát bối, dinh độc, sưng vú, hột xoài, đau họng song nga, đơn nga (VA, amidan), bất kể đã làm mủ hay chưa làm mủ.

- *Kim ngân hoa* dùng cả cành lá, giã nát, vắt lấy nước cốt nửa chén, chế rượu vào nửa chén, đun nóng lên cho uống. Mùa thu đông không có thứ tươi thì dùng thứ khô, sắc hòa rượu vào mà uống thì khỏi lo ngại.

- *Cá gáy* 1 con đốt ra tro tán nhỏ trộn giấm mà bôi.

- *Hoàng đơn* 3 đồng cân, *Hạt thầu dầu* 60 hạt, *Tóc đàn ông* đốt ra tro 2 đồng. Đều tán nhỏ. *Dầu mè* nấu thành cao rồi cho *Hoàng đơn* vào, quấy đều để dán. Hoặc cho vào một ít *sáp ong* cũng tốt.

17. Kinh trị ung thư với chứng Trường ung. Hột xoài, thuốc này có tác dụng củng cố tạng phủ, cắt cơn đau nhức, bảo hộ màng da, hóa chất mủ, nên cho uống lúc đã vỡ mủ.

- *Phèn chua* tán nhỏ, *sáp ong,* hai vị bằng nhau nấu sắp trước cho chảy tan, trộn với *phèn* làm viên bằng hột ngô đồng, liều dùng 20, 30 viên, ngày uống ba lần uống với rượu hoặc nước sôi.

18. Kinh trị nhọt độc sưng đau kêu khóc vang cả xóm, không nhắm mắt được, không ai biết bệnh gì:

- *Tỏi* 1 củ, giã nát, trộn với *dầu mè* mà đắp vào, khô thì thay cái khác, đã kinh nghiệm nhiều lần.

19. Kinh trị ung thư phát bối đá phá miệng:

- *Hạt thầu dầu* 1 vốc, nghiền nát, *giấm* lâu năm 1 bát, *muối* 1 nhúm, cùng cho vào nồi mà đun, dùng cành hòe quấy liền tay đến thanh cao. Khi dùng lấy nước vo gạo rửa chỗ tổn thương cho sạch, lấy lông gà chấm thuốc luôn luôn phết trên chỗ tổn thương, da sẽ nhăn lại, thịt sẽ sinh ra.

- *Ích mẫu thảo* giã sống mà đắp, rất hay.

- *Cứt trâu,* thứ lâu năm, phơi khô tán nhỏ dùng hai phân. *Mười nồi* 1 phân, nghiền chung cho đều đắp lên thì khỏi ngay.

20. Kinh trị ung thư đá phá miệng có giòi:

- *Gạc hươu,* đốt tán nhỏ, trộn với *giấm* đắp vào, hoặc dùng gac hươu mài với giấm.

- *Lá sầu đâu, mầm tre non* cùng giã nát đắp vào, chừa một lỗ chính giữa, giòi sẽ ra hết.

21. Truyền phương chữa đối khẩu sang mọc ở chỗ mí tóc sau gáy, bệnh này 10 người chết 7, 9, khi mới phát thì dùng:

- *Mỡ heo* sống trắng sạch, thái lát mà dán vào mụn, ngày thay 3, 5 lần là tiêu.

- *Máu mồng gà,* nhân lúc đang còn nóng phết vào làm đến hết mới thôi.

22. Kinh trị mọi chứng đinh lở nhọt độc, không biết tình trạng:

- *Bọ hung* 1 con, giã nát đắp vào tự khỏi.

23. Kinh trị chứng Thạch ung, cứng như đá không có mủ:

- *Xác rắn lột,* sao tán nhỏ trộn với rượu mà đắp, 1 đêm là khỏi.

24. Truyền trị ung nhọt sưng cứng không có cồi, không biến sắc:

- *Hành* 4 lạng, sao cháy giã nát trộn với *giấm* mà rịt vào, hồi lâu thay cái khác, hết thời thôi.

Phương khác chỉ dùng *củ hành* sao nóng giã nát cho vào túi vải mà chườm, nguội thời thay cái khác.

25. Kinh trị ung thư phát bối, lâu ngày không phá miệng, uống thuốc này có tác dụng bài nùng thác lý (tống độc ra ngoài và làm nung mủ):

- *Gai bồ kết,* không cứ nhiều ít, cho vào cái lọ sành với *muối* 1 vốc, đất bùn đắp bên ngoài, đốt lửa nung tồn tính rồi rải ra chỗ nguội, tán nhỏ, liều dùng 1 đồng cân, dùng *rượu nhạt* đun nóng lên mà uống với thuốc, mùa hè thì dùng nước vo gạo lâu năm làm thang.

26. Kinh trị ung thư, các thứ sưng vú đã làm mủ mà không phá miệng.

- *Tổ kén* 1 cái, đốt tồn tính, hòa với rượu cho uống là phá miệng, không nên dùng 2, 3 cái, vì nó sẽ phá ra 2, 3 miệng.

- Dùng 2 cái *lông cánh gà trắng,* đốt tán nhỏ cho uống là vỡ ngay

- *Cứt chim sẻ,* hòa với nước như bùn, đắp vào đầu nhọt sẽ phá miệng.

- *Ban miêu* 1 con, sao tán nhỏ, *Tỏi,* trọng lượng bằng *Ban miêu* cũng giã nát trộn với nước làm viên bằng hạt đậu, đắp vào đầu nhọt là nhọt sẽ phát miệng. Khi phá miệng rồi là phải bỏ thuốc ngay.

27. Kinh trị mụn nhọt sau khi phá miệng lõm sâu, không thu miệng.

Lá mướp giã vắt lấy nước cốt, bôi vào luôn luôn.

28. Kinh trị ung thư sau khi phá miệng lâu ngày không thu miệng:

- *Cứt trâu,* đốt tán nhỏ, trộn với *lòng trắng trứng gà* thành như bùn đem phết xung quanh miệng nhọt, rất tốt.

- *Bắt 1 con chuột,* lột lấy da đốt tồn tính tán nhỏ rắc vào là thu miệng.

- *Lá dâu già,* tán nhỏ rắc vào thì thu miệng.

- *Mè đen,* sao cháy giã nát rắc vào.

29. Kinh trị mọi thứ ung thư nhọt độc dá phá miệng vì chạm phải hơi ngựa, mồ hôi ngựa, lông ngựa rơi vào, miệng nhọt sưng tấy, nóng, nếu chậm chữa thời độc vào bụng khó chữa.

Rượu ngon, cho uống nhiều, cho say là khỏi.

30. Kinh trị nhọt mạch lươn chảy nước, là do thận hư.

- *Hạt bìm bìm* tán nhỏ, rây lấy bột lần đầu 2 đồng cân, dùng 1 quả cật heo, bổ đôi, bóc bỏ màng dồn thuốc vào, ngoài dùng lá tre gói lại vùi vào lửa cho chín mà ăn, thang bằng rượu ấm. Bài thuốc này mượn thận để đưa vào thận, đường ngang đường dọc đều đạt yêu cầu, độc tiết ra được thời không còn chảy nước nữa.

III - ĐINH ĐỘC

Đinh độc là một thứ bệnh rất độc trong các loại đinh nhọt, sống chết như trở bàn tay do tạng phủ tích nhiều nhiệt độc, độc truyền vào khoảng giữa kinh lạc làm cho khí huyết ngưng trệ, cũng là nguyên nhân do ăn nhiều thịt trâu toi, ngựa chết dịch mà phát sinh bệnh này.

Bệnh phát ra tùy theo bộ vị của 5 tạng, nhưng ở đầu mặt là nơi các dương kinh tụ hội cho nên hay mọc nhiều hơn các nơi khác. Lúc mới phát bé như hạt gạo, hoặc đau hoặc ngứa, khắp mình tê dại, chóng mặt, nóng lắm có khi nôn mửa. Nặng thì chân tay nặng trĩu, tim đập mắt hoa, phát sốt nổi lên như cái đầu đinh cho nên gọi là "đinh".

Bệnh này sách "Nội kinh" chia làm 13 loại, nhưng về phép chữa cũng như nhau, cốt yếu là chữa kịp thời khi đinh mới phát, theo phương sau đây:

1. Kinh trị đinh độc và mọi thứ ác sang mới phát mà chưa làm mủ:

- *Phèn chua,* 3 đồng cân, nghiền nhỏ, hành 7 củ, cùng giã nát, viên làm 7 viên, mỗi viên uống với 1 chén rượu, uống rồi đắp mền kín, lại uông một chén nước *hành* đun sôi, một chốc mồ hôi ra như tắm, thì cất mền đi, bệnh sẽ khỏi và dứt nọc, rất hay.

- *Hoa và lá cúc* (không có hoa lá thì dùng rễ) giã nát đắp trên đầu đinh, dẫu đau sắp chết chũng sống lại ngay.

- *Trùn khoang cổ* 8, 9 con, giã nát hòa với rượu nóng mà uống, bã đắp vào chỗ đau, chừa một lỗ ở giữa, công hiệu ngay.

2. Kinh trị đinh độc sắp chết:

- *Hoa cúc* 1 nắm giã vắt lấy nước 1 thăng, đổ lọt vào miệng là sống ngay, đây là phương thuốc thần, không hoa thì dùng rễ.

- *Kế đầu ngựa* dùng cả rễ và lá, trộn với *nước tiểu trẻ em* vắt lấy nước mỗi lần uống một thăng, ngày uống 3 lần là dứt nọc. Lại lấy rễ và lá kế đốt ra tro hòa với *giấm* giã như bùn đắp lên đầu đinh, khô thì thay cái khác chỉ mươi lần là rút hết cồi lên, rất hay.

3. Kinh trị các loại đinh, nhọt sưng tấy:

- *Kinh giới* 1 nắm, cắt nhỏ, nước 5 thăng sắc còn 2 thăng, đợi nguội chia uống nhiều lần.

- *Hoa kim ngân* giã tươi vắt lấy nước 1 bát sắc lấy 8 phần mà uống, bã đắp vào, rất công hiệu.

- *Rau sam* 2 phần, *vôi* 2 phần, cùng tán nhỏ trộn với *lòng trắng trứng gà*, mà đắp vào, rất công hiệu.

- *Nước mật heo* hòa với *củ hành tươi* giã nát đắp vào, Nếu dùng mật heo tháng chạp, phơi râm thì hiệu quả càng chống.

- *Cứt rày tai trâu* đắp vào thì tiêu hết.

- *Tóc rối, cứt chuột,* hai vị bằng nhau tán nhỏ đắp vào đầu đinh, rất hay

- *Hột Tật lê* 1 thăng sao tán nhỏ, trộn với *Giấm* đắp vào đầu đinh thời rút cồn lên.

- *Qủa vải* 3 hoặc 5 quả, *Gạo dãi lấy trong phân chó,* rửa sạch. Đều tán bột, dùng *gạo nếp* nấu cháo, trộn đều như cao, phết vào giấy mà dán vào, chừa một lỗ trông ở giữa cho hơi độc tiết ra, tiêu ngay mà lành.

- *Hạt bồ kết,* tán nhỏ, trộn với *rượu* như bùn, đắp vào chỗ đau, 5 ngày là khỏi.

- *Xác ve* bỏ đầu, rửa sạch, sao qua tán nhỏ uống mỗi lần một đồng, uống với nước *mật*. Ngoài dùng *Xác ve, Tàm vôi* bằng nhau tán bột hòa với *Giấm* đắp vào chung chỗ đau, đợi côi có lỗi thì nhổ đi, lại đắp thuốc vào là lành.

- *Bọ hung* thứ to, 1 con, ngâm vào *mật ong* cho chết, để trên miếng ngói mới, đặt lên lửa sấy khô, tán nhỏ, trước hết lấy một cái kim, đốt qua đầu mũi kim trên ngọn lửa, rồi lấy kim đâm phá miệng nhọt khiến cho thủng da, rồi hòa giấm với bột *Bọ hung* mà đắp vào, là tiêu ngay, rất hay.

- *Tìm con bọ hung* (ở dưới bụng, liệu chừng mà lấy chỗ thịt hơi trắng là đúng) tùy theo đinh lớn nhỏ mà dùng thuốc nhiều hay ít, giã nát mà đắp vào, nửa ngày lại thay, máu hết tụ lại và nhổ côi đinh rơi ra là khỏi. Công hiệu không kể hết.

- *Xác rắn* 1 cái, rửa sạch, nước 1 bát, sắc sôi 3 , 4 đạo uống, lành ngay.

4. Truyền trị đinh độc mọc ở nhân trung (giữa môi trên) hoặc các bộ phận trên mặt.

- *Gan cóc,* nghiền sống đặt vào, tiêu ngay.

5. Kinh trị đinh độc mọc ở rốn, nguy cấp.

- *Dây mướp* (cả cành, lá, rễ) *Lá hẹ.* Đều bằng nhau, giã nát vắt lấy nước cốt hòa với *Rượu* nóng mà uống, bã rịt vào nách, đinh mọc ở tay trái thì cặp vào nách trái, ở chân phải thì cặp háng bên phải, nếu ở bụng thì đắp vào lỗ rốn, dùng lụa cuốn chặt lại, đợi cho những tia đỏ ở dưới thịt trắng ra là hết đinh độc lan. Nếu có phát sốt, cũng dùng phép này, nhưng phải ôm chặt lấy người bệnh, chớ để cho chạy hoảng thì khó cứu.

6. Kinh trị đinh độc mọc ở sau gáy đối diện với miệng gọi là đối khẩu sang, đinh độc này mười người chết chín.

- *Máu mồng gà trống* còn nóng, phết vào luôn luôn đến tan đinh thì thôi.

IV - PHỤ CỐT THƯ

Phụ cốt thư là chứng đau nhức trong xương đùi, trong xương đầu gối, xương chân, do người thân thể hư yếu mùa hè thu hay nằm ngoài sương hóng gió mát bị hàn thấp nhiễm vào, hoặc do phóng dục xong, đắp chăn không kín bị lạnh do say rượu rồi lại lội nước.

Khí lạnh thừa hư nhiễm vào mà sinh ra. Chứng này mới phát thì nóng rét nổi lên, đau từ trong xương đau ra. Không nóng, không đỏ, đau đến buốt xương, nặng lắm thì co duỗi không được, lâu ngày âm cực độ thời thành dương, hàn cực độ thời biến nhiệt, nhiệt quá thì

thịt thối làm mủ, do đó sinh ra chứng gọi là phụ cốt thư. Chữa lúc mới phát thì nên phát hãn, tán tà, thông hành kinh lạc, nên chọn các phương sau đây mà chữa.

1. Truyền trị chứng phụ cốt thư.

- *Xương đầu chó,* đốt ra khói, xông vào chỗ đau, ngày xông một lần, đến khỏi thì thôi.

2. Truyền trị chứng phụ cốt thư, miệng khô không thu lại, xương lòi ra ngoài.

- *Cứt gà khô,* 4, 5 vốc, *Lá ngải cứu, Lá kinh giới,* đều 3, 4 nắm. Cùng giã nát, đào đất 1 hố sâu 2 thước trên miệng nhỏ dưới đáy to, để ba vị thuốc vào trong hố ấy, đốt lửa cho khói xông lên, ghé miệng hố mà xông, lấy áo đắp lại, chớ để tiết hơi xông, đến nửa ngày mới thôi, ắt có sâu bò ra, rất công hiệu.

- *Lá bí đao,* giã nát, trộn đều, để lên lửa nướng nóng mà đặt vào.

- *Đọt ráy ngứa,* (trai 7 dọc, gái 9 dọc). *Vôi* nửa phần, giã nát, hơ lửa nóng mà đắp khô lại thay.

V - UNG RUỘT

Ung ruột là trong ruột sinh ung nhọt, vì chạy nhảy cấp bức, vì gánh vác nặng nhọc, hoặc vì no say rồi hành phòng, làm cho tỳ vị chuyển vận không được, điều hòa, huyết trong, khí đục, ức tắc lại mà sinh bệnh, hoặc hay ăn đồ sống lạnh, khí ẩm sinh đờm, khí huyết ngưng trệ mà sinh bệnh, cũng có khi đàn bà đẻ mình yếu nằm nhiều, đứng ngồi ít, và khi đẻ rặn thái quá mà không có thuốc trục ứ, đến nỗi huyết xấu đọng ở trường vị, ngừng lại mà sinh bệnh.

Bệnh phát thời trong ruột đau nhói một chỗ lâu ngày không dời đổi, hoặc bụng dưới nặng, ấn mạnh vào thì đau, tiểu tiện không thông, đại tiện trệ xuống bụng căng, thường thường đổ mồ hôi. Bệnh nặng hơn thì rốn lồi lên, lúc trở mình có tiếng òng ọc, hoặc quanh rốn sinh lở, hoặc lỗ rốn có máu mủ, hoặc đại tiện ra máu mủ, đó chính là chứng ung ruột, nên chiếu phương mà chữa.

1. Kinh trị ung ruột.

- Dùng *Lạp phân hoàn, Sáp ong, Phèn chua sống* làm viên, uống với rượu (phương này đã chép ở môn ung thư bài thứ 17).

2. Kinh trị trong ruột sinh ung nhọt, mọi thứ thuốc không khỏi.

- *Gai bồ kết* 1 vốc cắt nhỏ, *rượu ngon* 1 bát sắc còn 7 phần, uống nóng, máu mủ sẽ theo tiểu tiện ra hết rất hay. Nếu người bệnh không uống được rượu, thì sắc với nước cũng công hiệu.

3. Kinh trị ung mọc trong ruột.

- *Lông trên đầu con gà trống* và *phân* của nó. Hai thứ bằng nhau đốt tán nhỏ, uống 1 đồng cân với *rượu* vào lúc đói, rất công hiệu.

VI - BAN CHẨN (Nổi mẩn)

Ban chẩn (Nổi mẩn) là do độc thấp nhiệt ứ đọng ở trong mà phát ra. Nội kinh có nói: "*Không có nhiệt thời không sinh ban, không có thấp thời không sinh chẩn*" đó là nói đại khái. Hễ da y nguyên không nổi mẩn mà bỗng nhiên có điểm màu sắc đỏ là ban; nếu có nổi mẩn, mọc rồi lại lặn, lặn vào lại nổi ra, đó là chẩn. Về bệnh này, chứng tuy nhẹ nhưng rất quan hệ đến sống chết, không thể không xét kỹ. Nếu phát ban đỏ hồng là dạ dày nhiệt, sắc tím là nhiệt cao, tím đen là dạ dày loét rát, cho nên ban đỏ thì nửa sống nửa chết, ban đen thì chín

chết chỉ còn một sống. Đại khái ban phát ra tươi đỏ, sáng là tốt, tím đen là nguy, sắc đen là lở loét là chế, cho nên chép ra sau đây, tùy loại bệnh mà chữa.

1. Kinh trị vì trúng phong mà nổi mày day (dị ứng vì gặp gió).

- *Đậu den* 3 vốc, *Rượu* 6 chung. Cùng đổ vào ấm bịt kín, lại bỏ vào nồi to mà nấu cách thủy, rồi lấy rượu mà uống, mỗi lần 2, 3 Chén thì khỏi.

- *Phèn chua, Phác tiêu* bằng nhau, tán nhỏ cho nước vào hòa đều, dùng lông gà phết vào rất mau khỏi.

- *Phân tằm* 3 vốc, Nước mới múc 5 bát. Nấu chín đem vào nơi kín gió mà rửa rất hay.

- *Xác ve* rửa sạch bỏ mõm, chân và lá *bạc hà,* cùng bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, ngày uống 3 lần rất hay.

- *Đất lòng bếp* 1 đồng, *Đậu si* 2 đồng, Nghiền nhỏ hòa với *dầu mè* mà bôi vào rất hay.

- *Đậu đỏ, Hoa kinh giới* bằng nhau, tán nhỏ, hòa với *lòng trắng trứng gà* mà bôi vào rất hay.

- *Bèo ván* chưng qua, sấy khô, *Ngưu bàng tử* nấu với rượu, phơi khô sao đều 1 lạng, tán bột, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân với nước *bạc hà,* ngày uống 2 lần rất hay.

- *Chỉ xác* 3 lạng sao với bột tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, nước 1 chén, sắc lấy 6 phần, bỏ bã uống nóng, lấy bã bôi vào rất hay.

- *Chỉ thực* tẩm *giấm* nướng vào lửa mà chườm, nguội lại thay, trong một lúc là khỏi.

- *Gốc cây chuối tiêu,* giã nhuyễn mà đắp vào.

- *Cỏ ích mẫu* sắc nước đậm, thường dùng tắm rất hay.

- *Kê dầu ngựa* cành, lá, hạt đều bằng nhau tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu rất hay.

- Ngày 5 tháng 5 âm lịch hái *Cây kê dầu ngựa* phơi khô tán bột, viên với *mật* bằng hạt ngô đồng mỗi lần uống 10 viên với rượu, ngày 3 lần, kiêng ăn thịt heo.

2. Kinh trị vì phong mà nổi mề day và trị nổi hột lấm tấm.

- *Ngưu tất* tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, ngày uống 3 lần là khỏi.

3. Kinh trị chứng mày day, mình ngứa như có sâu bò.

- *Đậu den* tán nhỏ, cho ngâm nước lạnh rồi vắt lấy nước cốt mỗi sáng xoa vào là khỏi.

- *Hồng hoa* mỗi lần dùng 3 đồng cân, nước 1 bát sắc lấy 7 phần uống nóng không cứ lúc nào.

4. Kinh trị vì phong mà nổi mẩn ngứa và trị chân dùi sưng đỏ, nóng như đốt, tục gọi là Xích du phong.

- *Gỉ sắt* chế nước nghiền như bùn mà bôi là khỏi.

- *Tổ ong, Xác ve* bỏ mõm, chân. Cùng sao qua tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân với rượu.

- *Bạch cương tàm* bỏ đầu, chân, tẩm nước vo gạo, sao qua tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân với rượu.

- Theo phương trên thêm 2 quả *kê dầu ngựa, Xác ve* đều bằng nhau, *Xạ hương* chút ít đều tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu hay *bạc hà* sắc nước mà uống.

- Truyền phương: *Vôi* hòa với *Giấm* mà bôi, tan ngay liền tay

- *Bạc hà, Xà nang, Hy hiên, Muối* chút ít. Giã nát bôi vào là khỏi.

5. Kinh trị ban đỏ như ghẻ lở mà ngứa, nặng lắm thì đến chết người.

Linh dương giác mài với nước mà bôi vào 100 lần là khỏi.

6. Kinh trị mày đay lặn vào bụng, mình sưng lưới cứng.

Hột mã đề tán nhỏ cho uống vào là tốt.

7. Kinh trị đơn độc như bị ngọn lửa đốt, sắc đỏ đen.

- *Bùn dưới chuồng heo* bôi vào, khô lại bôi nữa rất công hiệu.

- *Hạt dành dành* tán nhỏ trộn với nước mà bôi.

8. Kinh trị đơn độc 5 sắc.

- *Củ gai* sắc nước đặc, ngày tắm ba lần là khỏi.

- *Gạc hươu* đốt tán nhỏ, trộn với mỡ heo mà bôi vào rất công hiệu.

- *Tỏi mọt* giã nát đắp vào, thường thay thời khỏi.

9. Kinh trị đơn độc nóng như lửa.

- *Đậu đỏ tán* bột, trộn với *lòng trắng trứng gà* mà bôi luôn, tiêu hết liền tay.

- *Gà rừng* 1 con giết chết nhổ lông bỏ ruột, chặt nhỏ, cho *hành* và *muối* vào đổ nước nấu chín, khát thì uống nước và ăn cả thịt rất hay.

10. Kinh trị các chứng đơn độc.

- *Cứt trùn* trộn với nước lã mà bôi, khô lại bôi nữa rất hay.

11. Kinh trị đơn độc do phong nhiệt.

- *Bèo cái* giã vắt lấy nước bôi vào sẽ tiêu hết.

12. Kinh trị đơn độc phát từ rốn trước.

- *Hạt cau già* mài với *Giấm thanh* cho đặc mà bôi.

13. Kinh trị đơn độc lan khắp ngoài da gọi là đại đơn độc.

- *Sùng đất* giã nát bôi vào sẽ khỏi.

14. Kinh trị đơn độc sắc đỏ chạy khắp người, dần dần sưng to.

- *Ngũ vị tử khô nghiền nát, uống với rượu nóng 1 đồng cân sẽ khỏi.*

- *Hồng hoa* tẩm nước *đái trẻ em* 7 lần, sao qua nghiền nhỏ liều dùng 2, 3 đồng cân với nước *kinh giới* làm thang.

- *Lá từ bi, lá sung, lá ké, lá tre, lá cúc xanh, cành dướng, đào nhân.* Các vị bằng nhau, nấu xông rửa khắp người. Kiêng gió.

15. Kinh trị chứng hỏa đơn chạy khắp người.

- *Lá bạc hà*, giã nát cho vào ít muối mà đắp.

16. Truyền trị chứng đơn sưng.

- *Đậu xanh* 1/2 vốc, *Lá Dâm bụt, Lá tía tô, Ích mẫu* đều 1 nắm, giã nát, sắc đặc lấy nước cho uống, bã đắp vào chỗ sưng sẽ tiêu.

- *Lá đơn tía* 1 nắm, *Lá Xích hoa xà* 3 lá, giã nát vắt lấy nước cốt cho uống 1 chén con, bã đắp chỗ sưng.

17. Kinh trị chứng mình, mặt mụn đỏ, mụn cóc, nốt ruồi.

- Lấy một cái *đồ dùng bằng bạc* thường xát vào cho nóng lên sẽ tiêu tan.

18. Kinh trị nổi mẩn vết sẹo.

- *Rau sam* giã nát đắp lên ngày vài lần.

19. Kinh trị nổi mẩn đỏ hay trắng do ít mồ hôi.

- *Lá kê non* (lấy phần đầu ngọn) với ít *muối,* giã nát xát 5-7 lần thì khỏi.

VII - NANG UNG

Nang ung là bìu dái sưng to lên, vì trọc khí thấp nhiệt ứ đọng trong đai kết lại mà sưng, nhưng mủ ra hết là yên, không cần phải chữa, cũng không nên dùng lầm thứ thuốc nóng của môn sán khí mà chữa, nóng lắm thì vỡ mủ ra mà miệng nhọt khó kéo lại; hoặc vì bụng sưng lây đến dái, nặng lắm thì dái nứt nẻ, hòn dái treo thõng mà nước chảy ra, phải theo các phương mà chữa.

1. Kinh trị dái mới sưng đỏ và đau, phát nóng và thõng xuống.

- *Hành* 1 nắm sắc nước hòa với *mật* mà phết vào, mùa hạ thấy nhiệt, đỏ lắm, thì nước chè nóng hòa với *mật* mà phết vào.

- *Than củi* nghiền bột rắc vào, ngoài lấy lá *tía tô dại* bề trên xanh dưới đỏ đắp kín, nằm ngửa luôn mà giữ lấy, ngày làm một lần.

2. Kinh trị dái sưng to, da nứt, hòn dái thõng xuống mà ra mồ hôi.

- *Lá Tía tô dại sấy* khô tán nhỏ rắc vào, hoặc hòa với *dầu mè* mà đắp vào lây lá *sen* bọc ngoài.

3. Kinh trị hòn dái sưng đau.

- *Cứt trâu* tán nhỏ, hòa với *rượu* đắp vào, khô lại thay cái khác tiêu hết thì thôi.

4. Truyền trị dái bỗng sưng, do nằm ngồi nơi đất ướt mà sinh ra.

- *Xác ve* 5 đồng, *Nước* 1 bát. Sắc lên để nguội âm ấm ngâm vào rửa là khỏi.

5. Kinh trị dái sưng.

- *Hành, Nhũ hương,* giã nát đắp vào cũng khỏi.

- *Hành* nướng lên cho vào ít muối giã nát đắp vào cũng khỏi.

6. Kinh trị dái sưng đau như dâm, mà chảy ra mồ hôi:

- *Tỏi nhỏ* 1 vốc, *Rễ hẹ* 1 vốc, *Rễ liễu* 2 vốc đều thái nhỏ. *Rượu* 3 chung nấu lên mà xông.

7. Kinh trị dái sưng bằng cái dấu:

- Lấy *Lông cánh gà* (tìm cho được nơi 1 lỗ mà mọc 2 lông thì tốt), đốt tán nhỏ, hòa với rượu uống. Như sưng dái bên trái thì lấy lông cánh bên phải, sưng dái bên phải thì lấy lông cánh bên trái, cả hai bên đều sưng thì lấy lông cánh cả hai cánh, rất hay.

- *Hạt vải, Đại hồi, Thanh bì* bỏ ruột. Đều bằng nhau, sao cách tờ giấy đến vàng, đổ xuống đất cho ra hết hơi lửa, tán nhỏ: mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu.

8. Truyền trị dái sưng lở:

- *Trùn đất* 2 phần, *Bột đậu xanh* 1 phần. Hòa với nước đắp vào rất hay.

VIII - HUYỀN UNG (Nhọt Hội Âm)

Huyền ung là mụn nhọt ở Hội âm trước lỗ đít sau lỗ đái, do tâm âm suy tổn, thấp nhiệt tích tụ mà sinh ra. Lúc mới phát hình như hạt sen, ngứa ít đau nhiều, lâu ngày lớn dần bằng hạt đào, sưng đỏ, đau nhức. Nếu không chữa gấp sau 40 ngày thì vỡ mủ mà đại tiểu tiện theo miệng mụn mà phun ra, thời không thể chữa được. Nên theo các phương này mà chữa gấp.

1. Kinh phương chữa nhọt hội âm:

- *Cam thảo* 1 lạng loại to, cắt ra từng đoạn dài 4 tấc, dùng nước suối 1 bát, tẩm cam thảo rồi nướng trên bếp lửa than, khô lại thì tẩm, lại nướng, làm từ sáng đến trưa, hết nước thì thôi, cắt cam thảo ra thấy nước ngấm suốt thì đạt. *Cam thảo* cắt nhỏ, *cơm ủ rượu* 2 bát, sắc còn 1 bát cho uống, hôm sau lại làm cho uống nữa, làm được hai mươi ngày mới khỏi.

2. Kinh trị đại tràng có mụn tắc lại đại tiện không thông.

- *Phân ngựa trắng* giã nát, và *Muối*, mỗi thứ một nửa xào nóng rịt vào rất hay.

IX - TRÀNG NHẠC (Loa Lịch)

Bệnh Tràng nhạc là ở chỗ trước và sau tai hoặc ở dưới hàm nổi lên dăm ba cục hạch liền nhau như tràng hạt, do khí huyết không đủ, hoặc do phong độc, nhiệt độc và khí độc mà sinh ra, còn chứng loa lịch, cân lịch và đờm lịch khác nhau.

. *Phong độc* là cảm phong hàn, thể hiện trước rét sau nóng.

. *Nhiệt độc* là do lúc trời nóng, khí nắng trúng vào ba kinh dương, hoặc do ăn đồ ngon béo sinh ra nổi cục sắc đỏ sưng cứng.

. *Khí độc* là cảm phải khí độc bốn mùa, sinh nóng rét, vảng đầu, cứng cổ mà đau.

. *Loa lịch* là do ăn phải đồ ăn không sạch sẽ, do sâu kiến, chuột ăn thừa, hay uống nước trà cách đêm, nước có mùi hôi, có nước cũ lẫn nhau, thể hiện bệnh không nóng lạnh mà các hạch mọc ra, trước bé sau to, trước không đau sau lâu mới biết đau.

Can lịch là do lo buồn suy nghĩ, đột nhiên nổi giận hại can khí thể hiện bệnh nổi hạch ở cổ hình như quân cờ, cứng rắn, to nhỏ không giống nhau, hoặc lõm hoặc lồi, bệnh lâu ngày thì người gầy còm thường phát nóng lạnh.

. *Đờm lịch* là do ăn uống đồ nóng lạnh không đều, đói no mừng giận không chừng mực làm cho tỉ khí không chuyển vận, thể hiện bệnh là nổi hạch khắp mình như hạt đào, hạt mận, lâu ngày thì hơi đỏ sau vỡ mủ.

Về phép chữa nên phân biệt từng loại mà giải quyết.

1. Kinh trị tràng nhạc mới phát.

- *Qủa dâu chín đen* 2 bát, giã nát vắt lấy nước, đổ vào nồi đất đun nhỏ lửa, cô thành cao, mỗi lần uống 1 đồng cân với nước sôi. Nếu quả dâu còn đó thì phơi khô tán nhỏ, uống với nước đã đun sôi, ngày 3 lần thì khỏi.

2. Kinh trị tràng nhạc kết hạch, không cứ có cồi hay không cồi:

- *Nhện to* (hay giăng lưới bên hè nhà) 5 con, phơi khô bỏ chân tán nhỏ, trộn với vảng sữa và rượu mà đắp vào, ngày đắp 2 lần rất hay.

3. Kinh trị tràng nhạc kết hạch, hoặc chưa vỡ, hoặc đã vỡ, mọc xuống đến trước ngực đều chữa được.

- *Hà thủ ô* rửa sạch, thường hay nhai sống mà ăn và lấy lá *hà thủ ô* giã nát đắp vào rất hay.

4. Kinh trị tràng nhạc kết hạch:

- *Chì* 3 lạng, bỏ vào xanh nấu chảy ra, rồi cạo lấy phấn tro trên mặt chì hòa với *giấm* mà đắp vào, dùng lụa buộc chặt lại, phải thay luôn để bỏ nước độc trong hạch thấm ra, nếu vậy nửa tháng thì không đau, không vỡ mủ mà hạch tiêu ra nước mà lành.

5. Kinh trị tràng nhạc sưng nóng mà đau.

- *Hạt cải* tán nhỏ trộn với giấm đắp vào, xem tiêu hết thì thôi, không nên để lâu quá sợ hại đến thịt.

6. Kinh trị tràng nhạc chưa vỡ.

- *Cây cúc dại* hay *Cây cải trời* giã nát, sắc với rượu mà uống, bã đắp vào là tiêu, không tiêu cũng tự vỡ mủ.

- *Thanh dại, Rau sam* cùng giã nát, ngày ngày đắp vào là khỏi.

7. Phương thuốc kinh trị tràng nhạc.

- *Củ mài tươi:* 1 củ, bỏ vỏ, *hạt thầu dầu* 1 hạt, bỏ vỏ, cùng giã nát đắp vào, ngày thay một lần rất hay.

- *Củ cỏ cú* giã cho tróc vỏ, tán nhỏ, trộn với rượu, nặn làm thành miếng, đắp vào chỗ đau: dùng một cái đồ đồng nướng nóng lên mà chườm lên trên, cho hơi thuốc thấu vào, nếu bị độc phong thấp thì dùng nước gừng hòa với bột củ cỏ cú (củ gấu) mà đắp vào: chưa thành mủ thì tiêu, đã thành mủ thì tự vỡ.

- *Rễ cây thương lục,* cạo lấy bỏ trắng, giã thật nhỏ nặn thành bánh đắp vào chỗ đau, dùng ngải nhung để lên trên mà đốt, thuốc khô lại thay ngày cứu hết 10 liều thuốc là trừ hết độc tự khỏi.

- *Củ tỏ to,* cắt ngang dùng bằng 3 đồng tiền cổ, đặt lên mụn, đốt lá ngải cứu 10 liều là khỏi.

8. Kinh trị tràng nhạc lâu năm không thành:

- *Nhân hột gấc* hai hột cạo bỏ hết đầu, tán nhỏ trộn với lòng trắng trứng gà để vào bình đặt trong nồi chưng cách thủy cho chín, ăn vào sau bữa ăn, ăn được nửa tháng thì kiến hiệu.

- *Cá diếc* 1 con, *Ba đậu* để cả vỏ. Nhét đầy vào miệng cá để lên lửa than mà đốt tồn tính, đợi miệng cá hết khói thời thôi, đưa ra để một đêm; hôm sau tán bột, quết với cơm nguội làm viên bằng hột đâu, người lớn uống 3 viên, trẻ con uống 1 viên, uống với nước cơm, vào lúc đói. Cho đi ngoài ít ít để tiết hơi độc là tốt; nếu hạch vỡ loét, dùng bột đậu xanh rắc vào để cho rút mủ kéo da non.

- *Cóc già* 1 con, lột lấy da rịt lên chỗ đau, dùng ngải nhung lâu năm mà đốt trên da cóc, 7 mồi ắt phải tiêu.

- *Ban miêu* bỏ đầu cánh chân, sao với gạo nếp cho chín rồi lấy *Ban miêu* 1 phần, và *bạc hà* 1 phần cùng tán nhỏ, luyện với lòng trắng trứng gà làm viên bằng hột đậu xanh, dùng nước trà sáng uống 2 viên quá trưa uống 3 viên đến tối uống 4 viên vào lúc đói, thấy dưới rốn chuyển đau, đi đái ra hết độc là khỏi. Nếu đi đái khó thì uống ít nước *Hành* là đái được.

- *Hột bồ kết* 100 hột, *Giấm* 1 thăng, *Nạo sa* 7 đồng cân. Cùng nấu khô rồi chỉ lấy hột bồ kết sao cho thơm, xem có bao nhiêu cục hạch, cứ mỗi cục hạch uống một hột bồ kết, như nổi 10 hạch uống 10 hột nhai nhỏ uống với nước cơm nếu người ốm yếu thì bỏ *nạo sa* đi.

9. Kinh trị tràng nhạc vỡ loét.

- *Thổ phục linh* thái nhỏ sắc uống thay nước trà, hoặc tán bột nấu bới cháo mà ăn nhiều.

- *Xuyên sơn giáp* 21 vảy, đốt tán bột rắc vào.

- *Ốc bươu* 2, 3 con đốt tồn tính, tán nhỏ hòa với dầu mè mà xức, hoặc dùng 7, 8 cái vỏ ốc ở vách đã lâu năm tán nhỏ, rắc vào luôn.

- *Mộc nhĩ cây dâu* 5 đồng, *Đâu đỏ* 1 lạng, *Nhọ nồi* 3 đồng. *Đậu xanh* 2,5 đồng, *Long não* 1 phân. Đều tán nhỏ trộn với lòng trắng trứng gà; đắp trước lúc đắp dùng *mã đề, ngải cứu, vỏ rễ dâu* vừa chừng cùng nấu với nước mà rửa, rồi sau mới đắp thuốc vào.

10. Kinh trị tràng nhạc vỡ loét, lây lan đến trước ngực 2 nách hoặc trên hai vai, nối liền nhau như rắn lượn hoặc nổi cục như quả cà, 4, 5 năm không chữa được.

- *Rễ kinh giới* 1 đoạn, cắt nhỏ sắc nước đặc, rửa nóng, lúc lâu thấy chỗ vỡ loét sắc tím đen, thì lấy kim lể nặn cho ra máu độc, lại lấy nước thuốc trên mà rửa 3, 4 lần, rồi lấy *long não,* hùng hoàng 2 vị bằng nhau, tán nhỏ hòa với dầu mè đắp vào thời chảy nước ra. Ngày hôm sau lại đắp cho đến khỏi thì thôi.

- *Rong bể* 2 phần sao với lúa tiểu mạch rồi bỏ tiểu mạch đi. *Cương tàm* 1 phần bỏ hết chân, sau tán bột dùng *bạch mai nhục* rửa nước sôi, giã nát viên bằng hạt ngô đồng, uống mỗi lần 5, 6 viên với nước cơm, ngày uống 2 lần, thì độc theo đại tiện mà ra, kiêng đậu, gà, dê, rượu, bún.

11. Kinh trị tràng nhạc vỡ loét, chảy nước mà dầm dề lâu ngày không liền miệng.

- *Chuột xạ* 2 con, lấy trấu đốt tồn tính, tán bột ngày rắc 2, 3 lần là khỏi.

- *Bọ hung* 1 vài con, tán nhỏ trộn *giấm* đắp vào rất hay.

- *Chẩu chàng* sắc đen 1 con, dùng dao tre mổ bụng bỏ ruột sấy trên miếng ngói, tán nhỏ trộn dầu mè như bùn mà đắp, kiêng đồ sắt, thần hiệu.

- *Can khương,* tán nhỏ, lấy nước cốt gừng nấu hồ làm viên vừa với miệng lở, *hoàng đơn* làm áo, nhét vào miệng lở, ngày thay 1 lần làm đến chảy hết mủ kéo da non, lành miệng mới thôi. Nếu không kín miệng dùng *hành* giã lấy nước trộn với bột *Đại hoàng* mà xát là khỏi.

- *Huyết dụ* 3, 4 lá, *Rệp* 7 con. Đều đốt ra tro tán bột, rắc vào rất hay.

- *Rau sam* (phơi khô trong râm) đốt tán nhỏ, trộn với mỡ heo, đắp vào sau khi đun nước vo gạo rửa chỗ đau.

12. Kinh trị tràng nhạc vỡ mà nhiều ngách:

- *Phân trắng cút gà* đốt tán nhỏ, trộn với mỡ heo mùa đông bôi vào thì khỏi.

- *Cút chim bồ câu* sao vàng tán nhỏ, luyện với cơm viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần uống 30 viên với nước cơm.

13. Kinh trị tràng nhạc mà không đau.

- *Vỏ trắng cây đào* để lên trên các hạch, dùng ngải đốt 27 mồi rất hay.

X - ANH LỰU (bướu cổ)

Anh lựu hay sinh ra ở trong da thịt ở vai ở gáy bỗng nhiên sưng lên giống như quả mơ, da chùng, không căng mà thông xuống, lâu ngày thì lớn dần, đó là do mừng giận, thất tình, vinh vệ uất kết mới sinh ra bệnh này.

- Anh có 5 loại: sắc thịt không biến đổi là *nhục anh,* đường gân nổi rõ ra là *cân anh;* mạch máu chằng chịt là *huyết anh, lúc to lúc nhỏ tùy theo sầu não là khí anh;* cứng trơ không di chuyển là *thạch anh.*

- Lựu cũng có 6 loại là *lựu xương, lựu mỡ, lựu thịt, lựu huyết, lựu mủ, lựu đá.*

Anh với lựu dẫu không đau không ngứa, nhưng nhất thiết không nên mổ xẻ, sợ máu mủ vỡ ra chảy mãi không ngừng thì chết người; nên chọn phương thuốc mà chữa.

1. Kinh trị bướu cổ không đau, không ngứa, không cứ lâu ngày hay mới phát, lớn hay nhỏ:

- *Củ tỏi to, Muối ăn* một chút ít. Đều giã nát mỗi ngày dùng 1 cục, to nhỏ tùy theo diện tích của bướu mà đặt lên, ngày thay 1 lần, 2, 3 ngày thấy gân thịt càng giật, chảy ra nước mủ là xẹp, rất hay.

2. Kinh trị bướu cục u do độc kết khối lại.

- *Củ tỏi nhỏ, Ngô thù du.* Bằng nhau, giã nát đắp vào, dần dần là tan, rất hay.

3. Kinh trị chứng khí anh mọc dưới gáy.

- *Lưỡi heo* phơi khô tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu vào lúc đi ngủ, là khỏi. Kiêng ăn những đồ chua, mặn, nhờn béo nê trệ.

4. Kinh trị khắp mình nổi hạch không đỏ không đau:

- *Rễ cây bạch đầu ông* 1 cân, chia làm 4 thăng với rượu, 1 ngày uống 3 lần, uống 2 ngày cho hết rất hay.

- *Hột thầu dầu* 1 thăng, bóc vỏ, giã nát nhét vào cái *bao tử heo*, đổ rượu vào nấu tới khi bao tử nát nhừ, lấy hột thầu dầu ra phơi khô tán nhỏ, lại dùng nước nấu bao tử đó, trộn với bột thuốc, giã 1000 chày, viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần uống 40, 50 viên với rượu ngày 3 lần.

5. Kinh trị nổi hạch ở gáy, thuộc kinh thiếu dương, hoặc đau hoặc không đau, sắc thịt không đổi, không kể lớn nhỏ lâu năm, lâu ngày đều rất hay.

- *Củ mài tươi* 1 miếng bỏ vỏ, *Thầu dầu* 3 hột, bóc vỏ cùng giã nát, đắp vào.

6. Kinh trị da mọc mụn cóc.

- *Nước dãi trâu* xát vào luôn thì tự rụng.

- Cứ chờ lúc trời sắp chớp, giơ tay đớp lấy tia sáng của chớp mà xát vào, mụn cóc tự rụng.

7. Truyền trị mụn cóc dùng mọi thứ thuốc không khỏi:

- *Muối bột* chút ít, nhai nhỏ thường ngậm vào miệng mà cắn vào mụn thì tự rụng, sau không phát lại nữa.

XI - MỤT Ổ GÀ (Dịch ung)

Mụt ổ gà hay mọc ở nách là do can tỉ hai kinh sinh bệnh: can khí bị uất thời huyết trệ, tỉ bị thấp nhiệt thời khí ngưng, cả hai cùng kết lại sinh ra sưng. Lúc mới phát sắc thịt không đổi, dần dần sưng lên không có đầu, lâu ngày mới đau lên nổi nóng rét cùng nổi lên, nên theo các phương sau đây mà chữa.

1. Truyền trị mụt ổ gà và sưng vú, đá nung mủ thì vỡ, chưa nung mủ thì tiêu.

- *Dây chìa vôi* giã nát trộn với lòng trắng trứng gà đắp vào, khô lại thay rất hay.

2. Truyền trị mụt ổ gà.

- *Rễ cây trắng* (Hoàng lực) mài với giấm cho đặc mà phết vào, khô lại phết: chỉ 2 ngày là tiêu.

3. Một kinh phương sử hà cao, chủ trị mụt ổ gà, và các thứ sưng tấy, nhọt độc, lở dương mai, đau nhức chỉ 1 đêm là kiến hiệu.

- *Gỉ xanh đồng* 1 lạng, *Nhựa thông* 8 lạng, *Dầu mè* 2 lạng. Trước nấu dầu, nấu đến lúc nhỏ vào nước lạnh không tan, lại đổ nhựa thông vào nấu, nấu đến lúc thấy hết khói thì cho

rỉ xanh đồng vào khuấy đều xong chứa vào bình, lúc dùng trát vào giấy mà dán, ngày thay 1 lần rất mau đỡ.

4. Truyền trị mụt ổ gà mới mọc.

- *Đại hồi* 1 phần, *gừng* 5 phần giã nát, dùng nước trầu (nhai trầu không với cau vôi) nhổ vào trộn đều như bùn, mà đắp vào 1 đêm thì tiêu mà khỏi.

5. Truyền trị mụt ổ gà lâu năm chảy nước không thu miệng được, trăm thuốc không khỏi.

- *Đọt khoai môn* 3 phần, [Nhục quế 1 phần, cùng giã nát như bùn đắp lên miệng mụt nhọt ngày thay 2 lần, sẽ khép miệng lại. Quế với khoai tính hay hút khí độc, hút máu độc, lên da non rất hay.

6. Kinh phương chữa mạch lươn dưới sườn chảy nước không ngớt.

- Lấy *Cứt ráy tai trâu* bôi vào thì khỏi.

XII - CÁC THỨ LỞ

Nói chung, các thứ lở vì thân thể người ta có nhiều bộ phận mà sang độc thì có nhiều hình dáng, theo hình mà gọi tên thì khó chia ra là loại gì, nên tóm tắt là "các thứ lở". Phép chữa thì tùy chứng mà chọn phương.

1. Kinh trị mọi thứ ác sang không biết tên.

- *Rễ cỏ xước* giã nát đắp vào là khỏi.

- *Cây đào*, cạo lấy vỏ trắng giã nát đắp vào là khỏi.

2. Truyền trị 36 chứng phong sang và mọi chứng lở lâu năm như ác sang, liêm sang, lở do roi đánh hắc lào, chốc đầu.

- *Rau sam* giã nát sắc nước đặc, lọc bỏ bã lấy 3 bát nước, cho sáp ong vào 3 lạng nấu chảy tan, nhỏ lửa cô thanh cao, lúc dùng đem phết lên giấy mà dán vào, hoặc phết trực tiếp vào đầu đinh, hoặc thêm gầu chải đầu 1 ít quấy lộn mà dùng.

- *Lá phù dung, lá cúc.* Bằng nhau, sắc nước thường xông vào rửa rất hay.

- *Chấu chàng* 1 con, *vôi* 1 lạng. Nghiền bột, hai thứ sao qua rồi giã như bùn phết lên miếng lụa rồi rịt vào chỗ lở là vỡ mủ ngay, lở mới phát thì tiêu ngay.

- *Mật heo 3 cái, giấm ngon 1 chén, gừng tươi 5, 6 lạng.* Giã lấy nước trộn cả 3 vị lại, lấy mực tàu hòa cho đặc với các vị phết vào chỗ lở là tiêu ngay.

- *Củ chút chít* tươi (xưa gọi là Gia viên Địa hoàng) giã nát đắp vào thì khỏi.

- 3. Kinh trị các chứng ghẻ lở.

- *Tóc rối, đậu đen* bằng nhau, lấy đoạn tre chặt làm cái ống, tùy dùng ít nhiều, nhét vào ống 1 lớp tóc lại 1 lớp đậu, nhét đầy miệng ống đốt trấu mà nướng, dùng cái chén sạch mà hứng lấy thứ nước ở ống tre chảy ra, lấy lòng chim phết vào chỗ lở, vàu ngày là khỏi.

4. Kinh trị mọi thứ lở độc sưng đau, hoặc khớp xương tay chân đau nhức:

- *Củ hành* giã nát sao chín, chườm vào chỗ đau nguội lại thay, sưng đau hết liền, rất công hiệu.

5. Truyền trị ngoài da khô nóng ngứa.

- *Tổ ong nướng lên. Xác ve* bỏ mồm chân, sao đều bằng nhau tán bột mỗi lần uống một đồng cân với rượu, ngày 3 lần là khỏi.

- *Phan tâm* một vốc sao vàng, tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng cân với rượu. Lại dùng phân tằm sắc nước, lắng bỏ bã đem vào nơi kín gió mà tắm, rất hay.

6. Kinh trị lở độc chảy nước, khí công vào mình, hoặc sưng đau, hoặc đỏ ngứa, cả trên dưới chung quanh, phiền muộn muốn chết.

- *Cá diếc sống còn tươi* đánh vẩy, mổ bụng bỏ ruột cắt ra từng miếng, hòa vào chút muối, giã nát xức vào, ngày thay đổi 4, 5 lần là khỏi, rất hay.

7. Kinh trị mọi thứ lở có chảy nước.

- *Cóc* đốt ra tro, tán bột trộn với heo bôi vào là khỏi.

8. Kinh trị nhiệt độc thấp sang, khắp mình lở đau mà không khỏi, tay chân lại đau nhơn, khó mặc quần áo, ngày đêm không ngủ được.

- *Thạch xương bồ* dùng nhiều tán nhỏ, rắc lên trên chiếu mà nằm, lấy mền đắp lên, chỉ 5, 6 ngày là nốt lở bay hết, rất hay.

9. Kinh trị ác sang lâu năm hoặc đau ngứa lở loét.

- *Cứt ngựa, Rau sam.* Đều đốt ra tro, rắc vào chỉ vài ba lần là khỏi.

- *Hột bồ hòn, Tóc rối, Mai ba ba, Vỏ cây thông, Tua cau rủ* còn dính trên cây cau, đều đốt tồn tính, Vôi, bồ hóng, các vị bằng nhau tán nhỏ, trộn với nước tiểu trẻ em như bùn, trước lấy *lá thông* nấu nước rửa chỗ lở, sau lấy lông gà quệt thuốc phết vào, là khỏi.

10. Kinh trị ác sang 10 năm chưa lành.

- *Lông heo nái,* đốt tồn tính tán bột rắc vào là khỏi.

11. Kinh trị ác sang đóng vảy ngứa và đau.

- *Đậu ván trắng* giã nát đắp vào, vẩy rụng là khỏi.

- Cỏ thài lài giã nát, giã nát đắp vào vảy rụng là lành.

12. Kinh trị bị sương lạnh lở loét.

- *Hoắc hương, Chè đầu xuân.* Bằng nhau đốt ra tro hòa với dầu phết lên trên lá mà đặt vào, rất hay.

13. Kinh trị phiêu sang nổi cục mọc ở chân tay và cơ thể, trĩu trịu như hột đậu, chậm vỡ thì chảy nước ra.

- *Cá diếc lớn* 1 con, *Tóc rối* 1 cục bằng cái trứng gà. Đều đốt tồn tính, tán bột hòa với mỡ heo, cô lại thành cao, đặt vào thì khỏi, kinh nghiệm nhiều lần.

- Lấy nước *mật heo* phết vào rất hay.

- *Tóc rối* đốt tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước vừa sôi.

Ngoài dùng *Tóc rối* 3 phần, *Gai bồ kết* 2 phần, *Xương chó vàng* 2 phần. Đều đốt ra tro, tán bột rắc vào, hoặc nốt lở khô quá thì hòa với nước *mật heo* mà phết vào rất hay.

14. Kinh trị ác sang nước vàng chảy đầm đìa, nếu không sớm chữa, nước vàng chảy khắp mình lâu thì chết người.

- *Máu mồng gà trống,* phết vào ngày 4, 5 lần rất hay.

- *Đậu xị* 1 vốc, *Cá diếc* 1 con. Đều giã nát như bùn đắp vào rất hay.

15. Kinh trị mùa nắng nổi rôm sảy.

Bột đậu xanh 2 phần, *Hoạt thạch* 1 phần. Nghiền bột xoa, nếu mụn chảy nước thì rắc vào là ngay là khỏi.

16. Kinh trị trên mặt mụn lở độc mọi mọc.

- Ốc sên 1, 2 con giã nát, cho vào tí nước tương phết lên giấy mà đắp vào giữa chừa một lỗ nhỏ để tiết hơi độc, trong một ngày là tiêu hết.

17. Kinh trị nốt lở giống như rốn cá, chảy nước ra xung quanh.

- *Xác rắn* đốt tồn tính, tán nhỏ, trộn với lòng trắng trứng gà đắp vào, rất hay.

18. Kinh trị lở dái.

- *Bột đậu xanh, cứt trâu* bằng nhau, nghiền nát rịt vào rất hay.

19. Kinh trị mọi thứ lở không thu miệng và ác sang lâu năm không khỏi, đau nhức khó chịu.

- *Rau sam* giã nát đắp vào miệng lở và chung quanh rất hay.

20. Kinh trị lở lâu ngày thành mạch lươn, chảy nước rười rười, hôi thối.

- *Kim ngân hoa* ngâm rượu, ngày ngày thường uống rất hay.

- *Vỏ quả cau* sắc nước đặc thường rửa là khỏi.

21. Truyền trị mọi thứng mạch lươn hàng năm hàng tháng không khỏi, nước mủ dầm dề, chỗ lở không liền miệng, không sinh da non và trị mọi chứng ác sang, rất hay.

Vỏ trứng gà (dùng trứng gà so) *Hoa thông* đều bằng nhau, đốt tán bột, *Xạ hương* chút ít dùng *Sáp ong vàng* nấu chảy cùng với *mỡ heo* (chưa rửa nước) ngào thành cao, đắp vào; nếu miệng lở sâu thì lấy thuốc bột rắc vào trước.

- *Lá trầu* phơi khô tán bột, lấy gạo lứt sắc nước rửa sạch, rồi rắc bột thuốc vào là khỏi, rất hay.

- *Vỏ trắng rễ đậu* nướng khô tán bột, trước lấy *lá thông* nấu nước, ngâm rửa chỗ lở cho sạch, rồi rắc thốc bột trên vào, ngày rắc 1 lần là khỏi.

- Lấy *dầu mè* ngào đặc, tùy dầu nhiều ít, bỏ bột *vôi đá* vào khuấy đều, lại cho vào tí *xạ hương*, đợi nguội thành cao mà bôi.

- *Bọ hung* đốt tồn tính, tán nhỏ hòa với *giấm* vào rất hay.

- *Gừng tươi* cả vỏ, cắt lát to tẩm bột *phèn chua* nướng cháy tán nhỏ, đắp vào chớ động đến thì đóng vảy dễ khỏi.

- *Vôi lâu năm* tán bột, hòa với lòng trắng trứng gà thành 1 cục, đốt qua lửa lại nghiền bột, trộn với *gừng* sống mà đắp vào rất hay.

- *Lá ngải cứu* 2 phần, bột *vôi đá* 1 phần cùng tán bột, đắp vào là khỏi.

- *Lá hòe* giã nát đắp vào rất hay.

- *Tóc rối, tổ ong, xác rắn.* Đều bằng nhau, đốt tồn tính tán bột, uống 1 đồng cân với rượu trước lúc ăn.

- *Lòng đỏ trứng gà 1 cái, ngào cháy cho chảy ra dầu, hòa vào 1 đồng nhựa thông,* 1 đồng *sáp vàng* nấu thành cao, phết lên trên miếng giấy dầy mà đắp rất hay.

- *Da hươu* một miếng đốt ra tro, nghiền nhỏ hòa với mỡ heo mà phết vào ngày đổi 5, 6 lần, đến khỏi thì thôi.

- *Cứt dê con tươi,* vắt lấy nước phết vào; nếu chỗ miệng đã khô thì đốt mà xông khói.

- *Cỏ trong tổ én* đốt ra tro, tán nhỏ rắc vào là khỏi.

- *Mầm khoai môn* phơi khô, đốt tồn tính, nghiền bột rắc vào là khỏi.

- *Rễ mướp gia* nấu nước đặc phết vào rất mát, lên da non thu miệng ngay.

22. Kinh trị mọi thứ lở mạch lươn ra máu mủ có dòi.

- *Xác rắn* đốt lên tán nhỏ hòa với nước, đặt vào giòi ra hết là khỏi.

23. Kinh trị ác sang có trùng.

- *Cành trắc bá tươi* cắt lấy một đoạn, đốt lửa 1 đầu cho đầu kia chảy nước ra, lấy nước đó phết vào 4, 5 lần thì khỏi. Trâu, ngựa lở cũng chữa được theo phép này.

24. Kinh trị người lớn trẻ con lở độc, lâu ngày không khỏi sinh trùng dau ngứa liên miên.

- *Qủa và lá cà độc dược* phơi khô 2 phần, *phèn phi* 1 phần, đều tán nhỏ hòa với mỡ heo đặt vào rất hay.

25. Kinh trị lở châu lâu năm sinh giòi (liêm sang).

- *Phèn chua* để lên trên miếng ngói đốt khô 5 đ/c; *Bao tử heo* 1 cái, cạo sạch nhưng chớ cho dính nước, cùng với phèn phi giã nát như bùn, tùy chỗ lở lớn nhỏ mà cắt miếng vải cho vừa, rồi phết thuốc vào rịt chặt lại, một chốc phát ngứa cứ đợi hồi lâu, mới mở thuốc ra dần dần, đưa miếng thuốc dán đó nướng lên trên lửa, thấy hàng ngàn hàng vạn sợi lông nhỏ mọc lên hoặc xanh, trắng, đỏ, đen, thời sắc nước *Cam thảo* mà rửa chỗ lở, 3 ngày sau lại đắp thuốc, chỉ vài lần là giòi ra hết mà lành.

26. Kinh trị độc ở phổi sinh phong sang, giống như bệnh phong cùi.

- *Lá dâu* rửa sạch, bỏ vào nồi hông đồ 1 đêm, rồi sao khô tán bột mỗi lần uống 2 đ/c với nước đã kinh nghiệm.

27. Kinh trị ác sang giống như hủi cùi 10 năm không khỏi.

- *Xác rắn* 1 cái đốt ra tro tán bột, hòa với mỡ heo mà phết lại dùng một xác nữa, đốt tán nhỏ mà uống với rượu rất hay.

28. Kinh trị phiên hoa ác sang tức là sau khi ung nhọt vỡ mủ thịt trong nhọt lồi ra nở loe như hoa, các thuốc đều chữa không được.

- *Ô mai nhục* đốt tồn tính, tán nhỏ rắc lên trên cục thịt độc ác ấy, ngày đầu là tiêu một nửa, ngày sau là tiêu hết, công hiệu kỳ lạ, không gì địch nổi.

- *Cành và lá liễu* 3 cân, sắc nước đặc, lọc bỏ bã, ngào thành cao, mà dán, ngày thay 3 lần là khỏi.

- *Cứt chim bồ câu* sao vàng tán bột, trước dùng nước xáo đất nấu nóng mà rửa, sau rắc thuốc bột trên vào.

- *Cá diếc* 1 con bỏ ruột, lấy *cứt dê* dồn vào đầy bụng cá, đốt tồn tính tán bột, trước lấy *nước vo gạo* rửa qua, rồi rắc thuốc vào rất hay.

29. Kinh trị phiêu hoa ác sang mọc ở ngoài da, thịt lồi ra như hột cơm, châm vỡ thì ra máu, khi ra máu thì mụn lại loét ra.

- *Lá kê đầu ngựa* giã nát vắt lấy nước 3 chén mà uống, bã rịt vào chỗ lở, ngày uống và rịt 2 lần thì rụng.

30. Truyền trị đơn bỏng (thiên bào sang) nổi bóng nước, hình dáng như quân cờ, dau nhức khó chịu.

- *Cây lúa nếp* đốt ra tro, tán bột hòa với nước như bùn đắp vào rất hay.

- *Lá chàm* giã nát đắp vào là khỏi.

- *Hoa sen* hái dán vào.

- *Gương sen* đốt tán nhỏ, hòa với bùn đáy giếng mà đắp vào rất hay.

- Lấy *lòng đỏ trứng gà* bỏ vào cái xanh, rắn cho cháy ra dầu mà bôi rất hay.

- *Rễ cúc đại, Vỏ cây táo* nấu nước để nóng mà rửa tự lành.

31. Kinh trị chứng lở vì châm cứu:

Lá phù dung giã nát đắp vào, thì đóng vảy là lành.

31b. Kinh trị huyệt châm cứu máu chảy ra không dứt.

- *Bọ hung* đốt ra tro, tán bột hòa với mỡ heo phết vào rất hay.

32. Truyền trị hổ khẩu tay và đầu ngón tay sinh đầu trun, chín mé, càng cua đau đớn sắp chết.

- *Cỏ nụ áo, Lá bầu, Lá tía tô.*Giã nát cho vào ít muối, buộc chặt lại, mới sưng thì tan, thành mủ thì vỡ rất hay.

- *Lá dây quai bí* giã nát, cho muối vào giấm vào, sao chín, áp chặt vào rất hay.

- *Hẹ* Dùng cả lá và rễ giã nát, xào với rượu chườm vào rất hay.

33. Kinh trị nhọt độc xuyên bàn tay (tổ địa).

- *Lá dâu* giã nát đắp vào khỏi ngay.

34. Kinh trị đầu trun (chín mé) mọc ở đầu ngón tay, sưng nhức khổ sở.

- *Lá bí dao* giã nát xào với giấm đắp vào, khô thì thay cái khác rất hay.

- *Trứng gà,* phết vào lúc mới phát cũng khỏi.

- *Trứng gà* xoi 1 lỗ cho vừa đầu ngón tay, đút chỗ tổn thương mà ngâm, chờ trứng gà hóa ra nước thì thay cái khác. Làm 3, 5 quả thì khỏi.

- *Rắn nước* 1 con, cắt 1 đoạn ở giữa thân, dài bằng ngón tay, lột da mà trùm vào ngón tay đau, ngoài bọc giấy kín, đừng cho bệnh nhân thấy, hồi lâu cảm thấy mát thì bệnh khỏi.

- *Rết* 1 con đốt lấy khói mà xông, làm 2, 3 lần là khỏi.

- *Rết* 1 con giã trộn vào mật heo mà đắp rất hay.

- *Vỏ quýt* sắc nước đặc mà ngâm và rửa, rồi lấy xương hổ tán nhỏ rắc vào là khỏi.

- *Trùn đất* giã nát đắp vào, khô lại thay, đến hết sưng hết đau thì thôi.

- *Ngon mía,* lấy lõi trắng giã nát, hòa với *lòng trắng trứng gà* dùng vải buộc lại.

- *Nam tinh* giã sống hòa với tí *muối* và *giấm*, rồi đắp vào buộc lại là khỏi.

34b. Kinh trị đầu trun vỡ mủ loét ra, rất thối và đau không chịu nổi.

- *Rết* 1 con, nướng khô tán bột, hòa với nước mật heo mà bôi.

- *Đậu đen* nghiền sống tán nhỏ, nhét vào tron con kén mà tròng vào ngón tay

35. Kinh trị dàn bà trong ngón chân có thịt độc dùn ra, đau nhức không chịu nổi.

- *Rết* 1 con sấy khô tán bột rắc vào, lại dùng *Nam tinh* tán bột. hoa với *giấm* đắp vào chung quanh là khỏi.

36. Truyền trị đốt ngón tay bỗng nhiên vừa sưng đau vừa ngứa, nếu không chữa gấp thì co quắp lại, khó duỗi ra:

- *Da cá nhám* không có tươi thì dùng khô nấu qua với muối, đắp quanh mà buộc lại.

- *Cá rô*, bỏ ruột buộc vào là khỏi.

37. Kinh trị móng tay cái sưng đau, là nóng nung trong ngũ tạng mà sinh ra:

- *Mật dê* 1 cái, trước lấy nước nóng nhúng ngón tay đau vào 7 lần, lại nhúng vào nước lạnh 3 lần, rồi xức mật dê vào khỏi ngay.

- *Xương hổ* tán bột, trước lấy *vỏ quýt* sắc nước ngâm rửa, dùng dao bén nhẹ tay cắt bỏ móng bị hỏng, rồi rắc bột xương hổ vào, tức thời hết đau.

- *Ô mai* bỏ cả hột và cùi, chỉ lấy nhân ở trong hột 10 cái, nghiền nhỏ cho vào ít giấm, hòa trộn như bùn, đắp vào là thôi.

- *Sáp ong, nhựa thông.* Cùng nấu cho tan ra, bọc vào đầu ngón tay đau là khỏi.

- *Lá hành* dùng thứ già úa, nấu nướng đang nóng ngâm tay vào là khỏi.

38. Truyền trị dinh chảy nước ở gót chân.

- *Củ địa liền* tươi giã nát mà rịt vào là khỏi.

- *Bèo tía, ruột trắng của ngọn mía* cùng giã nát, *Nước tiểu* 1 bát. Nấu sôi để ngâm rửa chân là khỏi.

39. Truyền trị chai chân mắt cá đau nhức khó chịu:

- *Dây chìa vôi* 4 phần, *Râu tôm sống* 1 phần. Cùng giã nát, đắp vào là khỏi ngay.

- *Rệp* tìm bắt 7, 8 con ở khe giường chiếu, nghiền sống đắp vào, liền rụng ra, hết đau rất hay.

- *Qủa khế* nướng chín, nhân đang nóng xát vào, để lúc lâu nguội lạnh lại dùng củ hành giã nát, cho vào ít muối mà đắp vào tự lành.

40. Kinh trị lở sơn ngứa gãi:

- *Rau dền* nấu nước thường rửa là khỏi.

- *Lá khế* giã nát bỏ vào ít muối mà xát vào.

- Dùng đồ sắt mài ra lấy nước đặc mà xát vào là khỏi.

- Lấy *gạch cua đồng* mà đắp vào rất hay.

- *Mỡ heo* thường xức vào là khỏi.

- *Phèn chua* tán nhỏ nấu nước mà rửa.

- *Lá thông* sắc nước đặc, rửa cho hết mủ, lại lấy vỏ thông sấy khô, tán nhỏ rắc vào.

- *Lá dâu non* 1 nắm giã nát, làm đến khỏi mới thôi.

- *Củ chuối hột* giã nát đắp vào.

- *Lá sen khô* sắc nước thường rửa rất tốt.

- *Củ ráng* (quán chúng) tán bột, hòa với dầu đắp vào.

- *Rau cải* nấu nước mà rửa là khỏi.

- *Lá hẹ* giã nát rịt vào rất hay.

41. Truyền trị tay chân sứt nẻ, di đứng đau nhức:

- *Lá bông bụt đỏ* giã nát đắp vào là khỏi.

- *Qủa mướp già* đốt tồn tính trộn với *Mỡ heo mùa đông* mà bôi vào, là khỏi.

42. Kinh trị phong nhiệt khắp mình ngứa ngáy như có sâu bò và trị tất cả các chứng phong.

- *Muối* 1 đấu nấu lấy nước mà tắm, làm vài ba lần thì khỏi.

XIII - LỞ ỐNG CHÂN (Liêm sang)

Lở ống chân (liêm sang) là lở từ đầu gối trở xuống, gót chân trở lên. Đó là do thận tạng hư hàn, khí độc phong là ở ngoài tụ lại, công vào bên huyệt Tam lý, ngấm dần xuống bên huyệt Tam âm giao khí độc phong nhiệt chạy xuống 2 bên chân mà sinh ra bệnh, ống chân sưng loét, đau nhức thối bẩn, đi đứng khó khăn. Lở ở trên xương ống là nặng, vì chỗ ấy xương lồi, thịt ít, da mỏng, phần nhiều khó lành. Chữa bệnh này trước nên lấy hết trùng ra, rồi sau mới đắp thuốc, mà phải để yên không cử động, mới mong an toàn.

1. Kinh trị lở ống chân có giòi.

- *Rau sam* (mã xỉ hiện), giã bột trộn với *mật ong* mà đắp vào, 1 đêm thì giòi tự ra rất hay.

2. Kinh trị ống chân lở loét

- *Xương hổ* tán bột, trước lấy *lá hẹ* vò ra nước rửa sạch, rồi rắc thuốc tán vào rất hay.

- *Gàu đầu và phèn chi* 2 vị bằng nhau, nghiền bột hòa với nước *mật heo* đắp vào là khỏi.

- *Cùi quả trám* nhai nhỏ đắp vào thì khỏi.

- *Hoàng đơn* 1 lạng, *Sáp* 1 lạng, *Dầu mè* 5 đồng, cùng ngào thành cao dán, trước sắc nước *củ hành* rửa sạch chỗ lở, rồi lấy cao ấy dán vào là khỏi.

3. Kinh trị lở ống chân không thu miệng được:

- *Lá ngải cứu* khô đốt lấy khói mà xông.

- *Ngải cứu lâu năm* 5 đồng, *Hùng hoàng* 2 đồng. Đều tán nhỏ, dùng vải xanh cuốn thuốc lại thành cái mồi đốt lửa mà xông, để cho ra mồ hôi, vài lần là khỏi.

4. Kinh trị sẩn ngứa trên ống chân (phong sang).

- *Bồ kết,* nướng chín chườm vào, nguội lại thay là khỏi.

5. Kinh trị ống chân lở loét.

- *Mắt cây the mốc,* đốt ra tro, tán nhỏ, trộn với *dầu mè* bôi vào, đắp lá chè lên rồi quấn vải chặt lại, chỉ bôi 3 lần là lành.

6. Kinh trị quanh bàn chân lở loét.

- *Kinh giới* đốt ra tro, tán nhỏ, *củ hành* giã nát vắt lấy nước, hai thứ trộn lẫn, trước lấy *cam thảo* sắc nước rửa sạch, sau mới đắp thuốc này, rất hay.

7. Kinh trị lở ống chân lâu năm không khỏi.

- *Riềng ấm* giã nát, trộn với *giấm* đắp vào 4, 5 ngày không đau, là khỏi.

8. Kinh trị bàn chân bị thấp sang lở chảy nước.

- *Lá kinh giới* giã nát đắp vào là khỏi.

9. Kinh trị lở ống chân lâu ngày không khỏi.

- *Hùng hoàng* 3 đồng, *Trần bì* 5 đồng. Đều tán bột dùng vải xanh cuộn thuốc thành cái mồi to, đốt lửa mà xông, nước nóng chảy ra, vài lần là khỏi.

- *Gỉ xanh đồng* 1 phân, *sáp* 1 lạng. Nấu chảy ra, phết lên cả trên và dưới tờ giấy, lại dùng tờ giấy khác ấp lên trước rồi đặt vào, nước chảy ra là khỏi.

- *Lá bồ ngót* 2 phần, *Vôi đá* 1 phần. Cùng giã nát như bùn, đắp vào chỗ lở, ngày thay một lần, đã kinh nghiệm nhiều lần.

- *Cóc già* đốt tán bột, trộn với *nhựa thông* thành cao dán, trước dùng lá quýt hôi sắc nước rửa sạch chỗ lở, lại dùng lá *rau cải* vò nát xát vào cho khô, sau mới đặt thuốc cao vào, khỏi ngay.

XIV - LỞ DƯƠNG MAI

Lở Dương mai là do hỏa tà và thấp nhiệt sinh ra: tam tiêu đều nhiệt, tinh khô huyết động, trệ lại ở các kinh mà thành bệnh. Lúc đầu vì giao cấu với người sẵn có nọc độc dương mai, nên nhiễm lấy khí độc. Bệnh mới phát thời sợ rét sợ nóng, tay chân mình mẩy đau nhức, nước tiểu đục, dần dần nổi mụn to nhỏ không chừng, trên dưới không nhất định, lâu rồi vỡ loét thêm dần, hôi thối khó chịu, bệnh nặng thì đến loét da thủng xương. Cho nên bệnh dương mai có nặng nhẹ, chầy chống, khác nhau, tùy sự cảm bệnh mà thể hiện. Phép chữa nên trừ nhiệt độc và giúp khí huyết làm căn bản, không nên muốn mau lành mà cho uống những *thủy ngân, khinh phấn* , và cho dùng các thuốc xông, thuốc hút. Các thuốc trên, tuy có làm đỡ đau trong một lúc, nhưng tác hại suốt đời người thì không nhỏ. Nay lược chép những phương công hiệu mau chóng sau đây, để chọn dùng.

1. Truyền trị lở dương mai mới phát, uống 1 lần là trừ căn dứt nọc, vĩnh viễn không tái phát, thật là phương thuốc thần:

- *Con bọ cạp dưới thuyền* (lấy trong thuyền đi nước mặn thì tốt hơn): bỏ đầu chân, sấy khô, tán bột, mỗi lần uống nửa đồng tiền xúc với *nước gừng* vào lúc đói, không nên uống lần thứ hai, và phải đào sẵn một cái hố, để đi đại tiện, uống 1 lần thời dứt nọc mà lành.

2. Kinh trị dương mai, ác sang.

- *Cỏ roi ngựa,* sắc nước đặc, đang nóng thì xông, đến lúc ấm thì rửa, hơi thuốc đến đâu thì khoan khoái đến đấy, sưng đau giảm bớt, xông liên tiếp 4, 5 ngày là khỏi.

3. Truyền trị mọi chứng dương mai không cứ mới hay đã lâu, chỉ uống 1 lần thì tuyệt nọc và không phải đề phòng gì cả.

- *Chuột xạ* 1 con, *Vỏ cây da lông* một miếng dài và rộng bằng chỗ con chuột nằm. Để chuột nằm trên vỏ da lông lấy dây buộc chặt, dùng cái nồi đất nhỏ bỏ vào, đậy vung lấy đất bùn trát cả quanh nồi dày được 1 tấc rưỡi. Lại lấy đất đắp 1 cái lò dùng củi cây duối đốt nhỏ lửa mà nung suốt ngày đêm, đập vỡ nồi thì trong nồi đã thành một cục than, lấy ra tán bột, mỗi lần dùng nửa đồng tiền xúc uống với 1 chén nước, bất kỳ lúc nào, người bệnh chỉ uống 3, 4 lần là lành, vĩnh viễn không tái phát.

4. Kinh trị lở dương mai.

- *Thổ phục linh* 4 lạng, *Bồ kết* 7 quả. Cùng sắc nước uống thay trà, bệnh nhẹ 27 ngày, bệnh nặng 47 ngày là khỏi.

5. Kinh trị bị độc dương mai lở loét và gân xương đau nhức.

- *Vỏ quả dừa,* đốt tồn tính, tán bột, mỗi lần dùng thời sao nóng, uống 2, 3 đồng cân với rượu và nước sôi, trùm mền kín cho ra mồ hôi là hết đau, rất hay.

6. Kinh trị lở dương mai.

- *Hoa hòe* 4 lạng sao qua. Đổ rượu 2 thăng, nấu sôi 10 dạo, uống nóng; nếu người bệnh dạ dạy vốn hư hàn thì chớ dùng.

7. Kinh trị dương mai lở loét hôi thối.

- *Vỏ ốc lâu năm* trên vách đất và *Chu sa* 2 vị bằng nhau, *Long não* chút ít. Đều tán bột rắc vào là khỏi.

8. Truyền trị lở dương mai, đã lành rồi nhưng độc còn chưa hết, sau ít lâu độc chạy xuống lòng bàn chân, mọc nhọt như mắt cá, nếu không chữa thì độc làm nát thịt nát xương mà chết.

- *Vỏ cây gạo, lá thầu dầu tía, lá cà độc dược, lá huân thụ (thứ lá non sắc tía dùng làm rau ăn* (19) *lá cối xay, phân dê.* Đều bằng nhau cũng giã bột, dùng 7 đồng tiền cổ cho vào trong nồi đất, đổ nước nấu chín, đang nóng thời xông chỗ đau, lúc nước ấm thời ngâm rửa, rồi lấy khăn vải lau khô.

Lại dùng *lá đa lông* nấu ra nước đặc, mài *mật đà tăng* mà phết, khô lại phết. Một ngày làm mấy lần như thế đến khỏi thì thôi.

9. Truyền trị dương mai lở khắp mình hay lở ống chân.

Vôi lâu năm tán bột, dùng nước mưa ngâm 4, 5 tháng, càng ngâm lâu càng tốt, lấy ra phơi râm, lúc dùng hòa với dầu mè bôi vào rất hay.

10. Kinh trị lở độc dương mai.

Bột thiếc, bột chì. Đều 2 đồng rưỡi. *Rết* 2 con sấy khô, tán bột, cuộn vào giấy làm cái mồi nhỏ, tẩm dầu 1 đêm, đốt cháy làm đèn chiếu vào trên chỗ lở 2, 3 lần, 7 ngày thì kiến hiệu.

XV - HỘT XOÀI (Tiện độc)

Hột xoài là mọc ở háng hoặc ở bụng dưới, bên cạnh chòm lông mu nổi cục sưng lên. Sưng bên trái gọi là Ngư khẩu, sưng bên phải gọi là Tiện độc, đó là vì khi giao cấu không cho xuất tinh hoặc tình dục nổi lên mà đành dằn xuống không được thỏa mãn, đến nỗi tinh huyết chảy ra, uất nhiệt ngừng trệ mà sinh bệnh. Bệnh mới phát thời sưng cục, hơi nóng, ngày dần cứng đau, bệnh nặng thì cử động khó khăn, khi nóng khi rét.

Phép chữa nên tán ứ trệ, lợi đại tiểu tiện làm căn bản, không nên dùng thuốc hàn lương sợ khí huyết bị lạnh đọng lại mà không tan, trở thành nhọt to vỡ mủ, thời nguy hiểm. Vậy nên chiếu theo các phương sau đây mà chữa.

1. Kinh trị hột xoài mới mọc.

- *Hắc khiên ngưu* sao qua, *Xạ can, Kim ngân hoa, Long đờm thảo.* Các vị đều bằng nhau, rượu 1 chén, nấu cách thủy cho sôi kỹ, đợi nguội rót uống là tiêu, rất hay.

- *Rau giệu, Bèo tía, Gừng sống.* Các vị đều bằng nhau, cũng giã nát cho vào ít muối, sắc sôi lấy 1 chén nước mà uống. Bã đắp vào chỗ đau, nhưng trước dùng nước vôi vẽ một cái vòng chung quanh cho độc khỏi chạy sang chỗ khác, rất hay.

- *Bồ kết* đập nhỏ, đổ *giấm* vào, nấu lấy nước đặc, bỏ bã, cô thành cao, đắp vào, đã dùng nhiều lần có kết quả.

- *Xuyên sơn giáp* 5 đồng, *Trư linh* 5 đồng. Hai vị đều tẩm giấm nướng 3 lần, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng. Ngoài lấy *Xuyên sơn giáp* tán bột và *đất sét* 2 vị bằng nhau, trộn lẫn như bùn đắp vào chỗ đau, là khỏi.

- *Nhện hùm* 1 con, giã nát, *Rượu* 1 chén hòa vào mà uống, đau bên trái nằm nghiêng về bên trái, đau bên phải thì nằm nghiêng về bên phải cho miệng nó quay về phía dưới là khỏi, chưa khỏi lại uống nữa.

- *Cá diếc* 1 con, *Củ mài* 5 đồng. Cùng giã nát đắp vào là tiêu.

- *Cao da trâu*, cho ít nước vào, nấu cho chảy ra, đặt vào là tan.

---

19. Có thể là cây Dinh lăng (Linh lăng) cần nghiên cứu thêm.

- Theo phương trên gia thêm nửa chén *nước gừng* khuấy đều đặt vào.

- *Đất bậc cửa* 1 hòn, hòa *nước gừng* sống và *giấm* tốt khuấy thành bùn đắp vào, khô lại đắp miếng khác, đến tiêu hết thì thôi.

- *Hột vông vang* tán bột, uống 2 đồng cân với rượu là tiêu.

- *Kim ngân* lá hoa tươi giã vắt lấy nước 1 bát, sắc còn 8 phần mà uống, bã đắp lên chỗ đau. Nếu không có Kim ngân tươi thì dùng khô, sắc nước đặc mà uống, công hiệu càng hơn.
- *Quán chúng,* tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu, là tan.

- *Xạ can* 1 đồng rưỡi, *Ngưu tất* kiệng sắt 2 đồng, *Mộc thông* 3 đồng, rượu 1 bát. nấu cách thủy rồi uống nóng, rất hay.

- *Hột ngưu bàng* 2 đồng, sao tán bột, *Phác tiêu* 8, 9 phần, *Mật ong* 1 muỗng. Hòa lẫn, uống với rượu nóng vào lúc đói, rất hay.

- *Xương bò tươi,* giã nát, đắp vào tự tiêu.

- *Chẩu chàng lớn* 1 con, lột da bỏ, để nguyên cả ruột, cho vào 5 *củ hành* giã nát, đắp vào chỗ đau, lại lấy da nó bọc ngoài, lập tức tiêu tan, huyết không còn độc sót lại.

- *Mật heo* 1 cái, lấy nước hòa với *Rượu* nóng mà uống nóng là tiêu ngay.

XVI - HẠ CAM

Hạ cam là bệnh đàn ông lở ngọc hành, vì do tình dục nổi lên, lửa dâm lan tràn mà không được xuất tinh, hoặc đàn bà trong âm hộ không sạch mà cũng giao cấu, hoặc khi hành phòng uống thuốc để thèm hứng thú, đến nỗi độc tà kết đọng lại, đều hay sinh ra chứng ấy. Bệnh này thời tiểu tiện gắt đau, rồi đến chảy ra nước tinh hư hỏng sắc vàng đục, bệnh nặng thì sưng đau lở loét. Đại khái chứng *hạ cam,* chứng *đố tinh*, chứng *tiện độc*, chứng *ngư khẩu*, tên bề ngoài dẫu khác, nhưng bệnh cùng một nguồn gốc mà ra.

1. Kinh trị lở đầu ngọc hành.

- *Móng chân trâu,* đốt tán bột, trộn với *dầu mè* mà bôi, là lành.

- *Ốc vặn* ở khe suối, bỏ vào trong nồi đất nung, tán bột, trước lấy muối nóng rửa sạch chỗ lở 6, 7 lần, rồi rắc thuốc ấy vào, rất hay.

- *Đậu xanh* 1 phần, *cứt trùn* 2 phần. Cùng nghiền bột, hòa với nước mà đắp vào, khô lại làm nữa mà đắp là khỏi.

- *Vỏ trứng gà ấp* (đã nở con rồi), sao vàng, tán bột, hòa với *dầu mè* mà phết vào, rất hay.

- *Cứt heo nái,* lấy đất sét bọc ngoài, nung lửa đốt tồn tính, tán bột, trước lấy nước *vo gạo* rửa sạch chỗ lở, rồi rắc thuốc bột vào, công hiệu ngay.

- *Mai ba ba* (Yếm cua đinh), đốt tán bột rắc vào, là khỏi.

- *Mai ba ba*, đốt tồn tính, tán bột, hòa với *lòng trắng trứng gà* xức vào, rất hay.

2. Kinh trị ngọc hành lở chảy nước.

- *Tóc rối* 1 đồng cân, đốt ra tro, *Hột táo* 7 hột, đốt ra tro, đều tán bột, trước lấy lá *quít hôi* sắc nước rửa sạch, rồi rắc thuốc bột vào, rất hay.

- *Tóc rối và Thanh đại,* bằng nhau, *Xạ hương* chút ít. Đều tán bột, rắc vào rất hay.

- *Gàu trên đầu* nhét vào cái *kén*, lại lấy một *kén* khác úp vào, nung trong lửa cháy đỏ, đợi nguội, tán bột, rắc vào, thì tự khỏi.

3. Kinh trị ngọc hành vỡ mủ:

- *Qủa mướp* cả hột, giã lấy nước hòa với bột *Ngũ bội tử* xức vào nhiều lần, rất hay.

4. Kinh trị đầu ngọc hành nổi mụn loét như hột thóc:

- *Rêu đất* lấy ở chỗ đất ẩm thấp có đọng nước, sấy khô, tán bột, rắc vào, rất hay.

5. Kinh trị đầu ngọc hành đau buốt, chạy vào sưng to bìu dái, đau đến chết người: - *Hột mã đề* tán bột, uống 1 đồng cân với *nước cơm* là khỏi.

6. Kinh trị hạ bộ lở ngứa và chảy nước, nóng đau, đại tiểu tiện ít, ăn uống giảm sút, mặt và mình hơi sưng.

- *Rau sam* 4 phần, *Thanh đại* 1 phần cùng nghiền bột, đắp lên chỗ lở là khỏi.

7. Kinh trị bìu dái và ngọc hành sưng nóng:

- *Cứt dê, Hoàng bá* bằng nhau, sắc nước đặc mà rửa, rất hay.

8. Truyền trị đau bụng dưới, đau vắt xuống đến ngọc hành.

- *Ngưu tất* cả cành và lá, nước 1 bát, cho vào ít *rượu*, sắc lấy một nửa mà uống là khỏi.

9. Truyền trị đầu ngọc hành sưng tròn như đầu dùi trống:

- *Lá Kim phượng* một nắm, giã nát hòa với rượu đắp vào, 1 ngày là khỏi.

- *Rau sam*, giã nát đắp vào, 1 ngày là khỏi.

- *Hột Xà sàng*, tán bột, hòa với *lòng đỏ trứng gà*, đắp vào thì khỏi.

- *Đất lòng bếp* giã nhỏ trộn với *lòng trắng trứng gà*, như bùn, đắp vào là khỏi, khô lại đắp, rất hay.

- *Cỏ roi ngựa*, giã nát đắp vào là khỏi.

10. Kinh trị đầu ngọc hành sưng và ngức:

- *Nhân hột đào*, sao thơm, tán bột, uống với *rượu* 1, 2 đồng và đắp vào chỗ sưng, là khỏi.

- *Lá sen, Bèo ván, Xà sàng*. Đều bằng nhau, sắc nước ngày thường rửa, rất hay.

- *Bèo ván*, phơi khô, tán bột, mỗi lần dùng 2 đồng cân, lấy *đậu đen* ngâm *rượu* làm thang mà uống, lại dùng *bèo sống*, nấu nước đặc ngâm mà rửa.

11. Kinh trị ngứa và đau ở bộ phận sinh dục:

- *Hột mã đề*, nấu nước thường rửa, là khỏi.

12. Kinh trị chứng ngứa ở bộ phận sinh dục, bất cứ khô hay có chảy nước:

Thạch xương bồ, hột xà sàng, 2 vị bằng nhau, tán bột, xát vào 3, 4 lần là khỏi.

13. Kinh trị bìu dái sưng ẩm ướt và ngứa (chàm bìu):

Lấy *rơm* đốt *bồ kết* ra khói mà xông, độ mươi lần, là khỏi.

XVII - XÍCH ĐIẾN BẠCH ĐIẾN

(Lang ben bạch điến)

Điến phong có hai thứ: xích điến và bạch điến. Xích điến là do huyết trệ, bạch điến là do khí trệ, nhưng đều gốc ở 3 khí *phong, thấp, nhiệt* mà sinh ra. Nguyên vì ngày thường hoặc ra mồ hôi hay say rượu mà tắm, hoặc hứng gió quạt mạnh, làm cho tà khí thấu vào lỗ chân

lông mà sinh ra chứng này, tức là bệnh từ ngoài đem vào. Phép chữa nên chọn phương nào cho có hiệu quả.

1. Kinh trị phong bạch diến (lang trắng):

- *Hột tật lê tươi,* nghiền bột, mỗi lần uống 3 đồng cân với nước sôi, ngày uống 2 lần, nửa tháng thì lang trắng thành đỏ, một tháng khỏi hết.

- *Dái gà trống, Nhân bạch quả.* Cùng giã nát đắp vào chỗ đau, rất hay.

- *Tổ ong tàng,* 1 cái, bỏ muối đầy các lỗ, đốt tồn tính, bỏ hết nước muối rồi dùng *Bồm phàn, Thiên hoa phấn, Xác ve,* đều bằng nhau, tán bột, chia làm 3 phần; mỗi phần bỏ cá 2 con *cá diếc* sống, đổ rượu vào, nấu chín đưa vào chỗ kín gió mà ăn cả xương, và uống hết rượu, sau đó ngứa từ trên xuống dưới, chạy ra chân tay là khỏi.

- *Lưu hoàng, phèn sống,* nghiền nhỏ, bỏ vào túi lụa, đổ nước nấu một ngày, xát vào rất hay.

- *Cành dâu* đốt ra tro, 1, 2 đấu cho vào cái xửng mà xôi lấy nước ở đáy nồi mà rửa, chỉ 5, 6 lần là khỏi.

- *Dầu mè* 1 chung, hòa với rượu mà uống, ngày uống 3 lần; uống đến 5 đấu là khỏi. Phải kiêng đồ sống lạnh, thịt heo, gà, cá độc và tỏi trong 100 ngày.

2. Kinh trị lang do mồ hôi ứ đọng sinh ra:

- *Bèo ván,* ngày 5 tháng 5 vớt lên phơi khô, mỗi lần dùng 4 lạng, nấu nước mà tắm, và lấy bèo tươi giã nát xát vào, rất hay.

- *Mai mực, Lưu hoàng,* đều nghiền bột, hòa với nước *gừng* sống cho nhão như bùn, thường đắp vào, là tốt.

3. Kinh trị lang trắng, lang đỏ:

- *Gừng sống,* giã nát và xát vào, lâu sẽ thấy công hiệu.

- *Cành dâu* 5 tháng, *Cỏ ích mẫu* 1 thăng rưỡi, đổ nước vừa đủ, đun nhỏ lửa, sắc còn một nửa lọc bỏ bã cô thành cao, mỗi lần dùng một chén con, lúc đi ngủ hòa với *rượu* mà uống, đến khỏi thì thôi.

- *Cật heo* 2 quả, lột bỏ màng trắng tẩm rượu hấp cơm cho chín mà ăn. Mỗi ngày ăn một lần, chỉ 10 ngày là khỏi, đồng thời ăn nhiều *bao tử heo,* và kiêng hành phong, rất hay.

4. Truyền trị trên mình nổi vệt đỏ tròn như đồng tiền, ngứa và chảy nước vàng (hắc lào):

- *Xương chó vàng* 2 phần, *Vỏ trứng gà con so* (đã ấp nở con rồi) và *tóc rối* đều một phần, các vị đều đốt ra tro tán nhỏ hòa với *dầu mè* xát vào rất hay.

5. Truyền trị bệnh lở chàm (da sần như cổ trâu) (Ngưu bì tiên) chỗ thương tổn cứng, gãi tróc da như gỗ mục và chữa lang đỏ nổi vệt từng mảng ngứa gãi ra máu:

- *Rễ núc nác* 1 nắm *Chút chít* xưa gọi là địa hoàng (trồng ở vườn) 10 củ, cùng đập nát, *Thạch tín* (20) 2 phần tán nhỏ, *Giấm* 1 bát, cùng bỏ vào trong lọ, lấy bùn trát chặt, nấu cách thủy độ 10 giờ, mang ra mà xức, rất hay. Chớ để thuốc văng vào mặt vì có độc.

---

20. Thạch tín (nhân ngôn Arsenicum) thuốc độc bảng A, cấm uống, dùng ngoài cũng phải thận trọng, tránh nhiễ, độc nguy hiểm.

XVIII - PHONG HỦI (cùi)

Phong hủi (phong cùi) là do gió độc của trời đất sát hại sinh vật và là khí độc làm khô ráo thịt da, làm cho vinh vệ khô kiệt, chuyển vận trở ngại mà sinh ra. Người nào không may mà mắc phải bệnh này tức là bệnh trời làm hại.

Bệnh phát ra thời da tê dại cấu không biết đau, lông và lông mày rụng hết, lở loét mà không có mủ, khô táo mà không thấp, hoặc khắp mình nổi nốt hoặc ngoài da nổi nốt đen ngứa, hoặc rụng ngón tay, sứt mũi. Phàm bệnh này đau là thuộc thực, ngứa là thuộc hư, phong cùi mà ngứa là vốn có trùng. Phép chữa từ xưa vẫn coi là khó, nhưng nghề làm thuốc thì "*cứu nguy, giúp khốn*" là việc phải làm, chứ không thể "*vì gió mạnh mà buông chèo*" được.

1. Kinh trị phong cùi 2 mắt mờ tối, tóc và lông mày rụng hết, sống mũi lõm xuống da dẻ lở loét.

- *Gai bồ kết*, nướng phơi khô tán bột, mỗi lần dùng 2, 3 đồng cân, sắc nước *Đại hoàng* đặc hòa vào mà uống, vài ngày sẽ mọc da tươi nhuận, mọi bệnh đều khỏi, phương này hay, không phương nào bì được.

- *Gai bồ kết* chín lần chưng, chín lần phơi rồi tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân, với *rượu* nóng, uống lâu thì lông mi và tóc mọc lại, da dẻ đều tươi đẹp lại, 2 mắt lại sáng hơn.

2. Kinh trị 36 chứng phong, các thuốc không chữa được, uống phương này rất hay:

- *Thạch xương bồ* 1 cân, kiêng đồ sắt, dùng dùi gỗ đập nát phơi khô, đựng vào túi vải ngâm vào một bầu rượu ngon bịt kín miệng treo lên 100 ngày, thấy xanh như sắc rau thì lấy cơm nếp một nắm bỏ vào bịt kín 14 ngày nữa rồi lấy ra, hàng ngày uống là công hiệu.

3. Kinh trị tất cả mọi bệnh phong:

- *Bèo ván* lấy vào ngày rằm tháng 7, phơi khô, tán bột, luyện mật làm viên như hòn đạn, mỗi lần uống một viên với *rượu*, lại lấy *bèo* nấu nước đặc thường tắm; phương này uống được hơn 100 viên, là hoàn toàn khỏi.

- *Nhựa thông* (lấy thứ trong vàng), không kể nhiều ít, bỏ vào nồi đất, nhào nhỏ lửa, nhỏ vào nước lạnh không tan là được, đem ra để nguội cứng lại, tán bột luyện làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 100 viên với mật trước bữa ăn, sau một tháng thì kiến hiệu.

- *Hoàng tinh* bóc vỏ rửa sạch 2 cân, nấu lẫn với gạo tẻ cho chín, thường ăn cũng tốt. - *Cỏ roi ngựa* phơi khô tán bột, mỗi lần uống một đồng với nước nóng vào lúc đói, ngày 3 lần, 1 năm là khỏi hết.

- *Hà thủ ô* (thứ to củ mà có vằn) 1 cân. Ngâm nước vo gạo 7 ngày đem đồ rồi phơi, phơi lại đồ, làm được chín lần đem tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước nóng, ngày uống 2 lần, , uống lâu là khỏi. Kiêng ăn mọi thứ huyết, cá không vảy, tỏi và kiêng đồ sắt

- *Rắn hổ đất* bỏ đầu đuôi, mỗi phía 3 tấc, lột da lấy thịt 4 lạng, tẩm rượu nướng *Thiên ma* 7 đồng cân rưỡi, *Bạc hà, Kinh giới* đều 2 đồng cân rưỡi. Các vị đều tán bột. *Rượu ngon* 2 bát, *Mật ong* 4 lạng đều bỏ vào nồi đất nhào thành cao, mỗi lần hòa một chén với nước sôi mà uống, ngày uống 3 lần, uống rồi nên đi nằm đắp mền kín cho đổ mồ hôi, 10 ngày là kiến hiệu

- *Lá thông, Thịt heo* đều 1 đồng cân, *Ma hoàng* (bỏ mắt) 2 lạng rưỡi, cắt nhỏ cho vào túi nhựa, dùng rượu 2 đấu mà ngâm, mùa xuân, hạ ngâm 5 ngày, mùa thu, đông 7 ngày, mỗi lần uống một chén, nhưng không nên uống đến say thì thôi.

- *Lá sen* 3 lá, trước dùng vôi một đấu nhỏ, thủy phi lắng lấy nước trong, bỏ lá sen vào nấu cho nhừ, đổ vào chậu tắm, cởi truồng rồi ngồi vào mà giầm nửa ngày mới ra, 3 ngày ngâm một lần, cứ thế mà làm, mấy lần là kiến hiệu.

- *Lá trắc bá* nấu rồi phơi, phơi rồi nấu được 9 lần, tán bột viên với mật, bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 1 viên, ngày uống 3 lần, uống đến 100 ngày là khỏi.

- *Lá kê, Lá sen* 2 vị bằng nhau, phơi khô tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với *rượu* nóng, ngày uống 2 lần.

- Ngày 5 tháng 5 âm lịch hái *kê đầu ngựa* giã vắt lấy nước, cô đặc lại, cứ 1 lạng hoặc 7, 8 đồng thuốc thì dùng 1 con cá *gáy* cân nặng nửa cân, mổ bụng để cả ruột dồn thuốc vào, khâu kín lại, đổ vào 2 bát rượu, đun nhỏ lửa, nấu chín mà ăn, chỉ ăn 3 ngày là khỏi. Kiêng muối và thịt heo 100 ngày thời khỏi hẳn.

4. Kinh trị phong cùi sứt mũi, rụng ngón tay, dốt ngón tay đau nhức khó chịu, dần dần rụng từng lóng.

- *Nhân hạt thầu dầu,* 1 lạng, *Hoàng liên* 1 lạng, cắt bỏ ngâm chung trong một cái bình có đổ vào một gáo nước, mùa xuân ngâm 2 ngày, hạ 3 ngày, thu 4 ngày, đông 5 ngày. Uống vào lúc mặt trời mọc, mỗi lần uống quay mặt về hướng đông, lấy *hột thầu dầu* bổ đôi và lấy nước ngâm thuốc mà uống, dần dần uống đến 4, 5 hột 1 lần. Nước trong bình cạn lại đổ thêm vào, thấy đại tiện hơi thông lợi không ngại gì, sau hai tháng, ăn tỏi và thịt heo mà thử, nếu bệnh không phát ra nữa tức là dứt nọc, nếu bệnh phát ra lại uống thuốc cho đến khi không phát nữa mới thôi.

5. Kinh trị bệnh phong, xương mềm, lưng và đầu gối đau nhức, bước đi không được, khắp mình ngứa ngáy:

- *Hà thủ ô* (củ to có vằn) *Ngưu tất* đều tán nhỏ. Đổ vào một thăng rượu ngon ngâm 7 ngày lấy ra phơi khô tán bột, dùng táo nấu lên, bóc lấy cùi giã nát, làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 35 viên với rượu vào lúc đói. Kiêng ăn cá không vảy và mọi thứ huyết.

XIX - GÃY XƯƠNG

Nạn gãy xương là vì từ cao rơi xuống thấp, hoặc bị vật nặng đè phải, hoặc đánh nhau, hoặc bổ ngã, làm cho thịt nát xương gãy. Nên theo các phương sau đây mà chữa.

1. Phương thuốc kinh trị lúc mới bị gãy:

- *Nước tiểu trẻ em* đang nóng hòa vào 1 lít rượu mà uống, thì thông khí hết đau, công hiệu rất lớn.

2. Truyền phương chữa gãy xương:

- *Qùa cam chín đỏ* gọt lấy vỏ mỏng có dầu, ngâm với rượu cho đầm, trong uống ngoài xoa rất hay.

3. Truyền trị bị ngã bị đánh đập, máu độc ứ trong ruột khiến đại tiểu tiện ra máu:

- *Muội nồi* nghiền bột, mỗi lần uống 2 đồng cân với *rượu* là khỏi.

4. Kinh trị xương tay chân bị gãy:

Nắn sửa chỗ gãy lại như cũ, lấy *Hành củ* cả rễ giã nát, xào chín, đắp vào buộc lại, nguôi lại thay. Lại dùng *rượu* ngon 1 bát, chích lấy *máu gà trống* hòa vào trong rượu, kiấy

- Trước nắn chỗ xương gãy lại như cũ, sau dùng 1, 2 con gà mới nở, nhổ lông, giã nát đắp lên, ngoài dùng ván gỗ the mốc làm nẹp ghép quanh buộc lại 1 ngày thay một lần, công hiệu lắm.

- *Bồ kết, Lá Trắc bá, Cốt toái* (gọt bỏ lông). Đều bằng nhau và giã thành bột, giã *gừng* vắt lấy nước cốt hòa với thốc bột trên hòa dẻo như bùn, nắn sửa lại chỗ gãy như cũ rồi đắp vào, lại dùng những nẹp bằng gỗ the mốc bện đắng mà bó cố định 3 ngày mở ra thăm, lấy *hành* nấu nước nóng mà rửa lại thay lớp thuốc khác cũng băng bó như trước, nếu 7 ngày còn đau thì gia thêm vị *Một dược*.

5. Truyền trị bị ngã sai khớp hoặc gãy xương.

- *Vỏ trắng cây gạo,* giã nát hòa với *lòng trắng trứng gà,* đổ *giấm* vào nấu chín, trước dùng *gừng* giã xát mà xào vào, và nắn sửa xương lại, khô lại thay, đến hết đau và vết thương bằng phẳng thì thôi.

- *Cóc to,* giã nát như bùn, đắp khắp chỗ gãy, ngoài dùng những nẹp tre bện đặng bó xung quanh, buộc chặt mà giữ cho cố định thì xương tự liền.

6. Kinh trị bị thương vỡ sọ gãy xương và sưng đau:

- *Hành* giã nát hòa với *Mật* trộn đều đắp vào cho đầy công hiệu ngay.

7. Kinh trị xương gãy thịt nát:

- *Ngưu tất* giã nát đắp vào.

8. Kinh trị bị té ngã sai khớp xương, sưng đau dữ dội, hoặc khớp xương chân tay đau cứng:

- *Cỏ lá tre* cho vào ít *Muối* giã nát hòa với *Giấm thanh,* sao chín lấy lá *chuối* xé rách đặt vào chỗ đau, lấy thuốc trên đắp vào, lại dùng lá chuối bọc ngoài, nằm yên từ sáng đến tối lại thay thuốc mới, cứ ngày thay một lần, thấy trong chỗ đau phát ngứa thì khỏi.

XX - BỊ THƯƠNG VÌ ĐÁNH ĐẬP

Bệnh này da thịt đang lành bị đánh đập quá mạnh rồi sinh ra. Nên phân biệt ra ứ máu và chảy máu. Ứ máu thì nên tiêu tán đi, chảy máu thì nên cầm máu lại. Nên theo các phương sau đây mà chữa.

1. Kinh phương trị lúc mới bị đánh (tán huyết):

- *Nước tiểu* hòa với rượu mà uống nóng, để tránh ứ huyết công vào tim.

- *Hành* giã nhỏ, sao chín nhân lúc đang nóng đắp vào chỗ bị thương, nguội lại thay, đến tan máu thì thôi.

2. Truyền trị bị đánh bị ngã hoặc bị rơi mạnh, máu ứ công vào tim đau muốn chết:

- *Lấy nước mật vịt* hòa với *rượu* hoặc *nước đái trẻ em*, cho uống tỉnh lại ngay.

Cam chín đỏ gọt lấy vỏ mỏng có dầu, ngâm với rượu cho đặc, trong uống ngoài xoa.

- *Huyết giác* 5 thăng sắc rồi chế thêm rượu vào uống, hoặc ngâm rượu uống và xoa.

- *Quế tâm* tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu, là thông huyết khỏi đau.

- *Bồ hoàng* tán bột, mỗi lần uống 3 đồng cân với *rượu* vào lúc đói.

- *Đậu đen* 5 thăng, nước 10 thăng, sắc còn 2 thăng, chia làm 2 lần uống, bệnh nặng chỉ 3 thang là khỏi.

- *Khương hoàng, Hồng hoa, Gỗ vang* 1 phần, *Dây đậu* dài 2 phân. Bốc làm một thang sắc nước, hòa với rượu và *đồng tiện* uống nóng, không cứ lúc nào.

- *Bã hem rượu*, vắt lấy nước, lấy gỗ *The mốc* mài đặc mà uống và xoa bóp vào chỗ bị thương, sống lại ngay.

3. Kinh trị té ngã huyết ứ dọng ở trong ngực, nhổ nước bọt ra máu:

- *Ngó sen* phơi khô, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân với *rượu*, ngày uống 2 lần rất hay. Không có ngó khô, thì dùng ngó tươi sắc nước đặc hòa với một chén rượu mà uống, bã đắp vào chỗ bị thương.

- *Bông sen*, phơi hoặc sấy khô, hoặc nhai sống mỗi lần 2 đồng cân với *rượu* là khỏi ngay.

- *Lá sen* khô 5 cái, đốt tồn tính, tán bột, mỗi lần hòa 2 đồng cân vào 1 chén đồng tiện, uống nóng trước khi ăn, uống cho đại tiện ra được máu độc là khỏi ngay.

4. Kinh trị bị té ngã hay gẫy xương, máu ứ ngực bụng đau nhức hoặc kết thành hòn cục, hoặc khí tắc, đại tiện không thông, điên hoảng muốn chết.

- *Đỉa* sao với *vôi* cho đến lúc đỉa khô vàng thời bỏ vôi dùng đỉa nửa đồng cân và *hột bìm bìm đen* 2 đồng cân, 2 vị đều tán bột, rồi uống với *rượu nóng*, độ nửa giờ sau lại uống thêm *hạt bìm bìm đen* tán bột 2 đồng cân để tống mạnh. Hễ thấy xổ ra hết máu độc sắc tím đen, từng cục thì thôi uống.

- *Móng chân ngựa bạch*, đốt cháy hết khói, mỗi lần hòa một đồng cân với *rượu*, ngày uống 3 lần, đêm một lần, huyết hóa ra nước, ra theo đại tiện là khỏi.

- *Bông nàng, Gỗ vang, Hồng hoa*, nửa phần. *Nghệ* sao vàng đều nửa phần; Bốc làm một thang, đổ nước một bát, *Rượu* một chén, *đồng tiện* 1 chung, cùng sắc còn 7 phần, uống nóng không cứ lúc nào.

5. Kinh trị bị ngã từ trên cao xuống, ứ máu dập xương:

- *Gạc hươu* đẽo ra, tán bột, mỗi lần uống 3 đồng với *rượu*, ngày uống 3 lần.

- *Lá quít rừng, Dây bạc sau*, cùng giã, vắt nước uống lấy bã đắp vào lúc thời hết sưng, khỏi bệnh, rất hay.

- *Cây vú bò*, giã nát hòa với *rượu* ngon *muối trắng* chút ít sao nóng mà đắp vào, rất hay.

6. Kinh trị bị đánh dập lở loét đau nhức:

- *Hột trám xanh*, mài với nước, thường thường xức vào chỗ đau, là hết sưng khỏi đau, rất hay.

- *Cua đồng* 2 con giã nát, hòa vào một chén *rượu* đun sôi cho uống, bã đắp vào chỗ đau.

- *Hèm rượu* sao qua, nghiền nát, lấy giấy phủ lên chỗ đau, đắp hèm rượu lên trên giấy lúc lâu chỗ đau như có kiến bò, khí nóng bốc lên thì tan.

- *Qủa cà già* cắt lát dầy lên để miếng ngói mới, sấy khô tán nhỏ, lúc dùng uống hai đồng với *rượu* nóng. Một lúc hết sưng đau mà không có dấu vết gì.

- *Lá mần tưới* giã nát rịt vào là hết sưng.

- *Dầu mè*, hòa với *rượu* cho uống, và đốt lửa trên một mảnh đất cho nóng rồi nằm lên là thấy sưng đau đều mất hết, và sau cũng không có dấu vết gì cả.

7. Kinh trị té ngã bị thương:

- *Vỏ rễ dâu,* lấy nhiều, cạo bỏ vỏ vàng ngoài, đập nát sắc nước nhào thành cao xức vào là khỏi, và không sinh ra ứ huyết.

- *Lõi cây thông hay huyết giác,* cắt nhỏ, đổ *rượu* vào sắc uống là yên.

- *Gừng sống* giã nát, cho *rượu* vào, sao chín đắp vào, tan huyết hết đau, rất hay.

- *Lá tía tô,* giã nát, đắp vào, miệng lở tự kéo lại.

8. Kinh trị bị thương không trầy da nhưng thịt bị tổn hại:

- *Củ cải,* giã nát, rịt vào rất tốt

- *Nước mật heo* xức vào, tiêu ngay hoặc lấy *tủy* trong xương heo đực, ngày đêm xát vào chỗ sưng, rất hay.

9. Kinh trị máu chảy ra không ngớt, thuốc này làm cho không mưng mủ và sau khi khỏi không có sẹo, rất hay.

- *Lá tía tô* áp vào chỗ chảy máu, đồng thời lấy *Bột tía tô* rắc vào là cầm máu ngay.

10. Kinh trị bị thương trầy da chảy máu:

- *Cỏ tim bắc* nhai nhỏ đắp vào khỏi ngay.

11. Kinh trị bị đánh dập lở loét:

- *Lòng đỏ trứng gà,* nhiều ít tùy nghi, đổ vào cái xanh rán ra dầu mà sức khỏi ngay.

12. Kinh nghiệm về thức uống để bị đánh mà không đau (Xỉnh tả):

- *Dùng Sáp ong* cắt nhỏ, nấu lên hòa *rượu* vào mà uống thời bị đánh không biết đau.

13. Truyền trị bị đánh dập gần chết:

Lá thanh táo 1 nắm giã nát, *Đồng tiện* nửa bát, *Chanh* 1 quả, vắt lấy nước hòa vào, bỏ bã, đổ cho uống là sống lại ngay.

XXI - BỊ PHỎNG (bỏng)

Phỏng là do nước sôi hoặc lửa làm phỏng người. Bỏng bị phỏng thời da cháy nát, nóng rát đau đớn khó chịu, nên theo phương mà chữa gấp, nhất thiết không nên dùng nước lạnh, bùn lạnh hay thuốc lạnh, vì khi nóng gặp lạnh hay thuốc lạnh ngăn cản thì độc vào sâu làm hại đến gân cốt, cho nên cần phải kiêng giữ.

1. Kinh trị bị phỏng lửa gần chết:

- *Nước tiểu trẻ em* cho uống nhiều rất công hiệu.

- *Trầu không* hái lá già, giã nát hòa với rượu, dùng lông gà chấm phết vào lành trăm phần trăm.

2. Kinh trị bị phỏng lửa chưa phồng da:

- *Hạt dành dành* đốt cháy, tán bột, trộn với dầu mè bôi vào là khỏi ngay.

- *Lá trắc bá* để sống giã rất nhỏ, đắp vào buộc chặt 2, 3 ngày, hết đau mà không có vết thẹo rất hay.

- *Vỏ cây liễu* đốt ra tro, tán nhỏ rắc vào là yên.

- *Lá dâu già,* đốt tồn tính, tán bột trộn dầu mè mà bôi, ngày 3 lần là khỏi.

- *Nước mật heo* trộn với bột hoàng bá bôi vào rất hay.

- *Vỏ ốc vặn* ở vách đất đã lâu năm, đốt ra tro trộn với *dầu mè* phết vào.

- *Xương hổ,* đốt cháy tán bột, trộn với *lòng trắng trứng gà* phết vào là khỏi.

- *Rêu đất* ở tường cổ, đốt ra tro, trộn với *dầu mè* mà xức, rất hay.

- *Vừng sống* giã nát như bùn, đắp vào rất hay, mà không có vết thẹo.

- *Củ cải tươi,* giã nát đắp vào nếu không có củ thì dùng hột cũng được.

- *Lòng trắng trứng gà* mà mài mực xức vào nếu được thứ *mực tàu* (21) càng công hiệu.

- *Trứng gà* luộc chín, lấy lòng đỏ bỏ vào chảo thau rán ra dầu mà bôi càng hay.

- *Dưa chuột* 3 quả, hái vào ngày 5 tháng 5 âm lịch bỏ vào trong bình trát kín miệng, treo ở ngoài hiên, lúc dùng lấy nước trong bình ấy phết vào, rất hay.

- *Lá phù dung, lá dâu* 2 vị bằng nhau. Lấy vào mùa sương phơi dâm để dành, lúc dùng tán nhỏ, đắp vào nếu khô thì hòa với mật mà đắp vào.

- *Nhai lá trầu không* cho nhiều phun nước cốt vào chỗ phỏng là hết đau mà không phồng da, thật là phương thuốc thần.

3. Kinh trị bị khói đen chết ngạt:

- *Lá củ cải* giã nát, vắt lấy nước cạy miệng đổ vào là tỉnh.

XXII - BỊ THƯƠNG TÊN ĐẠN

Bị thương tên đạn là trong lúc chiến tranh không may mà bị, nhẹ thì bị thương ở ngoài da, nặng thì sâu vào thịt. Lại có thứ tên tẩm thuốc độc, người trúng phải thời chết, nay biên những phương thuốc chữa ra đây, nên dự sẵn sàng, để tránh khó khăn trong lúc cấp cứu.

1. Kinh trị bị tên độc của bọn thổ phỉ trong rừng sâu bắn trúng, người bị thương có thể chết ngay:

- *Đậu đen* to hột, nấu nước hòa với *nước chàm, Tiết dê* hoặc tiết heo mà giải độc, ngoài dùng nước lá chàm, xức vào, không có nước chàm thì lấy *Thanh đại* hòa với nước mà thay.

- *Cành lá chàm* giã nát, vắt lấy nước mà uống, bã đắp vào; nếu không có lá chàm thì lấy vải xanh nhuộm chàm vo vào nước mà uống, lại lấy vải ấy còn ướt đắp vào vết thương, là khỏi. Nếu mũi tên không rút ra được, thì dùng *chuột cống* 1 con, mổ lấy óc và gan, nghiền nát đắp vào là hút tên ra ngay.

- *Rễ lau* rửa sạch đập dập, sắc nước đặc mà uống, là khỏi.

2. Kinh trị mũi tên vào thịt không rút ra được.

- *Cứt dê* đốt cháy tán bột, trộn với mỡ heo mà bôi, khi rút tên ra được thì thôi.

- *Ngà voi* đẽo lấy 1 nắm, tán nhỏ, hòa với nước, đắp vào, thì tên ra ngay, hoặc mài với nước cơm mà bôi vào.

- *Chuột cống đực* 1 con, lấy thịt cắt ra từng miếng sấy khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu nóng, thấy ngứa là tên ra.

- *Trùn đất* 14 con, dùng thứ khoang cổ thì tốt, bỏ vào một cái đĩa bằng đồng, gia thêm một lạng muối, phơi nắng đợi đến lúc hóa ra nước, thì lấy nước phết vào, chốc lát nổi ngứa lên là tên ra.

- *Ba đậu tươi,* nửa hột, bóc vỏ sao qua, *Bọ hung* 1 con (có phương thì dùng con *ngựa trời* thay *bọ hung*) đều giã nát, đắp vào, một lát thời hết đau, hơi ngứa thời cố chịu, đến khi

21. Mực nho loại tốt làm với muội khoa, Tùng hương và A giao.

ngứa lắm thì lắc và nhổ tên ra, lại lấy *Hoàng liên* và *Quán chúng* sắc nước mà rửa gấp, và dùng sáp ong nấu với dầu mè thành cao đắp vào là khỏi hẳn.

- *Dế nhũi* 5, 6 con, giã nát, vắt lấy nước, nhỏ vào vết thương 4, 5 lần là tên sẽ trồi ra.

- *Bọ hung chết,* 2 con, bỏ vỏ, lấy thịt trắng và *tóc đàn bà* chút ít, đốt ra tro, 2 vị cùng tán nhỏ, trộn với dầu mè bôi vào, đợi đến lúc phát ngứa, lấy tay ấn vào 1 bên mà rút tên ra.

3. Truyền trị mũi tên và chông tre, gỗ đâm vào thịt, lặn vào chỗ kín, không ra được, hoặc lâu năm thịt đá bọc kín không ra:

- *Ăn cà mên*, nhiều ít tùy ý; 5, 3 ngày tự nhiên tên lồi ra.

4. Kinh trị mũi tên ở trong cổ họng và ở các xương khác không ra được:

- *Chuột cống* 5 con, lấy gan giã nát đắp vào, lấy óc tủy và huyết ở đầu đắp vào rất hay.

5. Kinh trị tên đạn xuyên vào thịt không ra:

- *Xén tóc* 1 con, thứ 1 sừng mà nhỏ thì càng tốt, *Hàn the*, 1 cục nghiền nhỏ. Hai vị cùng bỏ vào trong bình, cho vào ít nước, lâu lâu tự hóa ra nước, lúc dùng lấy nước ấy nhỏ vào là tên đạn rơi ra, rất hay.

- *Lá nhót, Dây chìa vôi, Lá canh châu, Củ tầm sét* đều bằng nhau, cùng giã nát, đặt vào, dùng lá chuối bọc ngoài, 1 đêm thì mảnh đạn tự trồi ra.

6. Kinh trị tên đạn ở trong xương thịt lâu năm không ra:

- *Sùng đất* 5 con, *Dế nhũi* 3 con 2 vị đều nhau phơi khô, *Đậu đỏ* 1 phần, *Cá gáy muối* 1 lạng, *Hàn the* 1 đồng, *Hồng hoa* 3 đồng, các vị đều tán bột giã lẫn với cá gáy muối làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần dùng 1 viên đắp vào vết thương, nếu vết thương đã kéo kín miệng lại thì khêu cho vỡ ra mà đắp vào, ngày thay 1 viên, chỉ 3 viên (nếu sâu thì 5 viên) là tên đạn trồi ra được, rất hay.

XXIII - BỊ THƯƠNG MŨI NHỌN

Bị thương mũi nhọn là mũi nhọn các thứ tre, gỗ, loài kim, loài đá xóc vào tay chân, chảy máu không ngừng, hoặc sưng kết thành mủ, hoặc mũi nhọn gẫy vào trong không ra được, nên chiếu theo phương mà chữa.

1. Kinh trị bị thương vì dao rựa hay các vật bằng kim loại khác làm đứt thịt chảy máu, cùng bị tre gỗ xóc vào thịt không ra được.

- *Hoàng lực* 5 lạng, *Bạch lực* 3 lạng, *Độc lực* 4 lạng mà xắt lát, *Thạch giải* (cua đá) 3 lạng. Các vị phơi khô, tán bột, luyện hồ làm viên, lớn bé tùy ý, lúc dùng tùy vết thương nặng hay nhẹ mà dùng thuốc nhiều hay ít, nhai nuốt nước, bã đắp vào chỗ vết thương, nhưng chừa một lỗ nhỏ để khỏi bịt hơi mà sưng lên.

- Dùng thêm *Thạch giải* 1 lạng, còn thì theo như phương trên, là một phương thuốc chữa vết thương rất hay.

2. Kinh trị đứt tay hoặc bị tre dâm chảy máu:

- *Giội nước tiểu của bản thân* 3, 4 lần là cầm máu ngay, nếu có văng nước lạnh vào cũng không can gì.

3. Kinh trị mũi kim dâm vào thịt không ra được.

- *Hạt thầu dầu* 1 lạng giã nát lấy một lần lụa bọc ra ngoài, rồi đặt thuốc lên trên vết thương thấy mũi kim đã trồi ra thì nhổ đi. Hoặc gia thêm cùi *bạch mai nhục* (mơ nuôi) càng tốt.

- *Mủ cóc* trát lên vết thương, lại lấy *lá cây bạch lực* (cây gai kim), giã nhỏ, đặt lên trên giấy có mủ cóc, bỗng chốc rơi ra.

- *Dế dũi* giã nát, đắp vào một lúc thì mũi kim chồi ra ngay.

- Cạo một nắm *ngà voi*, lấy cùi của 1 *quả mơ*, sắc nước đặc, thường xức vào, thì mũi kim hóa mềm rồi ra.

- *Gạc hươu,* đốt tán nhỏ trộn với nước mà bôi vào là ra ngay; nếu lâu thì bôi chỉ 1 lần nữa.

- *Gàu trên đầu* đắp vào là ra ngay.

- *Lông cánh quạ* 3, 4 đồng, đốt tán nhỏ trộn với giấm mà bôi là ra, rất hay.

- *Thịt heo*, cắt nhỏ hơ nóng dịt vào thì kim ra ngay; lâu ngày cũng công hiệu.

- *Nước tiểu mới còn nóng* đắp vào.

- *Mắt cá gáy,* đốt tán bột nhỏ vào thấy nước chảy ra là khỏi, không có mắt cá gáy thì dùng mắt cá thứ cá khác cũng được.

- *Thực thông*, đắp vào chỗ đau, lấy vải băng lại 4, 5 ngày không đau, không ngứa mà kim tự rơi ra.

- *Cứt dê,* đốt tán nhỏ trộn với mỡ heo, xức vào, kim tự ra lúc nào không biết.

- *Cứt dê* hòa với nước chút ít mà bôi vào.

- Lấy *lông đuôi gà trống đen* 14 cái, đốt ra tro, tán nhỏ trộn với sữa, bôi vào, tự rơi ra.

- *Vỏ quế*, gọt bỏ vỏ ngoài, tán nhỏ, *Sáp ong*, 2 vị bằng nhau, nấu chảy khuấy đều, trước hết dùng 4, 5 lần giấy dán lên trên, rồi dùng lửa hơ nóng, cho thuốc chảy ra, nhỏ xuống trúng giữa miệng vết thương, thì kim gãy tự ra.

- *Đậu sị* nhai nhỏ, đắp vào, kim tự ra.

4. Kinh trị gai độc dâm vào sinh lở đau:

- *Lá mận, Lá đào* giã nát lấy nước xức vào là công hiệu.

- *Đậu đen* nấu nước tẩm vào là khỏi.

5. Kinh trị gai dâm, chạm phải nước sinh đau:

- *Cành dâu* 3 cành, đốt lên lửa than, cho cháy đứt đôi ra, rồi lấy đầu đứt đó dí lên chỗ đau, nguội lại thay, vết thương tự phá vỡ, rồi lấy *rễ hẹ*, giã vắt lấy nước xức vào, buộc chặt vải lại, nếu còn sưng thì cứ thế mà làm.

- *Lá hẹ,* nấu chín, đang nóng rịt chặt vào, tự khỏi, hoặc gia thêm *lá chàm* cũng công hiệu.

XXIV - THÚ DỮ CẮN

Thú dữ cắn bị thương, nhẹ thì đau ở ngoài da, nặng thì độc vào tạng phủ mà nguy khốn, nên tùy từng giống mà dùng phương.

1. Kinh trị bị gấu, hổ cắn:

Bỏ *sát* vào nước nấu sôi thật kỹ, đợi đến lúc nước nguội bớt, thời rửa vết thương để trừ độc rồi sau dùng thuốc xức vào để cho độc khỏi phạm vào trong. Dùng củ *sắn dây tươi*, giã lấy nước uống và rửa chỗ miệng vết thương rồi dùng *Phèn phi* tán bột rắc lên vết thương là khỏi. Nếu không có sắn dây thì lấy *gừng sống* mà thay.

2. Kinh trị bị hổ cào cấu bị thương

- *Dầu mè* 1 bát vừa uống lại vừa rửa chỗ bị thương là khỏi.

- *Vải nguộm chàm,* cuộn lại làm mồi, đốt lửa 1 đầu, cho vào trong ống tre, đưa khói xông vào chỗ lở. Lại dùng củ *sắn dây*, sắc đặc, uống trong 1 ngày 3 lần, ngoài rửa mỗi ngày 10 lần là khỏi. - *Sùng đất,* giã nát đắp vào, ngày 2, 3 lần là khỏi.

- *Can khương,* tán bột, rắc vào rất công hiệu.

- *Rượu* thường uống cho thật say, rồi mửa lóng ra là khỏi.

3. Truyền trị chó điên cắn, khi mới bị cắn thì trên đỉnh đầu người ấy nhất định có 1 sợi tóc đỏ, phải tìm nhổ đi ngay, sau sẽ dùng thuốc chữa. Các phương sau đây, dầu đã ngợp nước cũng chữa khỏi.

- *Cây ké hoa đào,* 1 nắm to rửa sạch vò lấy 1 bát nước đặc, cho vào ít muối mà uống, 10 ngày uống 1 lần, uống 10 lần thì khỏi. Lúc mới bị cắn thì lập tức lấy *dây đau xương,* giã nát với ít vôi buộc vào khoảng giữa chỗ bị cắn để độc khỏi chạy vào tim. Nếu không thì ngay sau ngợp nước, khó cứu.

- *Rau giệu* 1 nắm, *Lá trầu* nửa nắm, *nõn da lông* nửa nắm, *nước* 1 bát, vò lấy nước đặc cho uống, bã đắp vào chỗ đau, mỗi sáng uống 1 lần, 7 ngày thì dứt nọc.

Lập tức dùng cái kim chích vào cho ra máu, lấy nước tiểu rửa sạch, rồi lấy một nửa *vỏ hột đào* nhét đầy phân người vào, úp lên lỗ rốn, để *ngải nhung* lên vỏ hột đào mà cứu, Vỏ hột đào cháy, phân khô, thì lại thay đi, cứu cho đến 100 mồi, ngày hôm sau lại cứu 100 mồi, cứ thế cứu 5, 6 ngày sau lấy *Nam tinh, Phòng phong* hai vị bằng nhau, tán bột, trước lấy nước súc miệng nhổ ra rửa sạch chỗ bị thương, lại lấy bông lau khô, rồi rắc bột 2 vị thuốc trên vào, rất công hiệu.

- *Lá cây vông gạo* (thứ có lá quanh năm), 1 nắm, vò nước đặc, cho vào tí muối mà uống, 10 ngày uống 1 lần, uống 10 lần thì không lo.

Phương thuốc này không kiêng cử gì cả; ngợp nước rồi cũng công hiệu.

- *Gạo nếp* 3 vốc; *Ban miêu* (nam 7, nữ 9 con).

Cùng sao với Ban miêu vàng thì bỏ đi lại thay vào 7 hoặc 9 con khác lại sao vàng lại bỏ đi, như thế ba lần đợi cho gạo nếp cháy ra khói, bỏ hết Ban miêu, lấy gạo nếp tán nhỏ, hòa với *dầu mè* đắp vào, tiểu tiện đi được nhiều là tốt.

- *Nhân hột thầu dầu* 50 hột nghiền với nước giếng cho nát, trước lấy nước muối rửa vết cắn, rồi đắp thuốc vào, là khỏi.

- *Ô mai,* tán bột, 2 đồng, uống với rượu là khỏi.

- *Vỏ cây đào* cạo lấy vỏ trắng, 1 nắm, nước ba bát sắc lấy 1 bát mà uống, rất công hiệu.

Ban miêu 7 con, bỏ đầu, cánh chân, dùng *gạo nếp* một vốc, sao vàng, bỏ Ban miêu lấy gạo; *Củ gấu* 7 phần. Đều tán bột cả hai vị 1 lần với *rượu*. Nếu đau bụng lắm uống nước xáo lợn 1, 2 bát là hết. Kiêng gió, kiêng mỡ, và kiêng trống 7 ngày.

- *Lá hẹ* giã nát vắt lấy nước một bát đưa bệnh nhân vào chỗ kín gió lấy nước lạnh rửa vết thương cắn cho sạch, rồi mới uống lá hẹ, 7 ngày uống 1 lần. 49 ngày 7 lần, trong 100 ngày kiêng ăn đồ chua, mặn, trong một năm chớ ăn cá tanh, và suốt đời chớ ăn thịt cho, thì đảm bảo được an toàn, nếu không 10 người chết đến 7, 8, thuốc này rất hay.

- *Gừng tươi*, giã lấy nước, mỗi lần uống 1 tháng, uống 5, 3 lần là khỏi

- *Can khương* tán bột, 1, 2 đồng, uống với nước và lấy *gừng nướng nóng* chườm chỗ bị thương rất công hiệu.

- *Cạo xương hổ* uống 1 đồng với nước và tán bột rắc vào vết thương, rất hay.

4. Kinh trị vết thương chó cắn:

- *Rêu* trên mái nhà, giã nát đắp vào.

5. Kinh trị ngựa cắn thành sưng lở đau, hoặc máu chạy vào tim đau nhức;

- *Cỏ roi ngựa*, đốt ra tro hòa với *dầu mè* bôi là yên.

- *Máu mào gà* thường phết vào.

Ngựa cái cắn thì dùng gà trống, ngựa đực cắn thì dùng gà mái là khỏi.

- *Rau sam* luộc ăn cho nhiều là khỏi.

- *Cỏ ích mẫu*, giã nát, trộn với *giấm* sao qua, đắp vào, rất tốt.

6. Kinh trị heo cắn sinh lở loét:

- *Nhựa thông* bỏ vào nồi đất, nấu lên, nhỏ vào nước không tan, rồi vắt thành miếng đắp vào, rất công hiệu

7. Kinh trị mèo cắn sinh lở loét đau nhức:

- *Lá bạc hà*, giã nát, đắp vào, công hiệu.

8. Kinh trị bị nước dái chồn cáo, sinh lở, đau nhức.

- *Nước dái ngựa bạch*, đang nóng tẩm vào là khỏi.

- *Cành dâu* đốt ra tro, nấu nước nóng mà ngâm, nguội lại nấu nóng mà ngâm, rất công hiệu.

- *Sáp ong* hơ lửa cho chảy ra, đặt vào chỗ đau, và đốt khói mà xông, làm cho đổ mồ hôi là khỏi.

- *Đậu sị*, nhai nhỏ, đắp vào, khô lại thay, xem trong miếng thuốc có lông thì thôi, nếu chưa thấy có lông thì lại cứ đắp.

9. Kinh trị bị người cắn, độc vào trong sinh đau nhức hoặc lâu thành lở loét:

- *Yếm rua* hoặc *Mai cua đinh*, đốt tro hòa với *dầu mè*, xức vào là khỏi.

XXV - RẮN RẾT, SÂU ĐỘC CẮN

(Phụ: thuốc trừ sâu)

Các giống trùng đều bẩm thụ khí độc âm dương mà sinh ra...; như con rết thời độc ở tai, con cóc cóc nơi miệng, bò cạp, ong thì độc ở tại đuôi, con rắn độc ở tại răng, độc truyền cho người thời mới biết là có hại. Nên hễ bị chúng cắn thời nên theo từng loại mà chữa.

1. Truyền trị khi vào rừng sâu bị sâu độc, rắn độc cắn:

- *Thuốc lào* 1 cục bằng ngón tay, nhai nuốt nước, bã xát vào vết thương là khỏi, hoặc bị độc lở ra hôi thối, thì sắc nước *Lá quít hôi* mà ngâm rửa, rồi nhai thuốc lào đắp vào.

- *Ngải nhung* cưu vào vết cắn vài mồi, thời trừ hết khí độc, rất hay

- Hơ vết cắn trên ngọn đèn cho nước chảy ra là khỏi Dùng *dầu mè* thắp đèn mà hơ.

- Ngâm rửa với *rượu nóng*, ngày 3 lần là lành.

2. Truyền trị rắn cắn, độc chạy vào bụng, trướng bụng muốn chết.

- *Vỏ cây duối, Vỏ cây sung*. Bằng nhau, giã nát, hòa với một bát nước *tiểu trẻ em*, vắt lấy nước uống.

- *Cỏ may* cả mầm và rễ, hòa với nước mà uống, nếu đã cấm khẩu thì cạy răng đổ vào bã đắp vào vết cắn là sống.

- Dùng 2 *con dao* cùng mài với nhau, ở dưới lấy một bát nước mà hứng lấy, cho uống là lành.

3. Kinh trị mọi thứ rắn hoặc sâu cắn bị thương:

- *Cỏ ích mẫu*, giã nát, đắp dầy vào, rất hay.

- Ngày mồng 5 tháng 5 âm lịch, bóc lấy *hột bồ kết* (trai dùng tay trái bóc 7 hột, gái dùng tay phải bóc 9 hột), nếu dùng nhiều cứ theo số 7 và số 9 mà gấp 10, gấp 100 lên, sao cháy đen, *Bạch chỉ* nửa phần. Cùng tán bột, dùng cỏ *Thài lài tía* giã vắt lấy nước hòa vào làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần dùng 3 viên uống với *Cỏ mối* vò ra, bệnh nặng thì thuốc mài với rượu, mà đổ vào, thật là thư thuốc khởi từ hồi sinh

- *Cứt ngỗng*. đắp dày vào, rất hay.

- *Lá đậu ván*, giã nát, đắp vào, rất hay.

- *Tỏi và chua me đất* 2 vị bằng nhau, giã nát, đắp dày vào, đã kinh nghiệm.

- Nấu sáp vàng chảy ra, lấy ống tre đổ vào chỗ bị cắn, đổ sáp vào trong ống tre cho sáp chảy xuống là khỏi.

- *Ngải tắm*, giã nát, đắp vào là khỏi.

- *Mầm non cây gai*, giã ra, vắt lấy nước hòa với *rượu* mỗi thứ 1 nửa mà uống, lại lấy bã rịt vào chỗ bị thương, thời các chất độc theo các khiếu mà ra.

- *Rết* 1 con, đốt, tán nhỏ, rắc vào là khỏi.

- *Chua me đất*, giã nát, đắp vào là khỏi.

- *Lá đậu đen*, giã nát, đặt vào rất công hiệu.

- Giã *tỏi* lấy nước mà uống, bã đắp vào cũng hay.

- *Vỏ cây bưởi bung*, nhai nuốt nước, bã đắp vào công hiệu.

- *Cứt người*, đắp vào là tiêu, hoặc lấy *nước tiểu trẻ em* rửa hết máu, rồi phun nước miếng vào, rất hay.

- *Rau giền tía*, giã lấy nước 1 thăng mà uống, bã đắp vết thương là khỏi.

- *Gừng sống*, giã nát đắp vào, khô lại thay, là công hiệu.

- Lấy *cứt ráy ở tai trâu* đắp vào là khỏi.

4. Kinh trị rắn cắn độc xông lên, 9 khiếu ra máu:

- *Mòng trâu,* 10 con, dùng thứ mới đốt trâu ngựa bụng còn đầy máu, đốt qua, tán nhỏ, uống với nước nóng thời khỏi ngay.

5. Kinh trị rắn cắn, vết thương vỡ loét, trăm thứ thuốc không khỏi:

Trước lấy nước *mới múc* rửa sạch chỗ thối nát cho lòi gân trắng ra, lấy bông thấm khô nước, *Bạch chỉ* giã nát thêm *Đởm phàn, Xạ hương* chút ít, nghiền nhỏ, xức vào, nước độc ào ra, ngày ngày xức vào 1 ít, xức suốt cả tuần thì lành lại như thường.

- *Hột thì là* nghiền bột rắc vào rất hay.

6. Truyền trị rết, nhện cắn người:

- *Vỏ rễ dâu* cạo lấy vỏ trắng, nhai nhỏ đắp vào là khỏi ngay.

7. Kinh trị rắn rết:

- *Tỏi* 1 củ giã nát, mài xát chỗ vết cắn là khỏi.

- Ốc sên giã nát, đắp vào rất hay.

- *Cứt gà đen* trộn với nước mà đắp.

- *Rau sam* giã nát, đắp vào rất công hiệu.

- *Con nhện* giã nát đắp vào. Trước lúc đó lấy một con nhện sống để vào chỗ bị thương cho nó hút độc, vì nó hay chế ngự được. Ta thử bắt một con nhện giã nát đắp lên trên mình con rết, là con rết tan ra từng đốt.

Trước lấy *gàu trên dầu* đắp vào chỗ bị thương, lại dùng giấy bản cuộn lại làm thành 1 cái mồi, tẩm *dầu mè* đốt xông lên khói vào chỗ bị thương, là công hiệu ngay.

- Lấy một *nhánh tòi* nhai nhỏ, đắp vào là khỏi.

- *Rau sam* giã nát, đắp vào là tự khỏi.

- *Củ cỏ cú* nhai nhỏ đắp vào là khỏi.

- *Hột mè* nghiền nát đắp vào là yên.

8. Kinh trị rết và nhện cắn.

- *Mài dõ sắt* vào *giấm* rồi lấy nước phết vào là khỏi ngay.

- *Máu mồng gà* phết vào là khỏi.

- Móc *nước miếng trong miệng gà* bôi vào là khỏi.

9. Kinh trị bệnh hùm cắn người, độc giống như độc rắn.

- Lá cây *kẻ đầu ngựa* giã vắt lấy nước 1 chén mà uống, bã đặt vào chỗ cắn.

10. Kinh trị nhện hùm cắn, liền nổi sưng đau gần chết mà khó cứu chữa.

- *Lá chàm* giã nát cho vào ít *Xạ hương* và *Hùng hoàng* mà đắp vào rất công hiệu, hoặc lấy thứ thuốc ấy mà đặt vào con nhện, là nhện hóa ra nước ngay.

- *Rễ hẹ* nhai nhỏ, đắp vào là khỏi.

- *Gừng sống* giã vắt lấy nước, hòa với bột sắn dây nhão như bùn, đắp vào là khỏi.

- Lấy *nước tiểu* (thứ lâu ngày càng tốt) bôi vào chỗ bị cắn, lại dùng *cứt gà sáp* ngâm vào rượu mà uống. Nếu không thì độc chạy vào chết người.

- Dồn một con *trùn* vào trong *gọng hành* buộc hai đầu lại, không cho hơi lọt vào, rồi lắc đi lắc lại cho trùn hóa ra nước, lấy nước ấy bôi vào là khỏi.

- *Gừng sống* nướng nóng xắt lát đặt vào, nguội lại thay rất hay.

- *Dầu mè* hòa với *muối*, xát vào là yên ngay.

11. Kinh trị nhện và ong độc cắn

- *Tổ tò vò* hòa với *Giấm* đắp vào thì khỏi.

12. Kinh trị ong độc đốt.

- *Lá bạc hà* giã nát đắp vào tất khỏi.

- *Thanh hao* nhai nhỏ đắp vào là yên.

- *Măng tre* giã nát đắp vào là khỏi.

- *Rau sam* giã nát đắp vào là khỏi.

- *Rau dền* vò xát vào rất tốt.

- Lấy *gàu trên đầu* đắp vào là khỏi ngay.

13. Kinh trị các thứ sâu bò vào lỗ tai.

- Nước *hành* hoặc *Nước hẹ* đổ vào là sâu ra ngay, hoặc *Thịt heo* nướng thơm để bên lỗ tai, sâu bò ra ngay.

- *Lá đào* giã vắt nước nhỏ vào tai.

- *Nước đái mèo* (22) nhỏ vào trong lỗ tai.

- *Mỡ heo* nướng vàng áp vào lỗ tai hồi lâu là sâu ra.

- *Rơm lúa nếp* đốt ra tro, hòa với *dầu mè*, mà nhỏ vào là ra.

- *Gừng sống* giã lấy nước nhỏ vào chút ít là ra.

- *Sữa dê* nhỏ vào rất công hiệu.

- *Giấm thanh* đổ vào đứng dậy là ra.

- *Đút ống trúc* vào lỗ tai, nhờ người khác ngậm mà hút ra; cách này tốt hơn cả.

14. Kinh trị rết chui vào lỗ tai.

- Để miếng *thịt gà* bên lỗ tai là rết ra ngay.

- *Dầu mè* nhỏ vào trong lỗ tai, đến lúc rết ra thì thôi.

- *Nhện*, 2, 3 con, nghiền ra với chút nước nhỏ vào tai.

15. Truyền trị dỉa chui vào lỗ tai.

Lấy *Mật ong* nhỏ vào, dỉa chết ngay mà rơi ra.

16. Kinh trị kiến bò vào trong lỗ tai.

- *Xuyên sơn giáp* đốt tán bột, hòa vào nước đổ vào là ra ngay.

17. Kinh trị con sên nhớt (trơ) chui vào lỗ tai.

- Giã *tỏi* lấy nước đổ vào lỗ tai, hết sâu bò ra thì khỏi.

- *Trùn* một con đút vào trong *gọng hành*, cột hai đầu đợi hóa ra nước, lấy nước đổ vào tai, thì sên nhớt hóa ra nước mà ra.

---

22. Dùng *gừng tươi* xát vào lỗ mũi mèo thì nước đái nó tự chảy ra.

18. Kinh trị vướng vào độc rắn, độc nước khe, độc ở cát, độc con nái (xạ công) sinh cấm khẩu, mờ mắt, chân tay co cứng, độc chạy vào trong bụng kết thành cục, để lâu thì khó cứu.

- Mầm non cây *kê đầu ngựa* 1 nắm giã nát, lấy nước hòa với *rượu* nóng mà đổ cho uống, lấy bã đắp vào chỗ bị thương là lành, kiêng ăn thịt heo.

- *Rau giền tía* giã lấy nước 1 thăng cho uống, ngày uống 2 lần, rất công hiệu.

- *Rau sam* giã lấy nước một thăng cho uống, dã đắp vào, rất công hiệu.

19. Kinh trị bị sâu độc con nái sinh lở đau.

- *Hạt cải trắng* tán nhỏ hòa với *rượu*, nặn thành bánh đắp vào, nửa ngày là thôi.

20. Kinh trị bị độc sâu rọm da nổi đỏ đau nhức chịu không được.

- *Rau sam* giã nát đắp vào rất hay.

21. Kinh trị chạm vào lông sâu rọm ngoài da ngứa trong thịt đau, thậm chí lở loét khó lành.

- *Đậu si* một vốc, *Dầu mè* nửa chén, cùng giã cho mềm, đắp đầy vào chỗ bị thương, độ một lúc đưa thuốc ra có lông sâu rọm phân ra rõ ràng, đem chôn đi, rồi sắc nước *Bạch chỉ* mà rửa. Nếu lở loét, thì cạo *Mai mực* rắc vào rất công hiệu.

22. Kinh trị người và súc vật bị lở loét sinh giòi.

- *Đại hồi* (thứ tám cạnh) sao vàng tán bột, hòa với *rượu* bôi vào thì giòi ra hết.

23. Kinh trị bị nước đái của sâu độc (quắc sưu), thịt phồng lên như những hột gạo, trong có mủ trắng, nóng rét, đau nhức.

- *Vỏ cây hòe* cạo lấy vỏ trắng, giã nát, ngâm giấm nửa ngày mà rửa tự khỏi.

24. Một truyền phương trừ muỗi.

Ngày 5 tháng 5 âm lịch, *vớt bèo* phơi khô đốt lên mà hun rất hiệu nghiệm.

XXVI - NĂM CHỨNG TUYỆT

Năm chứng tuyệt là: thắt cổ chết, bị vật nặng đè chết, nằm ngủ thấy ma đè chết, thấy quỷ sợ hãi mà chết, chết rét. Người ta có sống thì tất có chết, nhưng chết một cách bất ngờ thì không phải là mạng đáng chết, cho nên nếu có người bị chết bất ngờ mà xem ở vùng tim còn nóng, thời dẫu đã chết một ngày cũng còn cứu được.

Nên tùy từng loại, chọn phương mà chữa.

1. Phương thuốc kinh trị năm chứng tuyệt.

- *Bán hạ* tán nhỏ, lường bằng hột đậu, thổi vào trong lỗ mũi, cho nháy sống mũi là sống.

2. Phương pháp cấp cứu kinh nghiệm cứu người chết thắt cổ mà ở vùng tim còn nóng.

Trước hết từ từ cởi dây thắt cổ, không nên vội cắt, hạ xuống đặt nằm trên nệm đầu hơi dốc xuống, để cổ họng cho ngay, tay bịt miệng mũi, chớ cho hở hơi, một người dùng chân đạp vào hai vai, dùng tay kéo tóc giữa đỉnh đầu, nên làm cho mạnh cho gấp, không nên gián đoạn, một người lấy tay xát vào lồng ngực, co duỗi tay chân, nếu tay chân đã cứng, cũng cố dần dần co lại. Lại khiến người lấy áo đắp mền kín chặt ở hậu môn, chớ cho tiết khí, lại lấy ống tre thổi vào hai lỗ tai cho hơi từ miệng ra như hơi thở. Nếu mắt nhắm thì lấy tay xoa xát ở mí, luôn luôn không rời, chốc lát lấy ít *gừng sống* sắc nước, hoặc lấy *nước cháo* mà đổ

vào, cho nhuận cổ họng, cứ làm mãi, dần dần nạn nhân cử động được mới thôi. Phép này làm từ sáng đến tối, thời dầu đã chết lạnh, cũng sống lại được, còn từ tối đến sáng (vì âm khí thịnh) thời khó cứu, hễ tim, mắt, miệng, bụng nói ấm dầu chết đã một ngày trở lên cũng còn cứu sống, trám lần cứu được cả trăm.

Cứu huyệt *Dũng tuyền* (giữa lòng bàn chân), trai chân trái, gái chân phải, cứu ba mồi thì sống lại.

3. Kinh trị thắt cổ mà kinh khí chưa tuyệt.

- Chất tráng trong *cứt gà* 1 đồng cân, *rượu* 1 chén, hòa đều đổ vào lỗ mũi, sống lại ngay.

- *Lá chàm* giã vắt lấy nước đổ vào là sống

- Tước lấy cái lõi nhọn của cây *hành*, dùng ngoáy vào trong lỗ mũi, có máu ra thì sống.

- *Bồ kết* tán bột, thổi vào mũi gây nhảy mũi, hơi thông thì sống.

- *Máu mào gà* trai dùng gà mái, gái dùng gà trống, ngay lúc ấy, cởi từ từ thắt lưng, không nên vội cắt, kíp đổ máu gà vào trong miệng để an tâm thần.

4. Kinh trị nằm ngủ thấy ma đè chết, nhưng tim người bệnh vẫn còn nóng.

Kíp đỡ ngồi dậy, lấy tay kéo tóc, dùng *Bán hạ* tán bột thổi vào lỗ mũi, hơi tỉnh lại lấy *Nước gừng* dùng *Dầu mè* trộn đều mà đổ, sau rồi cho uống thuốc, nếu không có thuốc thì lấy *Nước tiểu trẻ em* đổ vào.

- Lấy *Cành cây đào, Cây liễu trỏ về hướng đông* đều 7 tấc, sắc nước đổ cho uống là sống lại.

5. Phép chữa chết đuối đá kinh nghiệm.

Trước lấy dao cạy răng, để ngang vào một chiếc đũa, cho nước ra được, nhất thiết chớ dốc ngược lên là khí tuyệt ngay. Nên chọn một người khỏe mạnh, hốt hai chân người chết đuối lên trên vai mình cho hai lưng sát nhau, cúi lom khom mà đi cho ra hết nước; sau lấy *rơm*, nếu không có thì dùng *tro bếp, đất khô* hoặc *đất vách* nhà, rải lên trên đất, đặt người chết đuối nằm ngửa lên trên, lại lấy *tro* cùng *đất* phủ lên, chỉ chừa miệng và hai mắt, cho hơi nước thấm vào trong đất, lại kíp lấy ống tre đút vào miệng, tai, mũi, lỗ đít, đều cùng nhau mà thổi hơi vào, để cho hơi trên dưới thông nhau, lại dùng *Bán hạ* tán bột nhét vào lỗ mũi, dùng *Bồ kết* tán bột gói vào lua nhét vào lỗ đít, một chốc nước chảy ra thì sống.

- Kíp cởi áo và thắt lưng dùng *ngải* đốt giữa rốn 3 mồi, lại cho hai người lấy ống tre thổi hơi vào hai lỗ tai mà sống.

- *Bồ kết* 3 đồng, *Muối* 1 lạng, *Quế* 1 đồng, *Hoàng lức* 1 lạng đều tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng nhét vào trong ống tre, thổi vào trong lỗ đít, cho nước chảy ra, và dùng muối đắp vào lỗ rốn, đỡ ngải lên trên cứu 3 mồi là sống.

- Trước lấy *muối* rang đặt vào *rốn*, đặt nằm trên giường, chân sau giơ cao, đợi nước chảy ra, chớ dốc ngược cho ra nước thì tuyệt khí là nguy.

- *Lá gấu* và *Vỏ cây vông*, giã nát hòa với *Nước mới múc*, đắp lên trên đầu và khắp mình, và trên rốn, lúc lâu là dùng *Muối* đắp lên rốn, lấy *ngải* cứu 3 mồi là sống.

6. Kinh trị bỗng nhiên hôn mê, chết ngất, nhưng mạch còn đập, ghé vào tai mắt mà nghe, thì hình như có tiếng thở từ nách (ngực) lên.

Phàm thình lình bị ngã lăn ra chết giấc mà nhắm mắt, thì chớ thắp lửa soi, mà phải cắn gót thật đau vào gót chân và chỗ giáp móng chân cái, lại nhổ nước miếng vào mặt là tỉnh lại.

Lại tán bột - *Thạch xương bồ*, thổi vào lỗ mũi và lấy *Quế* tán bột bỏ vào dưới lưỡi, rồi lấy nước *Rễ xương bồ* giã nát đổ vào là khỏi.

- *Lá hẹ* lấy nước, thổi vào trong hai lỗ mũi, hoặc mài *sừng tê giác* cho uống.

- *Bán hạ* tán bột thổi vào lỗ mũi là tỉnh, hoặc *Bồ kết* tán bột thổi vào cũng được.

7. Kinh trị trúng mọi khí độc hôn mê bất tỉnh.

Lấy một cái lò nhỏ, đốt than để vào trong, rưới *Giấm* vào, rồi ghé mũi người bệnh vào mà xông cho hơi giấm thông vào là tỉnh lại.

8. Kinh trị trúng khí độc, bỗng nhiên ngã nhào sắp chết.

- *Ba đậu* bỏ vỏ, gói nhiều lần giấy, đập nát cho dầu thấm ra giấy, dùng giấy ấy cuốn lại thành mồi, đốt cháy cho khói tỏa ra vào trong lỗ mũi tỉnh ngay.

9. Kinh trị bỗng nhiên trúng khí độc mà chết ngất, hoặc lúc sắn có bệnh hoặc ngày thường nằm ngủ, bỗng chốc mà chết tự nhiên.

Lấy *Lõi cây hành* ngoáy trong lỗ mũi, trai bên trái, gái bên phải, vào sâu 3, 4 tấc, làm cho mũi chảy máu là sống.

10. Kinh trị trúng khí độc, hoặc bị bệnh rồi trúng phải, hoặc nằm ngủ mà trúng phải, rồi bỗng nhiên chết ngất.

- *Gà trống* một con, đưa đầu gà hướng vào miệng người chết, cắt đầu gà cho chảy máu vào trong miệng, ngoài lấy ống tre thổi vào lỗ đít, hồi lâu lại thay người khác thổi, hơi thông được là sống.

10b. Kinh trị trúng khí độc, gió độc, chết ngất.

Cắt *đuôi heo* lấy máu đổ vào miệng. Rồi trói con heo đó, cho người bệnh nằm gối đầu lên con heo thì sống. Đó là phương thần tiên.

Truyền phương: Hứng *Cứt trâu mới ỉa* hòa rượu vào, gạn lấy nước trong, đổ vào miệng cũng sẽ tỉnh.

11. Kinh trị chứng sợ ma bỗng nhiên chết ngất.

- *Gà trống* 1 đôi (được gà đen thì càng tốt) cắt lấy máu trên mồng đổ vào miêng, làm cho nuốt xuống, lại lấy gà ấy mổ bụng ra đang nóng áp vào dưới quả tim, khi nguội đem chôn đi đừng ăn.

- Dùng *Máu gà* phết vào trên vùng tim rất hay.

12. Kinh trị đang nằm ngủ bỗng nhiên bất tỉnh.

Chớ thắp lửa soi, chỉ nên cắn thật đau vào gót chân và ngón chân cái, lại nhổ nước miếng vào mặt, lại lấy *bùn đáy giếng* đắp lên mặt, để người bệnh nằm thông đầu xuống giường, gọi tên và họ to lên là sống.

13. Kinh trị trúng khí độc chết thình lình, nôn mửa và đi lỏng đi lỵ không ngừng, không biết là bệnh gì, người lớn trẻ con đều bị.

- *Cứt ngựa* 1 cục, vắt lấy nước mà cho uống, cứt khô thì sắc nước uống cũng công hiệu.

14. Kinh trị bỗng nhiên trúng ác khí.

- *Đậu đen xanh lòng,* 14 hột, *Lòng đỏ trứng gà* 1 cái, *Rượu* nửa thăng. Trộn đều mà uống.

15. Kinh trị chứng điên cuồng tự xưng là thánh, chạy lung tung không nghỉ.

- *Gà trống bạch* 1 con, bỏ lông, ruột, rửa sạch cùng với các vị *Gừng, Hành, Vỏ quýt, Muối* nấu canh hoặc nấu cháo mà ăn rất công hiệu.

16. Phép cứu đá kinh nghiệm chữa được mọi chứng ngoan tà ác qủi xâm nhập, làm người sắp chết.

Lấy dây buộc chặt hai ngón tay cái, lấy ngải đốt cho góc móng giáp nhau của ngón tay cái và bốn chỗ góc thịt của đầu ngón tay cái cũng đều đốt *ngải*, nếu 1 chỗ không đốt thì không công hiệu, đốt đến 7 mồi.

17. Kinh trị chứng bệnh hiện ra như yêu ma qủy quái xâm nhiễm vào người, sinh ra trầm cảm, giấu giếm, không chịu nói thực.

- *Gạc hươu*, tán bột, hòa một đồng với nước uống là nói được ngay.

18. Kinh trị chứng bệnh như bị yêu tà ám ảnh.

Lấy *Mõm và móng chân chim bù cắt* đốt, tán nhỏ hòa với nước mà uống, hoặc đốt phân trắng nó, tán bột, hòa với rượu mà uống 1 đồng, chớ cho người bệnh biết rất tốt.

19. Kinh trị chứng thi chú, qủy chú, là một trong 5 chứng lao truyền thi, làm cho người nóng rét li bì, im lìm lặng lẽ, không biết đau gì mà không chỗ nào là không đau, mắc bệnh năm này qua năm khác, rồi đến nỗi chết, mà chết lại truyền bệnh cho người kế cận.

- *Đào nhân* 50 hột, giã nát như bùn, nước 4 thăng sắc uống để cho mửa, nếu mửa không hết thì 3, 4 ngày sau lại làm cho mửa, rất công hiệu.

20. Kinh trị chứng sợ kinh, bỗng nhiên phạm vào người như hình dao đâm.

Ngực sườn, bụng trên, bụng dưới đau, xoa bóp không được, hoặc thổ huyết đổ máu cam, đại tiện ra huyết.

- *Rượu ngon* hít vào trong lỗ mũi, là công hiệu.

- *Ngải cứu*, vò nát lấy 3 cục bằng quả trứng gà, nước 5 thăng sắc còn 2 thăng cho uống dần.

21. Kinh trị chứng kinh sợ thổ huyết, bụng trên bụng dưới nhói đau.

Phân chuột, tán bột, 1 đồng, hòa với nước mà uống, nếu không tỉnh lại, là không phải chứng đó.

22. Kinh trị chứng trúng khí độc truyền nhiễm.

Tóc rối vò cục bằng quả trứng gà, đốt, tán bột, hòa với nước mà uống, tỉnh ngay.

23. Kinh trị trúng khí độc tim bụng và cơ lưng đau.

- *Muối ăn* 1 lạng dùng vải nhuộm chàm gói ngoài, đốt cho cháy đỏ, hòa vào trong rượu mà uống liền thổ độc ra mà khỏi.

24. Kinh trị trúng các khí độc tim và cơ lưng đau.

- *Muội nồi* 5 đồng, *Muối* 1 đồng nghiền bột hòa với một bát nước nóng mà uống.

25. Truyền trị bỗng nhiên nhổ nước bọt ra máu nhắm mắt há mồm, tay nắm rung giật, cắn răng chết ngất, giống như trúng phong khó gọi là bệnh gì.

- *Lá cà độc dược* hái cho nhiều đem nước nóng, đắp vào khắp mình mẩy tay chân sống lại ngay.

26. Kinh trị mọi chứng dịch, người ta kế tiếp nhau mà chết, cũng chữa mọi chứng dịch khác, bụng tim đau không chịu được.

Cạo lấy *Vỏ cây anh đào* 2 nắm, giã nát, nước 2 bát, sắc lấy một nửa, chia uống 3 lần, uống trong 2 ngày là khỏi hết.

27 Kinh trị bệnh truyền nhiễm dau tim.

- *Nhân hột đào* một vốc nghiền nát, sắc với nước mà uống tự khỏi

28. Kinh trị trúng khí độc kinh sợ thổ huyết.

- *Cứt bê mới sinh* (bò con mới sinh chưa ăn cỏ) 1 vốc. Rượu 3 chung sắc sôi uống là hay.

29. Kinh trị con trai bị chứng kinh sợ, mình có vết xanh mà dau.

- *Hoa kim ngân* sắc nước uống công hiệu ngay.

30. Kinh trị dang ngủ thấy chiêm bao và thấy vật nặng de khó thở.

Dùng cái mền nỉ gối đầu nằm là yên.

31. Kinh trị khi có bệnh thời khí trong nhà thường thấy quái lạ.

Gỗ giàng chân hương, đốt xông, là tránh khỏi phong tà, đã kinh nghiệm nhiều lần

32. Kinh trị mùa đông chết rét, và ngã xuống nước giá lạnh mà chết, nhưng tim bụng còn nóng.

Trước hết cởi bỏ quần áo ướt đi, kíp lấy quần áo khô mà bọc kín lại cho ấm rồi dùng gạo rang hoặc tro bếp nóng đựng vào túi vải, đang lúc nóng chườm lên trên tim, nguội lại thay, đợi cho đến lúc thân thể ấm lên, miệng mở ra, thở được thời lấy *rượu nóng* hoặc *nước gừng, nước cháo nóng* mà đổ cho uống, lại dùng Hùng hoàng, Diêm tiêu 2 vị bằng nhau tán bột, cho vào 2 khóe mắt, là sống hễ gặp nạn này nhất thiết kiêng hơ lửa, nếu không là chết ngay

XXVII - CHỮA BỆNH GIA SÚC

Gia súc có ích lợi cho nhân dân nhiều lắm, cày ruộng, bừa vườn, sinh thêm của cải, tế người chết, nuôi người sống, đầy đủ lễ nghi. Không có chúng thời không làm nên được công việc, không tỏ rõ được lòng thành kính. Cho nên vua Phục Hy nuôi 6 loài gia suc để làm thực phẩm. Vua Tề vương toan giết trâu lấy máu làm lễ bơi chuông mà không nỡ giết. Xem đó thì thấy người xưa qúy trọng và yêu mến súc vật như thế nào.

Trong một nhà mà gà vịt bị tổn thất thì mất cái có sinh sống hàng ngày; heo dê tổn thất thì mất cái cơ sinh sống hàng tháng; trâu bò tổn thất thì mất cai có sinh sống hàng năm Vậy lẽ nào không biết cách nuôi dưỡng gia súc hay sao

Như thế nào chỉ biết có lợi ích mà qúy trọng, chứ không biết co bệnh tật mà chạy chữa thì sao theo được tấm lòng tốt của trời đất sinh ra vạn vật. Nay hãy góp nhặt các phép điều trị ở các sách chép rõ sau đây, để giúp cho người lợi cho vật.

1. Hễ khi trời làm tai biến thấy có trâu bò chết toi, thì dùng thuốc này mà phòng.

Thương truật đốt xông trong chuông, cho trâu bò hít vào mũi là có thể phòng bệnh.

2. Cách nuôi trâu bò:

Mỗi sáng ở chuông ra thì trước hết lùa đi uống nước, sau mới cho đi ăn cỏ thời khỏi sinh ra chứng trướng bụng. Mùa đông không có cỏ tươi, phải trữ cỏ khô mà cho ăn. Khi cho ăn rơm lấy nước vo gạo rưới vào, thời dễ béo và khỏi sinh chứng táo nhiệt.

3. Kinh trị trâu bò ăn nghẹn.

- *Bồ kết* tán bột thổi vào trong mũi là yên.

4. Truyền trị trâu bò miệng thở hồng hộc.

- *Lá tía tô* một nắm, giã nát, hòa với nước đổ vào lỗ mũi, làm cho hắt hơi xuống, sau lấy một nhúm muối cho vào trong cổ họng, lại lấy *Rễ sâu dâu, cây chuối con, Lá noc rắn, Cỏ nụ áo, Cỏ mần chầu, Dây bạc sau, Cây dưa chuột, Lá lưỡi hùm, Lá xương sông, Lá mảnh cộng, Lá trầu, Rễ chỉ thiên*. Các vị đều bằng nhau, muối chút ít cùng giã nhỏ, hòa với nước cho uống, bã thuốc thì đem xát khắp mình là khỏi.

- *Nam tinh, Lá nguyện công (cộng cộng), Củ tầm sét, Gừng gió, Lá mần tươi, lá táo gai*, đều bằng nhau giã nát hòa nước và một ít giấm mà đổ cho uống, rất công hiệu.

Hành trắng 1 nắm, *Gừng sống* nửa nắm, giã nát hòa vào một bát \đồng tiền, một nhúm \muối, hòa đều mà đổ chu uống, rất công hiệu.

5. Truyền trị trâu bò đại tiện bế tắc không thông.

- *Cỏ nụ áo, Dây dưa chuột, Hoa vông vang, Cây qủy xạ (Xích hoa xà) (không có hoa thì dùng lá non), Rễ gấc, Dây bìm bìm, Hồng hoa, Tổ mộc*. Các vị đều bằng nhau sắc nước để nguội cho uống là thông ngay.

- *Hoa vông vang* (không có hoa dùng lá non), *Lá mồng tơi*, cùng giã nát, hòa với nước, dùng ruột cây chuối đẩy thuốc vào lỗ đít, hoặc lấy tay đẩy vào cũng được, một chốc lại đại tiện thông.

6. Truyền trị trâu bò bị nổi bọng nước sắp chết.

- *Cỏ lưỡi rắn, Dây gấc, Vỏ duối (kiêng sắt) tòi, Lá lấu, Vỏ sâu dâu, Rễ cây chỉ thiên, Cỏ mần châu, Rễ ba gạc, Lá mảnh cộng*. Các vị đều bằng nhau giã nhuyễn vắt lấy nước cho uống còn bã thì đắp khắp mình khỏi ngay.

7. Truyền trị trâu bò bị tắc họng, không nuốt được:

- *Phèn chua, Bạc hà, Rễ cây tràng, Trần bì* bằng nhau, sắc lên chờ nguội, để vào cho nuốt thì thông.

- *Dây tơ hồng Cỏ nụ áo, Tía tô, dây dưa chuột, Cỏ mần châu*, Đều một nắm và chút ít **Phèn chua, phác tiêu** giã vắt lấy nước cốt đổ vào cho uống thì thông.

8. Truyền trị trâu bò chân sưng phát cước.

- *Lá vông, Cỏ nụ áo, củ sắn sục*, (Thiên niên kiện) giã nhỏ, rịt vào khỏi.

9. Kinh trị bệnh dịch thời khí.

- *Tỏi* giã lấy nước bôi vào khắp mình; và dùng củ cải xắt nhỏ cho ăn, là yên.

10. Kinh trị dê sinh mọi bệnh trướng bụng và không ăn cỏ được.

Lấy nước rửa mặt, và rửa sạch chất nước bẩn ở trong lỗ mũi, lại lấy muối xát vào mũi là khỏi ngay.

11. Những nhà nuôi gà phải kiêng không nên đốt lá liễu, vì khói bay ra, gà nhỏ thì chết, gà lớn thì mù. Nếu gà mới đưa về nhà, lấy nước nóng rửa chân, thời không bỏ nhà đi chỗ khác.

12. Chữa diều gà không tiêu.

- *Nghệ* 1 củ nướng chín gọt vỏ, giã nát ra, viên lại bằng đầu ngón tay, mỗi lần đút cho ăn 3 viên.

13. Kinh trị gà ăn nhầm phải độc nhân ngôn.

- *Chì đen* 1 viên, mài với nước cho đặc, đổ cho uống khỏi ngay.

- *Lá mồng tơi* vò với nước cho đặc, đổ cho uống, là giải độc.

14. Kinh trị gà ăn nhầm phải rệp hoặc sâu độc, diều trướng lên không tiêu.

- *Gỉ sắt* cạo lấy tán bột, Ốc bươu nhỏ, giã nát trộn đều, đổ cho uống sẽ khỏi.

15. Kinh trị gà lên sởi dậu.

Mu con sam 1 cái, *Rau mùi* 1 nắm, Hòa với nước xát ra, lấy nước trộn đều cho uống lấy bã đắp vào chỗ đau rất hay.

- *Lá cóc mẩn* (cúc mẩn) giã nát xát vào khắp mình con gà, thì khỏi.

16. Kinh trị heo gầy ốm không ăn.

- *Ô dược mài với nước đổ cho uống.*

17. Phòng bệnh khi nuôi cá.

Ở bờ ao có thể trồng nhiều loại cây như:

- *Phù dung* để trừ con rái cá.

Hoặc trong nước có chất độc hơi độc mà bỗng dưng cá ngoi lên mặt nước ngáp lia lịa như sắp chết thì dùng thân *Cây chuối già* đập nát, xé nhỏ, vứt thật nhiều xuống nước thì cá sẽ sống.

HẾT QUYỂN X

PHỤ LỤC

A - CHỈ DẪN HÌNH VẼ MỘT SỐ CÂY THUỐC PHÁT HIỆN Ở SÁCH NAM DƯỢC THẦN HIỆU.

Tên vị thuốc	Sách dẫn quyển, mục số phương và vị thuốc (1)	Hình vẽ	
		Số bảng và cây	Số trang
Ba đậu nam (Man đé)	Đầu /VIII - 223	I - 1	
Bạc sau (Chấp miên đằng)	Đ./III - 2	III - 1	
Bạch đàn	6/II - 18	IV - 9	
Bạch hoa xa (Qủy xạ - Đuôi công)	9/XXXII - 22	VIII - 5	
Bấn - Mò Vậy (Bạch đồng nữ, xích đồng nam)	6/XIV - 2	VI - 1	
Biển súc (Rau đắng)	6/XIV - 2	I - 4	
Búng báng (Quang lang)	Đ./VI - 182	I - 2	
Bông gạo (Mộc miên)	Đ./VII - 234	VI - 4	
Bưởi bung (Cát bối)	1 /IX - 17	VI - 2	
Bươm bướm (Hồ điệp)	1 /VI - 3	I - 3	
Cà gai leo (Cà quính - Khổ già)	Đ./ V - 138	VI - 3	
Cải trời (Hạ khô thảo)	10/IX - 6	VII - 5	
Canh châu (Xích chu đằng)	10/XXII - 5	IV - 6	
Cẩm địa la (củ gấu, nghải máu)	1/XI - 13	II - 2	
Cây lức (Sài hồ nam)	Đ. /I - 3	[illegible] - 8	
Chỉ thiên (Lưỡi chó - Tiền hồ nam)	Đ. / I - 4	I - 5	
Chóc chuột (Nam tinh)	2/II - 2	I - 7	
Chổi suể (Hau hau thay Địa phu tử)	Đ./I - 39	III - 2	
Chu biên (Bạch long bì)	1/I - 4	VI - 5	
Chua ngút (Nam phỉ tử)	7/III - 4	VI - 9	
Cỏ cúc áo - nụ áo (Hạt sắt nam)	1/VII - 1	V - 4	
Cỏ lưỡi rắn (Độc rắn - Xà thiệt thảo)	9/LVIII - Cc	VI - 7	
Cỏ mần trầu (Thanh tân thảo)	1/XII - 1	VII - 3	
Cỏ seo gà (Phượng vĩ thảo)	6/X - 2	VI - 8	
Cỏ xước (Nam ngưu tất)	Đ. /I - 35	I - 6	
Cộng cọng (Nguyễn cọng, xuyên tâm liên)	10/XXVII - 4	V - 2	
Củ tầm sét (Khoai xiêm, tịch lịch căn)	10/II - 14	V - 5	
Cúc mẩn (Cóc mẩn, thạch hồ tuy)	10/XVII - 15	III - 5	
Dây chìa vôi (Bạch phấn đằng)	1/IX - 1	III - 3	
Dây chìu (thiệu đằng - Nam xuyên khung)	1/IX - 17	VIII - 1	
Dây đau xương (Tục cân đằng)	8/XI - 8	III - 4	
Dây quai bị (Biên đằng)	8/VII - 46	VIII - 2	

(1) Những vị thuốc có ở bản thảo quyển đầu (YD) thì ghi số thứ tự của vị ấy. Những vị dùng trong các phương thuốc ở quyển 1 đến quyển 10, thì ghi số phương

Dây xanh (Nam phòng kỷ)	2/III - 9	VII - 2
Duối (Hoàng oanh mộc)	I/ XI - 11	VII - 1
Đại bi (Từ bi, Ngải nạp hương)	9/LVIII - CL	IV - 1
Đơn tía (Đơn mặt trời, Bạch thiên liễu)	8/VI - 62	IV - 2
Hà thủ ô trắng (củ sữa bò)	Đ./II - 75	VI - 6
Hoa giẻ (Vỏ giẻ, Hoàng chỉ)	1/VII - 17	IV - 3
Hoàng đằng (Nam hoàng liên)	9/I - 33	IV - 4
Hoàng lực (Rễ sưng)	2/XII - 14	IV - 5
Hoàng nàn (Vỏ doãn)	4/V - 13	IV - 6
Huyết dụ (Phật dù, huyết thụ)	9/XXXII - 22	IV - 8
Huyết giác (Giác máu, Giáng ông)	10/XX - 2	IV - 7
Hương bài trắng (Bạch mao hương)	Đ./I - 16	II - 4
Hương bài nâu (Bài thảo hương)	Đ./I (2)	II - 5
Kê hoa đào (kê ươm)	10/XXIV - 3	VIII - 7
Lá dâu (Phụ lão diệp)	6/X - 10	III - 7
Mía dò (Đọt đăng, Thủy tiêu)	9/XXXII - 22	VII - 4
Mơ lông (Mi mao)	6/X - 24	VIII - 3
Nam mộc hương (Vỏ đụt, Tai nghé)	6/X - 24	V - 3
Nam sâm (Cát muộn - Cát sâm)	I/XIV - 1	II - 1
Ngải máu (Cẩm địa la, Tam thất nam)	Đ./II - 63	II - 2
Ngũ vị tử nam (Hột nắm cơm, na rừng)	Đ./II - 65	II - 3
Nhân trần nam (Nhân trần bồ bồ)	Đ./I - 26	II - 6
Núc nác (Hoàng bá nam)	10/XVII - 5	II - 9
Phèn đen (cây nổ, sáp tràng thảo)	4/V - 1	II - 8
Rau dệu (Kê tràng thảo)	6/IX - 5	II - 10
Rau dừa nước (Du long thái)	8/IX - 48	V - 1
Rau rút (Quyết thái)	Đ./V - 129	VIII - 9
Rong nước (Thủy tảo)	Đ. III - 85	III - 9
Sầu đâu rừng (Dạ khổ luyện)	1/IX - 17	VII - 6
Sim (Trợ quân lương)	1/XI - 11	VII - 9
Tầm phỏng (Khổ luyện đằng)	6/X - 2	VIII - 6
Tầm xuân (Tường vi)	Đ./I - 56	VII - 8
Thanh mộc hương (rễ dây khố rách)	6/X - 9	II - 7
Thanh ngâm (Thâm ngâm, Long đảm)	Đ./I - 5	I - 9
Thanh táo (Trương sinh)	8/IX - 14	V - 6
Thiên niên kiện (Ráy xước, Sân sục)	10/I - 3	III - 4
Thủ lù cái (Lồng đen, đăng lung thảo)	5/III - 2	III - 8
Vông vang (Bông vang (Đông qủy)	Đ.VII - 212	VIII - 10
Vú bò (Ngưu nãi)	6/XVII - 8	V - 7
Vuốt hùm (Trần sa lực)	1/IV - 17	V - 8
Xương sông (Hoạt lộc thảo)	1/II - 31	V - 9

(2): Nguyên bản in thiếu so với bản chép của Lê Tu Lanh

CHỈ DẪN MỘT SỐ VỊ THUỐC NGUỒN ĐẤT ĐÁ KHOÁNG CHẤT

Vị thuốc	Sô quyển, mục phương có vị thuốc	Trang
Bạc (Ngân tinh) mạt bạc	6/III - 4	
Chì (Ô duyên)	1/XIV - 39	
Diêm sinh (Lưu hoàng)	1/III - 1	
Diêm tiêu (Tiêu thạch)	Đ/XXI - 491	
Đá nam châm (Từ thạch)	6/II - 8	
Đất lòng bếp (Phục long can)	1/II - 12	
Đồng tiền kẽm cổ (Không phương huynh)	1/X - 2	
Đơn sa (Chu sa - Thần sa)	5/VI - 1	
Hàn the (Bằng sa)	6/VII - 1	
Hoàng đơn (Duyên đơn)	1/XII - 5	
Hoạt thạch (Đá mỡ)	6/XIV - 1	
Hùng hoàng (Sulfur thủy ngân) có độc	8/XIV - 1	
Lưỡi tầm sét (Tịch lịch châm) đồ đá cổ	D/XX - 489	
Mang tiêu (Phác tiêu tinh chế)	6/I - 37	
Mát đà tăng (Can lô bạc, oxit chì)	8/XV - 7	
Muối ăn (Thực diêm)	1/I - 13b	
Muội nồi (Bạch thảo sương)	1/XII - 5	
Nạo sa (Lộ sa - Muối amoniac)	10/IX - 8	
Phác tiêu (muối Natri)	1/II - 12	
Phèn chua (Bạch phàn - minh phàn)	6I - 33	
Phèn phi (Khô phàn)	6/III - 4	
Phèn tím (Đởm phàn)	6/VII - 25	
Rỉ đồng (Đồng thanh)	6/I - 28	
Rỉ sắt (Thiết y)	6/XIII - 3	
Son mài (Đại giả thạch)	1/VIII - 1	
Thạch cao	1/IX - 1	
Thạch tín (Nhân ngôn) độc chết người (Bảng A)	Cấm dùng	
Vôi (Thạch hôi)	2/XII - 9	

B - ĐỐI CHIẾU "NAM DƯỢC THẦN HIỆU" (NDTH) VỚI BẢN THẢO "CƯƠNG MỤC" (BTCM) CỦA LÝ THỜI TRÂN

Bản thảo NDTH	Đối chiếu với BTCM
Biển súc là rau thài lài (mục I/ vị số 48)	BTCM quyển 16 chép Biển súc khác cây thài lài hay cỏ trai là Áp chích thảo
Toan tương thảo là cỏ chua me (I/60) theo Bản thảo "Tô Tụng đồ kinh" đời Tống	BTCM q.20 chép là: Thổ tương thảo. Tên Toan tương thảo dùng chỉ cây Đăng lung thảo (cây lồng đèn) ở q.16.
Giới kiêu (thảo đầu + 3 chữ Bạch ở bản A.3024 là củ kiệu theo "Danh y biệt lục" đời Tề (V/108)	BTQM q.16 viết Giới bạch
Quân đạt thái là Củ cải đường (V/122) theo "Gia hựu bản thảo) (1057)	Lý Thời Trân nói tên Quân đạt chưa rõ nghĩa, đổi là Điềm thái nghĩa là có vị ngọt (BTCM q.27)
Thiên quân tử là qủa bàm (VI/164) xếp vào loại qủa	Qủa bàm bàm (hay qủa tràm) thì BTCM gọi là Hạp đằng tử và xếp vào loại man thảo, quyển 18.
Đam trúc diệp là lá tre và cây tre, xếp vào loại mộc (VII/238)	Lý Thời Trân dùng cỏ lá tre và cỏ chân vịt (áp chích thảo) hay Cỏ trai, đều thuộc loại thảo (BTCM q.16)
Điềm qua (dưa bở). Tây qua (dưa hấu) đều xếp vào loại rau (V/143 - 141)	BTCM chép Điềm qua. Tây qua vào loại qủa ở quyển 33.
Cây bông gạo gọi là Mộc miên dùng vỏ trắng vị cay, tính bình) giã bó gãy xương (VII/234 và q.10-XIX/5)	BTCM q.36 chép Mộc miên, dùng bông xơ hay vải đốt ra tro rắc vào vết thương chảy máu mà không nói về cây bông gạo.
Cát căn là sắn dây vị ngọt, tính hàn (II/72)	BTCM q.18 chép Cát căn vị ngọt cay, tính bình.
Cam phao là vỏ bưởi, vị đắng cay, tiêu đờm tháo thấp chữa phù thũng, bớt đau điều huyết (VI/172 và q.II-13)	BTCM q.30 chép Hưu bì vị ngọt cay, tính bình tiêu thức ăn, hóa đờm, tán khí uất.
NDTH XV/395 - 404 về lợn (trư)	BTCM q.50 gia súc chép về thỉ:
Trư tỳ vị ngọt, tính bình	Thỉ tỳ vị sáp, tính bình
Trư phế vị nhạt, tính hàn	Thỉ phế vị ngọt, tính hơi hàn
Trư di vị mặn, tính bình	Thỉ di vị ngọt, tính bình hơi độc.
Trư dạ dày, tính hơi ấm	Thỉ đỗ vị ngọt, tính hơi ấm
Trư đại tràng vị ngọt nhạt	
Trư tiểu tràng vị đắng, tính bình	Chỉ có một mục thỉ tràng vị ngọt hơi hàn
Trư bàng quang vị ngọt mặn, tính hàn	Thỉ phao hay thỉ bảo vị mặn, hàn
NDTH không chép những mục do Lý Thời Trân mới phát minh	Còn 14 mục do Lý Thời Trân chép thêm với các phương mới phát minh như Đởm bì, Nhĩ cấu, Tỵ thìn, Phu, Thiệt, Yếm, Xỉ, Cốt, Đái lợn đực, Sữa lợn nái, Móng giò, Đuôi, Lông, Phân lợn...
NDTH không có các vị Tử tô, Kinh giới	Kinh giới và Tử tô đều được chép cùng với các vị Bạc hà, rau má ở BTCM quyển 14
NDTH có cây Tường vi là Tầm xuân (I/56) như ở "Trùng tu chứng loại bản thảo" đời Tống	Vị Tường vi không có mặt ở TBCM.

Việc đối chiếu một số vị thuốc trên đây cho thấy mặc dù bản thảo NDTH đã được Vương Thiên Trí hiệu chính thêm bớt theo BTCM, và được Bản Lai bổ sung thêm khi khắc lại bản in năm 1761, vẫn còn những vết tích của nguyên tác khác với BTCM của Lý Thời Trân ở thế kỷ XVI. Điều này chứng tỏ phần nguyên tác đã tham khảo các tài liệu trước sinh thời của Tuệ Tĩnh vào nửa cuối thế kỷ XIV.

Nguyễn Văn Bách - Nguyễn Thiên Quyến
(Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 272 ngày 1-11-1994 tr 70)

C - TƯ LIỆU LỊCH SỬ

Chùa Hồng Phúc
Ở Hòe Nhai, phố Hàng Than, Hà Nội
Nơi in lại Nam dược thần hiệu năm 1761

Đền xã Yên Lư
Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng từ trước năm 1572

Thần tích đền Yên Lư, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng, do Nguyễn Bính, Đông các đại học sĩ, Viện Quản Mật, soạn năm Hồng Đức thứ nhất (1572) chép hiệu thần:

"*Đương cảnh Thành hoàng Hồng Nghĩa giác tư, trung thiên tiên thánh, quảng đại hoằng tế, HUỆ* TĨNH thiền sư, cư sĩ linh ứng, thông minh chính trực, dương uy tích phúc, thượng thượng đẳng phúc thần, cao minh đại vương".

"*Thánh mẫu Hoàng Thị Ngọc, Thánh phụ Nguyễn Văn Vỹ và Tiên công Phạm Văn Gia húy Trinh, tòng tự*"

(Hiện nay, Tuệ Tĩnh được thờ chung với các vị Thành hoàng khác của xã là: Bà Lư Thị đời Lý, Tướng Đông Hải đời Lý và Tướng Trần Quốc Nhượng đời Trần - hiện còn di tượng của Đông Hải).

Đăng khoa lục do Võ Duy Đoán biên soạn năm 1654 chép: Năm Long Khánh thứ 2 (1374) triều Trần Duệ Tông thi đình.

Cho đậu đệ nhị giáp:

- Nguyễn Bá Tĩnh, người Đông Hải, có sai đi sứ sang Bắc (Trung Quốc), được nhà Minh giữ lại làm điều hộ (thầy thuốc chữa bệnh) ông đi tu hiệu là Tuệ Tĩnh.

- Và La Tu, người Thuần Tá, Thạch Hà

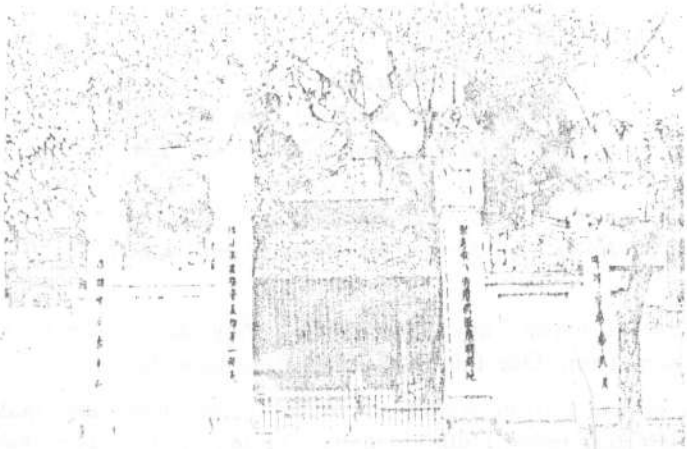

CHÙA HỒNG PHÚC
Ở Hoè Nhai, phố Hàng Than,
Ha Nội nơi in lại Nam dược
thần hiệu năm 1761.

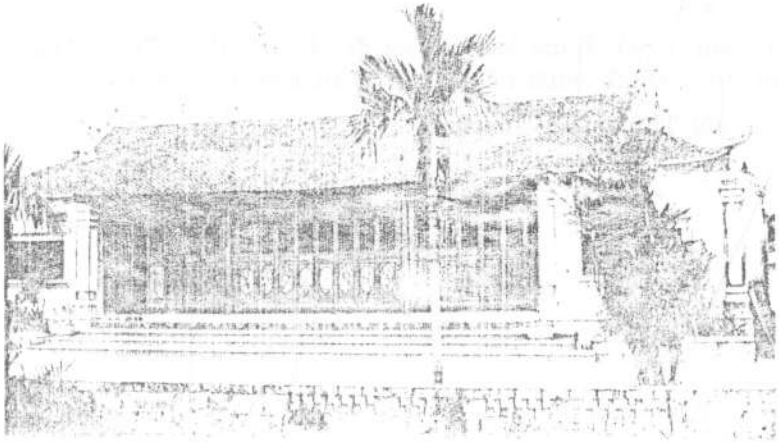

ĐỀN XÃ YÊN LƯ
Huyện Thủy Nguyên,
Hải Phòng từ trước năm 1572

Chùa Giám, nơi tu hành và làm thuốc
của Tuệ Tĩnh, hiện còn di tích tại xã
Tây Sơn, huyện Cẩm Bình,
tỉnh Hải Hưng.

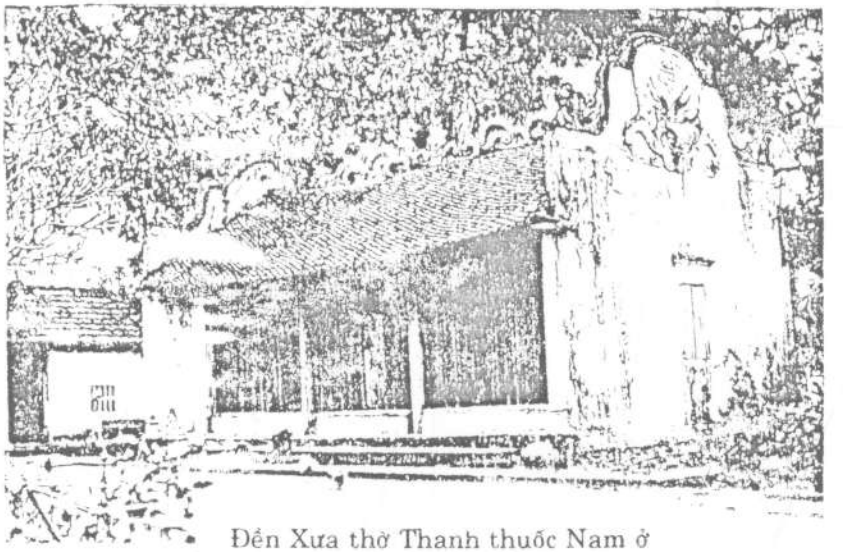

Đền Xưa thờ Thanh thuốc Nam ở
xã Cẩm Vũ

NAM DƯỢC CHÍNH BẢN

HỒNG NGHĨA GIÁC TƯ Y THƯ

QUYỂN THƯỢNG

DỊCH GIẢ:

PHẠM HỮU LÃM - NGUYỄN THANH GIẢN - LÊ TRẦN ĐỨC

HIỆU ĐÍNH:

PHẠM VĂN LIỄN - NGUYỄN TRUNG HÒA

TỰA

Từ khi dựng nước trên cõi trời Nam, kể có hàng trăm nghìn người làm nghề thuốc, nhưng hỏi đến việc trước thư lập ngôn để mở bến bắc cầu cho người hậu học, thì như người leo cây tìm cá!

Từng có bậc lão sư hiệu Tuệ Tĩnh, người làng Nghĩa Phù, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng, ông là một nhà sư, hằng nghiên cứu rộng lẽ âm dương huyền bí, tìm hiểu sâu về đạo Kỳ, Biên (1) tinh truyền, đã soạn Bản thảo bằng quốc âm, tất cả hơn 630 vị thuốc, Sau lại đem 13 phương chữa tạp bệnh và 37 phép chữa thương hàn kinh nghiệm của ông, dịch ra ca nôm, sắp cả làm một pho sách, để chỉ lối mê, mở đường lấp , giác ngộ cho người dụng tâm thật là nhân hậu tốt đẹp. Sách biên soạn xong, đã đưa khắc bản in mà ra, bản in để tại chùa Hộ Xá, huyện Giao thủy, nhờ đó, người trong vùng đều có một đường hướng về việc chữa bệnh, lưu truyền đến nay, tiếng tăm vang dậy bốn phương.

Mùa xuân năm Đinh Dậu [2] nhà sách Liễu Chàng đem sách này dâng lên Chúa Trịnh. Sau khi ngự xem, Ngài thấy chữ khắc còn nhiều chỗ sai sót, nên đã sai các quan trong Y viện khảo duyệt kỹ lưỡng, chỗ nào lầm lẫn thì sửa lại, chỗ nào sai trái thì đính chính, sắp xếp thành niên mục, chia làm 2 tập thượng hạ. Sách tu sửa xong được Chúa cho mệnh danh là HỒNG NGHĨA GIÁC TƯ Y THƯ [3] và giao cho nhà sách khắc bản ấn hành để truyền bá trong nước cho ân đức được gội khắp thiên hạ. Mong thấy toàn dân đều bước lên cõi thọ, đời nay còn vui hưởng đài xuân, thật một việc bổ ích không phải là nhỏ!

Bọn chúng tôi vâng mệnh trên giao phó, mừng thấy sách đã hoàn thành, xin lược kể sự việc, ghi làm lời tựa.

Nay ngày lành, tháng cuối hạ.
Niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 13 (1717)
CÁC QUAN THỊ NỘI PHỦ TƯỜNG GIÁ KHẢO ĐÍNH
CÁC QUAN Y VIỆN TÁI KHẢO GIA TĂNG.

---

(1) Kỳ Bá là tác giả hoàng Đế Nội Kinh, Biển Thước là tác giả của Nạn Kinh. Nội kinh và Nạn Kinh là 2 kinh điển của Đông y xưa nhất xuất hiện vào thế kỷ VII và V trước Công nguyên.

(2) Đinh Dậu là năm 1717.

(3) Hồng Nghĩa Giác Tư Y Thư là sách thuốc của Hồng Đường (tức Tuệ Tĩnh) soạn cho dân.

NAM DƯỢC QUỐC NGỮ PHÚ

(In trong Hồng Nghĩa giác tư y thư quyển thượng)

NAM DƯỢC QUỐC NGỮ PHÚ

Thiền sư Tuệ tĩnh hiệu Hồng Nghĩa Đường Tráng Tử Vô Dật soạn

Dật sĩ Lê Đức Toàn hiệu Pháp Thạnh
ở Hoè Nhai thành Đông Quan sao lục

1) Chín khéo thiêng:

Trời sinh một tính
Đất hóa muốn loài
Đôi khí âm dương chuyển vận
Tư mùa hàn thử vãng lai (lạnh nắng đổi thay)
Người chịu khí trung hòa, nhân thở cảm thương xảy phải
Thuốc đôi phương gia giảm, dùng thì thực hiệu chẳng sai

2) Nhớ xưa:

Bản cổ (1) hóa nên
Thần Nông nếm biết (2)
Nghĩa đặt có tá sử quân thần,
Tính xét biết ôn lương hàn nhiệt
Thương yêu dân yểu trát (3), tiên thánh đã chép để đồ kinh.
Vui đạo dưỡng sinh, hậu học sá (hãy) tìm nơi diệu quyết:
Tôi tiên sư kính đạo tiên sư,
Thuốc Nam Việt chữa người Nam Việt.

---

(1) Theo quyển thuyết Bàn cổ là người ra đời đầu tiên, là tổ của muôn vật Lổ sử - Từ nguyên).

(2) Dưới đời Thần Nông ở Trung Quốc, (2890-2698 trước công nguyên) người xưa đã biết nếm cỏ cây và nước suối để phân biệt mùi vị và tính độc hay lành.

(3) Yểu là chết non, Trát là chết dịch, nói chung là chết chóc.

3) Trước sá nói:

Bạc vàng đất nước
Ngọc đá sắt gang.
Tuyết diêm yêu thay muối trắng,
Vân mẫu tốt bấy vảy trang (4)
Cửu khổng danh ốc Quyết minh, chữa mục hôn (mắt mờ) ắt hiệu;
Thạch cao hiệu rằng Phương giải (5) ngăn đầu thống (nhức) khôn đang
Cứt dơi hiệu Dạ minh sa vốn chư phân Biển bức;
Son mài là Đại giả thạch sinh ở núi Phượng hoàng.
Luyện thủy ngân bảo rằng Khinh phấn (6):
Lọc nước đất hiệu ốc Địa tương.
Trần thạch khôi là bột hòn vôi; đất trên mặt vách danh trần bích thổ.
Mật đà tăng (7) là kẽm lò bạc, muội trôn nồi hiệu Bách thảo sương.
Tích lịch châm, được lưỡi tầm sét (8)
Giao đạo thổ, lấy đất ngã đường.
Đinh diêm hiệu Diêm tiêu: Quan phấn ấy phấn giồi mặt.
Hòn lạnh danh Hoạt thạch; Huyền tích này thuốc quang gương.
Thu thạch là cặn đái để góp (9)
Hồ phấn là phấn chì tô quang (10)
Đất giữa đường cái danh Thiên bộ phong nê,
Nắng cả đông nên hằng giát thát;
Nước trên cọc rào hiệu Bán thiên hà thủy,
Mát thay giải được khí dương cang,
Nước đái thằng trẻ là Đồng tử tiểu tiện;
Đũng xống đàn bà là phụ nhân côn đáng.
Nguyệt hạ thổ, Phục long can, khoét đất giữa bếp;
Lương thượng trần, ô long vĩ, giữ bụi trên rường.

---

(4) Vân mẫu là mỏ Mica, nước ta có ở La Phù, Thanh thủy (Phú Thọ).

(5) Thạch cao (calcii Sulphati: CaSo4, 2420), Phương giải thạch (Calcii carbonisti: CaC03) đại thể giống nhau và có công dụng giải nhiệt tương tự, nên xưa đã dùng lẫn lộn. Lý Thời Trần (thế kỷ 16) đã chép 2 vị khác nhau (Bản thảo Cương mục quyển 9).

(6) Khinh phấn là muối thủy ngân Clorua (Hg2C12) hay Calommelas.

(7) Mật đá tăng gồm thành phần chủ yếu là chì oxyt (Pbo) thu được khi nấu kẽm: lớp trên nổi là kẽm, lớp nhì là chì và bạc (plomb argentifere). Đốt thì chì oxy hóa còn lại bạc.

(8) Lưỡi tầm xét là lưỡi dao đá nổ nhặt được hay đào được dưới đất chỗ bị sét đánh.

(9) Thu hoạch: bột Thạch cao chế với nước tiểu trẻ em và nước sương mùa thu.

(10) Hồ phấn, Bạch phấn, là phấn chì (corbost plomb).

Ngoã lăng đài là rêu phiến ngói,

Viên thượng y là rêu mặt tường

Cứt sắt danh thiết y, Nạo sa (11) ất cát sỏi cũ.

Vảy sắt hiệu Thiết lạc, Châm sa (12) này mạt Kim lang

Xích hàm mặn thay nước chạt (13)

Kim tiết đỏ chói trầm vàng (14)

4) Lại có:

Chì hổn thủy ngân là duyên bạch sương để trong cóng giấm mà nên (15)

Bạch hòa Tiêu thạch (Diêm tiêu) là Sinh ngân tiết, đốt lấy thủy ngân sở hóa (16)

Trái cân danh Xứng chuỳ, tinh sứng,

Đất thó hiệu Thiện thổ, bạch á (ác).

Ngưu xỉ là Thạch Bồ tát (17) cho biết cái rằng trâu,

Hạt trai là Ngọc trâu châu, chớ lầm con mắt cá,

Từ thạch ấy hòn đá Nam châm,

Vũ bạc thật là mưa đá.

Cổ văn tiền là tiền cũ; Nhiệt thổ ông chụm ba đầu rau đứng quanh;

Tự nhiên đồng là đồng rời; Thủ hỏa bà đặt một hòn lốc ngồi giữa.

Phục long thỉ là tro cửa bếp, vật hèn;

Đăng tàn bản là than hoa đèn, thụy (điểm) lạ.

Tự nhiên trấp có sở dụng làm mặt thuốc, đâm rồi vắt lấy ròng ròng;

Đảo lưu thủy, cầm nước đổ lên mái nhà, khí chảy xuôi lã lã.

Kim tinh, Ngân tinh, ấy vàng bạc thổ;

Kim bạc, Ngân bạc này vàng bạc lá.

Duyên hoa là Đơn thuốc (17), Mai để hoa: muội dưới xanh gang;

---

(11) Nạo sa là muối Amoniac.

(12) Nước mài kim bằng thép.

(13) Nước biển kho hay nước ót ở bãi muối có thể dùng chế Phác tiêu.

(14) Vàng ròng có tác dụng trấm tâm an thần.

(15) Chì và thủy ngân với giấm biến thành các loại acétate chì, acétate thủy ngân và có thể acétate kẽm, dùng chữa các bệnh ngoài da có trùng. Acétate chì (Duyên bạch dương) pha nước loãng có tác dụng sát trùng và cầm máu (rất độc).

(16) Quặng bạc với Diêm Tiêu nung hay là tác dụng với acide nitrique của Diêm tiêu thì ra nitrate bạc (Ngân tiết). Khi nung thì có thủy ngân tách bay ra (quặng bạc thường thường có thành phân thủy ngân). Nitrate bạc dùng chữa bệnh ngoài da.

(17) Duyên đơn, Hoàng đơn (minium) chế bằng các oxy hóa chì, tức là lõi chì (pb304).

Thổ chu là Son nham, Lô cam thạch: Cam lồ (18) nung lửa.

Vô khôi, Đậu lâm, Phiến trà, Thanh trước, chín đều những giống men riêng;

Vô căn, Quất thủy, Đông lưu, Tỉnh hoa, thật cũng một dòng nước là.

Nam Tử âm mao là lông dái đàn ông;

Dưng phụ trảo giáp là móng tay gái chửa.

Não chi, khêu cứu ráy, muốn uống rượu nếu phải thì dừng;

Phát bí, cắt tóc ngôi, chảy máu cam (mũi) dặt tra liền đã.

5) Hợp cho thông:

Kìa loài ngọc đá.

Nọ giống cỏ săng.

Xuân hoa nhuy, hạ tìm cành lá;

Đông cội rễ, thu hái trái trăng. .

Ý dĩ nhân, tính vốn chữa phong, là hạt Du dĩ (cườm gạo)

Tất trừng già, công hay trị sản (sa đi) là hạt Màng tang.

Lá tia sau ấy Bách thiên liễu (Đơn tía)

Dây bạc sau này Chấp miên đằng.

Rêu cau hiệu Lang đài, lá Đinh cay là Tân đàn diệp:

Lõi thông danh Tùng cốt, củ Bồ nâu ấy Vũ dư lương (19)

Lục lam diệp, lá Chàm vo tựa lục

Hương lam diệp, lá Chàm thơm nở (như) hương.

Bạch đồng nữ, Xích đồng nam, Hoa đau mắt (20) phân loài đỏ trắng.

Tân lang nhân, Đại phúc tử, hạt trái cau rẽ có âm dương (2 màu)

Dã ưu đàm là trái ngái nhựa,

Sơn thự dự (Hoài Sơn) là củ mài rừng.

Dây cóc danh Hương đằng, trái giun là Sử quân tử;

The móc danh sam mộc, phán nứa là Thiên trúc hoàng.

Tố tiết thảo lấy Đồ khu trắng dưới vũng (?)

Xích diện thảo là lá Bà a đất (Hy thiêm) bên đường.

Bách bộ căn nhiều bấy Củ Trăm, cỏ Mành chầu là thanh tân diệp;

---

(18) Lô cam thạch (Calamina) là muối kẽm thiên nhiên, với thành phần chủ yếu là chất kẽm carbonat (ZnCo 3). Ta có ở mỏ kẽm vùng Tuyên Quang.

(19) Củ nâu, thời cổ ta gọi là Vũ dư lương (Đào Hoằng Cảnh). Trung được gọi là Giá khôi, còn tên Vũ dư lương chỉ một loại đá (BTCM q.18.10).

(20) Cây Bấn, vậy, hay Mỏ đều được Tuệ Tĩnh và Lãn Ông gọi là cây hoa đau mắt có lẽ vì kinh nghiệm dân gian nói hoa cây này vào mắt gây đui mắt.

Thiên lý hồi yêu thay lá Giấp củ riềng ấm là Cao lương khương.

Đô cấp sự trung, độc dữ củ Cam toại,

Cốt ngạnh nguyên quân, rắn rỏi củ kim cang.

6) Thêm có:

Cam lộ bì là vỏ chành Chành,

Đại bị đằng là dây Rung rúc.

Thương nhĩ tử, bóc hạt Trái kẻ; Lão bố đằng rút dây Đổ đài.

Trường mệnh diệp hái lá Đau xương; Dạ hô căn đào củ Thương Lục.

Vỏ cây Quế ấy Quan quế bì,

Thịt trái Đào danh Hồ đào nhục (21)

Chỉ huyết băng (cầm máu) tim bông cỏ nến vốn hiệu Bồ hoàng,

Thông lâm bế (đái buốt) hái ngọn thài Lài có danh Biển súc (22)

Củ ráy quăn, tục gọi Sơn đằng,

Rễ ráy xước người rằng Sắn sục (Thiên niên kiện).

Khu trừ quỷ my, luyện Đào giao, nấu nhựa cây đào;

Tiêu hóa phong đàm, thiêu Trúc lịch đốt lửa cây Trúc.

Hương cải tử, ngon thơm trái Gai (dứa)

Phật đầu anh, tốt lành nụ Cúc.

Dây nắm cơm danh Hồng nội tiêu, Yến thảo là linh Lăng,

Vỏ núc nác hiệu Hoàng bá bì (23); thứ nhĩ là tai khúc (24)

Vỏ trái bưởi hiệu ấy Cam phao,

Vỏ trái cau danh rằng Đại Phúc.

Điền cảu là Củ Chóc, trái Lốp Bốp chua bấy Toan tương (25)

Điền vu là Củ Khoai, cải Lú bú ngon thay La bặc (cải củ).

Thủy Hồng hoa gọi cây Đồ Khu (?)

Bạch địa dương rằng cây Đồng ốc (Bồ cu vẽ).

7) Đến nhẫn:

Ngải diệp danh lá Ngải,

---

(21) Nghi có sự sai suyễn: Hồ đào nhục là nhân hạt óc cho, thịt quả đào ta thường ăn thì gọi là Đào thực nhục.

(22) Biển súc là Rau đắng, xưa dùng Thài lài cũng như Biển súc để lợi tiểu

(23) Tuệ tĩnh dùng vỏ Nức nác thay Hoàng bá và gọi là Nam hoàng bá.

(24) Tai khúc là Rau khúc ta dùng làm bánh Khúc, gọi là Thứ khúc thảo.

(25) Cây lông đen (thủ lù) có quả rỗng và vị chua nên cũng gọi là Toan tương thảo.

Sa nhân hiệu Súc sa.

Ghét trục xe là Xa du chi phấn,

Chè lưỡi sẻ là Tước thiệt hảo trà.

Bạch lực: cây lăn tăn những gai; lá kẻ ươm danh Tiểu kem diệp.

Hắc lực: cây quít rừng dày lá; hạt Thầu dầu hiệu Thảo tỳ ma

Lõi vang rằng Tô phương mộc (Tô mộc)

Bông lam hiệu Hồng lam hoa (Hồng hoa)

Hạt cuốn gọi Nhuy nhân; Áp chích thảo là cỏ Chân Vịt;

Hạt cải danh Giới tử; Phượng vĩ thảo này cỏ seo gà (26)

Dả tô, Bạch tô ấy bông Kinh giới;

Kê tô, thủy tô này là lá Bạc Hà.

Gia cửu thực ấy hạt Hẹ, có danh Nhất chủng cửu sinh tử;

Cẩu niệu đài là nấm chó, có hiệu Triêu khai mộ lạc hoa. (27)

Kim ngân, Tả toàn cùng một giống Nhẫn đông thảo;

Kim ngân đại tử cùng một giống cẩm địa là (củ Gám) (28)

Hồ tuy là Mùi tui (29), thạch lựu bì ấy vỏ Thạch lựu;

Cô bô là Niễng niễng, Bà a diệp này lá Bà a.

Cây thanh ngâm danh Thảo long đởm.

Dưa chuột dại hiệu Dã thử qua.

Tần bì là vỏ de (30), Xích tiểu đằng là dây Răng bà ngựa.

Lý bì là vỏ mận, Bạch tu đằng là dây Râu ông già,

Độc sinh thiên đỉnh hái gai Đồng (Bồ) kết;

Đa thích trúc duẩn, bẻ măng tre Là ngà.

Mạt ly, căn, là rễ Nhài, cây cỏ dùi trống danh Đới tinh thảo

Khổ trúc duẩn là măng tre, hạt củ lú nú hiệu Hồ lô Ba (31)

Tông lư tử, người rằng trái Mỏc,

Trư đổ tử, là ốc trái Đa.

---

(26) Ta gọi cỏ Seo gà là Phương vĩ thảo, Trung được gọi là Thuỷ vũ thảo.

(27) Lý Thời trân gọi Triêu khai mộ lạc hoa là Hoa Dâm bụt (BTCM q.36).

(28) Mùi tui, mùi ta, Ngò rí.

(29) Cẩm địa la xưả ta gọi Ngải máu (kaempferia rotunda) dùng chữa đau bụng máu, như câu ca dao: (Đau bụng van cha, uống cẩm địa là thì lành).

(30) Vỏ de - Phạm Hoàng Hội gọi cây Trần.

(31) Hột củ cải được thay dùng Hồ lô ba, nhưng hai vị khác nhau (BTCM p.25 và 26).

8) Lại hay:

Túi góp trăm mùi
Vườn trồng mọi vật.
Tân, trần (mới, lâu) kiến hiệu, vỏ Quít chia
Thanh bì, Trần bì; hoãn, cấp (chậm, chóng) thu công, trái trấp phân chỉ xác, Chỉ thực.
Vỏ bưởi ngọt hiệu ấy cam bì,
Lá Quýt hôi danh rằng Xú quất.
Đại hải là dây Đài hái, Xích chu đằng ấy dây Canh châu;
Xuân đăng là cây Truyền đăng, Dạ chiết phong là cây Muống đất.
Trái Na vốn hiệu Quỷ thần,
Cỏ xước có danh Ngưu tất.
Cao sơn hương là rễ cây sả, lá trầu ác (không) chín ấy Củ tương;
Ưu đàm bì là vỏ cây sung, củ Ngải Máu (nghệ đen) thực rày Nga truật.
Lang hoa gọi ấy Tua cau,
Lặt thảo bảo rằng Lá lật (?)
Đỗ nhược là Riềng cả, bông mọc mạch có hiệu Hồ ma (32)
Hoàng dương là Đò ho, mầm Thường sơn có danh thục tất.
Phấn mệnh đằng trắng bấy chia vôi,
Bạch đường vì ngọt thay Dây mật.
Lúa chiêm danh là mạch, nấu gạo nếp mới được Di đường (33)
Lúa chăm gọi là đồng, ngào mật mía liền nên Thạch mật (34)
Vỏ dâu danh ấy Tang bì
Ích mẫu hiệu rằng Sung uất.

9) Biết vậy:

Nên danh thầy giỏi,
Dùng thốc có công.
thủy hồ điệp giữ cây Rút nước.
Hoạt lộc thảo hái lá Xương sông.
Đại dẫn đằng là dây Lõi tiền, đạm trúc diệp xanh xanh lá Trúc

(32) Hồ ma là vừng (mè) nghi có sự sai suyễn.
(33) Mầm mạ nếp nấu thành kẹo mạch nha (di đường).
(34) Mật mía để lâu kết tinh thành đường phèn (thạch mật).

Thanh long đằng là dây Lồng trống, Xích đồng bì sạn sạn vỏ Vông.

Ba đậu, Giang tử bóc hột Mần đé.

Mao sưu, Thuyết căn, đào rễ Kim luông.

Tráng (mạnh) dương tìm Thanh cao rừng, danh Xà sàng tử;

Bổ âm lấy Tóc tiên cỏ (củ lan tiên) hiệu Mạch môn đông.

Hồ điệp đằng ấy dây Bươm Bướm

Trọng xuân hoa, nảy bông Đòng đòng.

Tiểu xà thiệt, Vương tái tô, là cây Nọc rắn;

Hồ tôn Khương, Cốt toái bổ, là cây Tổ rồng.

Tông bì xé bẹ cây Móc,

Tùng la hái gửi cây Thông.

Giải biểu nhiệt dùng lấy Cát căn, cả thay củ sắn.

Chỉ nghịch khái (ngừng ho, nấc) tìm tòi Thị đế, nhỏ bấy Tai Hồng.

Trái trám danh răng Cảm lảm, (35)

Bông lau hiệu ốc Bồng nông.

Sương nhị là trái Hồng phơi khô, cây Nễ danh danh rằng Hoàng nễ;

Ô thị là quả Hồng hun khói, cây Kiêu (ruột già) hiệu ốc (36) Mộc thông.

10) Thực thế:

Mơ lông hiệu My mao,

Bưởi bung danh Cát bối.

Tham sơn canh là Tóc tiên núi, Ứng thái trồng bè muống lênh đênh;

Thiên môn đông là Tóc tiên leo, Du long thái: ngọn ra dừa yếu đuối.

Thảo gian: lươn lướt gãi gon, (lác gon)

Thảo tạ: Xanh xanh bờ cói.

Xuyên tiêu, Hoa tiêu, Hán tiêu cùng là hột Sẻ cay; (Đắng cay)

Sương mai, diêm mai, Bạch mai cùng là trái mơ muối.

Ô Cựu đào lấy Rễ sòi,

Hoàng oanh khoét vỏ Cây duối.

Xuyên châu tử ấy trái Vỏ dẻ, Ô mộc gọi ốc cây Mun;

Kim linh tử thực quả Sầu đâu, Tử cối báo rằng cây Gội.

Tịch thư thảo là cỏ thuốc giòi,

Nguyễn cộng diệp là lá Thuốc muỗi.

Luật thảo diệp hái lá Đinh cai; Da biểu ấy Sọ dừa khô,

---

(35) Cảm lảm. Cà na, trám.

(36) Hiệu ốc, từ cổ, nghĩa là, gọi là tên là.

Ngũ vị tử lấy hột nắm cơm, Ô mai thực Mơ hun khỏi.

Phong hương thơm bấy Nhựa Sau,

Đường cầu ngọt thay trái Vối.

Biển hao là hoa Đậu mỡ (ván), Long nhãn khuẩn hái meo nhãn trên cây

Lô căn là rễ cây Lau, Thạch xương dương lấy Xương bồ dưới suối.

11) Ấy chín:

Cây vú bò danh rằng ngưu nãi.

Cỏ vọt (roi) ngựa hiệu ốc Mã tiên.

Củ lẳng rằng Vương qua, Thổ qua, Thạch tùng căn ấy, Tỏi la đá,

Gạo nếp rằng Đạo mễ, Nhu mễ, Bạch long bì thực vỏ chu biên.

Thảo tam lăng là cây Dừa nước,

Sơn tam lại (nại) là củ Địa liền.

Ô phiến, Xạ can, Tiên hân chưởng là cây Quỷ phiến (rẽ quạt)

Huyên thảo, Lộc thông, Nghi nam thảo là củ cây Huyên (hoa hiên)

Trúc như cạo tinh cây trúc (phoi tre)

Liên phòng hái gương cây sen

Bạch đàn hương ấy hương bạch đàn, xưa ấy làm lục cúng,

Trầm thủy hương này hương Trầm thuỷ, cũng cảm đến chư thiên

Khổ luyện rằng là dây Tầm bóp rừng, cây Mía voi danh rằng tượng giá.

Sơn hàn căn là cây chàm núi, hột vó ngựa (Mã đề) hiệu ốc Xa tiền.

Bản lam căn đào rễ Chàm cả.

Ngô lam diệp hái lá Chàm đen.

Sơn khương là củ Hoang tinh, dây Mỏ danh rằng Tiệt lộ.

Tiển thảo là củ Bạch dược (37) rau Má họ hiệu ốc Liên tiền.

Nam nhân sâm là củ Quát muộn,

Hột củ chi là trái Hoàng nàn (mã tiền)

Đại đậu quyển: mộng đậu cả phơi khô, Hoàng mau lông mao vàng chói

Địa duẩn căn: rễ Mần tưới rửa sạch, thanh đại bột chàm xanh đen.

Hoa Cúc trắng rước Diên thọ khách,

Hoa cúc vàng mừng Phó diên niên.

Hoàng kinh lịch hay chữa phong đàm, đốt lấy nước Kinh lịch

Mẫu đơn bì hay trừ hết khí, bóc lấy vỏ Mẫu đơn.

---

(37) Theo trùng tụ chính hòa kinh sự Chứng loại bản thảo (q.6 trang 40b) của Triều Thống xuất bản đầu thế kỷ XII, thì rễ Tiển thảo căn và Bạch dược căn 2 vị khác nhau ở Bản thảo cương mục quyển 18.

12) Cho biết:

Quỷ cựu là củ Nưa,

Uất kim là củ Nghệ.

Thần khúc chế bánh men thuốc, hay kêu thực kiện tỳ,

Nhân trầm cao này Muội nồi rừng, công trừ đản (vàng da) lợi thủy.

Yêu đào tử, tốt lõn lõn quả Roi,

Dương đào tử, chua lòm lòm trái khế.

Chữa bao nhiêu rắn cắn, Phù đao diệp hái lá cỏ may,

Trừ hết mọi chứng phong, thương nhĩ diệp hái lá cây Ké.

Trái bồ hòn hiệu ốc Mộc hoàn

Vỏ Bồ hòn danh rằng Mộc quý.

Chi ma là hạt Lúa vừng, Ma dú là dầu lúa vừng, cùng hiệu hạt Mè.

Xích liễu là cây Răm rừng, thủy liễu là Răm nước, cùng danh cây Nghể.

Hoè giác khúc khuỷu trái Hoè

Ích trí thơm cay trái Ré

Thương Mễ, Trần mễ người rằng gạo xưa (thóc củ quét kho thừa phí).

Đông qua, Bạch qua, ta rằng quả bí (bí đao)

Chỉ thiên thảo là cây Lưỡi chó, có hiệu Thiếp địa phi,

Phượng tiên tử là hạt Móng tay nước có danh dương thị chỉ.

Thụ kiếm duẫn bẻ măng cây quỳ,

Cứu liệu canh khoét rẽ Vỏ dẻ.

Quân khương, Bạch khương, củ gừng xôi khô hiệu ốc Can Khương,

Điềm qua, Đinh qua, núm Dưa đá danh rằng Qua đế.

Dây máu là Đại huyết đằng,

Nước hành là Thông bạch thuế.

Hà thủ ô trắng cây dây Sữa bò, có hiệu Hợp hoan đằng,

Kê quan hoa, thực cây Đuôi mang có danh Thanh Tương Tử.

Kỳ nam hương, hương càng thơm lạ; Mơ non hiệu Vương mai.

Kinh hảo mặc, mực thật tốt ròng; lá Dêu danh Đế nữ.

Rễ cáu (sưng) là Hoàng lực, trái Thù danh Thực thù du,

Lá mái là Thanh niêm(?); cây Dẻ hiệu Thô lệ để (?)

Cuống lúa nếp tuốt lấy Thử nhương,

Dây chỉ đen, hái về Ô lệ (?)

13) Người những rằng:

Toan tương thảo la cỏ Chua ác (38)

Toan giác tử là trái chua mẹ.

Sa thảo căn đào củ Cỏ cú, có danh Hương phụ tử,

Nam mộc hương gọi Vỏ dụt, có hiệu Khổ long bì.

Meo cây dâu danh rằng Tang nhĩ,

Nhựa cây thông hiệu ốc Tùng chi.

Chủ tiêu hóa phong đờm, nghiền Tạo giác là trái Đồng (Bồ) kết,

Trừ sơn lam chướng khí, lấy Hậu phác là vỏ Vối de (vối rừng).

Dược già hái lá Cà độc dược,

Bạch chi đào củ Câu chi (?)

Thanh dương tử ấy quả Găng xanh, cây Xương rồng là Mộc long cốt (39)

Tử tô này hạt Tô tía; Địa (Đạ) hoàng là căn Dương đề (chút chít)

Cỏ Màn màn (Tháp bút) danh rằng Mộc tặc,

Lá cây Man hiệu ốc Dã si (?)

Da tương ngọt bấy nước dừa; Hy thiêm ấy cây cỏ Cứt lợn (Bà a):

Quất hạch đắng thay hạt quýt; Già tử này hạt Cà dái dê.

Cỏ Bồ cóc là Thiềm thừ thảo

Lá Vó ngựa (Mã đề) là Ma hà (Hà mô) y (Xa tiền)

Thanh đậu rằng đỗ xanh, Bạch cản phấn này bột gạo làm bánh.

Xích đậu gọi Đỗ đỏ, Đại ma tử nấu hột Gai (dầu) uống chè.

Chử thực lấy trái cây Dướng

Hoè nhĩ hái meo (nấm) cây Hoè.

14) Thế nhưng gọi:

Thục quỳ tử bóc hạt Vông vang,

Phù lão diệp hái lá Đồng trạo (lá lấu).

Mai hương là lá sả; tim cây Hẹ danh phỉ hoàng tâm.

Trữ Ma căn là rễ Gai bánh; cỏ Thanh táo hiệu Tràng sinh thảo.

Trái mướp đắng người gọi khổ qua,

---

(38) Cỏ chua me đất được gọi là Toan tương thảo, Lý Thời Trân gọi là Tạc tương thảo (TBCM q.20).

(39) Cây xương rồng xưa ta dịch ra chữ Hán là Mộc long cốt, nhưng Trung dược đặt tên theo hình dáng là Tiên nhân chưởng (BTCMq.20). Tuệ Tĩnh lại dùng các từ (Tiên nhân chưởng, để tả hình dáng là Rẻ quạt xem vần 11 ở trên).

Hạt táo chua, đời rằng Toan táo nhân

Thanh điều thiết phiến một giống, trái rễ cùng là cây Cà ông.

Phát độc, Hạt sắc đôi loài, vàng biếc chân ra cỏ nụ áo

Bưởi rừng chín ấy Dã du,

Rong bể thực này Hải tảo.

Tây qua là Dưa hấu, Hoàng qua là dưa chuột cùng hiệu trái dưa;

Tinh mễ là gạo bạc, Thanh mễ là gạo xoan, cùng danh hạt gạo.

Sơn thù du ấy trái Nắm cơm (Na rừng)

Cửu ngưu đằng, này dây Rau ráu.

Qua lâu căn Thiên hoa phấn, rễ cánh (thảng) hay giải khát trừ phiền.

Sơn ngạnh phạn, Địa (thổ) phục linh, khúc khắc hay chữa phong thiên pháo

Can hà bẻ lá Sen khô,

Giáng huyết tìm cây giác máu.

Hà tiêu tử (Hạt sen) danh Thạch liên nhục, ấy phương cửu phục hoàn đồng (uống lâu trẻ lại).

Câu kỷ căn, hiệu Địa cốt bì (vỏ cây Kỷ tử) nay thuốc trường sinh bất lão (sống lâu không già)

Quỷ kiến sầu là Bạch tật lê.

Quả riềng ấm là Hồng đậu khấu.

15) Nhận cho biết:

Làu làu trăm ngọn cỏ,

Thay thảy mọi đầu cành.

Khương hoàng xát vàng củ Nghệ.

Thông bạch bóc trắng củ Hành

Phong tử là Quả Cây sau, Xa liễn mộc, rừng nhiều lõi Sến;

Chương não là nhựa cân Dã (Long não) Sơn chi tử núi có trái dành.

Rễ vuốt hùm danh Trần sa lực,

Hạt trái Muồng hiệu Thảo quyết minh.

Ty qua là Mướp, lại có danh Long nhị,

Vân đại, Tập thái là Giấp cạn, lại có hiệu Ngư tinh

Quỷ thiệt lặt lấy lá Xoan, Quả đen là Thanh diện tử,

Quỷ nhĩ xét tìm meo (nấm) dứa; Bèo ván là Tử phù bình.

Vỏ cây Giềng danh rằng Sơn quế,

Rễ rau Vậy hiệu ốc thủy anh.

Quát trân là cỏ May, Đại toán ta rằng củ Tỏi.

Đăng tâm là Tim bấc, Chanh căn người gọi rễ Chanh.

Đau họng lấy củ Đậu mèo, thực gọi này Sơn đậu,
hóa đờm dùng củ Chóc chuột, chín giống Nam tinh
Giái ly danh rằng Phòng kỹ
Thạch hộc hiệu ốc Cấm sinh

16) Chớ cho thế:

Đại động cổ rút dây Đồng trống
Tịch lịch căn đào củ Tầm sét
Hý gia tử là Hạt Cà quánh, Thục thẩm quả dâu chín muồi
Sơn đan diệp là lá Bái đơn (?) Hoàng tiết mầm cây Hoàng tất (?)
Lá Mần tưới gọi là Trạch lan hương
Lá xương bồ răng Dương xuân tuyết
Bạch cự là Diếp đắng, cây Dâm bụt hiệu Tiểu bạch hoa
Đình lịch là hột Đay (40), cây Chạng ba danh Đại ô miết
Rễ Núc nác đời gọi Đân hoàn ((rễ Hoàng bá)
Trái cây lốt (Tiêu lốt) người Tất bát.
Mạn kinh tử, Quan âm diệp là cây Quan âm
Cảnh thiên thảo, Bồ tát căn là cỏ Bồ tát (sống đời)
Cây Bồ ngâu hiệu ấy mộc ngưu
Hạt trái Gấc thực rày Mộc miết.
Xuân căn đào rễ Bông bụt Nhị sắn dây hiệu Cát hoa
Sư căn khoét rễ Dâu rừng, Ngó sen danh Ngẫu tiết
Đậu sị chỉn tạo Đổ đen
An tức thực này Hương tiết (Sặng trắng)
Ức lý nhân là nhân hạt Mận, khổ già ấy Cà cỏ gai;
Bạch mao hoa là hoa cỏ tranh khổ sâm này cây Lộ bịt
Hoa thung hiệu ấy Lăng tiêu
Rau má tía danh rằng Ngoạn nguyệt
Biển đậu là Đậu (mỡ ván); Phong khương hiệu gừng phong (gió);
Quỷ trửu là lá Đại bi, Phạt khương danh Khương phạt
Lệ hạch lấy Hạt vải ăn rồi
Lạn mao tìm Tranh săng cũ nát

(40) Hạt Đay lại dùng thay Đình lịch là hạt Cải ma, cải cột xôi, thường có cuối mùa xuân nhưng rất hiếm

17) Đã biết chữa:

Cẩu vĩ thảo là Cỏ đuôi chó
Ngũ gia bì là Vỏ chân chim
Hoè hoa rang Hoa hoè, Quang lang tiết lọc chấn (bột) búng báng
Hắc vân tinh đen thay hạt nhãn
Thiết lâm khẩu độc bấy meo (nấm) lim
Xích lị công là Nhài công, Bạch lị tư là Nhà tư, đỏ trắng tua (nên) phân rẽ;
Đại kim đường là trái Sống, Tiểu kim đường là trái Roi, cả mọn sá biết xem
Tử niêm bì khoét vỏ cây Sắn thuyền
Đảo niêm diệp hái lá cây lim
Mộc bút hiệu Búp đa, Cỏ gừng thực này khương thảo;
Câu vẫn danh củ lá Ngón, cây Mua chín ấy Bạch niên
Thiết thụ là cây Huyết dũ
Đào tiềm là cây Đào tiềm (?)
Đâu hương hiệu Hương nâu; Tiểu mạch nha ấy Một mạ rẻ;
Hương nhu danh Hương nhự; Đại mạch nha này Mộng mạ chiêm
Trái Lai tên Tướng quân mạo
Mũi chông hiệu Xích trúc thiêm
Mao đậu đằng là dây Đậu lông, vườn bịu tua (nên) rút lấy;
Xanh mặc thảo là Muội nồi đất (cỏ nhọ nồi) ruộng bờ phải xét tìm.

18) Có vậy chăng:

Hạ khô thảo bẻ cây cải rừng
Hương dương quỳ hái ra Nạp bợ.
Khổ thái là rau ngổ; Ô rô diệp ấy lá lài (?)
Cam giá là mía mưng, lậu lô căn bảo rằng rễ dứa (dùng thay)
Thấu giáp hương bóc trái chanh chua
Dã vu căn cạo củ Ráy ngứa.
Nụ hải đường giấc xuân dậy sớm mà mặt ngọc đeo say;
Lan Quốc hương mộc dục (thanh nước) tắm rồi thỏang mùi hương có xạ.
Vô căn đằng là dây tơ hồng
Vô hoa quả là trái cây vả
Ô dược đào củ Ô dược, câu noãn tử ấy trái Chay:
Hồ tiêu đâm hột Hồ tiêu, Kim đâu tử thực này trái Bứa.
Rau cần gọi ấy Lục anh

Trái nhót danh rằng Bất xá (hồ đồi tử)

Oa cự là Diếp, Huấn thái là Húng, Điền trác khéo tròn trĩnh cũ năn;

Giới thái là kiệu, Hiện thái là Giền, Độc cước thương mồ côi rau má,

Hồng trần cuộn lấy búi rơm,

Cảo phiến kín che tranh rạ

Sinh khương là gừng sống, Điềm đình thực mồng (mùng) tơi leo;

Cam tất là Sơn khô, Ngụ mộc ấy Tầm gửi bứa.

19) Sau khi nói:

Vũ mao, cầm, thú,

Lân giáp, ngư, trùng.

Khoa đẩu đen xì Nòng nọc,

Manh trùng nhung nhúc Đòng mòng.

Địa long là giun, có danh rằng Bạch cảnh khâu dẫn;

Thiên long là rết, có hiệu rằng xích cước ngô công.

Bà (bọ) ngựa là Đường lang, tức danh Thiên mã;

Cáp (tắc) kè là Cáp giới, hình tựa Thủ cung (thạch sùng)

Bọ phân (dế dũi) danh lâu cô; Tử khóang tía màu Cánh kiến;

Bọ lậu hiệu thử phụ; Bạch mật thơm ngon Mật ong.

Thủy điệt là Mã hoàng kỳ, ghê thay cái đỉa bọt (mén);

Khương lang là thôi xa khách, dữ bấy cái Bọ hung.

Giải hoàng là gạch cua , cứt lợn đực là Gia trư phần;

Thiền tô thực nhựa cóc, cứt giun khô là Trần thổ long.

Tàm sa bốc phân tằm, vỏ hến cũ danh Trần hiện xác;

Tước noãn tìm trứng sẽ, tổ ong tàng hiệu Lộ phong phòng.

Sào ty thang là nước kén ươm tơ, Mẫu cẩu đởm trấp mổ trái mật chó đực;

Trá ngư thang là nước cá làm mắn, Hùng kê quan huyết cắt máu kê gà ông (mào gà trống).

Xích nhãn ngư đởm là mật cá rói, hay tiêu thủng độc;

Hoàng mẫu ngư đởm là mật bò đực, hay chữa kinh phong.

20) Đã ắt:

Oa ngưu là cái sên có hiệu Kỳ loa,

Phục dực là cái dơi có danh Biển bức.

Giáp hương thơm thay vay ốc; Lạp trư thi rán mỡ lợn đòng

Trẫm độc dữ quá mật công; Gia thử phấn tìm cứt chuộc đực

Bà (bọ) ngựa cây dâu gọi tang phiêu tiêu, chính con cái Đường lang;
Mai mực trôi bể là Hải phiêu tiêu có danh rằng Ô tặc (cốt).
Bại qui bản tìm mai rùa khô
Bach cương tàm xác con tằm bạc;
Hạt sắt là cái chấy, Bạch sắt là cái rận, Long sắt ấy Cà cuống ngon cay
Xà thoái là xác rắn, Thuyền thoái là xác ve, Tàm thoái thực tằm già để xác.
Thạch đầu ngư là cá Dóng, Dã trư ấy lợn lòi rừng;
Đăng sơn ngư là cá rô, Hà đồn thực cá Nóc nước.
Ô Xà ấy rắn Hổ trâu vật quý; gan sẻ sống danh Hùng tước can
Kim xà thực mai gầm của yêu; chân gà lôi Hiệu Dã kê cước.
Nhiễm sã đởm là mặt trăn bắt chuột; Hắc miêu cốt lấy xương mèo đen; (mun)
Dã hổ tâm là tim cáo tha gà; Ô kê noãn là trứng gà ác.
Triền hoàng to bẩy cá Mai,
Mạn lệ dài thay cá Lạc.
Bù cạp danh toàn yết, Minh linh sào lấy tổ tò vò;
Bọ (sâu) đậu hiệu Ban miêu; Trần tước sao dỡ tổ Bà các.
Ngà voi trơn chuốt tượng nha,
Sừng (gạc) hươu sù sì Lộc giác.
Hắc xà rắn hổ mang đen đen, đực (buộc) ba hăng vảy quay ngang;
Bạch xà rắn hổ mang trắng, dời hai lỗ mũi trở ngược

21) Ấy vậy

Nhân trung hoàng chế phản con tre,
Kệ bệ hoàng bóc vàng (màng) mề gà.
Hậu xác khét bấy mu Sau, xương sọ chó là Cẩu đầu cốt;
Hùng đởm đắng thay mật gấu, xương hàm lợn là trư giáp xa.
Hải trá ấy sứa lồng lẩy, Thẩn trách dài thuôn cái trùng trục
Thạch giải thực cua đá, Đoàn ngư tròn trĩnh cái Ba ba.
Thuyền trung ngư y là rêu trong lòng thuyền, chữa nhiệt phong cực hiệu
Thuỷ thượng tri thù là nhện trăn mắt nước, tráng (mạnh) dương khí công gia.
Ngưu bì giao nấu cao da trâu, Vị thích nhọn thay Lông nhím;
Bạn cổ bì khoét da trống lỗ (thủng), Linh ngữ tốt bấy tôm bà
Kim quy trảo là vuốt rùa, gọi bảo An Dương Vương này thực Thanh giang sứ, (41)

(41) Nói về vuốt rùa, tác giả dẫn điển tích đơ cổ, thần Kim quy hiện lên tự xưng là Thạch Giang sứ, đến giúp vua An dương Vương xây thành công thành Cổ Loa, rồi để lại vuốt rùa tặng vua làm nỏ thần chống địch.

Thủy kê bì là da ếch, những cười Công Tôn Thuật, ví Bằng tỉnh đẻ oa (42)

Tổ cái mắc nẻ danh thiên tương tử

Tổ nhện đồng tiền hiệu Bích kính khoa.

Ngưu nhủ ngọt bấy sữa trâu (bò), sừng dê sồm là cổ (linh) dương giác;

Cẩu bảo yêu thay ngọc chó, cái so lông là Huyết mao loa.

Rắn mối danh rằng yết Hổ

Chim ác hiệu ốc lão nha

Nùng (nấu) sừng hươu nên lộc giác sương,

Khổng tước mai là lông công cực tốt;

Hun da trâu rằng ngưu bì phiến;

Đương môn tử là dái xạ chẳng ngoa

22) Lấy cho được:

Rau con so danh tử hà xa,

Sọ đầu lâu hiệu thiên linh cái.

Trư yêu tử là bầu dục lợn, Hậu vĩ nhọn vắt đuôi sam;

Ngưu giác tai là chót sừng bò, Thát đởm đắng ngăm mật rái.

Bọ mén danh ốc Não na,

Đồi mồi hiệu rằng Đại mạo

Tức ngư hiệu là cá Diếc Chương (my) cốt chín ấy xương con mễn

Niêm ngư tên là Cá nheo, Miết (ngoan) giáp thực thực rày mai giải.

Hoàng xà rắn ráo vàng lòng,

Hoàng lạp sáp ong vàng chói

Xương cá ngạnh danh Ngạnh ngư cốt, nó thực rắn xương,

Vảy cá gáy hiệu lý ngư lân, rim càng mềm vảy.

Ốc nhồi chín ấy Điền loa.

Cua đồng thực này điền giải.

Hài rách là Thiên lý mã, thôi sinh (thúc bẻ) phép nghiệm càng gia,

Ghét lược là bách xỉ sương, xuy nhủ (đau vú) phép mầu thực phải.

Hải thạch (cáp) ấy vỏ ngao để lâu,

Mẫu lệ chính vỏ hàu quy lại

Cứt sẽ sống danh Bạch đinh hương, dành để thể châm (43)

Trứng cá gáy hiệu Lý ngư hoa, dùng làm mỹ khoái (ngon miệng)

---

(42) Nói về da ếch, tác giả cũng dẫn điển tích, xưa Mã viên chế công Tôn Thuật kiến thức nhỏ hẹp như ếch nằm đáy giếng (tỉnh đế oa).

(43) Dùng phâm chim sẻ bôi lên nhọt thì nhọt vỡ mủ, khỏi phải chích

Giải qui là ngoe cua bò ngang,
Giải trảo là càng cua cấp quái.
Chuồn ông thực Kim đầu cự vĩ, dùng làm tráng khí hưng dương;
Bọ mạ ấy độc mâu tiếu trùng, hay chữa sang di giới lại (lở hủi)
Cứt ngựa gọi ấy Mã thông.
Mật voi danh rằng Lô hội (44)

23) Lạ thay:

Ương (45) kê cốt xương chim bìm bịp
Xuyên sơn giáp vảy cái tê tê (con trút)
Hay chữa đậu sang (mụn đậu) lấy vỏ ốc là Loa sư xác,
Hay trừ lao trái (trùng) Hải cẩu thận này Ốt nội tề.
Thanh ngư đởm ấy mật cá trắm,
Phường ngư diên là nhớt cá mè,
Lộc nhung lấy sừng hươu non; mạt sừng Tây là Tê giác tiết,
Long cốt tìm xương rồng rũ, móng chân lợn là trư huyền đề.
Triều thiện ngư bảo rằng cá chuối,
Đới mạo ngư gọi ấy cá trê.
Nhân nhũ trấp lấy nước sữa con so còn thơm,
Mã bột làu xàu nấm đái ngựa.
.Nga quản thạch thực xâu ống lông ngan cực rắn (46)
Dương thỉ thổn nhổn hòn cứt dê.
Phấn mài gương là long tuyền phấn,
Vỏ trứng gà là Phượng hoàng Y.
Tượng tiết tìm nếp xương ông voi; xưng chân hùm tục rằng Hổ hình
Mã hành lấy âm hành con; Da con nhím người gọi vị bì.
Dế đất danh rằng thổ cẩu,
Bọ giấm danh ốc Ê kê.

24) Cho hay:

Vật trước mặt đều những thuốc lành,

---

(44) Lô hội có biệt danh là Tương đởm(mật voi)

(45) Chữ (ương) mất nét ngang rồi sau viết lộn thành chữ (hỏa) (xem micrô phim 4363)

(46) Nga quản thạch là biệt danh của Thạch chung nhủ, tả hình dáng của giọt đá trong rỗng tựa như ống lông ngan xây kết lại.

Người trên đời đều lên cõi thọ.
Trước hiên ba gian lều mọn, rẽ có thư đường (phòng sách)
Sau nhà một thỏi đất thừa, dùng làm dược bô (vườn thuốc)
Chốn vun trồng được toại thửa nên,
Khi phương tiện mặc dâu thửa có.
Đã ắt thấu dùng thấu hiệu, biết mặt thượng công;
Lại hay chữa nước chữa dân ra tay diệu thủ.
Cảm ơn thầy truyền bất tử phương,
Nhờ đức thánh mở an sinh lộ
Sãi nay Tráng tử (47) còn hơi vụng,
Vô dật hoạ khi rồi, dọn Nam được chép làm một phú.
Bài phú trên bản cũ có nhiều chỗ sai, nay
Dật sĩ tự Pháp Thạnh tra chính, soạn lại.

LƯƠNG Y LÊ TRẦN ĐỨC

Phiên dịch và chú thích (theo bản sách in năm 1717 do sở văn hóa Hà Sơn Bình tàng trữ)

(47) Tráng tử Vô Dật là biệt danh của Tuệ tĩnh, ngụ ý nói là người khờ dại không ở nổi.

BÀI PHÚ

CHỈ DẪN TÍNH NĂNG CÁC BÀI THUỐC

(Trục giải chỉ nam dược tính phú)

Muốn giúp nhân dân,
Trước tìm vị thuốc,
Sách trời đã định cõi Nam Bang (1)
Thổ sản của khác miền Bắc quốc
Mạnh tinh thần, trừ tà khí: Lửa luyện hoàng kim (2)
Cứng gân cốt được sống lâu: sương hòa Bạch ngọc (3)
An thần tìm Đại mạo sáng tươi,
Thông khiếu uống Xạ hương thơm phức,
Càn cát, Qua lâu giải khát, công vẫn là nhiều,
Bạc hà, kinh giới khu phong, hiệu thu tức tốc,
Thanh yết hầu, nhờ ngậm ô mai,
Giải tâm phiền, nên tìm Bạch trúc (4)
Kê đầu thực bổ trung mạnh khí, trị đau lưng càng nên,
Ô tặc cốt chỉ ly giảm sưng, chữa mắt mờ cũng được
Lợi tiểu tiện; quỳ tử, Khiên ngưu
Thông kinh nguyệt: Hồng hoa, tô mộc
Bông bụp đỏ, bông bụp trắng: chữa nam giới di mộng tiết tinh
Cây vậy trắng, cây vậy đỏ: trị phụ nhân Bạch đái trọc
Nhân hạt Gấc, bôi ung nhọt trên vú; tan
Cuống dưa đá, đồ mụn thịt trong mũi, tróc
Rau thai nhi bổ khí hư, trừ trăm bệnh, của người để chữa người,
Con rết rừng trừ rắn cắn, diệt các trùng, có độc để khử độc
Ấm tỳ: nên Chỉ xác, Trần bì
Hạ khí: dùng Binh lang, Đại phúc
Bà đẻ tự nhiên say máu: giã là trường sinh,
Trẻ con hay đau bụng giun: sắc cây Biển súc,

---

(1) Sách trời đã định cõi Nam Bang. Nam quốc san hà Nam đế cư, Tuyệt nhiên định phận tại thiên thư, thơ Lý Thường Kiệt phá Tống đây là đầu để mà Tuệ Tĩnh đưa ra chủ trương Nam dược trị Nam nhân.

(2) Hoàng kim, Bạch ngọc: vàng ròng, ngọc trắng là loại quý.

(3) Hoàng kim, Bạch ngọc: vàng ròng, ngọc trắng là loại quý.

(4) Bạch trúc: Trúc nhự, phơi tre.

Hay chữa khỏi vàng da: co cây Nhân trần,
Muốn tiêu hóa thức ăn: dùng hạt La bặc
Ban miêu thì phá hòn tiêu tích, bà chửa chớ dùng,
Ngải tầm rất bổ thận cường dương, đàn ông tăng lực.
Tiêu trật đả ứ huyết: uống giấm tẩm Du long (5)
Chữa khó nuốt họng sưng: ngậm muối với Hoạt lộc (6)
Vỏ quýt xanh vốn hay tiêu trệ, trừ sáu khí chi bằng Khổ lô (7)
Vỏ bí đao thực khéo tiêu phù, xọp thủy thũng gì hơn thương lục

Gián hoặc có:

Nghệ vàng phá huyết,
Củ tỏi bôi sưng
Chữa lưng đau, đời khen Tỳ giải,
Trừ huyết tích, Người rằng Tân lang
Vào mũi thông quan: thực Long não, Xương bồ, Tạo giác
Huyết băng bạch đới: Chính bẹ móc, mực tốt, Liên phòng
Trị chân sưng: dùng Ngưu tất thảo,
Trừ đau bụng: có Tước đầu hương (8)
Sữa bò hổ hư, muốn để đẻ uống Xương hổ, xương đầu thỏ
Nhung hươu ích khí, trừ phong nhiệt dùng sừng Tê, sừng Linh dương
Sinh tan dịch, nên tìm Hồng táo
chữa ho hắng, cần lấy Bạch tang (Tang bạch vì)
Mẫu lệ chữa nam giới di tinh, thật là diệu tể,
Miết giáp chữa đàn bà rong huyết thật đáng thần phương
Chỉ ly dùng Ngạnh mễ, Trần mễ,
Ấm tỳ dùng Can khương, Lương khương
Chống sốt rét lấy Thường sơn, bổ bệnh hư dùng thiên lý thủy
Xọp phù phũng dùng Đình lịch, muốn dễ đẻ uống Bách thảo sương
Chữa nhức đầu, gia thông Bạch
Thông kinh trệ, dùng khương hoàng
Thạch lựu cầm ỉa chảy khỏi lậu tinh, ăn nhiều hại phế,
Vỏ chanh trừ ác khí tiêu đầy trướng, uống nhiều hại can
Trầu không thông cách đờm mà ấm bụng

---

(5) Du long: là rau dừa nước.
(6) Hoạt lộc: là lá Xương sông mọc ở đất Bắc.
(7) Khổ lô: Bầu đắng.
(8) Tước đầu hương: củ cỏ cú.

Mía ngọt trợ tỳ mạch mà lợi tràng,
Chữa phụ nữ khí huyết mỗi đường, dùng cây Tầm gởi,
Trị tiểu nhi kinh giản các chứng uống Câu đằng thang
Dùng con Đỉa hút mủ nhọt rất khéo,
Đắp Bù hung, rút mũi tên dễ dàng,
Tầm vôi, Xác ve trừ phong, sùng đất nhỏ mắt, màng mộng.
Hạt gấc, Nghễ bà: phá tích, Dế nhũi bôi đít: thoát giang.
Nhuận tâm tràng: xích mật, bạch mật,
Bổ tỳ vị: Sa đường, Di đường,

Hoặc là:

Nghĩa rõ quản thần,
Vị chia tá sứ,
Vị bì: ngừng hạ huyết trường phong,
Thử phẩn : giải phạm phòng mệt lử
Quên lo ấy Huyên thảo (9) phụ nữ đeo thường đẻ nhiều trai,
Cường dương thoa Xà sàng, ông già uống sức đương thập nữ
Hải tảo, chữa hòn dái lệch sa,
Trạch lan, trị cửa mình huyết ứ
Rễ bươm bướm khỏi ho, rõ tiếng khác gì Bán hạ Nam tinh,
Hột sen già ích khí bổ hư, lại có Hồ mạ thư dự
Tiêu huyết trệ Mẫu đơn, Đào nhân
Lợi tiểu tiện có Mộc thông, Mao nhự (rễ tranh)
Hột tiêu trộn với trứng gà, mau khỏi lãnh đờm
Trùn đất hòa chung nước muối (cây) chống trừ cảm thử
Dễ sinh đẻ này: Lây Ô Long (mò bóng)
Được khoái lạc thêm: ăn Thiên thử (dơi quạ)
Bạch biển đậu hòa trung hạ khí, chỉ tả cũng nên,
Tử tô tử trị trướng tiên phong, lợi trường càng dữ,
Nhọt sưng trước lấy lá chàm mà bôi,
Mun trĩ, kíp sắc nước hoa Hoè mà rửa,

(9) Huyên thảo: Hoa Hiên, Kim chẩm, Yên đắc huyên thảo, Ngôn thọ chi bối (Thi kinh)

Hoặc lại:

Thuận khí: Ô dược,
Tan khối: Mã tiên (thảo)
Chữa sản hậu, khen thạy Ích mẫu,
Lúc mang thai hãy dùng Xa tiền
Thảo quyết minh, thạch quyết minh: hay trừ màng mộng
Tỉnh hoa thủy, Bình hoa thủy (10): đều giải khát phiền
Ý dĩ chữa gân xương đều được, Đông qua lợi tiểu tiện càng nên
Ngũ gia bì bổ tủy thêm tinh, có tên Sài tiết,
Bách bộ căn tiêu đờm hạ khí, còn gọi Địa tiên
Đất lòng bếp đắp mụn nhọt sưng tây
Hột nụ áo (Hạt sắc) trừ đờm dãi liên miên
Chận nôn nấc: Tai hồng, Đinh hương dùng thì hay nhất
Cầm ỉa chảy: vỏ sung, Vỏ vãi uống khỏi hẳn liền
Trừ lạnh đau: tìm củ Cẩm địa (la)
Giải nhiệt độc: lấy cỏ chỉ thiên
Hoàng tinh: bổ tâm phế hư lao, lại tăng tuổi thọ.
Câu kỷ: bồi chân nguyên mệnh mạch, càng được cao niên
Đắp vết thương không chi bằng Tiền Thảo (11)
Tiêu đơn độc: có gì hơn Liên tiền (thảo)
Bồ cu vẽ đắp mụn sưng, cũng cậy Luyện đằng (tầm bóp) Phấn mệnh (chìa vôi)
Lá thuốc muỗi (Nguyễn cộng) dùng tắm đẻ, còn nhờ Tang nhỉ, Chấp miên (12)

Mới biết:

Nghiên cứu y thư,
Xét tìm dược tính,
Hoa cúc vàng chữa đầu mắt tối xâm
Quả xoan rừng, trừ bàng quang hạ lạnh
Đàn bà đang thai nghén, thường dành lá Thuốc cứu để an thai
Các ông sau lúc say sưa, thường cụ bị hoa Sắn để mà giải tỉnh
Nhị đông (mạch, thiên môn) giải tâm phế hư phiền,

(10) Nước giếng buổi sáng, nước phù bình.
(11) Tiễn thảo, bách dược
(12) Chấp miên đằng là dây Bạc thau (sau)

Ngũ vị, hạ đờm sôi chan nghẹt,
Hà thủ ô đen râu tóc, tươi sắc mặt uống nhiều phản lão hoàn đồng
Thạch xương bồ sáng tai mắt, thêm thông minh, uống rồi vượt phàm hóa thánh.
Bôi chốc đầu, nhờ có. Trư cao (mỡ heo)
Chữa đau lưng, cần thêm Hổ hình (xương cẳng chân hổ)
Tay chân tê dệt, rượu ngon ngâm quả Ké mà lành,
Miệng mắt méo lệch, bàn tay rịt Thầu dầu lại chính
Chữa rắn cắn dùng Lá Duối rất hay,
Trừ kiết lỵ , cỏ seo gà (13) càng mạnh.

Cho đến:

Mát tâm, chi tử,
Tiến thực: Súc sa (nhân)
Hạ khí có Hương trầm (tr. hương) Hương bạch (b. đàn)
Tiêu hòn dùng bồng truật, Bồng Nga, (nghệ đen)
Chim chèo bẻo tinh vốn hợp hòa, đeo nó sẽ được vợ chồng trìu mến
Chim vàng anh tài ngăn ghen ghét, ăn thịt sẽ được cả lẻ thuận hòa,
Lấy thạch cao để tiêu nhiệt độc,
Dùng Thảo quả để tránh hàn tà,
Hoa lan khử mùi hôi, thông thần, biết Lan chỉ có Đông viên đạo sĩ (14)
Quế chi ngăn đau lưng, phát hãn hiểu Quế chi chỉ có Nguyệt điện Hằng nga (15)
Thông tích, cây Ba đậu
Tiêu trướng có khổ giờ.
Hắc đậu khác với Lục đậu, một đằng điều trung, một đằng phá độc,
Hoàng lực không như Bạch lực, kiêm chữa nang thũng, vừa tan huyết hà
Khô miệng cần nhờ quả Trám (cà na), Điều vị phải có Tỳ bà
Thu nước mắt có Mạn kinh tử, sáng quang tựa trời không mây phủ
Sạch tàn nhang tìm quả bồ hòn, trong trắng tựa ngọc chẳng vết pha
Nối gân tìm Hải giải (của biển) Nhỏ mắt kiếm Điền loa (ốc bươu)
Muốn trên thông cách hóa đờm, Sinh khương phải dụng;
Nếu chữa trong bụng ứ huyết, Càn tất phải gia

(13) Cỏ deo gà phương vĩ thảo.

(14) đông viên đạo sĩ: Người hay chơi hoa mới biết mùi hoa.

(15) Nguyệt điện Hằng nga: chị Hằng tren cung trăng , trong cung trăng có cây quế (chuyện thần thoại). Đông viên đạo sĩ, Nguyệt điện bàng nga nhắm bốc cái giá trị của Lan Quế lên.

Với lại:

Bổ thận: Cao ban long

Mát can: vỏ Hoàng bách (bá)

Tàng ong, chữa nhức răng với chữa ung độc ác thư,

Ngà voi, bôi mụn lở và hút gai trong thương tích,

Trà, vốn thanh tâm giải khát, uống một bát thì muôn điều lo nghĩ tiêu tan,

Rượu, lại hay hành huyết khu phong, uống 3 chén nghìn mối sâu tiêu sạch,

Muối, ngừng hoắc loạn thổ tả, cũng trị khí đờm

Dấm, bôi xích điến, hắc lào, lại thông kinh mạch.

Rửa chốc đầu, tìm cây lá lấu, người già bệnh lỵ cũng hay.

Yên tâm thần, cậy Ích trí nhân, trí sĩ dưỡng tâm càng hữu ích

Bỏ vỏ vông: lấy gì rửa trôn trê,

Không rễ sòi, còn gì tiêu trướng tích,

Bổ huyết trừ nhiệt uất lúc có mang, dùng Dã Trử căn (củ Gai)

Ấm tỳ trị hư lạnh ở nội tạng, lấy Xuyên tiêu hạch (hạt trưng)

Chặn kinh phong cần lấy Trúc hoàng (phấn nứa).

Tiêu máu mủ nên dùng Đậu xích,

Trệ khí mà trong bụng đầy trướng, tìm Hậu phác cho ra,

Cảm nắng mà tiểu tiện không thông, dung Hương nhu cấp bách

Ngừng máu chảy phải có Bồ hoàng,

Giải tâm phiền nên tìm Thông bạch (Hành bóc trắng)

Nhãn đông đằng không độc, uống vào ung nhọt tiêu tan,

Sương mùa thu rất hay, uống vào dẻ da nhuận trạch.

Giã rễ Thuyết căn (Tây căn) mà chữa thấp hàn,

Uống nước quả dừa để trừ Thử nghịch

Hột Ngưu bàng tuy hình bé mà rất cần, để trị chứng phong cuồng

Rễ dứa dại là vật xoàng cũng có thể uống trừ cơn nhiệt khách

Chữa lở sưng giã lá Kê tràng (rau giệu)

Trị chân yếu, sao rễ Cẩu tích (cu ly)

Dễ dàng sinh đẻ, uống than dép cỏ rách càng mau.

Tiêu tán phong sương dùng nước trên cọc rào cũng sạch.

Chỉ trường tả, sắc củ Vũ dư lương (củ nâu).

Trị tâm kinh uống thiên Tích lịch (củ Tầm sét)

Đất nền thờ trết ngoài cửa ngăn kẻ rinh mò,

Cỏ miệng giếng để giường, trử kẻ khóc đêm nhành nhạch,
Uống phấn chì, giết được sán giun.
Bôi vôi đá, tiêu tan tràng hạch (tràng nhạc)
Chữa vết thương, rửa màng mắt, nên lấy thanh đồng (gỉ đồng)
Dưỡng thận thủy, chữa điếc tai, phải tìm Từ thạch.

Ôi!

Dược vật, tuy nhiều thật,
Rễ ngọn, có khác thay
Góp lương được các phương, tay Phật cứu dân rất rộng,
Nếm linh đan một hạt, thuốc tiên cứu bệnh cực hay
Người người đều sức khỏe sống lâu,
Chốn chốn thấy khí hòa gió mát

Mong thấy:

Nhân dân khỏe vui êm ấm.
Nhà nước bền vững lâu dài
Thế mới không phụ huệ rộng sâu.
Đối với nước non Nam nầy vậy.

III. BÀN VỀ Y LÝ

A - KHÁI THUYẾT:

Biển thước (2) khi bàn về chữa bệnh, có nêu ra 6 loại người không nên chữa:

1) Người kiêu căng càn dỡ không kể đạo lý,

2) Người tiếc tiền coi nhẹ mạng sống,

3) Người ăn mặc không đúng đắn,

4) Người âm dương tạng phủ suy kém,

5) Người hình thể gầy mòn mà không được uống thuốc.

6) Người tin thầy cúng mà không tin thầy thuốc.

Ngũ tạng, lục phủ trong người tương ứng với ngũ hành. Ngũ tạng là tâm, can, tỳ,, phế, thận. Trong là tâm, ngoài là lưỡi: trong là can, ngoài là mắt; trong là tỳ, ngoài là môi; trong là phế, ngoài là mũi; trong là thận, ngoài là tai.

Lục phủ là: đởm, vị, đại tràng, tiểu tràng, bàng quang, tam tiêu.

Tâm thuộc hỏa, can thuộc mộc, tỳ thuộc thổ, phế thuộc kim, thận thuộc thủy. Đởm thuộc mộc, vị thuộc thổ, đại tràng thuộc kim, tiểu tràng thuộc hỏa, bàng quang thuộc thủy, tam tiêu thuộc hỏa.

Khí là dương, huyết là âm, ngũ tạng tương thông với lục phủ: tâm với tiểu tràng thuộc thiếu âm quân hỏa, can với đởm thuộc quyết âm phong mộc, tỳ với vị thuộc thái âm thấp thổ, phế với đại tràng thuộc dương minh táo kim, thận với bàng quang thuộc thái dương hàn thủy, tam tiêu với mệnh môn thuộc thiếu dương tướng hỏa.

Ngũ vận có xoay chuyển, lục khí có thể chuyển đổi mau chậm, trời do đó bắt đầu và cuối cùng đất được hình thành, đất do đó bắt đầu và cuối cùng người được hình thành (thiên, địa, nhân).

Ngũ vận tức là ngũ tạng hợp với ngũ hành, lục khí tức là lục phủ. Sự biến đổi của ngũ hành thành: phong, hỏa, thử, thấp, táo, hàn, cho nên khi đó tạo thành 16 bộ (kinh mạch) và 365 đốt xương.

Chín khiếu và 2 mắt thuộc can, 2 tai và tiến hậu âm thuộc thận, 2 lỗ mũi thuộc phế, miệng thuộc tỳ, lưỡi thuộc tâm.

Chín khiếu thông với ngũ tạng, lục phủ bắp thịt, tay chân và môi thuộc tỳ, da lông thuộc phế; xương, răng, eo, lưng bìu dái thuộc thận; mặt với răng thuộc vị; tóc thuộc huyết; lưỡi thuộc tâm; vú, âm hành, âm hộ, thuộc tam tiêu (3)

Phép chung lấy tâm phế ứng với thượng tiêu, chủ các bệnh từ ngực lên đầu;

lấy can tỳ ứng với trung tiêu, chủ các bệnh từ chẻn dùng đến rốn; lấy thận với mệnh môn ứng với hạ tiêu, chủ các bệnh từ rốn xuống chân.

---

(1) Thiên này được in vào Hồng Nghĩa Giác Tư Y Thư quyển Thượng từ năm 1723

(2) Biển thước: Một danh y thời chiến quốc, trước sau thế kỷ thứ V.TCN, vốn tên Việt Nhân người quận Bột Hải tổng kết phương pháp vọng văn vấn thiết chẩn đoán bệnh tật đương thời ứng dụng lâm sàng rất xuất sắc Nhất là giỏi về chẩn đoán mạch, được suy tôn là ông Tổ xem mạch, lỗi lạc nhất.

(3) Luận điểm này không có ở các sách xưa, nên bài nầy có thể của Tuệ Tĩnh soạn.

BỔ SUNG THÊM TẬP VẠN KIM TOÀN THỐNG

1. Âm dương khí hóa

Vạn kim là cái tinh tuý của mọi biểu hiện.

Nhất thống là then chốt lớn tổng quát.

Thái sơ là khí mới bắt đầu.

Thái cực là hình mới bắt đầu.

Thái tổ là chất mới bắt đầu.

Trời là khí nhẹ trong mà nổi lên trên.

Đất là khí nặng đục mà lắng xuống.

Tinh của khí dương là mặt trời, mọc lên ở phương Đông mà lặn ở phương Tây.

Tinh của khí âm là mặt trăng, ban đêm hiện ra mà ban ngày ẩn đi.

Trời khuyết về phương Tây Bắc, cho nên phương Tây Bắc là âm, mà tai mắt, bên phải của con người không tinh bằng bên trái.

Đất khuyết về phương Đông nam, cho nên phương Đông Nam là dương mà chân tay bên trái của người không khỏe bằng bên phải.

Khí trời giáng xuống, khí đất bốc lên.

Trong âm có dương, trong dương có âm.

Từ sáng sớm đến giữa trưa là phần dương trong ngày, là dương ở trong dương.

Từ giữa trưa đến chạng vạng tối là dương trong ngày, là âm ở trong dương.

Từ chạng vạng tối đến lúc gà gáy là âm trong ngày, là âm ở trong âm.

Từ gà gáy đến sáng sớm là âm trong ngày, là dương trong âm cho nên ở người ta cũng tương ứng như vậy.

Trời đất là trên dưới của vạn vật; âm dương là phối ngẫu của huyết khí; bên trái bên phải là đường lối của âm dương, thủy hỏa là dấu hiệu của âm dương; kim mộc là đầu cuối của sự sinh thành (1).

Khí đen ngừng ở trên không, nước (thủy) bắt đầu sinh; khí đỏ sáng ở trên không (hỏa) lửa bắt đầu sinh; khí xanh nổi ở trên không, loài cây (mộc) bắt đầu sinh; khí trắng ngang ở trên không, loài kim (kim) bắt đầu sinh; khí vàng che ở trên không, đất (thổ) bắt đầu sinh.

Khí của trời đất giao hợp với nhau mà hóa thành vạn vật.

Tinh của nam nữ giao cấu với nhau mà hóa sinh vạn vật.

Tam tài là trời, Đất, Người, con người chịu được chính khí của trời đất tinh khôn hơn vạn vật.

Mệnh là cái bẩm phú của trời.

Tinh là cái căn bản của thân thể,

Hình là nơi ở của sự sống,

Khí là nguồn của sự sống,

Thần là chủ của sự sống.

---

(1) Mộc là thuộc mùa xuân, là mùa muôn vật bắt đầu sinh. Kim là thuộc mùa Thu, là mùa muôn vật thành thực, cho nên nói xuân sinh thu thành.

Bài này giống như ở Vạn bệnh hồi xuân mới được in thêm từ 1723, Bản in năm 1717 chưa có.

2. Cách biện luận tạng phủ

Tâm là chức vụ quân chủ, thần minh từ đó mà ra.

Phế là chức vụ tướng phó, trị tiết từ đó mà ra.

Đởm là chức vụ trung chính, quyết đoán từ đó mà ra.

Đản trung là chức vụ thấn sứ, vui mừng từ đó mà phát ra.

Can là chức vụ tướng quân, mưu lự từ đó mà ra.

Tỳ vị là chức vụ kho tàng, ngũ vị từ đó mà ra.

Đại tràng là chức vụ đùn đẩy (truyền tống), biến hóa do đó mà ra.

Tiểu tràng là chức chứa đựng , hóa vật do đó mà ra.

Thận là chức vụ tác cường, kỹ xảo do đó mà ra.

Bàng quang là chức vụ châu đô, tân dịch do đó mà ra.

Mệnh môn là chỗ ở của tinh thần, đàn ông thì tinh dịch, đàn bà thì dinh liu với bào cung.

Tam dương là Thái dương, Thiếu dương, Dương minh.

Tam âm là Thái âm, Thiếu âm, Quyết âm.

Dương minh là hai dương hợp sáng, hai dương hợp sáng gọi là minh.

Quyết tâm là hai âm cùng tận, hai âm cùng tận cho nên gọi là Quyết (có nghĩa là hết).

3. Cách biện luận về phần trong phần ngoài cơ thể

Đầu là nơi hội tụ các kinh dương.

Mũi thuộc phế, mũi điều hòa thì ngửi biết thơm thối.

Mắt thuộc can, mắt điều hòa thì trông rõ được đen trắng,

Lưỡi thuộc tâm, lưỡi điều hòa thì nếm biết ngũ vị.

Tai thuộc thận, tai điều hòa, thì nghe rõ ngũ âm.

Phế khai khiếu ở mũi.

Tâm khai khiếu ở lưỡi,

Tỳ khai khiếu ở miệng,

Thận khai khiếu ở tai.

Răng là ngọn (tiêu) của thận, là chất thừa của xương.

Tóc thuộc tâm, bẩm thụ hỏa khí.

Râu thuộc thận , bẩm thụ thủy khí.

Lông mày thuộc can, bẩm thụ mộc khí.

Lông thuộc phế, bẩm thụ kim khí.

Họng ăn nuốt đồ là đường thông cơm nước, nối liền với thượng trung hạ quản thông xuống dạ dày.

Họng thở tiếp đón hơi thở, có 9 đốt, thông với ngũ tạng, liên hệ với phế.

Thanh âm bắt rễ từ thận.

Hay nhảy mũi là do khí của phế.

Hay ợ hơi là do khí của vị.

Hay ngáp cũng là do vị(?)

Tóc là chất dư của huyết.

Móng tay móng cân là chất dư của gân.

Thần là phần dư của khí.

Mắt nhờ có huyết mới trông được.

Tai nhờ có huyết mới nghe được.

Tay nhờ có huyết mà cầm được.

Bàn tay nhờ có huyết mà nắm được.

Chân nhờ có huyết mà đi được.

Tạng nhờ có huyết mà sinh tân dịch.

Phủ nhờ có huyết mà sinh khí.

Hồn là cái giúp đỡ của thần minh.

Phách là cái giúp đỡ của tinh khí.

Vinh là cái tinh khí của thủy cốc.

Vệ là khí mạnh mẽ của thủy cốc.

Đường mạch đi dọc gọi là kinh

Đường đi ngang gọi là "lạc"

4. Tóm tắt về mạch

Mạch là khí bình hòa của thiên chân.

Ba bộ là Thốn, Quan, Xích.

Chín hậu là Phù, Trung, Trầm

Ngũ tạng là tâm, can, tỳ, phế, thận.

Lục phủ là đởm, vị, đại trường, tiểu trường, bàng quang, tam tiêu.

Bộ thốn tay trái là mạch tâm với tiểu trường, thuộc quan hỏa.

Bộ quan tay trái là mạch can với đởm thuộc phong mộc.

Bộ xích tay trái là mạch thận với bàng quang, thuộc hàn thủy.

Bộ thốn tay phải là mạch phế với đại trường, thuộc táo kim.

Bộ quan tay phải là mạch tỳ với vy, thuộc thấp thổ.

Bộ xích tay phải là mạch mệnh môn với tam tiêu thuộc tướng hỏa.

Trong mỗi bộ điều có ba hậu (mức) tức phù trung và trầm.

Ba hậu, ba phân, với ba thành 9 hậu.

Mức phù, chủ bì phu, để xem bệnh.

Mức trung chủ cơ nhục, để xem bệnh vị k hí.

Mức trầm chủ gân cốt, để xem về ở lý, ở tạng.

Bộ thốn là dương, là thượng bộ, tượng trưng cho trời, là tâm phế, để ứng với thượng tiêu, chủ bệnh tật từ ngực lên đến đầu.

Bộ quan ở giữa âm và dương, là trung bộ, tượng trưng cho người, là can tỳ, để ứng với trung tiêu, chủ bệnh tật từ trên chẻn dừng xuống rốn.

Bộ xích là âm, là hạ bộ, tượng trưng cho đất, là thận và mệnh môn, để ứng với hạ tiêu, chủ bênh tật từ rốn xuống chân.

Mạch 4 mùa là "Huyền" "Câu" "Mao" "Thạch".

Mạch mùa xuân là Huyền, thuộc can, Phương đông, hành mộc.

Mạch mùa hạ là Câu thuộc tâm, phương nam, hành hỏa.

Mạch mùa thu là Mao, thuộc phế phương tây, hành kim.

Mạch mùa đông là Thạch, thuộc thận, phương bắc, hành thủy.

Mạch tứ quý là Trì, Hoãn thuộc tỳ, trung ương, hàn thể.

Mạch bình thường của bốn mùa là, lục bộ đều đới (kèm) đều có hòa hoãn, gọi "Có vị khí". Có vị khí thì sống, không vị khí thì chết.

Một thở ra một hít vào là "tức" (hơi thở).

Mỗi tức có bốn lần mạch đều gọi là mạch bình thường.

Thái quá hay bất cập đều là mạch bệnh.

Mạch quan, mạch cách, mạch phú, mạch dật đều là mạch chết.

Mạch mỗi tức có ba lần đến là mạch Trì, hai lần đến là mạch Bại là chứng lạnh và nguy.

Mạch mỗi tức có 6 lần đến là mạch sắc, 7 lần đến mạch cực nhiệt

Mạch mỗi tức có 8 lần đến là mạc thoát; 9 lần đến chết; 10 lần đến mạch quy mộ: 11,12 lần đến là tuyệt hồn.

Hai tức mạch mới đến 1 lần mạch chết.

Ngũ hành là Kim mộc, thủy, hỏa, Thổ.

Ngũ hành tương sinh là kinh sinh thủy, thủy sinh mộc, mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim. Hiện tượng tương sinh là tốt.

Ngũ hành tương khắc là kinh khắc mộc, mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, hiện tượng tương khắc là xấu.

Nếu bộ tâm thấy mạch trầm tế, bộ can thấy mạch đoản sắc, bộ thận thấy mạch trì hoãn, phế thấy mạch hồng đại, tỳ thấy mạch huyền trường... đều là mạch *tương khắc*.

Nếu bộ tâm thấy mạch tràm tế, bộ can thấy mạch đoản đắc, bộ phế mạch trầm, bộ tỳ thấy mặt sắc, bộ phận thấy mạch huyền, đều là mạch *tương sinh*.

Đàn ông con trai mạch tay trái thường to hơn tay phải, đó là mạch thuận.

Đàn bà con gái, mạch tay phải thường to hơn tay trái, đó là mạch thuận.

Đàn ông con trai mạch xích thường yếu, mạch thốn thường mạnh là mạch bình thường.

Đàn bà con gái mạc xích thường mạnh, mạch thốn thường yếu là mạch bình thường.

Đàn ông con trai mà thấy mạch đàn bà con gái là bất cập.

Đàn bà con gái mà thấy mạch đàn ông con trai là thái quá.

Đàn ông con trai không nên để bị tả lâu.

Đàn bà con gái không nên để thổ lâu.

Tay trái thuộc dương, tay phải thuộc âm.

Trước bộ quan thuộc dương, sau bộ quan thuộc âm.

Phát hãn nhiều quá thì vong dương (1), Tả hạ nhiều quá thì vong âm (1)

Các chứng âm là hàn, các chứng dương là nhiệt.

Mạch Nhân nghinh ở trên bộ quan tay trái một phân, mạch này để xem về chứng ngoại cảm do 6 thứ phong hàn thử thấp táo hỏa của trời mà gây bệnh.

Mạch Nhân nghinh phù thịnh là thương phong, khẩn thịnh là thương hàn, hư nhược là thương thử, trầm tế là thương thấp, hư sắc là thương nhiệt.

Mạch khí khẩu ở trên bộ quan tay phải một phân, mạch này để xem về chứng nội thương thất tình gây ra bệnh. Mừng thì mạch tán, giận thì mạch kích thích, lo thì mạch sắc, nghĩ thì mạch kết, buồn thì mạch khẩn, sợ thị mạch trầm, kinh thì mạch động.

Mạch Nhân nghinh khẩn thịnh to gấp đôi mạch Khí khẩu là ngoại cảm phong hàn, đều thuộc về phần biểu là dương chứng, là phủ chứng.

Mạch khí khẩu khẩn thịnh, to gấp đôi mạch Khí khẩu là ngoại cảm phong hàn, đều thuộc về lý, là âm chứng, là bệnh ở nội tạng.

Mạch nhân nghinh mạch khí khẩu đều khẩn thịnh, đó là thương hàn ghé thương thực, là cả nội thương và ngoại cảm.

Đàn ông con trai bị bệnh lâu ngày, mạch khí khẩu đầy đặn hơn mạch nhân nghinh là có vị khí. Đàn bà con gái bị bệnh lâu ngày, mạch nhân nghinh đầy đặn hơn mạch khí khẩu là có vị khí. Đó là nói bệnh tuy nặng còn có thể chữa. Trái lại là nghịch khó chữa.

Ngoại nhân là tà lục dâm (2) xâm tập vào, nội nhân (3) là do thất tình mà phát sinh, bất nội ngoại nhân (4) là do ăn uống nhọc mệt, bị ngã, bị đánh mà gây ra.

Sáu mạch: Là phù, trầm, trì, sác, hoạt, sắc.

---

(1) Vong dương vong âm: Do ra mồ hôi nhiều không cầm được hoặc mửa ỉa quá nặng, hoặc do nguyên nhân khác làm cho hao thương dương khí, gây nên dung khí bỗng nhiên suy kiệt xuất hiện các hiện tượng mồ hôi ra dầm dề, mồ hôi đọng giọt mà dính, sợ lạnh tay chân lạnh, hơi thở thôn mòn sắc mặt xanh dợt, miệng không khát hoặc khát mà ham uống nóng, môi lưỡi nhợt nhuận, nặng nữa thì miệng môi xanh tím, mạch vi muốn tuyệt, hoặc phù sác mà rỗng không, giống như hiện tượng trung khu thần kinh rối loạn gọi là Vong dương.
Do sốt cao quá, ra mồ hôi nhiều qua, mửa ỉa nhiều quá, tổn hao âm tích gây ra hiện tượng phản ứng bệnh lý chủ yếu là mình uống, nhiều mồ hôi vặt vã chẳng yên, khát nước ma ham uống mát, hơi thở to, chân tay ấm áp, môi lưỡi khô đỏ, mạch hư sắc gọi Vong âm.

(2) Lục dâm: Chỉ 6 thứ khí hậu của thời tiết như phong, hàn thử thấp táo, hỏa. Vì 6 thứ khí hậu này có sự thái qua hoặc bất cập, có thể gây bệnh cho con người, gọi là lục dâm (6 thứ khí trái thường).

(3) Nội nhân: Tức nguyên nhân bên trong, như mừng, giận, lo nghĩ buồn, sợ, kinh.

(4) Bất nội ngoại nhân: Nguyên nhân khác, như đói no, nhọc mệt, té ngã, bị đè, bị chết đuối bị trúng thú cắn...

+ Phù là dương, ở phần biểu, là phong, là hư.

+ Trầm là âm, ở phần lý, là thấp, là thực.

+ Trì ở tạng, là hàn, là lạnh, là âm.

+ Sác ở phủ, là nhiệt, là táo, là dương.

+ Hoạt là huyết nhiều khí ít.

+ Sắc là khí nhiều mà huyết ít.

Tám điều chủ yếu (8 cương): là biểu, lý hàn, nhiệt, tà, chính, hư thực.

Tám mạch: Là phù, trầm, trì, sác, hoạt, sắc, đại, hoãn.

+ Biểu thì phân biệt bằng mạch phù, là bệnh không ở lý.

+ Lý thì phân biệt bằng mạch trầm, là bệnh không ở biểu.

+ Hư thì phân biệt bằng mạch sắc, là 5 chứng hư (1)

+ Thực thì phân biệt bằng mạch hoạt, là 5 chứng thực (2)

+ Hàn thì phân biệt bằng mạch trì, là tạng phủ tích lạnh.

+ Nhiệt thì phân biệt bằng mạch sác, là tạng phủ tích nóng.

+ Tà thì phân biệt bằng mạch đại, là có ngoại tà xâm phạm vào.

+ Chính thì phân biệt bằng mạch hoãn, là không có ngoại tà xâm phạm vào.

Các mạch hồng, huyền, trường, tán là loại mạch phù.

Các mạch phục, thực, đoản, lao, là loại mạch trầm.

Các mạch tế, tiểu, vi, đại, là loại mạch trì.

Các mạch tật, xúc, khẩn, cấp là loại mạch sác.

Động dao lưu lợi là loại mạch hoạt.

Khâu, hư kết, trệ, là loại mạch sắc.

Kiên, thực, câu, cách là loại mạch đại.

Nhu, nhược, mềm, hòa, là loại mạch hoãn.

Bảy mạch ngoài (thất biểu): là phù, khâu, hoạt, thực, huyền, khẩn, hồng.

+ Phù: là mạch ấn tay xuống thì không thấy, nâng tay lên thì sức mạnh có dư.

+ Khâu: là mạch khi ấn tay thì rỗng ở giữa mà động hai bên.

+ Hoạt: Là mạch tựa như hạt châu lăn trên mâm mà có lực.

+ Thực: là mạch mà chắc có hiện tượng qua lại của mạch trường.

+ Huyền: là mạch căng dài như thấy ấn tay trên dây cung.

+ Khẩn: là mạch chuyển động như xoắn dây vặn thừng.

+ Hồng: là mạch khi ấn tay thấy mạch nổi to lên như làn sóng dâng.

Mạch phù là trúng phong, mạch khâu là thất huyết, mạch hoạt là thường nôn mứa, mạch thực thường đi tả... nên phân biệt.

---

(1) Năm chứng hư Mạch tế, ngoài da lạnh, hơi ít, trước và sau ỉa chảy, ăn uống không vào.

(2) Năm chứng thực: Mạch thịnh, ngoài da nóng bụng trướng, đại tiểu tiện không thông, bứt rứt xây xẩm (Ngọc cơ chân tạng luận/ Tố vấn). Mạch phù là trúng phong, mạch khâu là thất huyết, mạch hoạt là thường nôn mứa, mạch thực thường đi tả... nên phân biệt.

Mạch huyền là chứng co rút, mạch khẩn là chứng đau nhức, mạch hồng đại thì xưa nay riêng chủ chứng nhiệt.

Tám mạch trong (bát lý): là vị, trầm, hoãn, sắc, trì, phục, nhu, nhược.

+ Vi: là lờ mờ như có lại như không.

+ Trầm: là nâng tay lên thì không thấy, ấn tay xuống thì có dư.

+ Trì - Mạch hoãn: là mạch đi chậm, mỗi tức mạch chỉ đến có 3 lần.

+ Sắc: là đi sít không lưu lợi, dạng như dao khẽ cạo mãnh tre.

+ Phục: là mạch ấn tay sát tận xương mới thấy, giống như trầm.

+ Nhu: là mạch tán mạn, lơ, lửng, bé mà lại yếu.

+ Nhược: là mạch thấy dưới ngón tay, trầm mà nhỏ.

Mạch trì là hàn, mạch hoãn là kết, vi là chứng bĩ (1) ·

Mạch sắc là huyết ít, mạch trầm là khí trệ.

Mạch phục là tích tụ, mạch nhu là chứng bất túc.

Mạch nhược là gân co rút di tinh khí kém. (2)

Chín mạch ở giữa (cửu đạo) là trường, đoản, hư , xúc, kết, đại, lao, động tế.

+ Trường là mạch lưu lợi suốt ba bộ.

+ Đoản là mạch không đầy đủ ở bộ đó.

+ Hư là mạch chậm to, có lực và mền.

+ Xúc là mạch lại nhanh gấp có lúc ngừng.

+ Kết là mạch đi trì hoãn có lúc ngừng mà chậm chạp,

+ Đại là mạch đang đi lại ngừng không đền bù lại.

+ Lao là mạch căng như dây cung, trầm mà lại thực.

+ Động là mạch trường động luôn không yên chỗ.

+ Tế là mạch tuy có nhưng bé như sợi tơ.

Mạch trường mà đi như xoắn dây, chủ chứng dương độc, nóng ở tam tiêu.

Mạch đoản chủ chứng khí tắc uất, chưa được khoan khoái.

Mạch xúc chủ dương khí bị bó lại có khí kiên trệ.

Mạch hư là chủ ít huyết, nóng sinh ra kinh sợ.

Mạch đại chủ khí hao mạch tế chủ khí ít. Mạch lao chủ khí đầy gấp, co khi chủ đau nhức.

Mạch kết chủ tích khí, đầy tức rắn đau. Mạch động chủ chứng hư lao, ly huyết, băng huyết.

CÁCH ĐOÁN MẠCH CHẾT

Sáu mạch chết là Tước trác, Ốc lậu, Đàn thạch, Giải sách, Ngư tường, Hà dụ.

---

(1) Bĩ: Đờm, đồ ăn và huyết quyện kết với nhau trong bụng thành khối.

(2) Gân có rút: Nguyên là chữ cân nuy. Cân nuy là 1 trong 5 chứng nuy. Can khí nóng thì gân không được tư dưỡng tạo thành trạng thái co rút không duỗi được, đấy là do phế nhiệt kiêm can nhiệt mà gây nên.

+ Tước trác. Mạch đến 3-5 lần rồi bặt đi, tựa như chim sẻ mổ.

+ Ốc lậu. Mạch biểu diễn như nước nhà dột, thỉnh thoảng mới nhỏ 1 giọt.

+ Đàn thạch. Mạch lại cứng rắn như đánh trên đá, rồi dần dần tan đi.

+ Giải sách. Mạch để tay vào liền tán loạn như sợi dây cởi tung ra.

+ Ngư tường. Mạch như có như không, giống như cá lượn.

+ Hà du. là mạch thỉnh thoảng nẩy lên 1 cái như con tôm búng.

Tám mạch ngoài kinh chính là Dương duy, Âm duy, Đương kiểu, Âm kiểu, Mạch xung, Mạch Nhâm, Mạch đốc, Mạch đới.

+ Mạch Dương duy chủ chứng nóng rét.

+ Mạch Âm duy chủ chứng đau vùng tâm.

+ Mạch Dương kiểu chủ bệnh trong bắp chuối dễ chịu mà phía ngoài có thất khó chịu.

+ Mạch Âm kiểu chủ bệnh ngoài bắp chuối dễ chịu mà phía trong căng thẳng.

+ Mạch Xung chủ bệnh bụng dưới xông lên, trong bụng trước đau gấp.

+ Mạch Nhâm chủ bệnh trong bụng kết khí, ở nam giới là 7 chứng sán ở nữ giới là chứng xích bạch đới, hòn cục (trưng hà).

+ Mạch Đới chủ bệnh trong bụng đầy trướng, eo lưng lạnh như ngồi ở trong nước ở nữ giới thời đau bụng dưới, kinh nguyệt không đều, xích bạch đới hạ.

+ Mạch đốc chủ đau cột sống, phong đòn gánh.

Bệnh trúng phong, mạch nên phù trì, kiêng thực cấp.

Bệnh thương hàn, mạch nên hồng đại, kiêng trầm tế.

Bệnh ho mạch nên phù nhu, kiêng trầm phục.

Bệnh bụng đầy trướng, mạch nên phù đại, kiêng hư tiểu.

Bệnh hạ ly, mạch nên vi tiểu, kiêng phù hồng.

Bệnh cuồng, mạch nên thực đại , kiêng trầm tế.

Bệnh hoắc loạn, mạch nên phù hồng kiêng trì vi.

Bệnh tiêu khát, mạch nên sác đại, kiêng hư tiểu.

Bệnh thủy khí, mạch nên phù đại kiêng trầm tế.

Bệnh chảy máu cam, mạch nên trầm tế, kiêng phù đại

Bệnh đau bụng, mạch nên trầm tế, kiêng phù đại.

Bệnh khí đưa ngược lên, phù thũng, mạch nên phù hoạt, kêng trầm tế.

Bệnh đau đầu,, mạch nên phù hoạt, kiêng đoản sắc.

Bệnh suyễn, mạch nên phù hoạt, kiêng mạch sắc.

Bệnh hạ huyết, mạch nên trầm nhược, kiêng thực đại.

Bị vết đâm cho, mạch nên vị tế, kiêng đoản sác.

Bị trúng ác khí, mạnh nên khẩn tế, kiêng phù đại.

Bệnh trúng độc, mạch nên sác đại, kiêng vi tế.

Bệnh thổ huyết, mạch nên trầm tiểu, kiêng thực đại.

Bệnh kiết lị, mạch nên trầm trì, kiêng sác thực.

Bệnh nội thương, mạch nên huyền khẩn, kiêng tiểu nhược.

Bệnh phong tý, mạch nên hư nhu, kiêng khẩn cấp.

Bệnh ôn phát nóng, kiêng mạch vi tiểu.

Bệnh trong bụng có tích, kiêng mạch hư nhược.

Bệnh nóng nhiều, kiêng mạch trầm tĩnh.

Bệnh đi tả, kiêng mạch đại.

Bệnh phiên vị mạch nên phù hoãn, kiêng trầm cấp.

Bệnh ho xốc, mạch nên phù hoãn, kiêng huyền cấp.

Các bệnh về khí, mạch nên phù khẩn, kiêng hư nhược.

Bệnh bĩ đầy, mạch nên hoạt kiêng mạch sắc.

Bệnh nhân nếu nhắm mắt mà không muốn trông thấy người, mạch nên cường cấp mà trường, kiêng phù đoản mà sắc.

Bệnh nhân thổ huyết nục huyết, mạch nên trầm tế kiêng phù đại mà lao.

Bệnh nhân nói sảng nói nhảm nhí, mạch nên hồng đại kiêng chân tay móp lạnh mạch vi tế.

Bệnh nhân bụng to mà đi lỏng, mạch nên vi tế mà sắc, kiêng khẩn đại mà hoạt.

Đàn bà bị bệnh đới hạ, mạch nên trì hoạt, kiêng hư phù.

Đàn bà có mang mạch nên hồng đại, kiêng trầm tế.

Mạch tay trái

Thốn khẩu là thượng bộ, ứng với trời, là mạch tâm với tiểu đường. Hồng đại là thuận, trầm tế là nghịch.

Giữa bộ quan là trung bộ, ứng với người là mạch can với đởm... huyền trường là thuận, phù đoản là nghịch.

Xích mạch là hạ bộ ứng với đất, là mạch thận với bàng quang trầm hoạt là thuận, hoãn mạn là nghịch.

Mạch tay phải.

Thốn khẩu là thượng bộ, ứng với đầu mặt, là mạch phế với đại trường phù đoản là thuận hồng đại là nghịch.

Giữa bộ quan là trung bộ ứng với ngực và chẽn dừng, là mạch tỳ vị. Hoãn mạn là thuận, huyền sác là nghịch.

Xích mạnh là hạ bộ ứng với rốn, là mạch mệnh môn với tam tiêu, trầm là hoạt thuận hoãn mạn là nghịch..

BÍ QUYẾT XEM BỆNH SẢN PHỤ TỐT HAY XẤU

Sản phụ mà mặt đỏ lưỡi xanh thì mẹ sống con chết, mặt xanh lưỡi đỏ, sủi bọt ra thì con sống mẹ chết.

Sản phụ môi miệng đều xanh cả thì hai mẹ con đều chết.

Sản phụ sanh rồi mạch nên tiểu thực, kiêng phù hư.

Đàn bà hư lao, mạch tay phải thấy sác là nguy.

CÁC CHỨNG CHẾT, MẠCH CHẾT

Miệng như cá ngớp, hơi thở gấp là chết.

Măn áo sờ giường là chết.

Có mùi thối như xác chết không ai dám gần là chết.

Mặt phù sắc xanh đen là chết.

Tóc cứng thẳng như sợi gai là chết.

Tiểu tiện són ra không biết là chết.

Lưỡi rụt hòn dái co là chết.

Mắt trợn trừng là chết.

Mặt không tươi sáng, chân răng biến sắc đen là chết.

Mồ hôi ra rồi mình vẫn nóng là chết.

Đầu mặt đau, bỗng không trông thấy gì là chết.

Sắc đen vào tai, mắt, mũi, dần vào miệng là chết

Bệnh ôn nóng dữ, mạch tế tiểu là chết.

Bệnh ôn ra mồ hôi không xuống đến chân là chết.

Hình thể gầy phát nóng mà mạch cứng rắn là chết.

Người bị bệnh mà mạch không phải mạch bệnh gọi là hư ở trong.

Mạch có bệnh mà người không có bệnh, gọi là hành thi (1).

Các bệnh nhắm mắt thì dễ chữa, mắt trông thẳng thì khó chữa.

BÍ QUYẾT QUAN SÁT THANH SẮC CỦA BIỂN THƯỚC VỚI HOA ĐÀ

Bệnh nhân Ngũ tạng đã tuyệt, thần minh không còn, tiếng khàn là chết.

Bệnh nhân măn áo nói nhảm là không chữa được.

Bệnh nhân âm dương đều tuyệt, kéo áo, bắt chim chim, nói nhảm, là chết.

Bệnh nhân nói lảm nhảm, lẫn lộn, nói lung tung và không nói được nữa là không thể chữa được nếu còn nóng thì chữa được.

Bệnh nhân âm dương đều tuyệt, tắt tiếng, không nói được, 3 ngày rưỡi sẽ chết.

Bệnh nhân hai khoé mắt có sắc vàng nổi lên là bệnh sắp khỏi.

Bệnh nhân mặt vàng xanh thì không chết, xanh như màu cỏ úa là chết.

Bệnh nhân mặt vàng mắt trắng thì không chết, nếu trắng như xương khô thì chết.

Bệnh nhân mặt vàng mắt đen thì không chết, đen như màu than đá là chết.

Bệnh nhân sắc mặt và mắt đều một màu như nhau thì không chết.

---

(1) Hành thi: Ý nói tinh thần đã mất hết chỉ còn cái xác biết đi, là chết.

Bệnh nhân mặt đen mắt xanh thì không chết.

Bệnh nhân mặt xanh mắt trắng thì chết.

Bệnh nhân mặt đỏ mắt xanh thì 6 ngày là chết.

Bệnh nhân mặt vàng mắt xanh thì 9 ngày nhất định chết.

Bệnh nhân mặt đỏ mắt trắng thì 10 ngày chết.

Buồn giận lo nghĩ tâm khí bị kết, sắc mặt lại tươi, nhất định sắc chết.

Bệnh nhân mặt trắng mắt đen là chết, đấy là tinh ba đã hết huyết mạch trống rỗng.

Bệnh nhân mặt mặt xanh mắt vàng thì 5 ngày chết.

Bệnh nhân nằm liệt giường, đau vùng tim, hơi thở ngắn, tỳ khí kiệt tổn thương bên trong bỗng các bệnh lại khỏi dậy được mà người bàng hoàng, đang ngồi dưới đất đứng dậy dựa vào giường, chữa được bệnh này đáng được gọi là thần y.

Bệnh nhân mắt không có tinh quang với răng đen sạm lại là không chữa được.

Bệnh nhân miệng há hốc thì 3 ngày chết.

Bệnh nhân tai mắt và má, gò má đỏ chỉ trong 5 ngày là chết.

Bệnh nhân trên trán có hiện ra sắc đen, đen lên đến chân tóc thẳng xuống đến sống mũi và trên hai gò má thì cũng chỉ trong 5 ngày là chết.

Bệnh nhân và người khỏe vốn sắc da đen, nếu thấy sắc trắng nổi lên đi vào mắt và miệng mũi thì trong 3 ngày là chết.

Bệnh nhân và người khỏe sắc mặt bỗng như sắc gan ngựa, trông xa như xanh, đến gần như đen là chết.

Bệnh nhân mặt đen trông thẳng, sợ gió là chết.

Bệnh nhân mặt đen, môi xanh là chết.

Bệnh nhân mặt xanh, môi đen cũng chết.

Bệnh nhân mặt đen, dưới hai cạnh sườn đầy, không tự trăn trở, được là chết.

Bệnh nhân mắt không liếc được, trông thẳng, so vai mà thở, một ngày là chết.

Bệnh nhân âm kết (1) dương tuyệt (2), tinh quang của mắt thoát hết, hoảng hốt thì chết.

Bệnh nhân âm dương kiệt hết, quầng mắt sâu hõm là chết.

Bệnh nhân đường lông mày kéo xếch đi thì 7 ngày chết.

Bệnh nhân miệng tru như miệng cá không ngậm lại, hơi thở nhiều mà không hít vào là chết.

Bệnh nhân tai mắt miệng mũi có sắc đen nổi len đi vào miệng nhất định chết.

Bệnh nhân môi xanh, nhân trung vành lên trong 3 ngày là chết.

Bệnh nhân môi miệng bỗng khô là chữa được

---

(1) Âm kết: Đại tiện bí, do tỳ thận hư hàn, biểu hiện thể chất hư yếu đi cầu không được trong nhiều ngày. Tuy có mắc ỉa, tuy ỉa khó ra mà trong bụng không có cảm giác trướng đầy, chân tay không ấm, nước đái trong dài chất lưỡi nhạt, rêu trắng mạch trầm trì.

(2) Dương tuyệt Hiện tượng mạch chỉ có ở bộ thốn khẩu, mà hai bộ quan xích không thấy động Theo Thương hàn luận mạch pháp nói: Dưới bộ thốn không tới hộ quan là Dương tuyệt. Thành vô kỷ cắt nghĩa đó là đen dương dứt nhau mà ra.

Bệnh nhân môi sưng răng sém là không chữa được.

Bệnh nhân răng bỗng đen lại thì 13 ngày chết.

Bệnh nhân lưỡi rụt, hòn dái co lại là chết.

Bệnh nhân đổ mồ hôi đọng giọt, lưỡi cuộn đen lại là chết

Bệnh nhân tóc dựng thẳng lên, 15 ngáy sẽ chết.

Bệnh nhân tóc khô như sợi gai, hay giận cũng chết.

Bệnh nhân tóc với lông mày dựng thẳng lên, cũng chết.

Bệnh nhân móng tay móng chân xanh, là chết.

Bệnh nhân móng tay móng chân trắng thì không chữa được.

Bệnh nhân thịt dưới móng tay móng chân đen lại thì 8 ngày chết.

Bệnh nhân dinh vệ kiệt hết, mặt phù nề là chết.

bệnh nhân bỗng sưng, mặt xanh đen là chết.

Bệnh nhân bàn tay sưng lên mất hết vết nhăn, nhất định chết.

Bệnh nhân rốn sưng lồi lên là chết.

Bệnh nhân sưng cả bìu dái và ngọc hành, là chết.

Bệnh nhân mạch tuyệt, miệng há hốc, chân sưng nề, chỉ 5 ngày là chết.

Bệnh nhân mu bàn chân sưng lên, nôn mửa, đầu nặng là chết.

Bệnh nhân sưng hai mu bàn chân, hai đầu gối to như cái đấu chỉ 10 ngày là chết.

Bệnh nhân nằm tự són đái ra không biết là chết.

Bệnh nhân có mùi thây ma xác chết là không thể chữa được.

Bệnh ở can mà da trắng thì sẽ chết vào ngày Canh Tân (ngày của tạng phế).

Bệnh ở tâm mà mắt đen thì sẽ chết vào ngày Nhâm Quý (ngày của tạng thận).

Bệnh ở tỳ mà môi vanh sẽ chết vào ngày Giáp Ất (ngày của tạng tâm).

Bệnh ở thận mà mặt sưng môi vàng, sẽ chết vào ngày Mậu Kỷ (Ngày của tạng tỳ)

Sắc xanh phải xanh như ngọc bích lóng lánh, không được xanh như màu chàm.

Sắc đỏ phải đỏ như màu lụa bọc chu sa, không được đỏ như son.

Sắc trắng phải trắng như màu lông vịt Xiêm, không được trắng như màu muối.

Sắc đen phải đen như màu sơn, không được đen như màu than.

Sắc vàng phải vàng như màu lụa bọc Hùng Hoàng, không được vàng như màu đất sét.

CHẨN ĐOÁN CHỨNG HẬU KHÍ TUYỆT CỦA NGŨ TẠNG LỤC PHỦ

Bênh nhân can tuyệt: thì 8 ngày chết, lấy gì để biết? Mặt xanh chỉ muốn nằm sấp mà ngủ, mắt nhìn mà không thấy người, mồ hôi tuôn ra như nước không ngừng (hoặc là nước mắt), có thuyết nói. Hai ngày là chết.

Bệnh nhân dởm tuyệt: thì 7 ngày chết. Tại sao biết? Long mày bị kéo xếch đi Bệnh nhân cân tuyệt: thì 9 ngày chết. tại sao biết? Móng ty móng chân xanh lại, chửi bới luôn mồm, có thuyết nói 8 ngày chết.

Bệnh nhân tâm tuyệt: thì chết. Tại sao biết? So vai mà thở, hay trông ngoảnh lại thì chết ngay, hoặc mắt nhìn trừng trừng 2 ngày chết.

Bệnh nhân tiểu trường tuyệt: thì 6 ngày chết. Tại sao biết? Tóc cứng thẳng như sợi gai khô, không co duỗi được, tự ra mồ hôi không ngừng.

Bệnh nhân tỳ tuyệt: thì 11 ngày chết. Tại sao biết? Miệng lạnh chân sưng, bụng nóng, mỏ ác trướng, ỉa chảy mà không biết và ỉa luôn không chừng độ có thuyết nói 5 ngày chết.

Bệnh nhân vị Tuyệt: thì 5 ngày chết. Tại sao biết? Xương sống đau, trong eo lưng nặng không thể trăn trở được, có thuyết nói bàng quang và ruột đầy lên thì 9 ngày chết.

Bệnh nhân nhục tuyệt: thì 6 ngày chết. Tai sao biết? Lưỡi khô, Lưng sưng, đái ra máu, ỉa ra sắc đỏ. Có thuyết nói chân sưng thì 9 ngày chết.

Bệnh nhân phế tuyệt: thì 3 ngày chết. Tại sao biết? Miệng há hốc, chỉ thở ra mà không hít vào, có thuyết nói mũi miệng há hốc, ngắn hơi.

Bệnh nhân đại trường tuyệt: không chữa được. Tại sao biết?

- Đi ỉa lỏng vô độ, thôi đi ỉa lỏng thì chết.

Bệnh nhân thận tuyệt: 4 ngày chết. Tại số biết ? Răng bỗng nhiên khô, mặt đen sì, tròng mắt sắc vàng, lưng đau như gãy, tự đổ mồ hôi như nước chảy. Có thuyết nói Nhân trung bằng thì 7 ngày chết.

Bệnh nhân xương tuyệt: Răng vàng rụng, 10 ngày chết. Tại sao biết? Các mạch phù vô căn thì đều chết.

Trên đây lấy lục phủ ngũ tạn làm căn bản.

19 ĐIỀU CƠ CHẾ BỆNH THEO NỘI KINH

- Các chứng phong, lay động, đầu choáng, đều thuộc can.
- Các chứng hàn, co rút co quắp, đều thuộc thận.
- Các chứng thấp, phù thũng trướng đầy, đều thuộc tỳ.
- Các chứng khí, đầy uất, đều thuộc phế.
- Các chứng nhiệt, thần chí mờ loạn, chi thể co rúm, đều thuộc hỏa.
- Các chứng đau ngứa, lở nhọt, đều thuộc tâm
- Các chứng quyết nghịch, đại tiểu không thông hoặc ỉa đái vải không nín được đều thuộc hạ tiêu.

Các chứng bại liệt, suyễn nghịch, nôn ói, đều thuộc thượng tiêu.

- Các chứng cấm khẩu, miệng ngậm không mở, hàm khua cầm cập, thần chí bất yên, đều thuộc hỏa.
- Các chứng co cứng, cổ gáy cứng đờ, đều thuộc thấp.
- Các chứng khí hơi quạt đưa lên, đều thuộc hỏa.
- Các chứng trướng đầy bụng to, đều thuộc thấp.
- Các chứng táy máy bất yên, phát cuồng muốn vùng cạy, đều thuộc hỏa.
- Các chứng bỗng cứng đơ, đều thuộc phong.
- Các chứng do bệnh mà có tiếng khua như tiếng trống đều thuộc nhiệt.

- Các chứng sưng mu bàn chân, đau buốt khổ sở kinh hãi không yên, đều thuộc hỏa.

- Các chứng chuyển gân, uốn ván, đái ra nước đục, đều thuộc nhiệt.

- Các chứng đái ra nước trong sáng và lạnh, đều thuộc hàn.

- Cách chứng nôn ói nước chua, ỉa tung toé dữ dội, đều thuộc nhiệt.

Cho nên phải cẩn thận tuân giữ cơ chế bệnh, dựa chứng trạng hữu quan suy sét coi có tà hay không tà, thịnh thì tại sao, hư thì tại sao, trước hết dựa vào ngũ khí mà phân tích coi khí nào thắng hơn, trong ngũ tạng tạng nào bị bệnh, nhiêu hậu mới sơ thông huyết khí làm cho thông sướng điều hoa, dẫn đến khỏi bệnh.

Năm chứng hư: Mạch tế, da lạnh, hơi ít, đại tiểu tiện hoạt thoát, không ăn uống được đó là nhóm chứng tạng ngũ tạng đều hư.

Năm chứng thực: Mạch thịnh, da nóng bụng trướng, đại tiểu tiện bất thông, tinh thần mê loạn, đó là nhóm chứng hậu ngũ tạng đều có thực nhiệt rất nặng, nếu làm cho ra mồ hôi được, đại tiểu tiện thông lợi thì sống.

Năm chứng thắng: Phong khí thắng thì lay động, nhiệt khí thắng thì đau tấy táo khí thắng thì khô ráo,, hàn khí thắng thị phù nề, thấp khí thắng thì ỉa chảy.

Năm tính ghét: Tâm ghét nhiệt, phế ghét hàn, can ghét phong, tỳ ghét thấp, thận ghét táo.

Sáu chứng thoát: Thoát khí, thoát huyết, thoát tinh, thoát thần, thoát tân, thoát dịch.

Năm chứng lao: Nhìn lâu hại huyết thì lao tâm, nằm lâu hại khí thì lao phế, ngồi lâu hại thịt thì lao tỳ đứng lâu hai xương thì lao thận, đi lâu hại gân thì lao can.

Mưu lự quá sức, làm mệt nhọc tổn hại gân, ứng với chứng cân cực.

Vận dụng cơ mưu sâu sắc làm mệt nhọc, tổn hại tỳ, ứng với chứng nhục cực.

Lo lắng việc chưa tới làm mệt nhọc tổn hại phế, ứng với chứng khí cực.

Khắc khổ giữ chí tiết làm mệt nhọc hai thận, ứng với chứng cốt cực.

Đầu là nơi ở cửa tinh thần, đầu cúi gục, mắt nhìn đăm đăm là tinh thần sắp thoát.

Vùng sống lưng và vùng ngoại phủ của bộ phận trong ngực lưng cong, vai xệ là bộ phận trong ngực sắp bị hư hoại.

Eo lưng là ngoại phủ của thận, eo lưng không quay trở được là thận sắp suy bại.

Xương là chỗ chứa các tủy, không đứng được hoặc đứng thì lảo đảo là xương sắp suy bại.

Gối là chỗ của gân, không co duỗi được phải đi lom khom là gân sắp bại.

Năm chứng tổn:

- Tổn lông da: thì da nhăn lông rụng

- Tổn gân: thì gân liệt không co lại được.

- Tổn huyết mạch: thì huyết mạch hư suy không dinh dưỡng tạng phủ.

- Tổn cơ nhục: Bắp thịt gầy róc, ăn uống không r da ra thịt.

- Tổn xương: Xương liệt không thể dậy khỏi giường được. Suy tổn từ dưới lên, đến khi da nhăn lông rụng cũng chết.

Phế chủ da lông, phế hư tổn thì phải bổ khí.

Tâm chủ huyết mạch, tâm hư tổn thì điều hòa vinh vệ.

Tỳ chủ cơ nhục, tỳ hao tổn thì phải điều hòa đồ ăn uống, ấm lạnh cho thích nghi.

Can chủ cân, can hư tổn phải hòa hoãn trung khí.

Thận chủ xương, thận hư tổn phải bổ tinh.

Buồn rầu lo nghĩ thì hại tâm: mình mẩy lạnh uống lạnh thì hại phế; tức giận cành hông thì hại can; ăn uống mệt nhọc thì hay tỳ; ở nơi ẩm thấp, tầm nghịch dưới nước thì hại thận.

Lục khí lấn lên thời gây hại, phải có cách kế thừa để ức chế.

Hàn tột độ lại sinh nhiệt, nhiệt tột độ thí sinh hàn.

Mộc cực thịnh giống như Kim, hỏa cực thịnh giống như thủy.

Thổ cục thịnh giống như Mộc, Kim cực Thịnh giông như hỏa, thủy cực thịnh giống như Thổ.

Năm chứng uất: chữa có cách Đạt, Phát, Đoạt, Tết, Chiết.

- Mộc uất thì phải Đạt, gây nôn mửa để thông đạt.
- Hỏa uất thì phải Phát, Phát hãn để cho được sơ tán.
- Thổ uất thì phải Đoạt, tả hạ để khơi thông sự ủng tắc.
- Kim uất thì phải Tiết, làm ấm tiết, giả biểu, lợi tiểu.
- Thủy uất thì phải Chiết, bẻ gãy, ức chế không cho xung nghịch lên.

Dưới tâm đầy nghịch lên là do tả hạ quá mức.

Hơi quạt lên ngực, đứng dậy thì xây xẩm là do nôn mửa quá mức.

Thịt máy, gân giật, chân co, sợ lạnh là do phát hãn quá mức.

Dương thoát thì thấy ma quỷ, Âm thoát thì mắt lòa, dương thoát do khí không giữ vững, âm thoát do huyết không nuôi dưỡng.

Trùng dương thì phát cuồng, vì khí ó dồn vào dương phận.

Trùng âm thì phát điên, vì huyết dồn vào âm phận.

Khí dồn lại mà không tan là khí bị bệnh trước.

Huyết úng trệ mà không nhuận thấm là huyết bị bệnh sau.

Năm tạng không điều hòa thì 9 khiếu không thông.

Sáu phủ không điều hòa thì kết đọng thành ủng trệ.

Tay co không duỗi được là bệnh tại gân.

Tay duỗi mà co được là bệnh tại xương.

Xiết là chứng co rút mà co lại, Túng là chứng gân mạch dãn mà duỗi ra.

Súc nịch là chứng chân tay co giật nắm mở (1)

Lưỡi thè ra không rụt lại được là dương mạnh quá.

Lưỡi rụt không nói được là âm thịnh quá.

Mùa xuân cảm phong, đến vụ hè ắt sinh ỉa sống phân (động tiết).

Mùa hè cảm thử, đến mùa đông ắt sinh bệnh ho.

Mùa đông cảm hàn, đến mùa xuân ắt sinh bệnh ôn.

---

(1) Tám chứng hậu căn bản: Cấp kinh phong xem Hải thượng Y tông tập IV trang 72.

PHONG

Phong là đầu mối khởi phát các thứ bệnh.

Phong phỉ là chứng chân tay không co lại được.

Thiên khô là chứng bại liệt nửa người.

Phong ý là chứng hôn mê bất tỉnh.

Phong tý là các chứng đau nhức giống bệnh phong.

Than, có nghĩa là thản nhiên gân mạch xuội lơ, không cử động được.

Hoán, có nghĩa là tản mạn, huyết khí tản mạn mất tác dụng.

HÀN

Hàn là khí heo hắc khắc nghiệt của trời đất.

Thương hàn là chứng mình nóng không mồ hôi mà sợ lạnh.

Thương phong là chứng mình nóng, có mồ hôi mà sợ gió.

Thái dương chứng thì nhức đầu, đau mình, xương sống cứng.

Dương minh chứng thì mắt đau mũi khô không ngủ được.

Thái âm chứng thì bụng đầy, đại tiện tự lợi, mạch xích thốn đi trầm, cổ họng khô, không có tân dịch.

Thiếu âm chứng thì lưỡi khô miệng ráo.

Quyết âm chứng thì buồn bực, bụng đầy, bìu dái co lại.

Biểu nhiệt thì nóng hâm hấp, Lý nhiệt thì nóng bừng bừng.

Lưng gáy là tà tại biểu thuộc kinh Thái dương.

Sợ gió là thấy gió thì khiếp sợ.

Phát sốt sợ lạnh, là bệnh phát tại dương phận.

Nóng rét qua lại, là âm dương giành giật với nhau.

Tiễn quyết, là chứng nhiệt khí nung nấu do buồn phiền nhọc mệt quá sinh ra.

Bạc quyết, là chứng hơi quạt lên quá độ.

Giải diệc, là chứng trạng người cảm thấy mỏi mệt, chi thể các khớp xương như rời rã.

Chân tay không co lại được là bệnh do tỳ.

Nhục nuy, là chứng mà bắp thịt tê dại cấu không biết đau.

Thịt máy giật là chứng do tỳ nhiệt.

Năm chứng ẩm: Chi ẩm, Lưu ẩm, Đờm ẩm, Huyền ẩm, Dật ẩm.

Năm chứng tiết: Tỳ tiết, Vy tiết, Đại trường tiết, Đại hà tiết, Tiểu trường tiết.

- Tỳ tiết là chứng ỉa chảy ruột đầy trướng, nôn xốc.
- Vy tiết, là ỉa ra toàn thức ăn không tiêu.
- Đại trường tiết, là sau khi ăn xong, đau bụng mắc ỉa.

- Tiểu đường tiết, là đi cầu ra máu mủ.

- Đại hà tiết, là chứng đi ly mót rặn.

- Xôn tiết, là ỉa ra phân sống do tỳ có bệnh.

- Vụ đường, là ỉa ra phân có lẫn nước, do đại trường có hàn (ỉa cứt cò).

- Trường cấu, là đi ly do chất nhầy do đại trường có nhiệt.

- Tỳ ước, là chứng đi cầu ra phân cứng, do tỳ khí hư, tân dịch khô rút.

Năm chứng cách là: lo, giận, nóng, lạnh, khí.

Năm chứng nghẹn là: lo, nghỉ, nhọc, ăn, khí.

Chín khí là: Mừng, giận, lo, nghỉ, thương, sợ, kinh, nhọc, lạnh, nóng.

Năm chứng tích là: do ngũ tạng sinh ra.

- Can tích ở cạnh sườn bên trái, gọi "Phi khí"

- Phế tích ở cạnh sườn bên phải, gọi "Tức bôn"

- Thận tích ở dưới rốn, gọi "Bôn đồn"

Sáu chứng tụ là do phục phủ sinh ra.

Năm chứng đản là: Hoàng hãn, tửu đản, cốc đản, hoàng đản, nữ lao đảng.

Ngũ luân là: phong luân, huyết luân, nhục luân, khí luân, thủy luân.

Bát quách là: thiên, địa, thủy, hỏa, phong, lôi, sơn, trạch.

Năm chứng anh là: Nhục anh, Cân anh, Khí anh, Thạch anh.

Sáu chứng lựu là: Cốt lựu, Chi lựu, Nhục lựu, Thạch lựu, Nung lựu, Huyết lựu.

Chín loại thống (đau bụng) là: ẩm thống, thực thống, phong thống, lãnh thống, nhiệt thống, quỳ thống, trùng thống, khứ lai thống.

Bảy chứng sán: là hàn sán, thủy sán, cân sán, huyết sán, khí sán, hồ sán, đồi sán.

Bệnh ở tam tiêu phần nhiều thuộc huyết hư, chứng thượng tiêu, thuộc phế, trung tiêu thuộc tỳ, hạ tiêu thuộc thận.

Năm chứng lâm là: khí lâm, sa lâm, huyết lâm, cao lâm, lao lâm.

Năm chứng trĩ là: Tần trĩ, Mẫu trĩ, Huyết trĩ, Mạch trĩ, Trường trĩ.

Năm chứng tý là: Bì tý, mạch tý, cốt tý, cân tý, cơ tý. lại có các chứng Thống tý, hành tý, chu tý.

- Thống tý là chứng gân cốt đau nhức.

- Trước tý là chứng đau một chỗ cố định.

- Hành tý là chứng đau chạy chỗ này ra chỗ khác.

- Chu tý là chứng đau nhức khắp mình mẩy.

Thận truyền hàn sang tỳ thành ung nhọt, thiếu hơi.

Tỳ truyền hàn sang can thì thành ung nhọt co gân.

Can truyền hàn sang tâm thì phát cuồng, trong ngực nghẽn tắc.

Tâm truyền hàn sang phế thời thành chứng phế tiêu đái đường, phế tiêu thì uống nước 1 phần, đi đái ra gấp hai, chết không chữa được.

Phế truyền hàn sang thận là chứng dũng thủy chứng này do thủy khí động ở đại trường, ấn vào bụng không rắn, đi nhanh thì có tiếng lọc ọc, như nước đựng trong cái túi, là bệnh thủy khí.

Tỳ truyền nhiệt sang can thì thành chứng kinh sợ, đổ máu mũi.

Can truyền nhiệt sang tâm thì chết.

Tâm truyền nhiệt sang phế, thì thành chứng cách tiêu.

Phế truyền nhiệt sang thận thành ra chứng nhu xí.

Thận truyền nhiệt sang tỳ thì sinh hư tổn, nếu đi lỵ thì chết không chữa được.

Bào lạc truyền nhiệt xuống bàng quang thì đái không thông hoặc đái ra máu.

Bàng quang truyền nhiệt lên Tiểu trường thì đường ruột bị nghẽn, đại tiện không thông, nhiệt khí bốc lên mà sưng lở miệng.

Tiểu trường truyền nhiệt sang đại trường thì nóng kết lại không tan thành chứng "phục hà" hoặc chứng trĩ.

Đại trường truyền nhiệt lên vị làm cho người ăn nhiều hơn mà gầy mòn gọi là "thực diệc" (8).

Vị truyền nhiệt sang đởm cũng sinh ra chứng thực diệc.

Đởm truyền nhiệt lên não thì trong mũi cảm thấy cay rát mà thành chứng Tỵ uyên (1) chứng này chỉ chảy nước mũi đục ra không ngừng.

CÁCH PHÂN BIỆT BỆNH THUỘC ÂM DƯƠNG

Bệnh thuộc dương thì ban ngày tăng lên, ban đêm yên tĩnh, đó là dương bệnh thái quá, khí bệnh mà huyết không bị bệnh.

Bệnh thuộc âm thì đêm đến là tăng lên, ban ngày yên tĩnh, đó là âm bệnh thái quá, huyết bị bệnh mà khí không bị bệnh.

Ngày phát sốt đêm yên tĩnh là dương khí tự vượng ở phần dương.

Ngày yên tĩnh đêm phát sốt phiền táo là dương khí hãm vào trong âm phận, gọi "nhiệt nhập huyết thất" (2).

Ngày phát sốt phiền táo, đêm cũng phát sốt phiền táo, đó là chứng "trùng dương" không có âm. Chữa cần tả ngay phần dương, bổ mạnh phần âm.

Đêm sợ lạnh ngày yên tĩnh, là âm huyết tự vượng ở phần âm.

Ngày yên tĩnh đêm sợ lạnh, là âm huyết tràn lên phần dương.

Đêm sợ lạnh ngày cũng sợ lạnh là "trùng âm" không có dương, chữa cần tả ngay phần âm, bổ mạnh phần dương.

Ngày thì sợ lạnh, đêm thì phiền táo, không ăn uống được gọi là "âm dương xáo lẫn" thì chết.

Hỏa nhiều thủy ít, là dương thực âm hư, phát ra bệnh nhiệt.

Thủy hỏa nhiều ít là âm thực dương hư, phát ra chứng hàn.

Sắc da trắng là phế khí hư suy.

---

(1) Tỵ uyên, nay gọi Viêm mũi mủ, do đởm nhiệt phế nhiệt.

(2) Nhiệt nhập huyết thất: Đàn bà khi đang hành kinh mà bị cảm, nhiệt tà với huyết xuất hiện bệnh chứng bụng dưới hoặc ngực sườn đầy rắn, nóng rét qua lại, nói bậy nói bạ thần chí khác thường.

Sắc da đen là thận khí đầy đủ.

Người béo thì thấp nhiều, người gầy thì hỏa nhiều.

Chữa bệnh phải phân biệt mà dùng thuốc.

Bệnh ở biểu thì dùng phép hãn mà phát tán ra.

Bệnh ở lý thì dùng phép hạ để tống độc ra.

Bệnh ở trên cao thì nhân thế đó mà làm cho vượt lên (thổ).

Tà khí mạnh dữ thì lên xoa bóp mà thu liễm lại.

Tạng hàn, hư thoát, thì nên chữa bằng cách cứu mồi ngải.

Mạch bị co rút và đau thì chữa bằng cách châm kim,

Chứng huyết thực kết đọng sưng nóng thì chữa bằng cách chích lể. Chứng khí trệ chân tay mền yếu giá lạnh nóng rét thì chữa bằng phép đạo dẫn.

Kinh lạc không thông sinh chứng tê dại cấu không biết đau, thì chữa bằng thuốc giấm rượu.

Huyết khí ngừng đọng phát bệnh ở gân mạch thì chữa bằng cách chườm.

Người ta có thể bước đi lại khỏe là vì cớ huyệt tủy hội tức tuyệt cốt (1).

Vai có thể gánh nặng được là vì có huyệt cốt hội tức huyệt Đại trữ (2).

Người già nằm mà không ngủ được, đó là khí có dư mà huyết không đủ.

Người trẻ khỏe hay ngủ mà không thức, đấy là huyết có dư mà khí không đủ.

Người trước giàu sau nghèo thường nhiều uất hỏa.

Người trước nghèo sau giàu thường mừng mà hại tâm.

Khai quỹ môn là thường làm cho phát hãn.

Khiết tĩnh phủ là làm thông tiểu tiện.

Người trẻ khỏe mới mắc bệnh thì công tà làm chủ yếu.

Người già yếu đã ốm lâu thì bổ hư làm trước tiên.

Điều lý tỳ vị là đường lối chính trong nghề làm thuốc.

Dè dặt ăn uống là phương pháp hay đẩy lùi bệnh tật.

Trông mà biết được gọi là thần, tức là trông 5 sắc để biết bệnh bên trong mà điều trị.

Nghe mà biết được gọi là thánh, tức là nghe 5 âm thanh của bệnh nhân để biết căn nguyên của bệnh mà cứu chữa.

Hỏi mà biết được gọi là công, tức là hỏi bệnh nhân ưa thích vị gì để biết được chỗ khởi phát của bệnh.

Xem mạch mà biết được gọi là xảo, là xem mạch để biết được bệnh tốt xấu nặng nhẹ.

Bệnh ngoại cảm thì học cách chữa theo Trương Trọng Cảnh.

Bệnh nội thương thì học cách chữa của Lý Đông Viên.

Nhiệt bệnh thì học cách chữa của Lưu Hà Gian.

Tạp bệnh thì học phép chữa của Chu Đơn Khê, vì Đơn Khê chữa tạp bệnh giỏi.

---

(1) Tuyệt cốt tức. Huyền chung, trên mắt cá chân ngoài ba thốn.

(2) Đại trữ. Dưới xương sống cổ 1 đốt (cau lưng) ngang ra mỗi bên 1 phân rưỡi.

Phải biết rõ 3 chứng cảm, trúng, thương, để phân biệt tiêu bản nặng nhẹ ra sao.

Phải hiểu rõ 3 nguyên nhân nội ngoại và bất nội ngoại nhân để phân biệt biểu lý hư thực thế nào?

Phải xét trước vận khí của mỗi năm, đừng công phạt cái khí thiên hòa.

Trời đất có phương Nam, phương Bắc khác khí hậu, thân người có người hư kẻ thực khác thể chất, thầy thuốc cần phân biệt cho kỹ.

Biến hóa mà sáng chế, cốt ở sự biến thông.

Mầu nhiệm mà sáng láng cốt ở người làm thuốc.

Làm thuốc là kế tục sự nghiệp của các bậc tiên, thánh Thần nông, Hoàng đế Kỳ Bá.

Học sách phải suy rộng tấm lòng nhân nghĩa của Khổng Mạnh.

Đó là những lý luận xác đáng của tiên thánh nay thuật làm phương châm cho người hậu học noi theo.

TẠNG PHỦ VÀ KINH LẠC

A - HÌNH TRẠNG CỦA NGŨ TẠNG LỤC PHỦ (1)

Can :

Nặng 4 cân 4 lạng. Bên trái 3 lá, bên phải 4 lá, cộng 7 lá.

Can tàng hồn, thuộc hành mộc, thịnh về mùa xuân.

Mạch của can là huyền.

Vị của can là chua.

Ngoài ứng với mắt.

Tâm :

Nặng 12 lạng. Trong có 7 lỗ, 3 lông (?) đựng nước tinh 3 cáp.

Tâm tàng thần, thuộc hành hỏa, thịnh về mùa hạ.

Mạch của tâm là câu (hồng).

Vị của tâm là đắng.

Ngoài ứng với lưỡi.

Tỳ :

Nặng 2 cân 3 lạng, hình dẹt, dài 5 thốn, có mỡ chài nặng nửa cân.

Tỳ chủ bọc huyết, làm ấm ngũ tạng.

Tỳ tàng ý, thuộc hành thổ, vượng về 4 tháng cuối qui.

Mạch của tỳ là hoãn.

Vị của tỳ là ngọt.

Ngoài ứng với miệng.

---

(1) In ở Hồng Nghĩa giác tư y thu quyển thượng từ năm 1717.

Phế :

Nặng 3 cân 3 lạng, có 6 lá, 2 tai, gồm 8 lá (?).

Phế tàng phách, thuộc hành kim, thịnh về mùa thu.

Mạch của phế là mao.

Vị của thế là cay.

Ngoài ứng với mũi.

Vỏ 2 quả, nặng 1 cân 1 lạng.

Thận :

Thận tàng chí, thuộc hành thủy, thịnh về mùa đông.

Mạch của thận là thạch (trầm).

Vị của thận là mặn.

Đảm :

Ở khoảng lá gan ngắn, nặng 3 lạng 3 thủ, chứa nước mật 3 cáp.

Người mật đầy thì anh hùng, mật lưng thì nhát nhát.

Vị :

Nặng 2 cân, 14 lạng, vòng cong, co giãn, dài 2 xích thốn. tp. 1 xích thốn 5 thốn, đường kính 5 thốn, đừng cơm 5 đấu, nước 1 đấu 5 thăng.

Tiểu trường :

nặng 2 cân 14 lạng, dài 3 trượng 2 xích, rộng 2 thốn rưỡi, đường kính 8 phân và non nửa phân, quanh về bên trái, 16 khúc (?), đựng cơm 2 đấu 4 thăng, nước 4 thăng 3 vốc và già nửa vốc.

Đại trường :

Nặng 2 cân 12 lạng, dài 2 trượng 1 xích, rộng 4 thốn, đường kính 2 thốn, ngang vùng rốn, quanh về bên phải, gấp 16 khúc (?), đựng cơm 1 đấu, nước 7 thăng rưỡi.

Bàng quang :

Nặng 9 lạng 2 thù, dài 9 thốn rộng 2 thốn rưỡi, đựng nước tiểu 9 thăng 9 chung.

Môi đến răng dài 9 phân, răng trở về phía sau đến hội yểm, sâu vào 3 thốn rưỡi, dung tích 5 chung.

Lưỡi nặng 10 lạng, dài 7 thốn, rộng 2 thốn rưỡi.

Họng ăn nặng 10 lạng, rộng 3 thốn rưỡi.

Họng thở nặng 12 lạng, rộng 7 thốn, dài 1 xích 2 thốn, có 9 đốt.

Giang môn (hậu môn) nặng 12 lạng, rộng 3 thốn, đường kính 2 thốn và già nửa thốn, dài 2 xích 8 thốn, chứa cặn bã chất ăn 9 thăng 3 chung và 1/8 chung.

B - MƯỜI HAI KINH MẠCH VỚI THUỐC QUY KINH

1) CA VỀ KINH MẠCH THỦ THÁI ÂM PHẾ

Đường kinh mạch Thủ Thái âm "Phế",
Khởi đầu từ giữa vị (trung tiêu), đi ra
Xuống, liên lạc với ruột già (đại trường)
Quanh lên vị khẩu gọi là Bí môn (1)
Xuyên chẻn đừng lên luôn cuống phổi,
Từ chỗ hầu rẽ lối ngang ra,
Theo giữa nách, cánh (tay) đi qua,
Khuỷu, cẳng, thốn khẩu, dần dà trấy tay (ngư tế)
Từ đấy thẳng ra ngay ngón cái,
Gốc ngón tay về mái bên trong
Một chi từ cổ tay trong,
Rẽ ra ngón trỏ hợp cùng Dương minh,
Vốn là kinh khí nhiều hơn huyết,
Thị động (2) sưng phổi, hõm vai đau,
Mắt mờ ho suyễn khốn sao.
Hai tay bắt chéo, ôm vào ngực ngay.
Sở sinh (3) bệnh thì hay ho suyễn,
Cánh tay đau, tiểu tiện đi luôn,

---

(1) Bí môn: Vị khẩu đều là tên gọi chỉ vùng thượng vị ngại sự vận hành của khí, khiến cho khí phải biến động khác thường mà sinh bệnh.

(2) Thị động: Kinh mạch này bị xúc động.

(3) Sở sinh bệnh: Bệnh chứng phát sinh từ kinh mạch này (dĩ hạ).

Lòng bàn tay nóng phiền buồn,
Miệng thì khát nước, ngực luôn luôn đầy,
Khí hư lạnh lưng vai, đau đớn,
Khí thịnh đau, phong đỡn mồ hôi,
Thiếu hơi thở, ngáp, vươn vai,
Luôn luôn trung tiện, đái thay đổi màu.

Thuốc bổ tả ôn lương đối với tạng phế

- **Bổ:** Nhân sâm, Hoàng kỳ, Thiên môn đông, A dao, Tử uyển, Hoài sơn, Qua lâu, Ngũ vị tử, Mạch môn đông, Bách bộ, Bạch giao, Bạch linh, Mã dâu linh, Sa sâm.

- **Tả:** Đình lịch, Phòng phong, Chỉ thực, Bính lang, Tang bạch bì, Thông thảo, Trạch tả,, Hổ phách, Xích phục linh, Tô diệp, Ma hoàng, La bạc tử, Hạnh Nhân.

- **Ôn:** Can khương, Sinh khương, Nhục quế, Mộc hương, Bạch đậu khấu, Tô tử, Bán hạ, Quất hồng, Hồ tiêu, Xuyên tiêu.

- **Lương:** Phục linh, Sơn chi tử, Cát cánh, Thạch cao, Tỳ bà diệp, Huyền sâm, Bối mẫu, Thanh đại, Linh dương giác, Trúc lịch.

- **Thuốc dẫn kinh:** Bạch chỉ, Thăng ma, Hành trắng.

Kiêng khem ăn uống đối với bệnh phế Sách Giáp ất kinh nói: Bệnh về phế, nên ăn gạo tẻ, ăn thịt gà, hạt đào, ăn hành, nên ăn đồ cay. Kiêng ăn đồ đắng.

2) KINH MẠCH THỦ DƯƠNG MINH ĐẠI TRƯỜNG

Thủ Dương minh Đại trường phải rõ,
Khởi đầu Ngón trỏ huyệt Thương dương,
Lên Hợp cốc giữa khẽ xương,
Theo cánh vào khuỷu thẳng đường bàn tay,
Lên trụ cốt chỏm vai rồi lại
Từ chóm vai xuống mãi khuyết bồn,
Từ đấy xuống lạc phế luôn,
Xuyên qua hoành cách (mạc) thuộc con ruột già,
Khuyết bồn lại phân ra chi nữa,
Đi ngược lên cổ, má, hàm răng (dưới)
Nhân trung tả hữu trèo chằng,
Đi lên mé mũi, Tạm ngừng Nghinh hương,
Kinh này huyết khí thường đều thịnh,
Thị động sinh sưng cổ, đau răng,
Sở sinh hầu tắc mặt vàng,
Mũi thường chảy máu, miệng thời khô khan,

Ngón cái trỏ khó khăn cử động,

Vai ngoai, cánh đều cũng nhức đau,

Khí hư run rét dai lâu,

Thực (khí thực), đường mạch tới sưng đau nóng bừng.

Thuốc bổ tả ôn lương đối với bệnh đại trường

- **Bổ:** Túc xác, Mẫu lệ, Mộc hương, Liên tử, Nhục đậu khấu, Kha tử, Ngũ bội tử, Long cốt, Trăn tử (1), Đường cát, Gạo nếp, Mật ong, quả cọ.

- **Tả:** Đại hoàng, Mang tiêu, Khiên Ngưu, Ba đậu, Chỉ thực, Đào nhân, Binh lang,, Thông bạch, Hạt mè, Tục tùy tử quả ngút.

- **Ôn:** Nhân sâm, Can khương, Nhục quế, Ngô thù du, Bán hạ, Sinh khương, Hồ tiêu, Đinh hương, Gạo tẻ, Xích thạch chi.

- **Lương:** Điều cầm, Hoè hoa, Hoàng liên, Đại hoàng, Hồ Hoàng liên, Chi tử, Liên kiều, Mang tiêu, Khổ sâm, Thạch cao.

- **Thuốc dẫn kinh:** Cát căn, Thăng ma, (đi lên) Bạch chỉ, Thạch cao (đi xuống).

3) KINH MẠCH TÚC DƯƠNG MINH "VY"

Túc Dương minh khởi từ sống mũi,

Theo ngoài mũi xuống tới hàm răng,

Quanh mồm giao tại Thừa tương

Ra Đại nghinh lại thẳng đường Giáp xa,

Lên trước tai, đi qua đuôi mắt,

Ven mi tóc sang tắt Thiên đình,

Một chi từ huyệt Đại nghinh,

Rồi đi thẳng xuống Nhân nghinh, Khuyết bồn,

Xuống chẻn dừng,, thuộc luôn vị phủ,

Liên lạc vào tới chỗ con Tỳ,

Khuyết bồn mạch thẳng vẫn đi,

Qua giữ vú xuống rồi thì Khí xung,

Một chi nữa từ trong vị khẩu (u môn)

Qua bụng rồi cùng tới Khí xung,

Hai chi tới đó hợp cùng,

Rồi đi thẳng xuống tới vùng Bễ quan,

Qua Phục thố rồi sang đầu gối,

Qua ống chân dồn tới Lệ đoài,

Mé ngoài đầu ngón thứ hai

(1) Trăn tử: Hạt giẻ.

Chi Tam lý xuống phía ngoài ngón ba,
Chi mu chân rẽ ra ngón cái.
Đầu ngón này tiếp với Thái âm.
Kinh nhiều khí huyết chớ lầm,
Thị động vươn, ngáp, trán sần sẩm đen.
Gai rét, thấy người liền kinh sợ.
Hễ chợt nghe tiếng gỗ (khua) bàng hoàng,
Có khi cởi áo chạy cuồng,
Có khi hát xướng ầm vang leo trèo,
Nặng hơn, bụng sôi reo khôn xiết,
Chứng nó gọi "Cán quyết" không sai,
Sở sinh cuồng sốt rét thay.
Mũi thường chảy máu, mình đầy mồ hôi.
Họng đau, miệng méo, môi giộp, nứt.
Đầu gối đau bụng kết đầy lên.
Khí nhai, Phục thố hai miền.
Bàn chân ngón giữa đều liền nhức đau.
Khi thực, ăn đói mau, đái đỏ.
Phía tước người móng đỏ chẳng sai.
Khí hư phần trước lạnh thay.
Ăn không tiêu được, bụng đầy khốn sao.

Thuốc bổ tả ôn lương đối với kinh mạch vị

- **Bổ:** Bạch truật, Nhân sâm, Hoàng kỳ, Liên tử, Chích thảo, Khiếm thực, Hoài sơn, Trần bì, Bán hạ, Mật ong, Đường cát, Quả vải, Quả măng cầu ta, quả Táo gai, quả Chua chát, Mạch nha, Trần khúc.

- **Tả:** Đại hoàng, Mang tiêu, Khiên ngưu, Ba đậu, Chỉ thực, Chỉ xác, Hậu phác, Tam lăng, Nga truật.

- **Ôn:** Phụ tử, Nhục quế, Can khương, Sinh khương, Đinh khương, Mộc hương, Hoắc hương, Sa nhân, Ích trí, Hương phụ, Xuyên khung, Hồ tiêu, NHục đậu khấu, Thảo đậu khấu, Bạch đậu khấu, Ngô thù du, Tân di, Hương nhu, Gạo nếp, các thứ đường.

- **Lương:** Thạch cao, Sơn chi tử, Đại hoàng, Huyền minh phấn, Hàn thủy thạch, Hoàng liên, Hoàng cầm, Tri mẫu, Sinh địa, Thạch hộc, Ngọc tiết (?), Liên kiều, Hoạt thạch, Cát căn, Lô căn.

- **Thuốc dẫn kinh:** Cát căn, Thăng ma, Bạch chỉ, (đi lên Thạch cao (đi xuống).

- **Kiêng khem ăn uống đối với bệnh vị:** Phi lại tử nói: "Hư hàn thì nên ăn đồ cay ngọt, kiêng ăn đồ đắng. Thực nhiệt nên ăn đồ đắng nhạt, kiêng ăn đồ ngọt".

4) KINH MẠCH TÚC THÁI ÂM TỲ

Túc Thái âm tỳ kinh phải rõ.
Từ ngón chân cái nọ phía trong.
Qua hạch cốt (1) mắt cá trong.
Bắp chân đầu gối ngược dòng đi lên.
Phía trong đùi lên trên bụng nọ.
Thuộc vào tỳ vị phủ lại liên,
Qua cách hầu lưỡi tản liền.
Chi kia từ vị tới miền tâm cung.
Chi này ít huyết mà nhiều khí
Thị động sinh nơi vị quản đau.
Thường khi ăn trước mửa sau.
Lại thêm mình mẩy nhức đau không sờn.
Cuống lưỡi cứng, ợ hơi bụng cứng,
Đại tiện rối các chứng đỡ ngay.
Sở sinh cuốn lưỡi đau thay.
Cũng không ăn được, mình hay nặng nề.
Tâm buồn bực, bụng thì đau xiết.
Sốt rét hay đi kiết, da vàng.
Nằm chẳng yên cổ đứng càng
Gối đùi sưng, ngón cái thường bị tê.

Thuốc bổ tả ôn lương đối với tạng tỳ

- **Bổ:** Nhân sâm, Bạch truật, Hoàng kỳ, Cam thảo, Hoài sơn, Khiếm thực, Trần bì, Tửu nhược, Thăng ma, Sài hồ sao, Tần giai, Câu kỷ, Bạch linh, Mật ong, Đường cát, Mía ngọt, Thịt bò.

- **Tả:** Chỉ xác, Chỉ thực, Ba đậu, Đình lịch, Thanh bì, Đại hoàng, Sơn tra, Trần khúc, Mạch nha, Phòng phong.

- **Ôn:** Đinh hương, Mộc hương, Can khương, Phụ tử, Quan quế, Sa nhân, Đậu khấu, Xuyên khung, Ích trí, Ngô thù du, Hồ tiêu, Hoa tiêu, Hoắc hương, Lương khương, Hồng đậu khấu, gạo nếp, gạo tẻ, rượu ngọt.

- **Lương:** Hoàng liên, Liên kiều, Hoàng cầm, Đại hoàng, Hàn thủy thạch, Thạch cao, Mang tiêu, Dưa hấu, Đậu xanh, Khổ trà, Huyền minh phấn.

- **Thuốc dẫn kinh:** Thăng ma tẩm rượu, Bạch thược.

- **Kiêng khem:** Giáp Ất kinh nói: Bệnh tỳ nên ăn gạo tẻ, thịt bò, nên ăn đồ ngọt, kiêng vị chua.

---

(1) Hạch cốt: xương bàn chân thứ nhất.

5) KINH MẠCH THỦ THIÊU ÂM TÂM

Thủ Thiếu âm từ tâm hệ khởi
Qua chẻn dừng thông với ruột non (tiểu trường)
Chi từ tâm hệ đi luôn,
Thẳng lên đầu họng tới con mắt này.
Chi thẳng tâm ra ngay phế hệ.
Ra nách rồi xuống chỗ cánh tay.
Xuôi Thiếu hải ở ngay đầu khuỷu.
Nhuệ Cốt đường ra kéo thẳng dòng.
Đầu ngón út huyệt Thiếu xung
Thái dương kinh ấy lại cùng hội giao.
Kinh này ít huyết nhiều phần khí.
Thị động sinh bệnh khá gay go.
Bụng đau cổ họng lại khô.
Miệng thường khát nước tha hồ uống luôn.
Sở sinh bệnh đau sườn vàng mắt
Phía trong tay lạnh ngắt hoặc đau.
Lại còn đặc điểm như sau.
Lòng bàn tay nóng, thuộc vào tâm kinh.

Thuốc bổ tả ôn lương đối với bệnh tâm

- **Bổ:** Nhân sâm, Thiên trúc hoàng, Kim tiết, Ngân tiết, Mạch môn, Viễn chí, Hoài sơn, Xuyên khung, Đương quy, Linh dương giác, Hồng hoa, muối rang.

- **Tả:** Chỉ thực, Đình lịch, Khổ sâm, Bối mẫu, Huyền hồ sách, Hạch nhân, Uất kim, Hoàng liên, Tiền hồ, Bán hạ.

- **Ôn:** Hoắc hương, Mộc hương, Trầm hương, Nhũ hương, Tô tử, Thạch xương bồ.

- **Lương:** Hoàng liên, Ngưu hoàng, Trúc điệp, Tri mẫu, Sơn chi tử, Liên kiều, Trân châu, Huyền minh phấn, Bối mẫu, Tê giác.

- **Thuốc dẫn kinh:** Độc hoạt, Tế tân.

- **Kiêng khem:** Giáp ất kinh nói: Bệnh về tâm, nên ăn lúa mạch, thịt dê, quả mơ, rau hẹ, nên ăn đồ đắng, kiêng ăn đồ mặn.

6) KINH MẠCH THỦ THÁI DƯƠNG "TIỂU TRƯỜNG"

Thủ thái dương tiểu trường kinh mạch,
Đầu ngón út Thiếu trạch đi ra.

Phía ngoài ngón út dần dà.
Qua xương nhuệ cốt tới đà cánh tay,
Lên khuỷu cánh phía ngoài bắp thịt.
Thẳng lên vai quanh khít bả vai,
Vào khuyết bồn lại rẽ hai
Chi thời đi xuống, chi thời đi lên,
Chi đi xuống vào liên tâm tạng,
Qua chẻn dừng vị thẳng ruột non,
Chi lên cũng tự khuyết bồn,
Đi xuyên cổ, má, mặt, dồn vào tai.
Một chi lại từ nơi má nọ.
Theo mũi lên mắt, chỗ khoé trong,
Chếch ra gò má một cung,
Chỗ đầu con mắt hợp cùng thái dương.
Thi động đau họng, thường sưng má,
Cổ khó quay, đau cả cánh, vai
Sở sinh vàng mắt, điếc tai,
Má hàm sưng nhức phía ngoài cánh tay.

Thuốc ôn lương bổ tả đối với bệnh tiểu trường

- **Bổ:** Mẫu lệ, Thạch hộc, Cam thảo.
- **Tả:** Hải kim sa, Đại hoàng, Tục tùy tử, Thông bạch, Lệ chi, Tử tô.
- **Ôn:** Ba kích, Hồi hương, Đại hồi, Ô dược, Ích trí nhân.
- **Lương:** Mộc thông, Hoàng cầm, Hoàng bá, Hoạt thạch, Sơn chi tử, Mao căn, Xa tiền tử, Trư linh, Trạch tả, Mang tiêu.
- **Thuốc dẫn kinh:** Cảo bản, Khương hoạt, (đi lên) Hoàng bá (đi xuống).

7) KINH MẠCH THỦ THÁI DƯƠNG "BÀNG QUANG"

Túc thái dương từ đầu mắt nọ,
Lên trán dần tới chỗ đỉnh đầu (xoáy thượng)
Ở đây có nhánh qua đầu,
Đi từ xoáy thượng rẽ vào góc tai,
Chi chính liên lạc ngay vào não,
Hướng phía sau thuận nẻo thẳng xuôi,
Tới nơi Thiên trụ phân đôi,
Cả hai đi xuống theo đòi sống lưng,
Chi trong tới eo lưng rồi lặn,

Vào sâu kiên lạc thận thuộc bàng,
Chi này ra xuống Hội dương,
Xuyên mông chếch xuống huyệt rằng Uỷ trung.
Còn chi nữa từ trong Thiên trụ,
Đi chếch ra ngang chỗ bả vai,
Cùng chi trước đóng hàng hai,
Xuống mông thì rẽ nơi này "Bễ khu"
Đến giữa nhượn cùng nhau hợp lại,
Xuyên bụng chân ra mắt cá ngoài,
Rồi theo kinh cốt phía ngoài,
Tới đầu ngón út hợp rày Thiếu âm.
Về khí huyết phải tìm mà biết,
Chính kinh này khí ít huyết nhiều
Thị động đầu nhức xiết bao,
Eo lưng tợ gãy, cổ đau lạ thường
Đùi đau suốt cả sống lưng,
Gối như kết lại, bắp xương như dần,
Chứng "Khóa quyết" hai gân đã thế,
Sở sinh ra ngược, trĩ, điên cuồng,
(mỏ) ác đau gáy nhức mắt vàng,
Nước mắt máu mũi lại thường chảy ra,
Phàm các chỗ mạch đi qua đó,
Suốt từ đầu đến chỗ ngón chân,
Lưng, mông, nhượn, gót đau dần,
Ngón chân út liệt không phần ngo ngoe.

Thuốc bổ tả ôn lương đối với bàng quang

- **Bổ:** Hạt quít, Long cốt, Tục đoạn, Xương bồ, Ích trí nhân, Hoàng cầm.

- **Tả:** Mang tiêu, Trư linh, Trạch tả, Hoạt thạch, Xa tiền tử, Cù mạch, Mộc thông, rễ hoa Hiên.

- **Ôn:** Hồi hương, Nhục quế, Ô dược, Trầm hương, Tất trưng giả, Sơn thù du.

- **Lương:** Hoàng bá, Tri mẫu, Phòng kỷ, Hoạt thạch, Địa phụ tử, Cam thảo, Thạch cao, Sinh địa hoàng.

- **Thuốc dẫn kinh:** Cảo bản, Khương hoạt (đi lên) Hoàng bá (đi xuống).

8) KINH MẠCH TÚC THIẾU ÂM THẬN

Túc Thiếu âm thận kinh mạch khởi,
Ngón chân út xuống tới Dũng tuyền
Dưới xương Nhiên cốt đi ven,
Qua mắt cá gót, bắp liền tới khoeo (nhượn),
Từ nhượn lên thẳng theo trong vế,
Suống sống lưng liên hệ thận bàng (quang)
Mạch thẳng tới tận xuyên can,
Qua cách (Mô) phổi họng thiệt căn rõ ràng,
Chỉ ở phổi liền sang tâm bộ,
Tới ngực thì mức độ mạch sâu,
Kinh này huyết khí thế nào?
Khí thì nhiều thế, huyết sao ít vầy?
Thị động có chứng này bụng đói,
Mà thấy cơm chán ngấy chẳng ăn,
Nhổ ho ra máu nhiều lần,
Khò khè suyễn thở nhọc nhằn chẳng yên,
Ngồi chực dậy, mặt đen, hoa mắt,
Dường như người chực bắt sợ sàng,
Trong lòng cảm thấy bâng khuâng,
Y là "cốt quyết" rõ ràng chẳng sai,
Sở sinh, những chứng này phải rõ,
Miệng lưỡi khô trong cổ họng đau,
Khí uất ngược, dạ như bào,
Sinh ra đi ỉy, bụng đau, da vàng,
Đùi, xương sống lại thường đau nhức,
Chân lạnh mềm không sức, hay nằm,
Dưới chân đau nóng râm râm,
Ấy là "thận quyết" chẳng lầm mảy may.

Thuốc bổ tả ôn lương đối với Kinh thận

- **Bổ:** Tri mẫu, Hoàng bá, Sinh địa, Thục địa, Quy bản, Hổ cốt, Toả dương, Phúc bồn tử, Ngưu tất sao, Đỗ trọng sao, Hoài sơn, Lộc nhung, Câu kỷ, Đương quy, Nhục thung dung, Sơn thù du.

- **Tả:** Trư linh, Trạch tả, Hổ phách, Bạch phục linh, Mộc thông.

- **Ôn:** Phụ tử, Can khương, Nhục quế, Trầm hương, Phá cố chỉ, Bá tử nhân, Ô dược, Lưu

hoàng, Chung nhũ thạch, Hổ lô ba, âm hành ngựa bạch, thịt chó, Dương khởi thạch, các thứ rượu, tôm cá, Ngũ vị tử, Ba kích thiên.

- **Lương:** Hoàng bá, Tri mẫu, Sinh địa, Địa cốt bì, Mẫu đơn bì, Huyền sâm.

- **Thuốc dẫn kinh:** Độc hoạt, Nhục quế, muối ăn, rượu.

- **Kiêng khem:** Giáp ất kinh nói: Người có bệnh thận nên ăn đậu đen, đậu trắng, thịt heo, ăn gạo, ăn rau Hoắc. Nên ăn đồ mặn, kiêng ăn đồ ngọt.

9) KINH MẠCH THỦ QUYẾT ÂM TÂM BÀO LẠC

Thủ Quyết âm khởi từ giữa ngực,
Thuộc vào tâm bào lạc ra đi,
Xuyên qua chỗ chén dừng kia,
Xuống bụng liên lạc ấy thì tam tiêu,
Chi từ ngực xế vào sườn nọ,
Lên nách rồi tới chỗ cánh tay,
Giữa hai kinh tâm phế này,
Tới ngón tay giữa huyệt rày trung xung.
Một chi từ huyệt lao cung.
Ra ngón tay áp tiếp cũng thiếu dương
Kinh này ít khí, thường nhiều huyết,
Thị động sinh nóng rát bàn tay,
Cánh co rút, nách xưng ngay,
Nặng thì sườn ngực trướng đầy thẳng căng,
Ngực thình thịch, mặt bừng bừng đỏ,
Thích cười luôn mặt nọ lại vàng,
Sở sinh đau bụng lạ thường,
Lòng bàn tay nóng ruột thường nôn nao.

Thuốc bổ tả ôn lương đối với Tâm bào lạc

- **Bổ:** Hoàng kỳ, Nhân sâm, Nhục quế, Nhục thung dung, Hổ lô ba, Lộc huyết, Trầm hương, Thỏ ty tử, Phá cố chỉ, Thịt chó, các thứ rượu.

- **Tả:** Đại hoàng, Mang tiêu, Chỉ xác, Hoàng bá, Sơn chi tử, Ô dược.

- **Ôn:** Phụ tử, Can khương, Nhục quế, Trầm hương, Hải cẩu thận, Xuyên khung, Ích trí, Đậu khấu, Bổ cốt chỉ, thịt chó, Hồi hương, Lưu hoàng, Ô dược, Chung nhũ thạch, Bá tử nhân, rượu đốt (cồn).

- **Lương:** hoàng bá, Tri mẫu, Hoàng liên, Hoàng cầm, Sơn chi tử, Sài hồ, Thạch cao, Hoạt thạch, Tuyết mùa đông, Huyền minh phấn, Hàn thủy thạch.

- **Thuốc dẫn kinh:** Sài hồ, Xuyên khung (đi lên), Thanh bì (đi xuống).

10) KINH MẠCH THỦ THIẾU DƯƠNG TAM TIÊU

Thủ thiếu dương Tam tiêu nên biết,
Ngón gáp dây khởi huyệt Quan xung,
Về phía ngón út thẳng dong.
Kẽ xương hai ngón ngược dòng cẳng tay.
Qua khuỷu cánh ngay lên vai đó,
Gặp thiếu dương kinh nọ cắt ngang.
Vào khuyết bồn tới Đản trung,
Lạc tâm bào cách mô cung xuyên qua.
Chỉ ở Đản trung ra tới khuyết (bồn)
Thẳng vai tên tới huyệt trên tai.
Lại đi vòng xuống má này,
Lên gần hố mắt lại đây thì ngừng.
Chỉ sau tai xuyên trong tai nọ,
Ra trước tai tới chỗ má đây,
Rồi cùng lên khóe mắt ngoài.
Lại giao tiếp với kinh này Thiếu dương.
Về khí huyết ta thường phải biết.
Trong kinh này huyết ít khí nhiều.
Thị động, tai tựa ve kêu.
Yết hầu bế tắc có chiều sưng đau.
Sở sinh chứng khía đau tai nhức.
Vai, khuỷu cánh, đau nhức khắp nơi.
Lại đau cả khóe mắt ngoài.
Ngón tay áp liệt, mồ hôi đầm đìa.

Thuốc bổ tả ôn lương đối với tam tiêu

- **Bổ:** Nhân sâm, Hoàng kỳ, Bạch truật, Cam thảo chích, Quế chi, Ích trí nhân, Hoắc hương.

- **Tả:** Chỉ xác, Chỉ thực, Thanh bì, La bặc tử, Ô dược, Thần khúc, Trạch tả.

- **Ôn:** Phụ tử, Đinh hương, Ích trí, Tiên mao, Tất trưng già, Hậu phác, Can khương, Hồi hương, Thỏ ty tử, Trầm hương, Thù du, Hồ tiêu, Bổ cốt chỉ.

- **Lương:** Thạch cao, Hoàng cầm, Hoàng liên, Tri mẫu, Sơn chi, Hoạt thạch, Mộc thông, Xa tiền tử, Long đởm thảo, Địa cốt bì.

- **Thuốc dẫn kinh:** Sài hồ, Xuyên khung (đi lên) Thanh bì (đi xuống).

11) KINH MẠCH TÚC THIẾU DƯƠNG ĐỞM

Túc thiếu dương đởm kinh hãy kể.
Khởi đầu từ chỗ khóe mắt ngoài,
Lên góc đầu, xuống sau tai,
Ngoặt đi ngoặt lại tới vai rõ ràng.
Giao kinh thủ thiếu dương ở đó,
Rồi quay đi tới chỗ Khuyết bồn.
Chỗ sau tai đó lại còn,
Một chi nhánh nữa đi luồn vào tai.
Qua tai rồi ra ngoài khóe mắt.
Lại một chỉ khóe mắt đi ra.
Đại nghinh rồi lại Giáp ra.
Xuôi chiều xuống cổ cũng ra Khuyết bồn.
Lại từ đó luồn vào ngực.
Qua chén dừng liên lạc với can
Vào đởm ven sườn bụng sang.
Khi xung, Mao tế ngang hoàn khiêu đi.
Chi thẳng hỏm vai đi xuống nách.
Qua ngực sườn, thẳng mạch hoàn khiêu.
Hợp cùng cứ thẳng một chiều.
Phía ngoài đầu gối thuận theo Lăng tuyền.
Xuống Ngoại phụ tới Huyền chung nữa.
Mắt cá ngoài đến cả mu chân.
Ngón áp ngón út cũng gần.
Khiếu âm huyệt ấy mười phần chẳng sai,
Một chi rẽ ra ngoài ngón cái.
Đầu phía ngoài giáp với ngón hai.
Rồi xuyên qua móng chân này.
Tam mao chỗ ấy tiếp rày kinh can.
Về khí huyết cũng cần phải biết.
Kinh khí nhiều mà huyết ít thay.
Thị động sinh các chứng này.
Trong mồm thì đắng lại hay thở dài.
Đau sườn bụng khó xoay khó trở.
Bệnh nặng thì mặt tựa bụi nhơ.
Phía ngoài chân nóng da khô.

Ấy là "dương quyết" phải cho rõ ràng,
Sở sinh đầu mắt thường đau nhức,
Khuyết bồn cùng hai nách sưng đau
Hay sinh Hiệp anh, Mã đao,
Chứng ngược, run rét ra nhiều mồ hôi.
Đau sườn ngực cùng nơi đầu gối,
Với bắp chân đau nói mé ngoài,
Mắt cá khớp xương khắp nơi,
Ngón chân thứ bốn (áp) đồng thời cũng đau.

Thuốc bổ tả ôn lương đối với đởm

- **Bổ:** Đương quy, Sơn thù du, Toan táo nhân, Ngũ vị tử, các thứ rượu, Hồ tiêu, Chè đồng, Thịt gà.
- **Tả:** Sài hồ, Thanh bì, Hoàng liên, Bạch thược, Xuyên khung, Mộc thông.
- **Ôn:** Can khương, Sinh khương, Nhục quế, Trần bì, Bán hạ.
- **Lương:** Hoàng liên, Hoàng cầm, Sài hồ, Trúc nhự, Long đởm thảo.
- **Thuốc dẫn kinh:** Sài hồ, Xuyên khung (đi lên) Thanh bì (đi xuống).

12) KINH MẠCH TÚC QUYẾT ÂM CAN

Túc quyết âm can kinh mạch khởi,
Chỗ cụm lông ngón cái chân này,
Mu chân huyệt Thái xung đây
Chỗ trước mắt cá độ rày 10 phân.
Trên mắt cá Thái âm gặp gỡ,
Qua nhượn chân lên chỗ trong đùi,
Vòng quanh âm khí đó rồi
Qua bụng dưới tới vị thời vào can.
Liên lạc đởm xuyên lên cánh mạc (chẽn dừng)
Ra sườn lên họng mắt thẳng đi,
Lên trán gặp Đốc mạch kia,
Một chi từ mắt quay về má, môi.
Một chi lại từ nơi can tạng,
Qua chẽn dừng rồi tới phế cung,
Cùng kinh thủ Thái âm thông,
Kinh này khí ít mà sung huyết nhiều.
Thị động bệnh thì eo lưng cứng,
Nam Sán hà, nữ chứng bụng (dưới) sưng,

Nặng thì sắc mặt khác thường,
Mặt như bụi bẩn cổ hằng khô khao,
Sở sinh bệnh ngực đau đầy tức,
Khí nghịch lên rạo rực mửa nôn,
Khó đái hoặc són đái luôn,
Hồ sán ỉa chảy ăn (thức) còn không tiêu.

Thuốc bổ tả ôn lương đối với bệnh can

- **Bổ:** Mộc qua, A Giao, Lá quit, Toan táo nhân, Thanh mai, Ý dĩ, Thù du, thịt lợn, thịt dê, các thứ rượu, các thứ dấm.

- **Tả:** Sài hồ, Hoàng liên, Bạch thược, Xuyên khung, Hoàng cầm, Thanh bì, Thanh đại.

- **Ôn:** Mộc hương, Nhục quế, Ngô thù du, Dương mai, Đào nhân, quả mơ, tam tử (Tô tử, La bặc tử và Bạch giới tử).

- **Lương:** Hoàng liên, Hoàng cầm, Hồ hoàng liên, Long đởm thảo, Xa tiền tử, Thảo quyết minh, Sài hồ, Linh dương giác.

- **Thuốc dẫn kinh:** Sài hồ, Xuyên khung (đi lên) Thanh bì (đi xuống).

- **Kiêng khem ăn uống:** Giáp ất kinh nói: Bệnh về can, nên ăn mè, thịt chó, quả mận, rau hẹ, nên ăn đồ chua, kiêng đồ cay.

DƯỢC VẬT TÓM TẮT

Ngũ vị là cay, ngọt, đắng, chua, mặn.

Ăn nhiều vị cay thì gân căng thẳng mà móng tay móng chân khô.

Ăn nhiều vị ngọt thì xương đau mà tóc rụng.

Ăn nhiều vị đắng thì da khô mà tóc rụng.

Ăn nhiều vị chua thì thịt chai lại mà môi quăn lên.

Ăn nhiều vị mặn thì mạch ngừng đọng và đổi sắc.

Rượu là thứ khí nồng mà bốc lên. Là dương ;

Thịt là thứ đậm đà mà đi xuống, là âm.

Vị nhẹ là dương trong âm, vị nhẹ thì thông, như các vị chua, đắng, mặn, bình (Lý Đông Viên).

Vị đậm là âm trong âm, vị đậm thì tiết ra như mặn đắng, chua, hàn. (Lý Đông Viên).

Khí nhẹ là âm trong dương, khi nhẹ thì tiết ra nhẹ các vị ngọt, cay, nhạt, bình, lạnh, mát.

Khí nồng là dương trong dương, khí nồng phát ra nóng, như các vị cay, ngọt, ấm, nóng.

Nhẹ và trong và thành tượng, vị nhẹ như loài trà vốn thuộc khí trời hay lên phần trên.

Nặng và đục thì thành hình, vị đậm như Đại hoàng vốn thuộc khí đất thì hay đi xuống phần dưới.

Khí vị cay ngọt phát tán, thuộc dương.

Khí vị chua đắng tiết ra, thuộc âm.

Khí dương trong phát ra tấu lý, là trong của phần trong, làm mát mẻ phế khí để giúp chân khí.

Khí dương trong sung thực tứ chi, là đục của phần trong, làm tươi nhuận tuấn lý.

Khí trọc âm đi về lục phủ, là đục của phần đục, là rắn xương tay.

Khí trọc âm đi vào ngũ tạng, là trong của phần đục, nuôi dưỡng tinh thần.

---

(1) Tỵ uyên tục gọi là & não luận [bệnh này phần nhiều do ngoại cảm phong hàm, bên trong do sức nóng của đờm ảnh hưởng đến não mà gây nên, chứng trạng chủ yếu là nghẹt mũi, luôn chảy nước mũi hôi tanh đục bẩn (Tố vấn khí quyết luận).

PHƯƠNG TỄ TÓM TẮT

Bảy phương là : Đại phương, Tiểu phương, Hoãn phương, Cấp phương, Cơ phương, Ngẫu phương, Phức phương.

Đại phương: là phương thuốc có vị quân 1, vị thần 2 vị tá 9.

Tiểu phương: là phương thuốc có vị quân 1, thần 2.

Hoãn phương: là bổ bên trên, chữa bên trên, phiên chế với những vị có tính hoãn, Hoãn thì khí vị nhẹ, nói tác dụng chủ trị bởi thuốc hoãn, hoãn thì chữa vào gốc bệnh.

Cấp phương: là bổ ở bên trên, chữa bệnh ở bên dưới, phiên chế với những vị có tính cấp (mau lẹ), cấp thì khí vị đậm, nói tác dụng chủ trị bởi thuốc cấp, chữa khách bệnh ở ngọn.

Cơ phương: là phương thuốc bởi vị quân 1, thần 2, hoặc vị quân 2, thần 3.

Ngẫu phương: là phương thuốc thành phương chẵn, với vị quân 2, vị thần 4 hoặc vị quân 2, vị thần 6.

Phức phương: là khi dùng cơ phương mà bệnh không khỏi thì dùng ngẫu phương, gọi là trung phượng.

Mười hai tễ (1) là Tuyên tễ, thông tễ, Bổ tễ, Tả Tễ, Trọng tễ, Khinh tễ, Hoạt tễ, Sáp tễ, Thấp tễ, Hàn tễ, Nhiệt tễ.

Tuyên tễ có thể trừ ủng tắc như các loại củ gừng, Vỏ quit.

Thông tễ có thể trừ sự ngừng trệ, như các loại Mộc thông, Phòng kỷ.

Bổ tễ dùng để chữa suy nhược, như các loại Nhân sâm, Hoàng kỳ.

Tả tễ dùng để trừ bế tắc, như các loại Đại hoàng, Đình lịch.

Kinh tễ có thể trừ chứng thực, như các loại Ma hoàng, Cát căn.

Trọng tễ có thể trừ chứng kinh khiếp, như các loại Từ thạch, Thiết tương.

Hoạt tễ có thể trừ sáp trệ, như các loại Đông quỳ tử, Du bạch bì.

Sáp tễ có thể cầm chứng hoạt thoát, như các loại Mẫu tử, Du bạch bì.

Táo tễ có thể trừ chứng thấp, như các loại Tang bạch bì, Xích tiểu đậu.

Thấp tễ có thể chữa chứng khô táo, như các loại Bạch thạch anh, Tử thạch anh.

Hàn tễ có thể trị bệnh nhiệt, như các loại Đại hoàng, Phác tiêu,

Nhiệt tễ có thể trị bệnh hàn, như Phụ, Khương, Quế.

---

(1) Mười hai tễ : Nguồn gốc từ thập tễ (Thánh bô kỷ) Thập nhị tễ này xuất xứ Khẩu Tông Thích thêm hai tễ Hàn và Nhiệt. Nhưng sau Mục Trọng Thuần thêm hai tễ Thăng. Giang thành 14 tễ sau Tư Tư Hạc còn thêm 24 tễ.

CÁC VỊ THUỐC CHỦ TRỊ ĐỐI VỚI CÁC BỆNH
(Chủ dược chủ bệnh)

Trúng phong bỗng ngã vật ra không nói năng, dùng Tạo giác, Tế tân làm chủ.
Đờm khí tắc lấp, dùng nam tinh, Mộc hương làm chủ.
Nói năng ú ớ dùng Trúc lịch, Thạch xương bồ làm chủ.
Miệng mắt méo sệch, dùng Phòng phong, Khương hoạt, Trúc lịch là chủ.
Tay chân co giật, dùng Phong phong, Khương hoạt làm chủ.
Bại liệt tay chân bên trái thuộc huyết hư, dùng Khung, Quy làm chủ.
Bại biệt tay chân bên phải thuộc khí hư, dùng Sâm, Truật làm chủ.
Các chứng phong, dùng Phòng phong, Khương hoạt làm chủ.
Phát hãn, dùng Ma hoàng, Quế chi làm chủ.
Lâu mồ hôi không ra, dùng Tô tử, Thanh bì làm chủ.
Cầm mồ hôi, dùng Quế chi Thược dược làm chủ.
Biểu nhiệt, dùng Sài hồ làm chủ.
Lý nhiệt, dùng Hoàng liên, Hoàng cầm làm chủ.
Nóng dữ nói sảng, dùng Hoàng Liên, Hoàng bá, Hoàng cầm, Chi tử làm chủ.
Phát cuồng, Đại tiện rắn, dùn Đại hoàng, Mang tiêu làm chủ.
Khát nước, dùn Thạch cao, Tri mẫu làm chủ.
Lồng ngực đầy tức, dùng Cát cánh, Chỉ xác làm chủ.
Dưới tâm đầy tức, dùng Chỉ thực, Hoàng liên làm chủ.
Buồn bực, dùng Chi tử, Đậu sị làm chủ.
Hư phiền, dùng Trúc diệp, Thạch cao làm chủ.
Không ngủ, dùng Trúc nhự, Chỉ thực làm chủ.
Mũi khô không ngủ được, dùng Cát căn, Thược dược làm chủ.
Phát ban, dùng Huyền sâm, Thăng mà làm chủ.
Vàng da, dùng Nhân trần, Chi tử làm chủ.
Trúng hàn thuộc âm chứng, dùng Phụ tử, Can khương làm chủ.
Trúng thử, dùng Hương nhu, Biểu đậu làm chủ.
Trúng thấp, dùng Bạch truật, Thương truật làm chủ.
Tả tâm hỏa, dùng Hoàng liên làm chủ.
Tả can hỏa, dùng Sài hồ làm chủ.
Tả phế hỏa, dùng Hoàng cầm làm chủ.
Tả tỳ hỏa, dùng Thược dược làm chủ.
Tả vị hỏa, dùng Thạch cao làm chủ.
Tả thận hỏa, dùng Tri mẫu làm chủ.

(*) In ở Hồng Nghĩa Giác Tư Y Thư quyển thượng từ 1717.

Tả bàng quang hỏa, dùng Hoàng bá làm chủ.

Tả tiểu trường hỏa, dùng Mộc thông làm chủ.

Tả tà hỏa khuất khúc, dùng Chi tử làm chủ.

Tả hỏa vô căn, dùng Huyền sâm làm chủ.

Nguyên khí tổn thương bên trong, dùng Hoàng kỳ, Nhân sâm, Cam thảo làm chủ.

Lý hư khí yếu, dùng Mạch nha, Thần khúc làm chủ.

Tiêu tích thịt, dùng Sơn tra, Thảo quả làm chủ.

Tiêu tích rượu, dùng Hoàng liên, Cản cát, Ô mai làm chủ.

Tiêu tích hàn, dùng Ba đậu làm chủ

Tiêu tich nhiệt, dùng Đại hoàng làm chủ (Đại hoàng tẩy bằng rượu thì đưa lên, không tẩy rượu thì đưa xuống).

6 chứng uất dùng Thương truật, Hương phụ làm chủ.

Kết đờm dùng Qua lâu, Bối mẫu, Chỉ thực làm chủ.

Thấp đờm dùng Bán hạ, Bạch linh làm chủ.

Phong đờm dùng Bạch phụ tử, Nam tinh làm chủ.

Đờm ở kinh lạc chân tay, dùng Trúc lịch, Khương trấp làm chủ.

Đờm ở hai cạnh sườn, dùng Bạch giới tử làm chủ.

Đờm quánh đặc, dùng Hải thạch làm chủ.

Phế nóng sinh ho, dùng Hoàng cầm, Tang bạch bì làm chủ.

Phế lạnh sinh ho, dùng Khoản đông hoa, Ngũ vị tử làm chủ.

Khí suyễn, dùng Tô tử, Tang bạch bì làm chủ.

Sốt rét mới phát nên tiệt đi, dùng Thường sơn làm chủ.

Sốt rét lâu ngày nên bổ, dùng Bạch đậu khấu làm chủ.

Kiết lỵ mới phát lên hạ, dùng Đại hoàng làm chủ.

Đi lỵ mót rặn, dùng Binh lang, Mộc thông làm chủ. (Mộc thông kỵ lửa).

Kiết lị thuộc nhiệt khí tích trệ, dùng Hoàng liên, Chỉ xác làm chủ.

Kiết lị lâu ngày ra chất trắng như mũi thuộc khí hư, dùng Bạch truật, Phục linh làm chủ.

Kiết lị lâu ngày ra máu thuộc huyết hư, dùng Đương quy, Xuyên khung làm chủ.

Ỉa chảy, dùng Bạch truật, Phục linh làm chủ.

Thuỷ tả, dùng Hoạt thạch làm chủ.

Đi tả lâu ngày, dùng Kha tử, Nhục khấu làm chủ, Hoặc gia Sài hồ, Thăng mà để thăng để khí hạ hãm thì tả tự khỏi.

Hoắc loạn nên dùng Hoắc hương, Bán hạ làm chủ.

Nôn mửa, dùng Khương trấp, Bán hạ làm chủ.

Nấc cụt dùng thị dế làm chủ.

Ở trong cổ dùng Trương thuật, Thần khúc làm chủ.

Xót ruột, dùng Hoàng liên tẩm nước gừng sao làm chủ.

Thuận khí, dùng Ô dược, Hương nhu làm chủ.

Bĩ đầy, dùng Hoàng liên, Chỉ thực làm chủ.
Đầy trướng, dùng Đại phúc bì, Hậu phác làm chủ.
Thuỷ thũng, dùng Trư linh, Trạch tả làm chủ
Thông hơi, dùng Sa nhân, Chỉ xác làm chủ.
Tích tụ, dùng Tam lăng, Nga truật làm chủ.
Tích bên trái là tử huyết, dùng Đào nhân, Hồng hoa làm chủ.
Tích bên phải là thực tích, dùng Hương phụ, Chỉ thực làm chủ.
Tích ở giữa làm đờm ẩm, dùng Bán hạ làm chủ.
Hoàng đản, dùng Nhân trần làm chủ.
Bổ dương, dùng Hoàng kỳ, Phụ tử làm chủ.
Bổ âm, dùng Đương quy, Thục địa làm chủ.
Bổ khí, dùng Hoàng kỳ, Nhân sâm làm chủ.
Phá huyết, dùng Đương quy, Thục địa làm chủ.
Phá huyết ứ, dùng Quy vĩ, Đào nhân làm chủ.
Lao nhiệt ho có đờm, khản tiếng, dùng Đồng tiện, Trúc lịch làm chủ.
Thổ huyết dữ dội, dùng Đại hoàng, Đào nhân làm chủ.
Thổ huyết lâu ngày, dùng Đương quy, Xuyên khung làm chủ.
Chảy máu cam, dùng Khô hoàng cầm, Thược dược làm chủ.
Cầm máu dùng mực tàu, nước lá hẹ làm chủ.
Đái ra máu, dùng Mộc thông, Chi tử làm chủ.
Mồ hôi ra do hư, dùng Hoàng Kỳ, Bạch truật làm chủ.
Đầu mặt choáng váng, dùng Xuyên khung, Thiên ma làm chủ.
Chứng ma là khí hư, dùng Hoàng kỳ, Nhân sâm làm chủ.
Chứng mộc (1) là thấp đờm, tử huyết dùng Thương truật, Đào nhân, Bàn hạ làm chủ.
Chứng điên thuộc tâm, dùng Đương quy làm chủ.
Chứng cuồng thuộc can, dùng Hoàng liên làm chủ.
Chứng động kinh, dùng Nam tinh Bán hạ làm chủ.
Hay quên, dùng viễn chí Thạch xương bồ làm chủ.
Hồi hộp sợ sệt, dùng Phục thần viễn chí làm chủ.
Hư phiền dùng Trúc nhự làm chủ.
Mất ngủ, dùng Toan táo nhân làm chủ.
Đau đầu phía trái, dùng Xuyên khung làm chủ.
Đau đầu bên bên phải, dùng Sâm kỳ làm chủ.
Đau đầu phong dùng Cảo bản, Bạch chỉ làm chủ.
Các chứng đau đầu, dùng Mạn kinh tử làm chủ.

---

(1) Ma mộc: gọi là tê dại cấu không biết đau.

Làm đen râu tóc, dùng Hà thủ ô làm chủ.

Ù tai, dùng Đương quy Long hội làm chủ.

Trong mũi mọc mụt, dùng Hoàng cầm làm chủ.

Mũi ngạt, tiếng nặng, dùng Phòng phong kinh giới làm chủ

Mũi chảy nước đục (Ty uyên), dùng Tân di nhân làm chủ.

Miệng lưỡi lở loét, dùng Hoàng liên làm chủ.

Nhức tăng, dùng Thạch cao, Thăng ma làm chủ.

Sưng mắt dùng Đại Hoàng, Kinh giới làm chủ.

Trong mắt có màng khói, dùng bạch đậu khấu làm chủ.

Mắt kéo mây, dùng Thục địa làm chủ.

Hầu họng sưng đau, dùng Cát cánh, Cam thảo làm chủ.

Kết hạch, dùng hạ khô thảo làm chủ.

Đau bụng kiêm đau dạ dày, dùng Chi tử sao làm chủ.

Đau bụng, dùng Thược dược, Cam thảo làm chủ.

Đau bụng do lạnh, dùng Ngô thù du, Lương khương làm chủ.

Chữa các chứng đau, dùng Mộc dược, Nhũ hương làm chủ.

Đau lưng, dùng Đỗ trong, Cố chỉ làm chủ.

Đau cạnh sườn, dùng Bạch giới tử, Thanh bì làm chủ.

Đau cánh tay, dùng Bạc quế, Khương hoạt làm chủ.

Chứng sán khí, dùng Tiểu hồi, Xuyên luyện tử làm chủ.

Chứng cước khí thấp nhiệt, dùng Thương truật, Hoàng bá làm chủ.

Thận khí hư nhược, dùng Ngưu tất, Mộc qua làm chủ.

Chữa liệt chân dùng Sâm kỳ làm chủ.

Đau khớp chân, tay, dùng Khương hoạt làm chủ.

Các chứng đau đầu phần trên thuộc phong, dùng Cát cánh, Khương hoạt, Quế chi, Uy linh tiên làm chủ.

Các chứng đau phần dưới thuộc thấp, dùng Ngưu tất, Phong kỷ, Mộc thông, Hoàng bá làm chủ.

Tiêu khát, dùng Thiên hoa phấn làm chủ.

Sinh tân dịch, dùng Nhân sâm, Ngũ vị, Mạch môn đông làm chủ.

Xích bạch trọc, dùng Phục linh làm chủ.

Di tinh, dùng Long cốt, Mẫu lệ làm chủ.

Bí tiểu tiện, dùng Mộc thông, Xa tiền làm chủ.

Bí đại tiện, dùng Đại hoàng, Mang tiêu làm chủ.

Ỉa ra máu, dùng Hòe hoa, Địa du làm chủ.

Trĩ, Mạch lươn, dùng Hoàng liên làm chủ.

Lòi trõn trê, dùng Thăng ma Sài hồ làm chủ.

Các chứng sán lãi, dùng sử quân, Bình lang làm chủ.

Các bệnh đàn bà, dùng Hương phụ làm chủ.

Đàn bà đau bụng, dùng Hương phụ, Ngô thù du làm chủ.

Đàn bà kinh nguyệt không thông, dùng Đào nhân ; Hồng hoa làm chủ.

Đàn bà băng huyết, dùng Bồ hoàng sao làm chủ.

Đàn bà khí hư đới hạ, dùng Can khương sao làm chủ.

Đàn bà động thai, dùng Điều cầm, Bạch truật làm chủ, (Hoặc sa nhân, ngải cứu, Huyên thảo).

Đàn bà đẻ khó, dùng Khung Quy làm chủ

Sau đẻ huyết hôi không ra, dùng Ích mẫu thảo làm chủ.

Sau đẻ do hư là phát sốt, dùng Hắc khương làm chủ.

Đàn bà sưng vú, dùng Bạch chỉ, Bối mẫu làm chủ.

Đàn bà sữa không thông, dùng Xuyên sơn giáp làm chủ.

Trẻ con kinh phong dùng Chu sa làm chủ.

Trẻ con các chứng kinh giản, dùng Câu đằng làm chủ.

Ung thư và các chứng nhọt độc, dùng Kim ngân hoa làm chủ.

Ung thư phát bối, dùng Hoè hoa làm chủ.

Tràng nhạc, dùng Hạ khô thảo làm chủ.

Mủ thối không ra hết, dùng Bạch chỉ làm chủ.

Nhọt độc, dùng bối mẫu làm chủ.

Đinh nhọt, dùng Bạch phàn làm chủ.

Hột xoài mọc ở bẹn bên trái (Ngư khẩu) dùng Ngưu giao, Xuyên sơn giáp làm chủ.

Chứng thư dùng Ngũ bội tử Bối Mẫu, Liên kiều làm chủ.

Bệnh dương mai, dùng Thổ phục linh làm chủ.

Chứng liêm sang (1) dùng Khinh phấn, Hoàng bá làm chủ.

Các vết thương, bị đánh, bị vấp, bị ngã, bị đâm... dùng nước tiểu, rượu làm ngon làm chủ.

Ghẻ lở, dùng Bạch phàn, Lưu hoàng làm chủ.

Lang beng (điến phong), dùng Mật đà tăng làm chủ.

Các chứng nhọt độc, dùng Liên Kiều Ngưu bàng tử làm chủ.

Bệnh phong đòn gánh, dùng Nam tinh, Phòng phong làm chủ.

Bị phỏng, dùng Bạch phàn làm chủ.

Vết thương chó cắn, dùng Hạnh nhân, Cam thảo làm chủ (cả răng hổ).

Chó điên cắn dùng Ban miêu làm chủ.

Rắn cắn dùng Bạch chỉ, Lá cỏ mỏi, Ô dược làm chủ.

Trúng các vật độc, dùng dầu mè cho uống làm chủ

Ngộ độc Nhân ngôn, dùng Đậu sì, Trùn đất làm chủ.

Mắc xương dùng nước dãi chó cho uống luôn làm chủ (cả quả cà na).

---

(1) Liêm sang chứng lở ở hai bên ống chân, lở bên trong gọi là liêm, lở bên ngoài gọi ngoại liêm, ngày nay hay gọi chàm vi trùng.

THẬP TAM PHƯƠNG
GIA CẢM

TUỆ TĨNH BIÊN SOẠN

SƠN NAM HỒNG CẨM CƯ SĨ SAO LỤC

LỜI TỰA

Cõi trời Nam gấm vóc, nước sông Hồng chảy dài.
Vườn hạnh bắc nghĩa nhân, gió mùa xuân ơn rộng.
Thương nhân dân chết chóc,
Chọn hiền triết phương thang.
Kinh nghiệm, lý luận, nhờ sách vở của người xưa :
Phương pháp, thi hành, tuỳ bệnh chứng vào lúc ấy.
Chữa bệnh chọn 13 phương, vừa công vừa bổ;
Bồi dưỡng, chế riêng một tễ, cả liền, cả tiêu.
Thuốc dùng có công, cốt ở : Trồng thu chế, trữ ;
Thày hay thiếu sót, trách vì, chậm, trễ, vụng làm.
Cho nên : Cứu bệnh như cứu hoả.
Dùng thuốc tựa dùng binh.
Bệnh tình, không ngoài : nhiệt, hàn, biểu, lý, thực, hư nên rõ :
Dược tính, rút cục thanh, ôn, hãn, hạ, công, bổ, mà thôi.
Khiến cho : Cơ năng của âm dương được bình phục,
Tác dụng của khí huyết được điều.
Khéo ở mưu trí của người thầy thuốc vậy.

Ấy lấy :

Ba nguyên nhân bệnh làm đích.
Bốn phép chẩn đoán làm bằng
Ngoại cảm lục dâm : phong hàn thử thấp, khó tránh.
Nội thương ngũ tặc : uất, tích, đờm, hoả, dễ trừ,
Phú quý cao lương, mắc phải lo toan sức dục :
Nghèo hèn rau cỏ, thiếu vì đói khổ, nhọc nhằn.
Trùng độc, ngoại thương : sang hèn cùng lánh ;
Thiên thời, dịch lệ : già trẻ đều lây.
Bệnh thời chứng biện rành,
Nhiệt hàn chia rõ :
Người đen gầy : thủy thiếu,
Kẻ trắng bệu : Khí hư.
Mặt đỏ vàng do uất nhiệt
Môi xanh tái ấy hư hàn.
Yếu già : khí suy. Nam hay hao tinh yếu thận ;
Trẻ, khỏe : hỏa thịnh. Nữ thường thiếu máu tức gan.

Mới cảm, tà thực : nên công ;

Bệnh lâu thành hư : nên bổ.

Chứng gấp, thể người khoẻ, chữa theo ngọn : phát tán, hạ lợi chẳng nề ;

Bệnh hoãn, chính khí hư, củng cố gốc : bồi bổ, ấm lên khỏi được.

Những thấy :

Người khỏe thì bệnh lùi.

Tinh đầy thì thần vững.

Cậy thầy thuốc chẳng bằng sửa mình.

Giúp người sống vốn hay tinh phúc

Cho nên nói :

Cây hoang dại có thể thành vườn hạnh được vậy !

PHƯƠNG THUỐC CHỦ TRỊ CÁC BỆNH

- Chữa khí trệ đờm thấp, nóng rét, thổ tả, khí độc rừng núi, sốt rét, ngã nước các chứng, dùng phương Linh nghiệm đối kim. Nhị trần thang, bất hoán kim chính khí.

- Chữa bốn mùa cảm sốt do thử thấp, thời khí truyền nhiễm, chọn phương Hương tô tán, sâm tổ ẩm Ngoại cảm gió lạnh khí ẩm thì lấy phương Thập thần thang, Ô dược thuận khí.

- Trị bệnh ôn nhiệt mùa hè, hay chứng nóng rét qua lại, hoặc cam nhiệt của trẻ em, dùng thang Tiểu sài hồ.

- Chữa bệnh về nắng ẩm (thấp nhiệt) lạnh ẩm (hàn thấp), ỉa chảy, phù thũng, tích bàng trướng đầy, chọn phương Ngũ linh tán, Ngũ tích tán.

- Điều trị các chứng do khí huyết kém sút và các bệnh của phụ nữ, lấy phương Tứ vật thang hay Tứ quân tử thang.

- Chữa tâm tỳ thật hư, cùng trúng phong hàn, và các chứng người già dương hư, dùng chân vũ thang để giữ nguyên khí.

- Phụ thêm Bổ âm đơn tán chế để chữa chứng âm hư sốt cơn, bốc nóng chảy máu, phổi yếu ho lao, và nam giới thận hư, đau lưng, di tinh, mồ hôi trộm... các chứng.

Từng thấy :

Bệnh phần nhiều thấp nhiệt hỏa đờm, trong ngoài chính với tà trống nhau ;

Chữa ắt phải đắng cay hòa giải, ấm mát công và bổ cùng lúc.

Phương tuy chẳng nhiều, gia giảm khá đậm, để theo chứng chọn dùng;

Thuốc chẳng câu nệ, nam bắc tuỳ nghi mà kịp thời ứng dụng.

Liều lượng cho nhiều ít, tuỳ bệnh nặng hay nhẹ;

Thang, tán, dùng trước sau, tuỳ chứng hoãn hay cấp.

Mới thấy ít mà gọn, đơn giản mà rộng rãi vậy.

MƯỜI BA PHƯƠNG GIA CẢM

Phụ : BỔ ÂM ĐƠN

I. BẤT HOÁN KIM (Cục phương)

Chữa các chứng nam nữ âm dương không điều hòa, đờm thấp, nóng lạnh nhức đầu đau mình, sơn lam chướng khí, chói nước thổ tả, ỉa chảy; kiết lỵ.

Hoắc hương, Trần bì, cam thảo ba đồng cân, Thương truật ngâm nước sơm, Bán hạ chế tẩm nước gừng sao, đều 5 đồng cân, Táo 2 quả, Hành trắng cả củ lá 2 tép, Gừng sống 5 miếng, sắc với nước, uống lúc còn ấm.

GIA GIẢM

- Đầu nặng đau ê ẩm thì gia Xuyên khung, Bạch chỉ, Tế tân. Đau nhói thì gia hoa cúc, Bạc hà, Cảo bản. (2)

- Nhức óc, đau tai thì gia Thạch cao nung 2 đồng cân tán bột hòa vào thuốc uống.

- Xương thịt đau nhức : Gia Xích thược, Quế chi, hàn thấp thì dùng Khương hoạt, Ma hoàng.

- Ho hen thở gấp : gia Tử tô, ma hoàng, Tang bạch bì.

- Nấc cụt : gia Tai hồng, Đinh hương (10 nụ).

- Miệng khát tâm phiền ; gia Sắn dây khô, Củ tóc tiên, Sài hồ (3)

- Lạnh dạ đau bụng gia Quế tốt, Gừng đồ khô.

- Bụng trướng bí đầy : gia Chỉ xác, Sa nhân.

- Ỉa chảy nguy cấp : gia Kha tả 2 quả, Đậu khấu bỏ vỏ 1 quả

- Đi lỵ ra máu mũi thì dùng Đại hoàng, Chỉ xác, Mộc hương để nhuận tràng ngừng lỵ ; Nặng lắm thì gia Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Hoàng liên để dưỡng huyết thanh nhiệt.

- Sốt rét cơn phát về buổi sáng thì gia Thường sơn tẩm rượu sao. Thảo quả, Binh lang đều ba đồng cân.

- Sốt rét cơn phát về buổi chiều thì gia Sài hồ, Thanh bì, Hoàng cầm, Ô mai, Bán hạ (ngâm nước gừng sao), Xuyên khung, Đương quy, Bạch thược, đều 3 đồng cân, sắc uống lúc thuốc còn ấm vào lúc trước lên cơn một khắc (15 phút).

- Trong bụng có báng thì gia Nghệ đen, Chỉ xác, Hạt cau, Củ cỏ cú, Hồi hương.

- Chân tay phù thũng : gia Mộc qua, Ngũ gia bì (vỏ chân chim).

II. NHỊ TRẦN THANG (Cục phương)

Chữa các chứng đờm, dạ dày có tích, cổ họng không thông, nóng rét, đau đầu cứng gáy, vừa nóng vừa lạnh, thoãng có từng lúc, tâm phiền, cổ họng vướng đờm, khạc nhổ không ra, chóng mặt hoa mắt, miệng oẹ nước vàng, đêm ngủ thì thấy chiêm bao hoảng hốt ; hoặc ăn thức lạnh mà bụng không tiêu, hoặc nhân ra gió mà liền đau đầu ; sắc mặt thường hơi xanh, vàng, ủ rũ miệng không thích cười nói, nhổ ra những cục đờm tanh hôi ; sau khi ốm tỳ hư hàn mà hóa sinh đờm dãi ; những người nghèo khó kham khổ, những kẻ giàu sang thừa mứa chất béo ngọt, bất kỳ già trẻ trai gái, chứng đờm chiếm 8, 9 phần mười ; các chứng lạ trên đây là hàn đờm cả, nên dùng.

CÔNG THỨC

Bán hạ chế (ngâm nước gừng phơi khô sao vàng) 2 đồng cân, Trần bì bỏ xơ trắng sao, 1 lạng. Phục linh bỏ vỏ, 5 đồng, Cam thảo bỏ vỏ 3 đồng, Gừng 5 miếng.

Tê này dùng nước một bát to (tô) đun, lửa to cho sôi rồi rút nhỏ lửa, sắc thuốc uống lúc còn ấm, mỗi ngày 2 lần.

GIA GIẢM

- Người béo trắng thì gia Hoàng kỳ tẩm mật nướng, Bạch truật đều 3 đồng cân, Nhân sâm 5 đồng (Tức nhị Trần hợp Tứ quân).

- Người gầy ho lao, Gia Thục địa, Bạch thược, Xuyên khung, Đương quy, Sài hồ, Đại cốt bì, Khô cầm (Hoàng cầm ruột rỗng), Trúc lịch một chén, Nước gừng 2 phần, Đồng tiện nửa chén, để chữa Trường hợp huyết hư sợ rét, cho nên dùng bổ âm giáng hỏa.

- Đau đầu gia Xuyên khung, Bạch chỉ.

- Tâm phiền, gia Trúc lịch, Táo nhân, Thạch cao, Mạch môn bỏ lõi đều 3 đồng cân.

- Ăn ít miệng không biết ngon, gia Trần bì, Bạch truật sao vàng, Sa nhân, Bạch đậu khấu, Đinh hương.

- Nóng rét qua lại, Gia Sài hồ, Bán hạ, Khô cầm tẩm rượu sao, đều 4 đồng, Tiểu hồ 3 đồng.

- Đi tả ra nước, miệng khát là tỳ hư, gia Xích phục linh, Nhục quế, Bạch truật, Trư linh, Trạch tả, Xa tiền tử đều 3 đồng.

- Ăn thức lạnh, đầy bụng, gia Chỉ xác, Hậu phác, Thanh bì, Chỉ thực, Thương truật, Sơn tra, Mạch nha, Thần khúc đều 3 đồng.

- Nội thương do ăn uống, gia Sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ đều 3 đồng để đưa nguyên khí về kinh phế.

III. SÂM TÔ ẨM (Dị giản phương)

Chữa bốn mùa sốt rét do khí độc rừng núi, hay thương hàn phát sốt, nhức đầu mũi thối, ho đờm lợm giọng buồn nôn, mửa khan nóng rét qua lại, hoặc có khi mửa ra nước vàng, già trẻ trai gái có chứng này đều dùng :

CÔNG THỨC

Xích thược, Bán hạ, Tiền hồ, Nhân sâm, Tử tô, cát căn, Mộc hương, Cát cánh, Trần bì, Chỉ thực, đều 3 đồng cân, Hành 2 tép, Táo 3 quả, đổ một tô nước, sắc uống lúc còn ấm, để cho ra mồ hôi, liền khỏi.

GIA GIẢM

- Hoặc có chảy máu mũi thì gia Chi tử sao đen 1 đồng 5 phân, Ô mai, Thiên môn, Mao căn đều 3 đồng cân.

- Tỳ hư ỉa chảy, gia Liên nhục, Bạch biển đậu, Trạch tả đều 3 đồng.

- Nôn mửa chưa khỏi thì gia Hoắc hương 5 phân, Sa nhân nửa lạng.

- Chỉ còn sốt cơn thì gia Sài hồ, Hoàng cầm, bỏ Mộc hương. Đó là vì đờm hoả hỗn tạp thì dùng phương này giảm giảm, nếu không phù hợp thì tìm phương khác, chớ nên cầu nệ.

IV. TỨ VẬT THANG (Cục phương)

Chữa các chứng huyết, như phụ nữ trong khi có thai, sau khi đẻ, huyết hư phát sốt, buồn phiền mỏi mệt, kinh nguyệt không đều, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc thấy sớm hay chậm lên xuống không đều, chóng mặt hoa mắt, khí hư bạch đới, tiểu tiện đỏ sẻn, lưng gối bụng rốn đau nhức, mắt đỏ tay chân yếu mỏi, cùng nam giới khí lực yếu ớt, sốt gầy vàng da, đó là huyết hư, không tiếp được khí, cho nên như vậy, bất kỳ trai hay gái đều nên dùng.

CÔNG THỨC

Đương quy tẩm rượu 8 đồng cân, Bạc thược tẩm rượu 6 đồng cân, Thục địa tẩm rượu sao một lạng, Xuyên khung 6 đồng cân, thang này có thể sắc với một tô nước, uống lúc thuốc còn ấm khi đói lòng, vào buổi sáng và chiều vì lúc ấy chính là lúc khí huyết vận hành.

GIA GIẢM

- Về mùa xuân bị cảm thì gia Xuyên khung, Ma hoàng ; Mùa hè gia Sài hồ, Hoàng cầm ; mùa thu gia Thiên môn, mạch môn bỏ lõi ; mùa đông gia Quế bỏ vỏ.

- Nóng rét miệng khát chưa bớt thì hợp phương này với thang Tiểu sài hồ, mới có thể thanh nhiệt ở huyết lạc mà nóng rét sẽ lui.

- Kinh bế, gia Hồng hoa, Tô mộc, Đào nhân.

- Nhức đầu chóng mặt, gia Cúc hoa, Tế tân, Khương hoạt.

- Khát thì thêm Cát căn, Mạch môn, Ô mai.

- Khí hư Bạc đới, gia Cảo bản, Mẫu lệ nung, Mẫu đơn bì, Xuyên tục đoạn.

- Kinh thấy trước kỳ huyết đỏ tươi là do hỏa uất ở Tam tiêu, khí bốc huyết nóng thì bội gia Sinh địa, Sài hồ, Hoàng cầm, Đơn bì, Địa cốt, Sa sâm, Liên kiều và ít hồng hoa, thì huyết về kinh mà tử cung thanh thản.

- Kinh thấy sau kỳ mà huyết sắc nhạt hay sám đen kết cục, lúc thấy kinh thì bụng lưng không khỏi đau nhói. Là do gặp lạnh mà khí trệ huyết ngưng, cho nên mái mới chưa sinh, chỉ có máu cũ mà kết thành cục, vậy nên gia Nhũ hương, Lá thuốc cứu, Huyền hồ sách, Ngũ linh chi,

các vị tán nhỏ, hoà với đồng tiện, chế thêm ít rượu mà uống thuốc lúc ấm. Nếu uống như thế mà huyết chưa lợi đều, thì gia Ngưu tất, Trạch lan.

- Ho thì gia Hạnh nhân, Tang bạch bì, Tô diệp, Ma hoàng.

- Phiền khát, gia Nhân sâm, Thạch cao.

- Không ngủ được gia Nhân sâm, Đạm trúc diệp, Thạch cao.

- Băng huyết, gia quả Móc đốt ra tro, Gương sen đốt ra tro.

- Tỳ hư khí hạ hãm gia Phục linh, Cam thảo, Thăng ma, Sài hồ, Hoàng kỳ, Bạch truật.

- Hoảng hốt, gia Táo nhân sao, Viễn chí, Phục linh, Chu sa.

- Phiền khát, gia Sài hồ, Hoàng kỳ, Bạch truật.

- Hòn bâng, gia Tam lăng, Nga truật, Trầm hương, Mộc hương.

- Dạ dầy tức hơi, gia Chỉ xác, Hậu phác, Thanh bì, Cam thảo, bằng nhau.

- Hoàng đản gia Nhân trần, Bạch truật, Can khương, Trần bì, Sơn chi tử đều 2 đồng.

- Tay chân đau nhức, gia Can khương, Huyền hồ sách, Quế vỏ.

- Ly, đau quặn mót rặn, gia Hạt cau, A giao sao châu, đều 3 đồng.

- Đại tiện không lợi, gia Đào nhân, Trạch tả, Đại hoàng, Đơn bì.

- Đi ngoài ra máu, gia Chỉ xác, Kinh giới tuệ, Hoàng liên, Mộc hương, Trắc bách diệp.

- Động thai gia Hoàng cầm, Bạch truật, Sa nhân, Hương phụ, Tử tô, Ngải diệp, Chỉ xác đều 2 đồng.

- Có thai đau bụng ra huyết gia Củ gai, rễ Tầm xuân ; Hoa hiên nấu canh ăn, thường uống tứ vật, không thấy máu ra nữa thì yên.

V. NGŨ LINH TÁN (Trọng Cảnh)

Chữa mùa hè phát sốt, miệng khát mà uống nước không ngừng, ỉa xối ra nước mà da thịt hấp nóng, nhức đầu cứng xương sống, đau lưng, đau bụng, tỳ hư ỉa chảy, thổ tả đau bụng vặt, tiểu tiện đỏ gắt, nên uống :

CÔNG THỨC

Xích linh, Bạch truật, Trư linh, Trạch tả đều 7 đồng cân, Nhục quế bỏ vỏ thô 5 đồng.

Bài này sắc xong nên uống dần khi thuốc còn nóng.

GIA GIẢM

- Nếu dương độc, nhiệt độ phát hãn, tâm kinh hoả động, thì gia Bạch thược, Thăng ma ; Bỏ Quế.

- Tay chân da vàng, gia Nhân trần, Mộc thông.

- Cuồng loạn nói nhảm, méo mồm lệch mắt, thì gia Chu sa 1 đồng cân, tán nhỏ hoà với thuốc uống.

- Tim ngựa phiền táo, gia Sài hồ, Cát cánh, Táo nhân (sao)

- Thân thể co giật thì gia Ma hoàng bỏ mắt 5 đồng.

- Thổ tả chuyển gân (vọp bẻ) gia Hoắc hương, Hồi hương, Mộc hương.

- Bụng trướng có hòn, gia Tam lăng, Nga truật.

- Đờm đọng, gia Bán hạ chế với Gừng, Vỏ quít cũ bỏ xơ trắng.

- Nhức đầu chóng mặt, gia Xuyên khung, Khương hoạt.

- Chảy máu mũi, gia Hột Dành dành sao vàng, Mơ muối bỏ hột.

- Ho gia Ngũ vị, Hạnh nhân.

- Ruột đau hơi, gia Hồi hương.

- Miệng khát, gia Cát căn.

- Suyễn thở gia Tang bạch bì, Mã đâu linh.

- Đại tiện bí kết, gia Đại hoàng, Phác tiêu.

- Khí hư, gia Nhân sâm, Thạch cao, Trúc như, Mạch môn, Trúc diệp,

- Nóng rét qua lại, theo phương này hợp với thang Tiểu sài hồ.

- Trong xương run rẩy, gia Ngô thù du, Chỉ xác.

Phương này trị khát cầm ỉa có công hiệu.

VI. HUYỀN VŨ THANG

Chữa mùa đông rét buốt, nhân cảm trúng phong thương hàn, tay chân quyết lạnh, nhức đầu, bụng trướng cứng đau, mình nóng không có mồ hôi, mạch chạy hoặc ngắn hoặc dài, hoặc to hoặc nhỏ, lỗ đổ không đều, cùng với sốt cơn ho và lạnh dạ ỉa chảy, đều là do trúng hàn mà hư nhiệt ở ngoài; cho nên muốn hồi dương giúp khí, dẫn hỏa về nguyên chỗ thì không gì bằng.

CÔNG THỨC

Bạch truật 7 đồng cân (dùng đất vách cũ tẩm sao, vì đất vách được khí nhuần của âm dương đã lâu mới tốt), Bạch linh bỏ vỏ 7 đồng, Bạch thược 7đồng, Cam thảo sống bỏ vỏ một ít, Phụ tử tẩm nước Cam thảo chích 2-3 miếng, Gừng 3-5 miếng.

Bài này dùng nước 1 tô đun lửa to sau rút lửa nhỏ, sắc uống, rồi theo chứng mà gia giảm, chớ nên câu nệ cố chấp.

GIA GIẢM

- Nếu thân mình đau nhức, thì gia Khương hoạt, Quế chi, Phòng phong.

- Đâu đầu, gia Bạch chỉ, Xuyên khung, Bạc hà, Cảo bản, Tế tân.

- Ho, gia Ngũ vị tử, hạnh nhân, Chỉ xác, Cát cánh, đều bằng nhau, bán hạ, Nam tinh, chế với gừng, Tô diệp, Trần bì, bỏ lớp trắng đều 3 đồng.

- Không có mồ hôi, gia Ma hoàng, Quế chi, Thương truật ; bỏ Bạch truật.

- Ỉa chảy, thì bội Bạch truật, Hoắc hương, Kha tử, Đậu khấu.

- Miệng khát, gia Trạch tả, Cát căn.

Hoặc có kẻ hỏi :

Bệnh nhiệt dùng thuốc hàn, lạnh thì dùng thuốc ấm là lẽ thường. Nhưng thanh Huyền vũ có Bạch thược tính hàn sao lại dùng chữa bệnh ở tiết đông lạnh buốt?

- Đáp rằng : thời tiết trời đất không nhất định nhân lúc khí hậu khác thường, thì phải tùy

cơ ứng biến trong việc dùng thuốc, không thể y theo lẽ thường của sách vở. Cho nên tuy mùa đông sương lạnh khe khắt, nhưng thời tiết nóng phải khi nào cũng thế, nên dịch khí phát sinh do chỗ âm dương hỗn tạp. Vì vậy cho nên dùng Bạch truật là thuốc ngọt ấm bổ tỳ. Cam thảo, Bạch linh là thuốc ngọt nhạt bảo vệ thận thuỷ, Thược dược có công năng thu liễm ; Thăng ma có tác dụng giải độc : tuy dùng thuốc bổ mà để công tà, cho nên sách nói "lý không cùng tận".

VII. HƯƠNG TÔ ẨM (Cục phương)

Chữa bệnh cảm mùa xuân, nóng lạnh nhức đầu, kém ăn, trướng đầy, bị lạnh sốt dơn, trời khí ôn dịch (cảm cúm) ngoại cảm, nội thương, phát sốt ớn lạnh, sợ gió, các loại bệnh cảm mạo, nên dùng.

CÔNG THỨC

Trần bì, Hương phụ đều 5 đồng, Tô diệp 4 đồng, Cam thảo 3 đồng, gia Thương truật, Hành trắng, gừng 3 miếng. Sắc uống ấm, vào lúc đói.

GIA GIẢM

- Nếu đậu sởi chưa mọc thì gia Cát căn, Thăng ma, Ma hoàng.

- Đi lỵ ra máu mũi, gia Xuyên khung, dương quy, Bạch thược, hoàng cầm, Cát cánh, Chỉ xác, Mộc hương, Hoàng liên, đều 3 đồng cân, bỏ Cam thảo.

- Sốt cơn không bớt thì bội dụng Sài hồ, Hoàng cầm.

- Dạ dầy tức hơi, bụng trướng thì gia Hậu phác bỏ vỏ ngoài, tẩm ngừng sao,

Bán hạ ngâm nước gừng sao vàng, Trương thuật tẩm nước vo gạo, Chỉ xác lâu năm, đều 2 đồng 5 phân.

- Suyễn thở, gia Cát cánh, Ngũ vị tử, Hạnh nhân.

- Ăn ít, gia Đinh hương, Bạch truật, Sa nhân đều 2 đồng cân.

- Tỳ hư đi tả ra nước, là do "mộc tà" của mùa xuân khắc "thổ", thì gia Hoắc hương, Bạch truật, Đậu khấu, Xa tiền xát vỏ sao vàng, Sài hồ, Thương truật bình can mạnh tỳ vị (khả mộc tà bình thổ thực vị) thì ngừng tả.

- Sốt rét cơn chưa chữa khỏi gia Thường sơn, Thảo quả, Tân lang, Thanh bì, Ô mai bỏ hột, Hậu phác đều 3 đồng cân.

- Ỉa xối thì dùng bội Mộc hương, khả tử.

- Chân sưng đau (cước khí) thì gia Mộc qua, Ngưu Tất, Tân lang, Khương hoạt, Độc hoạt.

- Trong bụng đau vặn, thì gia Hồi hương, Ô dược, Huyền hồ, Ngũ linh chỉ, Bạch truật, Bạch thược, Can khương, Quan quế, Trần bì.

VIII. TIỂU SÀI HỒ THANG (Trọng cảnh)

Chữa bốn mùa ôn dịch nóng rét qua lại, sản khí, họng khô khó nuốt, nôn mửa, miệng đắng không muốn ăn, mạch phù huyền, miệng lưỡi khô ráo, tâm phiền không ngủ, đại tiện bí kết, tiểu tiện đỏ gắt, nóng nhiều rét ít, qua lại tựa như sốt rét cơn, vả lại cuồng loạn nói nhảm, tức là bệnh

vào ở nửa biểu nửa lý. Và người uất nóng da thịt, ấy là huyết lạc hư yếu, đờm hoả vượng thịnh. Hoặc là phụ nữ kinh nguyệt không đều, không ngoài nhiệt uất ở Thiếu dương, can tạng không thu liễm; hoặc ở người sau khi phát hãn rồi, thấy sốt cơn: hoặc trẻ em nóng chưng hâm hấp, bệnh can đờm ngưng ở thượng tiêu : phụ nữ chóng mặt xây xẩm hoa mắt. Đối với các chứng trên, nên uống thang này.

CÔNG THỨC

Nhân sâm 4 đồng cân, Sài hồ 6 đồng cân, Khô cầm bỏ lõi 5 đồng, Bán hạ chế với gừng 5 đồng, Cam thảo bỏ vỏ 3 đồng, Gừng 3 miếng Táo 3 quả bổ hột, sắc uống chận cử trước khi chưa sốt.

GIA GIẢM

- Sốt rét nóng nhiều, miệng khát đòi uống luôn, thì gia Binh lang, Thảo quả bỏ vỏ, Thường sơn chế với rượu, Bạch linh, Thanh bì, Ô mai bỏ hột, Mạch môn bỏ lõi, đều 3 đồng cân.

- Rét nhiều nóng ít, tâm phiền kém ăn, gia Nhân sâm thảo quả, Trần bì để cả xơ, bội thêm Nhân sâm, Hoàng kỳ tẩm mật nướng, dùng Bạch truật để bổ tỳ, Thăng ma, Đường quy, Nhục quế tuỳ nghi, Như vậy là ôn hòa vị trung, bổ tỳ tiệt ngược.

- Tựa như sốt rét mà không làm cử, suốt ngày phiền nóng, mạch 5 bộ đều phù sắc, tức là chứng tà ở biểu, thì gia Cát căn, Mạch môn, Địa cốt bì vào tháng trước mà uống.

- Huyết nhiệt thì gia Sinh địa hoàng.

- Thở gấp gia Tri mẫu.

- Sốt cơn mà đi ly, gia Hoàng liên, Bạch thược, Địa cốt bì.

- Đau dần, gia Tế tân, Thạch cao.

- Nóng lạnh tựa như sốt rét cơn, gia Ô mai, Thanh bì, Tô diệp.

- Ho đờm, gia Ngũ vị tử, Hạnh nhân, Cát cánh, Bối mẫu, đều 3 đồng.

- Chảy máu mũi, gia Địa cốt bì, Sinh địa, Mao căn, Bồ hoàng sào.

- Tiểu tiện đỏ, tiểu tràng nhiệt, gia Xa tiền, Mộc thông, Nhân trần, Ngũ linh.

- Bí đầy mà đại tiện không lợi, gia Đại hoàng, Phác tiểu, Chỉ xác, Hậu phác.

- Sản hậu loạn huyết, kinh cuồng không yên, gia Thần sa, Viễn chí, Táo nhân, (sao), Đương quy, Xuyên khung, Thục địa, Bạch thược, gọi là Tiểu sài hồ, hợp Tứ vật, có thể an thần khỏi kinh sợ.

- Sản phụ, tạng phủ kinh lạc huyết ráo, miệng khát nóng nhiều rét ít, nóng rét qua lại thì không thể cho rằng Bạch thược chua lạnh, mà không dám dùng cho người sau khi đẻ, nên dùng Bạch thược, Thục địa, tẩm vào rượu sao gọi là Tứ vật hợp Tiểu sài, thì tự nhiên nhiệt ở biểu có thể giải được, huyết tự về kinh. Nếu sản phụ mà sốt chưa lui, thì dùng Tứ vật gia can khương sao đen 5 đồng cân, Đồng tiện nửa chén thì sốt sẽ lui. Vì Tứ vật được tính bình mà Can khương thì tính cay nóng, vả cay nóng thì tính thuộc phế kim, sao đen vào Tứ vật thì có tác dụng ôn vị hoà tỳ có thể đưa huyết vào được phần khí. Thế mới rõ là thang sài tính mát mà hay trục đờm thông huyết, hợp với Tứ vật, Can khương là phương thuốc đặc hiệu đối với sản phụ phát sốt

IX. BÌNH VỊ TÁN (Cục phương)

Chữa người đi xa đến miền rừng núi không quen khí hậu, đến mùa hạ thì rét nóng chống nhau, nhọc phiền miệng khát gây thành sốt rét cơn ho báng to như quả dưa, nhỏ như quả trứng, đó là đờm với nước trướng lên như vậy, không thể cho nhầm là chứng trước đầy được. Vì khí độc rừng núi ác liệt, cỏ cây rậm rợp âm u, rắn beo thải độc, mây mù khí đất chưng bốc, đó là độc tụ hội. Cho nên hễ người hoặc đi buôn bán đường bộ, hoặc vận tải bằng thuyền bè khe nước dừng đậu ở những nơi ấy, đến mùa hè là dễ gì mà không sinh bệnh. Cùng là trường hợp sau khi mắc bệnh sốt rét hư nhược mệt nhọc, tỳ bị hàn thấp ăn uống không tiêu, rốn bụng trướng đầy, tay chân ốm đuối, mình gầy da vàng, cứ 5-3 ngày lâm một cử sốt rét; các trường hợp ngoại cảnh phong hàn, nội thương tỳ vị, bụng đầy, tam tiêu bí tắc, bốn mùa ôn dịch, các chứng cần phải trợ dương trừ thấp, bổ trung mạnh tỳ, tăng cường tiêu hoá, tiêu đờm, điều hòa trung tiêu, trừ tà độc truyền nhiễm có phương thuốc khinh nghiệm:

CÔNG THỨC

Hậu phác bỏ vỏ ngoài tẩm nước gừng sao, trương truật tẩm nước vo gạo, Trần bì để cả lớp trắng, tẩm nước vo gạo (không dùng Quất hồng) đều 8 lạng . Cam thảo 3 lạng bỏ vỏ thô, các vị tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân, với nước Gừng sắc, ngày uống 2 lần. Hoặc dùng sắc uống thì tễ trên chia làm 15 thang.

Những người thường hay lên miền ngược ở nơi rừng núi, nên uống phòng thì các danh bệnh lạ nói trên không thể phát sinh, dùng thuốc này táo thấp kiện tỳ, thực trung phát hãn, đuổi dịch trừ tà, có Thương truật cam ôn : lý khí hành trệ, bổ vị hoà trung, tiêu đờm khoan cách ; có Trần bì lâu năm ; có Hậu phác vị đắng tính ấm, đắng hay hạ khí; Cam thảo vị ngọt mà hòa, chính nướng thì ôn trung để sống thì tả hỏa. Cho nên uống lâu càng tốt, và bệnh ôn dịch cũng dùng phương này mà chữa.

Vả lại nếu là thương hàn sốt cao, thương phong chóng mặt, ho đờm nghẹt thở, đau đầu, buồn phiền suyễn thở thì dùng nguyên phương hợp với Nhân sâm bại bộc thang gồm Tiền hồ, Sài hồ, Khương hoạt, Độc hoạt, Chỉ xác, Cát cánh, Phục linh, Xuyên khung, Nhân xâm, Cam thảo. Các vị bằng nhau, Gừng 3 miếng, Bạc hà 10 lá sắc uống.

GIA GIẢM

- Nhiệt độc mạnh thì gia Hoàng cầm, Hoàng liên.
- Khí nhiệt, gia Phòng phong, Kinh giới, tức là kinh Phòng bại độc thang.
- Tửu độc (tính độc do rượu) gia Cát căn, Hoàng liên.
- Sang độc (mụn lở) thì bỏ Sâm, gia Liên kiều, Kim ngân hoa.

Hoặc là trường hợp đi xa uống cho mạnh tỳ, để phòng sốt rét thì dùng Thần bì bỏ xơ trắng sao vàng, Khô cầm, Chi tử sao tồn tính, Bán hạ chế với gừng, Phục linh bỏ vỏ, Sơn tra bỏ hột, đều 1 đồng cân, Thương truật nước cơm rồi tẩm nước muối sao vàng 8 phân. Hoàng liên tẩm nước gừng sao, Tiền hồ đều 7 phân; tất cả vị cùng sắc uống thường ngày.

- Mùa hè hỏa vượng, đi lại bị nóng nhiều, thì hợp với thang Tiểu sài hồ.
- Ỉa chảy nhiệt khác thì hợp với Ngũ linh tán.

- Mùa đông nóng rét thì dùng Bất hoán kim thang, Ngũ ích tán, hay Thập thần thang nên xem nặng hay nhẹ, tuỳ chứng phối hợp mà dùng.

- Đau đầu, gia Bạch chỉ, Xuyên khung.

- Chân tay phù nề, gia Ngũ gia bì, Tang bạch bì, Thanh bì, Mộc hương, Mộc qua, Ngưu tất, Tân lang.

- Cơn sốt rét, khát (nóng nhiều) thì gia Thảo quả, Trường sơn, Hoàng cầm, Sài hồ, Thanh bì, Bạch linh, Ô mai, Tam lăng, Nga truật.

- Cơn sốt rét lạnh nhiều, gia Bạch truật, Dương sâm, Hoàng kỳ, Thường sơn, Thảo quả, Quế chi, Can khương.

- Nếu cơn sốt rét không khỏi mà chỉ còn nóng hay rét thì nên xem xét về khí huyết và đờm giao tích ở kinh lạc, cho nên âm dương bị tác động, thì dùng Thường sơn, đổ với rượu 3 đồng cân, Thảo quả bỏ vỏ 3 đồng. Hạt cau 3 đồng, Thanh bì bỏ ruột, Trần bì, để cả lớp trắng đều 3 đồng, Cam thảo bỏ vỏ, Hậu phác tẩm nước gừng đều 3 đồng, Đại hoàng đều 4 đồng, nước 1 tô, rượu 1 chén, chập tối (giờ dậu0 sắc 10 phần lấy 7, Đêm đem phơi sương, đợi sáng sớm đen cách thuỷ cho uống ấm, cho uống chận cữ trước khi nên cơn một lát, hoặc nửa hay đi tả tức là trục được đờm tích ra, chớ nên kinh sợ.

- Hoặc sốt rét mà ăn uống kém thì dùng một tễ Đối kim sẽ ăn được tiêu. Nếu còn biến chứng thì nên tìm phương khác.

Bàn thêm: trừ tà ở trong đờm (đờm tích) đã có phương này, còn chống tà ở ngoài, há không tìm gốc của nó! Hãy mượn Hùng hoàng là tinh tuý của Thái dương, bẩm khí của trời đất mà sinh ra, nếu có 5-3 lạng đều để dự phòng, thì các loại tà khí không thể xông vào được. Mặc dù nghỉ ngơi chỗ cây cao bóng cả, dâm tà yêu quái phải lánh xa, hoặc ngao du với nơi rừng xanh nước biếc, sâu rắn hùm beo đều phải tránh. Nó lại chữa cả nọc rết cắn (Mài với rượu uống và bôi), há có thể coi thường công dụng của Hùng Hoàng được sao!

X. THẬP THẦN THANG (Cục phương)

Chữa ôn dịch truyền nhiễm, bốn mùa đều có một loại bịnh như nhau, là vì thời khí bất thường, âm dương hỗn tạp, như mà xuân khí trời ấm áp mà lại dấy lên gió lạnh nấp nấu đến mùa hè nóng bức : Mùa thu mát mẻ mà lại mưa dầm khí lạnh như thể mùa đông khắc nghiệt cho nên già trẻ đều bị cảm, đột ngột nóng rét, đau đầu, xương thịt đau nhức, ngoài da nóng rưng rức không có mồ hôi, miệng khô đòi uống nước luôn, nhưng không bỏ quần áo, bệnh cảm không phân rõ trong ngoài (biểu ký), chứng không biện rõ âm dương bàn nhiệt để dùng.

CÔNG THỨC

Ma hoàng bỏ đốt, Hương phụ sao chín, Trắc bá diệp, Bạch chỉ, Xuyên khung, Trần bì, Cát cánh, Xích thược, Thăng ma, đều 3 đồng cân, Cam thảo bỏ vỏ 2 đồng cân Gừng 3 miếng, Hành 2 cây, Táo 3 quả, sắc uống lúc thuốc còn ấm, uống xong lấy áo đắp đầu một chốc, tà khí theo mồ hôi ra sẽ khỏi.

GIA GIẢM

- Sốt cơn, gia Mạch môn, Hoàng cầm.

- Đau đầu, gia Ngũ vị tử, Cát cánh.

Ho có đờm, gia Đinh hương, Nhân thảo quả.

- Ăn ít, gia Sa nhân, Bạch truật.
- Dạ dầy căng tức, gia Chỉ xác, Bán hạ.
- Chảy máu mũi, gia Ô mai tán hột, Rễ tranh rửa sạch đều 3 đồng cân.
- Bụng trướng đau, gia Can khương, Bạch truật.
- Lạnh đau sôi bụng, gia Bạch truật, Can khương, Sài hồ.
- Bụng bí đầy, đại tiện bí kết, gia Đại hoàng, Phác tiêu.
- Ỉa chảy gia Nhục khấu, Hoắc hương.
- Bạch đới, gia Đương quy, Chỉ xác, Hoàng liên.
- Khí hư, đờm lạnh, gia Nhân sâm, Bạch linh, Nhục quế.

XI. Ô ĐƯỚC THUẬN KHÍ (Cục phương).

Chữa tay chân bại liệt, bụng dạ lạnh đau, da thịt ngứa gãi, sôi bụng, đầy bụng, kết hòn, và phụ nữ khí huyết ngưng trệ ; kinh nguyệt không đều, phương này khiến cho thuận khí sơ phong, tán trệ khai uất.

CÔNG THỨC

Ô dược 2 đồng cân, Trần bì 2 đồng cân, Ma hoàng, Cát cánh, Xuyên khung, Bạch chỉ đều 1 đồng, Cương tằm sao vàng, Can khương đều 5 phân, Cam thảo nướng 3 phân. Thêm gừng táo đổ nước sắc uống.

GIA GIẢM

- Đổ mồ hôi hay mồ hôi trộm thì gia Hoàng kỳ, Ma hoàng, bỏ đốt.
- Mình mẩy đau nhức, gia Nhũ hương, Quy thân, Cát cánh.
- Sốt cơn thì bỏ Can khương.
- Đau lưng, gia Đỗ trọng, Hồi hương.
- Huyết hư phát sốt về đêm thì gia Xương hổ tẩm rượu nung tán nhỏ, Mộc hương 2 đồng cân.
- Đau đầu gia Kinh giới, Xuyên khung.
- Chân phù tê liệt, gia Khương hoạt, Độc hoạt, Ngũ gia bì, Phong phong.
- Tay chân phù thũng, gia Ngưu tất, Khương hoạt, Độc hoạt, Ngũ gia bì.
- Phụ nữ phong khí, gia Phòng phong, Kinh giới, Bạc hà, Cẩu tích, Thạch hộc, Mộc qua ; Thấp khí gia Thương truật, Tam lăng.
- Suốt mình tê rét, gia Phụ tử chế, Xuyên khung, Quan quế ; Bại liệt bên tả hay bên hữu, gia Thiên ma, Ích mẫu, Ma Hoàng, Dương quy, Tật lê, Tấm rượu.

XII. NGŨ TÍCH TÁN (Cục phương)

Trị 5 chứng tích. Tích có những nguyên do mà thành : Hễ làm người, kẻ thì công cán việc nước việc vua mà xông pha mưa gió, hoặc kẻ vì gánh gia đình mà sáng đi tối về dốc sức ra đồng

ruộng, cho nên được hình thành do khí thấp chưng bốc, chứng đờm làm cho da thịt thũng nề, bụng trướng ho đờm, thân thể tay chân nặng nề, và lại nằm nơi đất ẩm, tay chân phù thũng, hoặc ăn thức sống lạnh mà thân thể lạnh tê, đều thành thấp trệ mà khí chạy vào trong. Ở phụ nữ thì kinh nguyệt không thông, nam nữ đều bị hàn thấp làm cho kinh lạc bế tắc, tất cả cái đó đều biến thành những chứng tích. Khéo chữa thì dù là hàn tích, thấp tích, khí tích, huyết tích đều nên dùng :

CÔNG THỨC

Nhân sâm, Bạch truật, Bạch linh, Bạch thược, Chỉ xác, Ma hoàng, Can khương, Cát cánh, Khương hoạt, Độc hoạt, Bạch chỉ, Trương thuật, Hậu phác, Đương quy, Bán hạ, Quế chi, Cam thảo, các vị bằng nhau, Gừng 5 miếng, Hành 2 tép, Nước 1 tô, rượu 1 chén sắc uống ấm.

GIA GIẢM

- Chân tay phù thũng thì Ngũ gia bì, Khương hoạt, Độc hoạt, Phòng phong, Phòng kỷ.
- Đau lưng, gia Xạ hương, Hồi hương.
- Sán khí, gia Mộc hương, Hồi hương, Ngô thù du.
- Tay chân co quắp, gia Mọc qua, Ngưu tất, Ngũ gia bì, Binh lang.
- Ho đờm, gia Ngũ vị tử, Tang bạc bì, Hạnh nhân, Bố mẫu, Mã đâu linh.
- Đau minh, gia Nhũ hương, Mộc dược, Quế chi.
- Người gia chân tay đau nhức, hợp phương này với Ô dược thuận khí.

XIII. TỨ QUÂN THANG (Cục phương)

Chữa trai gái già trẻ, ngoại cảm nội thương, nguyên khí hư, tỳ vị yếu, ăn uống kém, người gầy yếu, da xanh vàng, phế hư miệng khát, mũi thở to, da dẻ nóng, khí huyết khô khan, dùng :

CÔNG THỨC

Nhân sâm 3 đồng cân, Bạch linh bỏ vỏ 3 đồng cân ; Bạch truật 1 lạng. Cam thảo 3 đồng cân, sắc uống mỗi ngày 3 lần.

- Nếu người trắng bệu, khí hư thường có ho đờm thì dùng phương này hợp với Nhị trần thang, mà Trần bì bỏ lớp xơ trắng, Bán hạ, chế với gừng.

GIA GIẢM

- Hư hàn thì gia Can khương, Nhục quế.
- Ho có đờm thì hợp với Nhị trần thang.
- Nôn mửa, gia Hoắc hương, Hương phụ, Sa nhân.
- Đau bụng lạnh, ỉa chảy, gia Kha tử, Đậu khấu, Trần bì, Mộc hương.
- Tỳ hư nhác ăn, gia Mạch nha, Sa nhân, Thần khúc.
- Thở ngắn hơi, biếng nói, gia Hoàng kỳ tẩm mật nướng, Dương quy, Sài hồ, Trần bì, Thăng ma (ít) (tức hợp với bổ trung ích khí thang).
- Khí huyết đều hư, thì hợp với Tứ vật thang, gọi là Bát trân thang.

- Nóng rét qua lại, gia Sài hồ, Bán hạ chế (hợp bối tiểu sài hồ thang).

- Sốt rét có cử, gia Thường sơn, (tẩm rượu đồ phơi), Thảo quả, Binh lang, Hậu phác, Trần bì, Thanh bì.

- Khí khối, báng hơi, gia Tam lăng, Nga truật.

- Miệng khát, gia Cát căn, Thiên hoa phấn, Ô mai nhục.

- Tâm phiền gia Mạch môn, Trúc nhự, Liên nhục, Tác nhân sao, Viễn chí, Chu sa.

- Trẻ em kinh giản, gia Toàn yết, Bạch phụ, Tế tân.

LỜI KẾT

Về 13 phương trên đây, tiêu chuẩn gốc ngọn trong ngoài, không có chỗ nào không đủ. Nhưng bệnh trước và sau không như nhau, thời tiết có khác nhau, càng nên xem bệnh tuỳ theo từng người mà lập phương, cẩn thận chớ câu nệ.

Những người giàu sang, ăn uống cao lương mà nhiều lòng dục, ngoại cảm ít mà nội thương nhiều. Những người nghèo khó, rau cháo cầm hơi làm lụng lao lực, ngoại cảm nhiều mà nội thương ít. Tăng ni goá bụa, bốn hạng người này, giam cầm nhẫn nhục đều là u uất. Người già thì khí hư huyết ít chẳng ngờ, trẻ em thì âm ít dương nhiều thật nghiệm. Do đó chứng có hư thực khác nhau, nên biết bổ hay không tuỳ lúc. Người yếu thì nên bổ gốc, chẳng nỡ dùng phương tả thực, người khoẻ thì nên bổ ngọn, chẳng phải dùng thuốc bổ hư. Theo từng loại mà suy rộng ra, mới có thể nói là khéo vậy.

PHỤ : BỔ ÂM ĐƠN

Chủ trị các chứng tinh huyết hao tổn, âm hư hỏa động, hư lao sốt cơn, ho khan khác ra máu, di tinh, mồ hôi trộm...

Thục địa 5 lạng, Quy bản, Tri mẫu, Hoàng bá đều 3 lạng, Thiên môn, Mạch môn, Kỷ tử, Bạc thược đều 2 lạng. Ngũ vị tử 1 lạng, Can khương 3 đồng cân.

Cách chế : Các vị trên đun vào cân nhà thanh tĩnh, tán rây nhỏ, luyện với mật ong và tuỷ xương sống heo làm viên to bằng hạt ngô đồng, liều uống 20 viên, thang bằng rượu hâm nóng, uống lúc canh năm.

- Di mộng tinh, gia mẫu lệ (nung tán nhỏ). Bạch truật, Sơn thù du, Sư căn bạch bì (cạo bỏ vỏ thô).

- Xích trọc, gia Hoàng liên, Bạch truật, Bạch linh, Sơn chi tử.

- Chân yếu đi không có sức, gia Xuyên ngưu tất, Mộc qua, Phòng kỷ, Hổ hình cốt (nung nóng rồi ngâm nước, làm 7 lần như thế, sao giã dập mà dùng).

- Sán khí, gia Thương truật, Xuyên khung, Thanh bì, Ngô thù du, Sơn chi tử, Hoàng oanh, Mộc qua.

- Tỳ vị yếu và đau dữ, sợ rét, ỉa chảy, gia Bạch truật, Can khương, Trần bì (bỏ xơ trắng).

- Khí hư gia Bạch linh.

- Mắt mờ, gia Xuyên quy, Sài hồ, Hoàng liên, Tê giác, Cúc hoa, Mạn kinh tử.

- Mạch tả xích hư, hữu xích vi, dương sự bất cử, gia Hắc phụ tử, Nhục quế, Trầm hương.

- Bài bổ âm hoàn với phép gia giảm tuỳ chứng trên đây là thuốc điều bổ tất cả các chứng ngũ lao, thất thương, hư tổn, già yếu, ốm lâu ngày, có công bồi bổ căn cố bản rất lớn.

Nên xét mạch bộ Xích bên tả hư yếu, và bộ xích bên hữu nhỏ bé mà đương sự không nhạy thì mới gia các vị dương dược để tiếp bổ chân hoả. Nếu tỳ phế đều hư mà mạch các bộ thốn, quan bên hữu yếu, không có lực, thì gia Phục linh để bổ khí.

Hoàn bổ âm trên đây là tuỳ chứng gia giảm gồm bổ tất cả cá chứng lao thương hư tổn, mọi chứng suy yếu ở người già, bênh đau lâu, đều có công năng bồi bổ căn bản.

Chu đan khê : "Dương thường có thừa, âm thường không đủ". Huống là đời nay phần nhiều tảo hôn trác táng, thiên quý chưa đến mà đã vội xài xể khiến âm tinh đã kiệt mà lại trút túi nốt, cho nên chết non. Muốn được sống lâu, nhất thiết cần nên thanh tâm, tiết dục, bế tinh, dưỡng khí, để bảo tồn Nguyên thần, răn ngừa lòng tham, nén cơn tức giận, điềm đạm hư vô, để giữ vẹn chân khí ở trong.

Vả lại thường xuyên cần có lao động nhẹ, và mỗi buổi sáng sớm, hít thở khí trong lành, vận động thân thể tay chân, để rèn luyện thân hình ở ngoài, thì có thể hưởng thọ tuổi trời vậy.

THƯƠNG HÀN TAM THẬP THẤT CHUỲ (1)

(BA MƯƠI BẢY PHƯƠNG CHỮA THƯƠNG HÀN)

Y ĐẠO TUỆ TĨNH TRÙNG SAN CẨN TỰ

(Tựa đề khi khắc lại sách về y đạo tuệ tĩnh)

Sách này, căn nguyên giúp đời sống lâu, sử dụng làm xuân trẻ lại.

Thần nông, Hoàng đế nếm cỏ cây mà biết đủ mặn chua ; Biển thước, Hoa Đà xét tạng phủ mà biến thông kinh lạc. Chế phương thuận khí hoá đàm ; dùng phép tham tâm thay cốt. Giúp đời sống lâu, thuốc thang châm cứu, hiệu quả vẹn toàn. Cứu người lợi vật, sách vở pháp phương, tôn sư truyền mãi. Thông thánh diệu huyền, người nói từ lâu : kịp như Lão sư Tuệ Tĩnh, phép tắc cao kỳ, y học sâu rộng, là vị tổ sư của y giới.

Sắc không phòng bệnh, thanh tĩnh trẻ lâu.

Trừ nguy mà vạn bệnh hồi xuân, khỏi bệnh mà bát truân nhuận sắc. Đạo theo từ Thiên trúc : Đức rộng tựa Man tinh. Nghiên cứu phương thang suốt thông 27 khí : đề cương dược tính chia làm 37 chuỳ (1) Làm theo chốt chữa bệnh hiểm nghèo : vạch mẫu mực soi đường muôn thuở.

Lý như vậy, nhưng nhờ phép trước Chỉ thực, kẻ hậu học noi thiêng. Đọc sách như đuốc xoi đêm tối, tỏ rõ xanh vàng, xem thấy như trời tạnh mây quang, rạng vì tinh tú. Vĩ đại thay, sung sướng thay !

Ôi : Đạo Nho là cùng lý mà thôi, đạo Y chỉ vận khí đó vậy. Người học có thể không theo đường lối này mà tìm cái tinh tuý ẩn khuất được ru ; như thế mới biết đạo y của Tuệ Tĩnh vậy.

(Đoạn này tóm ý : Bỏ tiền ra khắc in sách này, chỉ nhằm phổ cập cho nhân dân xa gần, để lưu truyền về sau, nên viết tựa này).

THƯƠNG HÀN CÁCH PHÁP TRỊ LỆ MỤC LỤC

Thượng cổ lạo thiền Hoằng Sưởng Vô Trạch Tuệ Tĩnh soạn tập bi dụng tam thập thất phương tựu chú tam thập thất chuỳ pháp.

1. Thăng dương phát biểu thang (Thăng dương phát biểu)

---

(1) Chuỳ : Cái giùi.

2. Sơ tà thực biểu thang.
3. Khương hoạt xung hòa thang
4. Lục thần thông giải thang
5. Sài cát giải cơ thang
6. Sài hồ song giải thang
7. Quế chi Đại hoàng thang
8. Gia vị Lý trung thang
9. Nhân trần tướng quân thang
10. Đạo xích thang
11. Lục nhất thuận khí thang
12. Như thần Bạch hổ thang
13. Tam hoàng thạch cao thang
14. Tam hoàng cự thắng thang
15. Xung hoà linh bảo thang
16. Đào nhân thừa khí ẩm
17. Tiêu ban Thanh đại ẩm
18. Sinh địa Cầm Liên thang
19. Gia vị Tê giác Địa hoàng thang
20. Hồi dưỡng cứu cấp thang
21. Hồi hương pháp bản thang
22. Sài hổ Bách hợp thang
23. Như thánh ẩm
24. Ôn kinh ích nguyên tán
25. Tiêu dao thang
26. Thăng dương tán hỏa thang
27. Tái tạo ẩm
28. Hoàng long thang
29. Điều vinh dưỡng vệ thang
30. Đạo xích các bản thang
31. Ích nguyên thang
32. Quế Linh thang
33. Đương quy hoạt huyết thang
34. Gia vị đạo đàm
35. Gia vị điều trung ẩm
36. Gia giảm tục mệnh thang
37. Hoàng liên giải độc thang.

THƯƠNG HÀN CÁCH PHÁP TRỊ LỆ QUYỂN CHI HẠ

Thượng cô lão Thiền Hoằng Sưởng Võ Trạch Tuệ Tĩnh soạn tập. Bi dụng tam tập thất phương tựu chú tam thập thất chuỳ pháp (trang 35a - 36a bản Hồng Nghĩa Giác Tư Y Thư A.162)

NGUYỄN THANH GIẢN phiên dịch
san định do NGUYỄN TRUNG HÒA.

BA MƯƠI BẢY PHƯƠNG CHỮA THƯƠNG HÀN

(THƯƠNG HÀN TAM THẬP THẤT CHUỲ) (1)

Phàm thương hàn gây bệnh là vì nó bị cái khí lạnh nghiệt ngã, trúng nhằm khi đó là phát bệnh tức thời, gọi là "thương hàn" ; nếu chưa phát bệnh ngay, hàn độc ẩn náu trong bì phu, sang đến mùa xuân sẽ biến thành ôn bệnh đến mùa hè biến thành Thử bệnh, nóng nhiều nặng hơn bệnh ôn. vì thời tiết phát bệnh khác nhau, cho nên cách chữa không xen lẫn lộn được.

Tạo sao hàn tà mới trúng lại vào phần biểu trước ?

Vì kinh Túc Thái dương hàn thuỷ đi phía sau lưng, từ đầu đi qua suốt sống lưng, nên có các chứng nhức đầu, cứng sương sống mà sợ lạnh. Ở kinh mạch khác thì không có các chứng này. Huống chi kinh này lại là giềng mối của toàn thân, là chủ khí các kinh dương, ví như con đường đi thông ra các ngã. Nếu chữa lầm thì tai biến không thể nói xiết được.

I

Thứ nhất thang Thăng dương phát biểu,
Chủ thương hàn phép bảo rằng hay,
Ba đông lạnh lẽo rét thay
Xông xương đột giá đang tay việc vàn,
Đêm ngày khó nhọc dám van,
Sức khôn chịu được thương hàn sở thương.
Phải liền đau đớn ghê đường,
Nhức đầu như bổ, đau lưng như gò,
Đến khí cơn rét nằm co
Mồ hôi chẳng có ráo khô lại làm,
Thấy mạch phù khẩn lại tham
Sơ tà phát biểu khá làm khai thông,

1. Thăng dương phát biểu thang

Tức ma hoàng thang gia giảm, chủ trị bệnh chính thương hàn mùa đông, nhức đầu phát sống, sợ lạnh, cứng sống lưng, mạch phù khẩn, không có mồ hôi. Đó là Thái dương Bàng quang kinh thụ hàn tà, đầu nhức như búa bổ, mình nóng như đốt, dùng thang này mà phát hãn.

---

(1) Bài này chỉ được phép ở quyển hạ bản Hồng Nghĩa Giác.tư y thư A.162 không thấy ở bản sách in AB 306 năm 1733

CÔNG THỨC

Ma hoàng,	Quế chi,	Phòng phong
Hạnh nhân,	Cam thảo,	Bạch chỉ
Thăng ma,	Xuyên khung,	Khương hoạt

Các vị đều bằng nhau, nước 2 bát, gừng 3 miếng, táo 2 quả, thêm 2 muỗng mạch nha (di đường) sắc uống ấm

Bản kinh có chứng sợ lạnh, nhức đầu, không mồ hôi mà suyễn, dùng phương này bỏ Ma hoàng, gia Cát căn.

II

Thứ hai thang sơ tà thực biểu,
Chữa thương phong phép bảo rằng hay.
Trời đông giá rét heo may,
Dầu sương dãi gió đang tay làm dùng,
Đêm ngày khó nhọc đột xông
Sức khôn chịu được cảm phong thương hàn,
Phải liền đau đớn thiên ban,
Nóng mình sốt rét chẳng an trong lòng
Nhức đầu trái gió, sởn rùng
Đau lưng luống những ròng ròng mồ hôi,
Thấy mạch phù hoãn thường lai,
Đích thương phòng chứng chẳng sai đâu là.
Hợp dùng thực biểu sơ tà,
Tự nhiên biểu giải lý hoà nên công.

2. Sơ tà thực biểu thang

Tức Quế chi thang có gia giảm, chữa chính chứng thương phong về mùa đông, nhức đầu phát sốt, sợ gió, cứng sống lưng, mạch phù hoãn, tự đổ mồ hôi vì kinh túc thái dương cảm phong tà, cách chữa phải thực biểu tán tà, nếu không có mồ hôi không nên dùng.

Công thức

Quế chi,	Thược dược,	Cam thảo
Phòng phong,	Xuyên khung,	Khương hoạt.

Các vị đều bằng nhau, nước 2 chén, gừng 3 miếng, táo 2 quả, sắc còn 1 chén uống ấm. Nếu ra mồ hôi không ngừng gia Hoàng Kỳ, suyễn gia Sài hồ, Hạnh nhân, trong bụng no buồn bực tức gia chỉ xác, Cát cánh, Hoàng Kỳ tức là xung hoà thang, lại không khỏi dùng Tiểu sài hồ thang gia hai vị Quế chi, Thược dược.

III

Thứ ba, thang Xung hoà Khương hoạt
Chữa xuân hè thu tiết phải đau,
Ba đông xung đột bấy lâu
Khí nhiều sức mạnh chẳng âu việc vàn.
Sang xuân phát bệnh chẳng an
Bởi xưa mạo thuở đông thiên phong hàn
Nhức đầu rét dữ thiên ban,
Mồ hôi không có hợp toan mà dùng,

3. Khương hoạt xung hòa thang (1)

Chữa 3 mùa cảm mạo rét đột ngột, nhức đầu, bệnh kinh Thái dương không có mồ hôi.

Công thức

Xuyên khung,	Bạch chỉ,	Khương hoạt,
Phong phong,	Thương truật,	Hoàng cầm,
Tế tân,	Cam thảo,	Sinh địa.

Các vị đều bằng nhau, không nên nhiều ít, nước 2 chén, gừng 3 nhát, hành 2 củ. Gia 1 dúm Đậu sị, sắc uống ấm ra được mồ hôi thì rất tốt, dùng khăn dầy đắp kín cả đầu, hễ thấy trúng bệnh thì thôi không nên uống nhiều, uống nhiều sẽ sinh bệnh ôn, hè chữa nhiệt, thu chữa thấp, chữa tạp bệnh có công hiệu tốt.

GIA GIẢM

- Trong ngực no hơi bực tức, bỏ Sinh địa, gia Cát cánh, Chỉ xác.
- Mùa hè dùng bài này thì gia Thạch cao, Tri mẫu.
- Không có mồ hôi gia Tía tô.
- Suyễn sợ lạnh gia Hạnh nhân, bỏ Địa hoàng, sau khi ra mồ hôi mà chưa khỏi thì cho uống bận nữa.
- Hãn hạ kiêm hành thì gia Đại hoàng tức là cách chữa "rút củi dưới nồi để giảm nhiệt bốc".
- Chứng ba mùa cảm mạo, cảm khí lạnh trái mùa cũng có nhức đầu sợ lạnh, mình nóng, mạch phù, tự ra mồ hôi, nên làm thực biểu bỏ Thương truật gia Bạch truật.
- Mồ hôi ra không cầm được, gia Hoàng lỳ.
- Phát sốt sợ lạnh, đau mình, gia Thương truật, Thược dược, bỏ Hạnh nhân.

---

(1) Khương hoạt xung hoà thang. Của Trương Nguyên Tố, lập luận rằng ; có mồ hôi không được dùng Ma hoàng, không có mồ hôi không được dùng Quế chi, nếu uống nhăng thì biến chứng không nói xiết, cho nên lập ra phương này để không phạm vào chỗ cấm kỵ của ba hương là thần phương giải biểu, có tên là Cửu vị Khương hoạt thang.

- Mình co quắp, mặt sưng đỏ là do không đi giải được, bỏ Bạch chỉ gia Hạnh nhân Thăng ma, Sài hồ, Thược dược.

- Cảm hàn nặng, uống 1 thang chưa ra mồ hôi, thì cho uống 1 thang nữa, nếu uống hai ba thang rồi mà vẫn không ra mồ hôi, thì cho uống 1 thang, tuỳ bệnh nặng nhẹ mà chia ra uống nhiều ít cho thích đáng.

Nhật xét : Dùng các vị bằng nhau thì lượng Tế tân và Cam thảo nhiều quá, cần sét lại?

IV

Thứ tư thang lục thần thông giải
Chủ vãng phát (55) tiết phải tháng ba.
Nhức đầu, sốt rét đấy là.
Mạch lại hồng sác, Xung hoà phục sơ (57)
Chữa xưng (58) thông giải lại gia.
Cầm, Kỳ, Cam thảo, cùng là Xuyên khung.
Thạch cao, Hoạt thạch lại dùng.
Khương hoạt, Thương truật, miễn (59) cùng Tế tân.
Truỳ pháp Thông. Sị (61) bộ phần hiệu thay.
Nhiệt phục thủ hãn (62) đăng tay.
Trúng bệnh tức chỉ (63), hiệu thay lạ thường !

4. Lục thần thông giải thang (64)

Chữa bệnh thời khí phát về tháng ba, gọi là vãng phát, nhức đầu, nóng mình ghét rét, mạch hồng sác, trước đã dùng xung hoà thang không khỏi thì sau cho uống thang này.

Ma hoàng	Hoàng kỳ	Tế tân
Xuyên khung	Khương hoạt	Thương truật
Hoàng cầm	Cam thảo	Thạch cao
Hoạt thạch		

Các vị trên, Gừng 3 lát, nước hai chén.

Chuỳ pháp : thêm Đậu sị 1 dúm, Hành 2 củ, sắc uống nóng cho ra mồ hôi, trúng bệnh thì thôi.

V

Thứ năm thang Giải cơ sài cát.
Túc Dương Minh vị nhiệt truyền kinh.
Đầu đau, quầng mắt nhức quanh.
Mũi khô, không dử (ghèn) nhiều hành buồn song (?)
Dù thấy mạch đến vi hồng, (65)

Theo mùa gia giảm, hợp dùng khá cho.
Cát căn, Cam thảo, Sài hồ,
Khương hoạt, Bạch chỉ dùng no đủ liều.
Hoàng cầm, Cát cánh cũng nhiều.
Trước sau bảy vị, lượng đều bằng nhau.
Táo, Khương thanh thủy sắc ngao, (66)
Chùa pháp gia Nhuyễn Thạch Cao một đồng.
Bản kinh (67) phải thuở mùa đông.
Mồ hôi không có, rét rùng khôn đang.
Bỏ hoang cầm gia Ma hoàng.
Xuân lại khác đường, thiểu thiểu gia chi (68)
Hè, thu tịnh khử bất nghi (69)
Ta lại cùng thi gia lá Tía tô,
Mồ hôi khát nước chẳng lo,
Như thần Bạch Hổ (70), mặc dù khá hay!

5. Sài cát giải cơ thang (71)

Tức Các căn thang gia giảm, chữa bệnh chứng Túc Dương minh vi, đầu đau, quẩng mắt, nhức, mũi khô, không dữ, mạch hơi hồng.

Công thức

Sài hồ, Cát căn	Cam thảo	Hoàng cầm,
Khương hoạt,	Bạch chỉ,	Cát cánh

Các vị trên nước hai chén, gừng 3 miếng, táo 1 quả. Gia Thạch cao 1 đồng sắc uống, nếu không mồ hôi, sợ lạnh quá thì bỏ Hoàng cầm gia Ma hoàng (mùa đông nên gia nhiều, mùa xuân gia ít, mùa hè mùa thu thì không gia là thay lá Tía tô).

Có mồ hôi mà khát nước thì chữa bằng bài Như Thần Bạch hổ thang sau đây.

Nhận xét : Bài này nguyên là thuốc tán đổi làm thang, Nguyên phương của Đào tiết Am chế để thay Cát căn thang, nội dung có Thược dược ở đây không có, nghi sót.

VI

Thứ sáu, Sài hồ song giải ẩm,
Túc dương minh truyền đến đớm kinh.
Thoạt đầu sốt rét nóng mình,
Tức sờn ụa oẹ rành rành vang tai,
Cổ khô miệng đắng đầy thay,
Bán biểu bán lý mạch lau sắc huyền,
Hãn hạ thổ chớ khả nên
Hợp dùng hoà giải, bệnh liền giai tô.

6. Sài hô song giải ẩm.

Tức tiểu Sài hồ thang gia Trần bì, Thược dược, chữa kinh túc, Thiếu dương đờm thụ tà, sinh ra chứng tai điếc, sườn đau, nôn mửa, miệng đắng, lưỡi khô, mạch huyền sác, thuộc chứng bán biểu bán lý, nên hoà giải.

Vì đờm kín không có lối ra vào, nên cấm dùng ba phép hãn, thổ, hạ, chỉ, có bài này tuỳ chứng gia giảm mà không có bài nào khác.

Công thức

Sài hồ	Hoàng cầm,	Bán hạ,	Cam thảo
Nhân sâm,	Trần bì,	Thược dược.	

Các vị trên, dùng nước 2 chén, gừng 3 miếng, táo 2 quả. Cho thêm ba muống nước Ngải cứu sắc cho uống ấm.

Gia giảm

- Tiểu tiện không thông, gia Phục linh
- Nôn mửa, gia Trúc lịch, Khương trấp.
- Đau sườn, gia Thanh bì.
- Có đờm, gia Qua lâu, Hạnh nhân, Bối mẫu.
- Nóng rét tựa sốt rét gia Quế chi.
- Khát nước, gia Thiên hoa phấn, tri mẫu.
- Răng khô không nước bọt, gia Thạch cao.
- Họ, gia Ngũ vị tử, Kim phí thảo (Toàn phúc hoa).
- Hoại chứng, gia Miết giáp.
- Dưới tâm no hơi đầy tức chứa khỏi là biểu tà truyền vào lồng ngực, chưa vào phủ, không phải chứng hết hung, tuy có đầy tức, nhưng còn ở biểu, chỉ nên dùng Tiểu Sài hồ gia Chỉ thực. Nếu vẫn chưa giải thì dùng bài này với bài Tiểu Hãm hung thang gia Cát cánh, uống 1 lần thì tự thấy kiến hiệu như thần
- Chứng thương hàn hư phiền thì gia trúc điệp, gạo nếp sạo.
- Hợp bệnh thiếu dương + Dương minh gia Cát căn, Thược dược thì thu công hiệu được dễ dàng như nhặt hạt cải vậy.
- Đàn bà nhiệt nhập huyết thất, gia Đương quy vĩ, hồng hoa.
- Đàn ông có chứng nhiệt nhập huyết thất (1) gia sinh địa hoàng.
- Đàn bà thương hàn không có biểu chứng, nôn nhiều, gia đại hoàng, nặng hơn nữa gia Mang tiêu.

Nhận xét : Phương này, theo Thọ thế (thương hàn chư phương/5) có Bạch linh, không có Trần bì

---

(1) Nhiệt nhập huyết thất đàn ông : huyết, chỉ vào tạng can, cho rằng là cái bể chứa khi bệnh biến nó lại vượt.

VII

Thứ bảy thang Đại hoàng, Quế chi
Túc dương minh truyền chí tỳ gia
Bởi nẻo dương kinh nhiệt tà,
Âm kinh truyền chí thực là phải hay.
Phúc trung thống mãn hằng đầy,
Miệng khô mà khát chân tay ôn hòa,
Mạch trầm có lực cùng ra,
Tức hạ vị phủ nhiệt tà lợi đi.

7. Quế chi đại hoàng thang

Chữa bệnh ở Túc Thái âm tỳ, bụng đầy đau, họng khô, khát, tay chân ấm áp, mạch trầm có lực, đó là vì nhiệt tà kinh dương truyền vào kinh âm.

Công thức

Quế chi,	Thược dược,	Đại hoàng,
Chỉ thực,	Sài hồ,	Cam thảo

Các vị trên, nước 2 chén, gàng 3 miếng, táo 2 quả, sắc uống lúc sáng sớm.

Dùng Bình lang mài lấy nước đặc 3 muỗng, pha vào uống khi còn ấm.

Kinh này bụng đầy, không sợ lạnh mà suyễn gia Đại phúc bì bỏ Cam thảo.

VIII

Thứ tám gia vị Lý trung ẩm
Túc thiếu âm thận cảm tà lai,
Tự lợi, bất lợi, khôn nài,
Hữu khát, hư khát mạch lai hư trầm.

8. Gia vị lý trung ẩm

Chữa chứng đi lỏng hoặc đại tiện không thông, đó là chứng tạng hàn, Túc Thiếu âm thận bị bệnh, khát nước hoặc không khát, không nóng, mạch trầm, vô lực.

Công thức:

Can khương,	Nhục quế,	
Nhân sâm,	Bạch truật,	
Bạch linh,	Trần bì,	Cam thảo,

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng, Táo 2 quả, sắc xong, khi uống cho vào 1 muỗng đất vách cũ đã sao. Hoà đất vách cũ vào để uống là đem thổ khí trợ vị khí, kinh này đau bụng, bụng mềm, thường đầy thì bớt Cam thảo.

GIA GIẢM

- Nôn mửa, gia Bán hạ, nước gừng.
- Nằm co trầm trọng, đi lỏng không thôi, gia chút ít Phụ tử.
- Sau khi đi ngoài mình mẩy đau nhức, phải gia Phụ tử để gây ấm ngay.
- Đi lỏng, đau bụng gia Mộc hương mài với nước gừng hoà vào uống.
- Chứng Quyết âm tiêu khát, khí xung lên tâm, đói không thiết ăn, ăn vào mửa ra lãi ngay, đại tiện phân Táo gia Đại hoàng với ít mật để thông lợi.

Nhận xét : Phương này theo Thọ thế. Thương hàn chư phương (7) gọi là Gia vị Lý trung thang, không có Bạch linh.

IX

Thứ chín, Phương nhân trần thang ẩm.
Trúc thái âm tỳ,
Bụng đầy, mình mắt phát vàng.
Tiểu tiện không lợi, đại trường thực kiên phân táo.
Đầu hãn đến cổ thì thôi,
Mạch lại trầm trọng, khát phiền đôi khi.
Nhân trần liền có Sơn chi,
Đại hoàng, Chỉ thực dùng thì khá thông.

9. Nhân trần tướng quân thang

Chữa da vàng do Trúc Thái âm tỳ, mình mắt đều vàng, tiểu tiện không lợi, đại tiện rắn, thường khát nước, hoặc ra mồ hôi đầu mà chỉ ra đến cổ trở lại, mạch lại trầm trọng, nên dùng bài này.

Công thức:

Nhân trần,	Đại Hoàng,	Chi tử,
Hoàng cầm,	Hậu phác,	Chỉ thực,
Cam thảo.		

Các vị trên dùng 2 chén nước, gừng 3 miếng. Đăng tâm 1 nắm, sắc cho uống ấm.

Đại tiện tự điều hòa thì bỏ Đại hoàng, Hậu phác, gia Đại phúc bì để thông lợi.

Nhận xét : Phương này theo Thọ thế (Thương hàn chư phương 8) có dùng Hoạt thạch.

X

Thứ mười, phương danh rằng Đạo xích
Chủ nhiệt tà súc tích hạ tiêu,
Tiểu tiện chăng thấy lợi nhiều,

Vừa khó vừa ít, khát kha càng phiền,
Phép dùng dĩ lợi vi tiên,
Phục được thuốc ấy thì liền lợi ra,
Dù thấy dương minh hãn đa,
Dĩ lợi vi giới thực là khá răn.

10. Đạo xích ẩm

Chữa chứng thương hàn tiểu tiện không lợi, hoặc hạ tiêu tích nhiệt, hoặc uống nước nhiều quá, hoặc tiểu tiện ngắn, đỏ mà khát; mạch trầm sác thì lợi tiểu tiện trước, nhưng sau khi phát hãn thì mất tân dịch với chứng Dương minh ra nhiều mồ hôi thì chớ nên cho lợi tiểu nữa.

Công thức:

Trư linh,	Trạch tả,	Xích phục linh,
Quế Chi,	Bạch truật,	Hoạt thạch,
Sơn chi tử,	Cam thảo.	

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 1 miếng, đăng tâm 20 cái. Cho vào một ít muối (xúc nửa đồng tiền) hòa với thuốc mà uống.

GIA GIẢM

- Trúng thấp, mình mắt da vàng, gia Nhân trần.
- Có thủy khí kết ở lồng ngực, gia Mộc thông, Đăng tâm.
- Tiểu tiện không lợi mà ra mồ hôi đầu là dương thoát, không dùng được bài này. Nếu khi khỏi bệnh không sốt nóng, chỉ nói lảm nhảm, phiền toái không yên, tinh thần đổi khác, không dám gặp người thì nên dùng bài này mà chữa.

XI

Thứ mười một, Lục nhất thuật khí.
Chủ nhiệt là truyền lý sơ phân
Tung chăn vứt áo nằm trần,
Bồn chồn vật vã, tay chân càng phiền,
Kết thực khẩu táo yết càn
Thoạt nóng nói sảng, vọng ngôn, loạn cuồng,
Dương quyết triều nhiệt han hoàng
Tự hãn, phúc trướng, rắn càng đau ê,
Và thêm bĩ mãn nhiều tề (quanh rốn)
Chữa bấy nhiêu chứng đang khi hiểm nghèo.

11) Lục nhật thuận ký thang

Chủ trị chứng thương hàn, nhiệt tà vào phần lý đại tiện rắn miệng ráo họng khô, sơ nóng nói nhảm, tung chăm cởi áo, nói càn, khoa tay múa chân, phát vàng da, phát ban, chứng quyết

âm, sốt cơn, tự đổ mồ hôi, bụng trướng đầy rắn, quanh rốn đau, tức... đều chữa được cả, công hiệu của.

Công thức

Đại hoàng,	Chỉ thực,	Hậu phác
Mang tiêu,	Sài hồ,	Hoàng cầm
Cam thảo,	Thược dược	

Các vị trên, trước hết dùng hai chén nước, đun sôi ba dạo rồi cho 8 vị kia vào sắc còn 8 phần. Cho vào ba muỗng nước gỉ sắt hòa lẫn uống, lấy nghĩa tính của sắc là trầm nặng, giải nhiệt rất hay, khai binh như thần, thật là một phép báu.

Sốt cơn, tự ra mồ hôi, nói sảng, phát sốt, khoa tay múa chân, tung chăn cởi áo, nói càn bậy, phát ban, phát vàng da, đại tiện táo bón... đều thuộc chứng Dương minh vị phủ, nên theo đúng phương này.

Nếu đi lỏng ra thuần nước trong, dưới tâm rắn đau mà khát nước là bệnh thuộc kinh Thiếu âm, theo phương này.

Nói sảng, khát nước, đại tiện rắn, cần cho hạ gấp. Bệnh nhiệt mắt trông không rõ các vật là bệnh đã nặng lắm rồi, chỉ cần phải hạ ngay, theo phương này.

Mắt trông vật không rõ là mắt không tinh, chuyển thuộc khí là bảo đi lỏng, có phân táo, nên hạ theo phương này, nếu đi đại tiện được là khỏi.

Chứng kết hung dưới tâm đau rắn, tay không dám sờ vào, táo khát nói sảng, đại tiện rắn, theo phương này bỏ Cam thảo gia Cam toại, Cát cánh.

Phàm thương hàn truyền kinh đối với người già yếu, hoặc người huyết khí đều hư, hoặc đàn bà sau đẻ mà có chứng hạ hoặc hạ rồi không khỏi, hoặc biểu chứng chưa trừ mà lý chứng lại cấp, dùng thang này bỏ Mang tiêu, hạ thì khỏi nhưng sợ nóng vội nên có lời răn này.

XII

Mười hai, thang Như thần Bạch bổ,
Khát nóng mình mà đổ mồ hôi.
Thấy mạch phù hồng thường lui,
Hàn đã bất giải khát thay càng buồn

12) Như thần bạch hổ thang

Chữa chứng mình nóng khát ra mồ hôi không khỏi, hoặc kinh qua phát hãn không khỏi, mạch lại phù hồng, nên dùng bài này.1

Công thức

Thạch cao	Tri mẫu	Cam thảo	
Nhân sâm	Ngũ vị tử	Mạch môn	Sơn chi tử

(1) Như thần bạch hổ thang : tức Bạch hổ thang phối với Sinh mạch tấn bỏ gạo tẻ, gia Sơn chi tử mà nên.

Các vị trên, dùng 2 chén nước, gừng 3 nhát, táo 1 quả. Gia 10 lá tre (Đạm trúc diệp), sắc cho uống ấm.

- Trong lòng bứt rứt, gia 1 lọn Trúc nhự.

- Phát nhiều trong lòng bứt rứt, lưng sợ lạnh, theo phương này mà bỏ Sơn chi tử, gia Thiên hoa phấn.

- Nếu không khát thì không nên uống phương này.

XIII

Mười ba thang Tam hoàng phương giải (Thạch cao)
Chủ dương độc, bệnh phải sốt thay
Vàng mình vàng khắp chân tay
Ngoài da lốm đốm xem tày hòn son
Hai con mắt đỏ ngòm ngòm
Táo khát muốn chết chỉn khôn làm dùng
Lục mạch đều thấy đại hồng
Kêu rên, cuồng dại, nói rông Khôn-hàn
Răng vàng mặt đỏ tỷ can
Quý khinh hoại chứng hầu nên bệnh nghèo
Biểu lý kết nhiệt làm sao
Hầu nên phát hãn bệnh nào không lui
Lại mong thuốc hạ cho rồi
Đại tiện tần sắc nhặt thôi khốn nàn
Tiểu tiện chẳng lợi gian nan
Ắt có lầm chữa biến nên chứng này
Hoặc là bảy tám chín ngày
Quá khinh hãn hạ chẳng hay bề dừng
Mạch còn hồn sắc tăng tăng
Sốt rét co quắp mình hằng nặng thay
Hầu mong nội trị chứng này
Do biểu chưa giải khôn hay làm dùng
Lại mong làm thuốc ngoại công
Lý chứng lại cấp chẳng xong một bề
Tra tay không dám rụt rè.
Chờ chết thôi hỉ ? chứng nguy khốn nghèo
Chẳng hay bệnh chốn tam tiêu
Bế tắc kinh lạc thuốc liều không xong
Tân dịch vinh vệ bất thông

Bên nên chứng ấy trong lòng bất thông
Lại rằng hãn hạ lâu chầy
Tam tiêu sinh nhiệt mạch nay sắc hồng
Mơ màng mách nhảm nói rông
Đêm ngày suyễn cấp mũi ròng máu ra
Vàng khắp đầu mặt mình da
Thét gào muốn chạy thật là gian nguy
Phương này điều hạ trị chi

13) Tam hoàng thạch cao thang

Chữa chứng dương độc phát ban, mình vàng như bôi son, kêu la chạy cuồng, mạch lại hồng đại, táo khát sắp chết mũi khô, mặt đỏ, răng vàng, quá kinh mà bệnh không giải được đến nỗi thành hoại chứng, biểu lý kết nhiệt, phát hãn. Cũng có trường hợp chữa lầm mà trở thành hoại chứng, lại có khi bệnh qua 8-9 ngày sau khi đã phát hãn và cho hạ rồi mạch hồng sác, mình nóng dữ, co quắp trầm trọng, muốn chữa ở trong thì phần biểu chưa khỏi, muốn phát biểu thì chứng ở lý lại gấp, lần chần không dám chữa, chỉ chờ chết mà thôi. Không biết rằng bệnh ở tam tiêu sinh nhiệt, mạch hồng sắc, nói sảng không thôi, kêu gào muốn chạy... ngày đêm suyễn thở, mũi thường chảy máu, mình mắt đều vàng. Tất cả các chứng đó thường dùng bài thuốc này chữa rất hay mà người không biết.

Công thức

Thạch cao	Hoàng liên	Hoàng bá	
Hoàng cầm	Ma hoàng	Chi tử	Đậu sị

Các vị trên nước 2 chén, Gừng 3 miếng, Táo 1 quả. Cho 1 dúm trà vụn vào sắc uống nóng.

XIV

Mười bốn thang, Tam hoàng Cự thắng
Chủ dương độc các chứng bảo hay
Phát ban, cuồng loạn, sốt thay
Vọng ngôn, mục xích đêm ngày kêu rên
Mạch hồng 6 chỉ hàng mau
Đại tiện kết thực, lẽ nào không thông
Thượng khí xuyễn cấp chẳng xong
Dái co lưỡi thụt chữa tòng cho hay
Dùng quyền lập một phương này
Chữa bấy nhiêu chứng hiệu thay lạ thường

14) Tam hoàng cự thắng tham

Chữa trứng dương độc phát ban, phát vàng da, mê cuồng, nói sảng, khát nhiều, kêu rên,

mắt đỏ, mạch sác, đại tiện táo bón không thông, khí đưa lên, thở gấp, lưỡi thụt dái co, khó chữa, tạm lập phương này để cứu vãn.

Công thức: Tức Tam hoàng thạch cao thang bỏ Ma hoàng, Đậu sị, gia Đại hoàng, Mang tiêu. Các vị dùng 2 chén nước, gừng 1 miếng, táo 2 quả.

Sắc thuốc xong rồi cho 2 muỗng nước bùn vào, lọc trong cho uống, khỏi ngay.

Nhật xét : Phương này theo Thọ thế bảo nguyên (Thương hàn chư phương/14) chỉ có thực, Cam thảo.

XV

Mười năm, Xung hòa Linh bảo ẩm
Chủ thương hàn lưỡng cảm khôn xong
Sơ bệnh khởi tự đầu đồng
Ố hàn phát nhiệt trong lòng chẳng an
Rồi liền khẩu táo thiệt can
Dương thụ bệnh trước vậy thì thử đi
Phải phương liền đả tức thì
Biết tay biểu lý hợp suy mà dùng
Cho hay quyền biến đạo thường
Cứu biểu cứu lý hai đường khá phân.

15) Xung hoà linh bảo âm

Chữa chứng thương hàn lưỡng cảm (1) bắt đầu sợ lạnh phát sốt, miệng khô lưỡi ráo, vì kinh dương mắc bệnh trước nhiều, dùng thang này để thăm dò xem, trúng bệnh thì khỏi ngay.

Công thức :

Khương hoạt,	Phòng phong,	Xuyên khung,
Sinh địa,	Tế tân	Hoàng cầm
Sài hồ,	Cam thảo,	Can khương
Thách cao,	Bạch chỉ	

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng, táo 2 quả. Cho vào 2 dúm đậu đen sắc uống ấm, ra được chút mồ hôi là khỏi. Nếu không khỏi biểu chứng nhiều mà rất sợ lạnh mới nên dùng Ma

---

(1) Lưỡng cảm. Có hai nghĩa :
a) Chỉ vào hai kinh âm dương biểu lý đồng bị bệnh, lại gọi là "thương hàn hưởng cảm", như đã có chứng thái dương kinh biểu chứng đau đầu phát sốt, đồng thời có chứng thiếu âm như tinh thần mệt mỏi, chân tay lạnh, mạch vi.
b) "trúng cảm", cảm phải bệnh tà trúng phục như tạng phủ vốn có tính nhiệt còn bị ngoại cảm phong hàn nữa, xuất hiện chứng hậu cả biểu lẫn lý.

hoàng, Cản cát để giải biểu, lý chứng nhiều mà rất gấp trước dùng Điều vị thừa khí thang để công lý. Nếu bệnh trực trúng vào kinh âm, phát sốt đi lỏng, mình mẩy đau nhức, mạch trầm tế vô lực, không khát nước thì tách biểu chứng lý chứng ra mà chữa, đó là phép truyền biến lớn.

XVI

Mười sáu, thang Đào nhân thừa khí,
Chủ nhiệt, tà truyền lý sở thương,
Bởi nhân nhiệt kết bàng quang, (1)
Khiến người giãy giụa bằng đường tỉnh say,
Tiểu tiện tự lợi ra rày,
Đại tiện phân táo, rắn nay thành hòn,
Tiểu phúc đầy tức bồn chồn,
Vàng da, nói sảng, nói nhăng, khát phiền,
Mạch hồng hữu lực khá nên,
Hạ hết táo vật vậy bèn được yên,
Dù thấy vị phục chi tiên,
Nhi huyết tự hạ chẳng nên uống rày,
Tật nhiều sẩy đỡ liền tay,
Có mười vị thuốc mà hay lạ lùng,

16) Đào nhân thừa khí thang đối tử

Chữa chứng nhiệt tà truyền vào lý, nhiệt kết bàng quang, người như mê cuồng, tiểu tiện tự lợi, đại tiện phân táo, bụng dưới đầy đau mình và mắt vàng ra, nói nhảm, táo khát, là chứng súc huyết, mạch trầm có lực, nên dùng phương này để hạ hết phần táo là khỏi, nếu chưa uống thuốc mà huyết đã tự ra trước là khắp khỏi, không nên uống nữa.

Công thức :

Đào nhân,	Quế chi,	Mang tiêu,	
Đại hoàng,	Thược dược,	Sài hồ,	
Thanh bì,	Cam thảo,	Đương quy,	Chỉ xác

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng, sắc uống. Sắc nước Tô mộc lấy ba muỗng hòa lần vào cho uống.

---

(1) Nhiệt bàng quang. Vị trí của bàng quang ở hạ tiêu là phủ của kinh Túc thái dương như bệnh thái dương hàn không giải, hoá nhiệt nhập lý, tà nhiệt kết hợp với huyết khí theo kinh mạch mà kết ở bang quang, xuất hiện các chứng bụng dưới rắn đầy, đau gò không chịu được, phát sốt mà không sợ lạnh, thậm chí như cuồng gọi là "kết nhiệt bàng quang".

XVII

Mười bảy, thang Tiêu ban Thanh đại,
Chủ nhiệt tà, nội thực ngoại hư.
Bởi nhân huyết nhiệt bất trừ,
Cho nên thừa nhiệt tà sơ nhập bì
Mọc ra mình mẩy đôi khi.
Bé như chẩn tử, nặng thì cẩm văn
Bồn chồn ngứa ngáy mười phân
Chẳng hay lở nát nhiều phần hôi tanh,
Hoặc là bảo thuộc dương kinh,
Nhầm cho thuốc nhiệt mới thành gian nguy.
Hoặc nên hạ bất hạ chi
Hạ rồi không khỏi cùng thì biến ra
Đều chẳng khá hãn chi là,
Đại tiện táo rắn hợp gia Đại hoàng,
Bỏ rây Nhân sâm chẳng màng,
Biểu hư lý thực đích phương bí truyền,

17. Tiêu ban thanh đại ẩm.

Chữa chứng nhiệt tà truyền vào lý, lý thuộc hư, huyết nhiệt không tan, khí tràn ra bì phu, hoặc vốn thuộc dương uống lầm thuốc nóng, hoặc nên hạ mà không hạ, hoặc hạ rồi không khỏi... đều không nên phát hãn, nếu tiện thực gia Đại hoàng bỏ Nhân Sâm.

Công thức :

Hoàng liên,	Tri mẫu,	Thạch cao
Cam thảo,	Huyền sâm,	Sài hồ
Nhân sâm,	Sinh địa,	Thanh đại
Tê giác,	Sơn chi tử,	

Các vị trên dùng nước 2 chén, gừng sống 3 miếng, táo 2 quả, thuốc sắc tới chế vào một muỗng dấm mà uống.

XVIII

Mười tám, thang Cầm, Liên, Sinh địa,
Chủ các chứng ty nục thành lưu
Nhiệt độc xâm nhập khá âu
Kíp cùng phương ấp kíp hèo khá yên.

18) Sinh địa cầm liên thang

Chủ trị các chứng đổ máu cam chảy ròng ròng, lâu ngày không dứt do nhiệt độc xâm tập vào, ra máu mũi không ngừng.

Công thức :

Hoàng cầm,	Cát cánh,	Hoàng liên,
Sinh địa,	Sài hồ,	Xuyên khung
Sơn chi,	Tê giác,	Thược dược
Cam thảo		

Nếu không có Tê giác thì thay bằng Thăng ma, các vị dùng nước 2 chén, gừng 1 miếng, táo 2 quả, sắc còn 8 phần, dùng nước sắc rễ tranh, mài mực Tàu hoà vào uống, nếu không có rễ tranh thì dùng Ngó sen, nếu ra nhiều máu nói sảng, mất tinh thần, bắt chuồn chuồn, nhắm mắt, hôn mê không biết gì cũng chữa bằng cách này.

XIX

Mười chín, Thang Địa hoàng gia vị,
Chủ táo phiền thấu thủy bất an,
Thượng tiêu ứ huyết gian na,
Nuốt nước không xuống, xảy nên vậy là,

19) Gia vị Tê giác địa hoàng thang

Chữa chứng phiền táo, chỉ súc miệng nước không nuốt xuống được, vì thượng tiêu cớ ứ huyết, nên dùng :

Công thức :

Đương quy,	Tê giác,	Sinh địa hoàng,
Đơn bì,	Thược dược,	Cam thảo,
Cát cánh,	Hồng hoa,	Trần bì (sao)

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng sắc đến thuốc tới, dùng Ngó sen tươi giã vắt lấy nước 3 muỗng, chế vào hâm lại âm ấm mà uống.

XX

Hai mươi, thang hồi dương cứu cấp,
Trị hàn ta trực nhập âm kinh
Nên chân hàn chứng đã đành,
Mà xưa chẳng có nóng mình sốt đâu.
Những nhưng chẳng có nhức đầu,

Tay chân run rẩy dạ đau bồi hồi,
Chẳng khát mửa tháo đòi lui.
Kéo áo tự đắp, nằm ngồi quắp co,
Móng tay môi mép xanh mò,
Đờm sôi bọt dãi mặc dầu nó ra,
Mạch trầm vô lực đấy là,
Hoặc chỉ không mạch chứng đà chín khôn,
Hợp dùng bổ tế cấp ôn.
Cam khương, Phụ tử chớ còn hồ nghi.

20) Hồi dương cứu cấp thang

Chủ trị chứng do hàn tà trúng thẳng vào âm kinh, thoạt tiên đau đầu ; mình không nóng, chỉ sợ lạnh, chân tay lạnh toát, rét run, đau bụng thổ tả, không khát nước, tự kéo chăn đắp, nằm co, trầm trọng, dậy mà không có sức, nên dùng

Công thức:

Nhân sâm,	Can khương,	Thục phụ tử,
Chích thảo,	Nhục quế,	Bạch truật,
Phục linh,	Trần bì,	Bán hạ
Ngũ vị tử.		

Các vị trên, dùng nước 2 chén, gừng 3 miếng sắc tới, cho vào 3 ly Xạ hương quậy tan cho uống. Trúng bệnh rồi thì chuyển dùng thuốc khác bình hòa hơn để gây âm mà không nên uống nhiều thuốc này nó lại sinh bệnh khác.

Sau nên dùng Lý trung thang gia giảm mà chữa thì không hại gì.

GIA GIẢM

- Nôn mửa đờm dãi hoặc đau bụng dưới gia Ngô thù du tẩm nước muối sao.
- Nếu không thấy mạch gia 1 muỗng nước mật theo.
- Đi tả không ngừng gia Thăng ma Hoàng kỳ.
- Nôn mửa không ngừng gia nước gừng.

XXI

Hai mươi mốt, Hồi dương phản bản,
Chủ âm thịnh hư tổn cách dương.
Dược cực phát táo không đương
Mặt đỏ, hơi khát bằng đương sốt thay,
Hoặc muốn ngồi giếng nước đầy
Hoặc muốn nằm ướt, lăn ngay giữa bùn,
Mạch đến vô lực, bồn chồn,

Hoặc toàn không mạch, chỉn khôn thay là,

Nhân Trai xưa đã nói ra,

Khát không muốn uống thì ta khá dùng,

21) Hồi dương phản bản thang

Chữa chứng "âm thịnh cách dương", "Dương cực phát táo" hơi khát, mặt đỏ, muốn nằm ngồi ở bùn, nước, trong giếng, mạch vô lực hoặc mạch toàn không, sắp tuyệt thì nên dùng bài này.

Nhân Trai nói : "Khát uống nước mà không muốn nuốt vào là đúng, nếu uống nước vào là không đúng".

Công thức:

Thục Phụ tử,	Can khương,	Nhân sâm,
Cam thảo,	Mạch môn,	Trà hương
Trần bì,	Ngũ vị tử.	

Các vị trên đây, dùng nước 2 chén, sắc uống. Khi uống chế vào 5 thìa mật, uống hết, lấy ra được mồ hôi là công hiệu. Mặt đỏ bừng là phần dưới hư, gia 7 củ hành bóc trắng, Hoàng liên chút ít, dùng nước bùn lắng trong hòa vào uống.

XXII

Hai mươi hai, Sài hồ Bách hợp

Chủ bệnh mới khỏi hay trầm hôn,

Thất tình nói sảng bồn chồn,

Bách hợp, Lao phục le khôn dùng làm.

22) Sài hồ bách hợp thang

Chữa trường hợp bệnh mới khỏi, người lìm lịm phát sốt, khát nước, nố sảng lẫn lộn, mất thần... và các chứng lao phục, bách hợp.

Công thức:

Sài hồ,	Nhân sâm,	Hoàng cầm,
Bách hợp,	Cam thảo,	Tri mẫu
Sinh địa,	Trần bì,	

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng, táo 1 quả. Yếm cua đinh, tẩm dấm nướng, sắc cho uống nóng.

Gia giảm:

- Khát nước gia Thiên hoa phấn.
- Trong ngực nóng bứt rứt, gia Sơn chi nhân.
- Có chút mồ hôi dầu, gia Xuyên khung, Khương hoạt.

- Nôn mửa, gia Bán hạ tẩm gừng sao.
- Trong ngực hư phiền, gia Trúc như, Trúc diệp.
- Sau đó nôn khan nói sảng, mất thần, rên rỉ, mê muội chẳng yên, gia Hoàng liên, Tế giác.
- Ho, gia Hạnh nhân.
- Bách hợp bệnh (1), gia Ma hoàng.
- Trong lòng sợ sệt là huyết kém, gia Đương quy, Phục linh, Viễn chí.
- Tỷ suy, gia Bạch truật.
- Sôi bụng, gia Gừng lùi.
- Bệnh lao phục sốt mãi không khỏi, gia Đình lịch, Ô mai, nước cốt gừng

XXIII

Hai mươi ba, dùng thang Như thánh
Chủ cương nhu xỉ bệnh càng khôn
Lắc đầu, ngậm miệng bồn chồn
Chân tay co quắp, rẫy run chờ vờ,
Hèn vì tròng mắt trương ra,
Đỏ mặt cứng cổ thực là không xong,
Phép làm với xiết túng đồng.

23) Như thánh ẩm

Chữa chứng Cương xỉ Nhu xỉ, lắc đầu, ngậm miệng, mình uốn ván, chân tay co quắp, mặt đỏ, cổ cứng, cách chữa y như bệnh xiết túng (2)

Công thức:

Khương hoạt	Phòng phong	Xuyên khung
Bạch chỉ	Sài hồ	Thược dược
Ô mai	Đương quy	Hoàng cầm
Bán hạ		

(một phương có Trần bì, một phương có Cam thảo)

Các vị trên, dùng nước 2 chén, gừng 3 nhát, sắc tới, dùng Trúc lịch, Khương trấp hoà lẫn vào đun ấm lại cho uống.

---

(1) Bách hợp, bệnh danh xuất xứ Kim quỹ yếu lược. Trăm mạch 1 dòng đều bệnh hết ý muốn ăn lại không ăn được hay lim lim nằm lại chẳng nằm, muốn đi lại chẳng đi được, ăn uống có lúc ngon lúc không nghe được mùi đồ ăn, như lạnh mà không lạnh như nóng mà không nóng, miệng đắng, tiểu nước đỏ, các thuốc không chữa được, uống thuốc thì mửa dử, làm như có ma quỉ nó ám ảnh vậy.

(2) Xiết túng. Gân mạch co rút gọi là xiết mạch xuội lỏ gọi là túng, do phong nhiệt bác nhau trong kinh lạc mà xảy ra chữa phải khu phong, rửa ráy cái nhiệt.

GIA GIẢM

- Có mồ hôi là chứng nhu xi, gia Bạch truật, Quế chi.
- Không có mồ hôi là chứng cương xi, gia Thương truật, Ma hoàng
Cảm khẩu, nghiến răng nếu đại tiện thực gia Đại hoàng để thông.

XXIV

Hai mươi bốn, Ôn kinh Ích nguyên tán
Chủ trị nhân hãn hậu đại hư
Quay đầu chóng mặt bơ phờ
Lảo đảo muốn ngã ngồi đò chẳng yên
Hoặc là mỏi thịt đông gân
Hoặc nhân hãn hậu bôi phần quá đa
Vệ hư vong dương chẳng hoà
Mồ hôi tầm tã, thấy ra chẳng dừng
Huyết vinh, khí vệ thương
Bởi nhân hãn hậu mình cũng đau ê

24) Ôn kinh ích nguyên tán

Trị chứng vị sau khi ra mồ hôi, quá hư, chóng mặt lảo đảo muốn ngã xuống đất và mỏi thịt, giật gân, với nhân phát hãn quá nhiều, vệ hư dương vong ra mồ hôi không ngừng, hoặc sau khi dùng thuốc hạ, đi ỉa mãi không cầm, mình mẩy đau nhức.

Công thức:

Thục phụ tử	Nhân sâm	Hoàng kỳ
Đương quy	Bạch thược	Sinh địa
Nhục quế	Bạch linh	Bạch truật
Cam thảo	Trần bì	

(một phương không có Phụ tử, có Thục địa)

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng, táo 1 quả, sắc tới, thêm vào 1 dúm gạo nếp, sắc nóng ấm.

GIA GIẢM

- No đầy, gia Chỉ xác, bỏ Hoàng kỳ, Sinh địa.
- Người gầy bỏ, Thược dược, có nhiệt bỏ Phụ tử. Đương quy, gia Bạch truật sao, Thăng ma, Đất vách cũ.
- Nôn mửa gia Bán hạ, chế bằng nước gừng
- Khát, giả thiên hoa phấn.

- Sau khi ra mồ hôi sợ gió lạnh là thuốc biểu hư, bỏ Phụ tử, Nhục quế, Sinh địa, gia Quế chi, kẹo Mạch nha.

XXV

Hai mươi lăm, Tiêu dao thang phục
Nhân bởi lầm dâm dục mà nên
Vì sơ cảm mạo phong hàn
Quấy động huyết khí vậy bèn phải đau
Ăn ngon nằm ngủ chẳng âu sự gì
Tuy rằng hôm sớm đi về
Song nơi thận xá nó thì chứa yên
Một cơn gió giập thổi tràn
Động nơi lửa dục cháy lên rầm rầm
Nhiễm nên tật dữ chẳng lầm
Cấp như phong hoả, cao bằng núi non
Ấy là lao phục bệnh nhân
Này âm dương lịch (1) lại bàn cho hay
Chồng đau vợ phải chịu thay
Gọi là "dương dịch" chứng này khá lo
Vợ đau chồng phải chịu cho
Gọi là "âm dịch "mặc dù đổi thay
Trượng phu ghín đấy cho hay
Ấy gươm hồng phấn nó hay giết ngầm
Trót đã mê mệt dại lầm
Vội tìm đơn thuốc thiên câm (kim) gia truyền
Tiêu dao thang ấy thuốc tiên

25) Tiêu dao thang

Chữa chứng thương hàn mới khỏi, huyết khí chưa bình hoà, gân mạch mỏi mệt, nóng lại trở về kinh lạc, nhân khi giao cấu mà bệnh tái phát gọi là "lao phục". Giao cấu mà người khoẻ phải bệnh gọi là âm dương dịch, thường thấy bệnh nhân lưỡi thè ra vài tấc mà chết cũng nhiều. Bệnh này rất khó chữa, nên dùng bài này.

Công thức :

Nhân sâm	Tri mẫu, (vốn trước có đau bụng, gia bội lên)
Trúc thanh	Hoàng liên

(1) Âm dương dịch : Gọi là phạm phòng xem phần Nam dược thần hiệu trang 91 cùng sách

Hoạt thạch	Sinh địa	Sài hồ
Tế giác	Cam thảo (sống)	Rễ hẹ

Các vị trên, gừng 3 miếng, táo 2 quả sắc đến thuốc tới, dùng một cái đáy quần dơ của đàn bà, đốt tán nhỏ 1 đồng phân hoà vào cho uống, hễ ra mồ hôi dính là khỏi, nếu không thấy ra mồ hôi thì làm cho uống lần nữa, hế đái ra được, chỗ đầu âm khí sưng lên là khỏi.

XXVI

Hai mươi sáu, Thăng dương tán hoả
Chủ bệnh nhân xoa thủ mạo hung
Hai tay chấp ở nương long
Măn giường sờ áo mơ màng chẳng hay
Thì thầm nói quái tỉnh say
Người ta han hỏi chẳng hay sự gì
Hại thay gặp phải dung y
Quyết là phong chứng tức thì chữa phong
Lầm người bởi nghỉ chẳng thông
Ai hay chứng ấy toát không (1) đâu là
Bởi nhân nguyên khí cửu hư
Vậy nên Can nhiệt lại thừa phế câm (kim)
Khí hư khôn chước giữ cầm
Bao nhiêu thầy thuốc chẳng lầm cũng hay
Tiểu tiện có lợi lành thay
Dùng được thuốc này phúc người mạnh ta

26) Thăng dương tán hoả thang

Chữa trường hợp bệnh nhân chấp tay ôm vào ngực, lần áo sờ giường, nói sảng, mê mệt không biết gì, các thầy thuốc kém không hiểu, thấy vậy đã cho là phong rồi dùng thuốc chữa phong, làm chết người rất nhiều. Họ không biết mồ hôi nóng lại tràn lẫn phế kim, nguyên khí hư không tự chủ được, gọi là "toát không", tiểu tiện không lợi thì chữa được, không thông lợi thì không chữa được.

Công thức:

Nhân sâm	Đương quy	Hoàng cầm
Sài hồ	Mạch môn	Thược dược
Bạch truật	Bạch linh	Trần bì
Cam thảo.		

(1) Toát không : Bắt chuồn chuồn,

Các vị trên, dùng nước hai chén, gừng 3 miếng, Táo 2 quả. Thả đồ trang sức bằng kim loại vào sắc tới cho uống nóng. Có đờm gia Bán hạ, tẩm gừng sao, Đại tiện rắn, nói sảng, khát nước gia Đại hoàng, ỉa chảy gia Thăng ma, Bạch truật sao.

XXVII

Hai mươi bảy, tên rằng Tái tạo
Bất tác hãn chứng bảo vô dương
Sợ bệnh nhức đầu đau lưng
Nóng mình sốt rét chẳng từng mồ hôi
Tựa thái dương chứng bấy ôi
Thầy phàm chẳng biết lẽ vòi khôn phân
Thuốc cùng trọng dược đòi phần
Hoả cương phát hãn bội phần khá thương
Nào hay rằng vốn vô dương
Chứng lầm thuốc lỡ nhiều đường chẳng thông

27) Tái tạo ẩm

Chữa chứng nhức đầu phát sốt, cứng gáy, cứng sống lưng, sợ lạnh không mồ hôi, dùng thuốc phát hãn đã hai ba tháng mà không ra mồ hôi, thầy kém không biết chứng này, không xét xem quan hệ thời tiết cứ dùng Ma hoàng thuốc mạnh và lửa mà cưỡng cho ra mồ hôi, lầm giết người rất nhiều, nào có biết vì dương khí không có nên mới có chứng ấy gọi là chứng vô dương.

Công thức:

Hoàng kỳ,	Quế chi,	Nhân sâm
Cam thảo,	Phụ tử,	Khương hoạt
Phòng phong,	Xuyên khung,	Gừng lùi.

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng, Táo 2 quả, thêm 1 dúm Bạch truật cao, sắc sôi ba dạo cho uống ấm. Mùa hè gia Hoàng cầm, Thạch cao, mùa đông thì chớ gia.

XXVIII

Hai mươi tám, Hoàng long thang dược,
Chữa kết nhiệt lợi những nước trong.
Rắn đau phiền khát trong lòng.
Uống vào thì lại dòng dòng chảy ra.
Thầy phàm không biết thế là
Ngỡ rằng "lậu để", thuốc hòa cầm ngăn
Ví bằng cứu hoả phóng tàn,

Rơm chữa nhà cháy bội phần khá thương.
Lầm người thác nghỉ khôn lường.
Nào hay là chứng nội thương nhiệt tà,
Vị trung táo thực chẳng ngoa,
Danh kết nhiệt lợi chứng là phải hay.
Chẳng phải nội hàn lợi này,
Bởi nhân nhiệt khát chữa xưng,
Uống cho hoả mãn mà sinh như vầy,
Có sốt khá dùng phương này.
Vô nhiệt lục nhất chứng hay chọn dùng,
Nhân thông lại khá dùng thông.

28) Hoàng long thang

Chữa trường hợp dưới tâm đau rắn, đi ngoài ra toàn nước trong khát nước, mình nóng, thày kém không biết chứng này, chỉ thấy ỉa lỏng bèn cho là chứng thương hàn ỉa ngày sống trường dùng thuốc nóng để cầm lại giống như ôm củi đi chữa cháy, lầm làm chết người rất nhiều, không biết rằng vì tà truyền vào lý trong vị táo kết, thuộc loại thực kết trường hợp ỉa lỏng này không phải vì lạnh bên trong mà là do tự uống nước thoả mãn mà sinh ra, cần phải hạ ngay, gọi là chứng kết nhiệt mình nóng thì dùng thang này, không nóng thì dùng Lục nhất thuận khí thang ở trên.

Công thức:

Đại hoàng,	Mang tiêu,	Chỉ thực,
Hậu phác,	Nhân sâm,	Đương quy
Cam thảo,	Cát cánh,	

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng, Táo 2 quả, sắc uống.

XXIX

Hai mươi chín, Điều vinh dưỡng vệ,
Chủ lao lực hàn khí cảm thương
Nhức đầu sốt rét khôn đương,
Khát nước nhưng thường hãn xuất trấp nhiên
Hoả minh phiền muộn đau liên,
Mạch hư vô lực hiện lên không phù,
Thày bèn chẳng biết chứng cho,
Thấy có sốt rét bèn hô thương hàn,
Mạch chứng chẳng biết khôn toan,

Hoả pháp đại hãn (1) chứng nên bất tường,
Nao hay huyết khí nội thương,
Phong hàn ngoại cảm lẽ thường khôn phân,
Bởi nhân lao lực bệnh nhân,
Dầu mưa dãi gió nhọc nhằn gây nên,
Thuốc dùng nên chút tân ôn,
"Ôn năng trừ nhiệt" chữ còn trong kinh.
Thấy có hạ chứng đã rành
Đại Sài hồ được chính danh khá dùng.

29) Điều vinh dưỡng vệ thang

Chữa chứng đau đầu, mình nóng sợ lạnh, khát nước, ra mồ hôi dâm dấp, đau mình, đau ê ẩm ở chân, đùi không có sức, mạch trầm phù, trống rỗng vô lực, thầy thuốc kém không biết chỉ thấy, đau đầu sợ lạnh phát sốt, đã vội cho là thương hàn mà dùng phép hãn, cho nên bệnh nhẹ hóa ra nặng làm hại rất nhiều họ không biết khí hỏa lực quá sức, bên trong khí huyết bị tổn thương, bên ngoài cảm thụ hàn tà, nên gia chút thuốc ngọt cay ấm thì khỏi, gọi là chứng "lao lực cảm hàn", cho nên sách Nội kinh nói : "Nhọc thì nên ôn, ôn hay trừ nóng dữ" chính là nghĩa đó.

Nếu có chứng hạ thì dùng Đại Sài hồ thang (2)

Công thức:

Nhân sâm,	Hoàng kỳ,	Bạch truật,
Trần bì ,	Sài hồ,	Cam hảo
Xuyên quy,	Phòng phong,	Khương hoạt,
Tế tân	Xuyên khung,	Sinh địa

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng. Táo 2 quả. Cho vào 2 củ hành, sắc uống ấm.

Gia giảm:

- Nguyên khí kém, gia chút ít Thăng ma.
- Khát nước, gia Thiên hoa phấn, Tri mẫu.
- Ho suyễn, gia Hạnh nhân, Ma hoàng.
- Mồ hôi ra không ngừng, gia Thược dược, bỏ Thăng ma, Tế tân.
- Trong ngực phiền nóng, gia Sơn chi tử, Trúc nhự.
- Nôn khan, gia Bán hạ tẩm nước gừng sao.

---

(1) Hoả pháp đại hãn. Dùng lửa cưỡng cho ra mồ hôi.

(2) Đại sài hồ thang. (Trọng Cảnh) giải biểu, công lý, chữa chứng Thiếu dương đương minh thương hàn phát sốt, đổ mồ hôi không khỏi, dương là nhập lý, dưới tâm rắn đầy, nôn mà đi lỏng, hoặc nóng rét qua lại, phiền khát nói sảng, bụng đầy đại tiện bí, biểu chứng giải mà lý chứng lại gấp, mạch hồng hoặc trầm thực, huyền, sắc.

- Ngực đầy tức, gia Cát cánh, Chỉ xác, bỏ Địa hoàng, Cam thảo, Hoàng kỳ, Bạch truật chỉ dùng ít.

- Đờm nhiều gia Qua lâu, Bối mẫu bỏ Tế tân.

- Đau bụng gia Thược dược, Can khương, bỏ Hoàng kỳ, Bạch truật để điều hoà.

- Có khi vì uất nội thược, đau có nơi chốn, hoặc đi ngoài ra phân đen, gia Đào nhân, Hồng hoa, bỏ Thược dược, Tế tân, Phòng phong, Khương hoạt, Bạch truật, nặng hơn gia Đại hoàng, đi ngoài ra huyết ứ thì khỏi sau dùng phương này bỏ Đại hoàng điều phục.

XXX

Ba mươi, thang Đạo xích các bán
Chủ việt kinh tâm loạn thần hôn,
Thày hay chữa được chứng khôn,
Ngỏ thông cảm thụ căn nguyên suy cầu,
Thương hàn mới phải chưng sau.
Lòng bụng chẳng rắn, chẳng đau, chẳng đầy,
Chẳng có sốt rét đâu nay,
Đại tiểu tiện rày bình thường người ta
Xẩy nên biến chứng đấy là,
Thần bôn bất ngữ, lẽ đà khôn xong,
Ngủ nằm những nói mơ màng,
Một hai lời nói chẳng phân biệt điều,
Hoặc là nhãn xích thần tiêu
Thiệt can bất cẩm chứng nghèo khôn hay,
Cho thì ăn uống chút chi,
Chẳng cho thì chớ, nào hay lo tìm,
Bằng người say ngủ lim dim,
Thày phàm chẳng biết luống thêm lẫn lầm,
Nhiệt tà truyền lý thiếu âm,
Tâm hoả viêm thượng, phế câm (kim) thụ tà,
Danh "việt kinh" thực không ngoa,
Trước ngỏ bệnh chứng sau ta sẽ dùng.

30) Đạo xích các bán thang

Chữa người sai khi bệnh thương hàn, dưới tâm không rắn, trong bụng không đầy, đại tiện như thường, mình không nóng rét, dần biến ra tinh thần hôn mê, không nói, hoặc khi ngủ một mình nói lảm nhảm vài ba câu, mặt đỏ, môi lưỡi khô, không uống nước, cho uống chút ít nước thì nuốt, không cho thì thôi, hình như ngời say. Thầy thuốc kém không biết mà lầm làm chết nhiều

người. Không biết rằng nhiệt truyền vào thủ thiếu âm tâm, trên tâm thông với phế cho nên tinh thần hôn mê, gọi là chứng "việt kinh".

Công thức:

Hoàng liên,	Cam thảo,	Hoạt thạch,
Sơn chi,	Tri mẫu,	Tê giác,
Phục thần,	Nhân sâm,	Hoàng cầm,
Mạch môn.		

Các vị dùng nước hai chén, gừng 3 miếng, táo 1 quả, đăng tâm 1 nắm sắc uống ấm.

Nhận xét : Trên phần bài ca không có hoàng cầm?

XXXI

Ba mươi mốt, ích nguyên thang sử,
Chủ nguyên khí hư hoả thượng thăng
Chứng nên điện xích đới dương,
Thày quê chẳng biết lẽ thường không xong
Học cho biết lẽ biến thông,
Toàn vô thân nhiệt đầu đông bất phiền
Ráo khô bực tức chẳng yên
Ẩm thủy bất đắc hại nhân nhường này.
Thày hèn chẳng biết không hay
Rằng là nhiệt chứng dùng rầy hàn lương
Làm người chết oan khá thương,
Nào hay là chứng đới dương hư phiền.

31) Ích nguyên thang

Chữa người bệnh hoàn toàn không có chứng minh nóng, đầu nhức, không phiền mà táo, bức tức mà không uống nước vào được, đó là chứng nhiệt mà lầm dùng thuốc hàn lương làm chết rất nhiều, không biết rằng do nguyên khí hư yếu, hư hỏa bốc lên đó gọi là chứng "Đới dương"

Công thức:

Thục phụ tử	Cam thảo	Can khương
Nhân sâm,	Mạch môn,	Ngũ vị tử,
Hoàng liên,	Tri mẫu,	Thông căn (củ hành)
Ngải diệp.		

Các vị trên, dùng nước hai chén, gừng 3 miếng, táo 1 quả ; sắc xong. Chế vào 3 muỗng nước tiểu trẻ em uống nguội 1 lần là hết.

XXXII

Ba mươi hai, Quế Linh thanh huyết,
Chủ như cuồng, nhiệt kết bàng quang,
Tinh thái bất dữ tương dương
Táo khát, không sốt, phát cuồng chẳng an,
Thày phàm không biết bệnh nguyên,
Liền cho thuốc hạ xẩy nên lầm người,
Thấm nhiệt tự tiểu tiện lại,

32) Quế linh ẩm

Chữa người mới mắc bệnh, mình không nóng, nói nhảm, bức rức không yên, có vẻ không thích gặp ai, thầy thuốc kém cho là phát cuồng, dùng lầm thuốc hạ, làm chết người, không biết rằng đó là vì "nhiệt kết bàng quang" gọi là chứng "như cuồng"

Công thức:

Trư linh,	Trạch tả,	Quế chi
Cam thảo	Bạch truật,	tri mẫu,
Hoàng bá,	Sơn chi tử,	Lá tía tô.

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 nhát sắc còn 1 chén, lại gia Hoạt thạch 1 đồng cân, sắc sôi 3 dạo cho uống ấm ra được ít mồ hôi thì khỏi.

XXXIII

Ba mươi ba, Đương quy hoạt huyết,
Trị như tuý, không biết không thông,
Chẳng có ố hàn đầu đông,
Thấy những thân nhiệt trong lòng khát khao,
Tiểu tiện lợi đã ào ào,
Đại tiện hắc phân đen sao sì sì,
Miệng nói không nhớ lời chi
Gọi rằng nhiệt chứng dung y dùng lầm,
Lấy những lương dược mà làm,
Chứng lầm thuốc lỡ chẳng cam thửa lòng,
Ghé huyết, chứng ấy không thông,
Tà truyền tâm vị trong lòng hôn mê.

33) Đương quy hoạt huyết thang

Chữa trường hợp bệnh nhân không đau dầu, không sợ lạnh, chỉ nóng, khát nước, tiểu tiện lợi, đại tiện phân đen, miệng ngọng không nói được hầy kém thường không hiểu, cho là tà chứng

nhiệt dùng thuốc hàn lương, lầm làm chết nhiều người. Không biết đó là truyền hai kinh tâm vị, khiến cho người ta hôn mê trầm trọng, cho nên gọi là chứng "Hiệp huyết như tuý"

Công thức:

Đương quy	Xích thược	Hồng hoa
Quế tâm,	Can khương,	Chỉ xác,
Nhân sâm,	Sinh địa,	Đào nhân (giã nát như bùn)
Sài hồ		

Các vị trên dùng nước 2 chén, gừng 3 miếng, sắc xong chế vào 3 muỗng rượu, hoà lẫn vào mà uống.

Uống 3 thang thì về sau bỏ Đào nhân, Hồng hoa, Can khương, Quế tâm, Gia Bạch truật, phục linh.

XXXIV

Ba mươi tư, Đạo đờm gia vị,
Chỉ "Hiệp huyết như tuý" chín khôn
Đầu đông trầm trọng mê hôn,
Thượng khí tức thở, bôn chôn nhiều bề,
Tắng hàn tán nhiệt khôn đang
Miệng nhiều bịt dãi nhưng thường nhổ ra.
Thày hèn không biết đấy là,
Rằng thương hàn chứng thuốc mà trị chi.
Chẳng hay tâm động thần bi,
Thất tình, lục dục (1) nó thì quấy ta,
Thần bất trụ xá (2) khỏi nhà,
Đờm mê tâm khiếu, tuý tà (3) hiện nên,

---

(1) Thất tình lục dục
a) Thất tình. chỉ 7 thứ biểu hiện thuộc loại tình chí biến hóa về tinh thần như "mừng" "giận" "buồn" "lo" "thương" "sợ" "kinh" nó phản ánh sự bên ngoài là nhân tố gây bệnh, đấy là nói về mặt tinh thần quá căng thẳng thì có ảnh hưởng đến công năng của khí huyết tạng phủ,
b) Lục dục. Chỉ 6 sự ham muốn, như tai muốn nghe những tiếng âm nhạc du dương, mắt muốn trông những sắc đẹp kiều diễm, mũi muốn ngửi những mùi thơm tuyệt trần, miệng muốn ăn những của ngon thượng phẩm, thân thể muốn mặc những lụa là gấm vóc, vì 6 ước muốn ấy mà nó làm cho con người chết lên chết xuống

(2) Thần bất trú xá: Thần không ở vị trí của nó, vị trí của nó là tâm, tâm tàng thần.

(3) Đờm mê tâm khiếu, Tuý là triệu chứng thường thấy khi say rượu, khi trúng phong, động kinh, vì đờm khi làm mờ che tâm bào, chứng trạng mơ hồ, rong họng sục đờm, ngực khó chịu, hôn mê bất tỉnh, rêu lưỡi trắng nhày, mạch hoạt.

Ấy là chứng đờm, loại thương hàn,
Đạo đờm gia vị Nhị trần đặt tên.

34) Gia vị đạo đờm thang

Chữa bệnh nhân sợ rét nóng dữ, nhức đầu, mê man, khí nghịch lên suyễn thở, miệng chảy đờm dãi, thầy thuốc kém không hiểu, cho là chứng thương hàn làm chết nhiều người, không biết rằng vì nội thương thất tình, đờm làm nghẹt tâm khiếu, thần không ở vị trí của nó, thoát ra ngoài, vị trí trống rỗng thì đờm sinh ra, gọi là chứng. "Hiệp đờm như tuý", cũng chữa như bài này.

Công thức:

Phục linh,	Nam linh,	Bán hạ
Hoàng cầm,	Chỉ thực,	Bạch truật.
Trần bì,	Cam thảo,	Cát cánh,
Hoàng liên,	Qua lâu nhân,	Nhân sâm

Các vị trên, dùng nước 2 chén, Gừng 3 miếng, táo 2 quả, sắc xong chế trúc lịch, Khương trấp vào, hâm ấm cho uống. Người còn khoẻ thì trước dùng thuốc gây nôn rồi sau cho dùng thang này.

XXXV

Ba mươi năm, Điều trung gia giảm.
Chủ thực tích loại cảm hàn thương,
Nhức đầu, sốt rét nhiều đường.
Khí khẩu khẩn thịnh mạch cường khá suy,
Hình chẳng có đau đớn gì,
Ấy chức thực tích, bảo thì cho hay,
Trong kinh có lời rằng nay:
"Ẩm thực tự bội, thương nay vị tỳ"
Nhẹ nhẹ dùng tiêu hóa đi,
Nặng hơn, thổ, hạ, tức thì lại yên.

35) Gia vị điều trung ẩm

Chữa trường hợp thực tích giống như thường hàn, nhức đầu phát sốt, sợ lạnh, mạch khí khẩu khẩn thịnh, nhưng mình không, đau là khác với thương hàn. Nội kinh nói : "Ăn uống gấp bội hại đến trường vị" nhẹ thì dùng thuốc tiêu hoá, nặng thì dùng thuốc thổ hạ, đó là phép chữa rất hay.

Công thức:

Thương truật,	Bạch truật,	Hậu phác,
Trần bì,	Cam thảo,	Sơn tra,

Thần khúc,	Chỉ thực,	Thảo quả,
Hoàng liên,	Can khương,	

Các vị dùng nước 2 chén, gừng 3 miếng sắc tới, mài nước Mộc hương hòa vào uống rất hay!

GIA GIẢM

- Đau bụng gia Đào nhân.

- Đau dữ, đại tiện rắn gia Đại hoàng để hạ, bỏ Sơn tra, Thần khúc, Thảo quả, Can khương.

- Trong lòng nao nao muốn mửa dùng nước sôi 1 chén hoà với 1 dúm muối, 5 phân bột Bồ kết cho uống thì mửa được ngay.

XXXVI

Ba mươi sáu, Gia giảm Tục mệnh,
Chủ cước khí tà thịnh đông toan (1)
Lời rằng chứng "loại thương hàn"
Nóng mình sốt rét, những van nhức đầu,
Khắp người chi tiết thường đau,
Khuất nhược chuyển động co vào chẳng hay,
Tiện bí ẩu nghịch thương hay,
Chân gối đau mỏi chứng rày khác nhau
Cấm hết thuốc bổ không cầu,
Hoặc làm hoặc lở trước sau chớ dùng.

36) Gia giảm tục mệnh thang

Chữa chứng "Cước khí loại thương hàn", đầu đau, mình nóng, sợ lạnh, khớp xương chân tay đau nhức, tiện bí, nôn xốc, chân mềm yếu không chuyển động được, chứng này khác với chứng thương hàn là "chân và đầu gối đau nhức". Cấm không được dùng thuốc bổ và ngâm rửa.

Công thức:

Phòng phong,	Thược dược,	Bạch truật,
Xuyên khung,	Phòng kỷ,	Quế chi,
Cam thảo,	Ma hoàng,	Thương truật,
Khương hoạt,	Phụ tử.	

Các vị trên, dùng nước 2 chén, gừng 3 miếng, Táo 3 quả. Đăng tâm 20 ngọn sắc tới. Chế nước gừng hoà vào mà uống. VÂN SÁNG

(1) Đông toan. Như toan thông, chỉ đau buốt, đau xốn, đau cắn.

GIA GIẢM

- Trúng thử vào ba kinh dương, ắt phát sốt, mạch sắc, bỏ Phụ tử, Quế chi, Ma hoàng, gia Hoàng bá, Hoàng cầm, Sài hồ.

- Trúng hàn vào 3 kinh âm ắt phát bệnh lạnh, mạch trì, gia Phụ tử,

- Phát bệnh do thấp ôn, Mạch lại yếu, gia Ngưu tất, Mộc qua.

- Phát bệnh do phong thì mạch phù, gia Khương hoạt.

- Nguyên khí hư, gia Nhân sâm chút ít.

- Đại tiện bí, gia Đại hoàng, Chỉ thực.

Nhận xét : Phương này ở Thọ thế không có Phụ tử.

XXXVII

Ba mươi bảy, Hoàng liên tiêu độc,
Chủ âm dương khiên phục vãng lai
Thiên thời hành bệnh vi tai
Đầu cổ thũng thông, nằm ngồi càng đau,
Nóng mình sốt rét nhức đầu,
Mạch lai hồng sác dầu dầu sốt thay.
Sá phân trước vốn cho hay,

37) Hoàng liên giải độc thang

Chữa bệnh "Đại đầu ôn" truyền nhiễm, nhức đầu, ra mồ hôi, sợ lạnh, đầu cổ sưng đau, mạch hồng, chữa theo chứng đờm hoả. Chứng đau họng cũng vậy, dùng phương này.

Công thức:

Sài hồ,	Cam thảo,	Cát cánh,
Xuyên khung,	Hoàng cầm,	Kinh giới,
Hoàng liên,	Phòng phong,	Khương hoạt,
Chỉ xác,	Bạch chỉ,	Liên kiều,
Xạ can, (các vị bằng nhau)		

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng, sắc còn 1 chén, cho Ngưu bàng tử vào 1 dúm sắc lại, sôi 1 dạo rồi.

Chế trúc lịch, Khương trắp vào hòa đều uống. Trước gia Đại hoàng cho đi lỏng một hai lần, sau theo phương này mà bỏ Đại hoàng, gia Nhân sâm, Đương quy để điều lý.

MỤC LỤC

NAM DƯỢC THẦN HIỆU

Tượng Tuệ Tĩnh và miếu Nghè 2
Lời nói đầu 7
Tiểu sử của Tuệ Tĩnh 9
Chùa Giám và đền Thánh Thuốc Nam
Nguyên bản Nam dược thần hiệu
Tựa của Hoàng thượng Bản lai 11
Phàm lệ của Vương Thiên Tri 13
Quyển đầu
Bảng I hình cây thuốc
Các vị thuốc nam
1. Loại cỏ hoang (62 vị) 17
2. Loại dây leo (17 vị) 20
3. Loại cỏ mọc ở nước (6 vị) 21
4. Loại ngũ cốc (19 vị) 22
5. Loại rau (46 vị) 23
6. Loại quả (48 vị) 25
7. Loại cây (43 vị) 28
8. Loại côn trùng (32 vị) 30
9. Loại có vẩy (8 vị) 32
10. Loại cá (35 vị) 33
11. Loại có mai (8 vị) 35
12. Loại có vỏ (13 vị) 35
13. Loại chim (39 vị) 36
14. Loại chim nước (12 vị) 38
15. Loại gia súc (26 vị) 38
16. Loại thú rừng (36 vị) 40
17. Các thứ nước (9 vị) 41
18. Các thứ đất (14 vị) 42
19. Loại ngũ kim (11 vị) 43
20. Loài đá (7 vị) 43
21. Loại muối khoáng (4 vị) 44

22. Thuộc về người (6 vị) 44
23. Những vị thuốc lượm lặt thêm 44
Bảng II hình cây thuốc
Quyển I
Các bệnh trùng
1. Trùng phong 50
2. Thương hàn 53
3. Trúng hàn 59
4. Trúng thử 59
5. Trúng thấp 61
6. Chứng táo 62
7. Chứng hỏa 63
8. Bệnh kinh-xỉ (co cứng) 64
9. Cảm mạo 64
10. Ôn dịch 66
11. Lam chướng 67
12. Sốt rét 69
13. Uốn ván 72
14. Trúng độc 73
15. Phạm phòng 78
Bảng III hình cây thuốc
Quyển II
Các bệnh về khí
1. Đàm ẩm 83
2. Ho 85
3. Suyễn 88
4. Phế nuy (lao phổi) 90
5. Phế ung (sưng phổi mủ) 91
6. Nôn mửa 92
7. Phiên vị (nôn ói) 93
8. Nấc 95
9. Ợ hơi 95
10. Nuốt chua 96
11. Sót ruột 97
12. Các bệnh khí 97
13. Đầy ách 99
14. Cổ trướng 101
15. Thủy thũng 103

16. Chứng uất 107
17. Tích tụ 107
18. Quan cách 110
Quyển III
Các bệnh xuất huyết
1. Thổ huyết 113
2. Nục huyết 114
3. Lạc huyết 117
4. Thỏa huyết 118
5. Tiện huyết 118
6. Niệu huyết 121
Quyển IV
Các bệnh có đau
1. Đau đầu 125
2. Đau mặt 127
3. Đau vùng thượng vị 128
4. Đau bụng 131
5. Hoắc loạn (thổ tả) 132
6. Đau lưng 137
7. Đau cánh tay 139
8. Đau vai, đau lưng 139
9. Đau sườn 140
10. Tê thấp 140
11. Cước phí 142
12. Đồi sán (giái sưng đau) 145
Quyển V
Các bệnh không đau
1. Đổ mồ hôi 149
2. Chóng mặt 150
3. Tê dại 151
4. Bại liệt 152
5. Điên cuồng 153
6. Động kinh 154
7. Chóng quên 155
8. Kinh sợ hồi hộp 155
9. Dạo dực hư phiền 156
10. Mất ngủ 157
11. Quyết chứng 157

12. Cố lãnh 158
13. Phát nhiệt 160
14. Tiêu khát 160
15. Năm chứng đản (vàng da) 161
Bảng IV hình cây thuốc
Quyển VI
Các bệnh chín khiếu
1. Bệnh mắt 166
2. Bệnh tai 171
3. Bệnh mũi 173
4. Bệnh miệng, lưỡi 175
5. Bệnh môi 177
6. Bệnh răng 178
7. Đau họng 180
8. Hóc xương 184
9. Nổi hạch 185
10. Kiết lị 186
11. Ỉa chảy 190
12. Đái đục 192
13. Di tinh 194
14. Lâm chứng (đái rắt) 194
15. Són đái 197
16. Bí tiểu tiện 199
17. Bí đại tiện 200
18. Bí đại tiểu tiện 202
19. Trĩ dò 203
20. Lòi dom 209
Bảng V hình cây thuốc
Quyển VII
Các bệnh nội nhân
1. Nội thương 212
2. Hư lao 213
3. Giun sán 216
4. Bổ ích 217
5. Thương thực 220
6. Bệnh tính chi 222
7. Bệnh người già 224
Bảng VI hình cây thuốc

Quyển VIII

Các bệnh phụ khoa

1. Điều kinh 228
2. Kinh bế 230
3. Băng huyết, rong huyết 231
4. Khí hư bạch đới 234
5. Hư lao 236
6. Dưỡng thai 236
7. Động thai 238
8. Thai nghén 245
9. Sản hậu (sau khi đẻ) 249
10. Tiểu sản (sảy thai) 256
11. Đau vú 257
12. Thông sữa 259
13. Bệnh kín 260
14. Tạp bệnh 262
15. Trang sức 263
Bảng VII hình cây thuốc

Quyển IX

Các bệnh nhi khoa

1. Sơ sinh 269
2. Các xét bệnh 269
3. Cấp kinh 272
4. Mạn kinh 274
5. Mạn tỳ 274
6. Cam tích 275
7. Nóng sốt 278
8. Cảm mạo 279
9. Thương thực 279
10. Thổ tả 280
11. Kiết lị 281
12. Sốt rét 282
13. Suyễn 283
14. Ho 283
15. Trướng bụng 284
16. Chạm vía 285
17. Thai nhiệt 285
18. Thai hoàng 286

19. Tắc ruột 286
20. Thai kinh 286
21. Không bú 287
22. Phong chúm miệng 287
23. Uốn ván rốn 288
24. Không đái 289
25. Khóc đêm 289
26. Trúng khí độc 290
27. Lở miệng 290
28. Bệnh về lưỡi 291
29. Cam răng (tẩu mã) 292
30. Đơn độc 292
31. Đau họng 294
32. Đau mắt 295
33. Nhọt lở ghẻ ngứa 295
34. Sán khí 298
Phụ: Hạ cam
37. Lòi dom (trôn trê) 299
38. Bí đại tiểu tiện 300
39. Phù thũng 301
40. Lở rốn 301
41. Hở thóp 302
42. Lõm thóp 302
43. Thóp lồi 302
44. Các chứng chậm 302
45. Dô ngực 303
46. Gù lưng 303
47. Lở mép 303
48. Đậu 304
49. Sởi 310
Bảng VIII hình cây thuốc
Quyển X
Các bệnh ngoại khoa
1. Đơn xưng 314
2. Ung thư 315
3. Đinh độc 321
4. Phụ cốt thư 322
5. Ung ruột 323

6. Ban chẩn 323
7. Nang ung (chàm bìu) 326
8. Huyền ung 326
9. Tràng nhạc 327
10.Bướu cổ 329
11. Mụn ổ gà 330
12. Các thứ lở 331
13. Lở ống chân 337
14. Lở dương mai 338
15. Hột xoài 339
16. Hạ cam 340
17. Xích bạch điến 341
18. Phong hủi 343
19. Gãy xương 344
20. Bị thương đánh đập 345
21. Bị phỏng (bỏng) 347
22. Bị thương tên đạn 348
23. Bị thương mũi nhọn 349
24. Thú dữ cắn 351
25. Rắn rết, sâu độc cắn 352
26. Năm chứng tuyệt 356
27. Chữa bệnh gia súc 360
Bảng nguồn thuốc động vật
Phụ lục:
A- Chú dẫn hình vẽ của một số vị thuốc phát hiện và vị thuốc khoáng chất 363
B- Đối chiếu Nam dược thần hiệu với Bản thảo cương mục 366
C- Tài liệu lịch sử 367
- Chùa Hồng Phúc ở Hà Nội và đền Yên Lư ở Thủy Nguyên Hải Phòng 368
- Thần tích đền Yên Lư
- Đăng Khoa lục chép về Tuệ Tĩnh thi đậu Hoàng giáp.

NAM DƯỢC CHÍNH BẢN

Hồng Nghĩa giác tư y thư 371
Quyển thượng
Tựa 373

NAM DƯỢC QUỐC NGỮ PHÚ

Bàn về y lý 403
Tăng Bổ Vạn kim nhất thống thuật tập 404
1 - Âm dương khí hoá 405
2 - Cách biện luận tạng phủ 406
3 - Các biện luận về phần trong ngoài cơ thể 407
4. Tóm tắt về mạch 408

Cách đoán mạch chết 410
Bí quyết xem bệnh sản phụ tốt hay xấu 412
Các chứng chết, mạch chết 413
Bí quyết quan sát thanh sắc của Biểu thước với Hoa Đà 413
Chẩn đoán chứng hậu khí tuyệt của ngũ tạng lục phủ 415
19 điều cơ chế bệnh theo Nội kinh 416
Cách phân biệt bệnh thuộc âm dương 421
Tạng phủ và kinh lạc 424
12 Kinh mạch với thuốc quy kinh 426
1 - Ca về Kinh mạch Thủ thái âm phế 426
2 - Ca về kinh thủ dương minh đại trường 427
3 - Ca về Túc dương minh vy 428
4 - Ca về Kinh túc Thái âm tỳ 430
5 - Ca về Kinh Thủ Thiếu âm tâm 431
6 - Ca về Kinh Thủ Thái dương tiểu trường 431
7 - Ca về Kinh Túc Thái dương Bàng quang 432
8 - Ca về kinh Túc Thiếu âm thận 434
9 - Kinh mạch thủ quyết âm tâm bào lạc 435
10 - Ca về Kinh mạch Thủ Thiếu dương Tam tiêu 436
11- Ca về Kinh mạch Túc Thiếu dương Đởm 437
12- Ca về Kinh mạch Túc Quyết âm Can 438

DƯỢC VẬT TÓM TẮT

Phương tễ tóm tắt 441
Các vị thuốc chủ trị đối với các bệnh 442

THẬP TAM PHƯƠNG GIA CẢM

Lời tựa 448
Phương thuốc chủ trị các bệnh 449
1) Bất hoán kim gia giảm 450
2) Nhị trần thang gia giảm 451
3) Sâm tô gia giảm 451
4) Tứ vật thang gia giảm 452
5) Ngũ linh tán gia giảm 453
6) Huyền vũ thang gia giảm 454
7) Hương tô ẩm gia giảm 455
8) Tiểu Sài hồ thang gia giảm 455
9) Bình vị tán gia giảm 457

10) Thập thần thang gia giảm 458
11) Ô dược thuận khí gia giảm 459
12) Ngũ tích tán gia giảm 459
13) Tứ quân thang gia giảm 460
Phụ : Bổ âm đơn. 461

BA MƯƠI BẢY.PHƯƠNG CHỮA THƯƠNG HÀN

1) Thăng dương phát biểu thang 446
2) Sơ tà thực biểu thang 467
3) Khương hoạt xung hoà thang 468
4) Lục thần thông giải thang 469
5) Sài cát giải cơ thang 470
6) Sài hồ Song giải thang 471
7) Quế chi Đại hoàng thang 472
8) Gia vị Lý trung ẩm 472
9) Nhân trần tướng quân thang 473
10) Đạo xích ẩm 474
11) Lục nhất thuận khí thang 474
12) Như thần bạch hổ thang 475
13) Tam hoàng thạch cao thang 477
14) Tam hoàng cự thắng thang 477
15) Xung hoà Linh bảo ẩm 478
16) Đào nhân thừa khí thang 479
17) Tiêu ban thanh đại ẩm 480
18) Sinh địa cầm liên thang 481
19) Gia vị địa hoàng thang 481
20) Hồi dương cấp cứu thang 482
21) Hồi dương phản bản thang 483
22) Sài hồ Bách hợp thang 484
23) Nha thánh ẩm 484
24) Ôn kinh Ích nguyên tán 485
25) Tiêu dao thang 486
26) Thăng dương tán hoả thang 487
27) Tái tạo ẩm 488
28) Hoàng long thang 489
29) Điều trung dưỡng vệ thang 490
30) Đạo xích các bán thang 491
31) Ích nguyên thang 492

32) Quế linh ẩm 493
33) Dương quy hoạt huyết thang 493
34) Gia vị đạo đàm thang 495
35) Gia vị điều trung thang 495
36) Gia giảm tục mệnh thang 497
37) Hoàng liên giải độc thang
38) Bảng hướng dẫn tra cứu vị thuốc theo A, B, C...
39) Mục lục Nam dược thần hiệu I, II
40) Mục lục Nam dược thần hiệu III, IV, V, VI, VII,
41) Mục lục Nam thần hiệu VIII, IX, X
42) Mục lục Hồng Nghĩa giác tư y thư
Nam dược quốc ngữ phú
43) Thập tam phương
Ba bảy phương.

TUỆ TĨNH TOÀN TẬP

NAM DƯỢC THẦN HIỆU

HỒNG NGHĨA GIÁC TƯ Y THƯ

(Tái bản toàn tập có sửa chữa và bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

Chịu trách nhiệm xuất bản
HOÀNG TRỌNG QUANG
Chịu trách nhiệm biên tập
NGUYỄN THẾ VŨ
Sửa bản in: VŨ THẾ- TRẦN ĐỨC- TRUNG HÒA
Trình bày bìa: HẢI YẾN

In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27 cm Tại TTCN in khảo sát và Xây Dựng
Giấy phép xuất bản: 22-2007/CXB/88-151/YH
In xong và nộp lưu chiểu năm 2007

TUỆ TĨNH
TOÀN TẬP

Phát hành tại:
53b ĐINH TIÊN HOÀNG
HÀ NỘI
ĐT: 04. 8246714

Giá: 120.000Đ